

PHAN - KHOANG

VIỆT - NAM

PHÁP THUỘC SỦ'

(1884 - 1945)



NHÀ SÁCH KHAI - TRÍ

62, Đại Lộ Lé Lợi — Saigon

**VIỆT - NAM  
PHÁP THUỘC SỦ**

PHAN - KHOANG

**VIỆT - NAM  
PHÁP THUỘC SỨ**

1961

NHÀ SÁCH KHAI - TRÍ  
62, Đại - Lộ Lê - Lợi  
**SAIGON**

# Lời nói đầu

---

*Lịch-sử cuộc măt chű-quyền của một nước là lịch-sử tối căn-thiết cho nhân-dân nước ấy.*

*Vì có thấy rõ việc trước mới để phòng và lo liệu cho việc sau, có thấy những sai-lầm, những đặc-sách của người xưa, thì người nay và người sau mới lo tránh hoặc gắng bắt chước theo, có cảm những hòn-tủi của người dân đất nước mới phẫn-khích, tự-cường mà mưu nghỉ đến cuộc phục-hưng.*

*Trong lịch-sử cận-đại của người Việt-Nam, sự can-thiệp của nước Pháp, như lấy Nam-kỳ làm thuộc-địa, đặt bảo-hộ ở Trung, và Bắc-kỳ v.v... là một biến-cố lớn lao và hệ-trọng.*

*Từ trước đến nay, biến-cố ấy chỉ ghi chép trong các sách, sử, rời rạc, tùy theo việc lặt-vặt, chưa có một quyển sử nào chuyên chép riêng ra và cho đầy đủ. Mà những sự tình trong tám mươi năm ngoại-thuộc ấy lại tô-diểm bởi một cuộc chống-chọi, tranh-dấu không ngừng của dân-tộc Việt-Nam, đáng cho hậu-thế chiêm-nghiệm biết bao !*

Thầy sứ thiếu-thốn ấy, chúng tôi lưu-tầm tài-liệu trong các sách sử tây, ta, soạn ra sách này để giúp một phần cho mục-dích nói trên.

Chúng tôi truy nguyên từ khi người Âu-châu mới đặt chân lên đất Việt-Nam, thế-kỷ 16, sự giao-thiệp giữa họ và ta ở thế-kỷ 17 làm họ xét biết và bắt đầu để ý đến nước ta. Tiếp đến sự cầu cứu nước Pháp của Hoàng-Tử Cảnh và hiệp-tròc versailles không hiệu-quả, vua Minh-Mệnh cũng có ý tự-cường, tự-chủ, nhưng không hiểu tình-thế thiên-hạ lại không dung-nạp đạo Gia-tô nên cái mầm xung-đột sinh ra từ đó. Vua Thiệu-Trị tiếp-tục chánh-sách ấy, người Pháp có cớ mà gây hấn, và tiếng súng đầu tiên nổ ở Đà-Nẵng năm 1847 đã báo-hiệu những ngày mai đầy gian-hiểm. Thế mà kế vua, vua Tự-Đức cũng không lo tự-tân, tự-cường để theo kịp trào-lưu thế-giới, kẻ sĩ trong nước thì chỉ lo gọt giũa văn-chương, ngâm-nga thi-phú, rồi đến khi quân địch tới bên cạnh, kẻ bàn chiến, người nói thủ, kẻ ưng hòa, không nhất quyết một bờ nào, khiến dẫn đến việc mất ba tỉnh phía đông, ba tỉnh phía tây Nam kỵ. Trong các sự-lình ấy, thao lược của Nguyễn-Tri-Phương, nghĩa-khí của Trương-Định, là những tài-liệu rất quý báu của quốc-sử. Chiếm xong toàn cõi Nam - kỵ, người Pháp mưu bành-trướng thế-lực ra Bắc, Trung - kỵ. Việc Francis Garnier và Jean Dupuis, Henri Rivière hai lần gây sự ở Hà-nội, việc Thuận-an thất-thủ, tình-cảnh « tú - nguyệt tam-

vương », cuộc đột-kích ở Huế, vua Hàm-Nghi xuất-bôn là những tần bi-kịch đầy chi-tiết cảm - động — Rồi sự nỗi dậy của đảng Cản-vương, cuộc vận-động của Phan-dinh-Phùng, Hoàng-hoa-Thám, Phan-bội-Châu và đồng-chí v.v... đều được thuật, tả tường-tận, đủ chứng tỏ ý-chí của dân-tộc trước con tai nạn. Qua các sự biến-cố ấy, chúng tôi cũng trình-bày rõ ràng các trận mạc, tình cảnh triều-chánh, các hòa-ước, hiệp-định cách thi-thố quyền-hành của người Pháp.

Những tài-liệu ở các sử-ký, dã-sử, ký-sự v.v... có nhiều khi không giống nhau, hoặc trái nhau. Gặp chỗ như thế, chúng tôi đã so-sánh, tìm-tòi, hoặc hỏi han các bậc phu-lão ani-hiều, để đưa ra những điều có thể tin là xác-đáng.

Tuy vậy, chắc không khỏi còn nhiều chỗ sai-lầm — Mong những bậc cao-minh đã nghe thấy chắc, thiệt hơn chỉ-giáo và hiệu-chánh lại cho.

Viết mấy trương-sách này, chúng tôi chỉ làm một việc so-thảo. Nhờ sự hiệu-chánh ấy, chúng ta sẽ lăn-lăn sửa sang lại cho thành một thiên-sử đầy đủ và xác-thật về cuộc thất-bại của tổ-tiên chúng ta để góp phần vào quyền Việt-Nam Sử đại-toàn sau này, và để tỏ rõ một « vết xe cù » cho người đời sau trông thấy.

— VIII —

Nhiều thiên và chương sau đây đã xuất-bản trước  
kia trong sách Việt-Pháp Bang-giao Sử-lược, nay chúng  
tôi đang sửa chữa, tăng bớt thêm vào thiên và chương  
khác để soạn thành sách này.

SOẠN-GIÀ CẦN-CHÍ

# THIỀN THÚ NHÚT

## PHÁP - VIỆT CẶP - GỘ'

### CHƯƠNG THỨ NHÚT

#### Người Âu-châu đến đất Việt-Nam

Theo sử Tàu thì năm 166 sau Thiên - chúa giáng-sinh, đã có những người buôn bán La - mã đến Trung-Quốc sau khi đi ngang qua Việt - Nam ta ; đời Tam-Quốc, năm 266, có một lái buôn La-mã, đến kinh-đô Giao-chỉ, quan Thái-thú sai đưa người ấy đến nước Ngô bấy giờ là nước cai - trị quận này.

Nhưng đó là những sự-tích hẵn-hữu ; thông thường thì suốt đời thượng - cồ, trung - cồ, người Âu - châu chưa biết rõ Á - châu ; ngoài xứ - sở họ ra, trí-thức địa-lý của họ chỉ hạn ở một giải đất xung quanh Địa-trung-hải mà thôi. Sau cuộc động chinh của Thập-tự-quân, người Âu-châu tiếp xúc với người Á - châu, việc buôn bán đổi chác thêm nhiều họ mới biết rằng Á-châu là nơi rất rộng rãi, giàu có, và từ đấy bọn lái buôn A-lạp-bá đưa sang bán cho họ những vật

qui giá như hương-liệu của A-lạp-bá, ngọc, ngà của Ấn-độ, tơ lụa, đồ sành của Tàu. Bọn này dùng hai con đường đi, đường bộ đi từ Hắc-hải ngang qua Trung-bộ châu Á để qua Tàu, đường thủy đi ngang Ấn-độ-dương Hồng-hải đến Alexandria, Ai-cập. Thế-kỷ thứ 13, Marco - Polo người Ý - đại - lợi, ở Trung - quốc 17 năm, có làm quan tại triều Nguyên, nhơn sang sứ Chiêm-thành (Champa) có đi ngang qua nước ta. Sau về nước, Marco-Polo viết quyển Đông-phương kiến-văn-lục, có nói đến xứ Bắc-kỳ, và từ đó thấy Champa là một tên mà người Âu-châu thường dùng trong các bản đồ Đông-dương. Quyển Đông-phương kiến-văn-lục khoa-trương cái mỹ-lệ, phồn-thịnh của người Châu-Á làm cho Âu-châu rất chú ý đến đất ấy.

Tuy vậy đến đầu thời kỳ cận cổ, người Âu-châu còn tưởng lầm rằng chỉ có một đại-dương bao bọc cả Âu-châu, Á-châu và Phi-châu, và ở những đáy bể xa lạ, có thứ đá từ-thạch nó hút ghe thuyền; lại ở miền bể, trong những đường xích-đạo có một vùng nước nóng sôi, cho nên những nhà hàng-hải e sợ, không dám vượt bể di xa. Khi Vasco de Gama vâng lệnh vua Bồ (thế-kỷ 15) đi tìm đường mới, thì để tùy-tùng trên tàu ông, người ta phải sai 10 tù-nhân bị án tử-hình, hứa nếu thành-công sẽ tha tội.

Sau này nhờ sự phát-minh nghề in và phát kiến đất mới, những ý-tưởng sai-lầm ấy mới tiêu-tán, và người Âu-châu mới biết Á-châu rõ và đúng hơn.

Từ khi Vasco de Gama tìm được Hảo-vọng-giác, người Bồ-dào-nha lập Tống-đốc-phủ ở thành Goa nước

Ấn-độ, làm nơi căn-cứ cho việc buôn bán ; Magellan vâng lệnh vua Y-pha-nho (1519) từ Nam Mỹ-Châu vào Thái-bình-dương, tìm thấy quần đảo Phi-luật-tân, rồi thì người Âu - châu mới tiếp nhau sang phương đông.

Nhưng đến thế-kỷ thứ 17, họ mới bắt đầu giao-thiệp với người Việt-Nam một cách tiếp-tục.

Những người đến lúc đầu tiên là người vì mồi lợi xui giục, hoặc để toại chí mạo-hiểm phiêu-lưu, hoặc vì nhiệt-tâm về việc gieo truyền tín-ngưỡng tôn-giáo, tựu trung kẻ buôn bán và giáo-sĩ là hai hạng người hệ-trọng hơn cả.

Từ đầu thế-kỷ XVI, Bồ-dào-nha là nước Âu-châu đã chiếm được nhiều đất dai ở cõi Á-dông xa-xôi này. Trên đường bě tử Lisbonne, kinh-đô Bồ, đến Nagasaki của Nhật-bản, người Bồ đã lập lên một dãy thành trì nối liền phương-tây với phương-đông.

Bấy giờ các dân-tộc Hồi-giáo là một tai họa lớn lao của các nước Âu-châu Thiên-chúa-giáo. Như sức mạnh vũ bão, họ tràn qua xâm lược Âu - châu và Bắc Phi-châu. Bồ-dào-nha là một dân-lộc toàn theo Thiên-chúa-giáo, tuy nước nhỏ, dàn ít, nhưng đã chặn đứng làn sóng Hồi-giáo và giành được nhiều đất-dai họ đã chiếm cứ. Goa, Colombo, Malacca đều là những thành-trì kiên-cố của Hồi-giáo mà Bồ-dào-nha đã thu đoạt được. Vì công-trạng ấy, người Bồ được các Đức Giáo-Hoàng ký sắc-lệnh ban cho nhiều đặc-quyền đối với các nước Âu-châu khác về việc chiếm cứ đất dai và truyền-giáo ở phương Đông là đất họ phát kiển. Năm 1555, người Bồ lại huê được đất Áo-môn (Macao) của Trung-quốc dề ở buôn

bán. Vì thế mà chúng ta sẽ thấy những người Âu-châu đến trước hết ở nước ta là người Bồ-dào-nha, và giáo-sĩ cũng như thương - nhân Bồ đều từ Malacca hoặc Macao sang.

### **Người Âu-Châu đến buôn bán ở đất Việt-Nam.**

Người Âu - Châu đến buôn-bán ở nước ta từ đầu thế-kỷ XVII, vào lúc Trịnh-Nguyễn tranh - hoành. Khi mới đến, họ đã nhận thấy rằng việc thương - mại mở cho mọi người, và tuy ghe thuyền người Việt - Nam chỉ buôn-bán dọc theo bờ biển, từ vịnh Bắc - kỳ đến vịnh Xiêm-la, nhưng Vua, Chúa ta, ở Đàng-ngoài cũng như ở Đàng-trong, cho người ngoại-quốc vào cửa bờ xứ mình một cách dễ-dãi, nên người ta đã thấy người các nơi xa lạ như Trung-hoa, Nhật-bản, Ma-ní, Malacca đến giao-thương.

Người Bồ - đào - Nha đến trước hết, rồi đến người Hà-lan, người Pháp, người Anh. Bấy giờ người Bồ đã thuê được đất Macao (Áo-môn) ở Quảng-đông, Trung-quốc) làm nơi cảng-cứ thương-mại ở Viễn-đông ; người Hà chiếm lãnh Nam-dương quần-dảo, lập công-ty Ấn-dộ Hà-lan (Compagnie des Indes Néerlandaises), đặt trụ-sở chánh ở Batavia (1) để buôn-bán ở vùng này ; người Anh làm chủ Ấn-dộ thì có công-ty Ấn-dộ (Compagnie Anglaise des Indes) ; còn người Pháp, mãi đến năm 1664. Thượng-thư Colbert cũng lập công-ty Đông Ấn-Độ (Compagnie orientale des Indes) để tranh-dua với các nước kia.

---

(1) tức là Djakarta ngày nay.

Faifo ở Đàng-trong là nơi mở cửa thông - thương với Âu-châu sớm hơn hết, và ở đây người Tàu, người Nhật đã đến ở buôn-bán từ-lâu rồi. Hàng năm vào khoảng tháng 12, tháng giêng dương-lịch, ghe tàu Âu-châu hoặc Trung-quốc từ Trung-quốc, Nhật-bản, Đài-loan, hoặc từ Phi - luật - Tân, Malacca đem đến đồ sành, đồ-sứ, giấy, kim-thuộc, lưu - huỳnh, diêm-sinh, trà, bạc thoι, kim khí, nỉ (dạ), vải v.v... để bán, rồi mua sản - vật của ta như tơ, lụa, đường, gỗ mun, trầm - hương, quế, tiêu, gạo, v.v... Sau 6, 7 tháng trao đổi xong, ghe tàu ấy đi. Các thương-nhân Hà-lan, Anh đến ta đều là người của Công - ty Ấn - độ Hà - lan, Công - ty Ấn - độ của Anh, và ở Faifo (Đàng - trong) (1) và Phố - hiến (Đàng - ngoài) họ có lập những thương - quán để lưu - trú; còn những thương - nhân Bồ - đào - nha thì đều là những nhà buôn riêng, không thuộc một thương - hội nào, và không lập thương - quán, đến mùa mua bán họ đến tạm trú ở nhà người Trung - hoa hoặc Nhật - bản đại-diện họ ở đấy, hoặc nhà các giáo-sĩ đồng-bang, mua bán xong thì đi, ủy mọi việc cho người đại-diện. Trong việc giao-thiệp với Vua, Quan ta và người bản-xứ, họ nhờ người Nhật hoặc người Trung-hoa làm thông-ngoん, hoặc trung-gian. Ngoài các món thuế xuất-khầu, nhập-khầu của ghe, tàu, người Âu-châu mỗi khi đến buôn bán thường đem tặng Vua, Chúa những phẩm-vật quý giá.

---

(2) Từ khi Chúa Trịnh, Chúa Nguyễn phân tranh, đất dai từ Linh-giang (sông Gianh) trở vào thuộc Chúa Nguyễn cai-trị gọi là Đàng-trong, từ Linh-Giang trở ra thuộc chúa Trịnh gọi là Đàng-ngoài.

Không chỉ không cấm đoán người Âu-châu vào thông - thương, Vua Lê, Chúa Trịnh, Chúa Nguyễn còn tiếp-dâi họ tử-tế, nhã-nhặn mỗi khi họ được diện-yết, và nhiều lần viết thơ vời họ đến buôn bán, ký hiệp-ước thương - mãi với họ nữa. Theo tài-liệu của người Âu-châu, nhất là các công-ty thương-mãi nói trên, chúng ta thấy Vua, Chúa ta và Vua Anh, Vua Pháp, các công-ty ấy, thường trao đổi thư từ với nhau, và mỗi lần có thư các vị ấy gửi đến yêu cầu điều gì là có thư trả lời của Vua, Chúa ta cùng tặng-phầm để đáp lại. Chúa Trịnh-Căn (1682-1709) đã trả lời thư của vua Pháp Louis XIV, Chúa Võ-vương (Nguyễn-phúc-Khoát 1738-1765) đã gửi thư cho Vua Pháp Louis XV. Trong các bức thư hiện thấy bản dịch, như thư của Chúa Minh-Vương (Nguyễn-phúc-Chu, 1691-năm 1695) gửi cho Nathaniel Higginson, Chủ - tịch Công-ty Ấn-độ của Anh, người ta thấy lời lẽ rất nhã-nhặn và lẽ-độ. Một thường dân người Anh là Chapman, năm 1778, tình-cờ ghé tàu ở Qui-Nhơn, đất mới thuộc Tày-Sơn, cũng được Vua Thái-đức (Nguyễn-Nhạc) tiếp tử-tế. Có điều ta nên đề ý là trong sự giao-thiệp với người Âu-châu và đối phó với những thỉnh-cầu của họ thuở ấy, tuy Vua, Chúa ta thu được lợi-lộc nhưng không bao giờ để chủ - quyền của mình bị xâm-pham. Cho phép họ đến buôn - bán và lập thương-quán mà thôi, ngoài ra họ không được hưởng điều-kiện gì có thể thiệt hại đến quyền-lợi mình, có khi hứa điều này điều nọ, cũng là hứa một cách ngoại-giao mà thôi. Và hễ họ tỏ ra phản-nghịch, như trường - hợp người Hà-Lan sẽ nói sau này, họ liền bị trừng - giới xứng đáng ngay.

Người Bồ và người Hà, thuở ấy kinh-địch nhau dữ-dội. Họ đánh cướp tịch thu hàng-hóa trên tàu thuyền của nhau ở ngoài biển. Ở nước ta, họ tìm cách cản trở việc thương - mãi của nhau, và tố-cáo lẫn nhau với Vua, Chúa ta, và khi thấy một bên được dung-nạp thì bên kia chúc-sử để ly-gián. Thế mà Vua, Chúa ta không hề nghe lời đèm pha ấy, luôn luôn dõi dãi hợp-lẽ công-bằng và quyền-lợi của xứ mình.

Bấy giờ Chúa Nguyễn, Chúa Trịnh và cả Vua Thái-Đức nữa, đều muốn lợi dụng đến võ-lực, tức tàu, súng Âu-châu, nhờ một nước ấy giúp mình để đánh kẻ địch. Người Bồ-Đào-Nha, đến Đàng - trong trước, nên thân cận với Chúa Nguyễn hơn. Ngoài việc đem bán cho Chúa binh-khi, súng đại-bác, súng diều-thường, vật - liệu để làm thuốc súng như lưu-huỳnh, diêm-sinh v.v... lại có một người lai Bồ tên là Jean de la Croix tới Đàng-trong-trước năm 1615, lập lò đúc súng gần Huế, ở chỗ nay gọi là Phường - Đức, đã đúc cho Chúa nhiều đại bác. Còn đối với người Hà - Lan thì ban đầu Chúa cũng tử - tế, nhưng sau thấy họ có ý giúp Chúa-Trịnh thì ác cảm ngay, nên họ phải bỏ đi. Các Chúa Nguyễn cũng muốn lợi - dụng khoa - học Âu - châu, nên từ đời Chúa Hiền - Vương (1648 - 1687) đến Chúa Võ - Vương (1738 - 1765) người ta thấy nhiều Giáo-sĩ giúp việc thiên-văn, toán-học và ngữ-y tại Phủ Chúa.

Ở Đàng - ngoài, Chúa Trịnh cũng trông mong được võ-lực Âu - châu giúp mình, thấy người Bồ đã kết-giao giới Chúa Nguyễn, Chúa Trịnh quay sang cầu thân với người Hà. Cũng như Chúa Nguyễn nhờ

người Bồ, Chúa Trịnh được người Hà, người Anh, bán cho nhiều súng đại bác và đạn dược.

Có lẽ chỉ lo việc buôn-bán, chưa có ý mưu toan gì về chính - trị, nên người Bồ và người Hà-Lan ban đầu có giúp Chúa Nguyễn và Chúa Trịnh cũng chỉ giúp về việc bán binh-khí, và đạn dược mà thôi. Mãi đến sau khi người Hà bị giết ở Đàng-trong (sẽ nói đến sau) họ mới ra mặt giúp Chúa Trịnh trong trận mạc, nhưng vừa bắt đầu tỏ ý thì bị Chúa Nguyễn chặn ngay.

Bấy giờ thuyền, tàu ngoại - quốc đến Việt - Nam phải chịu thuế nhập - cảng, xuất-cảng. Ở Đàng-trong, đời Chúa Võ - Vương minh định thuế - lệ ấy như sau: Thuyền buôn Thương - Hải, Quảng - Đông khi đến nộp thuế 3.000 quan tiền, khi đi nộp thuế 300 quan ; Tàu Âu - châu đến nạp 8.000 quan ; đi nộp 800 quan ; Tàu Áo-môn (Macao), Nhật - bản đến nộp 4000 quan, đi nộp 400 quan ; Tàu Xiêm-La, Phi-Luật-Tân đến nộp 2.000 quan, đi nộp 200 quan ; thuyền, tàu không có hàng-hóa không cho vào bến, thuyền tàu dấu số hàng-hóa chở sẽ bị tịch thâu cả thuyền tàu lắn hàng.

Người Hà-lan thì năm 1606 có tàu bị bão giật vào biển Đàng-trong nên mới biết xứ này. Năm 1609, Công-ty Ấn-dộ Hà-lan lập thương-quán ở Trung-quốc bán tơ, lụa cho Nhật, thường phải mua lại tơ lụa của lái buôn Trung-quốc mua ở Faifo về. Người Hà-lan bèn nghĩ đến việc buôn bán với Đàng-trong. Năm 1613, tàu Hà-lan đem hàng-hóa đến Đàng-trong, nhưng không

thu được kết-quả gì về thương-mãi. Năm 1632, tàu Hà-lan bị bão đánh giật vào đáy, rủi bị cướp phá. Năm 1633, hai chiếc tàu Hà từ Batavia là Thủ-dô Nam-dương thuộc Hà-Lan, đem hàng-hóa đến Faifo và hai người Hà-lan được phép ở đó mở cửa hàng buôn bán.

Khi thấy người Hà đến buôn bán ở Đàng-trong, người Bồ-dào-nha ở Macao hai lần sai sứ-giả đến xin Chúa đuổi họ đi, nói rõ rằng nếu để họ ở lâu có ngày họ sẽ xâm chiếm đất dai của Chúa, như họ đã xâm-chiếm đất dai ở Ấn-dộ vậy. Nhưng Chúa Nguyễn dù sáng suốt để biết đó là lời đèm pha nên không nghe theo, lại còn viết thư sang Công-ty Ấn-dộ Hà-lan vời sang buôn bán ở xứ mình nữa.

Năm 1634, thương-nhân Hà là Duijeker đi một chiếc tàu từ Batavia đem hàng-hóa đến Faifo. Cũng năm ấy, tàu Hà là Grootenbroeck bị đắm gần đảo Paracel, thủy-thủ được người bản-xứ cứu thoát nạn, nhưng số tiền 25.580 réaux bị đoạt mất.

Năm 1635, ba chiếc tàu chiến Hà-lan là Le Grol, Le Warmand, Le Huisduinen từ Đài-loan sang cửa Hàn, Duijeker có đến xin Chúa Nguyễn hoàn số tiền bị đoạt mất kia lại và giúp việc buôn bán của người Hà-lan. Duijeker được tiếp đãi tử-tế, nhưng Chúa Nguyễn, bấy giờ là Công-thượng-Vương (Nguyễn-phúc-Lan, 1635-1648) không chịu bồi thường, vì việc đã xảy ra thời Chúa trước, chỉ hứa cho người Hà đến buôn bán, không đánh thuế.

Năm sau, 3 chiếc tàu buôn Hà từ Batavia đến Faifo, nhắc lại việc xin bồi thường, nhưng Công-thượng-Vương

nhất định không chịu, chỉ ban phầm-vật cho các phái-viên và gửi phầm-vật tặng viên Toàn-quyền ở Batavia. Việc buôn bán của các tàu này cũng không kết-quả gì.

Thấy vậy, người Hà muốn ra buôn bán ở Đàng-ngoài. Vả, bây giờ Nhật-bản, Mạc-phủ đã ra lệnh cấm nhân-dân thông thương với ngoại quốc, nên địa vị buôn-bán của họ ở đấy phải bỏ lại cho người một nước khác thế vào. Công-ty Án-độ, Hà-lan ở Batavia quyết-định sai một phái bộ sang đất Chúa Trịnh.

Năm 1637, tàu Le Grol, do Karel Hartsing cầm đầu, đem hàng hóa đến Đàng - ngoài, dâng phầm vật ( 2 khầu đại - bác ) lên Chúa Trịnh, bấy giờ là Trịnh-Tráng (1623-1657), được Chúa cho yết - kiến, dâi tử-tế, rồi cho phép mở thương-quán ở Hưng-yên. Chúa dò tình ý người Hà đối với Chúa Nguyễn, biết rằng họ không phải ở phe kẻ địch mình, nên vua Lê-thần-Tông bèn đưa thư sang Công-ty Án-độ Hà-lan ở Batavia xin người Hà giúp mình khi nước mình có chiến-tranh với một láng-diềng. Năm 1639, Vua phái hai sứ-giả sang Batavia, có lẽ để vận động việc ấy. Chúa Trịnh - Tráng cũng viết thư và gửi tặng phầm cho chủ-nhân thương-quán Hà ở Đài-loan để cầu thân và vời sang buôn bán. Người Hà bỗng lòng giúp vua Lê, Chúa Trịnh, nhưng sự đàm-phán kéo dài, vì chưa định xong hiệp-ước thương mãi. Hình như sợ Chúa Nguyễn giận, sẽ có thiệt-hại cho việc buôn bán mình ở Đàng-trong, nên họ chỉ chần-chờ, không quyết-định. Năm 1643, có hai chiếc tàu Hà là Kievit và Nachtegaels đến Đàng-ngoài, gấp lúc Chúa Trịnh đi đánh Chúa Nguyễn, Chúa xin cho theo giúp

mình, nhưng tàu ấy không thuận. Vua Lê-thần - Tong viết thư sang trách viên Toàn-quyền ở Batavia. Mãi đến sau khi Van Liesvelt bị giết ở Đàng-trong (như sẽ thấy sau đây) người Hà mới ra mặt giúp Đàng - ngoài, nhưng họ vừa mới bắt đầu tỏ ý đã bị Chúa Nguyễn chặn lại bằng một vố khá đau.

Tàu Grol đến Đàng-ngoài năm 1637 cũng có ghé qua Đàng-trong buôn - bán, và Duijeker được Chúa Công-thượng-vương ủy mang một bức thư và phảm-vật về cho Toàn-quyền Batavia. Trong thư, Chúa tỏ ý sẽ được vui lòng nếu người Hà-lan đến buôn bán ở xứ mình.

Nhưng rồi, có lẽ thấy người Hà được trọng-dâi ở Đàng-ngoài, nghi họ giúp cho kẻ địch mình, nên Chúa Nguyễn đổi thái-độ.

Năm 1641, có 2 chiếc tàu Hà là Builden Buijs và Maria de Médicias bị bão đánh giật vào gần Faifo, hàng-hóa và 18 súng đại-bác bị tịch - thu, 82 thủy - thủ bị bắt giam.

Trong thời gian ấy, thương-nhân Hà ở Đàng-trong luôn-luôn gặp điều ngăn-trở, nên họ phải đóng cửa ở thương-quán Faifo.

Năm 1642, Chúa Công-thượng-Vương thả một số lớn thủy-thủ của 2 tàu kia, cho về nước, đi đường rủi họ bị tàu người Bồ bắt, giết một số, một số khác bị người Chiêm-thành bắt. Công-ty Án-đô Hà-lan không biết việc ấy, sai Van Liesvelt đem tàu sang đánh Chúa Nguyễn, nhưng kết-quả người Hà thua to, Van Liesvelt

tử trận cùng một số lính, người Hà giết, bắt một số người Việt ở duyên hải rồi xuôi buồm ra Bắc.

Năm 1643, người Hà định phối-hợp thủy quân mình với lục-quân Chúa Trịnh để đánh Chúa Nguyễn : tàu Hà đánh mặt thủy còn mặt bộ thì giao cho Chúa Trịnh. Năm chiếc tàu Hà từ Đài-loan sang dự chiến, nhưng viên chỉ huy tàu thấy rằng bộ binh Chúa Trịnh chưa chỉnh-tề, nên cho tàu đi thẳng về Batavia.

Mấy tháng sau, Đô đốc Hà là Pieter Baek chỉ-huy 3 chiếc tàu chiến từ Batavia sang Quảng-bình để gặp quân Chúa Trịnh, khi đi ngang qua biển cửa Hàn, gặp mấy chiếc ghe chiến của Thế-tử Dũng-lễ-Hầu (tức Chúa Hiền-Vương sau này) bấy giờ làm Trần-thủ Quảng-nam, điều khiển, đồ ra vây đánh. Chiếc tàu lớn hơn của người Hà bị ghe Việt xông vào đánh phá, Pieter Baek và thủy thủ đều tử trận, 2 chiến thuyền kia thua, bỏ chạy ra Bắc.

Năm sau, người Hà-lan cho tàu qua định tàn - phá bờ biển Đàng-trong, nhưng vì Chúa Nguyễn phòng thủ cẩn-thận, tàu Hà phải đi thẳng qua Đài-loan.

Thất chiến-tranh không lợi cho việc buôn - bán, Công-ty An-dô Hà-lan phải đổi chính sách Năm. 1651, sai sứ-giả là Verstegen sang Đàng-trong nghị-hòa. Chúa Hiền-vương đã lên nối ngôi cha, cũng muốn giao-hảo với người Âu-Tây, nên chịu bỏ qua việc dĩ-vãng, hai bên cùng ký một bản hòa-ước (9.2.1651), trả lại nhau những người đã bị bắt ; để người Hà tự do đến buôn-bán và lập một thương-quán khác ; từ đấy về sau người Việt và người Hà bị tội đại-hình sẽ do thẩm - phán của

nước mình xét-xử, hai bên giúp đỡ lẫn nhau khi có ghe tàu bị nạn; bỏ quan thuế, thuế nhập khẩu và thuế xuất khẩu.

Nhưng tờ hòa-ước ấy không hiểu vì sao không được thi-hành. Và từ đấy về sau, thỉnh-thoảng người ta thấy tàu Hà ghé Đàng-trong cũng như Đàng-ngoài trao đổi, rồi đi. Mãi đến năm 1753, có 2 người Hà di tầu đến cửa Hàn mua vàng và đường rồi ở lại Faifo mở cửa hàng, còn ở Đàng-ngoài thì năm 1700 họ cũng đóng cửa thương-quán.

Thương-nhân Pháp đến sau thương-nhân Bồ và thương-nhân Hà. Việc buôn-bán đầu tiên của họ còn mục-dịch truyền-giáo, và bắt đầu sau khi hội Ngoại-quốc truyền-giáo (société des Missions étrangères) thành lập. Bấy giờ giáo-sĩ hội này muốn qua Viễn-dông phải tránh trốn người Bồ, mà tàu người Hà-lan cũng không nhận chở họ. Có một thương-gia ở Renen tên là Fermanel, xướng lập một công-ty thương-mại với phương đông để nhân đó đưa giáo-sĩ qua cho tiện. Công-ty đã thành lập năm 1660, đã thuê đóng xong một chiếc tàu ở Hà-lan. Người Hà-lan biết được, sợ người Pháp cạnh tranh với đồng-bang họ ở Việt-Nam, ngăn trở không cho tàu đi, sứ-thần Pháp ở Hà-lan phản đối, nhưng rồi liền đó, chiếc tàu bị bão đánh vỡ, sự hành động của công-ty cũng cáo chung.

Năm 1664, Thượng-thư Colbert lập lên Công-ty Đông Án-độ (Compagnie des Indes Orientales). Theo lời xin của giám-mục Pallu, công-ty còn có mục-dịch giúp cho việc truyền-giáo. Năm 1669, Giám-mục La

Motte Lambert và hai Giáo-sĩ De Bourges và Bouchard đến xứ Đàng-ngoài, ăn bận như người buôn-bán, tự nhận là nhân-viên Công-ty Đông Án-dô. Tuy bị người Hà-lan tố cáo với Vua, Quan Việt-Nam, nhưng Giám-mục và hai giáo-sĩ cũng được đất làm nhà ở rồi giả danh buôn-bán để truyền giáo.

Giám-mục Pallu hết sức đề-nghị với Thượng-thư Colbert, xin lập chi-cuộc cho công-ty ở đất Đàng-ngoài. Năm 1674. Giám-mục sang xứ Đàng-ngoài để dâng phẩm-vật lên vua Lê-Gia-Tông, nhưng tàu gặp bão, phải ghé Phi-Luật-Tân. Vì thấy ông có mang theo một chương-trình dự định thiết-lập chi-cuộc cho Công-ty Đông Án-dô ở Đàng ngoài nên viên toàn-quyền Y-Pha-Nho bắt giam ông, rồi đưa về nước Ý. Sau khi được tha, Giám-mục được Đức Giáo-hoàng sai sang dâng vua Đàng-ngoài một bức thư và phẩm-vật (gồm một đồng hồ treo, có chuông, ban đêm trông thấy giờ, 2 cái gương soi, 80 chậu hoa, hoa bằng lụa, nhiều bức họa phẩm) ; Pháp-hoàng Louis XIV cũng cấp ông 15.000 phật lăng để làm lộ-phi sang Viễn-đông, và thư cùng 20.000 phật lăng để sắm phẩm-vật dâng vua Xiêm-la và vua Đàng-ngoài.

Năm 1680, Công-ty Đông Án-dô sai một lái buôn là Chapelain và chiếc tàu Tonquin từ Surate (Án-dô) đem hàng hóa đến xứ Đàng-ngoài. Chapelain dâng phẩm-vật cho Vua, Chúa ta rồi được ở buôn-bán, mở cửa hàng ở Hưng-yên. Năm sau, tàu Tonquin trở về, có chỗ theo ít hàng hóa như xạ-hương và tơ lụa, Thấy chuyến đi ấy có kết-quả, Giám-mục Pallu bấy giờ ở

Âu-châu sang đến Surate, khuyên công-ty cho một chiếc tàu khác sang Đàng-ngoài để ông sang đưa thư của Giáo hoàng và Pháp-hoàng.

Năm 1682, Công-ty cho chiếc tàu Saint Joseph sang Đông ; tàu ghé Xiêm-la, Giám-mục Pallu ở lại đây ; thư của Pháp - hoàng Louis XIV thì ủy mấy Giáo-sĩ sang chuyến tàu ấy đem dâng, còn thư của Giáo-hoàng thì không biết vì sao Giám-mục không gửi đi. Thư vua Louis XIV đại-khai nói : « ... Sau khi thắng hơn trăm trận, ta liền ra lệnh cho hội buôn ta đến ở đất ngài, và các tên Deydier de Bourgers, đến ở bên Ngài để giữ-gìn việc giao-hảo của dân hai nước, để cho ta biết những cơ hội có thể tỏ lòng thân quí và giúp cho lòng ưng-thích, sự ích-lợi của Ngài. Bắt đầu tỏ ý ấy ta sai đem đến Ngài một ít phẩm-vật mà ta tưởng có thể làm vừa ý Ngài ». Thư ấy và phẩm vật dâng lên Trịnh-Tạc (1657-1682). Mấy ngày sau Chúa mất. Chúa Trịnh-Căn (1682-1709) mới kế vị cha, ủy lạo các Giáo-sĩ, trả lời thư và tặng vua Pháp mấy tấm hàng thêu.

Nhưng các hoạt-động của Pháp-hoàng và Công-ty Đông Án-độ ở đất Chúa Trịnh đến đó đã phải định chỉ trong một thời-gian. Các sản-vật xứ Đàng-ngoài mà tàu Tonquin đưa về, gửi theo tàu Soleil d'Orient chở sang Pháp làm mẫu, bị chìm với tàu này mất ; (trên tàu Soleil d'Orient đi chuyến ấy có mấy vị sứ thần vua Xiêm-la sai sang Pháp hoàng Louis XIV ; tàu chìm gần Madagascar) nên người Pháp không biết giá-trị hàng-hóa ấy thế nào, huống nữa, bấy giờ trên các

đảo miền nam Đông-Dương, người Hà-lan làm chủ-nhân ông, chỉ trừ Bentam (ở đảo Java) là nơi người các nước có thể tự-do buôn-bán, nhưng đến năm 1682, người Hà chiếm nốt Bantam, người Pháp, người Anh, người Đan-mạch phải bỏ đi, mất cả hàng-hóa và đồ đặc, chi điểm của Công-ty Đông Án-dộ ở đây phải mang chung mà cửa hàng của Chapelain ở Hàng-ngoài cũng theo đó mà đóng cửa.

Tóm lại mà nói, việc buôn-bán của người Pháp ở đất Việt-Nam trong thế-kỷ XVII không hệ-trọng gì ; một chuyến đổi chác của tàu Tonquin, vài năm hoạt - động của cửa hàng Chapelain, ngoài ra các giáo-sĩ giả trang thương-nhân thì mua bán những hàng-hóa nhẹ-nhàng hoặc làm những công nghệ như sửa đồng hồ, chế thuốc súng.

Người Anh-cát-lợi đến sau hết.

Thấy người Hà-lan thành-công ở Viễn-đông, Công-ty Án-dộ của Anh bàn tính đến việc thiết-lập thương-quán ở các nơi mà người mà Hà không ngăn trở được. Năm 1613, thương-quán của công-ty này ở Hirado sai một thương nhân tên là Peacock đi một chiếc thuyền đến Hàng-trong : thuyền vào Faifo, rồi một nhân viên tên là Walter-Carwarden lên bộ, đem theo thư của Anh-hoàng và các tặng-phẩm gửi Chúa Nguyễn, Carwarden được quan Trấn-thủ Quảng-nam tiếp tì-té, bán được cho ông mấy tấm da, nhưng không biết vì sao sau đó Peacock, người thông-ngôn và mấy người tùy-tùng bị người Việt-Nam giết chết. Năm 1618, thương-nhân Anh đến Hàng-ngoài cũng không được kết-quả gì. Vâng, bấy

giờ người Anh đang bị người Hà-lan chống đối gắt gao, nên mọi mưu-toan thương-mãi của họ đều bị thất bại. Từ 1620 đến 1625, người Anh bị người Hà đuổi ra khỏi các thương-quán của mình trong quần - đảo Nam-dương là nơi người Hà làm chủ, nên phải đóng cửa luôn thương-quán ở Đài-loan và Nhật-bản.

Sau khi người Hà-lan thua trận ở Âu-châu, hòa-ước Westminster (1654) cho Công-ty Ăn - độ của Anh mấy đặc-quyền, nên từ đó người Anh lại tiếp-tục việc thương - mãi ở biển Trung - quốc và biển Nhật - bản.

Giữa năm 1672, Công - ty Ăn - độ của Anh sai William Gyfford và năm nhân - viên đi tàu Zant từ Bentam đến Đàng-ngoài dâng thơ của công - ty ở Bentam và phẩm - vật lên vua Lê, xin cho người Anh được đến buôn bán. Vua Lê - gia - Tông và Chúa Trịnh - Tạc đi đánh Đàng - trong, đầu năm sau mới về, cho Gyfford yết kiến, và cho phép người Anh đến buôn - bán, Gyfford và các bạn đồng - hành lập thương - quán ở Hưng - yên. Nhưng việc buôn bán không thịnh - vượng, vì gặp nhiều khó khăn, không phải vì điều kiện thương mãi trong xứ mà do cuộc giao thiệp giữa hai nước Anh, Hà gày ra. Sau hòa - ước Westminter đã nói trên kia, Anh, Hà trở lại đánh nhau, các thương thuyền và sự tiếp vận hàng hóa của Anh thường bị tàu Hà ngăn trở, hai bên tịch thu hàng hóa của nhau. Vả, Gyfford bị Công-ty ở Bentam miễn chức, các người thay thế ông đều bất - lực nên thương quán không

phát đạt được. Năm 1683, họ dời thương - quán lên Kẻ - Chợ (Hà-nội) nhưng rồi lại vì nhàn - viên trong thương - quán không hòa thuận nhau, người Hà, người Bồ, âm mưu làm khó khăn, việc giao-thiệp với Vua, Quan Việt - Nam không dễ dàng, nên đến năm 1697 họ phải đóng cửa thương - quán. Sau đó thỉnh thoảng họ cho tàu đến trao đổi hàng hóa mà thôi.

Trước khi phải rời bỏ Đàng - ngoài, người Anh mưu tính đến buôn bán ở Đàng - trong. Năm 1695, tàu Le Delphin đến bỏ neo gần đảo Poulo Cham, và một thương gia là Thomas Bowyear được viên Chủ-tịch Công - ty Ấn độ là Higginson ủy mang thư và phẩm - vật dâng Chúa - Nguyễn để xin được đến buôn bán. Bowyear có trách-nhiệm điều-trá việc giao-thiệp với Chúa và dân bản xứ, các thứ hàng hóa, giá cả, và xin Chúa các đặc-ân :

1.) — Cho đất lập thương - quán ;

2.) — Cho viên chủ thương-quán được phân sứ các sự bất hòa xảy ra giữa người Anh và người bản-xứ ;

3.) — Cho viên chủ ấy được trừng phạt những người lao công và tội tớ khi chúng phạm lỗi :

4.) — Được tự - do xuất-cảng, nhập-cảng hàng hóa khỏi chịu thuế v. v. . . Bowyear được đưa về Huế, yết kiến Chúa Nguyễn bấy giờ là Minh-vương. Minh vương tiếp Bowyear tử-tế, ban cho 10.000 đồng tiền, một con heo, hai bao gạo, hai vò rượu và hai hũ cá mặn. Sau đó, Chúa lại cho phái - viên của Higginson diện-yết một lần nữa để y trình rõ-ràng các

lời thỉnh cầu, rồi Chúa trả lời rằng khi nào người Anh đến lập thương-quán, các điều thỉnh cầu ấy sẽ được xét đế chấp nhận. Nhận đó, Chúa sai chỉ cho Bowyear các súng đại - bác đặt chung quanh phủ Chúa và hỏi người Anh có thể đem đến bán đại - bác kiểu ấy không. Hàng hóa Chúa mua được Chúa truyền trả bằng vàng như Bowyear muốn. Nhưng kẻ thừa hành trả không đúng giá, Bowyear kêu nài. Chúa sai đưa trả thêm hai thoi vàng nữa Chúa sai trao Bowyear một bức thư và phẩm - vật là vàng, 300 tấm lụa, gố quý, trầm hương gửi tặng viên chủ - tịch Higginson. Thư ấy viết bằng chữ Hán, lời lẽ lễ - độ, bằng lòng để người Anh đến buôn bán. Nhưng không biết vì sao việc mưu toan này của Higginson không thấy tiếp tục.

Tuy việc buôn bán của mình trước kia không lợi, đã phải đình chỉ, bước sang thế-kỷ XVIII, người Anh và người Pháp dự trừ thiếp lập lại việc doanh thương ở đất Việt - Nam. Họ đều đế ý đến đảo Côn-lôn (Poulo-Condore trước hết).

Năm 1702, Công-ty Ấn-dộ của Anh đến lập một cái đồn ở Côn - lôn, giao cho Allen Catchpole cầm đầu. Chúa Hiếu - minh sai Trương - phúc - Phan ra đánh. Phan mõ 15 người Đồ - bà, cho giả làm người giúp việc cho người Anh. Nửa đêm, bọn Đồ - bà rủ những người giúp việc trong đồn nồi dậy giết tất cả người Anh, trừ hai người trốn thoát, xuống một chiếc ghe, sang được Johore (miền nam Malacca). Trương - phúc - Phan liền đem quân ra tiếp ứng, thu của cải đem về.

Năm 1777 chiếc tàu Anh là Rumbold từ Trung-quốc đi Ấn-dộ, ghé cửa Hàn (Tourane) để dò la tin tức về xứ Đàng-trong. Lúc này, Chúa Trịnh đã lấy Phú - xuân, Chúa Nguyễn chạy vào Gia - định, Tây-sơn - vương Nguyễn - Nhạc đóng ở Đồ-bàn (Bình-dịnh) được Chúa Trịnh cho trấn thủ cả đất Quảng-Nam nữa, còn Nguyễn - Lữ vào lấy Gia-dịnh, Đỗ-thanh-Nhân, đánh lấy lại nên đã trở về Qui - nhơn. Nhờ một Giáo - sĩ giỏi - thiệu, tàu Rumbold cho hai vị-quan của đức Nguyễn - Ánh quá giang để vào Sài-gòn theo Ngài. Vì gặp gió lớn, tàu không ghé Sài-gòn được, phải chở luôn hai vị ấy sang Bengale (ở bờ Ấn-dộ, thuộc Anh) Viên toàn - quyền xứ ấy cho một chiếc tàu nhỏ là Jenny chở hai ông về nước; Công-ty Ấn - độ nhận đó cũng sai một nhân viên là Charles Chapman và chiếc tàu l'Amazone sang xứ Đàng-trong để sắp đặt việc buôn bán với xứ này.

Bấy giờ ông Nguyễn-Lữ và ông Nguyễn - Huệ đã trở vào tái chiếm Gia - định, ông Nguyễn-Nhạc đã xưng đế (hiệu Thái - Đức), đóng ở Hoàng - đế - thành (tức thành Đồ - bàn), từ Quảng-nam trở vào đã thuộc quyền Tây-sơn chiếm cứ. Tàu l'Amazone ghé Qui-nhơn, Chapman yết kiến Vua Thái - Đức, Vua hứa cho người Anh đến buôn bán. Rồi tàu ra Bắc, ghé cửa Hàn, Chapman đến Huế, yết kiến quan Trấn-thủ, (1) được tiếp đãi tử-tế, và miễn các món thuế.

(1) Phú-xuân bấy giờ thuộc Chúa Trịnh, Trần-thủ lúc ấy ông Bùi-thể-Đạt đã được Chúa Trịnh-Sâm cho vào thay Hoàng-ngũ-Phúc, suốt năm 1775 giữ chức ấy, cùng ông Lê - qui - Đôn làm Tham-thị để giữ đất Thuận-hóa.

Nhưng nghe tin Chúa Trịnh sai chiếm đoạt tàu Jenny đậu ở Huế, Chapman phải vào theo tàu Amazone ở cửa Hàn rồi về Malacca.

Tuy không gặp may, nhưng Chapman cũng rất lắc quan về xứ Đàng-trong. Ông cho rằng xứ này có nhiều sản-vật buôn-bán có lợi, vị-trí lại quan-trọng để cạnh-tranh với các nước khác ở vùng này, và khuyên Công-ty nên sớm đến lập chi-cuộc ở đấy.

Trong thời gian ấy, người Pháp hăng-hái hơn.

Năm 1686, Công-ty Đông Án-độ của Pháp sai một nhân viên là Véret sang Đàng-trong tìm nơi lập thương quán. Véret khuyên nên chiếm đảo Côn-lôn vì nó nằm trên đường đi của tàu thuyền đi từ Án-độ sang Trung-quốc, Đàng-ngoài, Phi-luật-Tân, và ở đấy còn có thể buôn bán với Mèn, Lào.

Năm 1721, Công-ty sai một nhân - viên khác là Renault sang Côn - lôn xem xét lại việc lập thương-quán. Trái Véret, Renault cho rằng Côn-lôn nghèo, không có sản vật, khí hậu xấu, không hợp với người Âu - châu.

Bấy giờ người Âu-châu đến buôn bán ở Quảng-đông, bị quan lại Tàu bó buộc nhiều điều, phải tuân theo nhiều qui - tắc nghiêm - mật, một phần lợi lại vào trong tay các đương - hành của người Tàu đứng làm trung gian cho nên họ đương tìm một nơi khác dễ chịu hơn. Người thì tính đến Ninh - Phố, kẻ mưu sang Áo-môn, người Pháp nhắm Đường-trong.

Năm 1744, một thương gia Pháp ở Quảng-đông tên là De Rathe ủy một lái buôn tên là Friel (cháu

Dupleix) đi tàu đến Đàng-trong để điều tra và dọn đường trước cho việc buôn bán mình sẽ mở. Friel được Chúa Võ-Vương ban cho một đạo-sắc-văn thuận để đến buôn bán. Nhưng De Rathe không có tàu Pháp để dùng, sai Friel sang Pondichéry để nghị với Dupleix, Toàn quyền của đất Ấn-dộ thuộc Pháp là người đương doanh-thương từ Hồng-hải đến Trung-quốc-hải một cách hăng hái. Dupleix tán thành ngay, cho là một việc rất tốt, và sai sứa-soạn một chiếc thuyền để phái đi. Nhưng cuộc chiến tranh về việc thừa kế Vương-vị Úc-dại-lợi xảy ra, Anh, Pháp giao chinh, việc buôn bán từ Ấn-dộ-dương đến Trung-quốc-hải đình đốn, nên việc mưu sang Đàng-trong phải tạm gác lại. Đến năm 1748, chiến tranh xong, Dupleix mới sai một nhân-viên là Dumont sang Đàng-trong. Nhưng lúc ấy, ở Pháp người ta cũng nghĩ đến việc buôn bán với Chúa Nguyễn.

Nguyễn có một người Pháp tên là Pierre Poivre đã từng sang du-lịch Viễn-dông, nghiên-cứu vị-trí, chính-trị, phong-tục, tôn-giáo, sản-vật, thương-mãi của xứ Đàng-trong rồi trình bày rõ-ràng trong một bài ký-thuật. Công-ty Đông-Án-dộ bèn phái ông sang Viễn-dông để lập thương-quán ở Đàng-trong và tìm cách đoạt độc-quyền mua bán hương liệu (quế, tiêu, gừng, hồi-hương) của người Hà-lan. Năm 1749, Poivre đến Pondichéry rồi đi tàu Machault đến cửa Hàn, ra Huế yết-kiến Võ-Vương, dâng lẽ vật, được Chúa tiếp tử-tế. Năm sau, tàu Machault về, có mang một bức thư của Chúa gửi cho vua Pháp. Poivre cho rằng ở xứ này việc cai-trị xấu, Chúa, Quan tham-lam v.v... nên việc mua bán không thuận tiện, nếu muốn đến đó thì phả

có sức mạnh để người ta sợ và kính mới được. Lời phúc-trình bi-quan ấy làm cho Công-ty Ấn-độ phải bỏ những điều mưu tính.

Nhưng Dupleix vẫn giữ ý định của mình. Sau khi Poivre rời khỏi Đàng-trong, Dupleix có nhờ một giáo-sĩ là Edmond Bennetat làm môi-giới để mình kết giao với Chúa Nguyễn và xin lập thương-quán ; rồi lại sai người giúp việc là De Rabec sang Đàng-trong xin Chúa mấy điều như được tự-do buôn-bán, được quyền sở-hữu và xây-dựng nhà ở, cửa hàng. Chúa thuận cho. Nhưng rồi Dupleix bị đòi về Pháp, mưu toan ấy phải bỏ.

Dưới triều Pháp-hoàng Louis XV, Louis, XVI Thủ-tướng Choiseul, rồi Thượng-thư ngoại-giao De Vergennes vì thấy người Anh thắng thế ở Ấn-độ và chiếm được nhiều mối lợi của người Pháp, nên có sai nghiên-cứu việc khôi phục địa vị của Pháp ở Viễn-dông, và đều để ý đến xứ Đàng-trong là một căn cứ hệ - trọng mà người Anh chưa chăm chú đến. Nhưng vì ở triều-dinh, có kẻ không tán thành, nên ý nghĩ ấy không được đem thực-hành.

Năm 1778, vào lúc người Anh sai Chapman sang nước ta, viên Trấn-thủ Chandernagor, thành-thị Ấn-độ thuộc Pháp là Chevalier, sau khi sai tàu sang do thám Đàng-trong, biết xứ này đang gấp sự tranh - giành giữa Tây-son và Chúa Nguyễn, có làm tờ trình lên viên Toàn-quyền các đất Ấn-độ thuộc Pháp xin, vì lợi ích của nước nhà, đem quân lính sang giúp Chúa Nguyễn. Nhưng bấy giờ nước Pháp đang dự vào cuộc chiến tranh đòi độc-lập của nước Hoa-kỳ, nên sự mưu tính ở xứ Đàng-trong xa xuôi kia không được Triều-dinh Pháp để ý đến.

Tóm lại mà xem, người Bồ, người Hà đến trước và buôn bán khá hơn người Anh, người Pháp, nhưng đến thế-kỷ thứ 18, chỉ còn có người Anh người Pháp chủ mục đến nước ta, những tờ phúc-trình của các phái-viên sang điều-tra phần nhiều lạc-quan, xui hai nước ấy đua nhau mưu-dò đất Việt. Tuy nhiên khi vì ý-kiến của một vài vị định-thân hoặc vì thời-thế không tiện, việc chưa làm được, nhưng mà trong lúc ở Âu-châu có cuộc cơ-khi cách-mệnh, người Âu đương tranh nhau đi tìm đất thực-dân, mưu ấy không sớm thì chầy cũng phải thành-tựu : nước Việt-nam giàu có, vị-trí hệt-trọng kia, đã khó thoát khỏi vòng thống-thuộc của một trong hai nước Anh, Pháp rồi !

Nói về nước Pháp thì sau cuộc chiến-tranh bảy năm, đã mất nhiều thuộc-địa, ở Ấn-dô chỉ còn năm nơi thương-phụ, vậy muốn khôi phục thế-lực ở Á-đông, người Pháp phải gắng kiểm thêm đất-dai ở bên này mới được.

Một Giáo-sĩ Pháp sẽ tìm cơ hội can thiệp vào việc nước Việt-Nam và đặt viên-đá đầu tiên cho cuộc xâm-nhập của nước mình.

### **Đạo Thiêng-Chúa truyền vào đất Việt-Nam**

Theo Khâm-dịnh Việt-sử thì năm Nguyên-hòa nguyên-niên (1533) đời Lê-Trang-Tông, có một người tây tên là Lni-Khu di đường bắc vào giảng đạo ở làng Ninh-cường, làng Quần-anh, thuộc huyện Nam-chôn, và làng Trà-lũ, thuộc huyện Giao-thủy, tỉnh Sơn-nam (tức Nam-dịnh ngày nay). Cũng năm ấy, có dụ của vua Lê cấm dân theo đạo Gia-tô.

Năm 1550, một Giáo-sĩ thuộc dòng Dominicains tên là Gaspard de Saneta Cruz từ Malacca (của Bồ.-đào-nha) đến Hà-tiên (bấy giờ là của Cao-môn), rồi vào Cao-môn giảng đạo. Một giáo-sĩ khác cũng dòng ấy tiếp theo đến, nhưng cũng như Cruz, đều không được kết quả gì trong việc giảng dụ.

Từ năm 1580 đến 1586, Giáo-sĩ Grégoire de la Motte (người Pháp) và giáo-sĩ Louis Fonseca (người Bồ) đến giảng đạo ở Quảng-nam, nhưng rồi Chúa Nguyễn-Hoàng ra lệnh bắt hai ông, giáo-sĩ Fonseca bị giết, và Grégoire phải tử thương. Sau khi đến Phi-luật-tân, người I-pha-nho cũng muốn truyền đạo Thiên-chúa vào bán-đảo Ấn-Chi (Indochine), dòng Dominicains ở đấy có phái hai Giáo-sĩ đến Cao-môn, nhưng bị người bản xứ bức hại, buộc phải bỏ đi.

Năm 1584, đáp lời mời của Mạc-mậu-Hợp, bấy giờ đã chiếm Thăng-long, một tu-viện dòng Franciscains ở Manille phái một giáo-sĩ tên là Bartholémo Ruiz đến Thăng-long. Giáo-sĩ được vua Mạc tiếp đãi tử tế và cho phép giảng đạo, nhưng trong 2 năm, không có một người Việt nào theo đạo. Năm 1586, Ruiz trở về Manille.

Một Giáo-sĩ người I-pha-nho tên là Ordonez de Cevallos đã đi nhiều nơi trên thế-giới, có viết một quyển sách thuật lại những điều nghe thấy. Theo sách ấy : Giáo-sĩ có đến giảng đạo ở Bắc-Việt đời Hậu Lê, rồi bị đuổi ra khỏi xứ năm 1591.

Năm 1596, hai giáo-sĩ dòng Dominicains là Diego Aduarte và Alouze Jimenez từ Manille theo tàu chở

đoàn quân của Toàn-quyền Phi-luật-Tân đưa sang giúp vua Cao-mên là Chau-Ponha-Tan chống lại một người bà con cướp ngôi. Việc cứu viện thất bại, trên đường về, chiến-thuyền Phi-luật-Tân có ghé cửa Hàn. Giáo-sĩ Aduarte đến yết kiến Chúa Nguyễn, được Chúa tiếp đãi tử tế, và hứa sẽ lập cho nhà thờ để giảng-đạo. Nhưng sau đó, vì một sự vụng-về của thuyền-trưởng Phi, Chúa Nguyễn ra lệnh đánh phá các chiến thuyền. Hai Giáo-sĩ cũng phải trở về Manille.

Trở lên, các Giáo-sĩ hầu hết thuộc giòng Domincains là dòng đã bắt đầu gieo hạt giòng Thiên-chúa-giáo ở đất Việt-nam.

Ở Nhật-bản, Giáo-hội Thiên-chúa Giáo-sĩ François Xavier lập từ năm 1549 đã thịnh vượng một lúc. Năm 1614, Mạc-phủ Đức-xuyên đuổi các Giáo-sĩ ngoại-quốc ra khỏi nước. Nhiều Giáo-sĩ dòng Tên (Jésuites) sang để di giảng ở Nhật-bản phải định lại ở Macao. Vừa có người Bồ tên là Ferdinand da Costa buôn-bán ở miền Nam nước Việt về, đề nghị phái Giáo-sĩ sang đất ấy. Năm 1615, các Giáo-sĩ Francesco Busomi (người Ý), Diego Carvalho (người Bồ) được phái sang Cửa Hàn (Tourane), hai ông xin được phép truyền đạo, lập lèn giảng-đường đầu tiên, rồi sau đến Hội-an (Faifo), ở đây bấy giờ đã có người Bồ, người Nhật, người Tàu buôn-bán đông đảo.

Busomi ở Việt-Nam hơn hai mươi năm là người sáng lập Giáo-hội Hàng-trong (Mission de la Cochinchine). Nhờ Chúa Sài-Vương dung nạp, Giáo-hội thịnh lần; từ năm 1615 đến 1625, có vài mươi, Giáo-hội dòng

Tên sang, phần nhiều là người Bồ, mấy người Nhật, người Ý và một người Pháp ; người Nhật khá đông là vì họ biết chữ Hán, tiện cho việc giảng dạy.

Trong các Giáo-sĩ thuở ấy, có hai người chúng ta nên biết đến : Cristoforo Borri và Alexandre de Rhodes. Borri người Ý, được Đức Giám-mục ở Ma-cao phái đến năm 1618, là tác-giả một quyển sách nói về Giáo-hội xứ Đường-trong in ra đầu tiên, sau dịch ra nhiều thứ tiếng, làm cho người Âu-châu được biết rõ thêm xứ này. De Rhodes, người Pháp, đến năm 1624, sau sáu tháng học tập, đã thạo tiếng ta và dùng giảng-đạo cho tín-đồ được. Trong bảy năm ở Đàng-trong và Đàng-ngoài, ông biết rất rõ phong tục, tánh tình người Việt-Nam, và thông thuộc Sử-ký, Địa-dư nước ta, rồi có viết nhiều sách nói về Việt-Nam, sách này có nhiều tài-liệu đầy đủ và xác thực hơn các sách, các bài ký-thuật từ trước đến bây giờ, sau có dịch ra nhiều thứ tiếng.

Năm 1626, thấy công việc truyền-giáo ở miền Trung Việt có hiệu quả, Giám-mục ở Macao phái Giáo-sĩ Giu-liamo Boldinotti người Ý, thuộc dòng Tên, đến Bắc-Việt xem xét tình hình. Boldinotti được Chúa Trịnh-Tráng tiếp tử-tế, rồi theo lời phúc trình của ông, Giáo-hội Đàng-ngoài (Mission du Tonkin) lập lên, giao cho Alexandre de Rhodes cai quản ông này ở đây hơn 3 năm, cộng-sự với Giáo-sĩ Pedro Marquez, khuyến được nhiều tín-đồ. Chúa Trịnh-Tráng có gửi một bức thư cho Đức Giáo-Hoàng Urbain VIII.

Năm 1628, vì có người vu cáo các Giáo-sĩ âm mưu với họ Mạc nên Chúa xuống lệnh cấm đạo, năm

sau, dày hai ông vào miền Trung, rồi năm 1630, đuổi về Macao.

Tuy vậy, sau đó, nhiều giáo sĩ khác vẫn được Macao tiếp-tục gửi đến truyền đạo. Giáo-hội thịnh lên năm 1639 ở Đàng-ngoài đã có 82.500 giáo-dồ. Ban đầu Chúa Trịnh-Tráng mong người Bồ-dào-Nha giúp mình đánh Chúa Nguyễn, nên dõi dãi với các giáo - sĩ rất tử tế, nhưng rồi thấy người Bồ không giúp, Chúa đổi thái-dộ. Năm 1643, Trịnh - Tráng xuống dụ cấm đạo, nhưng vẫn cho giáo-sĩ ở lại trong nước. Ba tháng sau, nhờ Giáo-sĩ bè trên là Majorica khéo vận-động, Dụ ấy được thu hồi.

Ở Đàng-trong, năm 1636, đã có đến 15.000 tín - đồ Thiên-chúa. Tuy ban đầu, Chúa Sài - vương cho phép các Giáo-sĩ truyền đạo, nhưng về sau, Chúa ra lệnh cấm họ tụ họp, họ phải tản mác mỗi người mỗi nơi. Có một sứ-bộ Bồ-dào-nha đến điều-dịnh nhưng các Giáo-sĩ vẫn không được tự-do giảng dạy.

Chúa Thượng-vương nỗi ngôi Chúa Sài-vương còn cấm đạo nghiêm hơn nữa. Năm 1644, 1645, nhiều giáo-dồ bị giết. Năm 1646, hai giáo-sĩ là Metello Saccano và Baldassare Caldeira đến dâng phẩm vật quý giá lên Chúa Thượng, nhưng chẳng bao lâu vì có việc xích mích với người buôn bán Bồ-dào-nha, chúa đuổi Caldeira đi, Saccano là người Ý nên được ở lại nhưng không được giảng đạo. Giám-mục ở Macao phái giáo-sĩ Carlo di Rocca, người Ý sang thay thế Caldeira. Giáo-sĩ Carlo đến Huế yết-kiến Chúa Nguyễn, dâng phẩm vật.

Chúa Hiền-Vương ban đầu tử tế với đạo Thiên-chúa, nhưng đến sau cũng cấm đạo và giết giáo-dồ.

Ở Đàng-ngoài, Chúa Trịnh-Tạc kế vị Chúa Trịnh-Tráng (1657) không dung nạp đạo Thiên-chúa. Năm 1658, sáu Giáo-sĩ bị Chúa trực xuất, hai giáo - sĩ Tissanier, Borges phải khó-khăn mới xin ở lại được và trải qua những hiểm nguy để giảng đạo.

Vào cuối thế-kỷ XVII, ở Đàng - trong cũng như ở đàng - ngoài, việc truyền-bá đạo Thiên - chúa bị cấm nghiêm, nhiều lần giáo-đồ bị giết, giáo-sĩ bị bắt giam, có khi bị hành hạ phải chết. Năm 1698 Chúa Minh-Vương bắt giáo-sĩ, giết giáo-đồ. Năm 1696, Chúa Trịnh-Căn dốt hết sách đạo, các giáo - đường, và đuổi các giáo - sĩ. Nguyên - do không có gì lạ hơn là : thầy tăng đạo Phật, thầy cúng đạo-giáo dương thịnh, thời không thiếu gì lời lẽ để gièm pha và chúa Trịnh, chúa Nguyễn thấy người Âu-châu không giúp được mình như ý trong đợi để thắng kẻ địch, cũng không nề vì gì nữa.

Như ta đã thấy, thế-kỷ XVI, đạo Thiên-chúa truyền vào đất Việt-Nam do các giáo-sĩ dòng Dominicains, nhưng công việc của họ trong thời-gian ấy chưa có kết quả gì. Đến thế-kỷ XVII, Giáo-sĩ dòng Tên đến đông, lập lên Giáo-hội ở Nam, Giáo-hội ở Bắc, nhiều giảng - đường, rồi từ đó về sau, hạt giống Thiên-Chúa mới nẩy-nở lần ra, cho nên ta có thể nói rằng chính dòng Tên đã xây nền tảng cho đạo Thiên-chúa ở đất này. Từ năm 1615 đến năm 1653, các giáo-sĩ dòng Tên đã khuyến dụ được phỏng 400.000 người Việt-Nam theo đạo, ở Bắc phỏng 300.000, ở Nam phỏng 500.000. Được

thể là nhờ giáo-sĩ dòng này có học vấn, có đạo-đức, tìm hiểu tâm-lý và phong-tục người Việt, lại biết hòa mình vào đời sống các tầng lớp nhân dân mà họ tiếp xúc.

Trước khi thuật lại công việc truyền-giáo ở thế-kỷ XVIII ta nên nói qua sự sáng-lập của Hội Ngoại-quốc truyền-giáo (Société des Missions Étrangères) là hội được kế-dòng Tên để giảng-đạo Thiên-chúa ở nước ta và lại có quan-hệ lớn đến cuộc Pháp-thuộc của Việt-Nam.

Nguyên sau khi giáo-sĩ Alexandre de Rhodes bị trục-xuất ra khỏi nước ta (1645), các giáo-sĩ bèn trên ở Macao bèn phái ông sang La-mã xin Giáo-Hoàng việc bổ-Giám-mục sang chủ-trương các Giáo-hội bên này. Ba năm ở cạnh Tòa-Thánh, ông trình-bày việc định đẳng-cấp cho Giáo-sĩ ở Viễn-đông. Nhưng mà ý-tưởng ấy bị người Bồ-dào-nha phản-dối. Như đã nói trên, người Bồ đến Viễn-đông trước, là nước có thế lực nhất trong thế-kỷ XVI ở đây, nên được Giáo-Hoàng cho nhiều đặc-quyền đối với các nước Âu-châu khác trên vùng này. Các giáo-sĩ, dù người nước nào, trước khi sang truyền-giáo ở Viễn-đông, phải ghé Lisbonne, Kinh-đô Bồ, phải có Triều-đình Bồ thuận-ưng mới được, và đến nơi, đều thống-thuộc Đại Giám-mục ở Goa (Ấn-dộ), Giám-mục ở Macao, hoặc Giám-mục ở Malacca.

Đến thế-kỷ XVII, nước Bồ suy-sụt, nhiều đất dai bên này đã bị người Hà-lan chiếm-đoạt, nhưng họ còn thế-lực lớn về tinh-thần và vẫn giữ những đặc-quyền ấy. Việc mưu-tinh của De Rhodes nếu thành-hiệu, sẽ

thiệt hại đến quyền của người Bồ-nênh-Giáo. Hoàng Innocent X không thiêt-hành được. De Rhodes phải sang Pháp vận-dộng, tuy gặp nhiều người tán-thành nhưng cũng không thu được kết-quả gì. Sau ông bồ sang Ba-tur rồi chết ở đây (1660).

Nhưng rồi Giáo-Hoàng thấy có nhiều Giáo-sĩ thuận sang Việt-Nam, sai lựa ba vị để thăng lên chức Giám-mục, nhiều người Pháp có hăng-tâm quyên tiền để cấp-dưỡng các Giám-mục ấy. Vua Bồ lại nỗi lên phản đối, vì sợ người Pháp theo chánh Giáo-sĩ họ mà du-nhập Viễn-đông; sứ thần Bồ ở Thánh-hội còn dọa sẽ bắt giam hết Giáo-sĩ Pháp phái qua Ấn-độ! Thái-độ ấy làm cho người Pháp mủi lòng, nhưng việc cũng còn phải bỏ dở.

Năm 1657, mấy giáo-sĩ Pháp, trong có François Pallu, ở La-mã, được Giáo-Hoàng Alexandre VII tiếp, đề nghị với ngài việc phái Giáo - sỹ sang Viễn - đông, không phải ghé Lisbonne, và xin bồ cho xứ Đàng-trong và xứ Đàng-ngoài những chức Giám-mục Đại-lý trực-tiếp thuộc Giáo-hội để giảng dạy ở đất chưa tin Chúa, chứ không phải những Giám-mục thiêt-thụ mà người ta có thể tưởng sự bồ nhiệm làm phạm đến quyền-hạn khu-vực thống-trị của Đại Giám-mục ở Goa, và các Giám-mục ở Macao, ở Malacca. Giáo - Hoàng ưng-thuận, sai xem xét lại, rồi cho ba Giáo-sỹ Pháp là François Pallu, Lambert de la Motte, Ignace Cotelendi sung chức ấy. Ấy là bước đầu của sự thành-lập Hội Ngoại-quốc truyền - giáo, và việc De Rhodes mưu-linh tám năm về trước nay mới thấy thiêt-hành.

Ba vị Giám-mục Đại-lý của tòa Thánh đem theo nhiều Giáo-sĩ, lục-tục lên đường, Pháp - Hoàng Louis XIV có giao Pallu thư gửi vua xứ Đàng-trong, Đàng-ngoài, nước Tàu. Đến Xiêm, nghe rằng ở Việt-nam sự cấm đạo đương nghiêm, họ phải ở lại đấy, chỉ ủy Giáo-sĩ Chevreuil sang Đàng-trong, Giáo-sĩ François Deydier sang Đàng-ngoài trước.

Việc bỏ Giám-mục này bị người Bồ phản đối riết, năm 1661, thành Goa được lệnh vua Bồ sai bắt những Giám-mục Pháp ghé đất Ấn - độ rồi đưa liền về nước Bồ; Giám-mục và Giáo-sĩ hội Ngoại-quốc truyền-giáo đến Xiêm và ở Việt-nam thường bị người Bồ lập mưu xúi giục vua quan đuổi đi, hoặc hăm-hại, có khi thiệt đến tính-mạng, và gieo mối hiềm-oán giữa các Giáo-sĩ dòng Tên và hội Ngoại-quốc truyền-giáo.

Giám-mục Pallu thì năm 1670, đem lễ vật sang dâng vua Lê, nhưng tàu gặp bão, giật đến Phi-luật-tân, bị người Y-pha-nho nghi là gián-diệp của Pháp, bắt đưa về Madrid, kinh-đô I. Được tha, về La-mã, ông dâng lên một chương-trình xếp đặt các khu-vực cho các Đại-lý tòa Thánh ở Viễn-dông.

Giám-mục La Motte từ Xiêm, nhiều lần qua lại Việt-Nam, và gửi Giáo-sĩ sang, năm 1672, gửi phầm-vật dâng Chúa Hiền-vương, được Chúa cho phép giáo-sĩ hội Ngoại-quốc truyền-giáo vào ở và lập giảng-đường.

Giáo-sĩ Deydier được Giám-mục La Motte phái sang Đàng-ngoài từ năm 1666. Ban đầu, ông phải cải-trang làm kẻ buôn bán, sống cực-khổ ở Ké-chợ (Thăng-long) và phải trải qua nhiều khó-khăn, vất-vả để giảng-đạo.

Năm 1669, Chúa Trịnh-Tạc lại ra lệnh cấm đạo, đốt phá các giáo-dường và bắt giam giáo-đồ. Cũng năm ấy, Giám-mục De la Motte đi một chiếc tàu Pháp đến kinh lược miền Bắc thay cho Pallu, đem theo Giáo-sĩ Jacques de Bourges để ở lại cùng Deydier lo việc tông đồ. Năm 1680, Deydier và De Bourges được cử làm Giám-mục. Dòng Tên là dòng đã giảng dạy ở đây từ trước và vốn được nhiều cảm-tình của tín đồ Việt-Nam, bấy giờ có các giáo-sĩ dòng Fuciti (cha bè trên), Marini, Ferreira, Pimental, họ hăng hái hoạt-động và giảng-dụ được nhiều người. Các Giáo-sĩ dòng Dominicans thì giảng ở các tỉnh Bắc-ninh, Hải- dương. Bên cạnh các Giáo-sĩ Âu-châu, Nhật-bản, người ta đã thấy các Giáo-sĩ Việt-Nam hoặc thuộc hội Ngoại-quốc truyền-giáo (Giu-se Trang, Luca Bèn, Jean Huê, Benoit Hiền, hoặc thuộc dòng Tên (Valentin Suê, Léon Vệ, Philippe Bình).

Thế-kỷ XVIII, ở Đàng-ngoài, bệnh cấm đạo việc giết Giáo-sĩ xảy ra nhiều lần. Năm 1712, Chúa Trịnh-Cương ra lệnh cấm đạo còn ngặt hơn các lần trước : phải nộp các đồ thờ, giáo-đồ phải ký tờ xuất-giáo, ai không vâng bị khắc vào trán bốn chữ « học Hoa-lan-dạo », kẻ bị bắt phải nộp 40 lạng bạc để trả công người bắt, giáo-dường bị phá, đất dai Nhà-chung bị tịch-thu. Rồi trong các năm 1721, 1737, đều có giáo-sĩ bị tử hình. Tuy thế việc truyền-bá vẫn có hiệu-quả, và trước khi có lệnh giết Giáo-sĩ năm 1737, ở Đàng-ngoài các dòng, hội đã có cả thảy 250.000 giáo-đồ và non 20 Giáo-sĩ người Âu, hơn 20 Giáo-sĩ người Việt-

Nam và Tàu. Các năm 1745, 1773, lại thấy cấm đạo, giết đạo, có Giáo-sĩ bị bắt giam và bị án tử-hình.

Từ khi các Giáo-sĩ hội Ngoại-quốc truyền-giáo đến Việt-Nam thì giữa các Giáo-sĩ truyền-đạo ở đất này đã phát-sinh nhiều vấn đề tranh-chấp lớn lao khiến hai phe xung-đột nhau kịch-liệt và mãi mãi. Họ bất đồng ý-khiến nhau về vấn-dề lễ nghi (xem sau), có khi ganh ghét nhau vì vị cầm đầu khác quốc-tịch, nhất là giành nhau về giáo-quyền : các Giáo-sĩ người Bồ, các Giáo-sĩ dòng Tên, dòng Dominicains quyết duy-trì quyền-hành mà vua Bồ-đào-nha đã ban cho Đức Giám-mục ở Macao, và không chịu nhận rằng sắc lệnh của Giáo-Hoàng cử các Giám-mục đại-lý có thể huỷ-bỏ quyền-hành của Bồ-đào-nha quyền-hành này cũng do Giáo-Hoàng ban cho từ trước. Sự xung-đột và bất-hòa ấy làm cho Giáo-hội loạn-ly treo những tấm gương chia rẽ cho con chiên ở Đàng-ngoài cũng như ở Đàng-trong.

Năm 1738, Giáo-Hoàng Clément XIII phái Giám-mục Achards de la Baume sang Đàng-trong điều-tra và xếp đặt cho yên ổn. Giám-mục đến Hội-an rồi ra Huế, triệu-tập tất cả các Giáo-sĩ thuộc các dòng và hội Ngoại-quốc truyền-giáo rồi ra nghị-định (2-7-1740) chia khu vực cho các dòng như sau : Dòng Tên giảng ở các tỉnh phía bắc, nửa tỉnh Thừa-thiên, nửa tỉnh Quảng-nam, toàn tỉnh Quảng-nghĩa, và một phần xứ Đồng-nai; hội Ngoại-quốc truyền-giáo được phân nửa các tỉnh Thừa-thiên Quảng-nam, toàn tỉnh Qui-nhơn, tỉnh Phú-yên, tỉnh Khánh-hòa, đất Chiêm-thành ; phần đất đồng còn lại và xứ Cao-môn thì để cho phái Franciscains.

Nửa đầu thế-kỷ XVIII, ở Đàng-trong, Giáo-hội được yên-đồn, việc giảng đạo tự-do. Năm 1700, Chúa-Minh-Vương xuống lệnh cấm đạo, mấy Giáo-sĩ người Âu và nhiều tín-dồ bị bắt giam. Nhưng đến năm 1704, lệnh cấm đạo bãi bỏ. Chúa Minh-Vương (1724 - 1737) dung-nạp đạo Thiên-chúa, giáo-dường dựng lên ở nhiều nơi. Chúa Võ-Vương lên ngôi năm 1738, cũng rộng lượng với đạo ấy. Năm 1743, ở Đàng-trong có 300 giáo-dường (tại Huế có 5 nhà), 70.000 giáo-dồ. Nhưng đến năm 1750 thì Chúa đổi thái-độ : phá nhiều giáo-dường, bắt, đuổi các Giáo-sĩ người Âu về Macao. Có 26 giáo-sĩ bị đuổi, 1 người chết trong ngục, riêng Giáo-sĩ Koffler (đòng Tên) là thầy thuốc của Chúa, được ở lại. Võ-Vương có quyết-định ấy vì nhiều duyên-cớ : các thương-nhân Âu-châu thường cho người Việt là một dân-tộc mọi rợ, nên trong sự giao-thiệp, họ không nhã-nhặn, không lê-độ, có khi sỗ-sàng, xảo-trá, khiến người Việt ghét người ngoại-quốc mà ghét lây đến các Giáo-sĩ và đạo Thiên-chúa ; bắt chước Vua nhà Thanh năm 1746 đã đuổi các Giáo-sĩ ngoại-quốc ra khỏi nước Tàu ; sợ gương nước Xiêm-la : năm 1687, vì mâu-giới của một giáo-sĩ là Giám-mục Laneau, Chánh-phủ Pháp đã gửi một đạo quân Viễn-chinh sang chiếm Bangkok. Bọn cận-thần nhắc lại các việc ấy với Võ-Vương, và khuyên Chúa làm theo vua nước Tàu.

Vài năm sau, Giáo-sĩ Hội Gia-tô trở lại xứ Đàng-trong, Giáo-sĩ hội Ngoại-quốc truyền-giáo thi lên ở Cao-môn rồi phái người về các tỉnh miền nam xứ Đàng-trong, tức là đất Nam-kỳ ngày nay để giảng-dụ. Giám-mục hội này là Lefèvre và Giáo-sĩ Piguel đến ở gần

Oudong để giao-thiệp với người Việt-Nam lên đánh cá ở Cao-mên.

Vào khoảng năm 1765, mấy Giáo-sĩ hội Ngoại-quốc truyền giáo ở Xiêm-la vì giặc - giã, phải lánh sang Hà-tiên, rồi xin quan Trấn-thủ Mạc-Thiện-Tú lập Tu - đạo học-hiệu ở mũi Hòn-dất. Giáo-sĩ Piguel bấy giờ đã lên chức Giám-mục, giúp tiền của cho việc lập trường này.

Chẳng bao lâu hai Giáo-sĩ khác đến, mà một là Bá-da-Lộc (1) người sẽ đóng một vai tuồng hệ-trọng ở đất Việt-Nam. Bá-da-Lộc đến Hòn-dất thì Giám-mục Piguel giao cho giữ chức hiệu-trưởng trường mới lập, dạy dỗ 40 học-trò Tàu, Xiêm, Việt-Nam. Năm 1769, trường tu, nhà thờ, nhà ở của giáo-hội bị bọn cướp phá, đốt, nhiều học trò bị giết Bá-da-Lộc phải dời trường qua Pondichéry (1770). Piguel chết, ông được lên thay chức Đại-lý tòa Thánh ở xứ Đường-trong, nhưng ông ở Pondichéry đến năm 1774 mới chịu chức, rồi năm 1775 mới sang Hà-tiên.

Năm 1774, hội Gia-tô giải-lán, nhưng Giáo-sĩ hội ấy còn ở lại tiếp-tục công việc ít lâu nữa.

Hội Ngoại-quốc truyền-giáo thanh tẩy lần lên, lại thay vào địa-vị của hội Gia-tô để lại, càng dễ phát - đạt. Hai giáo-sĩ của hội ngoại-quốc truyền-giáo đã giúp nhiều cho ảnh-hưởng Pháp ở đất này : Pallu đã kết giày giao-thiệp Pháp-Nam, Bá-da-Lộc sẽ thắt chặt nó lại.

---

(1) Tiếng quan-thoại đọc là Pe - to-lo âm của chữ Pedro của Bồ-đào-nha, tức Pierre tên của giáo-sĩ Pigneau de Béhaine (Pierre Jephé Georges Pigneau).

Trong thế-kỷ 17, 18, các Giáo-sĩ giảng-dạo ở Việt-Nam cũng như ở Tàu, ở Nhật là những nước có một nền văn-hóa cổ-truyền, đối với tin-tưởng và lẽ-tục có sẵn của người trong xứ, họ chia làm hai phe. Một phe chủ-trương tùy-nghi châm-chước, dung-túng việc thờ cúng tổ-tiên để tránh mọi sự xung-đột và khỏi chạm lòng tự-ái của nhân-dân các nơi ấy ; một phe chủ-trương tẩy-trừ hết các hình-thức lẽ-nghi và tin-tưởng cũ. Giáo-sĩ hội Gia-tô thuộc phe trên, Giáo-sĩ hội Ngoại-quốc truyền-giáo thuộc phe dưới.

Vì các Giáo-sĩ Ngoại-quốc truyền-giáo phản-dối kịch-liệt ý-kiến châm-chước, dung túng nói trên, nên năm 1742, Giáo-hoàng Benoît XIV ra sắc-lệnh kết-án sự thờ cúng tổ-tiên. Và vì thế, từ đó người ta thấy những sự cấm đoán, những hình phạt các Vua Chúa nước ta thi-hành với Giáo-sĩ, Giáo-đồ càng xảy ra nhiều, nghiêm ngặt, nặng-nề hơn.

Xét kỹ lại, trong lúc mà loài người chưa có cái quan-niệm về tự-do tín-ngưỡng, thái-dộ ấy của Vua Chúa ta cũng không đáng lấy làm lạ lẫm.

Là vì những điều sùng-báu và phong-tục lẽ-nghi của dân-tộc Việt-Nam đã sống trong não cản người ta hơn 2000 năm rồi, đã ăn sâu vào đấy, nên mọi người đều cho là chánh mà trái lại nó là tà, là cái làm hủy-hoại cả phong-hóa của nước nhà. Huống chi xưa nay, về việc tín-ngưỡng, ai cũng cho ý-kiến của mình là phải, xem như ở Âu-châu, cũng xấp-xỉ trong thời gian ấy, những sự xung-đột về tôn-giáo đã giết hại bao nhiêu người vô-tội một cách thảm-khổc.

Cuối mục này ta không nên không nhắc lại một việc mà các Giáo-sĩ thuở ấy, vô-tinh đã làm ích-lợi cho chúng ta: việc sáng - chẽ ra chữ quốc-ngữ. Các Giáo-sĩ ấy đến đất Việt - Nam phải lo học tiếng ta để tiện bè giao-thiệp và dạy-dỗ con chiên. Thấy cách ghi chép tiếng ấy là chữ nôm khó quá, họ bèn nghĩ ra cách mượn chữ Latin chắp lại vẫn theo thô-àm. Công việc đó do nhiều Giáo-sĩ người Bồ, người Ý, người Pháp thực-hành rồi trải qua nhiều phen sửa-đổi mới đến được chữ quốc- ngữ ngày nay. Hai người có công nhiều nhất trong việc này là Alexandre de Rhodes và Bá-da-Lộc (Pierre Pigneau de Behaine). Các Giáo-sĩ nói trên cũng chỉ nhắm cái mục-dich giảng-dạy tín-đò ; chứ không ngờ sự sáng-tác của họ ngày nay được người Việt-Nam đem dùng làm lợi . khí chánh cho việc học-thuật trong toàn-quốc. Quyển Giáo-lý đạo Thiên-Chúa và quyền Tự-vị Việt-Y-Bồ của De Rhodes in ở La-mã cách đây độ 300 năm là sách đầu tiên trọng dụng chữ La-tin để viết tiếng Việt.

### **Việc giao-thiệp giữa người Việt-Nam và người Âu-Châu • lúc ban đầu.**

Người Âu-châu đến đông ở nước ta vào lúc Nguyễn-Trịnh tranh dành. Hai chúa có ý nhờ thế-lực ngoại-quốc để đánh nhau nên đối đãi họ tử-tế.

Người Bồ-Đào-Nha đến Đường - trọng trước nên thân-cận với Chúa Nguyễn hơn. Ngoài việc chở đến bán cho Chúa binh-khi, súng đại-bác, súng diều-thương, vật-liệu để làm thuốc súng như lưu-huỳnh, diêm-sinh

v.v... lại có một người lai Bồ tên Jean de la Croix tới Đường-trong trước năm 1615, nghĩa là trước các Giáo-sĩ hội Gia-tô, lập lò đúc súng gần Huế, ở chỗ này gọi là Phường-đúc đã đúc cho Chúa nhiều đại-bác.

Thế kỷ thứ 18, Chúa Nguyễn có lẽ đã biết và muốn lợi dụng khoa-học của Âu-châu nên dùng nhiều Giáo-sĩ hội Gia-tô giúp việc tại Triều.

Chúa Hiền-Vương dùng Giáo - sĩ Bartholomen de Costa làm thầy thuốc ; Chúa Minh-Vương dùng Giáo-sĩ Jean de Arnedo làm thầy thuốc và các Giáo-sĩ Sanna, Pirès De Lima (hai vị sau này người Bồ) về việc thiên-văn và toán-học ; Chúa Võ-Vương dùng Giáo-sĩ Neugebauer, người Đức giúp việc toán-học và thiên-văn và các Giáo-sĩ Siebert Slameuski, Jean Koffler kẽ nhau giữ chức ngự-y, và tuy năm 1750 chúa Nguyễn đuổi hết Giáo-sĩ nhưng Jean Koffler vẫn được ở lại ; hai năm sau chúa dùng Xavier de Monteiro, giúp việc toán-học và Jean de Loureiro làm thuốc.

Còn đối với người buôn-bán Hà-lan thì ban đầu Chúa Nguyễn cũng tử-tế, nhưng sau thấy họ có ý giúp Chúa Trịnh thì có ác cảm ngay nên người Hà phải bỏ đi, không ở Đường-trong nữa.

Ở Đường-ngoài, Chúa Trịnh không dùng Giáo-sĩ làm việc cho mình như Chúa Nguyễn mà chỉ trong mong được vỗ-lực Âu-châu giúp vào việc trừ kě địch mà thôi.

Ban đầu Chúa cũng vận-dộng để nhờ người Bồ giúp nhưng thấy họ đã kết-giao với Chúa Nguyễn rồi, bèn quay sang cầu thân với người Hà.

Tuy biết sảng vỗ-lực người Âu-châu đáng kiêng-sợ và trong lúc còn trông mong họ giúp đỡ nhiều việc, Vua Chúa chúng ta cũng đã lăm phen tò cho họ biết mình không phải là hèn.

Năm 1641, người Hà ở Hội-an (Faifo) tự-tiện giết một đứa đầy tớ người Việt, bị ngờ ăn cắp, quan Trấn thủ Quảng-nam đốt cả hàng-hóa và đồ-dạc của thương-quán Hà ; vàng, bạc và cái gì không đốt được thì đem quăng xuống bể, bầy thương-nhân bị giết, hai người được đưa về Ba-li-via để thuật lại cho người đồng-bang biết. Rồi hai trận thủy - chiến trong đó các thủ-lãnh chỉ huy Hà là Van Liesvelt, Baek bị giết, chiến-thuyền bị phá-hủy như đã nói trên kia. Cuộc đánh thắng hạm đội Baek của Dũng-lẽ-Hầu được truyền-tụng lầm, giáo-sĩ Alexandre de Rhodes khen ngợi : « Người Hà được kinh-nghiệm một cách thiệt-thời cho họ rằng mấy chiếc ghe Việt mà có thể đánh thắng được những tàu lớn của họ, với tàu ấy họ đã tưởng làm chủ-nhân ông trên mặt bể rồi ! » Những người Âu-châu như Vachet, Bouvyear, Poivre đến Việt-nam mấy mươi năm về sau, vẫn còn nghe người ta nhắc lại việc này.

Trong thời-gian nói trên, người Bồ ở Hường-trong cũng như người Hà, người Anh ở Đường-ngoài có giúp Chúa Nguyễn và Chúa Trịnh là giúp khí-giới đạn-dược mà họ đem đến bán cho thời, chó về quân lính, tàu bè, dự vào trận-mạc thì không thấy sách nào ghi chép cả, trừ ra hạm-đội Pierre Baek mới rắp-ranh hành-động đã bị chúa Nguyễn đánh bại ngay khi vừa men đến

cạnh bờ biển chữ S này. Vậy mà họ cũng bị các Chúa  
nghi-ky lăm, vì Chúa xứ nào cũng sợ một nước Âu  
châu giúp bên địch mình. Về sau, thấy họ không giúp  
đỡ mình được như ý trông mong, các Chúa lần lần đổi  
dãi không được tử-tế như lúc sơ-giao ; sự thay đổi  
thái-dộ ấy có ảnh hưởng lớn đến việc buôn bán và  
truyền giáo của người Âu.

Biết người Âu-châu có điều sở-đắc hờn mình, Vua  
Chúa ta đã có ý học theo để bắt chước chưa ? Khi các  
Giáo-sĩ giúp Chúa Nguyễn toán-học, thiên-văn, y-khoa,  
họ có bày dạy gì về nghệ-thuật ấy cho người Việt không ?  
Theo lời của P. Poivre đến Đường-trong vào khoảng  
giữa thế-kỷ thứ 18, thì trước kia, hàng năm, người Bồ ở  
Ma-cao sai sang ta nhiều thuyền và đủ người tài-giỏi  
các nghề, vì sao mà sai sang ? và sang làm gì ? Về  
những điều ấy, sử sách không cho ta biết cho tường  
được ; chỉ thấy nói rằng năm 1744, khi người lái buôn  
Friel đến Huế xin thông-thương, chúa Võ-Vương có  
gửi hai thiếu-niên Việt là Hiển và Lương để theo y-  
học tiếng Bồ-dào-Nha là thứ tiếng Âu-châu thông  
dụng nhứt ở nước ta lúc ấy. Hai chàng theo Friel  
qua Pondichéry, tuy bị y bạc dãi như nò-lè, nhưng  
sau mấy năm, trở về, biết tiếng ấy làm thông ngôn  
được. Lương còn giỏi về môn hội-họa ; đó là hai người  
Việt-nam xuất-dương học tiếng tây trước hết. Năm 1778,  
khi Chapman yết-kiến vua Thái-Đức Nguyễn-văn-Nhạc,  
vua nói muốn nhờ vị Toàn-quyền Bangale phái sang  
một người để dạy việc binh bị cho dân mình, vì vua có  
ý chinh-phục xứ Cao-mên, hết bán.-đảo Ấn-Chi (Indo-

chine) cho đến nước Xiêm-la, xứ Đường-ngoài ; Chap-man trả lời xin về trình lại.

Ngoài tài năng về khoa học làm cho người Việt-Nam hâm-mộ, về phương-diện khác người Âu-châu ở nước ta thuở ấy đã tỏ ra rằng mình không phải là giống người có nhơn-phẩm hoàn toàn. Bọn buôn bán thì kỳ thị, tranh giành, lập mưu-mô hại nhau, những việc xô-xát, ẩu-dả nhau không hiếm-hoi gì. Giáo-sĩ Alexandre de Rhodes mục-kích một cuộc đánh lộn của một người Pháp và một người Bồ, đều cầm khí-giới, thuật lại rằng những người bản-xứ trông thấy sự thịnh-nộ ấy nói với ông rằng họ chưa thấy một việc dã-man như thế bao giờ, rồi Giáo-sĩ kết lại « Vậy các ngài (Người Âu) nghĩ thử khi thấy người Âu-châu chúng ta, họ (Người Việt) nói thế nào ? » Không chỉ người khác quốc-tịch hay xung-đột nhau mà người một nước cũng thế ; ngày nay xem lại thư-tịch của các thương-quán người ta thấy nhiều về việc loại ấy, việc chia rẽ không chỉ xảy ra giữa người Âu-châu với nhau mà họ còn khiến người bản-xứ dự vào nữa. Cách ăn ở như thế không làm tăng thể-diện cho người Âu-châu đối với người Việt-Nam, một giống người chuộng đạo-đức và luân-lý. Ngày nay, người Âu-châu cũng nhận rằng đó là một trong những nguyên-nhân đã làm cho việc buôn bán của họ không được phát-đạt và gây ra những việc cấm, giết đạo Thiên-chúa.

Vậy ta có thể tưởng-tượng rằng cái quan-niệm của Triều-dình và dân-chúng nước ta thua ấy đối với người Tây-dương chẳng qua cũng như ở Tàu đời Hán đối với

Tây-vực, đời Đông-Tấn đổi với Ngũ-Hồ, đời Đường đổi với Đột-Quyết mà thôi.

Người Âu-châu đến ban đầu, ngoài thương-nhân, Giáo-sĩ còn một số ít người du-lịch. Nhiều Giáo-sĩ đã viết nhiều sách nói về nước ta, như Giáo-sĩ Borri viết « Giáo-hội Đường-Trong », Giáo-sĩ Alexandre de Rhodes viết « Lịch-sử xứ Đông-kinh » (Đường-ngoài), « Sự thành-công của việc truyền-đạo ở Đường-trong ». « Các cuộc du-lịch và sai phái của đơ Bori ở Tàu và các nước khác ở Á-dông » ; Giáo-sĩ Matello Saccano viết « Sự tiến-bộ của công việc truyền-giáo ở Đường-trong năm 1646, 1647 », Giáo-sĩ Cardim viết về « Xứ Đường-trong, Đường-ngoài, Lào » Giáo-sĩ Tissanier thuật lại « Cuộc hành-trình từ nước Pháp đến Đường-ngoài và các việc xảy ra ở Giáo-hội xứ này trong những năm 1658 — 59 — 60 » Giáo-sĩ Koffler viết « Tả xứ Đường-trong » vân vân... Các sách ấy viết bằng tiếng La-tinh, tiếng Bồ, tiếng Ý v.v... phần nhiều được phiên-dịch ra nhiều thứ tiếng và cùng những tờ phúc-trình của các phái-viên điều-tra về thương-mãi, đã giúp cho người Âu-châu biết được nước ta. Xem lại thì thấy phần đông tác-giả đều khen ngợi cái giàu có, cường-thịnh của nước ta và có cảm-tưởng tốt đối với Vua, và Dân ta. Chắc rằng những ý-kiến ấy đã khích-thích cái lòng ham lợi và chí giang-hồ, mạo-hiem của một số người, khiến họ hăm-hở tìm đến.

Thế-kỷ thứ 16, người Âu-châu gọi phần đất nước ta từ Linh-giang trở vào là Cochinchine và phần đất từ Linh-giang trở ra là Tonquin hoặc Tonkin. Chữ Cochinch-

chine do chữ Cauchi-china (tiếng I-Pha-Nho) và chữ Caoci Cina (tiếng Ý - đại - lợi) mà ra là nguyên từ chữ Kiaotche (Giao-chỉ), rồi sau thêm vào chữ China (Tàu) để khỏi lầm-lẫn với Cochin là tên một thành-phố của Ấn-độ (thuộc Anh, trên bờ bắc Lalabar) ; chữ Tonquin là dịch âm của chữ Đông-kinh tức là Hà-nội ngày nay.



## CHƯƠNG THỨ HAI

---

### NGUYỄN-PHÚC-ÁNH — BÁ - ĐA-LỘC

---

Đức Nguyễn-phúc-Ánh kết thân với  
Giám-mục Bá-Đa-Lộc  
Hoàng-tử Cảnh cầu cứu nước Pháp-lan-tây

Khi đất Phú-xuân bị tướng của Chúa Trịnh là Hoàng-Ngũ - Phúc lấy rồi, (giáp ngọ, 1774) thì Chúa Nguyễn là Định-Vương cùng hai cháu gọi bằng chú là Nguyễn-phúc Dương, Nguyễn - phúc - Ánh chạy vào Quảng-nam. Định-vương lập Nguyễn-phúc-Dương làm Đông-cung, để ở lại đây chống đánh với giặc còn mình và Phúc-Ánh vào Gia-dịnh.

Bấy giờ anh em Tây-sơn đã có được đất từ Quảng-nghĩa đến Bình-thuận và đương cùng Chúa Trịnh giành đất Quảng-nam. Nguyễn-Nhạc muốn mượn tiếng đè sai khiến quần-chúng, cho rước Đông-cung Dương về đóng ở Hội-an, khoản-dãi rất hậu.

Vừa ở phía Nam có quan Lưu-Thú đất Long-hồ là Tống-phúc-Hợp đem quân đánh lấy Bình-thuận, Diên-khánh, Bình-khánh rồi tiến đánh đất Phú-yên. Nguyễn-Nhạc liệu không chống nổi cả hai mặt, bèn xin hàng Chúa Trịnh đè khỏi lo về mặt Bắc mà chuyên đánh đất

Nam. Nguyễn-Nhạc lại dâng con gái là Thọ-Hương cho Đông-cung Dương và sai nói dối với Tống - phúc - Hợp xin hàng.

Tống-phúc-Hợp tin là thật, không phòng giữ, bị quân Tây-sơn đánh thua, Năm Bình-thân (1776) Nguyễn-Nhạc sai em là Nguyễn-Lữ đem thủy-quân vào đánh Gia-dịnh, chúa Nguyễn bỏ chạy về Trấn-biên (Biên-hòa). Sau khi xưng là Tây-sơn-Vương và đóng ở thành Đồ-bàn (Bình-định), Nguyễn-Nhạc đưa Đông-cung Dương ra ở chùa Thập-tháp, Đông-cung trốn thuyền về Gia-dịnh, được tôn là Tân-chính-Vương để cùng Định-Vương, tôn là Thái-thượng-Vương, lo việc khôi-phục.

Nguyễn-lữ vào chiêm Gia-dịnh được mấy tháng thì vì quân Đông-sơn của Đỗ-thanh-Nhơn và quâncủa Mạc-thiên-Tú (1) đến đánh, phải lui về. Năm sau, Định-dậu (1777) Nguyễn-Nhạc sai Nguyễn-Lữ và Nguyễn-Huệ đem thủy, bộ quân vào lấy Gia-dịnh rồi đuổi bắt được Thái-thượng-Vương, Tân-chính-Vương và người anh của Nguyễn-phúc-Ánh là Nguyễn-phúc-Đồng, đem giết cả đi. Nguyễn-phúc-Ánh thoát được, Nguyễn-Lữ hết sức tăm nã để dứt đi cho tuyệt, nên ngài cùng các quan tùy-tùng phải chạy trốn tránh nay dày mai đó. Lúc ấy Ngài gặp ở Hà-tiên Giám-mục Bá-đa-Lộc (Giáo-sĩ thăng Giám-mục d'Adran từ năm 1770), hai người làm quen nhau. Khi ngài trốn trong một rừng gần trường tu đạo, hàng ngày Giám-mục sai đem đồ ăn, uống đến cho. Böyle giờ toàn cõi Nam-kỳ đã vào tay

---

(1) Trần-thủ Hà-tiên, cùng con là Mạc-lư-Duyên, bấy giờ có giúp đỡ nhiều cho chúa Nguyễn-Vương.

Tây-sơn nêu Nguyễn-Ánh vài tuần sau ở Hà-tiên, trốn ra ở đảo Thồ-châu (Poulo Panjang) trong vịnh Xiêm-la.

Lấy Gia-dịnh rồi, Nguyễn-Lữ và Nguyễn-Huệ để Tổng-đốc Chu ở lại trấn-thủ rồi đem quân về Qui-nhơn, Nguyễn-Ánh và tướng-sĩ bèn từ đất Long-xuyên, khởi binh đánh chiếm lấy Sadéc, Sài-gòn và được tôn làm Đại Nguyễn-súy, quyền coi việc nước (1778); năm ấy ngài, mới 17 tuổi. Nguyễn-súy xếp đặt mọi việc ở Gia-dịnh như đặt quan cai-trị, định thuế khóa, luyện-tập binh-lính vân-vân... để mưu việc lâu dài. Bấy giờ Tư-dạo học-hiệu của Giám-mục Bá-đa-Lộc ở Hà-tiên bị ăn cướp Cao-môn cướp phá, nên đức thầy đem học trò đến dạy ở Tân-triều, gần Biên-hòa.

Từ đó, vì thường lui tới, Nguyễn-súy Nguyễn-phúc - Ánh và Giám - mục Bá - đà - Lộc lần lần kết thân với nhau. Giám-mục nghĩ có thể lợi dụng tình thế cho đạo Gia-tô và cho nước Pháp: giúp Nguyễn-súy khôi-phục giang-sơn thì sau Ngài không quên ơn-nghĩa. Vì vậy, Giám-mục kết liên sổ phận mình và tín-đồ mình với sổ phận Đức Nguyễn-phúc-Ánh, can dự vào việc Nam-kỳ, cùng Ngài bàn-tính về binh-bị, chánh-trị. Từ Canh-tí (1780) Nguyễn-súy đã xưng Vương-hiệu, đến năm Nhâm-dần (1782), Nguyễn-Nhạc và Nguyễn-Huệ đem binh vào lấy Saigon, Nguyễn-vương phải bỏ chạy về Tam-phủ rồi ra lánh ở đảo Phú-quốc Giám-mục Bá-đa-Lộc cùng học trò dời lên ở Cao-môn.

Chiếm Saigon rồi, Nguyễn-Nhạc, Nguyễn-Huệ để lại một số quân phòng-thủ mà về Bắc, tướng của Nguyễn-Vương là Chu-văn-Tiếp đem quân lấy lại Sài-gòn và chỉ

tước Ngài về ; Giám-mục Bá-đa-Lộc cũng trở lại Nam-kỳ, thiết trường dạy ở Măc-bắc (Trà-vinh). Nguyễn-Huệ, Nguyễn-Lữ lại đem quân vào đánh, Nguyễn-vương cung quyến đem chạy ra Phú-quốc. Quân Tây-sơn ra đánh Phú-quốc, Ngài chạy về đảo Côn-lôn. (1) Nguyễn-Huệ đem ghe thuyền đến vây đảo này 3 vòng, nhưng chẳng may bị bão đắm cả ghe thuyền ; Nguyễn-vương chạy về đảo Kok-Kut rồi về Phú-quốc. Trong lúc ấy Giám-mục Bá-đa-Lộc không biết trốn tránh vào đâu, mọi nơi xung quanh đều có giặc cướp, nên cùng đồng-dệ đến ẩn-náu trên mây hòn đảo ở vịnh Xiêm-la ; sau Giám-mục dời tu-dạo học-hiệu đến Chantaboun Nguyễn-vương thì thể-lực cùng kiệt, cùng quan quân tùy-tùng phiêu-lưu nay đây mai đó, lương thực không đủ, có khi phải nhịn ăn nhiều ngày. Phỏng vào khoảng đầu năm Giáp thìn (1784) thuyền Nguyễn-vương và quan quân đang trốn trong vịnh Xiêm-la thì gặp thuyền Giám-mục đi Pondichéry. Ngài tỏ với Bá-đa-Lộc ý định sang Ba-ti-vi-a vì người Hà-lan đã chịu giúp Ngài binh-lực để khôi phục giang sơn, nhưng Giám-mục bàn nên cầu cứu với nước Pháp.

---

(1) Sách thiêt-lục chánh-biên nói Ngài chạy về Côn-lôn nhưng ông Maybon nghĩ rằng các sách nói rằng bấy giờ Nguyễn-vương bị đuổi bắt và phải nhiều lần từ Côn-lôn chạy qua Phú-quốc và Phú-quốc về Côn-lôn ; lại nói khi Tây-sơn biết Ngài ở Côn-lôn lại đem ghe thuyền đến vây đảo này ba vòng. Nguyễn-vương bấy giờ đã mệt mỏi, không thể nào chạy xa-xôi nhiều vòng từ Phú-quốc đến Côn-lôn mà quân Tây-sơn cũng không đủ ghe thuyền đâu mà bao vây Côn-lôn đến ba vòng ; vậy Côn-lôn đây có lẽ chỉ đảo Koh-Rong (Cao-mán) trong vịnh Xiêm-la, gần đảo Phú-quốc nhỏ, quân Tây-sơn có thể vây 3 vòng được.

Bấy giờ Nguyễn - Vương còn có ý muốn đợi nhờ nước Xiêm-la, vì sau trận thua năm Quý-mão.

Ngài sai Chu-văn-Tiếp, qua nước ấy cầu viện và Chu đã dâng thư về xin. Ngài qua đó. Nguyễn-Vương đến Xiêm-kinh, được vua Xiêm tiếp - đãi rất hậu, rồi sai đại-dội binh thuyền sang giúp, nhưng quân Xiêm quấy-nhiều dân ta rất tàn nhẫn, sau lại bị Nguyễn-Huệ vào đánh phá một trận, giết hại gần hết. Thấy không trông cậy nước Xiêm được, Nguyễn-Vương mới quyết nhờ nước Pháp. Các quan Hội đồng cũng định rằng (1):

- 1.) Cần phải cầu-cứu một nước Âu-châu để khôi-phục gian.sơn, xin Vương cầu-cứu nước Pháp.
- 2.) Nhờ Giám-mục Bá-da.Lộc di thương-thuyết.
- 3.) Cho Giám-mục toàn-quyền thương-thuyết.
- 4.) Xin giao Hoàng-tử cho Giám-mục đem theo làm-tin.
- 5.) Xin giao Quốc-ấn cho Giám-mục đem theo làm-tin.
- 6.) Giám-mục xin Pháp-dinh đưa sang giúp Nguyễn-Vương 1.500 lính, tàu bè cho lính ấy, súng ống đạn dược và đồ cần dùng.
- 7.) Hai vị Thương-quan và một số người tùy-tùng sẽ đi với Hoàng-tử và Giám-mục.
- 8.) Nguyễn-Vương nhường cho Pháp.Hoàng hòn Cù-lao Hán.

---

(1) Mấy khoản này là lược-dịch bản-dịch « những lời bàn định của hội-dồng các quan xứ Đàng-trong », bản dịch này đăng trong sách *Histoire Moderne du Pays d'Annam* của Maybon.

- 9') Cộng-dồng với người xứ Đường-trong, nước Pháp có quyền sở-hữu cửa bắc Hàn để cho tàu bè đậu, sửa và làm tàu bè.
- 10') Nguyễn-Vương chịu nhường nước Pháp đảo Côn-lon.
- 11') Nếu được nước Pháp khôi-phục cho mình thì Nguyễn-Vương sẽ chịu giúp lại bấy nhiêu quân lính, lương-thực, tàu bè khi nước Pháp cần dùng.
- 12') Nguyễn-Vương cho nước Pháp được tự-do đến buôn-bán, chứ không để nước Âu-châu nào được quyền ấy.
- 13') Xin nói trước cho Giám-mục biết rằng nếu Pháp định yêu cầu những điều mà Nguyễn-Vương không dự-tính trước thì Giám-mục xét điều ấy không thiệt-hại đến quyền-lợi nhân-dân Việt-Nam bất kỳ về cách gì, mới được nhận lời. Giám-mục sẽ trình với Pháp-dinh rằng hòa ước mà Nguyễn-Vương muốn ký với nước Pháp có công bằng, lợi-ích cho cả hai nước thì nó mới vững vàng, chắc-chắn được.

Nguyễn-Vương sai làm quốc-thư để dâng Pháp Hoàng, rồi ngày 15 tháng 10 năm Giáp-thìn (25-11-1784) Giám-mục Bá-Đa-Lộc, Hoàng-tử Cảnh, phó vệ-Úy Phạm-văn-Nhân, Chánh Cai-cơ Nguyễn-văn-Liêm và một số người theo hầu bái biệt Ngài ở Đảo Thổ-Châu mà xuống thuyền, ghé Malacca, ở lại hơn một tháng rưỡi. Vì việc riêng của Giám-mục, rồi tháng giêng năm Ất-tị (2-1785) mới đến Pondichéry, đô-thành các đất Ấn-độ thuộc Pháp.

Giám-mục vận-động với các nhà cầm-quyền Pháp ở đây để xin cứu viện cho Nguyễn-vương, nhưng quan Tổng-trấn là Coutenceau des Algrains phản đối ngay việc ấy, đại ý nói một ông vua đánh với giặc đã 8 năm mà không hơn được thì là vì không có tài năng hoặc không được dân thương, đem binh lính, quân-khí đến một cõi xa-xuôi như thế phải tốn kém nhiều mà không lợi gì, những cuộc chinh-chiến ấy chỉ hợp cho những nước suy-nhược ưng chạy theo những việc hão huyền để khuây khỏa tinh cảnh mình, mà nước Pháp không phải là một nước như-thế. Viên toàn-quyền các đất thuộc-địa Pháp ở vùng ấy là Tử-tước De Souillac đi thanh-trá qua đó, cũng nói : « Nghĩ kỹ tôi thấy rằng xứ Đàng-trong, về phương diện nào cũng không có giá-trị gì hết ». Thấy công việc mình gấp phải trả ngại, Giám-mục Bá-đa-lộc rất buồn bã, ông gửi cho quan Thượng-tho bộ Hải-quân Pháp một cái thư bày tỏ hết ý kiến về việc xin cứu viện này, rồi ở Pondichéry đợi chờ.

Trong thời gian ấy, Giám-mục đã tính nhò người Bồ-đào-nha vì trước kia, khi ở Cao-môn, năm 1780, ông có được thư Viên Toàn-quyền Macao tình-nguyện giúp Nguyễn-vương. Ông viết thư sang Macao (8-7-1785) xin người Bồ đem tàu bè, súng đạn sang giúp Nguyễn-vương, để bù lại, nước Bồ sẽ được một nơi buôn bán rất tốt. Bấy giờ người Anh ở Ấn-d Độ cũng có xin Giám mục giao Hoàng-tử Cảnh để họ lo việc cứu-viện cho Tinh-tới, bàn lui, Giám-mục chán-nản, thất-vọng, đã định bỏ mà trở về.

Nhưng may đâu vừa gặp một sự thay đổi thuận hảo trong quan trường xứ ấy : David Charpentierde Cossigny

thay Coutanseau làm Trấn-thủ Pondichéry Bruni d'Entrecasteaux thay De Souillac trên ghế Toàn-quyền các đất thuộc địa Pháp. Người khác, nǎo cũng khác. Tông-trấn De Cossigny, tuy không hoàn-toàn đồng ý với Giám-mục Bá - da - lộc, nhưng cũng cho việc xứ Đường trong là đáng xét đến, chứ không đến nỗi khó khăn, vô ích, trái với quyền-lợi nước nhà như De Coutanseau đã nói; nên cho Giám-mục và Hoàng-tử Cảnh một chuyến quá-giang không tiền trên chiếc tàu buôn Malabar sang Pháp trình việc ấy lên Triều - đình đcán - định. Vào khoảng giữa năm bính- ngọ (1786), nghĩa là sau khi đến Ấn-dộ gần một năm rưỡi, giám-mục Bá - da - Lộc, Hoàng-tử Cảnh, một người trong Hoàng - tộc, ba người thị-vệ xuống tàu.

Trong khi sứ bộ của xứ Đường-trong lênh-dênh trên mặt biển thì quan Tông-trấn De Cossigny đồng ý với quan Toàn-quyền d'Entrecasteaux, phái Hải-quân Đại- úy de Richery và lục-quân đại- úy de Berneron di chiếc tàu le Marquis de Castries sang đảo Thồ - châu và xứ Đường-trong; nhiệm vụ của phái-bộ này đại-lược là : dò xét tình-trạng Nguyễn-vương, tài-năng, phong-tục, dân bản-xứ và cảm-tình của họ đối với Vương, xét biết những vật có thể mua bán, những nơi có thể đến đóng ở, vẽ bản-đồ những hải cảng, vịnh, bến tàu, xem xét kỹ cửa Hòn, thương thuyết với Nguyễn-vương, và nếu Vương ưng-thuận, đưa Vương và cung-quyền sang Pondichéry, nếu Vương ưng ở Thồ-châu cho gần thần-dân thì để lại cho Vương vài người Âu-châu, lương-thực, khí-giới, miễn là ở đảo ấy khi có địch-quân đến đánh có nơi ẩn-núp cho an-toàn được, nhưng trước khi giúp

Nguyễn-vương, phải tìm biết cho rõ tình-hình, tài-năng, số bộ-hạ của Vương và về sau Vương lấy gì mà báo-dáp lại nước Pháp ; nếu Vương là người yếu ót, ít tài-năng, dồ-dảng không đông và không quả-quyết, việc trả ơn sẽ không ra gì, thì phải về trình lại bè trên chử không được hứa hẹn gì cả. Vệ-úy Phạm-văn-Nhơn, Cai-cơ Nguyễn-văn-Liêm Linh - mục Hồ-văn-Nghị và mấy người Việt-Nam theo Hoàng-tử sang Pondichéry cũng đáp tầu ấy về nước.

Nguyễn-vương thì từ tháng tư năm Ất-tị (1785) đã dời khỏi đảo Thồ-châu, đem gia quyến sang lánh ở Xiêm-kinh, nên lúc Pháp-phái đến Thồ-châu không gặp Ngài. De Richery để Linh-mục Hồ.văn.Nghị và mấy người Việt-Nam lại đây rồi đi, hẹn mấy tháng sau sẽ trở lại. Vì trời xấu, tầu Marquis de Castries phải chạy thẳng qua Phi-luật-tân chử không xem xét đất Đường-trong được. Linh - mục Nghị tin cho Nguyễn - vương biết các việc, Ngài cũng có ý sang Pondichéry, nhưng đáp lại thơ cầu cứu của Giám - mục Bá.-đa.lộc trước kia, (1) tháng giêng năm Đinh-vị (1787), một sĩ-quan Bồ - đào - nha là Antonio Vincente de Rosa ở thành Goa đem một chiếc tầu đến Vọng-các dâng Nguyễn-vương hai bức-thư của Nữ-hoàng nước Bồ và của quan Toàn-quyền thành Goa hứa thuận giúp Nguyễn-vương, đã có quân lính và 56

---

(1) Theo sách *Thiệt-lục chánh-biên* thì phái-viên Bồ Antonio Vincent da Rosa đến Vọng-các rước Nguyễn-vương nói : « Vì Hoàng-tử có xin giúp binh... » nhưng bấy giờ Hoàng-tử mới có mấy tuổi chưa đoán-định và chưa viết thơ được, có lẽ lúc ở Pondichéry, Giám-mục Bá.-đa-Lộc đã nhơ danh Hoàng - tử mà viết thơ cầu cứu chẳng ?)

chiếc chiến-thuyền chực sẵn ở thành Coa, xin rước Ngài đến đó; cũng có thư và phầm-vật (20 khầu súng nhỏ, 100 cây vải tay) dâng vua Xiêm để tạ ơn và xin đem Nguyễn-Vương đi. Xiêm-Vương tỏ ý không bằng lòng để cho một nước khác giúp, nên Nguyễn-vương phải từ tạ Antonio, không nhận lời mà việc sang Pondichéry — dấu De Richery có trở lại đúng hẹn để rước — Ngài cũng phải hoãn lại.

Trê<sup>nh</sup> hẹn hơn hai tháng, Đại-úy De Richery và tàu mới về vịnh Xiêm-la, Linh-mục Nghị xin chở Nguyễn-Vương, bấy giờ đã sẵn sàng, sang Pondichéry nhưng Đại-úy không chịu, có lẽ vì chưa hiểu biết được Nguyễn-vương như lời dặn của huấn-lệnh bè trên.

De Richery trở về Án-độ. Tông-trấn De Cossigny lại sai y cũng đi chiếc tàu ấy, trở qua Đường-trong để làm tròn việc sai-phái lần trước, ghé nước Xiêm-la, đem thư cho Nguyễn-vương, an-ủi và khuyên vương gắng đợi Bá-đa-Lộc, chờ đừng cầu viện nước khác.

Đến nước Xiêm, De Richery cũng không được gặp Nguyễn - vương, từ tháng bảy năm Đinh-vị (13-8-1788). Ngài đã lén vua Xiêm, đương đêm đem cung-quyền về nước để mưu khôi-phục đất Gia-dịnh.

### Hiệp - ước Versailles

Đầu năm Đinh-vị, (tháng hai năm 1787) Giám-mục Bá-đa-Lộc và Hoàng-tử Cảnh đến Hải-cảng Lorient,

Pháp - đinh không đợi ông đến nơi mới hiểu việc nước ta. Các điều ông đề - nghị đã được chính - thức

trình về, và ông cũng viết thư cho quan Thượng-Bộ Hải-quân nên đầu năm 1786 thì bộ này sai Solminihac de Lamothe một viên kỹ-sư đã ở lâu bên Viễn - đông, cứu xét việc ấy. Trong hai tờ phúc-bẩm, De la Mothe, tán-thành ý giúp Nguyễn-vương, đại-lược nói xứ Đàng-trong giàu có, nhiều bửu-vật để buôn bán, gần Phi-luật. Tân nên có thể thành một thương-phụ phong-phú, cửa Hàn có thể làm trung-tâm điểm cho việc buôn bán giữa các xứ : Tàu, Phi-luật-tân, Malacca ; về quân-bị vị-trí của hải-cảng ấy còn cho ta chấn ngăn được ngành thương-mãi có lợi nhất của các địch-quốc ; mà muôn được các điều lợi-ích ấy, chỉ phải hy-sinh ít-ỏi là 800 người, 400 lính châu-Phi, khí-giới, lương-thực giao cho một vị võ-biền sáng-suốt, không vụ-lợi riêng, tánh hòa-nhã, để giúp cho vua chinh-thống đất ấy khôi phục ngai vàng.

Tuy vậy, bấy giờ, nhiều cận-thần nhà vua, phản đối việc đem quân sang xứ Đường-trong, nên trong các bộ vien, người ta đối với Giám-mục có hơi lạt-léo. Nhưng trong các tư-gia lại khác : Diện mạo khả ái, tình cảnh đáng thương của một vị Hoàng-tử trẻ con từ phương xa đến làm cho người ta động lòng, và ở Paris cũng như ở Versailles, các phòng khách dành nhau đón tiếp Hoàng-tử Cảnh, nhiều bài hát, câu ca đặt để tặng. Trong khi ấy, Giám-mục Bá-đa-Lộc thì nào là bàn-bạc với triều-thần, nào là thảo những tờ kê trình, hết sức vận-dòng với những kẻ có địa-vị giúp cho việc mình, theo ý với mình.

Nhờ có nhiều người có thể-lực (về phe Hoàng-hậu) như Tu-viên-trưởng De Vermont, Tổng chủ-giáo

Dillon, Tông chủ-giáo Leménie de Brienne giúp sức, đầu tháng 5 năm 1787, Hoàng-tử Cảnh và Giám-mục Bá-đa-Lộc được yết-khiến Pháp-Hoàng Louis XVI, có quan Thượng-thư Ngoại-giao là Bá-tước De Montmorin và quan Thượng-thư bộ Hải-quân là Nguyên-soái De Castries dự. Pháp-định lấy Vương-lê mà đãi Hoàng-tử, Giám-mục cố tâu bày nghĩa phải của việc giúp Nguyên-vương, sự dẽ thành-công của việc ấy và những ích lợi cho thương-mãi Pháp ở Á-dông do những điều Nguyên-vương thuận nhượng.

Hình như bấy giờ ở các bộ-viện hữu-tư, các thượng-quan cản nhắc lăm vì tài-chánh nước Pháp đương lúc khuẩn-bách, người ta phải lo tránh những sự hành-dộng không chắc có lợi. Trong ba lý-do Giám-mục tâu để xin cứu-viện, lý thứ nhất « việc Nguyên-vương là việc phải » cố nhiên là không thể làm cho các nhà chánh-trị xiêu lòng, phải là việc ít tốn mà lại có lợi mới được » ; « lý dẽ thành công » người ta cũng không tin là chắc ; Giám-mục tuy có tài biện-luận cũng không phá được mỗi nghi-ngờ của vua tôi nước Pháp, đối với một nơi xa xuôi ngoài 6.000 dặm ; lý « ích-lợi cho việc thương mãi » thì ý-kiến của Giám-mục đại-khai cũng đồng với các nhà đã khảo-sát trước kia. Lại chính lúc này, nước Pháp nhân can-dụ vào nội-chánh nước Hà-lan, chống với một phe do nước Anh giúp đỡ, bị thất-bại và phải tuyệt-giao với Hà. Vì vậy, người Pháp không thể trông cậy ở đảo Hảo-Vọng-giác và đảo Tích-lan để làm nơi căn-cứ cho tàu bè mình qua Viễn-dông, cho nên việc tìm một thuộc-địa ở bên này lại càng cần thiết lắm.

Nhưng người ta tự hỏi, xứ Đường-trong có hợp cho việc dùng ấy không ? Phe tân-thành cho rằng việc nhường đất-dai, độc-quyền thương-mãi, chiếm một địa-vị ở gần nước Tàu đều nên hoan-nghênh, cơ hội này bỏ lỡ thì sẽ không tìm lại được nữa ; phe phản-dối cho rằng đất Đường-trong xa đảo France (1) quá, khi chiến tranh, đường của Pháp dùng đem cứu-viện có thể bị cắt đứt, nếu người Anh không cho qua eo-bắc Malacca, người Hà đông eo-bắc la Sonde (2) người Pháp sẽ tro troi ở Đường-trong, không thể chống lại với một cuộc công kích.

Không biết vua Louis XVI cân nhắc thế nào, chỉ thấy vua cho phép quan Thượng-thư Ngoại-giao bàn định với Giám-mục Bá-da-Lộc về quân lính, binh-khí đưa giúp Nguyễn-vương và điều-kiện của việc cứu-viện, rồi ngày 25-11-1787, một bản dự-thảo của tờ hiệp-định đã biên thành, vua chuẩn y.

Ty Thuộc-địa, trong một bản kê trình, trù việc giúp xứ Đường-trong tốn 200.000 đồng bạc và về sau, có lập cơ-sở ở đấy, hằng năm sẽ tốn ít là 5,600.000 phật-lăng ; ty ấy xin Pháp-hoàng giao việc này cho Tử-tước De Coway tòng chỉ-huy quân đội Pháp ở Ấn-dô chủ-trương.

Ngày 28.11.1787, De Monmorin Thượng-thư bộ Ngoại-giao Pháp thay mặt Pháp-hoàng và Giám-mục Bá-

---

(1) Đảo France ở Ấn-dô-dương, phía đông Madagascar, thuộc Pháp, nay gọi đảo Maurice thuộc Anh.

(2) Quần đảo La Sonde gồm các đảo Sumatra, Java, Bornéo v.v... của Hà-lan ở phía nam Ma-lat-kha, Tân-gia-Ba.

đa-Lộc thay mặt Nguyêñ-vương, ký tờ hiệp ước 10 điều khoản như sau :

1.) Đức vua rất tin Gia-Tô hứa và chịu giúp một cách có hiệu-quả đức vua Đàng-trong đương gắng sức để khôi phục giang-san.

2.) Muốn được vậy, đức vua rất tin giáo Gia-Tô sẽ cho sang Đàng-trong, tốn-phí mình chịu, 4 chiếc tàu chiến, và một đạo-binhh 1200 người, 200 pháo binh, 250 lính da đen Phi-châu (Cafres), binh lính này có đủ súng ống, đạn dược và nhứt là có dã-pháo-binhh đủ sức.

3.) Đức vua Đàng-trong, chờ đợi sự cứu giúp mà đức vua rất tin giáo Gia-Tô sẵn lòng đưa sang, làm thời sẽ thuận nhượng hẳn cho Ngài và cho Vương-vị nước Pháp quyền sở-hữu và quyền thống-trị hòn đảo làm ra hải-cảng chính xứ Đàng-trong gọi Hội-nan, (1) người Âu-châu gọi là Touron : Khi nào quân lính đến đóng ở đảo này thì được hưởng ngay quyền sở-hữu và thống-trị ấy.

4.) Lại định rằng đức vua rất tin giáo Gia-Tô và đức vua Đàng-trong công đồng có quyền sở-hữu hải-cảng nói trên, người Pháp có thể lập trên lục địa những nhà, sở-họ xét cần dùng cho việc tàu bè giao-thông, việc buôn bán, cũng như việc gìn-giữ, sửa chữa và

---

(1) Theo Maybon thì Hội-nan có lẽ là hòn Hòn tức cù lao Hòn, Hội-nan ở Điều-khoảng thứ 3 rõ-ràng chỉ tên Hải-cảng nhưng trong điều-khoảng thứ 8 nói : Những hòn đảo Hội-nan và Poulo Condore thì Hội-nan là một hòn đảo).

làm ra tàu bè. Về việc cảnh-sát ở hải-cảng sẽ có tờ giao-ước riêng định.

5.) Đức vua rất tín giáo Gia-tô cũng sẽ được quyền sở-hữu và quyền thống-trị Poulo-Condore (Côn-lon).

6.) Dân của đức vua rất tín giáo Gia-tô sẽ được tự-do buôn bán trong toàn-quốc của vua xứ Đàng-trong, không có nước Âu-châu nào khác được quyền ấy. Dân ấy được tự do đi lại, ở, không có gì ngăn trở và không trả thuế má gì về thân người cǎ, miễn là có giấy thông-hành của viên Trấn-thủ đảo Hội-nan cấp. Họ được nhập cảng các thứ hàng-hóa của Âu-châu và các nước khác trong hoàn cầu, trừ các thứ mà luật pháp nước Đàng-trong cấm. Họ cũng được đem đến đủ các thứ hàng-hóa của nước mình và các nước lân-cận không trừ nước nào ; thuế nhập, xuất cảng sẽ y như ngạch thuế người bản-xứ hiện nạp, nghạch thuế này sẽ không được tăng lên, dẫu ở trường hợp nào và dẫu nói là gì. Tầu binh và tầu buôn ngoại-quốc muốn đến nước Đàng-trong phải treo cờ Pháp và có giấy thông-hành Pháp cấp.

7.) Chính-phủ xứ Đàng-trong sẽ bảo-hộ một cách có hiệu-quả hơn hết, sự tự-do, sự an-toàn cho thàn-thề và đồ đặc của dân đức vua rất tín giáo Gia-tô ; và khi gặp điều khó khăn và tranh-giành thì phải xú-doán mau mắn và công-bình.

8.) Gặp trường-hợp mà đức vua rất tín giáo Gia-tô bị một nước nào công-kích về việc hưởng-dụng các hòn cù-lao Hội-nan và Poulo-Condore và gặp trong

trường hợp mà đức vua rất tín giáo Gia-Tô chiến-tranh với một nước Á-châu và Âu-châu nào thì Đức vua Đàng-trong chịu giúp cho quân lính, thủy-thủ, lương thực, tàu bè ; sau khi yêu - cầu ba tháng, phải giao cấp, nhưng không được đem dùng đến bên kia đảo Molluques (1) la Sonde (2) và eo bể Malacca, còn chi cấp nhu-phí thì vua nước giúp phải chịu.

9) Đến bù sự chịu giúp nói ở khoản trên, đức vua rất tín giáo Gia-Tô phải giúp vua Đường-trong khi trong nước Ngài loạn lạc, sự giúp đỡ ấy sẽ vừa xứng với sự cần dùng mỗi lúc, nhưng không khi nào quá số đã định trong ước này.

10) Hiệp-ước này sẽ được vua hai nước giao hẹn phê-chuẩn, rồi hổ-giao trong hạn một năm, hoặc sớm hơn nếu có thể.

Đính theo hiệp-ước này, một điều-khoản riêng cũng do De Monmorin và Bá-da-Lộc làm thành trong ngày ấy, qui-dịnh các việc như các nơi cư-trú của người Pháp được phép lập lên thì thuộc quyền sở-hữu của Pháp- hoàng ; ở đấy, việc thầm-phán, việc cảnh-sát, v.v... đều nhơn danh Ngài mà thi-hành, không chứa một người dân xứ Đường-trong nào đương bị truy-nã về tội đại hình, nếu có hạng người ấy trốn đến thì khi có lời yêu cầu của chính-phủ Đường-trong, phải bắt giao nộp. Các người Pháp trốn tránh ở đất Đường-trong, khi có lời yêu-

---

(1) Quần-đảo ở trong Châu-Úc, ở phía bắc quần đảo Phi-luật-Tân.

(2) Chòm cù lao ở phía Nam bán đảo Malacca, các hòn chính Suy-ma-tra, Chà-và, Florès.

cầu của quan Trấn-thủ Hội-nan và Poulo Condore, chính-phủ ấy cũng phải bắt nạp liền như thế.

Ngày ấy (28-11) Giám-mục Bá-da-Lộc được bổ chức Ủy-viên của Hoàng - đế nước Pháp ở xứ Đường-trong.

Ngày 8-12-1787, Hoàng - tử Cảnh và Giám-mục xin yết-kiến đế từ - giã Pháp - hoàng, ngày 27, đáp tàu La Dryade ở Hải-cảng Lorient. Tàu Dryade và một chiếc nữa, tàu Méduse chở một số lính đến tăng thêm cho ngạch Pháo-binh ở đảo France và Pondichéry để đưa sang Đường-trong giúp Nguyễn - vương. Hai chiếc tàu chở hàng sẽ đi sau, mang lương thực và tiền bạc dùng cho cuộc chinh-chiến ấy.

Giám-mục tưởng rằng mọi sự trắc - trở đã xua dẹp và chắc việc mình sẽ thành công. Nào ngờ, đó chỉ là ảo-mộng !

Nguyên việc đem binh giúp Nguyễn-vương đã nhứt định và lập-thành hiệp-ước chánh-thức hẳn-hỏi, nhưng liền đó chính - phủ Pháp nghĩ lại và không quyết thi-hành ; trong khi do-dự lại giao cho một người, Bá-tước De Coway, tự ý riêng mình định . đoạt lấy. Đính theo huấn-lệnh ấy, một lá thư của quan thượng Bộ Ngoại-giao dặn Bá-tước được toàn quyền hoặc đừng đem binh giúp Nguyễn-Vương hoặc hoãn việc ấy lại, vì nước Pháp vừa thất bại ở Hà-lan, tài chánh lại thiếu hụt, xuất ra một số bạc 200.000 đồng không phải là một sự gắng sức nhỏ mọn, và trong sự tiêu dùng số ấy phải hết sức tiết kiệm ; nếu có đem binh sang Đường-trong, như thất bại thì thối lui về đảo France, như thành công thì giao De Coway lo việc đóng chiếm

đất ấy, nhưng chỉ dự trù tiêu dùng về những khoản  
rất cần-thiết v.v...

Xem thư ấy và thư-trát của bộ Ngoại-giao tư cho  
vài thương-quan ở Ngoại-quốc có quan-hệ đến việc  
này thì Pháp định đã tỏ ý một là hoãn việc giúp Đường-  
trong, hai là bỏ hẳn việc ấy ; nhưng trong thư-trát  
ấy dặn đừng cho Bá-da-Lộc biết.

Giám-mục không hay biết gì hết, chỉ một mực tin  
ở lời hứa vua tôi Pháp-hoàng mà thôi. Ngày tháng 5  
năm 1788, tàu Dryade đến Pondichéry. Giám-mục  
Bá-da-Lộc đến ra mắt Bá-tước De Coway. Ngay  
lần ấy, hai người gây giận nhau. Bá-tước liền nhóm  
quân-sự hội-nghị. Hội-nghị này định hoãn việc đem quân  
đi Đường-trong vì tàu chở lương-thực và tiền bạc chưa  
đến. Bá-da-Lộc nhơn danh Ủy-viên của Pháp-hoàng ở  
xứ ấy, xin Bá-tước trong khi chờ đợi thuyền lương-  
thực, cho tàu Dryade chở ông đến đây để xem xét hiện  
tình và đưa chúa Nguyễn-Vương về Pondichéry. De  
Coway không thuận. Tức thì, hai người gây thành  
một cuộc chiến đấu bằng thư-trát, thư đi thư lại, phản  
đối nhau không nhịn lời. Rồi hai người đều trình về  
bộ, trong tờ trình lên Bá-tước De Monmorin, De  
Coway bày tỏ sự vô ích của việc giúp Nguyễn-  
vương, nói người ta muốn lừa Pháp-hoàng đó thôi, chờ  
người Hà-lan chiếm Mô-luýt, làm chủ eo-bắc Malacca,  
La Sonde, đã hai trăm năm mà họ không để ý đến  
Đường-trong, người Anh cũng ít đến đó vì nước Tàu ở  
gần đem sản-vật và đồ dùng mà người bản-xứ ưa-thích  
đến bán quen rồi, vậy không có nước Âu-châu nào có

thề đồi thị - hiếu ấy, cạnh tranh với người Tàu, là một giống người vẫn được dân Việt kính trọng, lại cần kiệm, khéo léo, mà khỏi lỗ-lã được, Trình lên quan Thượng bộ Hải-quân là Bá-tước De Luzerne, De Coway nói rằng hai hòn đảo thuận nhượng trong hiệp-ước Versailles không có giá-trị gì hết, đảo Poulo Condore nước độc, đảo Hội-nan không sinh sản gì, không nên tin cậy lời hứa của một ông vua không có gì hết, và không làm gì được. Việc buôn bán ở Đường-trong đâu có thành-hiệu cũng sẽ phải tùy thuộc người Anh và người Hà là chủ-nhơn-ông eo bể Malacca và La Sonde, việc đem binh sang Đường-trong lốn kém nhiều và rất khó khăn v.v...

Tuy vậy, thấy dư luận người Pháp ở đảo France và ở Ấn - độ bất bình với ý kiến mình, Bá tước De Coway cũng giả đò chiêu lòng Giám mục : Ông phái De Kersaint đem hai chiếc tàu Dryade và Bangalore đến Đường-trong xem xét, việc ấy trước kia đã sai De Richery và De Buneron nhưng hai người lo qua Tàu buôn bán chứ không lo cho nhiệm vụ mình. Lần này De Kersaint phải dò xét rõ ràng về tình hình xứ ấy, hỏi xem người Anh, người Hà hoặc có nước nào ở Âu châu chịu can thiệp vào không. Bá-đa-Lộc xin theo tàu ấy để về đưa Nguyễn-vương sang, nhưng De Coway cũng không chịu.

Phái-bộ De Kersaint khởi hành tháng 8 năm 1788, đến tháng 3 năm sau thì trở về đến nơi, mang theo những bản địa-đồ và tin tức về giá-trị đất Đường-trong, tài liệu ấy rất bi-quan nên chỉ làm người ta lòng

thành thật của Bá-đa-Lộc mà thôi. De Coway tư kết-quả việc sai phái về bộ.

Về phần Giám-mục, cứ tin chắc rằng Pháp. đình qayết ý giúp việc minh và không ngờ rằng quan. Tổng chỉ-huy quân-dội ở Ấn-dộ được toàn-quyền thủ-xá trong việc này, nên từ khi thấy ông trì hoãn việc phái quân di, đã nhiều lần gửi thư về thiết-tha kêu cầu với các quan Thượng hữu tú.

Tháng mười năm 1789, việc giúp Đàng-trong trình lên Tham-chính-viện (Conseil d'État) xét. Trong một buổi Hội-dồng, Viện bác đề-nghị của Giám-mục Bá-đa-Lộc !

Hiệp-ước Versailles thành ra cái bánh vẽ !

Nguyên-do làm cho sứ-bộ Hoàng-tử Cảnh khi đương tưởng sắp thấy thành công, liền bị thất-vọng, ở đâu ? Ta nên xét cho biết. Mới xem qua thì hình như vì De Coway có ác cảm với Bá-đa-Lộc nên cố vận động cho việc không thành. Điều ấy có thiệt. Nhưng một mình nó không thể quyết-định được sự thất-hiệu của Hiệp-ước, phải có nhiều nguyên nhơn hệ-trọng hơn : ấy cảnh nguy khốn của tài-chánh, binh-bị, chính-trị, ngoại-giao của nước Pháp và đất Ấn-dộ thuộc Pháp lúc ấy. Chỉ nói về tài chánh thì 9 ngày trước ngày hiệp-ước, Versailles thành-lập, ngày 19 tháng 11 năm 1787, ở Pháp, chính-phủ đã phải phát-hành quốc-trái 420 triệu, vào khoảng thời-gian này, ở Pondichéry, kho tàng cùng cạn, quan coi binh nhu phải vay nợ mà trả lương cho lính. Các duyên cớ ấy làm cho nước Pháp, dầu có muốn lăm cũng không thể thân-trương ở Viễn-

dòng được. Và cứ xem các huấn-lệnh của Bộ Ngoại-giao mật tư cho De Coway đều đầy những giọng không quả quyết thì biết. Vậy thì sao lại lập hiệp-ước làm chi ? Và lập hiệp-ước rồi, nếu không muốn thi hành sao lại không chịu cho người đồng ký được biết để cho ông Giám-mục kia vì mưu lợi cho nước, cho tôn-giáo, phải lóng ngóng chờ trong ngót 2 năm trời ? Phải chăng là vì các triều thần của Louis XVI giả-dối, không quả-quyết, muốn tẩn, không thể tẩn được : mà thối, thối không dành lòng !

Lệnh đình bãi việc giúp xứ Đường-trong của Chính phủ Pháp đưa đến Pondichéry, nhưng vào khoảng giữa năm 1789, Giám-mục Bá-đa-Lộc thấy thái-dộ phản-đối của De Coway vẫn không thay đổi, lại hay rằng Nguyễn-vương đã thu phục Gia-dịnh và làm chủ cả đất Đồng-Nai (1788) nên vội-vàng dời đất Án-dộ dề sang nước Nam.

### Những người Pháp giúp vua Gia-long Việc giao-thiệp của vua Gia-Long với nước Pháp và các nước Tây-dương.

Sau khi kết thân với Nguyễn-Phúc-Ánh, Giám-mục Bá-đa-Lộc ra sức giúp Ngài. Từ năm 1780 (Canh-tị) khi tàu bè theo ông Cook (1) từ Châu-Úc trở về, ghé Poulo Condore lần thứ ba thì đã nhận được thư từ của giám-mục gửi cho những thuyền-trưởng Pháp mà ông mò đến Đường-trong. Cũng vào lúc ấy, Giám-mục cử cho

---

(1) Nhà hàng-hải trú-danh người Anh, đã thám-hiểm 3 lần Châu-Úc và mở đường cho nước Anh đến thực dân ở đấy.

Nguyễn-súy dùng hai thủy-thủ Pháp Joang và Manuel chúng đều giúp được việc : trong trận thủy-chiến với quân Tây-sơn ở sông Thất-kỳ (Cần-giờ) năm 1782 (Nhâm-dần), Manuel chỉ-huy một chiếc tàu Tây bọc đồng, bị thuyền địch bốn phía bao vây, tự đốt mà chết chứ không chịu hàng (1) sau được truy-phong là Hiệu-nghĩa phụ quốc Thượng-tướng quân An-hòa-hầu và dự thờ ở miếu Hiền-trung trong trại Ô-ma ở Sài-gòn. Lại còn hai người I-pha Nho là Jannario và Manoe cũng theo Giám-mục giúp việc cho đức Nguyễn-Ánh, năm 1738 (Quí . mǎo) sau khi bị quân Tây - sơn đánh đuổi khỏi Sài-gòn, Ngài phiêu giật nay Phú-quốc, mai Côn-lon thì Joang và Manuel được Ngài sai sang Lử-tống (Phi-luật-tân) để cầu-cứu với người I-pha-Nho, nhưng chẳng may dọc đường gặp binh thuyền Tây - sơn giết chết.

Thầy De Coway dùng-dắng việc thi-hành hiệp-ước Versailles, Giám-mục Bá-đa-lộc đứng ra một mình lo liệu việc giúp Nguyễn-vương. Nhờ có số tiền 15.000 quan gia.định cho trước khi trở qua Đường-trong, số tiền do một nhóm thương-nhân Pháp ở đảo France, đảo Bourbon, thành Pondichéry, vì mưu đồ việc buôn bán ở đất Chúa Nguyễn, đưa giúp, và với tiền, hóa - vật của Nguyễn-vương, Giám - mục mua được nhiều tàu, súng đạn. Năm 1788, tàu Dryade ghé Côn-lon có đem đến 1000 khẩu súng. Tháng 7 năm 1789 (tháng 6 năm Kỷ-dậu) thì chiến thuyền Méduse chở Hoàng - tử Cảnh và

---

(1) Theo Đại-nam Liệt-truyện thì Manuel tự đốt mà chết, theo Thiết-lục chánh-biên, Gia-định thống chí thì tàu bị quân địch đốt.

Giám-mục về đến Gia-dịnh, đem theo hai chiếc tàu và nhiều súng đạn. Vào khoảng đầu năm 1791 thì ở Saigon có độ 12 chiếc tàu Pháp và Bồ do Giám mục mua giùm hoặc tự Nguyễn-vương sai mua lấy. Một số thủy-thủ, hạ sĩ-quan, sĩ-quan làm việc trên các tàu buôn hoặc thuộc ngạch thủy-quân Pháp, do Giám-mục mua, hoặc tự ý riêng, đã bị dụ-dỗ bởi mồi danh-lợi có thể trong mong được ở một phương xa lạ, hoặc để toại chí mạo hiểm, phiêu lưu, nên tự tiện trốn bỏ tàu mình mà đến giúp Nguyễn-vương. Số ấy nay ta không biết chắc là bao nhiêu, vào năm 1792, trong lục quân xứ này còn 40 người Âu. Xin kể ra đây những người ta thường gặp trong sử sách :

Olivier de Puymanel, ta gọi ông Tin đi chiếc tàu Dryade chở nghìn khẩu súng chúa Nguyễn gửi mua ở Tây, đến Côn-lôn (Poulocondore) năm 1788, bấy giờ mới 20 tuổi. Năm sau, tàu Méduse chở Hoàng-tử Cảnh và Bá - đà - lộc ở Pondichéry về, ghé Côn-lôn thì Olivier theo về Gia Định, lãnh chức Vệ-úy, cơ Thần-sách, tước Ban trực hầu. Olivier đã giúp nhiều trong việc huấn luyện cơ đội pháo thủ, tổ chức bộ binh, dúc súng làm đạn cho chúa, nên được thụ chức Khâm sai thuộc nội cai cơ (1). Sau khi đánh Qui-nhơn xong (1795) về Gia-dịnh, Nguyễn-vương sai Olivier sửa sang lại thành phố Sài-gòn. Sài-gòn và các đô-thị như Vĩnh-long, Châu-dốc, Hà-tiên, Biên-hòa, Bà-rija đều do Olivier và Le

---

(1) *Chức cai đội, Cai-cơ ngày xưa là vào hàng sĩ - quan cao cấp chứ không phải như cai, đội của ta ngày nay.*

Brun xay đắp theo kiều Vauban. Chết ở Malacca năm 1799, trong khi đi sai phái.

Philippe Vannier đến một lần với Hoàng-tử Cảnh đi Tây về (1789), thụ chức Khâm - sai thuộc nội Cai-cơ, quản tàu Bông - thua, tàu Donnai, rồi đến tàu Phụng - phi, được vua ban quốc - tính, họ Nguyễn, và đặt tên cho là Chấn. Sau thăng Khâm-sai Chuồng - cơ, Chấn-oai-hầu. Đến đời Minh mệnh, gia một cấp, tước Chấn-thanh-hầu. Chiếc Phụng-phi và Nguyễn-văn-Chấn đã lập được nhiều chiến công. Jean Baptiste Chaigneau đến năm 1794, năm 1796 mới giúp việc chúa Nguyễn, được phong Khâm-sai Cai-dội, tước Thắng-tài-hầu, quản tàu Long-phi, lại được ban quốc-tánh, họ Nguyễn, và cho tên là Thắng, sau được phong Chuồng - cơ tước Thắng.toán.hầu.

Jean Marie Dayot ta gọi ông Trí, đến một lần với Nguyễn-văn-Chấn, được ban chức Khâm - sai cai đội chỉ huy các chiếc tàu tây của Nguyễn-vương, phong tước Trí-lược hầu, từ chức năm 1795.

Jean Baptiste Guillon được chức Phó cai-cai, tước Oai-dũng-hầu, giúp việc 15 năm trong thủy-quân của Nguyễn-vương.

Forçant lấy tên Lê-văn-Lang, chức Chuồng-cơ tước Lăng-dức-hầu, quản-tàu Bằng-phi, chết ở Nam kỳ năm 1811.

Laurent Basisy, ta gọi ông Mân, đến năm 1789 với đức Bá-da-lộc, thụ chức Khâm-sai thuộc nội cai - dội,

coi việc vận tải binh-nhu, đi mua súng đạn quân tàu Loan-phi, tước Thành-tín-hầu, chết tại Huế 1802.

Théodore Lebrun đến năm 1790, làm nghề Kỹ sư, thụ chức khâm-sai cai-dội, tước Thạnh-oai-hầu, coi việc xây dựng đồn-lũy. Bản đồ thành Sài-gòn hồi đó là chính tay Lebrun họa kiều. Từ chức năm 1791.

Guillaume Guilloux đến năm 1789 thụ chức Phó cai-dội, tước Nhuệ-tài-hầu, làm việc trong thủy quân (tàu Donnai và Prince de Cochinchine), ở Gia - định không lâu.

### Desperles thày thuốc.

Trở lên đều là người Pháp, ngoài ra cũng còn có người nước khác Âu-châu ; năm 1793, người ta thấy một người Âu tên Jannario và năm 1798, một người Âu tên Gibsons chỉ huy tàu Tây của Nguyễn-vương nhưng không biết là dân nước nào.

Các sĩ-quan Pháp nói trên luyện tập binh lính theo lối Âu-tây ; hoặc để sai phái sang Manille, Malacca, Goa bán sản-vật, mua đạn dược, súng ống ; hoặc dự vào các trận mạc. Trong trận đánh thắng quân Tây-sơn ở Thị nại năm 1792, D'ayot, Vannier, chỉ huy một chiếc tàu Tây, cùng toàn pháo-bin của Olivier trong tàu, bắn phá được nhiều ghe thuyền quân địch. Trong trận đánh thu phục Phú-xuân năm 1801, Basisy, Chaigneau, Forçant, Vannier cầm đầu mấy chiếc tàu Tây chiến đấu khá can đảm. Olivier cũng nhiều lần theo Nguyễn-vương và Hoàng-tử Cảnh cầm quân xuất trận, lập được công lao.

Những người có công khó với Nguyễn-vương nhiều hơn cả quyết là Giám-mục Bá-đa-Lộc. Trong hơn 20 năm trời, vì tồ-quốc và vì tôn-giáo Gia-tô, ông là người bạn đã hết lòng với việc khôi phục mà Đức Nguyễn - Ánh theo đuổi. Giám-mục đã cùng Ngài bàn định mọi việc Ngoại-giao mưu-trù về binh-cơ, ông còn diễn ra tiếng Việt-nam nhiều sách vở-bị Âu-châu cho Ngài xem, săn-sóc, khuyên răn các quân-sĩ Âu-châu và cùng nhiều lần đích thân dự vào trận mạc. Như năm 1794, ông cùng Hoàng-tử Cảnh giữ Duyên-khánh (Khánh - hòa) phải chống-chỏi với quân địch vây thành gần một tháng ; năm 1797 ông theo Nguyễn-vương ra đánh Qui-nhơn ; năm sau, lại cùng Hoàng-tử giữ Duyên-Khánh ; và năm 1799 theo Nguyễn-vương đánh Qui-nhơn nhưng hạ được thành rồi thì ông đau chết ở Thị-nại. Nguyễn-vương đưa quan-tài về Gia-dịnh mai táng rất hậu và truy-tặng hàm Thái-tử Thái-phó Bi-nhu Quận-công.

Trong khi cơ-nghiệp nhà Nguyễn-trung suy, ngoài việc ông Bá-đa-Lộc cầu cứu người Anh ở Ấn-dô, người Bồ ở Goa người I-pha-nho ở Phi-luật-tân, người Hà ở Ba-ta vi-a, mưu lợi-ich cho nước mình, đều có nguyện giúp cho Đức Nguyễn-Ánh lo việc khôi-phục. Nhưng vì sự tình cờ của lịch-sử, chỉ có mấy tư-nhân Pháp đã hiệu-dụng ở xứ này.

Khi vua Gia-Long dẹp yên Tây-sơn và lên ngôi Hoàng-đế, chỉ còn Chaigneau, Vannier, Forçant, Desperles đương giúp việc. bốn người ở luôn lại làm quan tại Triều, được vua cho phép khôi-lạy (chỉ xá 5 cái) trong các buổi chầu và cấp mỗi người 50 tên lính hầu. Đổi

với mấy người này đã giúp mình, vua có biệt-dãi, còn đối với nước Pháp thì vua đã nhiều lần tỏ rất hài lòng về việc trước kia không nhận được cứu-viện của vua Louis XIV mới khởi nhượng lợi quyền cho nước ấy (1). Tuy vậy đối với các người buôn bán, vua vẫn hoan-nghênh, có lẽ vì nghĩ rằng việc giao thiệp về ngành này chỉ có lợi cho nước mình chứ không bắt - buộc mình được điều gì cả.

Ở Pháp, ngay sau khi hiệp-ước Versailles không được thi-hành và tiếp được thư của Nguyễn-vương (đề ngày 17 tháng 12 năm Cảnh-hưng), thứ 50 (1790) đại ý cảm ơn Pháp-hoàng và nói hiện mình đã thu phục một phần giang-sơn và không cần cứu viện của nước Pháp nữa), trong chính-phủ, người ta lại bàn đến việc đến buôn bán ở xứ Đường-trong, nhưng bấy giờ nước nhà đương gấp nhiều việc phải lo nghĩ hệ-trọng hơn là việc xa xuôi ấy. Dưới thời-đại Cộng-hòa, rồi Đế-chế Nã-phá-Luân I, cái giàu-có của đất vua Gia-long được nhiều tư-nhân chăm-chú đến và thiết-tha điều trần để nhắc nhở chính-phủ. Người ta bàn rằng người Pháp đến ở Phi-luật-Tân hay Nam-kỳ có thể làm thiệt hại cho việc thương-mãi của người Anh ở bên này. Quốc-trưởng Nã-phá-Luân đương tìm cách khuếch-tri rộng thế-lực để theo kịp nước Anh ở Ấn-dộ, không ngại gì mà không hành động ở Đông-Á, nhưng sự tình Âu-châu làm cho ông không rảnh-rang mà lo đến việc ấy được.

Đến hồi giòng vua cũ phục-bích cuộc chiến - tranh

---

(1) Theo Maybon trong sách *Histoire Moderne du Pays d'Annam truong* 398.

dã xong, chính-phủ và nhiều tư-nhân, phòng thương-mãi mời mưu.đồ việc thông-thương với xứ Nam-kỳ một cách hăng-hái. Thủ-tướng Richelieu viết thư cho ông Chaigneau nhờ giúp đỡ cho các nhà buôn bán muốn qua kinh-doanh bên ta và xin cho biết mọi điều về việc lập cuộc thương-mãi thường xuyên với nước này.

Năm 1817 (Đinh-sửu) tàu La Paix của hãng Bal-guerie et Sarget và tàu Henry của hãng Philippon đều ở Bordeaux chở hàng hóa đến cửa Hàn nhưng hàng hóa ấy không hợp với thị hiếu người Việt-Nam nên bán không chạy; thấy thế, vua Gia long tha không đánh thuế lại sai chỉ cho những món hàng có thể nhập cảng được.

Cũng năm ấy, chiếc tàu binh La Cybèle được sai đi biểu thị trong Ấn-độ-hải và Trung-quốc-hải lá cờ trắng là cờ của giòng vua cũ này mới trung hưng. Tàu đến cửa Hàn, thuyền trưởng Kergariou xin lên Huế để dâng phẩm vật (Binh khí, đồng hồ, lọ thủy tinh, ảnh vua Louis 18) báo vua Gia long biết việc phục kích của vua Louis 18 và xin bảo hộ cho thường dân Pháp ở nước ta (1). Vua sai Vannier và hai viên quan vào Đà-nẵng đón tiếp nhưng Kergariou không có quốc thư nên vua không cho chiêm yết, không nhận phẩm vật, chỉ sai khoản đãi rất hậu mà thôi.

---

(1) Theo lời Grawfurd, một người Anh rất am hiểu nước ta thuở ấy, và theo sách Việt-nam Sử-lược của ông Trần-trọng-Kim thì Kergariou đến đòi thi hành hiệp ước Versailles (nhường cù lao Hàn, cù lao Côn-lôn) có lẽ nào Pháp - định đòi hỏi một sự vô-lý như thế không ?

Năm 1819, (Kỷ mão) tàu Le Henri trở sang với một chiếc nữa, tàu La Rose ; lần này hàng hóa đem đến đều bán được cả, họ mua chè, tơ, đường chở về. Chaigneau vừa trông được thăm quê nhà, vừa đề phúc trình chính phủ những tin tức mà Thủ-tướng Richelieu gửi hỏi, nên thừa dịp xin nghỉ 3 năm, được vua Gia-long cấp trước cho 2 năm lương làm tiền thưởng, bèn cùng gia quyến đáp tàu Henri về nước.

Năm 1803 (Qui-hợi), nước Anh sai sứ là Robert sang dâng đồ phuơng vật và xin lập phố buôn bán ở núi Trà-sơn thuộc tỉnh Quảng-nam, vua Gia-Long sắc trả đồ lại và không nhận lời. Sau người Anh còn hai, ba lần đem thư sang xin, nhưng ngài nhất định không cho.

Năm 1819, có 2 chiếc thuyền buôn Hoa-Kỳ, thuyền trưởng là John White, đến Sài-gòn mua đường, được quan Tổng trấn tiếp và dành cho mọi sự dễ dãi.

Vua Gia-Long muốn đổi đai tử tế với các nước Âu-châu có quyền lợi Viễn-đông nhưng không có ý biệt đai riêng một nước nào cả, vì nói hẽ đã cho ai một điều ích lợi gì thì có khi bị bắt buộc phải cho một điều ích lợi khác lớn hơn mà vua không muốn để cho một cường quốc nào có cơ hội mưu toan đến quyền hạn của mình cả (1).

Đối với việc giảng đạo Thiên-Chúa, vua đề tự-do. Vua có bàn với Giám-mục Bá-đa-Lộc rằng đạo này nên

---

(1) *Maybon-Histoire maderne du pays d'annam, truong 396—399.*

dung nạp thêm lẽ tục thờ cúng tổ-tiên để cho con chiên bên đạo thân cận với bên lương hơn, vì lẽ tục ấy chỉ có tính cách luân lý, không phải là lẽ nghi tôn giáo. Giám-mục cũng nhận thấy vì điểm bất tương dung ấy nên cuộc truyền đạo khó mà thành trướng, và có xin Tòa-Thánh La-Mã thu hồi đạo sắc năm 1742 của Giáo hoàng Benoît XIV.

## THIÊN THÚ' HAI

# NGUYÊN - NHÂN XUNG - ĐỘT

### CHƯƠNG THỨ NHỨT

Vua Minh - Mệnh đổi với Đạo Thiên - Chúa  
và các nước Tây - dương

Trong các vua triều Nguyễn, vua Minh-Mệnh đã làm được, nhiều việc cho nước hơn cả. Dưới triều Ngài, chế độ pháp luật được sửa sang lại, nước ta thành một nước rất có kỷ cương. Việc nội trị đã sáng lạng, việc ngoại giao cũng được chăm sóc đến một cách sорт. sáng, Bảo hộ nước Cao-môn và mấy hạt đất Lào, thông hiểu với nước Xiêm-la, Diển-diện, vua Minh-mệnh cũng thường lo nghĩ đến các nước Tây-dương vì người Anh ở Ấn-độ, người Bồ ở Ma-cao, người Ý ở Phi-luật-tan nhắc nhở luôn cho vua cái họa xâm lược của người Âu-châu. Muốn rõ tình hình ngoại quốc: vua có đặt lệ thường phái quan thuyền đến các nước ngoại-dương để buôn-bán và thám-xét ; như ta

sẽ thấy, đã có lần phái thuyền ấy sang đến nước Pháp và nước Anh. Vả lại, từ 30 năm lại đây, ở chốn Triều đình, vua còn là Hoàng-tử, đã từng chung lộn với một số người khác giống, khác tính tình, khác phong-tục kia, đã từng mục-kích những sự chia rẽ trong quan-trường của hai phe mỹ-cảm và ác-cảm đối với người ngoại-quốc ấy, và theo lời của nhiều người Pháp ở nước ta lúc đó thì Ngài đã về phe sau. Vì các mối lo-nại nói trên, vì tánh-tình không hợp, nên cũng như Vua Thanh nước Tàu vua Minh-mệnh nghi ngờ người Âu-châu và không muốn tiếp-xúc với họ. Tính-tình ấy chắc không khỏi ảnh-hưởng ít nhiều đến cách đối-dãi của Vua với đạo Thiên-chúa và người Tây-dương.

Dưới Triều vua Gia-long, vì nghĩ đến công Bá-da-Lộc và nhiều người theo đạo đã giúp mình trước kia nên Ngài đã cho giáo-sĩ đạo Thiên - chúa được giảng-dạy tự-do. Vua Minh-mệnh lên ngôi (1820) tuy có ý muốn cấm đạo, nhưng có lẽ vì vua Gia-long mới mất chưa nỡ làm trái liền với ý Vua cha, nên chưa động gì đến.

Mãi đến năm Ất-dậu (1825), Chaigneau, Vannier về nước cả rồi, nhận có một Giáo-sĩ tên là Régereau theo tàu Thétis đến cửa Hàn rồi ở lại đi giảng-dạo các nơi, Vua truyền các quan phải khám xét các tàu bè ngoại-quốc tới lui nước ta và xuống dụ cấm đạo. Tuy vậy, các Giáo-sĩ vẫn di giảng nên năm sau, Giáp-tuất, vua sai đem hết Giáo-sĩ trong nước về Huế để làm thông-dịch, vì Ngài nói : « Nguyễn-văn-Thắng, Nguyễn-văn-Chấn đi rồi, các thông-dịch không đủ sức để dịch thư-

trát », nhưng ai nấy cũng biết đó là một cách làm cho Giáo-sĩ không di giảng đạo được. Trong các Giáo-sĩ bị đưa đến Huế lúc ấy, có Giám-mục Taberd, Linh-mục Gagelin, Odoirico v.v... Các ông ở nhà Công-quán, được trả lương bằng, dịch những bản-dồ vua mua ở Âu-châu cho vua xem. Năm 1827 Ông Lê-văn-Duyệt, Tông-trấn Gia-định về kinh, hết sức tâu xin nên các Giáo-sĩ ấy được trả lại tự-do.

Sau đó, vua cho vời Giáo-sĩ Jaccard đến Huế dịch sách Tây. Ông này đã dịch tóm tắt đề vua xem. Cuộc cách-mạng nước Pháp, cuộc chinh-phục Ấn-độ của người Anh, truyện Đại-đế Nã-phá-Luân.

Nhưng đạo Thiên-chúa cứ ăn lan mãi ra trong dân-gian, cấm thế-nào cũng có người giảng, người theo, nên năm Quý-tỵ (1833), bấy giờ Lê-văn-Duyệt đã chết rồi, vua Minh-mệnh phải quyết-liết ; Ngài xuống dụ truyền cho các người theo đạo phải bỏ đạo và sai phá hủy các nhà thờ và nhà giáo-sĩ. Tiếp đó, những việc bắt-bớ, giết hại giáo-dồ xảy ra nhiều nơi, giáo-sĩ Gagelin bị xử giáo ở Huế.

Lại xảy ra việc Linh-mục Marchand, (ta gọi là Cố Du) bị bắt được trong thành Phan-an của Lê-văn-Khôi (1) nên từ đó đổi với giáo-dồ, Giáo-sĩ đạo Thiên-chúa, Vua quan ta lại càng ghét bỏ và giết hại càng dữ. Cố Du bị tra-tấn rồi giết ở Huế.

---

(1) Năm qui-tị Minh-mệnh thứ 14, (1833) Lê-văn-Khôi khởi loạn, lấy 6 tỉnh Nam-kỳ ; sau bị quan-quân đánh phái vào thành Phan-an (Gia-định) đóng cửa lại mà chống giữ ; sau non 3 năm vây đánh quan-quân mới hạ được thành, trong 6 người thủ phạm bắt được trong thành, có một giáo-sĩ là (Marchand).

Năm Bính-thân (1836) lại có dụ cấm đạo và nói rằng hễ Giáo-sĩ nào bị bắt ở trên tàu hoặc ở trong nước đều bị giết ngay và kẻ nào giấu-giếm cũng bị giết. Từ năm Giáp-ngọ (1834) đến năm Mậu-tuất (1838) có 7 giáo-sĩ bị giết ; trong năm Mậu-tuất Giáo-sĩ và giáo-dồ bị giết nhiều hơn cả. Năm ấy, có dụ cấm đạo ; đồng thời khuyên các địa-phương lập chùa miếu để dân có chỗ lê bái, khiến hạng phụ huynh các làng phải thường đem chánh đạo giảng dạy con em.

Về việc này, nhiều nhà viết sử cho vua Minh-mệnh là tàn-bạo, nhưng ta phải xét cho công bằng hơn. Vua là một Ông vua rất lưu ý đến việc giáo-hóa, thấy rằng trong nước đã đại-định, Bắc-Nam đã thống-nhứt, thế mà còn một hạng dân bị giáo-hóa một cách khác kẽ dân thường thì đối với Đạo Thiên - chúa lại càng giận hơn Chúa-Trịnh, Chúa Nguyễn trước kia nhiều nũa. Bấy giờ không chỉ nhà vua mà quan-lại, sĩ-phu và nhân-dân ít người hiểu rõ giáo-lý đạo Thiên-chúa, chỉ thấy trong hành-vi của các tín đồ nhiều điều trái hẳn với Nho-giáo và phong-tục nước nhà mà bồn phận kẽ cầm quyền là phải hết sức làm cho dân chúng cải-tà quy-chánh kia mà ! Kịp đến khi vua ban mười huấn điều :

- 1.) Giữ luân-lý.
- 2.) Chính tâm-thuật.
- 3.) Chăm bản-nghiệp.
- 4.) Chuỗng tiết-kiệm.
- 5.) Hậu phong-tục.
- 6.) Dạy con em.

- 7.) Học đạo-chánh.
- 8.) Răn dâm-gian.
- 9.) Giữ theo pháp-luật.
- 10.) Làm điều thiện.

Để dạy dân, trong nước ai cũng cho là hay và vui lòng tuân phục, chỉ có giáo dân là không theo vì trong đó không nói đến đức Chúa Trời và điều thứ 7 « Học theo đạo chánh » thì họ cho đạo Thiên-Chúa mới là đạo-chánh chứ không phải đạo-nho như nhà Vua đã dạy. Ta nên biết rằng thuở ấy người nước ta chưa có cái quan-niệm kính-nề các tín-ngưỡng và chưa hiểu rằng đạo Gia-tô cũng là một tôn giáo bác ái từ-bi và lòng tin tôn-giáo có sức mạnh hơn gươm, đáo nén nhà Vua thấy trong dân mình còn có kẻ không tuân theo mệnh lệnh mình thì Ngài phải trị. Muốn cấm dân theo đạo, trước phải cấm các Giáo-sĩ, mà thấy các Giáo-sĩ ngoại-quốc, chịu cực-khổ, tốn tiền bạc để giảng-dụ, ngăn-cấm thế nào cũng không được, Vua quan ta lấy làm lạ, tưởng họ có ý gì về chánh-trị chẳng, nên lại càng nghi - ngờ lắm. Các lý-do ấy làm cho vua Minh-mệnh cấm đạo, ngược dãi Giáo-sĩ, giáo đồ, vậy nói rằng Ngài tàn-bạo thì có quá đáng mà chỉ nên trách Ngài nghiêm khắc chuyên-chế thái-quá, không có lượng khoan-dung, và vì không hiểu sự tiến hóa của thời-thế, cho nên không biết theo thời mà thay đổi phong-tục, làm cho nhân-dân đứng ngừng lại, không theo được người các nước trên hoàn cầu.

Vua nước Pháp là Louis XVIII và Louis Philippe muốn nối lại tình giao hảo với nước Việt-Nam để mưu

việc đến buôn bán, nhưng vua Minh-mệnh lên ngôi rồi thi thi-hành ngặt chánh sách bế quan, tỏa cảng.

Hết ba năm nghỉ, Chaigneau trở qua (Tân-ty 1821) đem phầm vật và thư của vua Louis XVIII dâng lên để điều đình mà lập một thương-ước, Chaigneau được ủy sang làm Lãnh-sự. Vua Minh-mệnh sai quan làm thư trả lời cho quan Thượng thư bộ ngoại giao Pháp đại ý rằng : « Bờ cõi nước tôi ở cực-nam, bờ cõi quý quốc ở cực-tây, hai nước có nhiều bể ngăn cách nhau và xa nhau biết mấy nghìn dặm, người nước tôi ít khi sang được quý quốc và có thư quý quốc gửi sang, thông ngôn nước tôi không được giỏi lắm, cho nên trong thư nói ý Hoàng-dế muốn lập ra thề-lệ và muốn điều đình về việc thông thương với quý quốc, tôi chỉ hiểu chừng chừng mà thôi. Và các đồ của Hoàng-dế gửi làm quà cho tôi, cũng không thấy kê trong thư. Về việc thông thương thì tôi nghĩ rằng việc buôn bán đã có luật lệ định sẵn, người các nước đến buôn bán ở nước tôi đều theo luật -lệ ấy. Nếu người quý quốc muốn sang buôn bán thì cũng cứ theo luật lệ ấy... » Thư này viết bằng chữ Hán, vì vua Minh-Mệnh nói : « Vua nước Pháp đã có những người thông minh để dịch rõ ý các thư từ của ta ; và lại Vua nước Pháp viết thư cho ta bằng chữ Pháp thì ta viết bằng chữ Hán, ấy cũng là sự thường ». Trong lúc trò chuyện với kẻ thân cận, nhà vua nói rằng theo đề nghị của nước Pháp, nước Nam không được quyền-lợi gì cả ; còn nói đến tình giao-hiếu xưa kia của hai nước thì Ngài cho là những kẻ giúp vua Gia-long đã được hậu-thưởng rồi.

Năm Nhâm-ngo (1822), chiếc thuyền Pháp là Cléopâtre đến Đà Nẵng, thuyền trưởng là Courson de la Ville Hellio xin ra mắt vua Minh-Mệnh, nhưng Ngài không cho. Bấy giờ việc buôn bán của người Anh ở Trung quốc đương gặp nhiều khó khăn nên họ rất dễ ý đến đất Việt-Nam. Năm ấy Tống-đốc đất Ấn-độ thuộc Anh Lord Harsting (sách ta gọi là Hà-sĩ-Định) sai một phái bộ do John Granfurd, Tống-đốc Singapore, cầm đầu đi tàu đến cửa Hàn, dâng thư, phàm vật (500 khẩu súng điểu-thuong, 1 đôi đèn pha-lê) để xin thông thương, Vua không cho. Sự lui tới của người Anh làm cho vua rất lo ngại, vì đã thấy biết cái gương Ấn-độ, Hạ-châu (Singapore).

Năm Giáp-thân (1824) Chaigneau thấy nhà Vua và các quan đối với mình càng ngày càng lật-lẽo, nên cùng Vannier xin về nước. Vua cấp mỗi ông 3000 quan tiền.

Năm ấy, vua Louis XVIII sai hải quân Đại-tá Bougainville đem hai chiếc tàu chiến là Tétis và Espérance vào cửa Hàn xin dâng quốc-thư và phàm-vật để xin thông hiếu, giao thương, quan tỉnh Quảng-nam tâu lên, Ngài nói : « Pháp và Anh là hai nước cừu địch, năm trước nước Anh cầu nạp khoán, ta đã không chịu, nay lẽ nào nước Pháp không hiếu, nhưng ta nghĩ đức Hoàng-khảo ta khi mới khai-quốc, có khiến ông Anh-Duệ Thái-tử (Hoàng-tử Cảnh) qua nước Pháp, vẫn có ơn cũ, nếu khước ngay đi, e không phải ý dãi người xa ». Ngài bèn khiến làm thư trả lời và gửi thực-phàm biếu Đại-tá, còn quốc thư và phàm vật của Pháp-hoàng ngoài không nhận. Ông Bougainville xin yết kiến cũng không được, vì Ngài

nói : « Nguyễn-văn-Thắng, Nguyễn-văn-Chấn về cả rồi, trong triều không ai biết tiếng Pháp để đọc thư và làm thông ngôn ». Năm ấy, Ngài Tuần-thú Quảng-Nam, đến cửa Hòn, có tàu buôn Tây-dương đậu đó, nghe tin bắn 21 phát súng mừng, Ngài sai đem cho trâu và rượu.

Năm Bính-tuất (1826) Pháp-hoàng sai cháu ông Chaigneau là Eugène Chaigneau sang thay quyền giữ chức Lãnh-sự thay chủ nhưng vua Minh-mệnh không nhận. Cũng năm Bính-tuất, thuyền chủ Pháp là Cốt-tu-mi tới buôn ở Đà-năng, đem dâng đồ hóa-vật của Nguyễn-văn-Chấn gửi qua, Ngài khiến đem để vào kho mà trả giá 7.680 lượng bạc, tha nửa thuế nhập cảng cho thuyền ấy, phát phẩm vật trong kho gửi cho ông Nguyễn-văn-Chấn, Nguyễn-văn-Thắng và gửi Sắc-dụ hỏi thăm.

Cũng năm ấy có thuyền Anh bị nạn đậu ở Bình-thuận, Ngài khiến quan Trấn cấp cho tiền gạo rồi đưa vào Gia-dịnh, chờ gió thuận đưa về.

Cuối năm 1829, Eugène Chaigneau lại được Pháp-Hoàng sai sang Việt-Nam giữ chức Phó Lãnh-sự (Vice Consul) nhưng vua Minh-Mệnh không nhận.

Nhưng 1831, Chánh-phủ Hoa-Kỳ cũng tính đặt một đại-diện ở nước ta, ông Shillüber được bổ làm Lãnh-sự, nhưng không được vua Minh-mệnh chấp nhận (1).

Năm Nhâm-Thìn (1832), Chánh-phủ Hoa-kỳ sai một sứ-bộ do một thương-gia là Edmund Roberts và

---

(1) Theo thư của Eugène Chaigneau gửi cho Thương-Thư Ngoại-giao Pháp, đề ngày 20-6-1832.

Đại-úy Georges Thompson cầm đầu, đi tàu đến Vũng-lăm (Phú Yên) dâng quốc-thư xin thông thương, Ngài sai Viên-ngoại Nguyễn-tri-Phương, Tư-vụ Lý-văn-Phúc vào hội với quan tỉnh, tới tàu khoản đãi Sứ-giả và viết thư trả lời rằng nước ấy muốn xin thông thương thì ta cũng không từ chối, nhưng họ phải tuân đúng luật lệ sẵn có, tàu buôn đến nước ta phải đỗ trong vịnh Trà-Sơn (Đà-Nẵng), không được lên bờ làm nhà, lập hiệu, còn quốc-thư của Hoa-Kỳ, Ngài không cho đưa về triều.

Vì bấy giờ Hoa-kỳ cõ ý tranh với các cường-quốc Âu-châu trong việc thông thương, giao dịch với các nước ở Viễn-đông, nên ba năm sau, năm 1835, lại sai một phái đoàn khác cũng do Roberts cầm đầu để sang Xiêm, Việt-nam, Nhật. Sau khi đã ký thương ước với Xiêm rồi, năm 1836, phái đoàn Roberts đến Đà-nẵng, đưa quốc-thư và xin triều cần. Vua sai Thị-lang Đào-tri-Phú và Lê-bá-Tú vào thăm hỏi. Nhưng vì Roberts nhuốm bệnh, không tiếp được hai ông, tàu họ cũng đi ngay.

Năm Bính-thân (1836) có tàu buôn nước Anh qua bãi Hoàng-sa bị cạn, 90 người ghé vào bãi biển Bình-dịnh, việc ấy tâu lên, Ngài sai lựa nơi cho ở và hậu cấp tiền gạo rồi sắc phái Nguyễn-tri-Phương đưa qua Hạ-châu (Singapore).

Đời Minh-mệnh, Vua có định lệ phái thuyền đi đến các nước ngoài để buôn bán và thám xét tình hình.

Năm 1839, cuộc nha-phiến chiến-tranh xảy ra đã làm cho Vua rất ngại; vì một mồi lợi về buôn bán, người Anh đem tàu, súng, xâm lấn Trung-quốc, việc

Ấy như là một tiếng hăm dọa của người tây-dương. Vậy muốn dò biết sức lực và tình ý của các nước ấy, năm sau, 1840, vua Minh-mệnh sai mấy chiếc thuyền đi dò thám : một chiếc đến Pinang rồi sang Calcutta để xem cách người Anh sắp đặt chiến-tranh, một chiếc qua Batavia cho biết người Hà-Lan có động tĩnh gì không, còn phái-bộ đi chiếc thứ ba thì phải sang nước Pháp và nước Anh. Phái bộ này gồm có hai Viên quan là Tống-thất-Thường, Trần-viết-Xương và 2 người thông-ngôn. Võ-Dồng biết tiếng Pháp và người kia biết tiếng Anh, tháng 11 năm 1840 đến Pháp, dâng lên Pháp-đinh những lời hòa hiếu của nước mình rồi đi thăm các xưởng thợ, xưởng làm binh khí, đến nghe phiên nhóm Nghị-viện. Nhưng phái-bộ không được Vua Louis Philippe cho chiêm-yết, có lẽ để trả lại cách Vua ta đã đối với Sứ-giả họ trước kia. Được tin có Sứ Việt-nam sang, Hội Ngoại-quốc truyền-giáo và nhiều Giám-mục viết thư cho Pháp-đinh kể việc Giáo-sĩ bị giết hại ở Việt-nam và nhờ can-thiệp. Các quan Thượng-thư Pháp tiếp phái-bộ có nói việc giết hại ấy đã đồn đến bên này và chắc sẽ không khỏi bị trả thù. Sau đó, phái-bộ xuống tàu sang Anh-cát-lợi, và khi trở về đến nước nhà thì Vua Minh-mệnh đã băng-hà rồi.

Xem các việc trên kia thì thấy đối với các nước tây-dương, Vua Minh-mệnh giao-thiệp cũng xứng đáng là ông Vua một nước độc-lập ; việc phái quan-thuyền đi do thám các nước ngoài, tận đến châu Âu, lại cho ta biết rằng trong cách mưu quốc, Ngài cũng biết lo nghĩ xa xôi. Nhưng hiềm vì không hiểu thời thế thiên hạ,

sợ đạo Thiên-chúa truyề̄n vào và không muốn tiếp xúc với người Tày - dương, ngăn trở sự thông thương, cho nên người nước ta không theo kịp trào lưu thế giới mà tiến - hóa được, và người nước Pháp mới lấy cớ mà dùng binh. Cái gương ấy, con Ngài, vua Thiệu-trị, cháu Ngài, vua Tự-đức cũng sẽ noi theo, làm chậm trễ bước đường biến cải của cả một dân-tộc. Vậy các điều lầm lỗi ấy, vua Minh-mệnh không sao từ chối được ; vì còn hơn Vua Thiệu-trị, vua Tự-đức, vua rất chuyên-chế, việc hay việc dở trong nước đều tự mình chủ-động cả.

## CHƯƠNG THỨ HAI

### Vua Thiệu-trị đổi với đạo Thiên-Chúa và các nước Tây-dương

---

Vua Thiệu-trị ít quả-cảm hơn vua Cha, và việc gì cũng theo nền nếp trước chứ không thay đổi.

Ngài đổi với đạo Thiên-chúa có khoan-dung hơn. Lên ngôi rồi, Ngài không ra dụ cấm đạo nhưng các Giáo-sĩ ngoại-quốc vẫn còn phải giam ở Huế.

Đã lâu, ở bên Pháp, người ta nghe nước Nam giết hại Giáo-sĩ, nhưng chưa triều-dai nào nghĩ đến việc can thiệp. Năm 1835, vua Louis Philippe theo đề nghị của phòng thương-mãi Bordeaux, đặt Lãnh-sự quán ở Manille. Năm 1839, Lãnh-sự quán này đổi làm Tông Lãnh-sự quán, thống hạt tất cả các biển Trung-quốc, viên Tông Lãnh-sự đầu tiên là Adolphe Barrot, trong các tờ trình về Chánh-phủ, đã nhiều lần xin lưu ý đến việc thương-mãi ở quần-dảo Á-châu rộng lớn này, và đòi nước Pháp phải có một vị-trí ở đó để lợi dụng sự xung đột giữa người Anh và người Hà-lan đương xảy ra. Bấy giờ các tàu chiến thường thực-hành những cuộc hàng hải quanh hoàn-cầu, cũng được mệnh lệnh phải lấy tin-tức về những xứ đi ngang qua, nhất là nước

Nam (cochinchine). Năm 1938, Hải - quân Đại - tá Laplace, đi chiếc tàu Artémise, đến Đà-năng, có ý dò xét thử những tin giết hại Giáo-sĩ, giáo đồ có thật không - nhưng ông không tiếp xúc được với một người dân hoặc Giáo-sĩ nào.

Cuộc chiến-tranh nha-phiến xảy ra, chánh-phủ Pháp nghĩ nên đề một lực-lượng hải-quân thường xuyên ở Viễn-đông để ứng phó với những biến-cố bất ngờ. Từ năm 1840, 1841, nhiều chiến thuyền Pháp túc trực ở biển Trung-quốc, ở Macao, ở Manille, ở Batavia, ở Singapore, ở Hồng-Kông.

Năm 1843, Hải quân Thiếu-tá Favin, Lévéque, thuyền trưởng chiếc Hải-phòng hạm Héroine, nhận đi tuần-la, tình cờ nghe tin ở Macao rằng có 5 Giáo-sĩ đương bị giam ở Huế. Thiếu-tá đến Đà-năng, nói khéo-léo, và xin tha được cả năm. Ấy là các giáo-sĩ Miche, Duclos, Galy, Berneux, Charrier. Hành động ấy là do ý riêng của Thiếu-tá, chứ Chánh-phủ và cấp trên không hề chỉ thị như thế.

Bấy giờ, chánh-phủ của vua Louis Philippe chưa quả quyết việc thiết lập căn-cứ ở vùng biển Trung-quốc, nhưng các sĩ-quan hải quân vì muốn có chỗ đem tàu thuyền mình lên tu bồ, nên đã tự ý hành động theo hướng ấy, hành động một cách rụt-rè, vì sợ cấp trên không tán thành. Trong các sĩ-quan ấy, người cương quyết hơn cả là Cécille, bấy giờ là Hải-quân Đại-tá sau thăng Phó Đô-Đốc, chỉ huy hạm đội Pháp ở biển Trung-quốc. Cécille đặc-biệt chú ý đến bán-dảo Án-chi (Indochine) và sau vụ Favin, Lévéque, ông đích thân

đến đây, lại nhiều lần phái tàu đến dò la tin tức các Giáo-sĩ. Từ tháng 5 đến tháng 6 năm 1843, tàu Erigone đậu ở bến Đà-nẵng, và Cécille bắt đầu trực tiếp giao thiệp với các quan-chức Việt-Nam, tuy Chánh-phủ không hề giao phó cho ông một sứ-mạng như thế. Tháng 2 năm 1844, Cécille làm tờ trình về Chánh-phủ đề nghị nên giúp-dỗ cho con cháu nhà Lê khôi phục Bắc-hà (Tonkin), họ sẽ để giảng đạo, buôn bán, rồi Cao-môn sẽ theo gương ấy, và Huế, Gia-dịnh (Cochin chine) thua, cũng phải xử trí như thế. Sau vụ Lapierre và Rigault de Genouilly bắn phá thuyền của ta ở Đà-nẵng (xem sau), bấy giờ Cécille đương ở Pháp, ra sức bênh-vực hành động ấy nói rằng đã đến lúc dùng đại bác mà thương thuyết và cần phải tìm người kế vị Thiệu-Trị. Cécille tình nguyện đem một đoàn quân viễn-chinh đến Huế, nhưng Thượng-thư Guizot không thuận.

Năm Ất-Tị, 1845 (Thiệu-trị thứ 5) Giám-mục Lefèvre bị kết án tử hình, còn giam ở Huế. Hay tin có tàu Tây đậu ở Đà-nẵng, ngày 1-4-1845, Giám-mục viết, thư sai người lén đưa đến. Tàu Hoa-Kỳ là Constitution nhận được thư, thuyền-trưởng là Percival xin tha cho Giám-mục, không được mời chuyển bức thư cho Chỉ-huy hạm đội Pháp là Phó Đô-đốc Cécille. Cécille sai Thiếu-tá Fornier Duplan đem chiếc hải-phòng-hạm l'Alemène đến Đà-nẵng, xin tha được Giám-mục ra, rồi đưa Giám-mục về Tân-gia-ba. Năm 1846, Lefèvre lại trở lại Gia-dịnh, bị bắt, đưa ra Huế, bị kết án tử hình, nhưng được vua Thiệu-trị ân xá, bắt phải trả về Tân-gia-ba (1).

---

(1) Năm sau, ông lại lén trở qua Gia-dịnh, giữ chức Giám-mục Sài-gòn.

Năm định-vị (Thiệu-trị thứ 7, 1847) Hải-quân Đại-tá Lapierre đến thay Hải-quân Thiếu-tướng Cécille cầm đầu hạm-đội Pháp ở biển Trung-quốc, theo lời đe nghị của Cécille liền phái Trung-tá Rigault de Genouilly đem chiến-thuyền La Victorieuse vào Đà-nẵng để dâng thư lên vua Thiệu-trị xin đừng giết hại Giáo-sĩ, giáo-dồ và cũng như nước Tàu, con dân được tự-do theo đạo Thiên-chúa. Đại-tá Lapierre di chiến-thuyền La Gloire theo kề Trung-tá. Quan tỉnh Quảng-nam liền tâu về triều, vua Thiệu-trị sai tham-tri bộ Lê là Lý-văn-Phúc đến Quảng-nam hội đồng với Tuần-vũ Nguyễn-dinh-Tân, Lãnh-binh Nguyễn-đức-Chung tùy nghi thương thuyết với người Pháp. Đúng ngày hẹn, quan Pháp và mấy người tùy tùng đến công-quán đưa ra một bức thơ bằng chữ Hán, lời lẽ rất ngang-trái, Lý-văn-Phúc không chịu nhận, quan Pháp lớn tiếng hách-dịch rồi để thơ trên ghế mà ra. Lý-văn-Phúc và Nguyễn-dinh-Tân bàn rằng : « Nhận thơ cũng có tội, đốt đi cũng có tội, chỉ bằng dâng về kinh là hơn ». Rồi Phúc cùng theo về chịu tội. Vua Thiệu-trị giận là đã làm khuynh quốc-thể, sai giam, giải chức và giao đình-nghị ! Sau khi ông đi, ở Đà-nẵng người dưới tàu Pháp thường lên bờ làm càn, ra vào làng xóm.

Bấy giờ có năm chiếc thuyền đồng của ta (Kim-băng, Phấn-băng, Linh-phụng, Thọ-hạc, Vân-băng) ở kinh phái vào Nam, ghé đậu ở vũng Trà-sơn, người Pháp sẵn đến giật lấy buồm, dây, Phó-vệ-úy Lê-văn - Pháp, Suất - đội Nguyễn - Tri, Nguyễn - Quyến, Nguyễn-Hy, Lê-Tần coi các thuyền ta, thả chặt neo giữ thuyền. Việc ấy báo về kinh, vua Thiệu-trị ngự

điện Võ-hiền sai Đô-thống Mai-công-Ngôn, Tham-tri Đào-tri-Phú đem lính ba vệ Võ-lâm, Hồ-uy, Hùng-nhuệ vào Đà-năng đổi phó, các quan chức từ Tuần-vũ trở xuống đều cho Mai-trung-Ngôn được quyền điều-dộ, sai Thị-lang Nguyễn-bá-Nghi quyền Bố-chánh Quảng-nam, còn Nguyễn-đình-Tân phải cách lưu cho theo Mai-công-Ngôn, Đào-tri-Phú hiệu-lực để chuộc tội; lại sai Thị-lang Võ-duy-Ninh, Thủy-công Chưởng-vệ Phạm-Xich đem 4 chiếc thuyền đồng đến biển Trà-sơn tiếp ứng. Vua sắc Mai-công-Ngôn, Đào-tri-Phú rằng: « Nếu người Tây không còn thị-oai và hành-động gì thì ta không nên động thủ trước, còn nếu họ khai-hấn thì lập-tức sức các thành, dài, thuyền, lính và thuyền mới phái vào hiệp nhau giết hết, giục theo theo bờ biển phải phòng-thủ cho nghiêm, không để họ vào trong thôn Ồ, nghiêm cấm giáo-dồ tới lui để tuyệt tin tức. Vua hỏi các quan Cơ-mật: « Tầu Pháp đến lần này có ý gì? Bọn Mai-công-Ngôn đi chuyến này các khanh liệu thế nào? » Trương-dăng-Quế tâu: « Người Tây chẳng qua chỉ xin được thông-thương và lợi sự cấm đạo mà thôi, chứ lẽ nào chỉ đem đến có hai chiếc tàu mà dám gây việc; Đào-tri-Phú (1) là người hiểu rõ người ấy sẽ thương-thuyết, tưởng không việc gì đến binh-cách. Còn nếu họ khai-hấn trước thì họ trái, ta phải, dẹp trừ không khó gì » (!!).

Binh, thuyền ở Huế vào đến. Bấy giờ người Pháp

---

(1) Đào-tri-Phú trước có được phái sang Tây mua về một chiếc tàu hỏa giá 280.000 quan tiền (1844), gọi là Điện-phi hỏa-cơ đại-thuyền (Quốc-Triều chánh-biên).

dương đợi trả lời, thấy ở các đồn lũy ta có nhiều binh lính, nên sinh nghi, bèn phát súng bắn (14-4-1847), thuyền ta và các đồn bắn trả lại. Sau một giờ, thuyền ta đều đắm hết, người Pháp không dỗ-bộ, đến ngày mai nhô neo bỏ đi.

Vua Thiệu-Trị nghe tin giận lắm và liền chú ý đến việc Hải-phòng. Vua sai Mai-công-Ngôn xem xét tình-thế Trà-sơn, lập 7 cái đồn để giữ bờ-biển Đà-nẵng ; các quan chức và lính làm việc ấy đều được trả trước một tháng lương. Vua lại nghĩ các cửa biển lớn như Đà-nẵng, Thị-nại, Cần-giờ rất quan yếu, nên sai lấy 32 vạn cân đồng trong võ-khổ dem đúc súng đại-bác chia đặt ba nơi ấy để mạnh việc phòng-giữ.

Lại xuống dụ khắp nơi rằng : « Người Pháp-lan-tay là bọn cuồng-di, tội không dung thứ được, nếu có thuyền buôn, thuyền binh của chúng đến thì phải đuổi đi, không cho đậu. Gia-định là cửa biển lớn của đất Nam-kỳ, các cửa Cần-giờ, Phú-mỹ, Tam-kỳ lại rất quan yếu, tinh-thần phải xét rõ hình-thể lập thêm đồn lũy và đặt súng lớn để nghiêm việc phòng bị. »

Nguyễn-dăng-Giai, Tống-dốc 3 tỉnh Sơn-Hưng, Tuyên, dâng sớ rằng : « Người Dương-di gian-giảo tà-đạo làm mê hoặc lòng người ; nay ở Đà-nẵng chúng đã sinh chuyện như thế thì xin từ nay về sau, ta định việc phái quan thuyền đi các nước ngoại-dương, và đối với các đạo-trưởng đạo Gia-tô bị án đều y pháp trị tội, không nên dung thứ chút nào » Vua dạy : « Lời nói cũng có lý, nhưng nếu vì việc Đà-nẵng ấy mà thôi việc phái quan-thuyền thì chỉ tỏ sự yếu-duối của ta,

còn đạo Gia-tô làm mê-hoặc lòng người đã sâu, phải tìm nhiều cách để giảng-dụ, khai-hóa, khiến cho đồi lối làm lành, chứ nếu đều gia hình pháp cả thì e có quá đáng ».

Năm ấy (Đinh-vị) vua ra dụ cấm Giáo-sĩ ngoại-quốc giảng đạo và làm tội người trong nước theo đạo.

Hành động của Lapierre và Rigault de Genouilly thật là đáng tiếc..Như chúng ta vừa thấy, bấy giờ ở Triều-dinh Hué, vua tôi vua Thiệu-trị đã bắt đầu đối đãi hòa dịu với các Giáo-sĩ Âu-châu, bắt được thì đuổi chứ không giết, kẻ bị kết án tử hình cũng được tha, các quan-chức đối với giáo-đồ Thiên-chúa cũng không nghiêm khắc như trước nữa ; thấy thế, Giám-mục Cuénot, ngày 3-5-1847, đã viết : « Chúng ta tưởng sắp đến ngày hòa-bình rồi ». Vụ bắn phá 5 chiếc thuyền đồng ở Đà-nẵng đã làm tiêu tan bầu không khí hòa nhã và lạc quan ấy.

Đại-tá Lapierre đã vượt ra ngoài những huấn lệnh của thượng cấp, theo đó ông chỉ được hành động giúp các Giáo-sĩ bằng đường lối ngoại-giao mà thôi, chứ không được dùng súng đạn. Sự Triều-dinh kết tội, Đại-tá nhờ Giám-mục Forcade về Pháp nói giúp với Pháp Hoàng Louis Philippe và các vị đại thần, nên tuy các báo công kích, Lapierre cũng chỉ bị khiển trách mà thôi. Nhưng rồi Đại-tá cũng bị thắt súng, không được trọng dụng trong nhiều năm.

Sau vụ chiến-thuyền Pháp bắn phá 5 thuyền đồng của ta ở Đà-nẵng, người Anh, vốn đương đế ý đến nước ta từ lâu, bèn định lợi dụng biến-cố ấy để mưu tính cho

họ. Năm ấy (10-1847), Toàn-quyền Hương-cảng là John Davis và hai chiếc tàu binh đến cửa Hàn, mang một bức thư của Nữ-Hoàng Victoria xin vua ta cho phép họ choán một nơi ở vịnh cửa Hàn, đề nghị cùng ta ký một hiệp-ước thương mãi, và liên-minh để chống mọi mưu mô xâm chiếm của Pháp sau này, John Davis xin được diện yết vua Minh-mệnh; nhưng Triều-dinh từ chối một cách nhã-nhặn.

Cũng năm ấy vua Thiệu-Trị thăng-hà.

\* \* \*

Cuộc xung-đột năm Đinh-vị dời Thiệu-Trị là cuộc xung đột đầu tiên của hai nước Pháp - Nam. Ta xem cách đổi-dịch của binh-thuyền ta, cách ngoại-giao của quan ta, cách trùng-phạt của nhà Vua thì ta có thể tưởng tượng cách đối-phó của Vua quan ta trong tất cả những thời gian quan ta giao-phong với quân Pháp sau này.

Không rõ cho tường-tận họ đã tổ-chức, điều-khiển binh-sĩ cách thế nào, mà nào là Vua quan bận rộn, nào tàu, nào lính ở Kinh vào; nào tàu lính của một hải-cảng lớn, nào quan-văn quan-võ, nào quan-lớn, quan nhỏ, để cho cả hạm-đội bị có hai chiếc tàu địch làm chìm đắm hết trong một tiếng đồng-hồ ! Một đại-quan của Triều-dinh phái ra thương-thuyết với đại-diện một nước ngoài mà không thương-thuyết gì hết, rồi lúng-túng, không biết làm thế nào, chỉ xin về chịu tội ! « Bên địch khai hấn trước thì họ trái, ta phải, việc dẹp-trù không khó », « Không phái quan-thuyền xuất-dương nữa và giết Giáo-sĩ không tha để trả thù người Pháp », « người Pháp là cuồng-di, không dễ cho tàu họ tới lui

nữa » ấy là những ý-kiến của các ông Trương-dăng-Quế, Nguyễn-dăng-Giai, Thiệu-Trị, mà rủi thay, lại là những ý kiến phổ thông của Vua quan ta mãi còn lâu về sau nữa ! ! Những ý kiến làm lạc ấy tôi rằng các người cầm vận mệnh nước ta đã không hiểu thời thế thiên hạ chút nào cả.

Ấy suốt trong cuốn lịch sử Pháp thuộc, sự chống đánh của quân đội ta, cách ngoại giao và trí thức của quan ta đại dẽ đều như thế hoặc na ná như thế cả.

Chỉ xem các sự tình trong cách đối phó với sự khai hấn đầu tiên của nước Pháp này, kẻ dọc sử có thể đoán trước rằng nước Việt-Nam sẽ khó mà khỏi lâm vào cảnh bại-vong.

## CHƯƠNG THỨ BA

### Vua Tự-Đức đối với Đạo Thiên-Chúa và các nước Tây-dương

---

Vua Tự-Đức giỏi nho học và rất sùng thượng đạo nho. Cũng như phần đông sĩ - phu nước ta thường ấy, Ngài không hiểu rõ thời thế, cứ tưởng chỉ có nước Tàu, nước Việt-Nam mới là văn-hiến, việc chánh của vua Nghiêng, vua Thuấn, ông Châu, ông Triệu, lấy đức hóa dân, mới đáng bắt chước, chứ các nước khác là dã-man, làm trái các vị vua thánh tôi hiền ấy là hủy hoại kỷ cương, là bá đạo cả ! Bà Thái hậu Từ-Dũ và phần đông các quan Đại thần bấy giờ như các ông Nguyễn-đăng-Giai, Trương-đăng-Quế, Võ-trọng-Bình, Nguyễn-tri-Phương v.v... đều là hạng người bảo thủ, cũng nghĩ như vua, cho nên trong lúc các nước trên thế giới đương cạnh tranh bằng tầu, bằng súng một cách kịch liệt thì ở nước ta, người ta chỉ trọng việc bút nghiên, quý nghề thơ phú. Cái hoàn-cảnh ấy có ảnh hưởng lớn đến tâm trí và hành vi của Vua. Vả lại, quan niệm của người Việt-Nam đối với người Âu châu đến khoảng thời gian này vẫn chưa thay đổi, người nước ta còn cho người Âu châu cũng như rợ Đột-khuyết đời Đường, rợ Kim đời Tống mà thôi ; nghĩa

là tùy về vỗ bị họ tài giỏi, nhưng cũng là giống người dã man, không đáng cho ta bắt chước. Vì vậy vua Tự-đức đổi với đạo Thiên-Chúa và với người Tây-dương cứ theo chính sách của vua Minh-Mệnh, vua Thiệu-trị, và tuy Ngài thông minh, cần mẫn, hết lòng lo việc nước, mà trước sau không thấy quyết định một điều gì có ích cho việc đổi phó với thời cuộc, hoặc thay đổi một chế-độ nào để giúp cho việc canh tân nước nhà. Dân chúng thì không biết gì về việc quân, việc nước là việc chuyên quyền của vua quan cả, cho nên khi vua quan đã sai đường, lầm nẻo thì cả nước bị bại vong.

Vua Tự-đức tuy không ưa và cấm đạo Thiên-Chúa nhưng không có ác tâm với Giáo-sĩ, giáo đồ như nhiều người đã tưởng.

Vua không ưa đạo Thiên-Chúa vì đạo này trái với đạo-lý mà vua đã thâm nhiễm, vua cấm đạo vì các vua Minh-Mạng, Thiệu-Trị đã cấm, vì Triều đình, sĩ phu đều muốn cấm, vì thấy các cường quốc Á đông như Nhật, Tàu trước kia đã cấm. Nhưng xem việc vua trọng dụng nhiều giáo sĩ, giáo đồ, đổi xử ân cần với họ (nhất là đổi với ông Nguyễn-Trường-Tộ), và có lần vua tỏ ra bất bình khi thấy văn thân giết hại, bạc đãi giáo đồ quá đáng, thì biết chân tâm không bạc ác của vua. Một Giáo-sĩ người Việt là Đặng-đức-Tuấn bị quan chức địa phương bắt giải về Huế, có dâng lên vua một tờ biểu nói rõ lẽ thiện trong giáo lý Thiên - Chúa - Giáo, vua không chỉ tha giáo sĩ mà còn dùng vào một việc công nữa. Những dụ cấm đạo, có khi khắc nghiệt, mà vua đã

ban hành, phần nhiều là để phản ứng lại một biến-cố chính trị vừa xảy ra : có Giáo-sĩ, giáo-dồ chủ trương hay dính dự vào một cuộc nổi loạn, hoặc một sự can-thiệp của người Pháp.

Năm Mậu-thán (1848) là năm đầu đời Tự-Đức, vua àn xá nhiều người có đạo bị giam và đã xuống dụ cấm đạo Thiên chúa, dù đại ý nói Giáo-sĩ ngoại quốc vào giảng đạo thì phải tội chết, những trưởng người Nam không chịu bỏ đạo thì phải khắc chữ vào má hai chữ « tả đạo » rồi đày đi xứ nước độc, kẻ thường dân vì dốt nát nên bị dụ dỗ hoặc bị mua chuộc bằng tiền bạc thì các quan phải ngăn cấm dừng để cho theo đạo mà bỏ sự thờ cúng ông bà, chữ dừng giết hại v.v... Bấy giờ dân theo đạo bị gọi là dụ dân, ý cho họ là dân ác, không lành (dụ là thứ cỏ làm hại lúa).

Nguyên năm 1845, thuyền-trưởng tàu Constitution của Hoa-Kỳ là John Percival xin tha cho Giám-mục Lefèvre không được, tức giận có nạt nộ, hăm dọa rầm lên. Cứ chỉ ấy bị Chánh phủ quở trách, và mùa thu năm 1849, ông Balestier, cựu lãnh sự Hoa-Kỳ ở Singapour được phái đến xin lỗi Triều đình. Sách Đại-Nam Thiệt-lục chép : « Năm Canh-Tuất (tức 1850, Tự-Đức năm thứ 3), nước Mỹ sai Ba ly rô đem tàu đến Đà Nẵng để dâng quốc thư xin thông thương. Hậu-quân lãnh Tổng-đốc Quảng-nam là Tôn-thất-Bật xin quyền nhận thư, tùy cơ bỉ bác, vua không cho nhận ». Vậy Ba-ly rô có phải là Balestier không ?

Xảy ra vụ Huờng-Bảo mưu-phản, Giám-mục Pellerin bị nghi có dính dáng, nên năm Tân-Hợi (Tự-Đức thứ

thứ 4, 1851) Vua lại ra dụ cấm đạo nghiệt hơn ; hai Giáo-sĩ người Âu là Schoeffler (ở Sơn-tây) và Bonnard (ở Nam Định) bị chém.

Năm Ất-Mão (1855), năm Đinh-Tị (1857) đều có Dụ cấm đạo, hai Giám-mục người Tây-ban-Nha là Diaz, Garcia (ở Bùi-chu, Thái-bình) và nhiều thầy giảng người Việt bị giết.

Trong các thời gian đó các Giáo-sĩ phải trốn tránh trong rừng, núi hoặc đào hầm, hổ mà ở giảng đạo. Công-sứ Pháp ở Bắc - Kinh viết thư về xin Chính-phủ phải can thiệp, Dư luận Âu-tây náo động.

Thay Đại tá Lapierre chỉ huy hạm đội Pháp ở biển Trung-quốc là Hải-quân Thiếu-tá Jaurien de la Gravière. Vì không muốn gây rắc rối khác nữa với Việt Nam, nên tuân theo huấn-lệnh của Chánh phủ, Thiếu-tá không đem tàu đến bờ biển nước này. Người kế-vị Jaurien de la Gravière là Đại-tá Rocquemaurel cũng có ý nối lại liên lạc với nước Nam, nhưng hành động thận trọng. Từ ngày 13 đến 18 tháng 12 năm 1851, Ông đi chiếc tàu La Capricieuse đến viếng các hải-cảng Phú yên Honekone (Hòn-khói), Cam-ranh, Vũng-tàu (Cap Saint-Jacques), nhưng tránh không ghé Đà-năng, Thái độ ấy được bờ trên khen ngợi.

Sau khi chiến tranh Crimea kết liễu Pháp-Hoàng Napoléon III bèn nghĩ đến Đông-dương, miền mà đã từ lâu, vua thường nhận được những tin tức không vui, Vua quyết định phái một nhà ngoại giao sang Xiêm, Cao mèn và nước Nam. Ông Charles de Montiguy, Lãnh sự thương-hải, đương nghỉ ở Pháp, được giao phó nhiệm

vụ sứ giả này. Nhưng vì các tàu thuyền theo ông đến, đi không phối hợp nhất trí, nên sinh nhiều rắc rối mà sứ-giả Pháp không thu được kết quả gì.

Trong khi ông Montigny dương di sang Cao-mèn thì ngày 16-9-1856 (Bính-Thìn, Tự-Đức thứ 9) chiến thuyền Catinat, thuyền trưởng là Lelieur de Ville sur Arce, đến Đà Nẵng, đưa thư của Montigny gửi cho Triều-dinh Huế báo trước mình sẽ đến, nhưng quan chức ở Đà Nẵng không chịu nhận thư, chiếc Catinat chạy đến cửa Thuận-an, đưa thư, viên quan giữ cửa Thuận không chịu nhận, họ bèn để ở bờ sông mà đi. Hôm sau, tàu Catinat trở lại Đà-nẵng nói rằng đã đưa thư rồi, nên ở đây, chờ quan chánh phó-sứ của họ đến thương thuyết với ta, nếu ta không chịu hòa,' thì về rủ nước Hồng-Mao qua, chắc sẽ có chuyện không tốt. Việc ấy tàu lên, vua truyền tỉnh Quảng-Nam phái binh tuần phòng.

Thấy quan ta không trả lời, người Pháp bèn phá các đồn lũy ở Sơn-chà, Vua Tự-Đức liền một mặt sai binh đến canh giữ ải Hải-vân, một mặt sai Đào-Trí-Chưởng vệ-doanh Vũ-lâm, vào giữ hai thành An-hải, Điện-hải để tùy cơ tiêu-biện, Trần-Hoằng làm Thương-biện tỉnh vụ Quảng-nam, Nguyễn-Duy sung việc trấn-dương ở Đà-nẵng và hiệp với Đào-Trí trù nghĩ việc ngăn giữ, đòi Trần-định-Túc, nguyên Quản-dạo Phú-yên, đến giúp việc với Nguyễn-Duy và giáng các quan tỉnh Quảng-nam vì đã không lo phòng-ngự. Sau khi tàu Pháp bỏ thư ở Thuận-an, viện Co-mật xin giao thư ấy (chưa mở) cho quan coi cửa Đà-nẵng trả lại họ và nói vì sở-hành vô lẽ nên ta không nhận. Gây việc ở Đà Nẵng

rồi, Lelieu de Ville sur Ace lại đưa thư cho quan giữ cửa Đà-nẵng xin đệ thư giao-hảo thông-thương. Quan ta sai người hỏi việc bắn phá đồn-lũy, ông nhận lỗi và nói mình chỉ là người thuyền-trưởng được sai đến trước đệ thư xin thông-hảo, còn việc lập diều-ước thi Quốc trưởng Pháp phái Chánh Phó sứ đến liệu-biện, việc bắn phá không hợp phép ấy, đợi khi nào hòa-ước thành sẽ xin sửa sang đồn lũy lại. Chiếc Hải-phòng-hạm Capricieuse, chiếc tàu thứ hai theo phái-bộ Montigny ngày 24-10-1856 mới đến Đà-nẵng, thuyền-trưởng là Collier phải sửa cái thư trước cho lễ phép hơn, quan Trấn-thủ Quảng-nam mới chịu nhận.

Nhân có tàu Capricieuse đậu ở cửa Hàn, Giám-mục Pellerin lén vào gặp thuyền-trưởng Collier bày tỏ tình hình giáo-hội ở Việt nam Collier khuyên Giám-mục, về Pháp trình cho Chánh-phủ biết.

Sứ giả Montigny đã ký hiệp-ước với Xiêm, đã đến Cao-môn, và từ Kampot đi tàu Marceau đến Đà-nẵng ngày 23-1-1857. Quan Khâm-phái trấn dương là Đào-Trí tàu về Huế : « Có tàu Pháp đến xin ta phái quan giao hội hoà-hảo, quan tàu tự xưng là quan nhứt phẩm, muốn tới kinh cùng ta hội nghị, vậy xin phái đại-thần tới hội. » Vua sai Đào-Trí phải hết lòng trù-biện cho phái, không cần phái-quan. Mấy vị quan ta cùng ông Montigny thương-thuyết, nhưng vì việc bắn phá của tàu Catinat đã làm cho bên ta bất-bình và ác cảm săn, nên sau ngày 15 ngày bàn bạc, hai bên không đi đến một kết-quả nào.

Ngày 7-2-1857, Montigny đi, và trước khi đi, có

trao cho quan ta một dự thảo hiệp-ước theo đó hai nước giao-hiếu, người Pháp được đến buôn bán, đặt Lãnh-sự và đạo Thiên-chúa được tự-do truyền-bá.

Tầu Pháp đi rồi, Vua nghĩ cửa Đà-nắng là cửa bể hệ-trọng, nên khiến bọn Đào-Trí hiệp với quan tỉnh trù liệu các cách phòng-thủ cho vững chắc. Hội-dồng khám xét rồi đem các sự nghi tâu lên :

1') Xin đặt đồn trấn Dương ở chóp núi Trà-son để 20 khẩu súng đại-bác.

2') Xin từ thành An-hải đến chân núi Trà-son, từ thành Điện-hải đến cửa Thanh-khé đều dắp lũy cát trồng gai gốc ngăn giặc.

3') Xin triệt bãi đồn nhất, đồn nhì.

Vua cho lời một mình Đào-Trí chưa đủ tin, nên lại sai quan bộ Hộ là Tôn-thất-Cáp vào Đà-nắng xét trù. Về, Cáp tâu : « Cửa ấy thiệt là chỗ hệ trọng, các đồn nhứt, nhì, tam, tứ xin để nguyên, phía bắc thành Điện-hải, ngoài lũy cát, cát biển bồi ngầm dưới mặt nước gần đến giữa vũng, nay xin dựng một pháo-dài tại chỗ ấy, để khi bắn súng cho thông thả, mà pháo dài liên tiếp với thành Điện-hải, khi có việc cũng dễ giúp nhau ». Vua giao Bộ nghị, Bộ xin theo ; chỉ khoản đặt pháo dài thì công trình nặng nề quá, vả lại chỗ ấy cát mới bồi, làm gấp chưa tiện, vân vân... ; Vua cho phải.

Thấy người Pháp gày chuyện, Vua giận lắm nên khi tầu Catinat đi rồi, việc cấm đạo thi hành nghiêm hơn.

Năm Canh-thân (T. Đ. 13, 1860), sau khi người Pháp

đã đánh Đà-nẵng, Gia-định, Vua lại xuống Dụ cấm đạo, cấm dân theo đạo, dân ông cũng như dân bà, con nít, ra khỏi làng mình. Cuối năm ấy, vua ra lệnh « phân phát giáo dân », bắt dân theo đạo phải để khắc vào má 2 chữ « tâ đạo », rồi tản - mác sang các làng bên lương, các làng này có bồn-phận canh giữ những người theo đạo, cứ 5 người lương giữ 1 người giáo, các làng đạo phải bị phá hủy. Trong hai năm 1859, 1860 khắp nước, nhất là ở Gia-định, nhiều giáo-đồ, Giáo-sĩ bị giết.

Từ năm Ất-mão (1852) đến năm Đinh-sửu (1877) tàu Anh ra vào mấy lần ở cửa biển Đà-nẵng, Thị-nại, Quảng-yên xin buôn bán, nhưng không được.

Nước I-pha-nho xin thông-thương cũng không được.

Khi chiến-thuyền Pháp đến Đà Nẵng, thì Pellerin Giám mục ở Huế trốn được xuống tàu rồi về Pháp. Nhờ có De Bonne Chose Giám-mục thành Rouen hướng dẫn, Pellerin được vào bệ kiến Pháp hoàng Nã-phá-luân III, ông kể rõ tình cảnh các Giáo-sĩ, giáo đồ bị giết hại bên ta, Hoàng hậu Eugénie là người rất sùng đạo, nghe nói động lòng, nên cùng ông De Bonne Chose hết sức nói giúp với Pháp hoàng xin đem binh thuyền qua can thiệp.

Sau khi Gia-định mất, Vua Tự-Đức đặt ra Thương-bạc-viện để chuyên lo việc giao thiệp với ngoại-quốc,

## CHƯƠNG THỨ TƯ

### Vì sao nước Pháp muốn chiếm nước Việt-nam.

---

Từ khi mất gần hết đất đai ở Ấn-độ, nước Pháp đã đề ý chiếm-cứ một nơi nào ở Viễn-đông để thay thế vào.

Tuy Pháp-Nam hiệp-ước Versailles (1787) thất-hiệu, và việc Giám-mục Bá-da-lộc và mấy sĩ quan Pháp giúp vua Gia-long là việc của tư-nhân, các sự tình ấy vẫn nhắc nhở luôn cho nhiều người Pháp vào các triều vua Bourbons trùng-hưng (Restauration) hình ảnh lờ mờ của một nước Nam xa xôi mà nước Pháp có thể đến lập căn-cứ.

Như ta đã thấy, các vua Louis XVIII, Charles X đều muốn nối lại tình giao hảo với nước ta. Đời vua Louis Philippe, sứ bộ Tôn-thất-Thường sang Paris, tuy bị đối đãi lạt lẽo, nhưng vì có các Giáo-sĩ phản đối, nói nhiều đến Triều đình của vua Minh-mệnh, nên lại khiến người Pháp đê tâm đến. Rồi năm 1843, Thượng-thư Guizot đã nói : « Chúng ta cần hai bảo-dám ở Viễn-đông : một căn-cứ hải-quân trong biển Trung-quốc, và một cơ-sở thường-trực gần nước Trung-quốc để làm điểm tựa và nơi nương-náu cho tàu thuyền, việc buôn bán và các Giáo-sĩ của chúng ta... Nước Pháp

không nên vắng mặt ở một vùng rộng lớn như thế, ở đây nhiều nước Âu-châu khác đã có những cơ sở rồi... »

Nã-phá-luân III, một người thường bông nhiên vọt lên ngôi Đế, nên vẫn có ý dương-oai diệu-võ để gây uy-danh cần-thiết cho mình. Tuy phải lo nghĩ chinh-trị ở Âu-châu trước hết, Đệ-nhị đế-chính cũng quyết tiếp tục và mở rộng chính sách bành-trướng thuộc-địa mà vua Louis Philippe đã bắt đầu (chiếm Algérie). Nã-phá-luân III được Thiên-chúa-giáo ủng-hộ nên theo chánh-sách thân Thiên-chúa-giáo. Hoàng-hậu Engénie lại là người sùng đạo, cũng đã ảnh-hưởng nhiều đến chồng.

Xảy ra cuộc chiến-tranh giữa Anh và Trung-quốc ; ở nước này Pháp cũng có mấy Giáo-sĩ bị giết. Thấy là một dịp tốt, vua Nã-phá-luân III phái quân sang Tàu cùng quân Anh hội-chiến, vừa để bênh-vực Thiên-chúa-giáo, vừa để dương-oai ở biển Trung-quốc nơi mà nước Pháp đương cần có mặt. Đô-đốc Rigault de Genouilly, rồi Đô-đốc Charner sáng đánh Tàu đều được lệnh của vua mình xong việc thì đưa quân sang Việt-nam, ở đây Chánh-phủ Pháp cũng đương cần bênh-vực Thiên-chúa-giáo, cần tìm nơi cẩn-cứ để buôn bán và truyền-giáo. Cuộc chinh-phục Việt-Nam đã mở đầu với sự tình-cờ ấy để hoàn thành hơn 20 năm sau nữa.

Vả lại, ấy cũng là hậu quả tất nhiên của cuộc cách mạng kỹ-nghệ ở Âu-châu và sự phát-minh các phương-tiện giao-thông đường biển. Hàng-hóa chế-tạo ra nhiều, tàu hơi đi lại dễ dàng, trên các biển, phạm-vi của thương mài nói rộng mau chóng, các nước Âu-châu phải tranh nhau chiếm thị-trường để tiêu-thụ hàng-hóa.

lùm đất dai mới lật lẩy nguyên-liệu. Bấy giờ người ta nhận thấy không chỉ ở Pháp mà ở Anh, ở Hoa-Kỳ, tinh thần kinh-doanh rất mỏ mang.

Công cuộc truyềng-bá Thiên-chúa-giáo, nhờ giao-thông tiện-lợi, cũng đương tiến-bộ như thương-mãi. Các Giáo-đoàn đã đến hoạt-dộng khắp nơi trên hoàn cầu, ở Viễn-đông cũng như ở trên các đảo Thái-bình-dương, Ấn-độ-dương, ở Phi-châu, ở Nam, Bắc-Mỹ. Mà trong công-cuộc tông-đồ ấy, nước Pháp vốn đóng vai trò quan-trọng nhất, vì số Giáo-sĩ cũng như tiền bạc cung cấp cho Giáo-hội.

Người Anh đã đi trước, họ đã chiếm được Tân-gia-ba, Miến-diện, Hương-cảng; người Hoa-kỳ đã thông-thương với Nhật-bản; vậy người Pháp cũng phải có một nơi nào ở bên này.

Trên đây là những lý-do khiến người Pháp và vua Nã-phá-Luân III mưu xâm-chiếm nước Việt-nam. Nhưng, như chúng ta sẽ thấy, đối với mưu-tính ấy, họ không có một chính-sách định trước, chỉ tùy theo những duyên-cớ nhất thời về tình-hình nội-bộ mà hành động. Và tuy sự định-doạt thuộc-quyền Chánh-phủ, nhưng nhiều khi những sáng-kiến của các tướng-lãnh tại chỗ hoặc của tư-nhân cũng để ảnh-hưởng nhiều đến thái-dộ và ý-chí của nhà đương-dạo.

Những người đề-xướng đầu-tiên cuộc chinh-phục nước Nam là mấy sĩ-quan hải-quân của hạm-đội Pháp ở biển Trung-quốc như các ông Cécille, Rocquemaurel, Fourichon, Jaurès, Maison-neuve, mấy đại-diện ngoại-giao kể nhau ở tòa Lãnh-sự Pháp ở Macao như các

Ông Forth Rouen, De Courcy, Bourboulon ; các ông ấy đã nhiều lần đề-nghị với Chánh-phủ đem quân can-thiệp ở nước Nam.

Nhưng hoạt-động hăng-hái hơn cả để làm cho Chánh-phủ Pháp quyết-định là các Giáo-sĩ, nhất là Giáo-sĩ Huc, Giám-mục Retord, Giáo-sĩ Libois và Giám-mục Pellerin.

Giáo-sĩ Huc trước đã dâng vua Napoléon III một kế-hoạch thành-lập một công-ty để lo việc chinh-phục và khai thác các xứ Cao-ly, Đà-nẵng, Madagascar, năm 1857 lại dâng một bức-thư nhắc lại Pháp-Nam hiệp ước 1857 và sự cần thiết phải thiết-lập gấp một nơi căn cứ ở nước Nam. Chính thư ấy đã làm cho chánh-phủ vua Napoléon III quyết định đặt một Uỷ-ban để nghiên-cứu vấn-dề nước Nam.

(Commission de la Cochinchine) (1) trong Uỷ-ban ấy, Giáo-sĩ Huc đã tỏ bầy ý-kiến. Sau khi dâng bức thư kia, Giáo-sĩ Huc được vua vời đến diện-yết, và Giáo-sĩ đã làm cho vua tin tưởng ở lời nói mình.

Giám mục Pellerin thì trong các năm 1851, 1855, đã xin Chánh-phủ Pháp giúp đỡ các Giáo-sĩ, giáo-đồ

---

(1) Thời Trịnh, Nguyễn phản tranh, người Pháp gọi phần đất từ Linh-giang trở vào cửa chùa Nguyễn là Cochinchine, từ Linh-giang trở ra cửa chùa Trịnh là Tonkin. Sau khi vua Già-Long đã thống nhất lãnh thổ, họ cũng gọi Bắc-hà là Tonkin, và xứ Trung, Nam ngày nay là Cochinchine, nhưng nhiều khi họ cũng dùng tên Cochinchine để chỉ tất cả nước Việt-Nam ta.

dương bị bạc đãi và giết hại. Như ta đã thấy, năm 1856, Giám-mục lén đến Đà Nẵng, gặp thuyền-trưởng tàu Capricieuse.

Nhân đó, Giám-mục có dự cuộc thương-thuyết của Montigny và các quan ta, rồi về Pháp bầy tỏ trước công chúng những cảnh tượng bi-thảm mà Giáo-hội ở nước Nam đã phải trải qua. Giám-mục có ra trước Uỷ-ban nước Nam, được diện-yết vua Napoléon III nhiều lần và dâng lên vua hai tờ điều trần dài.



# THIÊN THÚ BA

## CHIẾN, THỦ, HAY HÒA ?

CHƯƠNG THỨ NHỨT

NĂNG-LỰC VIỆT-NAM LÚC GẶP CƠN TAI-BIỂN

### Dân-trí nước ta dưới Triều Tự-Đức

Trong Triều Nguyễn, chưa có lúc nào nho-học thịnh  
bằng đời Tự-Đức. Nhà vua hay chữ ấy chăm-chú đến  
việc học một cách đặc-biệt, đặt ra nhiều khoa-thi để  
lấy nhiều người văn-học ra giúp nước, lại lập ra viện  
Tập-hiền, sở Kinh-diên, để cùng các quan bàn việc  
chính-trị và nghĩa lý trong sách sử. Nhưng sự học thì  
chỉ quanh quẩn các sách Ngũ-kinh, Tứ-thư, Bắc-sử,  
Đường-thi, Cồ-văn vân.. cho nên những kẻ thông-  
đạt cũng kiến thức hẹp hòi, không hiểu được việc  
trong thiên-hạ. Hạng thượng-lưu như thế thì dân-gian  
cố nhiên còn mờ tối hơn nữa.

Vào khoảng thời gian này bên Âu-châu tư-bản chủ-  
nghĩa phát-đạt lắm ; người da trắng đương nói đến

chuyện kinh-tế xâm-lược, chánh-trị xâm-lược, quân-sự xâm-lược, chuyện tàu, chuyện súng. Ở Trung-quốc, ở Nhật-bồn, người da vàng cũng đương khổ não, lo âu về cái họa người Tây, thế mà nhơn dân Việt-nam chỉ ra vào ở mấy quyền Luận, Mạnh, Thi, Thư, chỉ lo phân biệt vương-dạo, bá-dạo thì tài nào mà nước không mất được !

Sau khi ba tỉnh phía đông Nam-kỳ thất-thủ, thỉnh thoảng ta thấy trong dân-gian và trong quan-trường một đôi người sáng suốt hiểu rõ thời thế, đứng ra tâu bầy nhiều điều đích-dáng về việc phú-quốc cường-binh, nhưng các Triều-thần bảo-thủ tìm cớ bắc khước hết.

Năm Ất-sửu (1865, Tự-đức thứ 18) Phạm-phú-Thú, Tham-tri bộ-lại nhơn sang sứ Tây về, đã trông thấy cái giầu mạnh của người, dâng sớ xin : lập trường Thủy-học dạy thuật hàng-hải, học chữ ngoại-quốc cho tiện phiên-dịch để rõ tình-hình của họ. khuyến-khích thợ khéo, khai mỏ-vân vân...

Năm Qui-dậu (1873 Tự-Đức thứ 26) năm Giáp-tuất (1874 Tự-Đức thứ 27), ông lại dâng sớ và tư-trình định-thần xin chỉnh-đốn võ bị, hậu dưỡng quan-binh, cho các nước vào thông-thương, kết thân với các cường-quốc để làm bè bạn, đặt Lãnh-sự ở Hương-cảng để giao-thiệp với nước ngoài.

Năm Mậu-thìn (1868 Tự-Đức thứ 21) Trần-định-Túc qua Hương-cảng tạ ơn nước Anh về, cùng Nguyễn-huy-Tế tâu xin cho mở hàng buôn bán ở cửa biển Trà-lý (Nam-định) cho dân tới buôn bán và nhóm của thiền-hạ

đè tính việc lâu dài ; vua giao đình-thần nghị nhưng rồi không thấy thi-hành.

Cũng năm ấy, Đinh-văn-Điền, tin-đồ T.C. giáo người huyện An-mô, tỉnh Ninh-bình, mạt tâu các việc : lập sở đình-điền, khai mỏ vàng, làm tầu hỏa, rước người Thái-tây qua dạy, kết thân với nước Anh, lập nhà thông-thương hàng-hóa, bỏ lệ cấm-binh-thư, binh-pháp cho người trong nước học-tập, quân lính, thì khiến chuyên tập nghề bắn, việc làm quan và cho thêm lương ăn để chúng duyệt tập cho siêng, khi lâm sự thì thưởng phầm-hàm cho hậu, kẻ tử trận thì con cháu được xét dùng, kẻ bị thương thì được cấp-lương nuôi trọn đời. Đình thần-nghị rằng mấy điều ấy chưa hợp thời-thế rồi bỏ qua !

Năm Nhâm-thân (1872 Tự-đức 25) Cơ-mật Thương-bạc tâu xin mở sở buôn bán ở 3 cửa biển Đà-nẵng, Ba-lạt, Đồ-sơn. Đình-thần nghị rằng : mở cuộc buôn bán có 5 điều lợi mà cũng có 8 điều khó.

### 5 điều lợi :

- 1') Nhóm dân ở bờ-biển, nhơn đó bền - vững bờ cõi ta.
- 2') Chứa cửa nơi dân, ngụ binh ở việc buôn bán.
- 3') Hàng buôn dọc bờ - biển, tin-tức thông nhau,
- 4') Hàng buôn lập ra, thuyền chiến phải nhóm tại đó, đã đuổi được giặc lại bảo hộ được thuyền vận-tải nữa.
- 5) Ta với ngoại-quốc thông-thương, trao đổi hàng-hóa, lâu ngày tin nhau, nhân đó mà xét được tình-trạng các nước.

**8 điều khó :**

1.) Mở hàng buôn, nhóm kẻ giầu, tất phái có thành quách, súng ống, binh bộ, tàu thủy để hộ vệ mà ta nay của hết, sức cùng, chi phi khong đủ.

2.) Binh thủy và binh bộ phòng ngoài biển phái cấp lương hậu hơn cách thường, nay lính theo đánh giặc lương ăn như lệ cũ, thành ra kẻ hậu người bạc ; sinh điểu ta oán.

3.) Phải cần người tài-giỏi trí-cao quản-đốc việc buôn bán mới có thể phủ-Ủy các người buôn xa và ứng tiếp các nước.

4.) Gắng gượng mở hàng, linh-tinh từng phố sao cho bền-vững được.

5.) Vượt biển buôn bán, phái xuất tiền công thì dân mới vui theo, mà bảy giờ nhiều việc, không nên phí của kho và ép dân.

6.) Chứa cửa nơi xa-xuôi, chắc là dân giàu sơ, không tới, chỉ những nhà buôn nho-nhỏ chịu mở cửa hàng thì lại làm mồi cho giặc.

7.) Nhóm dân ở bờ-biển mà không người trọng-trấn để giữ trị, nếu có người khác đến giành, trong chúng nó chắc có kẻ tò tình với giặc, như vậy là dễ lo cho nhà nước về sau.

8.) Xưa nay ta chưa thành lập cuộc buôn mà còn có kẻ chở trộm đồ quân-trang vào sông và đem lén thiết-cắm ra biển, huống chi nay có cuộc buôn tụ - hội người các xứ, ắt có nhiều kẻ gian-dối sẽ gây họa (chiến

tranh). Khó nhiều, lợi ít, chưa nên làm vội. Việc ấy bèn thôi !

Năm Kỷ-mão (Tự-Đức 32, 1879) Nguyễn-Hiệp đi xứ Xiêm-La về, vua hỏi tình thế nước ấy, Hiệp trả : « Nước Xiêm trước kia có người Bút-tu - kê (Bồ-dào-Nha) ở buôn bán nên tình-thế ở phương Tây cũng đã hơi biết, đến khi người Anh đến cầu thông - thương, liền-hòa với Anh nên Anh không gây oán được, vì thế nên không mất đất dai, rồi Xiêm lại giao-hảo với các nước Pháp-lan-tây, Ý-dại-lợi, Phồ-lỗ-sĩ, Mỹ-lợi-kiên, Tây-ban-nha, Hà-lan, Bút-tu-kê, cho họ đặt Lãnh-sự ; Lãnh-sự Anh làm đầu, qua lại giao-thiệp, không trở ngại gì mà nước Xiêm-la vẫn giữ quyền, người ngoài không hiếp-chế được.

Năm Tân - tị (1881, Tự-Đức 34) Hàn-lâm-viện Tu-Soạn Phan-Liêm mật tâu xin : mở thương-cuộc, chung vốn lập hội buôn, khai mỏ, học tập tiếng nói và kỹ-nghệ cơ - xảo ngoại - quốc. Vua sai Cơ - mật duyệt lại, Cơ - mật trả : « Khoản khai thương không tiện, còn các khoản kia xin tư các tỉnh hiểu xét, có ai xin khai mỏ và đi học thì tâu về sẽ nghĩ ». Nhơn đó, vua sắc rằng : « Kẻ lão - thần lo việc giúp nhà nước, chẳng việc gì là chẳng xét kỹ, nhưng nên làm thế nào cho ngày càng tấn tới, nếu không tấn tới là thối ! » Ôi ! « Không tấn tới là thối », vua Tự-Đức cũng hiểu việc đồi lầm ; « làm thế nào cho ngày càng tấn tới », Ngài cũng đề ý đến điều ấy, ngặt vì các Triều-thần là kẻ làm tai mắng cho Ngài nhứt thiết ngăn trở, gấp ai tâu bầy đến việc thay đổi thì tìm lời nói cho

qua chuyện, Ngài lại ít quyết-đoán, nên rất cục không làm được việc gì cả.

Cũng trong năm ấy, Khoa-đạo Lê-Đỉnh đi Hương-cảng về, vua hỏi : « Có nghe thấy gì lạ không ? Người ta có nói đến việc gì ở nước ta không ? » Đỉnh tàu : « Các nước Thái-tây giàu mạnh, chẳng qua nhờ việc buôn bán và việc binh mà thôi, dùng binh để bảo-vệ nghề buôn, dùng nghề buôn để nuôi binh, vậy nên chính-đốn sự thông-thương là việc cần cấp lắm. Gần đây nước Nhật-bản bắt chước Thái-tây, thông thương với các nước, nước Tàu cũng làm theo cách ấy, lần lần cường thịnh. Có kẻ nói sản-vật nước ta nhiều, người thông-minh cũng đồng, nếu gắng-sức mà làm thì việc giàu mạnh cũng chẳng khó gì. chỉ vì văn thơ phiền quá và khi làm việc gì hay câu-nệ lắm thôi. »

Bùi-Viện, người tinh Thái-bình, đậu Cử-nhân, dâng sớ xin mở mang việc buôn bán với ngoại-quốc, Triều đình sai ông sang Tàu kinh biện việc ấy. Ở Hương-cảng, ông kết giao với Lãnh-sự Hoa-kỳ, rồi nhờ sự chỉ dẫn của ông này, ông sang Hoa-thịnh-đốn. Sau một năm vận động và chờ đợi, ông được yết kiến, Tổng-thống Hoa-kỳ xin cứu giúp nước Nam đối phó với nước Pháp. Tổng-thống hứa giúp. Nhưng ông Bùi Viện không có quốc-thư, thành ra việc cầu viện của ông không chánh-thức. Ông phải trở về nước để xin quốc-thư. Khi ông mang quốc-thư sang thì chánh-cuộc Hoa-kỳ đã thay đổi, người Mỹ không để ý đến việc ấy nữa.

Nhưng lúc bấy giờ, trong hàng người thức thời vụ và có những ý-kiến thích-hợp thì Nguyễn-trường-Tộ

là lối-lạc hơn cả. Ông người Nghệ-an, theo đạo Thiên-chúa, thông nho học, sau có theo Giáo-sĩ ngoại-quốc qua thăm La-mã và học tập ở Paris, kiến-thức rộng, thông hiểu nhiều môn học thực-dụng phương Tây (như tim mỏ, đào sông, kiến-trúc vân vân...) trước sau dâng lên Triều-đình mấy tờ điều trần xin cải cách học thuật, chỉnh đốn võ-bị, khai-khoáng, cải-lương nông-chính, mở-mang và chỉnh-đốn thành thị, thi hành phép thống-kê, đặc-diền, mở mang và khuyến khích kỹ-nghệ giao-thiệp với các cường-quốc, ngoài nước Pháp, vân vân... Nhưng cũng chịu một số phận như các lời tâu bày trên kia, mấy tờ điều trần thống-thiết của Tộ không được người ta chú ý đến cho xứng với sự sáng-suốt của nó.

Trong lúc nước nhà cần ngay những sự cải-cách lớn lao, Vua Tự-Đức và Triều-thần chỉ cho thi hành những phương-pháp nửa chừng, những sự duy-tân lặt-vặt. Năm Giáp-tí (1864 Tự-Đức 17) nghĩa là sau khi đã mất 3 tỉnh phía đông Nam-Kỳ hai năm rồi, định lệ thưởng phạt học trò học tập chữ và tiếng Đại-Pháp như người thông hiểu được thưởng tiền, người trễ nhác bị đánh đòn, lại khiến vệ Thủy-sư và sở Võ-khổ lựa 8 người cẩn-thiệt, siêng, khéo và mạnh-mẽ để phái theo tàu máy học tập chế tạo, cho Viên-ngoại Hoàng-văn-Xưởng. Chánh-đội Lê-văn-Mân sung chức Chánh, phó Quản-lý. Năm Bính-dần (1866 Tự-Đức 19) khiến 2 tỉnh Vĩnh-long, Ang-giang lựa thuộc-viên công-tượng hoặc học-trò, người nào siêng-giỏi, có tú khéo, chừng 20 người, cấp cho lương ăn áo mặc rất hậu, tới Gia-dịnh (thuộc Pháp) học tập các nghề công-xảo.

Năm ấy, theo lời xin của Đặng-huy-Trú, Tá-lý bộ Hộ, đặt Bình-chuẩn-tí để trông nom việc buôn bán.

Vua đế ý đến việc dịch sách Tây, hỏi viện Cơ-mật, Cơ-mật xin cho dời Nguyễn-Hoàng, Linh-mục đạo Thiên-chúa đến kinh dịch sách và dạy học-trò.

Lại ủy Giám-mục Gauthier, Nguyễn-trường-Tộ và hai viên quan sang Pháp rước Giáo-sư và kỹ-thuật-gia để về lập một trường học theo lối Âu-tây. Năm Mậu-Thìn (1868), Giám-mục Gauthier ở Pháp về, đem theo ba Giáo-sĩ tình-nguyện làm Giáo-sư và một kỹ-thuật-gia cùng nhiều sách và dụng-cụ dạy cách-trí, nhưng bấy giờ ba tỉnh miền Tây Nam-Kỳ mới mất, Triều-dình đương bận rộn, không nghĩ đến việc thành-lập trường học nói trên.

Năm Mậu-thìn (1868 Tự-Đức 21) nghĩa là sau khi sáu tỉnh Nam-kỳ đã mất, phái bọn Lê-văn-Hiến cả thảy năm người vào Gia-dịnh học chữ Pháp với giáo-sư Trương-vĩnh-Ký. Năm ấy, sức các học-thần phải thường dạy học-trò những điều binh, tài, thao-lược, nòng điền thủy-lợi ; các giáo-chức giao quan thượng-ti xét hạch tâu lên.

Năm Kỷ-ty (1869 Tự-Đức 22) định lệ sát-hạch người học chữ Tây, chia hạng thưởng phạt. Năm ấy đình-thần tâu rằng : « đạn, trái phá là đồ lợi-khí việc binh, xin hỏi các địa-phương có người nào quen nghề chế-tạo đạn và tính chừng độ đạn đi được mấy, đều cho tới bộ Binh đầu đơn, bộ sẽ xét thiệt rồi tâu xin lượng thưởng phầm-hàm. Lại xin lập cuộc công-xảo tại sở Đốc công, hễ người nào biết rõ máy móc tàu hỏa, chế máy cưa và biết nấu đồng, đúc súng thì không nệ nội ngoại

tịch-dân đều mờ cho đồng đê sung vào sô ấy » Vua y cho.

Năm Quý-dậu (1873 Tự-Đức 26) bấy giờ cái thế người Pháp đã đe dọa đến Bắc-kỳ, vua khiến các đại-thần trong ngoài xét kỹ nếu có người nào học-thức, tài-trí, hiếu hết tinh thê, công việc, chữ-nghĩa và tiếng ngoại-quốc mà có thể cảng-đáng được việc ngày nay thì phải tâu lên.

Năm mậu-dần (1878 Tự-Đức 31) nghĩa là sau khi ký hòa ước nhận theo chính-sách ngoại-giao của nước Pháp và khai thương mấy cửa bắc ở Trung, Bắc-kỳ vua cho thông lục các điều khoản, nghị-định học chữ và tiếng ngoại-quốc, (tử-de nhà quan chừng 20 tuổi, qua học ở Hương-cảng, nước Tây thì chiếu lệ cấp tiền lộ phí, hạn 5 năm thì về, Triều-định xét như học được chữ, tiếng một nước, hay là học được một nghề, như đóng tàu, đúc súng, chế đồ binh-khi, khai mỏ, tập quân, thì chiếu lệ « Tú tài hạch đậu », bồ Cửu-phẩm, học được chữ và tiếng hai nước hay học được hai nghề thì chiếu lệ « Cử-nhan không phân số » mà bồ, học được chữ và tiếng ba nước hay là học được ba nghề, thì chiếu lệ « Cử-nhan có phân số » mà bồ; đều cho ra làm quan ngay),

Năm Kỷ-mão (1879 T.Đ, 32) sai Nguyễn-thành-Y qua Pháp dự cuộc đấu-xảo và đem học trò qua học ở trường cơ-khi Toulon,

Năm ấy khiến các địa-phương xét mờ những người ưng học tập chữ và kỹ-nghệ nước Pháp rồi tâu lên.

Cuối năm ấy, nhơn có sứ-bộ I-pha-nho đến Huế định thương-ước, vua gửi họ 20 trẻ con lựa trong

con các quan đế đem sang các nước Tây-dương học các công-nghệ, nhưng bọn học-sinh này vô đến Sài-gòn bị người Pháp ngăn trở, nên phải ở lại, Năm Tân-ty (1881 T.Đ. 34) khiến Thị-lang bộ-Lê là Phạm-Bình đem 12 học trò sang Hương-cảng gửi học ở trường người Anh.

Các điều mưu tính duy-tân của vua tôi đức Tự-Đức mà ta vừa thấy, nếu có kết-quả cũng không ăn thua gì và nói rằng Triều - đình lúc ấy đã duy - tân « cho lấy có » cũng không phải là nói quá đáng.

Tiếp xúc với một văn-hóa chuyên lă ylực-lượng tàu súng mà giải quyết mọi việc, dân tri ẩy, kẻ cầm quyền bảo-thủ đường ẩy, cách duy-tân ẩy, cố nhiên không khỏi đưa nước nhà đến chốn thất bại.

### Vô bị nước ta dưới triều Tự - Đức

Từ triều Minh-Mệnh, binh chẽ nước ta gồm có bộ-binhh, thủy-binhh, kỵ-binhh, tượng-binhh, pháo-thủ-binhh và sắp đặt lại như vầy: bộ-binhh có kinh-binhh và co-binhh ; kinh-binhh do quan Thống-chẽ chỉ-huy, chia làm doanh, vệ, đội, hoặc để đóng giữ kinh thành, hoặc chia đi đóng giữ các tỉnh, có các quan chánh Quản - vệ, phó Quản-vệ và Xuất-dội cai-quản ; mỗi doanh có 5 vệ, mỗi vệ có 10 đội, mỗi đội 50 người ; binh khí của mỗi vệ thì có hai khẩu súng thần-công, 200 khẩu súng điểu-sang và 21 ngọn cờ ; cơ binhh là lính riêng của từng tỉnh cũng chia làm cơ và đội, có các quan Lãnh-binhh, phó Lãnh-binhh, Chánh phó Quản-cơ và Suất-dội coi sóc ; mỗi cơ có 10 đội, mỗi đội có 50 người, chia thành

5 thập 10 người và 10 ngũ 5 người ; Ở các tỉnh lớn, trên chức Lãnh-binh còn có chức Đề-đốc.

Tượng-binh chia thành đội, mỗi đội có 40 con voi, số voi ở kinh-thành là 150 con, ở Bắc-thành 110 con, ở Gia-dịnh thành 75 con, ở Quảng-nam 35 con, ở Bình-dịnh 30 con, Nghệ-an 21 con, Quảng-bình, Quảng-Nghĩa, Thanh-hóa, mỗi nơi có 15 con, ở Quảng-trị, Phú-yên, Bình-thuận, Ninh-bình mỗi nơi 7 con.

Thủy binh chia làm Vệ, Doanh ; mỗi Vệ có quan Chưởng-Vệ, mỗi doanh có quan Thống - chế cai-quản, trên hết có quan Thủy-sư Đô-thống chỉ huy. (1)

Trên các binh có 4 quan Đô-thống : hậu-quân Đô-thống, tả-quân Đô-thống, hữu-quân Đô-thống, tiền-quân Đô-thống, cả 4 đều dưới quyền quan Trung-quân Đô-thống là chức quan cao nhất bên võ biền.

Quan võ do những binh lính có đặc tài và lập đại-công mà cất nhắc lên, hoặc lấy những người đậu Tú, Cử, Tiến-sĩ võ ở những khoa thi võ mà bồ dụng, những người dự thi các khoa này cũng phải biết chữ ít nhiều vì ngoài các môn thi võ-thuật còn môn thi binh-pháp nữa. (Năm Minh-Mệnh thứ 18 (1837), Bộ-binh định phép thi võ-cử : thi hương : trường nhất xách tạ, trường nhì đánh roi (trúc, mộc, côn) đi quyền, múa đoán kiếm, trường ba bắn súng điểu-thương ; ba trường đều trúng hết thì đậu võ cử-nhân, chỉ trúng trường nhất, trường nhì thì đậu võ Tú-tài : lúc treo bảng xướng danh còn phúc-hạch để hỏi về sách Võ-kinh và sách Tú-tử, ai

---

(1) Trở lên trích sách Việt-Nam Sử-Lược của Trần-trọng-Kim).

nói trôi chảy nghĩa-lý thì tên được đứng trước. Thi hội cũng như thi hương nhưng đánh roi dùng thiết côn (roi sắt); thi ba trường ai được trúng cách mà gồm thông chữ nghĩa thì được vỗ thi đình thi một bài văn-sách hỏi về nghĩa-lý trong sách Võ-kinh và sách Tứ-tử cùng những điều cốt-yếu về phép dùng binh của danh tướng đời trước; thi đình đậu gọi là Võ-Tiến-sĩ, thi hội có phần số mà không vào thi đình thì cho đậu Phó-bảng). Bấy giờ ở những nơi hiềm yếu thì lập đồn ải, ở các cửa bắc và các đảo thì lập pháo-dài, thủy-quân đi trên những tàu lớn bọc đồng phòng giữ mặt bắc.

Cách xếp đặt ấy, vua Thiệu-Trị và vua Tự-Đức đại-dễ cũng nhơn theo, nhưng đến đời Tự-Đức, văn-trị long-thành, người mình lại quen cái thói trọng văn khinh võ cho nên việc võ-bị không được chăm-sóc cho xứng với sự cần-thiết của nó, quan quân đến lệ tập luyện cũng làm cầu-liêu cho xong việc mà thôi. Số lính tuy trong sổ thì nhiều nhưng thường thường thiệt số vẫn không đủ. Ta hãy xem sổ ấy trong một năm, năm Tự-Đức thứ 27, ví dụ : Các hạng lính trong nước cộng ước hơn 119.900, trừ sổ thiếu ước 31.700, còn ước hơn 80.800, ở kinh các thứ lính cộng ước 21.790 nhưng trừ lính hạ ban và các khoản khác, còn sổ đương ban là 9540 (1) các tỉnh thì tỉnh lớn có ước 45.000, tỉnh nhỏ cũng có sổ nghìn hoặc mấy trăm. (2) Nhưng mà quân

---

(1) (Xem tờ trình lên các Đinh-thần đề ngày tháng 2 năm Tự-Đức thứ 27 của Phạm-phú-Thú, Thượng-thư Bộ-Hộ, trong Chá-viện toàn-lập).

(2) (Xem sớ đề ngày 1 tháng 12 năm T. D. 27 của Phạm-phú-Thú).

linh ấy ít tập luyện, bắn là thuật cần-thiết mà mỗi năm chỉ tập một lần thôi, cho nên lâm sự thì rối lên, có khi vừa thấy quân địch đã sờ. (1)

Binh khí thì là gươm, giáo, siêu mã-tấu, súng đại-bác, súng điểu-thương, Súng đại-bác này đều nạp tiền, bắn 10 phát chưa trúng một, khi dời di phải xe đầy nặng nề, khi các thàn-công không đi, lại phải cung-vái và đỗ sâm-thuốc, súng điểu-thương này nồ băng đá lửa, bắn xa độ 250 thước hay 300 thước là cùng, mỗi đội 50 người lính thì chỉ có 5 người cầm súng điểu-thương, mỗi người chỉ bắn có 6 phát đạn mà thôi, hễ ai bắn quá số thì phải bồi, muốn bắn phải lấy thuốc súng (đựng trong một cái bao mang ở nịt-lưng) bỏ vào lòng súng, dùng ống thông-hồng ép thuốc vào cho chặt rồi bỏ vào viên chì (đựng trong cái bầu mang ở cổ) sau hết bỏ thuốc ngòi (đựng trong cái bầu mang ở cổ), rồi bóp cò cho viên đá nẩy lửa làm cháy thuốc ngòi ; vậy bắn được một phát súng đã tốn mất bao nhiêu thì giờ rồi, ấy là chưa nói khi bóp cò mãi mà đá lửa không bật lửa ra cho !

Người lính đầu đội cái nón nhỏ bằng trúc ghép, sơn, mình mặc áo giáp cộc tay, cộc vạt, ngoài bọc dạ đở hoặc vải đở, rất dày gọi là áo chiến, ống chân quần xà-cap bằng vải xanh, tay phải cầm gươm hoặc giáo, hoặc siêu, hoặc mã-tấu, tay trái cầm cái khiên hình như cái nón to đan bằng mây, hoặc cái mộc bằng gỗ hình bầu dục, như cái thuyền nhỏ, khiên và mộc là đồ đẽ cho mình

---

(1) Cũng theo lời Phạm-phú-Thír trong sớ ấy.

dỗ gươm giáo ; người lính cầm súng trước khi bắn phải mang khiên lên vai.

Đời Tự-Đức, thủy-binô có độ 6, 7 chiếc tàu hơi (sau hòa-ước Giáp-tuất nước Pháp tặng 5 chiếc tàu nhỏ nữa) và ước 50 thuyền lớn, nhiều chiếc bọc đồng. Số thủy-quân cũng là 3 doanh, mỗi doanh 2.500 cộng 7.500 lính, nhưng thủy-quân cũng như các viên quản-suất, đều là tay ngang, không biện được sóng gió, không biết thuật đi bể.

Xem quân lính và binh-khi của ta như thế thì không tài nào mà đối phó với quân Pháp, quân I-pha-Nho bấy giờ đã tập luyện theo lối mới, dùng những súng nạp hậu, những đạn trái phá và có nhiều tàu chiến. Vậy nên tuy ta cũng có nhiều tướng giỏi dùng binh như Nguễn-tri-Phương, Hoàng-tá-Viêm hoặc Dũng-cảm, hăng-hái như Lê-Sĩ, Quản-Định, nhưng trước sau cũng chỉ phải giữ thế-thủ và lén đánh tập-hậu mà thôi.



## CHƯƠNG THỨ HAI

### MẤT BA TỈNH PHÍA ĐÔNG NAM - KỲ

---

#### Quân Pháp và quân I-pha-nho đánh Đà-năng

Tháng tư năm 1857, vua Napoléon III quyết định lập một Uỷ-ban để nghiên cứu vấn đề nước Nam (Commission de la Cochinchine) giao cho Nam-tướng Brenier làm Chủ-tịch, và Phó đô-đốc Fourichon, Đại-tá Jaurès làm hội-viên. Uỷ-ban làm việc từ ngày 28-4-1857 đến ngày 18-5-1857, rồi quyết định nên chiếm nước Nam vì ba lợi ích tinh-thần, chính-trị và thương-mãi, và phải sửa soạn gấp và trong bí-mật việc chiếm cứ 3 thành thị chánh của nước này. Hai ông Fourichon và Jaurès trình bày một chương-trình hành-động theo đó một đoàn quân viễn-chinh, khác hạm đội Pháp ở Trung-quốc, sẽ từ Pháp sang chiếm Tourane, Sài-gòn, Ke-sở.

Ngày 15 tháng 7 năm 1857, Hải-quân Trung-Tướng Rigault de Genouilly được chỉ định chỉ huy cuộc viễn-chinh này.

Nhưng từ năm 1856, nước Anh vì có thương-thuyền đến Quảng-châu bị quan bản-xứ bắt giam thủy-thủ, nên khai chiến với Tàu. Nước Pháp có Giáo-sĩ bị giết ở Quảng-tây dương đòn bồi thường chưa được, vua Na-

poléon III muốn thưa dịp dương oai ở Đông-Á, bèn liên hiệp với Anh để đánh Tàu. Năm 1857, chính-phủ Pháp sai Trung-Tướng Rigault de Genouilly làm Tư lệnh một hạm-dội qua dự chiến và dặn xong việc sẽ sang nước Nam. Chỉ thị trao cho Trung-tướng Rigault de Genouilly là : « Chấm dứt những sự ngược đãi Giáo-sĩ, giáo-đồ, làm cho Thiên-chúa-giáo được dung nạp, chiếm Tourane và giữ vững ở đó ».

Năm mậu- ngọ (1858 Tự-Đức 11) tháng 7, Trung-tướng Genouilly đem 15 chiếc tàu, 1.500 lính, cùng 850 lính Phi-luật-Tân của nước I-pha-Nho sai Đại-tá Lanzarote từ Manille đưa sang, vào cửa Đà-nẵng, bắn phá các đồn-lũy (1-9-1858). Vua Tự-Đức được tin liền sai Đào-trí và Nam-Nghĩa Tông-Đốc Trần-Hoằng bắt lính hạ ban hơn 2.000 dùng để cự đánh ; hai ông mới đến nơi thì thành An-hải, Điện-hải đã bị hâm. Vua Tự-Đức rất nóng lòng liền sai Hữu-quân Đô-thống Lê-dinh-Lý làm Tông Thống, Tham-tri bộ Hộ Phan-khắc-Thận làm Tham-tán đem 2.000 cẩm-binh vào tiêu-ngự ; vua lại nhiều lần chỉ bảo các phương lược như lừa chõ đóng đồn, lừa thế quyết đánh, nhọn ban đêm vây đánh v.v.. Vì mất hai thành này, Tông-đốc Trần-Hoằng phải cách hiệu, Đào-Trí được quyền Tông-đốc.

Quân Tây lên bộ, đến làng Mỹ-thị, nhô rào đồn, phá núi đất, Tông-thống Lê-dinh-Lý cự đánh ở làng Cẩm-lệ bị thương nặng, quân lính hoảng sợ chạy hết, chức Phòng-triệt đồn Hóa-quê là Hồ-đắc-Tú giữ binh không cho đến cứu. Vua sai một quan Tham-tri đem cờ biền vào cách chức Hồ-đắc-Tú và xiềng lại để tra, cho

Lê-dinh-Lý nghỉ việc quân để điều-trị và bồ Thống-chế Tống-phước-Minh thay làm Tống-thống. Lê-dinh-Lý về tinh Quảng-nam được mấy hôm thì mất.

Thấy tình-thế càng ngày càng găng, vua sai một tướng giỏi là Nguyễn-tri-Phương, đương làm Kinh-lược sứ Nam-kỳ sung chức Tống-thống, Tống-dốc Định-Biên là Phạm-thể-Hiền làm Tham-tán và bồ Tống-phúc-Minh làm Đè-dốc.

Tháng 10, quân Tây vào sông Hàn và sông Nại-hiền, các ông Đào-trí, Nguyễn-Duy phục binh đánh hơn được. Tháng 11, quân Tây thình linh xông phá hai đồn Hóa-quê và Nại-hiền, Hiệp-quản Nguyễn-Triều và Nguyễn-An hết sức chống cự, bị chết, bọn Phước-Minh cứu viện không kịp, việc ấy tâu lên, vua sắc rằng : « Quân đã có, cứu-viện lại không có, một quan tướng đã khó tìm, huống chi chết đến hai, bọn Tống-thống không đau lòng hay sao ? » Tống-thống sắp xuống đều bị giáng phạt, hai Hiệp-quản tử-trận đều được tặng cấp. Nguyễn-tri-Phương bèn sửa sang các đồn lại, chia đặt vọng-lâu, xích-hậu để cứu-úng cho mau. Quân Tây nhiều lần đến đánh ở các đồn Hóa-quê, Nại-hiền, Thạch-gián, các ông Tống-phúc-Minh, Nguyễn-Duy, Phan-khắc-Thận đồng dược chống-dánh, có lần đuỗi được.

Nguyễn-tri-Phương đến quân-thú rồi mật xét tình-trạng để định việc nên đánh hay nên giữ. Vua khiến ông vẽ địa-dồ và trù mưu sách dâng lên ; ông tâu : « Bên họ chiến thi lợi, bên ta thủ thi hơn, bây giờ nên giữ cho vững để làm cách cự chiến, đắp thêm đồn-lũy rồi

lần lần mới xông tới ». Vua ban : « Bên đánh không hinh, họ dẽ cử-động mà mình khó dò-lường, bên giữ có hình họ dẽ trông thấy mà mình khó châu-dáo, Vậy việc « thủ » e có 6 điều không tiện :

- 1) Động tịnh không cắn-mật.
- 2) Khi-cụ không tinh-xảo.
- 3) Thám-tử báo lầm.
- 4) Hồn-lũy không coi khắp.
- 5) Quân-tâm nhút-nhát, tướng-lệnh không nghiêm.
- 6) Bình chia thì sức yếu, phòng chố nọ bỏ chố kia. »

Tháng chạp, Nguyễn-tri-Phương, Phạm-thế-Hiển lập đồn Liên-Trì, quân Pháp chia ra đến đánh đồn Thạch - gián, đồn Nại - hiên, phục binh ta bắn lui được. Thấy quân ta có khởi sắc, vua mừng và dẽ ủy-lao Nguyễn-tri-Phương, ban cho một thanh ngự-kiếm và sâm quê, Phương đắp lũy dài từ Hải-châu đến Phước-minh, Thạch-giản, ngoài lũy đào hầm hình chữ phầm, cắm chông, đồ cát và lấp cỏ lên trên, chia đặt quân mai-phục, sát tới thành Điện-Hải, quân Tây chia ba đạo đến đánh, phục quân ta nổi dậy, quân địch nhiều kẻ phải té xuống hầm, còn thì bị bắn, đuổi lui hết. Vua thưởng quan quân 100 quan tiền và khiếu quan tỉnh Quảng-nam săm trâu, rượu khao dai.

Năm Kỷ-vị (1859 T.Đ. 12) tháng giêng, quân Tây đánh hầm đồn Hải-châu, Tổng-phuộc-Minh thua chạy vào giữ đồn Phước-ninh, bọn Nguyễn-Duy đến cứu, đánh lui quân địch, trận này quan quân ta bị thương và chết nhiều,

Nguyên quân Pháp sang Việt-nam chuyến này có Giám-mục Pellerin đi theo, ông đã có nói trước với Trung-tướng Genouilly rằng hễ đến Đà-nẵng thì dân theo đạo Thiên-chúa ở trong nước nỗi lên để giúp sức, chẳng ngờ đã hơn ba tháng mà không thấy gì, chỉ thỉnh thoảng có một vài người đạo lén đến mà thôi. Nhân thấy quân ta chống cự hăng hái, cách sắp đặt có qui củ, đại bác và súng ống tốt hơn ở Tàu, mà quân Tây đóng đồn dưới chân núi Sơn-trà, không hợp khí-hậu, hay đau ốm, bệnh thồ-tả phát ra làm chết nhiều người. Trung-tướng lấy làm bức bối nên cứ trách Giám-mục Pellerin đã lừa mình.

Vả lại, Giám-mục Pellerin muốn ra đánh Huế, còn Trung-tướng thì nghĩ mình không có thuyền nhỏ để lên sông Huế nên không tán thành ý ấy. Hai người bất bình nhau, Giám-mục buồn lòng, bỏ sang chủng-viện Pinang (Mã-lai).

Thấy quân lính mình không tiến tới được mà lại được tin sắp có 10.000 quân ở Huế kéo vào, Trung-tướng lấy làm phân vân, chưa biết xử trí thế nào. Có người bàn nên ra đánh Bắc-hà vì ở đấy có đảng theo nhà Lê, và có hơn 40 vạn dân theo đạo là hai phần-tứ sẽ giúp quân Tây, có người nỗi nên vào lấy Gia-dịnh vì đất này giàu có và dễ lấy hơn. Trung-tướng nghĩ Bắc-hà đương loạn-lạc, mình khó mà làm chủ được tình thế, còn Gia-dịnh, tàu lớn vào được, lại gần Cao-môn, người Cao-môn có thể thừa dịp Gia Định bị tấn công nỗi dậy để mưu thoát-ách người Việt, rồi Trung-tướng quyết vào Nam.

Xem thế thì ban đầu, Chánh phủ Pháp không có một chương-trình nhất định trong cuộc chinh phục nước Nam. Chỉ thị trao cho Trung-tướng Rigault de Genouilly rất là co-dẫn. Chiếm Tourane, nhưng chiếm rồi làm gì ? Lập cuộc bảo hộ chăng ? Đời một hòa-ước thương mãi chăng ? Các điều ấy để cho chức tướng lãnh tùy hoàn cảnh, tùy tình thế mà tự-do định-doạt. Vậy ta mất miền Nam, hay miền Bắc, hay miền Trung trước cũng chỉ là một việc ngẫu nhiên mà thôi.

### Quân Pháp và quân I-pha-nho đánh Gia - định

Ngày tháng giêng năm Kỷ-vị (1859 T.Đ. 12) tức là năm tháng sau khi đến Đà-nẵng, Trung-tướng Genouilly sai Hải-quân Đại-tá Toyon và một toán quân ở lại giữ các thành đã chiếm rồi đem quân lính, tàu bè vào Nam-kỳ (9-2-1859).

Sau khi bắn phá pháo-dài Phước-quyên (Biên-hòa) các đồn Lương-thiện (Biên-hòa) Phước-vĩnh Danh-nghĩa (Gia-dịnh) rồi vào cửa Căn-giờ, chặn sông Phù giang (Biên-hòa), h้าm các đồn Tả-dịnh Tam-kỳ (Biên-hòa) Bình-khanh, Phú-mỹ, Hữu-bình (Gia-dịnh), ngày 13 tháng giêng, tàu Tây đến Bến-thành, tiến bức thành Gia-dịnh. Quan Hộ-đốc là Võ-duy-Ninh vội-vàng tư di các tỉnh lấy binh cứu-viện. Tàu Tây đậu ở sông trước mặt tỉnh thành bắn vào, lại cho quân lên bộ quanh thành đánh phá ; quân ta chống cự hai ngày, đến ngày 15 tháng giêng (17-2-1859) phải thua chạy, thành h้าm ; Bố-chánh là Võ-Thực, Lãnh-binh là Tôn-thất-Năng chạy

dến đền Tây-tần, thuộc Huyện Bình-long; Hộ đốc Võ-duy-Ninh chạy đến thôn Phước-lý huyện Phước-lộc, thắt cổ chết; Án-sát là Lê-Tử cũng tuẫn-tiết; Tông-đốc Long-Tường là Trương-văn-Uyễn đến ứng-viện, hay thành hầm, đem binh thuyền trở về Vĩnh-long.

Quân Pháp và quân I-pha-nho vào thành lấy được 200 khẩu súng Đại-bác, 8 vạn 5 nghìn kilô thuốc súng, tiền bạc đáng giá ước 13 vạn Phật-lăng và không biết bao nhiêu là bình-khí, thóc gạo, rồi đốt cả thóc-gạo, dinh trại, kho hàng, san phẳng thành-trì làm đất bằng.

Nguyên khi được tin thành Gia-dịnh bị vây, vua xuống dụ khuyên sĩ phu lập nghĩa-doàn luyện tập kẻ hương-dồng để phòng bị, lại liền sai Hộ-bộ Thượng-thư là Tôn-thất-Cáp sung chức Thống - đốc quân - vụ, Quảng-Nghĩa Bố - Chánh là Phan - Tịnh làm Tham-tán vào đấy lo việc chống cự; các ông ấy mới đi thì thành đã hầm rồi; Tôn-thất-Cáp đến đóng binh ở Biên-hòa. Thấy sự-thế càng khẩn bức, vua khiến ông mập thêm quân ở các tỉnh gần như Bình-dịnh, Khánh-hòa, Bình-thuận, lại khiến Trương-văn-Uyễn hiệp đồng quan-tỉnh An-giang, Hà-tiên, Định-tường phòng thủ các nơi ách-yếu. Tháng hai, Trương-văn-Uyễn và Án-sát tinh ông là Lê-dịnh-Đức đem quân tỉnh Vĩnh-long và Định-tường hội với bọn nguyên Hộ-đốc Trần-Tri đi đến lũy Lão-Sầm, chùa Mai-son (Gia-dịnh) nghỉ lại, thì thình lình bị hai đạo quân Pháp xông đến đánh, quân ta tan vỡ, Uyễn bị thương phải cùng Lê-dịnh-Đức lui về Vĩnh-long.

Quân Tây đến đánh đồn Phú-thọ, Phan-Tịnh trúng

đạn, bị thương, phải lui, Tây vào đồn ; Tôn-thất-Cáp đốc xuất kinh binh chém, bắn giết được nhiều quân địch, chúng đốt đồn rồi bỏ đi.

### Quân Pháp và quân I-pha-Nho đánh Đà-Năng lần thứ hai

Xử trí việc thành Gia-dịnh rồi, tháng ba, Trung-tướng Genouilly đề thủy-quân Trung-tá Jaureguiberry và một đội quân ở lại chống giữ với Tôn-thất-Cáp, còn mình thì đem binh thuyền trở ra Đà - Nẵng. Ở đây quân ta đã làm khốn quân của Đại-tá To-don ; vào khoảng tháng hai, chúng đến phạm đồn Thạc-giản, Phó-vệ-úy Phan-gia-Vịnh đem quân nghĩa-dõng chống cự, quân Pháp bức đồn Hải-châu, Nguyễn-tri-Phương sai Đào-Trí, Tôn-thất-Hàn đốc chiến hơn được, chúng lại đến các đồn Thạch-gián, Hải-châu cũng bị quân ta đánh lui.

Đến Đà-năng, Trung-tướng Genouilly liền mưu việc công kích. Tháng tư, nhiều binh-thuyền Tây đến trước đồn Phước-ninh, Thạc-giản, quân lên bộ rồi chia ra vây bắn rất hăng, chúng đến hầm đồn Du-xuyên, Hiệp-quản Phan-hữu-Điêm ra sức đánh, bị chết, nhiều đòn lũy và súng đại-bác bị mất ; bọn Nguyễn-tri-Phương phải lui về đồn Liên-Trì, Nại-hiền, Hải-châu ; Vua dù quan thứ-thần phải khuyến-khích tướng sĩ, quyết đánh một trận để báo thù, nếu coi thế không được thì phải cố giữ cho vững lòng quân.

Bấy giờ, việc giao-thiệp của Pháp với Tàu trở lại lôi thôi, Trung-tướng Renouilly muốn giảng-hòa với ta,

ngày 20-6-1859 đưa thư Triều-dinh. Chỉ đài được tự-do-truyền-giáo, tự-do thương-mãi và nhường một chỗ đất để bảo đảm cho việc thi hành hòa - ước. Vua mập-dụ hối ý-kiến các quan.

Quan Cơ - mập là Trương - dăng - Quế, Phan-thanh-Giản, Lưu-Lượng tâu chiến không bằng hòa, nhưng nên cố thủ rồi sau mới chịu hòa đại ý nói ; « Tàu súng của người Tây ta không địch được, vậy kể hay ngày nay là « thủ » giữ cho vững rồi sau nói chiến, nói hòa, nếu không lo giữ thì chiến không hơn được mà nói « hòa » cũng không xong ».

Đình - thần là Trần - văn - Trung, Trương - quốc-Dụng, Tống - phuộc - Minh, Lâm-duy-Hiệp, Phan-huy-Vịnh, Phạm-chi-Hương, Nguyễn-xuân-Hân, Lê-Đức, Võ-xuân-Xáng, cũng tâu nên thủ và dưỡng-sức lực để phòng ngày sau, đại ý nói : « Người Tây thường dùng binh để đánh nước khác, họ không phải ở gần ta mà mưu việc thôn tính nước ta, họ chẳng qua vì lợi mà đến đây thôi, binh họ ở xa đến ăn cần đánh mau mới lợi, nay họ đã hơn ta ở Trà-sơn và Gia-định rồi mà làm ra bộ tri-huốn, gần đây lại đưa thư, tuy thư ấy chưa dịch ra mà xem nhưng theo ngu-ý thì trong cũng chỉ yêu-cầu hai điều mà thôi, một là lập phố-xá ở Trà-sơn để buôn bán, hai là cho truyền đạo, theo đạo tự-do, mấy điều ấy ta không thuận nên họ mới gây ra việc để cho được như sở-cầu. Vả tầu súng là món sở trường của họ, người Thanh cũng phải nhận thua họ ở các thương-cảng nước Tàu, nay cùng họ quyết chiến không chắc chi hơn được, vậy nên lấy cách chủ dãi khách mà đối đế

làm kế tri cữu rồi sau sẽ tùy cơ xử trí ». Mấy lời này, vua cho là phải.

Quan các nha là Tô-Linh, Phạm-hữu Nghi, Trần-văn - Vi, Lê - hiếu - Hữu, Nguyễn - đăng - Điều, Hồ-sĩ-Thuần thì tâu nên công, Thủ, đại ý nói : « Tình cảnh quân giặc ở Quảng-nam thì chiến-thuyền họ nhiều mà đã vào sâu trong sông, có thể vây đánh được, ở Gia-dịnh thì chiến-thuyền họ ít mà ở xa ngoài biển, khó nỗi tiến bức. Vậy xin sức thứ-thần Quảng-nam nghiêm-bị, đòn họ vào sâu nữa, cùng họ đánh một trận trên đất, toàn-thắng rồi lần-lượt tiêu-trù, chứ nếu hòa thì bỏ cấm đạo, cho thông-thường, họ được dựng nhà thờ, lập phố-chợ, trăm đều giáo-hiểm sẽ từ chử hòa mà sinh ra.

Võ-đức-Nhu tâu xin sai thứ-thần Quảng-nam làm thư lấy nghĩa-lý trách họ xem họ đáp lại thế nào, nếu chỉ xin thông-thương và bỏ cấm đạo thì giảng-hòa cũng không ngại chi, nếu họ yêu cầu nhiều nữa thì dừng chiến, dừng hòa, nên thủ mà thôi.

Các ông Phạm-Thanh, Nguyễn-khắc-cần, Phạm-xuân-Quế thì xin công, thủ, nhưng không nói phương-sách gì.

Mấy lời trên này, vua đều không cho là phải.

Lê-chỉ-Tín, Đoàn-Thọ, Tôn-Thất-Thường, Tôn-thất-Diêu, Nguyễn-Hào, thì xin hòa, đại-ý nói « Nay quân họ còn thong-thả mà quân ta đã mệt-nhọc cho nên công, thủ đều là việc khó, hòa tuy là hạ sách, nhưng không thể không quyền nghi, nếu chậm-trễ, e còn có

điều lo khác » Vua dạy : « Các người biết rằng chiến thủ là khó, không biết rằng hòa lại càng khó ».

Bùi-Quí đi việc quan ở Bắc-kỳ vừa về, tàu : « Đinh-thần kẻ nói hòa, người nói thủ, kẻ bàn chống người bàn chèo, nghị-luận phân-vân, ai giữ ý nấy, như thế gấp việc gấp rút, sao giúp nhau được. Xin Hoàng-thượng độc-đoán, tự định qui-mô để ai nấy phải theo ». Vua dạy : « Ý là lời nói cương-trực, các người nên lấy làm răn ».

Tháng 6, quân Pháp sai người đến nghị-hòa, vua cho rằng hai bên đều có được, có thua, nay đều chán việc đánh, nên sai Nguyễn-tri-Phương cùng họ hội-nghị, nhưng người Pháp yêu-cầu nhiều điều quá, việc thương-thuyết kéo dài, không có hiệu quả. Trong khi ấy, tàu Pháp qua lại ngoài bể, hễ gặp ghe-thuyền ta thì bắn, đốt, một số nhiều quan-thuyền và thương-thuyền bị hại ; Quân họ lại hay đốt phá ở Quảng-nam, Khánh - hòa ; vua truyền quan bộ Bình rằng : « nước Pháp đã sai người đến nghị-hòa mà còn làm như vậy thì thành hòa-cuộc sao được ? »

Tháng 7, Nguyễn-tư-Giản dâng mật sớ tàu không nên hòa, vua hỏi Cơ-mật, Phan-thanh-Giản, Trương-dăng-Quế tâu : người Pháp chỉ xin 3 điều :

- 1') Xin nhường đất ; điều ấy quyết không cho.
- 2') Xin thông-thương, điều này từ quốc-so đã có định-lệ.
- 3') Xin dạy đạo Thiên-chúa ; điều này thì từ Trần, Lê cũng đã thế, hơn gần đây cấm-ước nghiêm quá nên

chi họ phải xin, bây giờ ta nên bỏ cấm để được nghỉ binh, yên dân, vậy thì hòa là tiện hơn.

Thấy việc nghị-hòa không xong, lại nhơn tiếp được viện binh. Trung-tướng Genouilly tiếp tục việc đánh. Phạm-thế-Hiền Nguyễn-Hiên bị thua ở Phước-trì, Liên-trì ; quân Tày đến phạm các đồn Nại-hiên, khi hai bên giao-chiến, Suất đội Hồ-văn-Đa, đội-trưởng Lê-văn-Nghĩa, Đoàn-văn-Thúc chạy trốn, quân ta tan vỡ, bọn Nguyễn-tri-Phương dâng sớ xin chịu tội, vua sai Phan-thanh-Giản đem cờ biền vào hợp tướng-sĩ tuyên chỉ chém Hồ-văn-Đa, Lê-văn-Nghĩa, Đoàn-văn-Thúc, cấm tuất cho những kẻ tử thương, còn Nguyễn-tri-Phương, Phạm-thế-Hiền Nguyễn-Hiên, phải cách lưu.

Vua dụ các quan viên từ Tri-huyện trở lên ai có mưu-kế gì hay được do quan địa-phương tâu lên, quân sĩ, dân-thúr có tài năng mà tình nguyện đánh giặc lập công cứ đến quan thượng-ti sát thiệt tâu dùng, Hưởng ứng dụ này, có nhiều điều-trần dâng lên, nhưng hoặc là lượm lặt ý-kiến mà nói phỏng chừng, hoặc là cơ mưu tâu bày khó nỗi theo được ; có nhiều người lại nói dụ dân (dân theo đạo) làm nội ứug cho người Tày, xin phải khu-xử cho nghiêm, thậm chí có kẻ xin giết hết, vua cho là nói quá đáng.

Tháng 10, Nguyễn-tri-Phương tâu : « Người Tây thủy-quân, lục-quân nương đỡ nhau, khó mà hơn họ được. Ta thì thủy-chiến đã không tiện, còn về lục chiến thì họ súng ống đã tinh lại đánh giỏi, quân ta khiếp sợ sinh ra bần-rùn, nên cũng không thể địch nổi. Nay trong quân thứ còn 3.200 lính mà một dãy từ An-sơn

đến các đồn Nại-hiên chõ đều quan yếu, nếu đem phòng giữ cho khắp thì không còn linh ra trận nữa. Tình thế như vậy, giữ còn chưa được, nói đánh sao nên? Vậy xin đem binh lực hiện có phục ở các đồn-lũy, dự bị cho nghiêm mà đợi, để làm kế trì-cứu, rồi lo trù-liệu lương-hướng, gấp co-hội sê động, ấy là cớ hoàn-toàn vậy. » Vua dạy : « Sợ địch, thêm lo, không thi thố gì thì sao thành công được, đáng lẽ giao định-nghị để chánh tội-danh, nhưng đã cách lưu nên gượng bỏ qua, vậy phải nghĩ liệu trong 3 kế chiến thủ, hòa, kế nào lui được quân địch thì cứ dùng, đừng mà nói rằng Triều-dinh thiếu người nên phải ngồi đợi chết. »

Thấy hòa-cuộc đã không thành mà thú-thần cho việc đánh là khó, vua sợ làm hư việc lớn, nên thường ban lời hiểu dụ về cách đánh, giữ, sức cấm dân-gian mậu-dịch với quân địch để phòng cùng chúng ám-thông, lại sai xét tình thế, định phương-pháp, thải những lính đau yếu, phái thêm lính mạnh cho đủ số trên dưới bốn năm ngàn, nhơ đánh mà giữ, chờ đừng chuyên một mặt giữ cho quân địch khinh-khi.

Trong lúc Triều-dinh ta người bàn chiến kẽ bàn hòa, kéo dài ngày tháng mà không quyết được bề nào, quân Tây thì ở Đà - Nẵng chõ ăn chõ ở không có, nhiều người đau ốm. Trung tướng Genouilly cũng đau, xin về nghỉ.

Chánh-phủ Pháp sai Hải-quân Thiếu-tướng Page sang thay và giao cho toàn-quyền cùng nước ta định hòa-ước. Thiếu-tướng cùng quan ta nhiều lần thương-thuyết, không đòi đất đai, chỉ đòi binh-phí, tự-do

truyền-giáo, khai thương ba cửa biển trong nước và đặt Trú-sứ ở Huế. Nhưng thấy Triều-dinh ta nói lời thối mãi, ngày 18-11-1859, Thiếu-tướng sai bắn phá pháo đài Định-hải, chiếm đồn Chơn-sảng, đường đi Huế (Hải-vân) bị chặn ; trong trận này bên quân Pháp, Trung-tá Dupré Déroulède tử trận.

Vì không cần thiết mà đã mở cuộc tấn công này, Thiếu-tướng Page bị chánh-phủ khiền trách.

Tháng chạp, vua khiến các quan quân thứ khám địa-thế phía nam cửa ải Hải-vân để lập đồn phòng bị. Nguyễn-Hiệp, Trần-dinh-Túc đóng binh ở hai đồn Cu-dê, Hóa-Ồ đánh mở được đường Chơn-sảng—Hải-vân.

### **Quân ta chống đánh với quân Pháp và quân I-Pha-Nho ở Gia-dịnh**

Bấy giờ Chánh-phủ Pháp ra lệnh cho đoàn quân viễn-chinh tập-trung lực-lượng ở Nam - Kỳ, nên Thiếu-tướng Page phải vào Sàigòn.

Tháng giêng năm Canh - thân (1860 T.Đ. 13) Thiếu-tướng Page đưa các quan quân - thủ Gia-dịnh hòa thư xin 11 khoản như sau :

- 1) Đại-Pháp và Đại-Nam thông hảo ngàn năm để tỏ nghĩa lớn :
- 2) Nước Pháp có đưa quốc-thư thì giao tại Đà-Nẵng rồi do đường bộ đệ về kinh ;
- 3) Nước Nam có giao-hảo với nước nào thì nước Pháp cũng coi nước ấy như anh em :

4) Xin đừng làm tội dân ngù đã làm tội với nước Pháp ;

5) Sau khi nước Pháp và Nguyên - súy nước Nam đã đóng ấn vào hòa-ước, binh-thuyền Pháp sẽ liền ra khỏi cửa bờ ;

6) Bắt được Giáo-sĩ người Pháp xin tha xiềng, tha giết, giao lại nước Pháp :

7) Người theo Thiên-Chúa có lỗi thì theo luật trị tội, nếu biết an-phận giữ phép thì không được tra bắt và tư nhiệm của cải.

8) Không được ngăn dón, bức sách các tàu Pháp vào cửa bờ buôn bán.

9) Xin cấp 1 bản hòa-ước cho nước I-pha-Nho ;

10) Xin cho các Giáo - sĩ Pháp được qua lại các làng theo đạo để khuyến giảng.

11) Xin được đặt Sứ-quán ở cửa bờ, lập phố buôn bán.

Các quan quân - thứ nghĩ chỉ 8 khoản trên không quan-ngại lầm, quyền lập biên-bản xin y, còn 3 khoản dưới (cấp hòa - ước cho I - pha - Nho, cho Giáo - sĩ giảng đạo, đặt Công - sứ thông - thương) chưa dám nhận lời. Quân Tây ở tàu thủy bèn đồ bộ, đến chiếm đóng ở Mai-sơn, làng Phú-giáo.

Việc ấy tâu lên, vua mặt dù thứ-thần Gia-định phải chỉnh-dốn các đồn-lũy, binh-trượng, gia ý đề-phòng và khiến sáu tỉnh Nam-kỳ, các tỉnh từ Quảng-nghĩa đến Bình-thuận vỗ-vè binh dân, luyện tập sĩ tốt và sức cho

hào-mục Nam-kỳ mờ những hương-dõng để phòng sai phái.

Vua giao hòa-thư 11 khoản của Page cho đình-thần hội-nghị, mỗi người bàn mỗi khác. Vua dạy : « Trong 8 khoản các thứ-thần Gia-định đã biên nhận có, 3 khoản cần phải nói thêm cho rõ như khoản thứ 6 nói « người nước ta theo đạo Gia-tô, xin đừng tra bắt v.v... » y cho cũng được, nhưng hạn trong số người theo đạo hiện tại, nếu có kẻ chết thì thôi, họ không được khuyến dụ thêm người khác nữa, trái thì trị tội ; khoản thứ 7 xin giao-trả Giáo-sĩ, nếu xét không chiêu-dụ người ngoại-đạo, không làm điều gì lầm lỗi thì tha xiềng tha giết cũng được, nhưng phải trả về, không được ở lại, còn nếu có chiêu-dụ, có can-phạm quốc-pháp thì trị tội không tha ; khoản thứ 8 nói về việc buôn-bán nước ta vốn không bức sách họ điều gì, những tàu đến mua bán xong, phải về, không được ở lại lâu và phải tuân theo phép nước ta. Khoản xin cấp tờ hòa-ước cho nước I-pha-nho, giao cho Thống-đốc quân-thú lượng cấp : duy hai khoản xin đặt Sứ-quán và xin cho Giáo-sĩ tự-do di khuyên-giảng thì Thống-đốc quân-thú phải lấy lý bắc đi, nếu họ không nghe, ta chỉ có chiến, thủ mà thôi, không cần phải thương-nghị nữa.

Đốc học Nam-định là Doãn-khuê cùng mấy viên Giáo-thợ, Huấn-đạo, Tri-phủ, Tri-huyện mật sớ hết lời xin, không nên nghị-hòa. Vua hỏi Trương-dăng-Quế : « dư-luận sôi-nồi như thế, làm thế nào ? » Quế tàu :

« Cái hoạn ngoại địch từ trước đã có, cái kế hòa xua kia cũng dùng, ấy chỉ quyền nghi một lúc chứ không

phải là đạo thường ; nay người Tây nghị-hòa Triều-thần  
kẻ thì ưng theo đạo thường mà không ngó đến sự thế,  
người muốn tùng-quyền trong lúc gấp-rút, xin Hoàng-  
thượng đoán-định thế nào cho thích đáng. Nay đã  
không có cái thế dẹp yên, lại không có cái cơ đánh đuổi,  
vậy thì nhơn các điều họ xin, chước-lượng mà tùng-  
quyền, sao cho quốc-thế được tôn thi tuy tùng-quyền  
mà cũng hợp-đạo, như thế có gì là không nên mà nói  
lắm cho phiền. Cứ theo luận-giả thì không nên hòa, vậy  
làm thế nào mà chiến, làm thế nào mà thủ để giữ gìn  
đất nước, điều lý cách thế nào để nghỉ binh, yên dân ?  
Huống chi còn những điều chưa thấy, những cái lo bất  
ngờ, cũng nên đề phòng. Vậy có lẽ nào xúm nhau xuân-  
động mà không nghĩ đến các lẽ ấy sao ? Tôi trộm thấy  
các luận-giả kẻ thì lấy dư-luận làm ý của mình, người  
thì phụ-hoa theo lời kẻ khác, tựu-trung lời nói thành-  
thật, đích-đáng cũng ít lầm ; chúng tôi bất tài, không  
biết làm thế nào thơ được mối lo của bệ-hạ, tội thiệt  
lớn lầm v.v.. »

Trong khi Trung-tướng Genouilly ở Đà-năng,  
Trung-tá Jauréguiberry ở Nam-kỳ bị quân ta đánh  
thua, phải rút lui đến đóng ở một đồn phia nam thành  
Gia-dịnh.

Trung-Anh-Pháp đã nghị-hòa ở Thiên-tân năm  
Mậu-ngo, nhưng năm sau lại xung-đột nhau, cuộc  
chiến-tranh tái khởi. Năm Canh-thân (1860 T. Đ. 13)  
Thiếu-tướng Page được lệnh phải rút quân ở nước  
ta sang đó theo Hải-quân Trung-tướng Charner  
hội-chiến. Tháng 3, (23-3-1860) Page dắt các đồn

An-hải, Điện-hải ở núi Trà-son, rồi đem tàu vào Gia-dịnh cùng binh thuyền ở dãy lên Bắc, chỉ để lại một số quân 800 người, 7 chiếc tàu nhỏ, mấy chiếc ghe chiến, giao cho Trung-tá D'Ariès ở giữ thành này. Quân Manille đã trở về Manille hết một phần đông, số ở lại do Đại-tá Palanca Gultierez điều khiển, lương thực đều do người Pháp cung-cấp.

Thống-đốc quân-vụ Tôn-thất-Cáp biết sức lực ta không chống nổi với quân Tây nên ý muốn hòa, không tấn công, vua hay được, sai Tham-biện Các-vụ Huỳnh-văn-Tuyên vào hỏi và xem xét thế lực quân địch, tình trạng quân dân. Sau thấy các thứ-thần chỉ muốn hòa, không lập được công trạng gì, vua giáng Tôn-thất-Cáp xuống Thị-lang, Tân-lý Nguyễn-Duy xuống Lang-trung.

Tháng 7, vua sai Nguyễn-tri-Phương sung chức Gia-dịnh quân-thú Thống-đốc quân-vụ, đổi Tôn-thất-Cáp làm Tham-vụ. Trước đó vua đã mật hỏi Nguyễn-tri-Phương Phạm-thế-Hiển các mưu-sách nên thi-hành ở Gia-dịnh và nên đánh giữ, hay hòa. Hai ông đem những cách xử trí cần cùn tàu lên và xin « vừa giữ, vừa đánh. » Nay vua bảo Nguyễn-tri-Phương « Lãnh chức Nguyễn-súy Nam-kỳ, hiện bấy giờ không ai xứng đáng bằng ngươi, từ đình-thần đến quân-sĩ đều nói như thế, ngươi không nên từ, còn ở Quảng-nam phải có một đại-viên coi sóc để phòng khi có việc, ngươi nên lựa người giỏi cử-lên » Nguyễn-tri-Phương tâu : « Sự thế hời này so với hồi trước khó gấp năm, gấp ba mà sĩ-dân thì của đã hết, sức đã yếu. Tôi nghĩ thẹn khi ở Quảng-nam không có công-trạng gì nhưng chức phận làm tôi, nay dẫu sai

đi đâu cũng phải vâng mệnh ; còn việc coi sóc trong  
Quảng-nam tôi xét có Phan-thanh-Giản và Nguyễn-bá-  
Nghi làm việc đã lâu, biết rõ quân-cơ, có thể đảm-  
dương được ». Lúc đi, Phương lại mật tâu mấy việc như  
sau : Xin chăm việc binh, tài ; xin an-ủi xứ Bắc-ky ;  
xin phái thêm Phạn-thế-Hiền vào giúp, xin giao hảo với  
nước Xiêm-La v.v... » vua đều nghe theo và dụ rằng :  
« việc ngoài biên-khỗn, ta giao cho ngươi, phải hết lòng  
danh dẹp, khiến cõi Nam yên-lặng, để thơ lòng ta lo lắng  
đêm ngày ».

Nguyễn-tri-Phương, Phan-thế-Hiền đến Gia-định,  
xếp đặt lại các cách chống giữ và đắp dãy đồn Kỳ-hòa,  
dài ước 12 nghìn thước tây, rất có qui-thức. Quân của  
Đại-tá D'Ariès và quân ta có giao-chiến nhiều trận,  
quân ta thắng lợi. Tháng 9 quân địch đến đánh đồn  
Phú-quốc, bị bắn, phải lui ; tháng 11 chúng đến đánh  
đồn Kỳ-hòa, quân ta thắng trận, bắn giết được 132 người  
thỉnh-thoảng quân ta lén bắn làm bị thương hoặc mai-  
phục giết được quan binh của họ.

Từ tháng 9, việc chiến-tranh ở Tàu đã kết - liều  
Chánh-phủ Pháp giao cho Hải-quân Trung-tướng Char-  
ner việc đến cứu quân Pháp ở Sài-gòn ; ông được quyền  
định đoạt việc đánh hay hòa. Chỉ thị Thượng-thư, Chas-  
seloup-Laubat trao cho ông là : « củng-cố uy-quyền của  
chúng ta ở Sài-gòn... ở đây chúng ta phải được  
định-cư và thương-mãi không gì ngăn trở ». Tháng giêng  
năm sau (Tân-dậu, 1861 T. Đ. 14) Trung - tướng đem  
2.200 sĩ-quan và lính Pháp thuộc các ngạch, 600 phu  
đài tải mỏ ở Tàu và hạm-đội gồm có 2 chiến-hạm, 4

chiếc thuyền kiều cũ, 16 báo-tín hạm, 17 tàu vận-tải và một số ghe buồm đến Gia-dịnh (7-2-1861). Một đội thủy-bin 900 tiếp đến thêm vào số quân của Trung-tướng, số quân chiến đấu Pháp bấy giờ trên 3.300 người và I-pha-nho gần 200 người. Ngày 14 tháng ấy, Trung-tướng ra lệnh đánh phá đồn Kỳ-hòa, quân Tây ba mặt bắn vào rất hăng, quân ta hết sức chống đánh trong hai ngày, nhưng sức địch không nổi, đồn vỡ, (25-2-1861). Trận này bên ta thì Nguyễn-tri-Phương bị thương, Tán-lý Nguyễn-Duy (em Phương), Tán-tướng Tôn-thất-Chỉ và một số lớn quân-sĩ tử trận; bên địch thì lục-quân Thiếu-tướng Vassouigne, Đại-tá Palaca (I-pha-Nho) và hơn 300 người bị thương, 12 người tử-trận trong có Trung-tá Testard.

Nguyễn-tri-Phương, Tôn-thất-Cáp, Phạm-thế-Hiền lui quân tạm về tỉnh Gia-dịnh (ở thôn Tân-tạo, phủ Tân-bình, lập lên từ sau khi quân Pháp lấy tỉnh thành) quân Tây lại đến đánh, các ông lại phải chạy về Biên-hòa. Các quan tỉnh Gia-dịnh là Tuần-vũ Đỗ-quang, Bố-chánh Đặng-công-Nhượng, Án-sát Phạm-Ý bị quân Tây truy-tầm phải do thương-đạo chạy lên Tây-ninh rồi trở về Biên-hòa hội với các quan quân-thú.

Được tin, vua sai Thượng-thư-bộ Hộ là Nguyễn-bá-Nghi làm khâm-sai đại-thần, Tôn-thất-Đính làm Đề-Đốc đem 4.000 lính vào Biên-hòa hội với thủ-thần phỏng-tiểu và giao định-thần nghị tội các thủ-thần, tỉnh thần Gia-dịnh để nghiêm quân-luật, lại khiến các ông ấy phải thu nhặt toàn quân, tùy cơ chống giữ toàn tại các tỉnh Vĩnh-long, Định-tường, An-giang, Hà-tiên, Biên-hòa mới chuộc được tội. Định-nghị chiếu luật

« bắt cổ hủ » xứ Nguyễn-tri-Phương, Phạm-thế-Hiển, Tôn-thất-Cáp phải cách chức, trảm giam hậu, các thuộc quan trong quân thứ và tinh thần Gia-dịnh đều cách chức vua nói rằng : « Đinh nghị như thế, nhưng trước kia các người ấy đã thiệt lòng giúp nước, có khó nhọc, nên cho giảm tội để lo báo đáp về sau ». Rồi chỉ giáng Nguyễn-tri-Phương xuống Tam-tri, Phạm-thế-Hiển xuống Lang-trung, Tôn-thất-Cáp xuống Viên-ngoại và giảm nhẹ tội cho các quan chức kia.

### Quân Pháp-lan-tây I-pha-nho đánh lấy tỉnh Định-tường (Mỹ-tho)

Sau khi đuổi đánh quân ta chạy về Biên-hòa, quân Tây cho tàu thủy đến lấy Tây-ninh rồi sai sĩ-quan Pháp trấn thủ đồn này bắt đầu giao-thiệp với nước Cao-Mên. Trung-tướng Charner đưa thư cho vua Norodom đại lược nói rằng nước Pháp định lấy Gia-dịnh làm thuộc địa, và chẳng bao lâu sẽ đánh lấy Mỹ-tho, Định-tường để tiện đường giao-thông với nước Cao-Mên.

Bấy giờ Trung-tướng định chiếm 2 nơi :

- 1) Biên-hòa để có đường thông với Huế.
- 2) Mỹ-tho để thông được với Cao-Mên và miền đồng bằng phì nhiêu của sông Cửu-long (Mékông).

Tháng 2 năm Tân-dậu, Trung-tướng sai Trung-tá Bourdais đem một tiều-đội pháo-thuyền đi đường sông lên ngả Mỹ-tho, đến đậu trước cửa Cù-ốc, Tòng-đốc Nguyễn-công-Nhàn vội vàng tư qua tinh

Vĩnh-long xin đem binh thuyền đến giúp, rồi đề làm kế hoãn binh, gửi thư rằng : « Thuyền Tây trước kia sinh việc ở Gia Định, nhưng tinh áy với tinh Định-tường không can thiệp gì, vũng Cù-ốc xưa nay không thấy tàu thuyền đến đậu, nay vô cớ đến đây không biết để thông hiểu hay để đánh nhau ». Người Tây lại đưa đến thêm hai chiếc tàu rồi cùng tàu trước đến đậu trước làng Trường-khanh.

Nguyễn-công-Nhàn, Trần-Vũ, Nguyễn-hữu-Thành đem binh đến ở trạm Định-tân để giữ đồn Tân-lương, quân Tây đến ngoài lũy bắn luôn mấy ngày, quân ta tan vỡ, chạy đến giữ đồn Tịnh-giang ; hai đồn ở hai bên sông Tân-giang cũng kế nhau tan vỡ. Quân Tây lại đến phá đồn Tịnh-giang, Đồn Cái-lộc, phó Đề-đốc Đặng-Đức chạy về trạm Định-tân hội với Nguyễn-hữu-Thành. Tổng-đốc Vĩnh-long là Trương-văn-Uyên phái Án-sát Nguyễn-duy-Quang, Lãnh-binh Tôn-thất-Thoan đem 1.000 binh đến cứu, Nguyễn-công-Nhàn bèn về tinh trù biện và ủy Nguyễn-hữu-Thành đốc sức phòng giữ. Quân Tây lục-tục tiếp thêm viện binh và súng lớn, Bọn Hữu-Thành dùng gỗ, đá và thuyền nhỏ lắp các đường sông cạn hẹp, để cản trở thuyền Tây rồi ở trên bờ sông triệt đánh từng chặng, nhưng quân ta sợ hãi, nghe tiếng súng Tây thì chạy tan, quân họ phá các chỗ lắp rồi tiến bức tinh-thành, Nguyễn - hữu - Thành, Đặng - Đức vào thành, Nguyễn-duy-Quang, Tôn-thất-Thoan đốc xuất lính Vĩnh-long chống cự ở ngoài, Trung-tá Bourdais bị đạn chết, Trung-tá Devaux lên thay đốc-chiến.

Pháp-súy tiếp thêm quân, súng (số ấy lên đến 900-

quân và 18 khầu đại-bác) và sai Thiếu-tướng Page đem 4 chiếc tàu đi đường bờ đến đánh thành. Nguyễn-công-Nhàn mưu dùng chước hỏa công : Ông dùng 4 chiếc thuyền đựng đầy thuốc súng rồi theo giòng sông thả xuống, tính rằng thuyền đến chỗ tàu đậu thì phóng hỏa, đã có lính mai phục trên bờ đồ ra, bắn, chẳng ngờ chưa đến nơi thì gặp tam-bản Tây di tuẫn, thuyền thuốc súng tưởng là tàu lớn, bèn phóng hỏa, tam-bản kéo cả bốn chiếc quăng vào trong rạch để tự dốt lấy mình. Thấy mưu mìn thất bại, Nguyễn-công-Nhàn cưỡi chiếc thuyền con lánh đi chỗ khác ; Án-sát Huỳnh-mãn-Đạt cũng bỏ thành đi trốn ; Nguyễn-hữu-Thành đóng cửa thành lại giữ, quân Tây dùng đại-bác nhắm thành bắn, kho đạn, đinh-thự phát-hỏa quân lính trốn hết, Hữu-thành bèn dốt hành-cung rồi cùng Đặng Đức, mở cửa thành chạy, quân Tây vào chiếm (14-4-61) Nguyễn-duy-Quang, Tôn-thất.Thoan đem binh bắn-bộ trở về Vĩnh-Long.

Khi được tin quân Tây đến Cù-ốc và đánh đồn Tân-hương, vua xuống dụ bày chỉ cơ nghi và sai các quan quân-thứ mau đến cứu viện, nhưng dụ đương ở dọc đường mà thành đã mất rồi.

Hữu-Thành, Công-Nhàn dâng sớ xin chịu tội, đồ lối cho nhau, vua chuẩn cách chức cứu ngã, nhưng khiến lén về nguyên lý chiêu tập quân-sĩ để lo bão-phục. Khi quân Tây mới vào xứ Mỹ-trang và Bang-lanh, quan quân chia đạo chống đánh, Thị-độc học-sĩ Trần-xuân-Hòa (người tinh Quảng-trị con Cử-nhơn Trần-Tuyên) cai-quản đạo binh phòng bị, bị quân địch bắt được, cắn lưỡi chết. (1)

---

(1) (Năm sau, vua khiến tinh Quảng-Trị lập đền thờ.

Mất Gia-dịnh, Định-tường rồi vua dụ khiến quan các tỉnh tàu bầy mưu sách đổi phó, Biện-lý bộ Bình là Đỗ-thúc-Tịnh, Phủ-thùra là Nguyễn-túc-Trung v.v.... xin vào Nam-kỳ tiêu biện vua cho Tông-đốc Trương-văn-Uyễn, Tuần-vũ Phan-khắc-Thận sung chức Phòng-tiêu quân-vụ, Đỗ-thúc-Tịnh, Nguyễn-túc-Trung sung chức Khâm-phái quân-vụ, nhơn xuống dụ rằng : « Từ khi Gia-dịnh, Định-Tường kế nhau thất thủ, việc phòng tiêu ở Nam-kỳ thành khẩn-cấp, Triều - định rất chú trọng đến. Đã khiến ấn-quan ở triều tàu bầy ý-kiến, nhưng chỉ thấy những lời phán đồng, còn mưu sách dùng được rất ít, tựu trung có Biện-lý Đỗ-thúc-Tịnh Phủ-thùra Nguyễn-túc-Trung đều xin vào Nam giúp sức, tấm lòng khẳng - khái đáng khen, ta chước lượng y cho dẽ khuyên sĩ-khi và ủy lòng người. Nay cho Tịnh, Trung sung chức Khâm-phái quân-vụ, lại chuẫn Ngự-sử Văn-đức-Khuê, Tri-Phủ Lê-Diên. Ban-biện Nguyễn-quốc-Chấn, Sĩ-nhơn Lê-Nguyễn đều theo Nguyễn-túc-Trung di trước và cho phép mộ từ tỉnh Thùra-thiên trở vào những lại dịch, sĩ-thứ dũng-cảm, đánh giặc được, lập thành đội ngũ, đem vào Biên-hòa, chuẫn Đỗ-thúc-Tịnh đem dụ vào tỉnh Vĩnh-long Định-tường, An-giang, Hà-tiên tuyên thị cho sĩ-dân, chiêu mộ kẻ nghĩa dũng rồi hiệp với Trương-văn-Uyễn, Phan-khắc-Thận, thương-biện việc quân ; Nguyễn-túc-Trung mộ được nhiều quân-sĩ, nếu đem dùng trước, thì hiệp đồng với Đỗ-thúc-Tịnh, theo Uyễn, Thận lo việc chống giữ, nếu chưa tiến được thì đóng ở Biên-hòa dẽ đợi sai khiến. Nay trong quân-thú Biên-hòa có hai đạo quân, cũng đủ phòng giữ, vậy đến viện tỉnh Vĩnh-long là việc

gấp hơn, còn như bạc tiền, lương-hường, khí giới thì không phải mang theo cho phiền, đến đâu cần dùng do quan địa-phương hoặc khuyến-quyên, hoặc tạm mượn, phải liệu biện cho đủ không được chậm-trễ, rồi sau tâu lên, sẽ trả lại. Các quan quân-vụ tùy-liện điều-dộ binh-lương, khuyên chi tiền lúa, cai quản binh-linh, tướng-sĩ có công cứ đặt cách tướng thường, rụt rè thì chém đầu để làm gương. Các người nên thề lòng ta, đồng tâm hiệp lực, trồ hết tài năng, đuổi được quân địch, thu phục đất dai, đinh chung báo đáp đã sẵn ở đó các người nên gắng vân vân... »

Khâm-sai Nguyễn-bá-Nghi vào Biên-hòa xét tình thế, biết không chống nổi quân Tây nên cố ý giảng-hòa, đem hiện-trạng tàu lên, vua hỏi Trương-đăng-Quế, Đăng Quế tâu : « Người Pháp đã chiếm Gia Định lại toan lấy Định-tường, Biên-hòa, e hòa-cuộc không thành được, vậy trừ việc đánh giữ, không có kế gì nữa ».

Vua dụ Bá-Nghi : « Hoặc có chủ-ý gì khác, cho phép tàu lên » Bá-Nghi cùng quan Pháp thương - thuyết việc hòa ba bốn lần, hai bên đại-khai cũng thỏa thuận, chỉ có khoản nhường đất, Bá-Nghi chưa dám chịu. Nhơn vua dụ hỏi, ông dâng sớ tàu : « Tôi vốn nghe nói tàu Tây đi mau như bay, súng Tây bắn thủng được mấy thước thành đá, xa được mấy mươi dặm, tôi vẫn chưa tin. Đến năm Thiệu-trị, tàu Tây đến Đà-nẵng, bắn phá năm chiếc thuyền đồng của ta chỉ trong mấy tiếng đồng hồ, mấy giờ tôi quyền chức Bố-chánh Quảng-nam, chính mắt trông thấy, mới tin là thiệt. Ba bốn năm lại đây, binh ta không phải là không dũng, súng ta không phải là không

mạnh, đòn lũy của ta không phải không dày, thế mà phải thua họ, cũng chỉ vì tầu súng của họ hơn ta xa vây. Các quan quân-thú không biết người biết mình, cứ cưỡng mà đánh nên ngày nay mới đến thế. Tôi đến Biên-hòa, xét-tình-thế rất là nguy-bức, bắt đắc-dĩ phái người đến họ hỏi han, tuy nói rằng để hoãn binh, kỳ thật ý tôi cho là đánh giữ đều không thể được, phải hòa chử không thì không xong cuộc. Trước tôi đã tâu các lẽ : « Trừ chước hòa ra, tôi chỉ biết chịu tội mà thôi ». « Tình thế như vậy, tuy nhiều binh cũng không dùng được », « hòa thì tuy có khuy-tồn nhưng sự thế Nam-kỳ còn có thể trông mong về sau ». Người Pháp vì bấy lâu bị ta đồi dãi bạc bẽo, họ bỉ mặt với các lân quốc nên đem binh hiếp ta, buộc phải hòa, xem như họ thường sai người đến nói thì biết họ thiệt muốn hòa. Nước ta hải-cương dài-dặt, thế mà từ ngày có việc đến nay thủy-sur, binh-thuyền không đem dùng được, ấy là biết binh lực của ta đã giảm hết nửa rồi ; hiện ta chỉ nhờ súng ống, đòn lũy để đánh giữ, mà đánh giữ đều khó, vậy nếu không hòa thì họ không thôi, rồi sẽ liên binh kết họa, tôi lấy làm lo lắng, vì vậy tôi nói « trừ kẽ hòa ra tôi chỉ biết chịu tội mà thôi ». Xem lại các cuộc chinh phạt ngụy Khôi và xứ Cao-Mên hồi Minh-Mệnh, Thiệu-trị, bấy giờ thủy-bin, bộ-binh ứng nhau được, súng lớn và vật hạng nặng thì ở kinh chờ vào đường biển rất mau mắn, tiền gạo, khí giới, thuyền ghe thì sáu tỉnh Nam-Kỳ cấp cho, giơ tay là có đủ, thế mà xuất toàn lực đánh một tên Khôi ba năm mới xong, dẹp ở Cao-Mên hai năm mới yên ; ngày nay Gia-dịnh, Định-tường là đất ở giữa sáu tỉnh Nam-Kỳ thì trên từ xứ

Cao-Mên dưới đền bờ biển đều bị họ chiếm, ba tỉnh Vĩnh-long, An-giang, Hà-tiên cách trở không thông nhau được, tỉnh Biên-hòa giáp với đất họ, sau lưng có rừng rộng tiếp với đất Mên, ấy là chỗ xung-tuyệt : tuy rằng bốn tỉnh đều có ghe-thuyền nhưng không thể đổi dịch với họ, vì vậy tôi nói « có binh thuyền mà không dùng được ». Phỏng như ta hòa mà họ không trả lại đất dai thì ta chỉ mất chừng ấy thời mà các tỉnh Vĩnh-long, An-giang, Hà-tiên, Biên-hòa còn, đường bộ thông, ta có thể mưu tính việc ngày sau được, nếu sợ mất hai tỉnh mà không hòa thì họ có đâu chịu nhịn ngồi yên, sáu tỉnh Nam-Kỳ tôi e hưu hỹ ! Đường hải-vận miền Nam đứt mất, điều đáng lo thiệt khó nói ra, tôi không dám lầm lời, vì vậy tôi nói « hòa thì có khuy-tồn, nhưng sự thế Nam-kỳ còn có thể trông mong về sau ». Hiện tình như thế, việc đánh, việc giữ đều không thể được, vì đánh giữ thì chỉ bày hình cho họ thấy, khiến họ càng lo liệu mà ta thêm tổn hại, cho nên gần đây tôi không dắp đồn lũy, không lấy thêm binh lương. Tôi chủ ý như thế, nhưng người Pháp yêu cầu nhiều quá, tôi cùng họ biện bạch đã bốn lần, họ nhất định kiên chấp đất-dai họ đã lấy được v.v... xin Bệ hạ đoán định để cứu khổ cho dân Nam-Nghĩa trở vào, nếu không thì quan quân-thú các tỉnh không dám trái lời bệ, chỉ lo công thủ, hoặc có phái người chiêu dụ binh-dân, hoặc có dắp sửa đồn lũy, Người Tây trông thấy, biết ta không thiệt-tinh, e lại ép lấy thêm đất, khi ấy công không được, thủ không được, mà hòa cũng không được, tôi ngu si chẳng biết xử trí thế nào v.v... ». Vua truyền : « Sự thế khó khăn, ta đã rõ cả,

người có lòng lo việc, phải gắng hết sức để tỏ rằng  
cỏ cứng không sợ gió to ».

Lấy Định - tường rồi, quân Tày chiếm cả miền  
đất từ sông Sài-gòn đến sông Cửu-long, (Mékong) và  
lập lên những đồn Cái-bè, Chợ-gạo, Gò-công để phòng  
thủ. Thiếu-tướng Charner cầm chỏ gạo ra Bắc, dọa  
làm cho Trung - kỳ phải dói, rồi sắp đặt việc cai - trị

Nguyễn-bá-Nghi tiếp-tục thương-thuyết cuộc hòa  
đến tháng 6 ông đem 14 khoản Trung-tướng Charner  
yêu cầu mặt tàu lênh (xem các khoản ấy ở chương hòa-  
trước. Nhâm-tuất) vua dụ rằng : « Bá-Nghi từ sai ra đến  
nay, chỉ chú ý nghị hòa, vì trước khinh-suất lời, nên sau  
thêm khó. Việc Nam-kỳ, Tôn-thất-Cáp là m lỡ lúc đầu,  
Nguyễn-tri-Phương sai lạc khoảng giữa, mà cuối cùng  
các người cũng không được công-trạng gì. Trong trời  
đất chỉ nghĩa vua tôi là lớn, ta trông cậy các người  
chính là lúc này mà các người báo đáp ta cũng là lúc  
này, vậy phải gắng sức, khéo lời, lấy lòng thành cảm-  
động họ, lấy lẽ phải làm cho họ kiêng, sao cho họ đều  
thuận theo ta, rồi lại lựa chõ núi non hiểm trở, để cõi-  
thủ, chiêu-tập kẻ nghĩa-sĩ, khiến đều vui lòng theo ta  
như thế đâu có sai lầm cũng không đến nỗi đau đớn  
như trước. Nguyễn-bá-Nghi là người thông-đạt mẫn-  
cán, Tôn-thất-Đinh, Lê-quang-Tiến (Phó Đèo-dốc) đều  
dũng-cảm, phẫn khích, Thân-văn-Nhiếp (Hiệp-tán) cẩn,  
trực, khẳng-khai, Trần-đình-Túc (Tán-tương) có tài biện-  
sự, ta đã biết rõ, nên trông mong nơi các người không  
ít, các người đều phải hết lòng bảo-quốc, sớm tâu thành  
công để được tưởng-thưởng, còn nếu không che được

cái lỗi của các thứ-thần trước thì đều là một bọn người vô-dụng, mặt mũi nào ngó ta nữa. »

Theo lời dụ này, ta thấy vua Tự-Đức tuy biết là cần phải tạm hòa, nhưng còn ưng chiến, thủ đê gượng cầu may và để người Pháp có thấy khó-khăn mà không yêu-sách lăm chăng. « Hoà-hảo là việc quyền nghi, chiến-công là thiệt-vụ » lời ấy vua đã nhắc nhiều lần, tuy ấy cũng vì không biết sức người sức ta, nhưng trong các dụ ta thấy nào khuyên, nào dỗ, nào giận, nào dọa thì biết vua cũng hết lòng lo việc nước và bấy giờ cũng đã khỗ tâm lăm.

Xem ý vua chưa chịu nghị-hòa Nguyễn-bá-Nghi thấy mình ở vào một tình cảnh rất khó, tháng 7 năm ấy, ông xin từ-chức Tổng-thống quân-vụ, nhưng vua không cho ; Bá-Nghi bèn cùng Tân-Tương Trần-Dinh-Túc dâng sớ tâu ; « Tình hình tỉnh Biên-hòa suy-yếu. Đánh giữ đã không được, mà hòa cũng không xong, xin giảm bớt quân-thứ, phái người đi cầu-viện nước khác ».

Vua cho là Bá-Nghi chủ hòa không thành, nên tìm phương trút trách-nhiệm, truyền-dụ quở trách.

Sự giảng hòa lôi thôi mãi không xong, mà trong các hạt người Tây đã chiếm, những kẻ nghĩa khí đi làng này qua làng khác, hô-hào việc chống-cự, quan lại ta ám-chỉ, khuyễn-khích, nghĩa binh nổi lên từng nhóm, chống đánh khắp nơi. Tháng 10 Thiếu-tướng Charner xin về nghỉ, chính phủ Pháp sai Hải-quân Thiếu-tướng Bonard sang thay.

**Quân Phá-lan-tây, I-pha-nho  
đánh lấy Biên-hòa**

Thiếu-tướng Bonard thấy cuộc hòa đã không thành mà quân ta cứ chống-cự mãi, nên mưu lấy luôn các tỉnh Biên-hòa, Vĩnh-long.

Quân Tây đến Suối-sâu thuộc tỉnh Biên-hòa, bờ biển ta hai lần đánh lui được, Quân Tây đến làng An-thạch, làng Bình-chuẩn, (thuộc tỉnh Biên-hòa) phó Đề-đốc Lê-quang-Tiến lừa ban đêm lén đánh được,

Nguyễn-bá-Nghi từ khi thống lãnh việc quân thì đóng trong thành Biên-hòa, thành này bên tả có xứ Đá-hàn là đất xung yếu làm thế che chở, hạt Phước-tuy là chỗ giao-thông để cung-cấp lương-hướng, gấp việc hoán cấp thì tỉnh Gia-dịnh, Định-tường, có thể cứu-viện. Quân Tây đem tàu triệt đường đi Gia-dịnh, Định-tường rồi đánh lấy hai cửa biển Cần-giờ Phước-thắng, bắn phá Đá-hàn luôn mấy ngày, đạo-quân thứ phải lui về phủ Phước.tuy.

Bấy giờ trên hết thảy các đường bộ đi đến Biên-hòa ta đã có đặt những cơ-quan phòng-thủ vững chãi, trên sông Đồng-nai, từ Biên-hòa trở xuống, có nhiều phòng-triệt bằng gỗ, đá đều kèm đồn binh canh giữ.

Ngày tháng 11 năm ấy Quân Tây do đường bộ và đường thủy cùng tiến. Tàu Tây nhơn lúc nước lên, thắng đến bức tinh-thành, dùng đại-bác bắn phá. Quan tinh là Tuần-vũ Nguyễn-đức-Duy, Án-sát Lê-quang-Cần biết thế thì không chống nổi, cũng lui đóng tại đồn Hồ-nhĩ, quân Tây (của Thiếu-tướng Bonard) vào chiếm thành (16-12-1861), quân ta bỏ lại 48 khẩu súng đại-bác,

18 chiếc ghe chiến) rồi đánh phủ Phước-tuy, Bá-Nghi lui đóng ở rìng Long-kiến, Long-lập.

Thiếu - tướng Bonard giao cho Trung - tá Diégo ở trấn thủ thành Biên-hòa, rồi đuổi theo quan quân ta, đến chiếm thành Bà-ri亞 (7-1-1862). Đảo Côn-lôn đã bị Đại-ý Lespes chiếm từ ngày 9-12-1861.

Được tin Biên-hòa thất-thủ, vua hoảng-sợ, thiết trách các quan quân thứ và quan tỉnh, cách lưu và cho lập công chuộc tội. Lại thấy quan quân không đủ sức chống đánh, muốn rằng nhàn dân các tỉnh đã bị mất nỗi dậy nên vua xuống dụ, « Gia-dịnh giao cho Đỗ-Quang, Định-tường Giao-cho Đỗ-thúc-Tịnh, Biên-hòa giao cho Nguyễn-đức-Hoan, Lê-khắc-Cần phải đốc sức, khuyến - khích các ngươi ứng nghĩa, khiến hết sức chống đánh, hễ ai thu được, một phủ, một huyện và giữ được thì cho lãnh chức Phủ, Huyện ấy, ai đánh lui được quân địch, thu lại tỉnh-thành thì được đời đời tập túc, kẻ binh đồng có công trạng được thưởng phẩm hàm v.v... ai nấy đều phải hết lòng, các xứ đều nỗi dậy, khiến quân địch không rảnh - rang thì không dám ở đất ta nữa ». Vua hỏi Trương-dăng-Quế : « Trù tính thế nào để giữ được tỉnh Biên-hòa », Quế tâu : « Xin cho Nguyễn-tri-Phương, Nguyễn-công-Nhàn phục chức, lập công chuộc tội mới mong được việc ». Vua lại hỏi : « Nguyễn-bá-Nghi thế nào ? » Quế tâu : « Bá-Nghi chỉ chủ hòa, hòa đã không thành, để ở đó cũng không làm gì ».

Vua khen phục Nguyễn-tri-Phương hàm Bình - bộ Thượng-thư, sung Đồng-nhung quân-vụ Biên-hòa, Tôn-

thất-Cáp hàm Bình-bộ Thị-lang sung Phụ-tế, Nguyễn-công-Nhàn hàm Quản-cơ, sung Thương-biện, các tỉnh thần, thứ - thần can về việc thất - thủ đều giao cho Nguyễn-tri-Phương đem theo để sai phái.

Nguyễn - bá - Nghi tâu không thể giữ được tình-hình, xin chịu tội, Tuần-vũ Nguyễn-đức-Hoan tâu phải bỏ đồn Hồ-Nhĩ, lui về đóng ở thôn Thắng-hải, tỉnh Bình-thuận, quân lính tản lạc gần hết, vua giáng Bá-Nghi xuống Tham-tri, sung Phụ-tế quản-vụ Bình-thuận và cách chức Đức-Hoan, cho về nguyễn-tịch.

Thấy tình thế Nam-kỳ càng găng, vua lo cho miền Trung, sai Tống-đốc Nam-Nghĩa là Đào-tri sung chức Kinh-lược đại-thần đốc xuất việc lương-hướng khí giới phòng bị từ Quảng-nam đến Bình-thuận.

### Quân Pháp-lan-tây và I-pha-nho đánh lấy tỉnh Vĩnh-long

Sau khi tinh thành Định-tường thất-thủ, người Tây cho tàu đến sông Vĩnh-long do thám. Tỉnh-thần một mặt nghiêm phòng, một mặt đưa thư hỏi để làm kế hoãn binh. Sau khi tàu họ đến đậu ở phía trên đồn Vĩnh-tùng (các đồn bảo từ Vĩnh-tùng trở xuống đều thuộc tỉnh Vĩnh-long lập để phòng bị) đưa một bức thư cho quan lính, đại ý nói trước kia giảng-hòa, họ chỉ yêu cầu đất dai ở gần tỉnh Định-tường mà thôi, việc hòa chưa thành, trong khi chờ đợi họ được tới lui trên đất ở trước sau sông lớn (Mékông). Vậy nay tàu họ vào các ngành sông ấy cũng là sự tất-nhiên, xin chờ lấy làm lạ. Tỉnh-thần cũng lấy lời lẽ tử-tế đáp lại.

Tháng 2 năm Nhâm-tuất (1862) (Tự-Đức thứ 15) Thiếu-tướng Bonard đem 11 chiến pháo-hạm và tuần-dương-hạm nhỏ chở gần 1.000 lính đến đậu ở phía trên đồn Vĩnh-tùng, rồi cho lính lên bộ đắp lũy. Trương-văn-Uyễn liền phái Lãnh-binh Tôn-thất-Thoán quyền sung Lãnh-binh Nguyễn-Thái, Lê-dinh-Cửu giữ đồn Vĩnh-long, Lãnh-binh Hồ-Lực, phó Lãnh binh Ngô-Thành, Trương-văn-Thành giữ đồn Thanh-mỹ, sức ai nấy phải hết lòng chống đánh, còn mình cùng Bố-chánh Lê-dinh-Đức sắp binh để chực tiếp-ứng.

Luôn hai ngày 21, 22, quân Tày ở bộ và ở thủy đánh bắn các đồn Vĩnh-tùng, Thanh-mỹ quân ta chống cự không nổi, lần lần chạy tan. Tàu Tày tiến thẳng đến bến tỉnh thành, bắn hỏa-hỗ vào, quân ta bị thương và chết nhiều, Văn-Uyễn liệu khó giữ, nhơn ban đêm dốt dinh trại, kho tàng, rút binh lui ra đồn Vĩnh-trị; rồi nghe quân địch đuổi theo, lại đến đóng ở huyện Duy-minh. Quân Tày vào thành (ngày 23 tháng 3 năm 1862 còn thu được nhiều khí giới trong có 68 khẩu đại bác.)

Được tin, vua cho rằng tỉnh Vĩnh-long thế cô mà không có cứu-viện, tình thế có khác các tỉnh, nhưng vì không lo tìm chỗ hiểm lập đồn để phòng trước nên cũng không tránh được lối, bèn cách lưu bọn Văn-Uyễn và kiến lựa chỗ đóng quân, thu-thập quân-sĩ, khí-giới, cùng quan binh Định-tường làm thế ý-dốc để toan lập công ngày sau.

### Hòa-ước Nhâm-tuất (1862)

Từ tháng chạp năm Quý-dậu, ở Quảng-yên có tên

Tạ-văn-Phụng xưng là giòng-giỗi nhà Lê, dùng cỗ-dạo Trường làm minh-chủ, dấy binh làm loạn. Phụng là tín-đồ Thiên-chúa-Giáo, trước đã theo Giáo-sĩ ra nước ngoài lại đã từng làm lính với quân Tây đánh ở Đà-nẵng vừa rồi, đảng nó thông với giặc biển, giặc khách, giặc ta ở các tỉnh, đi cướp bóc các nơi, rồi đánh lấy phủ Hải-ninh. Lại ở Bắc-ninh có tên Chánh-tông Nguyễn-Thạnh (tục gọi Cai-tông Vàng) tự xưng Nguyễn-súy, tôn một tên giặc trốn là Huấn, mạo là dòng giỗi nhà Lê làm minh-chủ rồi nhập đảng với tên Phụng đánh các phủ, huyện, đến vây tỉnh thành Bắc-ninh. Phụng có xin Thiếu-tướng Genouilly rồi Thiếu-tướng Bonard giúp mình, và hứa nếu khôi-phục được giang-san của ông cha thì sẽ nhận nước Pháp bảo-hộ.

Bấy giờ những tin nguy-cấp trong Nam, ngoài Bắc hàng ngày báo về, vua Tự-Đức và Triều-dịnh rất lo sợ.

Tháng tư năm Giáp-tuất, Thiếu-tướng Bonard sai Trung-tá Simon đến Huế đưa thư nói việc giảng-hòa và đòi ba điều-kiện.

1) - Xin sai một vị quan có toàn-quyền vào nghị-dịnh.

2) - Bồi thường quân-phí

3) - Đưa trước tiền 10 vạn để tò lòng tin.

Đinh-thần đều xin y theo. Phan-thanh-Giản, Lâm-duy-Hiệp xin vào Nam hội-nghị ; vua chuẩn cho sung nghị-hòa, Chánh, Phó-sú, Toàn-quyền đại-thần, lại khiển đinh-thần bàn bạc đại-ý của hòa-ước rồi dâng vua tài định để giao cho hai ông. Đinh-thần tâu rằng : « Việc nghị-hòa nói đã ba bốn năm nay mà chưa thành

cuộc, Nay người Pháp lại đến xin hòa, tuy không nói rõ điều-mục, nhưng đại yếu tưởng cũng không ra ngoài 14 khoản năm trước. Những khoản xin « cho tàu Pháp được thông hành từ Gia-dịnh về Nam về Tây », « Trên các sông đều giải chiến cuộc », « trên các sông thuộc Biên-hòa Sài-gòn không đắp đồn lũy phòng bị », không quan ngại lắm, xin y. Về khoản nói « đạo Gia-tô được công-hành, kẻ đã theo đạo tùy tiện giảng-tập, kẻ muốn theo cũng dễ nó tùy ý, không được tìm cách cản trở » chúng tôi nghĩ rằng những kẻ đã theo được riêng nó giảng tập, kẻ thôi đạo và không ưng theo thì mặc kệ; không được ép buộc gì. Khoản nói « có người Tây phạm tội xin giao cho quan Tây nghị xử » cũng hiệp lý, nhưng phải định thêm rằng người nước ta ở nước họ có trái phép cũng giao quan ta xử-trị mới là công bằng. Khoản nói « người Tây được công-nhiên qua lại trong toàn quốc, » thì nghĩ rằng họ đã có chỗ ở, chỗ buôn bán, nếu có cần thương-nghi việc gì thì đã có quan địa-phương lo liệu, họ đi đến chỗ khác cũng chẳng làm gì, vây không thể nhất thiết y cho được. Về khoản nói « Tàu Tây được đến buôn bán ở cửa biển nào tiện lợi, quan Tây cũng được đến ở » thì nghĩ rằng họ đã có chỗ ở buôn bán họ cứ tùy tiện tới lui, còn các cửa khác xin đều định chỉ. Về khoản nói đòi bồi thường cho thân-quyến của mấy người Tây bị giết, nghĩ rằng số ấy không bao nhiêu, họ cũng chưa nói rõ là mấy, xin hỏi lại, rồi sẽ chước biện. Về khoản xin « về sau đừng đòi nước Cao-mên cống nữa » thì nghĩ rằng Cao-mên là thuộc quốc của ta, vây không cần phải bàn bạc. Sáu khoản vừa kể như họ có đề cập xin theo như thế mà trả lời, nếu họ

cố chấp yêu-sách thế nào thì cũng có thể tùy nghi châm-chước. Còn trước kia họ xin giao toàn các tỉnh thành Gia-định, Định-tường và đất dai phụ-thuộc, đóng binh ở Thủ--dầu-một, mỗi nước được phái quan đại-thần đến ở kinh-dô nước kia, đến họ một số bạc bốn trăm vạn đồng, cho người I-pha-nho một chỗ ở tại Đồ-sơn tỉnh Hải-dương và lập sở tuần-ty ở huyện Nghiêu-phong tỉnh Quảng-yên, thu thuế, 10 năm sẽ trả lại, 5 khoản ấy người Tây yêu cầu đã nhiều lần, nay lại đòi thêm tỉnh Vĩnh-long là để cho toại các điều xin trước, chúng tôi nghĩ thành cũ tỉnh Gia-định họ đã lập đồn, các đất dai bên sông huyện Tân-An, huyện Cửu-An tỉnh ấy, xứ Thủ-dầu-Một thuộc tỉnh Biên-hòa, đất ngoại-phụ tỉnh thành Định-tường, nên cho họ ở và quản-trị, còn các đất khác và toàn hạt tỉnh Vĩnh-long phải giao lại cho ta ; việc xin để quan đại-thần ở kinh thì kinh-dô ta không phải là nơi buôn bán, các xứ họ lập phố xá đều có người trị-sự cũng đủ coi sóc, không cần phải phái quan lớn đến nữa, nếu họ cố xin thì trả lời rằng Đà-năng là đất gần kinh, lại là nơi tầu bè họ thường qua lại, cho họ đặt một viên quan ở đó cũng được. Về khoản bạc quân phí, xin chước lượng giao họ từ 100 vạn đến 200 vạn đồng mà thôi. Về khoản người I-pha-Nho xin ở Đồ-sơn, lập sở tuần-ty, chúng tôi nghĩ rằng người ấy cùng người Pháp đến Gia-định đã mấy năm nay. người Pháp lại hết sức nói giúp, vậy xin chước lượng y cho vân vân... Lại như họ không chịu giao, Gia-định, Định-tường lại cho ta thì ta xin chuộc, định giá phỏng 1 hay 200 vạn đồng, lần lần trả xong, còn nếu họ đòi toàn giao ba tỉnh thì nhứt định không

thề theo lời được. Khi thương-thuyết xin hãy dò lường tinh-lý, tùy-nghi biện-bác, sao cho họ bình-tâm nghĩ lại, giảm được phần nào thì tốt phần ấy, nếu không được thì mới từ ít đến nhiều... Nếu họ nghe theo thì thôi, bằng không nên kiểm cờ định cuộc thương-thuyết để báo về trù-biện cho hợp-sự-thể ». Vua phê rằng : « Khoản đạo Gia-tô công-hành quyết không cho được, nếu bất đắc dĩ thì bắt Giáo-sĩ đến phải trình, ở các chỗ, như Nam-kỳ thì cho ở Gia-dịnh, Bắc-kỳ thì cho ở Nam-dịnh, hoặc ở Hải-dương. Hai khoản nói « người Tây được qua lại trong toàn-quốc », « đặt quan ở kinh » cũng quyết không cho được ; ở các hạt Gia-dịnh, Định-tường, Biên-hòa, chỉ cho họ ở một doi chỗ để buôn bán, nếu không thuận thì chỉ chuộc lại mà thôi. Khoản người I-pha-Nho xin ở và đánh thuế, nên bác ».

Trước khi Phan - thanh - Giản, Lâm-duy-Hiệp đi, vua rót ngự-tửu ban cho, khăn-vó dặn không nên khinh-suất nhường đất đai, không nên chịu dề đạo Gia-tô công-nhiên lưu-hành.

Simon trước kia đưa thư rời về Nam, nay đem chiếc tàu Forbin trở ra để rước sứ-thần ta. Ngày 24 tháng tư, hai sứ-thần đáp thuyền biển Đoan-loan của ta vào Gia-dịnh. Thiếu-tướng Bonard sai Aubaret, hải-quân Đại-tá làm thông-ngôn tiếng Nam,) đưa các điều-kiện giảng-hòa : nước Việt-Nam nhượng sáu tỉnh Nam-kỳ và bồi binh-phí 6.000.000 đồng bạc. Sau mấy ngày bàn-cãi, ngày 9 tháng 5 năm Giáp-tuất (5.6-

1862) Thiếu-tướng Bonard và Phan-thanh.Giản, Lâm-duy-Hiệp ký hòa-ước 12 khoản như sau này :

1·) Từ nay về sau, các nước Pháp-lan-tây, I-phano và nước Đại-Nam vĩnh-viễn giao-hiếu với nhau như bạn hữu.

2·) Người Pháp, người I-phano được giảng đạo Gia-tô ở nước Đại-Nam, ai muốn theo phải để cho theo, không muốn theo cũng không được ép.

3·) Giao 3 tỉnh Biên-hòa, Định-Tường và Gia-dịnh, đảo Côn-lôn cho nước Pháp quản hạt. Người buôn bán Pháp có đem thuyền bè do đường biển, sông, để đến Cao-Mên làm ăn thì phải để cho tùy tiện. Tàu binh Pháp do đường biển, sông, qua lại xem xét cũng được tự-do.

4·) Sau khi Pháp-Nam đã nghị-hòa, nếu có nước nào muốn sinh sự với nước Nam thì nước Nam phải cho nước Pháp biết để tùy-nghi giúp đỡ, còn nếu có cắt đất giảng-hòa thì phải có nước Pháp thuận mới được.

5·) Người buôn bán Pháp, I được ra vào buôn bán tự-do ở các cửa biển Đà-nẵng, Ba-lat, Quảng-yên, nộp thuế như lệ-dịnh ; người nước Nam muốn qua buôn bán ở hai nước ấy cũng được đổi-dãi như thế. Nếu có người nước khác đến buôn bán, nước Nam không được riêng che chở, đổi dãi hơn cách đổi dãi với người Pháp, người I, nếu người nước ấy có được hưởng điều lợi ích gì về thương mãi thì người Pháp, người I cũng được như thế.

6·) Nếu có công việc khẩn-yếu thì hội-đồng để biện

lý, khi ấy mỗi nước phái một quan Khâm-sai đại-thần hoặc hội ở kinh-dô nước Nam hoặc hội ở kinh-dô nước Pháp, nước I.

Tầu Pháp và I đến nước Nam thì đậu ở Đà-năng, quan Khâm sai do đường bộ tiến kinh.

7.) Đã nói hòa thì mọi mồi cùu-oán đều giải-lan cả, quân dân đã bị người Pháp, I bắt đều được tha về, gia-sản của bá-tánh đều lập tức trả lại, người Nam đã làm việc với người Pháp được xá-miễn, thán-tộc cũng khôi tội.

8.) Trả cho hai nước Pháp và I 4.000.000 đồng bạc (sách Tây nói 4.000.000 dollar, nước ta không có dollar, vậy tính dollar là 72% của lường (tael) bình phí, hạn trong 10 năm, mỗi năm giao 400.000 đồng cho quan đại-thần Pháp ở Gia-dịnh thu giữ ; nay đã nhận tiền 10 vạn quan đến khi trả sẽ khấu-trừ.

9.) Nước Nam có dân cướp bóc, giặc bẽ đã nhiều hại ở các đất thuộc Pháp nay trốn trở về hoặc có tù phạm, giặc giã các nước Tây trốn trong đất Nam, quan Pháp được chiếu hội với quan địa-phương bắt đem về làm tội, có tù phạm giặc giã người Nam trốn đến đất thuộc Pháp thì quan Nam cũng được xử như thế.

10.) Từ nghị-hòa về sau, nhân dân ba tỉnh Vĩnh-long, An-giang, Hà-tiên qua lại các đất Nam thuộc Pháp làm ăn hễ theo lệ nước Pháp đã định thì được tự-tiện ; nếu nhơn việc công, chở binh lính, lương hường, súng đạn, khí giới đi ngang qua đây mà không cho biết trước và không có giấy của quan Pháp thì xe tầu ấy sẽ bị đánh phá, quân lính bị bắt trị tội.

11.) Tỉnh Vĩnh-long, người Pháp đã lấy được, nay tạm đóng binh lại giữ, nhưng việc gì thuộc nước Nam đều do quan Nam biện-lý, quan Pháp ở đấy không can dự đến. Hiện có quan viên vâng mệnh lén ở hai tỉnh Gia-dịnh, Định-tường để thừa cơ tấn-công ; nay hòa-ước đã thành, nước Nam nên triệu họ về cho nhân-dân được bình-yên thì nước Pháp giao trả tỉnh Vĩnh-long lại.

12.) Hạn trong một năm, vua 3 nước ngự-lâm, phê-chuẩn hòa-ước, rồi nó sẽ hối-giao ở kinh-đô nước Nam.

Ngày 11 tháng ấy, Phan-thanh-Giản, Lâm-duy-Hiệp xuống tàu về, ngày 14 đến kinh, tàu lên vua than rằng : « Ôi ! Con dân mấy triệu, tội gì đến thế ! Đau lòng thay ! Hai người không những chỉ là tội nhân của triều mà còn là tội nhân của muôn đời nữa ! ».

Hòa-ước giao định-nghị, các quan tâu : « Việc nhường đất bồi tiền như thế là không hợp, nhưng điều ước mới định mà cải nghị ngay, vị tất họ chịu, vậy xin cho hai xứ-thần đến ở gần từ từ thương chức để thuộc lối trước, rồi sẽ sai sứ thông vấn, tùy cơ chước nghị.

Vua bèn sai Phan-thanh-Giản lãnh Thống đốc Vĩnh-long, Lâm-duy-Hiệp lãnh Tuần-vũ Thuận-Khánh để tiện giao thiệp với người Pháp.

Đến lỵ hai ông có thương thuyết việc xin trả ba tỉnh, cố nhiên Thiếu-tướng Bonard nhứt định không chịu.

Tháng 9 năm ấy, Thiếu-tướng đưa thư nói :

« Vua Pháp và vua Ý đã duyệt-y hòa-ước, rồi xin đến tháng 11 sai sứ dệ đến kính dâng lên rồi hô.giao » Vua Tự-Đức nói : « Hòa-ước có nhiều điều không tiện, gần đây đã trách giao Phan-thanh-Giản, Lâm-duy-Hiệp gắng sức lo liệu, chưa thấy làm được việc gì, nay Pháp-suy hô-giao, chẳng hay hai người ấy đã cùng họ thương nghị thế nào : và trong hòa - ước đã hạn rõ-ràng một năm rồi mới hô giao mà họ vội-vàng như thế thi các việc khác còn tin họ sao được ?

Đinh-thần xin giao Thanh - Giản, Duy - Hiệp biện-bạch với quan Pháp đề y theo hạn ấy, không biết hai ông có thương-thuyết gì không mà đến tháng giêng năm sau (Quí-hợi T.Đ. 16, 1863) Thiếu-tướng Bonard sai đến báo rằng tháng 2, sứ Pháp sẽ đến kinh, và nói trước những nghi-tiết sẽ theo lúc ở kinh. Vua xét các nghi-tiết ấy còn có chõ chưa thoả, bèn sai Phạm-phú-Thứ vào Nam hội cùng Thanh - Giản, Duy - Hiệp thương lại với quan Pháp và dặn việc xong ba ông phải gấp đi đường bộ về trướcặng sung chức tiếp sứ.

Tháng hai, Thiếu-tướng Bonard, Đại-tá Palanca, (I-pha-Nho) đến Đà-Nẵng. Việc nghênh-tiếp, hộ-tống, tham chước với cách dãi sứ Xiêm-la mà hậu thêm một bậc.

Tới kinh, hai quan Tây trọ ở sứ-quán mới làm trên bờ sông Hương (làm từ tháng 8 năm ngoái, trên nền cũ của sở Thủy-quân đề tiếp sứ Tây). Trung-quán Hoàn-Thợ, Bình-bộ Thương-thư Trần-tiễn-Thành, Phan-thanh - Giản, Lâm-duy-Hiệp, Phạm-phú-Thứ sung yếu tiếp và thương . thuyết các việc: Trước lê triều . yết,

Bonard và Palanca đem quốc thư và phầm-vật của hai nước nhờ quan hữu-tư dâng lên rồi xin lãnh quốc-thư của ta.

Đến ngày, Vua Tự-Đức ngự-diện Thái-hòa, hai sứ quán Tây và các tùy-viên cả thảy 16 người vào làm lễ chiêm-cầu. Theo nghi-tiết đã định, sứ Tây deo gươm, khi vào cất nón, cúi đầu, trước khi ra khẩu đầu ba lần. Thiếu-tướng Bonard đọc chúc từ đại-ý rằng : « Đức Hoàng-đế nước Pháp sai tôi trao tờ hòa-ước 2 nước đã duyệt-y và chuyển lên Hoàng-đế nước Nam những lời chúc mừng của Ngài. Hoàng-đế nước Pháp trông mong rằng giữa hai nước sự hòa-bình và tình bè bạn sẽ được vĩnh-viễn. Ngài cũng cầu chúc thịnh-vượng cho nước Nam và Vua nước ấy ». Vua Tự-Đức sai một viên quan Nội-các đáp lại, đại ý : « Các sứ-thần chịu mệt nhọc đến đây, vua nước Nam lấy làm khen ngợi. Về nước, các sứ-thần sẽ tâu lại với vua rằng hòa-cuộc đã định, từ nay về sau mọi việc đều trang-trái một cách hòa-hảo và tình bè bạn rất thành-thực sẽ vĩnh-viễn giữa ba nước để mưu hạ nh-phúc cho mình. » Xong, đặt tiệc đãi tại Sứ-quán, tặng phầm-vật vua Pháp, vua I-pha-nho và hai sứ-thần, các tùy-viên.

Vua Tự-Đức lại sai Phan-than-Giản theo Bonard trở về Gia-dịnh để nhận tỉnh Vĩnh-long vì Thiếu-tướng hứa giao lại.

Bấy giờ giặc biền dương khuấy phá ở Bắc-kỳ có thuê thuyền Tây, dân Cao-môn có những cử-dộng trở nganh cũng do người Pháp xui sứ, các việc ấy vua

cho là trái với khoản nước Pháp chịu giúp đỡ (khoản thứ tư) nói trong hòa-ước nên vua khiến Phan.Thanh-Giản đem trách hỏi một thề.

Ấy là xong việc hòa-ước Nhâm-tuất là hòa-ước đầu tiên nước Việt-Nam ta ký với nước ngoài. Đại-tá Palanca chỉ nhận binh-phí và quyền giảng đạo còn đất dai thì nhường cả cho nước Pháp. Vì thương thuyết không được gì, Phan-thanh-Giản bị cách lưu, Đoàn-Thọ, Trần-tiễn-Thành bị giáng, Lâm-duy.Hiệp khi ấy đã mất, cũng bị truy-đoạt phảm hám.

Tháng chạp năm ấy, Thiếu-tướng Bonard về Pháp Hải-quân Thiếu-tướng De Lagrandière sang thay.

### Muru chuộc ba tỉnh phía đông Nam-kỳ

Tuy hòa-ước Nhâm-tuất đã nhượng ba tỉnh Gia-dịnh, Định-tường, Biên-hòa cho nước Pháp, nhưng đó là vì tình thế bắt-buộc chứ vua Tự-Đức không nỡ thấy một phần đất dai của ông cha mình khai tịch nay phải tách ra khỏi giang-sơn mình. Sau nhiều lần sai các quan thương-thuyết với người Pháp để chuộc lại mà không được, tháng năm năm Quý-hợi (1863, T.Đ. 16), vua sai sứ sang trực-tiếp tâu với Pháp-hoàng việc ấy.

Đinh-thần lựa Hiệp-Biện đại Học-sĩ Phan-thanh-Giản, Lại-bộ tả Tham-tri Phạm-phú-Thú, Quảng-nam Án-sát Ngụy-khắc-Đản để sung chức Chánh-sứ, Phó-sứ và Bồi-sứ. Ngụy-khắc-Đản xin đổi người khác vì ông có mẹ già, vua dạy : « Đạo làm tôi phải lấy công nghĩa làm trọng, ta sẽ khiến tinh-thần Nghệ-an thăm

nom mẹ ngươi, và mỗi tháng cấp cho tiền gạo. » Vua hỏi Phan-thanh-Giản : « Ta nhứt sơ thông-sứ để mưu việc chuộc đất, ý quan Pháp thế nào ? » Phan.Thanh-Giản tâu : « Ý họ thế nào tôi chưa biết rõ, nhưng gấp quá, e chưa tắt được. » Vua nói : « Vậy thì sai sứ đi có ích chi ? Phan.Thanh-Giản còn không biết rõ, huống hồ người khác ; các người đi chuyến này liệu nói thế nào cho được, nếu họ không nghe, nên lưu lại cố nói, sao cho động được họ, chứ đi không về rồi hoặc phải bỏ mạng không về thì có ích-gì cho nước ?... » Trần-tiên-Thành xin đem tặng phẩm vật quý giá để tiện việc thông-hiểu, Trần-dinh-Túc xin giao thêm vàng bạc cho sứ-thần để tùy cơ chi dụng, miễn là được việc, vua y lời hai ông rồi lại hỏi Phan.Thanh - Giản : « Trước kia người bỏ ba tỉnh Nam-kỳ chắc là đã có cân - nhắc, vậy ngươi còn có ý gì nữa chăng ? » Giản tâu : « Tôi xét kỹ thời thế không bỗ không được, nay tôi vàng mệnh di sứ việc thành hay không đều tùy nước Tây, tôi chỉ biết hết lòng hết sức mà thôi. » Vua chầy nước mắt, nhìn các quan, sắc rắng : « Đất dai ấy, nhân dân ấy của tiền-triều mở mang, nhóm họp đê lại, nay các người phải đồng tâm lo liệu sao cho ta khỏi hổ thẹn, khỏi lo lắng. » Rồi vua sắc các sứ-thần : « Quốc-thư phải đưa cho đến nơi, đừng để các quan đương-sự đón ngăn, đừng chuyên tin lời người thông-ngôn vân vân.... sứ-thần là thay mặt vua, đừng lạy mà nhục quốc-thể »

Ba Sứ-thần và ước 60 quan viên tùy tùng mang theo lê-vật tặng vua Pháp và vua I-pha-nho (trong có một cái kiệu, 4 cái tàn), tháng 6 năm ấy, vào Gia-dịnh, Pháp-

sứ là Lagrandière, chiếc thuyền Européen đưa các ông sang Tây, thuyền-phí Triều-dình ta chịu, lại cho một sĩ-quan Pháp là Rieunier và Aubaret theo hướng dẫn.

Tháng 8, sứ-bộ đến hải-cảng Toulon nhà chức trách Pháp chào mừng rất long trọng. Hôm sau (11-9) sứ-bộ đến Pháp-đô, được chính thức tiếp rước theo nghi-lễ. Vua Napoléon III đi vắng, các sứ-thần yết-kiến các quan-Thượng để tỏ bầy ý minh. Bấy giờ ở Pháp-dình có một phái người không tán thành việc chiếm lấy thuộc địa xa xôi, bèn-h-vực ý-kiến ấy đã có cuộc viễn-chinh Mexique tổn kém mà đương kéo dài chưa biết bao giờ xong, chỉ làm cho ngân sách đã khốn khó càng thêm thiếu hụt. Vì vậy, trong thời gian chờ đợi Pháp-hoàng, quan Pháp và các Sứ-thần ta chỉ bàn-bạc về số tiền chuộc đất, và người ta đã định triệt quân Pháp ở Nam-kỳ về. Chẳng bao lâu, một tờ mật thư dâng lên Pháp-hoàng và gửi cho những vị có thế-lực trong triều hết sức tán-thành việc cho ba tỉnh Nam-kỳ. Pháp-dình nhận công-bố số tiền thiếu hụt trong ngân-sách, cũng phô-trương sẽ lấy 100 triệu cho chuộc Nam-kỳ bù vào một phần.

Ngày tháng 10 (7.11.1883) các Sứ-thần vào yết Pháp-hoàng. Các ông mặc triều-phục, ngồi bốn chiếc xe song mã, đến thẳng điện Tuileries và được tiếp rước theo nghi-lễ rất trọng-thề. Vua Napoléon III ngự trên ngai, bên cạnh có Hoàng-hậu và Hoàng-tử.

Phan-thanh-Giản dâng bức thư của vua Tự-Đức và bầy tỏ mục-đích của phái-bộ mình. Pháp-hoàng đáp lời, có nói : « Nước Pháp có hảo-tâm với tất cả các nước và là

kẻ bênh vực những kẻ yếu »,(La France est bien veillante pour toutes les nations et protectrice des faibles). Aubaret (1) làm thông-ngôn. Sau buổi chầu mấy hôm, sứ bộ Việt-nam và Thượng-thư ngoại-giao Pháp là Achille Fould đàm phán ở bộ Ngoại-giao về các điều-kiện cho chuộc ba tỉnh Nam. Vì vua Tự-Đức đã dặn miên là xin cho chuộc được đất còn số tiền bồi thường, nước Pháp đòi bao nhiêu cũng cứ chịu, đợi sau sẽ tục thương, nên việc bàn cãi cũng dễ-dàng. Tờ báo Le Moniteur Universel ngày 12-11-1863 chính-thức công-bố rằng Pháp-định hòa-ước 1862 sẽ an-định lại. Sứ-bộ lại được Pháp-định bằng lòng để về sau hai nước sẽ thương-thuyết ở Huế món tiền chuộc và các chi-tiết. Như vậy, về đại-cương, sứ-bộ Phan-thanhh-Giản đã hoàn toàn thành công.

Vui vẻ, các Sứ-thần xuống tàu sang I-pha-nho, để lại ở Pháp-định nhiều vị có thể-lực bênh vực cho việc mình. Đến Madrid (kinh đô nước I-pha-nho), các Sứ-thần yết kiến Nữ-hoàng Isabelle rồi đáp tàu về, chẳng may gặp bão ở Địa trung hải. Tháng hai năm sau (Giáp-tí, 1864, Tự-Đức 17) mới đến Gia-dịnh, Pháp-súy cho chiếc tàu Echo đưa các ông về Huế.

Các Sứ-thần dâng quốc thư của nước Pháp, nước I, mỗi tờ 21 khoản, có 5 khoản hệ trọng là :

1.) Nước Nam muốn chuộc lại 3 tỉnh Nam-ky thì

---

(1) Ông này thạo tiếng Việt và chữ Hán. Trước ở Gia-dịnh có dự vào việc lập hòa-ước Nhâm-Tuất. Ông có dịch nhiều sách viết bằng chữ Hán của ta ra chữ Pháp (*Histoire et Description de la Basse Cochinchine, Code annamite*).

cũng thuận cho, nhưng phải cắt giao nơi nào đó cho họ quản-trị.

2') Trong ba năm, mỗi năm trả bạc chuộc 50 vạn đồng, rồi về sau cứ mỗi năm trả 333.333 đồng.

3') Ở Kinh, Đà-năng, Ba-lạt, Quảng-yên đều để họ đặt Lãnh.sự.

4) Giáo-sĩ được tùy-tiện lập giáo-đường tuyên-giảng, ta không được ngăn-cản.

5') Người họ đến buôn-bán ở ba cửa biển nói trên được tùy ý mua ruộng đất, về sau có được đến ở cửa nào nữa cũng theo lệ ấy, và tại mỗi cửa ấy họ được lập riêng một nơi để ở.

Hải quân Trung-tá Aubaret đã được Pháp định sai sang làm Lãnh.sự ở Huế và Vọng-các (Xiêm-la) tháng 5 năm Giáp-tí cũng đến Huế để cùng Triều-đình ta tiếp tục thương-thuyết việc thuộc Nam-kỳ. Vua sai các ông Phan-thanh-Giản làm Toàn-quyền Chánh.sứ, Trần-tiễn-Thành, Phan-huy-Vịnh làm Phó.sứ để cùng ông hội-thương. Sau một tháng điều-định, hòa-ước thành-lập (15-7-1864), mấy khoản hệ-trọng là :

Nước Pháp trả lại nước Nam ba tỉnh đã chiếm, bù lại nước Pháp nhận quyền bảo-hộ cả sáu tỉnh Nam-kỳ ; Tuy vậy sự bị bảo-hộ này không có ý gì là thàn-thuộc cả.

Nước Pháp được chiếm ba nơi ở Sài-gòn, Mỹ-tho, Cap saint Jacques để ở buôn bán.

Người Pháp được trú ở Đà-năng, Ba-lạt, Quảng-yên.

và được nhượng cho 9 ki-lô mét đất chung quanh các hải-cảng ấy để làm chỗ buôn bán.

Nước Nam bồi binh-phí 80 triệu phat-lăng, trả trong 40 năm, mỗi năm 2 triệu.

Người Pháp có cần đi vào đất nước Nam có việc gì thì phải xin giấy thông-hành ; việc xong phải về ngay các hải-cảng trên này.

Các Giáo-sĩ được tự-do truyền-giáo, nhưng luật-pháp của Triều-đình vẫn cấm thăn-dàn xa đường luân-lý và tôn-giáo nước nhà,

Hòa-ước này không được dư-luận Pháp, Việt hoan-nghênh. Bên Việt, quan-chức, các bộ-viện nghĩ rằng sự chiếm-cứ Pháp rút lại ở mấy nơi căn-cứ quân-sự và thương-mãi không phải là giải-thoát cho lãnh-thổ quốc-gia, thế mà số tiền đền bồi lại to tát quá... Về phần người Pháp, họ nghĩ rằng để giữ một giải dắt dai thu hẹp lại như thế cũng phải có một số quân lính, phí tổn một số tiền như khi trước mới có thể tự-do thông-thương trên các con sông được, huống nữa còn ngại rằng, người Nam không đưa hàng-hóa vào các nơi họ chiếm cứ và không đến buôn-bán ở đấy nữa.

Nhưng, trong khi ở Huế, Aubaret lập hòa-ước mới thì ở Pháp, phe tán-thành hòa-ước Bonard (Nhâm-tuất) cũng hoạt-động hăng-hái. Trong phe này, ta thấy đầu hết là những thượng-quan ngạch hải-quân : Thiếu-tướng Rigault de Genouilly, Thiếu-tướng Bonard Thượng-thư bộ Hải-quân và thuộc-địa là Hầu-tước Chasseloup Laubat v.v..., Một quyền sách nhan đề là « Văn - đề Nam-kỳ xét về quyền-lợi Pháp » (La question de la

Cochinchine au point de vue des intérêts Français) dâng lên Pháp-hoàng và gửi cho tất cả các thương-tướng, các chánh-khách, các nhà báo, các phòng thương-mãi, hết sức tán-thành việc chiếm ba tỉnh Nam-kỳ theo hòa-ước Bonard, Quan-thượng Chasseloup Laubat cũng dâng một lá sớ thuật lại những việc Nam-kỳ và nói rõ những cái hại nếu bỏ đất ấy. Rồi gần hết báo chí trong nước đều nỗi lên công-kích việc trả lại Nam-kỳ. Vua Napoléon III bèn xuống lệnh cho sứ-thần Pháp ở Việt-Nam đình việc thương-thuyết và cứ đê hòa-ước 1862 y như cũ. Lệnh ấy đến Saigón, Pháp-súy cho một chiếc tàu đưa liền ra Huế, hòa-ước thành-lập vừa mới đợt sáu ngày.

Lãnh-sự Aubaret sang Xiêm-La làm việc và mấy tháng sau, Pháp-súy Nam-Kỳ mới được cho hay rằng Pháp-đình đã bác hẳn những điều yêu-cầu của Triều-đình nước Nam. Việc mưu chuộc Nam-Kỳ thành ra cái bánh vẽ!

## CHƯƠNG THỨ BA

---

### MẤT BA TỈNH PHÍA TÂY NAM-KỲ

---

**Quân Pháp lấy Vĩnh-long, An-giang, Hà-tiên**

Ba tỉnh phía đông tuy đã thuộc về nước Pháp rồi, nhưng nhân dân còn có ý mong khôi phục, nên thường có những kẻ môt dân nghĩa-dồng kết lại thành đoàn đi chống cự, thua thì lui về tránh ở đất trong ba tỉnh phía tây, quân Pháp đánh dẹp mãi không yên được.

Pháp-súy sai Pari đến kinh xin vua xuống dụ cấm ba tỉnh phía tây môt dân giúp việc chống - cự ở các tỉnh thuộc Pháp. Vua nói : « Người Pháp muốn rằng ta bỏ hẳn dân ta. Biết rằng dân ta ân - hận và không chịu được tình-trạng mới, nên đã nhiều lần ta sai vào bí-mật phủ ủy chúng. Có đoi phẫn-tử đã không nghe lời ta và đã hoạt-động làm cho người Pháp nghi-ngờ và gây ra thiệt-hại cho đồng - bào. Như thế người Pháp có thể kiểm cớ để gây sự với ta và vận - mệnh ba tỉnh phía tây phải hiềm-nghèo. Nếu chúng ta thôi hẳn mọi sự giao-thiệp với ba tỉnh đã mất thì nhân-dân lần lần xa lìa ta, còn không thì sự thế không xếp đặt được. Nhưng để đói phó với sự gấp-gáp, không thể

không tuyệt-giao hẳn với chúng được. Chỉ có cách ấy ta mới có thể giữ được dân ta để đợi ngày giải-phóng chúng được ». Rồi vua xuống lệnh khiếu các quan ba tỉnh Vĩnh, An, Hà không được đề cho những kẻ tự xưng là phiến-biến ở ba tỉnh kia vào đất dai mình; các quan phủ, huyện biết, gấp phải bắt giao lại quan tỉnh, kẻ nào giấu-diếm kẻ phiến-biến sẽ bị tội như chúng.

Xem thế thì vua Tự-Đức tuy hết lòng muốn thu-phục lại ba tỉnh phía tây, nhưng khi ấy vì sợ làm khó-khăn thêm tình-thế, cũng đã không phải là không tuân theo hòa-ước.

Có khi vua tỏ ý muốn đòi ba tỉnh phía tây lấy lại ba tỉnh phía đông hoặc hai tỉnh Biên-Hòa, Định-Tường để cho đất-dai của triều-dinh được liên-tiếp, nhưng các ông Đoàn-Thọ và Trần-tiễn-Thành khuyên can, lấy cớ ba tỉnh phía tây phì-nhiêu hơn nhiều.

Tuy có lời dụ trên kia, trong ba tỉnh phía đông loạn-lạc vẫn tiếp-tục mãi, loạn-lạc ấy có quan dân ba tỉnh phía tây ám-trợ.

Và, từ năm Giáp-tí (1864), nước Cao-môn đã thuộc quyền bảo-hộ của nước Pháp mà ở Sài-gòn sang đó phải đi ngang qua ba tỉnh phía tây Nam-Kỳ. Vì vậy, Súy-phủ ở Sài-gòn muốn chiếm hết đất này cho tiện việc trị-an hai xứ để lập-thành một nơi thực-dân lớn-lao bên này. Bên Pháp-định thì Thượng-thư Hải-quân Chasseloup Laubat cũng có ý lấy trọn đất Nam-kỳ nên năm 1865 đòi Thiếu-tướng Lagrandière về thương-nghị.

Tổng-đốc Vĩnh-Long là Trương-văn-Uyễn xét biết tình-hình, đem tâu lên, vua nghĩ rằng phải có một

người, được người Pháp tín-phục trấn-thủ thì các tỉnh phía tây mới yên được. Các ông Đoàn-Thọ, Trần-tiễn Thành cử Phan-thanh-Giản. Vua bèn sai ông giữ hàm Hiệp-biện bộ Hộ sung chức Kinh-lược ba tỉnh Vĩnh-Long, An-Giang, Hà-Tiên.

Trước khi đi, Phan-thanh-Giản tâu rằng chính-sách ông sẽ theo lề tuân thủ đúng hòa-ước. Vua sắc rằng vua cũng muốn hòa-bình cho dân được yên- ổn, nhưng không nên vì lẽ ấy mà khuất-phục tình-hình một cách thụt-dòng. Vua phán : « Không biết từ đây đến trăm năm nữa, sự-thế sẽ thế nào chứ từ đây đến 10 năm, không thể không như thế được. Các người là những bậc lão-thành có kinh-nghiệm, có thể xét biết khi nào nên dùng phương-pháp thường, khi nào nên dùng phương-pháp bất thường, sao lại cứ dõi với việc gì cũng chịu bẽ thắt-bại như thế ? Phải nghĩ đến cách làm thế nào để phục-hưng... »

Năm Bính-dần (1866, Tự-Đức 19) Súy-phủ Saigon phái tàu đến cửa Thuận-An đưa thư nói rằng ba tỉnh Vĩnh, An, Hà địa-thế xa cách, không tiện cho ta, trộm cướp qua lại, không tiện cho họ, xin cho họ cai-quản luôn để dẹp yên giặc-giã mà ta cũng khỏi trả bạc bồi nữa.

Tháng 9, một viên quan Pháp tên Vial và cố-đạo Dương lại từ Gia-dịnh đến Kinh đài ba tỉnh và lấy việc binh-cách hăm-dọa. Vua hỏi ý-kiến, Đinh-thần tâu xin đổi ba tỉnh phía tây mà lấy lại hai tỉnh Biên-Hòa, Định-tường, người Pháp sẽ không được đặt Lãnh-sự ở Đà-năng, Ba-lat, Quảng-Yên và miễn cho ta hết

thầy số binh-phí. Viện Cơ-mật đề nghị rằng nếu người Pháp dùng vũ-lực chiếm ba tỉnh ấy, thì ta cứ đề họ làm, đừng chống cự lại, để đợi nhân-dân sáu tỉnh nổi dậy, ta sẽ tùy-cơ hành động.

Năm sau, Súy-phủ Gia-định lại sai Hải-quân Trung-tướng Monet de la Marck ra đòi số binh-phí trả chậm và đòi nhường ba tỉnh. Triều-đình ta tiếp đãi Trung-tướng rất lạt-léo và không chấp thuận việc nhường ba tỉnh.

Trong khi ấy, ở Vĩnh-long Phan-thanh-Giản ra sức làm cho người Pháp tin lòng thành-thực của Triều-đình và nhiều lần đề-nghị với họ sự chuộc lại hoặc đổi đất dai.

Năm Đinh-mão (1867, Tự-Đức 20), bên Pháp Hải-quân Trung-tướng Rigault de Genouilly, người đánh Nam-kỳ đầu tiên, lên làm Thượng-thư bộ Hải-quân kiêm thuộc địa, hết sức giúp đỡ cho Thiếu-tướng Lagrandière lấy nốt đất Nam-kỳ.

Tháng ba ấy, ngày 19 (20.6.1867) Lagrandière đem 1.000 lính và nhiều chiến-thuylaen đến bến tỉnh thành Vĩnh-long, sai người mòi Phan-thanh-Giản đến nói chuyện, lại đưa thư nói năm ngoái họ xin giao ba tỉnh để hậu-tỉnh giao-hiếu lâu dài, nhưng ta trở ngại nên việc không thành, vì thế người trong lục-tỉnh thường thường trở ngạnh đến nỗi nay phải dùng binh, thiệt có thương-tồn đến tình lân hiếu của hai nước. Quan Kinh-lược vội vàng cùng Án-sát Võ-doãn-Thành xuống tàu biện-thuyết, nhưng bàn nói thế nào Thiếu-tướng cũng không nghe. Ông Phan vốn tuân theo lệnh bắt đền-kháng của Triều-đình nên ông xin quân

Pháp đừng nhiều hại nhân-dân, tiền lúa trong kho xin để quân ta coi sóc. Thiếu-tướng thuận cho. Ông Phan vừa về thì quân Pháp tiến theo bốn mặt vào thành chiếm cứ.

Thiếu-tướng bèn chia binh-thuyềն, sai Hải-quân Trung-tá Galey đến lấy tỉnh thành Ang-giang (ngày 20 tháng 5 năm Đinh-mão) và tỉnh thành Hà-tiên (ngày 25) quan ta đều không chống cự, các quan tỉnh đều bị đưa về tỉnh thành Vĩnh-long.

Thiếu-tướng giao cho Đại-tá Reboul đóng quân ở Vĩnh-long giữ ba tỉnh, rồi sai thông-ngôn là Le grand de la Lyraye đi tàu ra Thuận-an báo tin cho Triều-dinh ta biết.

Phan-thanh-Giản đem tiền, lúa hiện còn của ba tỉnh (trị giá 100 vạn đồng) khấu sổ bạc bồi năm ấy cho người Pháp, rồi bắt đầu tuyệt-thực.

Ông lại viết một lá sớ để lại để dâng về Kinh cùng Triều-bào, Ấn-triện, Sắc-băng, rồi một hôm, ngoảnh mặt về phía bắc lạy năm lạy, xong, uống thuốc độc mà tự-tận. Sờ ấy dịch rằng :

« Ngày nay gặp lúc khốn-khổ, việc dữ khởi ở trong nước, khi xấu hiện ở biên-thùy. Nam-kỳ chốc-lát đến như thế ấy, cái thế không thể ngăn trở được. Theo nghĩa làm tôi, tôi phải chết, không được lây-lắt cầu sống mà để hổ thẹn cho vua. Hòa-thượng thấu-suốt việc xưa việc nay, xét rõ mỗi trị, mỗi loạn, người thân kẻ hiền cùng đồng lòng giúp đỡ, kính cần phép trời, vỗ thường người cùng khổ, tính trước lo sau, tùy nghi thay đổi, cái súc-

*lực còn có thể làm được việc. Tôi sắp chết, nghẹn-  
ngào không biết nói gì, chỉ tuôn nước mắt, tò lòng quyến  
luyến, trông mong khôn xiết. »*

Tin mất ba tỉnh về đến Kinh làm cho vua quan ta rất tức giận. Triều đình viết thư cho Pháp-súy xin giao trả binh khi còn trong ba tỉnh và xin nhượng ta lại tỉnh Biên-hòa và một phần Sài-gòn để đền bù sự lỗn-thất nặng-nề của ta.

Ông Phan - thanh - Giản là một vị thượng quan trong số rất ít ở Triều đình thuở ấy, đã hiểu cái văn-minh mới và sức-lực của người Tây. Ông biết rằng ta không thể chống cự nổi với kẻ địch, nên trước sau ông chỉ khuyên hòa. Tuy ý kiến ấy trái với ý vua Tự-Đức và phần đông triều thần, nhưng trong việc ngoại-giao hẽ gặp việc khó khăn, gặp lúc bối rối thì các quan lại cứ ông mà vua cũng phải dùng. Ông làm quan trải ba triều vua, bấy giờ đã 74 tuổi. Tài ấy, tuổi ấy, nhưng chẳng may gặp vận nước gian truân, mình lâm vào cảnh khó xử, phải trải tấm lòng son cho vua thấy rõ, để lại cho lịch-sử ta một tấm gương trung-nghĩa sáng sủa muôn đời. Thế mà thảm-thiết thay, năm Mậu-thìn (1868) nghị tội các quan can dự vào việc mất Nam-kỳ vua Tự-đức dù rằng : « Sáu tỉnh Nam-kỳ ban đầu vì Nguyễn-tri-Phương, Tôn-thất-Cáp, Phạm-thể-Hiển-Nguyễn-bá-Nghi tiêu-phòng không hết sức, rồi đến Phan-thanh-Giản, Lâm-duy-Hiệp nghị-hòa khinh bỏ, sau khi Phan-thanh-Giản, Trương-văn-Uyễn, Nguyễn-hữu-Cơ và Trần-Hoàn nhơn tuần nhắc-nhớn nên đến nỗi mất cả sáu tỉnh » rồi định tội hai ông Phan-thanh-

Giản, Lâm-duy-Hiệp đều truy-đoạt chức hàm, đục tên trong bia Tiến-sĩ, ghi tội « trảmg iam hậu » đời đời. Ôi ! Kẻ đọc sử, đọc đến đây không ai khỏi ngậm-ngùi, rồi ta oán cho cái chế-độ quá ư khắt khe, của thời xưa. Mãi đến năm Bính-tuất (1886) vua Đồng-Khánh mới khôi phục nguyên-hàm cho hai ông.

Năm Mậu-thìn, tháng chạp (Janvier 1868), vua Tự-Đức còn mưu dùng ngoại-giao để yêu cầu một lần nữa về đất dai Nam-kỳ. Vua sai Trần-tiến-Thành (ông có xin cho Bang-biện Nguyễn-văn-Tường và Cửu-phẩm Nguyễn-đức-Hậu đi theo) vào Gia-dịnh xin Pháp-súy để cho quan Nam cai-trị nhân dân sáu tỉnh, thu thuế theo ngạch thuế người Pháp định rồi nạp lại cho nước Pháp, hoặc ít nữa, giao lại cho nước Nam tỉnh Biên-hòa. Thiếu-tướng Lagrandière không thuận, chỉ hứa sẽ miễn cho Triều-đình ta một phần lớn của số binh-phi còn thiếu mà thôi.

Vua Tự-Đức định sai một sứ-bộ do Lê bộ Thượng-thư Nguyễn-văn-Phong cầm đầu sang Pháp, nhưng sau vì Nguyễn-văn-Tường cũng dự vào sứ-bộ ấy dâng sớ tâu bầy sự vô-ích, nên vua chỉ gửi thư sang Chánh-phủ Pháp để kêu nài mà thôi. Trong mắt vua quan ta bấy giờ, sáu tỉnh Nam-kỳ chưa phải đã là mất hẳn. Vì đó, Triều-đình ta cũng gắng tỏ thái-độ thân-thiện với người Pháp, và nuôi cái chí khôi-phục lại đất dai một ngày kia.

Khi nghe tin có sự ngoại-giao thất-hòa giữa Pháp-Đức, chính vua có ý sai người qua Hương-cảng và Tân-gia-ba để hỏi han về tình-hình Âu-châu và viết những bài đăng lên báo ở hai xứ ấy để tỏ sự bất-bình của dân

Nam dối với công-cuộc của người Pháp ở Nam-kỳ cho hoàn-cầu được biết.

Đầu năm Canh-ngo (1870), có Sứ-thần I-pha-nho đến Huế, các ông Nguyễn-tri-Phương và Trần-tiễn Thành hỏi dò ý-kiến xem nước Ý có thể giúp ta thu-phục Nam-kỳ không, nhưng hai ông lâu lại với vua rằng không thể trông cậy gì ở nước này được.

Cuộc Pháp-Đức chiến-tranh xảy ra. Súy-phủ Nam-kỳ báo cho triều-dinh ta biết. Vua đáp thư cầu chúc thắng-lợi cho nước Pháp.

Nhưng bấy giờ sự loạn-lạc ở Bắc-kỳ không dễ cho vua rảnh rang mà mưu tính việc gì.

Đến khi biết rằng Pháp-hoàng Napoléon III bị thất-bại, vua sai viết thư cho Pháp-súy ở Gia Định là tướng Cornulier (1) cầu chúc cho nước Pháp ra khỏi cơn biến-cố một cách tốt đẹp, rồi nói rằng nếu Pháp-súy phải đem quân lính về gấp để giữ Tô-quốc thì xin thương-lượng để giao lại sáu tỉnh Nam-kỳ cho chẵng có việc gì xảy ra có thể thiệt-hại đến tình hòa-hảo của hai nước. Tướng Cornulier trả lời lại vua Tự-Đức rằng ông rất vững chãi trong thuộc-địa ông, có đủ lực-lượng để giữ-gìn nó và vẫn được chánh-quốc tiếp-tế thường-xuyên như trước.

---

(1) Thay cho tướng Ohier, tướng Ohier đã thay thế De Lagrandière.

## CHƯƠNG THỨ TƯ

---

### QUÂN NGHĨA - ĐÔNG Ở NAM - KỲ

---

Từ khi thành Gia-dịnh thất thủ, nhiều kẻ thân hào trong sáu tỉnh Đồng-nai hoặc quan lại Triều-định, đứng ra hiệu-triệu quân-chủng giúp người, giúp của để chống đánh kẻ xâm-lăng.

Những đoàn nghĩa-quân kết thành, hoặc lấy danh-hiệu « Cần-vương » hoặc « binh-tây sát tả » hoặc « dân-chủng tự-vệ » đi đánh phá quân Pháp khắp nơi.

Kịch-liệt hơn cả trong những kẻ cầm đầu phong-trào kháng-chiến lúc ấy là Trương-định, Nguyễn-trung-Trực, Nguyễn-hữu-Huân và Võ-duy-Dương.

Trương-Định, người tỉnh Quảng-nghĩa (con quan La-bin Trương-cầm), vốn có công trong việc lập đồn-diền do ông Nguyễn-tri-Phương chủ.trương nên được thụ-chức Phó quản-cơ. Thành Gia-dịnh thất-thủ, ông chiêu-mộ nghĩa-quân chống đánh quân Pháp. Trong cuộc kháng-dịch ở đồn Kỳ-hòa, ông lập được công lớn nên được thăng hàm Phó Lãnh-bin.

Đồn Kỳ-hòa thất-thủ, quan-quân rút về Biên-hòa, ông Trương-Định đem quân về hoạt-dộng ở vùng

Chợ-lớn, Tân-an, Gò-công, Triều-dinh thăng ông chức Lãnh-binhh tỉnh An-giang, nhưng ông không chịu nhận chức mới, quyết tâm tiếp tục kháng-chiénn. Ông chiêu mộ được nhiều dân dõng và nghĩa-quân các nơi cũng nhiều nhómm theo ông. Vào khoảng tháng 8 năm Tân-Dậu (1861), số ấy lên đến vạn người, ông đem đánh Pháp, nhiều lần thắng trận. Thấy ông cương-quyết chống-dịch, vua Tự-Đức mật phong ông chức Bình-Tây Đại Nguyên-súy, nhờ đó dân-chúng càng hưởng-ứng đông thêm.

Nguyễn-trung-Trực, tên thiệt là Nguyễn-văn-Lịch, người Tân-an, vốn làm nghề chài lưới và cầy ruộng, cầm đầu nghĩa-quân ở vùng Tân-an, Rạch-giá từ năm Canh-thân (1860).

Nguyễn-hữu-Huân, người tỉnh Mỹ-tho, đỗ thủ-khoa, cầm đầu kháng-chiénn ở Mỹ-tho, Tân-an. Sau ông bị bắt, rồi dãy sang đảo Réunion. Sau khi hòa-ước Giáp-Tuất (1874) nhưong luôn ba tỉnh phía tây cho Pháp, ông được ân-xá, về nước, năm 1875, ông lại kéo cờ khởi-nghĩa, đánh Pháp mấy trận ở Mỹ-tho. Nhưng chỉ hoạt-động mấy tháng, ông bị bắt và đem hành hình ở chợ Bến-thành, bấy giờ ông chỉ 35 tuổi.

Võ-duy-Dương tức Thiên-đô-Dương, là một nông-dân, vốn là bộ-tướng của ông Trương-Định. Ông Định chết rồi, ông tiếp tục kháng-chiénn, lấy Đồng-tháp-Mười làm căn-cứ. Đây là một khu đồng ruộng mông-mênh, bùn lầy, lau sậy, từ đây nghĩa quân tỏa ra đi đánh các đồn Pháp các nơi. Thấy ông có công, vua Tự-Đức mật phong ông làm Lãnh-binhh.

Hai người con ông Phan-thanh-Giản là Phan-thanh-

Liên Phan-thanh-Tôn lãnh đạo phong-trào khánh chiến ở Vĩnh-long, Sa-déc, Trà-vinh, Bến-tre (1). Xin kê sơ qua sự hoạt-động của nghĩa-quân : Tháng 5 năm Tân-Dậu (1861), ông Đỗ-trình-Thoại tức Huyện-Thoại đem 600 người đến đánh quân Pháp ở Gò-công, đòn trưởng là Vial bị trọng thương.

Đồng thời, nghĩa-quân đánh phá kịch-liệt các đồn Pháp ở Mỹ - tho và trên đường bộ Sài-gòn — Biên-hòa một người cầm đầu là ông Phủ Cận bị quân Pháp bắt.

Tháng 11 năm ấy, ông Nguyễn-trung-Trực và đồng đảng dùng mưu đốt được chiếc tàu Espérance (11-12-1861) của Đô - đốc Bonard phái xuống đậu ở vịnh Nhật-tảo (Bến-lức) và giết được nhiều thủy - thủ của tàu. Từ đó danh tiếng ông nổi dậy và ông mở rộng phạm-vi hoạt-động ra nhiều nơi, nên được vua Tự-Đức mật-phong hàm-chức Lãnh-binh.

Năm Nhâm-tuất, (1862) Trương-Định đến đóng đồn ở Gò-công, phòng-thủ vững chãi rồi đốc-xuất quân-sĩ đi đánh phá.

Sau khi kí hòa - ước Nhâm - tuất nhượng ba tỉnh phía đông Nam-Kỳ, vua theo lời xin của người Pháp, xuống dụ Nam-Kỳ nghỉ binh và đòi Trương-Định ra Phú - yên. Sĩ dân rất tức giận, đồn lối cho hai ông Phan-thanh-Giản, Lâm-duy-Hiệp đã ký hòa - ước bán nước và trách Triều-dinh bỏ nhàn-dân. Câu đối « Phan,

---

(1) Về sau thất bại, hai ông này ra Bắc - Kỳ theo ông Nguyễn-tri-Phương.

Lâm mãi quốc, Triều-dinh khi dân » (1) truyền khắp các thôn, xã.

Nghĩa-quân các tỉnh Gia-dịnh, Định-tường, Biên-hòa rủ nhau tôn Trương-Định làm đầu-mục, xin cho ra đánh, nhưng định-thần thấy việc Bắc-Kỳ đương gấp mà ở Nam-Kỳ thì chưa có đại-hội mưu-tinh được, nên sai Phan-thanhan-Giản đem lẽ ấy hiêu lại họ. Trương-Định không chịu về cung chức, ông Giản nhiều lần khuyên nhủ, nhưng ông thè không cùng địch đồng sống. Nhân-dân ứng-nghĩa sáu tỉnh Nam Kỳ dưới cờ Trương-Định, cứ tiếp-tục chống-cự. Pháp-súy dụ dỗ, Định cũng không chịu khuất. Phan-thanhan-Giản xin vua sắc dụ, vua nói với thị-thần rằng : « Nhân-dân như thế, cũng giúp một phần sự mưu-dồ của ta, có lẽ nào cứ nhất nhặt răn dụ sao ? ».

Trong các trận nghĩa-quân làm cho Pháp thiệt-hại nặng, xin kể thêm trận Rạch-tra, quân-dịch nhờ có Đại-ý Thuroude và tên lính Vidal ra sức chống đỡ, phải bị giết mới cứu cho quân-sĩ cả đồn thoát chết, và trận Thuộc - nhiều (ở giữa Mỹ-tho, Cây-mai) viên sĩ-quan giữ đồn là Đại-ý Taboule và quân lính đã bị công-kích rất thảm-thiết.

Thấy những cuộc âm-mưu của nghĩa-quân càng ngày càng nhiều, Đô-dốc Bonard phải tự xin viện-binh với Thiếu-tướng Jaurès đóng ở Tàu. Ông này đưa sang nửa đại đội pháo thủ người Algérien và một đại đội bộ binh người Châu-Phi, còn người I-pha-nho từ Manille tiếp sang 800 quân nữa. Có viện-binh này, Thiếu-tướng

---

(1) Ông Phan, ông Lâm bán nước, Triều đình bỏ dân.

mời sai giải vây cho thành Biên-hòa và chiếm con đường Bến-lức, rồi đi đánh Gò-công. Quân tây đã phải sắp đặt chầu-dáo và dùng toàn lực để đánh diệt thế-lực Trương-Định. Trước hết, họ đánh phá các đồn lũy của nghĩa-quân xây dựng ở xung quanh Gò-công rồi do đường thủy và đường bộ vây bọc khắp bốn mặt, có nhiều tàu thủy dự chiến. Ngày tháng giêng năm Quý-hợi (25.2.1863) quân Pháp công-kiếm Gò-công, biết họ đông quá, nghĩa-quân phải bỏ chạy.

Đuối Trương-Định rồi viện-binh ở Tàu đưa sang và hết thảy quân lính I-pha-nho mới trở về nước. Trương-Định về ở trên mẩy hòn đảo bùn lầy ở vèm sông Soài-Rạp và Đầm-trang, tục gọi là khu « Đám-lá tối trời », thuộc tỉnh Biên-hòa, nơi ấy có đường thông ra biển và ra Bình-thuận. Bị tấn-công, ông lại rút về Tân-an, Chợ gạo. Ngày 19-8-1864, ông về trú ở làng Kiến-phước, đêm ấy ông bị một tên bộ-hạ là Huỳnh-công-Tấn, đã đầu hàng Pháp đem quân đến vây, bắn chết ông. Năm ấy, ông 44 tuổi.

Nhưng nghĩa-quân vẫn tiếp-tục công việc, hiệu-riệu quân-chúng, chiêu-mộ dân dồng, xây nhiều đồn-lũy và tích-trữ lương-thực ở trong đồng bằng ở phía tây bắc Mỹ-tho. Quân Pháp lại lo đánh dẹp miền này họ cho ba đạo quân do ba đường đến họp ở Tháp-mười, đánh chiếm đồn ta (16-4-1865), lấy được nhiều khí giới.

Tháng tư năm 1866, Đô-Đốc Lagrandière đem 5.000 thủy, lục-quân và đại-bác, chiến-hạm tấn-công Đồng-Tháp-Mười, Thiên-hộ-Dương phải rút đi. Ông

lại mang tàn quân đi đánh Mỹ-tho, Cao-lãnh, Cai-lậy. Cuối năm ấy (1866), ông mắc bệnh rồi mất.

Con ông Trương-Định là Trương-Huệ, sau khi cha chết, đem quân về Tây-ninh, liên-kết với Phu-cầm-Bồ cháu vua Cao-mên, chống đánh quân Pháp. (1).

Ba tỉnh phía tây Nam-kỳ mất rồi, nghĩa-quân cũng tiếp-tục kháng-chiến. Tháng 8 năm Đinh-mão (1867), Đại-úy Levillain và một toán lính tập phái đương đầu với một toán nghĩa-quân ở Sóc-trăng. Tháng 9, Đại-úy Robin và mấy người lính ở rạch Cầu-Ngang lên bộ bị nghĩa-quân công-kích gắt-gao. Trung-tá Ansart đuổi địch đến làng Ba-tri, ban đêm bị nghĩa-quân lén đánh. Vào khoảng ấy chung-quanh Châu-đốc cũng có mấy cuộc bạo - động của nghĩa-dân nhưng đều bị quân Pháp đàn-áp ngay.

Giữa năm sau (Mậu thìn 1868) Nguyễn-trung-Trực đem quân đến chiếm đồn Kiên-giang (Rạch-giá) tháng 6 năm 1868) và giết viên Tỉnh trưởng Pháp và ba chục quân giữ đồn, Trung-tá Ansart ở Vĩnh-long sang chiếm lại đồn. Ông Nguyễn-trung-Trực và hơn ba trăm nghĩa-quân phải rút về Hòn-Chồng, rồi chạy ra đảo Phú-quốc, quân Pháp đuổi theo bắt đưa ông về Sài-gòn. Đô-Đốc Ohier dù dỗ ông, nhưng ông nhất

---

(1) Sách Đại-Nam Nhất-thống-chí chép: năm thứ 21 đời Tự-Đức, Phiên-thần (tỉnh Quảng-Nghĩa) là Trà-qui-Bình tâu rằng cha con Trương-Định đều trung-nghĩa... Vua chuẩn cấp năm mươi tư-diền để tộc-thuộc thờ-phụng hai ông; năm thứ 24, Vua sai lập đền thờ ở làng sở-tại.

định không chịu khuất, bị đem bắn ở Rạch-giá (27-10-1868).

Năm 1869-1870, ông Phan-Tòng khởi binh ở Hóc-môn, Gò-vấp, Ba-tri.

Năm 1872, ở các tỉnh Vĩnh-long, Cần-thơ, Long-xuyên, quân Cần-vương nỗi dậy khắp nơi.

Hòa-ước Giáp-Tuất (1874) ký rồi, nghĩa-quân vẫn tiếp-tục hoạt-động.

Năm 1874, 1875, các ông Đoàn-công-Bửu, Nguyễn-xuân-Phụng khởi binh ở Trà-Vinh, Lê-tấn-Kế, Trần-Bình khởi binh ở Bá-động.

Năm 1885, ông Quản-Hớn, ông Nguyễn-văn-Bường khởi binh ở Bà-diêm, Hóc-môn.

Trận đánh nổi tiếng nhất là trận ở thôn 18 vườn trầu, thường gọi là trận Thập-bác phù-viên, trong đó nghĩa-binh bị vây đánh, 70 người cùng nhau thè đánh tới chết, và họ đã giữ lời thề.

Trong các thân-hào khởi-nghĩa ở Nam-kỳ có Cử-nhơn Phan-văn-Đạt và Hương-thân Lê-cao-Dồng bị người Pháp bắt được. Đạt to tiếng mắng người thù, Đồng ngậm miệng lay đầu không chịu để chúng đồ thuốc mê, đều bị giết chết. Vua truy-tặng Đạt hàm Tri-phủ, Đồng hàm Suất-đội, sức làng nguyên-quán lập nhà thờ và khiến Sử-quan cứu kỹ việc ấy ghi vào sách sử để khuyến thần-dân đời sau.

## CHƯƠNG THỨ NĂM

---

### NGƯỜI PHÁP TỒ-CHỨC VIỆC CAI-TRỊ Ở NAM - KỲ

---

Từ năm 1859, vì chiến tranh, nhân-dân thành phố Sài-gòn bỏ đi gần hết. Ba nghìn người Việt-Nam theo Thiên-chúa-giáo ở Đà-nẵng và ở quanh Sài-gòn đến ẩn nấp bên cạnh bờ-đội, Pháp hợp thành số dân Việt đầu tiên của thành phố này. Năm 1859, Thiếu-tướng Page đặt ra luật-lệ cảnh-sát thành-phố và quan thuế. Cuối năm này, con đường đầu tiên được vạch ra, do thủy-thủ tàu Catinat, nên sau giữ tên ấy (nay là đường Tự-do). Ngày 2-2-1860, Thiếu-tướng mở hải-cảng Sài-gòn cho việc thông thương, tàu thuyền bắt cứ nước nào được đi từ Cap Saint Jacques lên sông Sài-gòn dưới sự che chở của Pháp.

Hải quân Trung-tướng Charner lấy được Gia-định, Định-tường rồi thì lo sắp đặt việc cai-trị các tỉnh Nam-kỳ. Ông đặt một vị quan Pháp làm Tối-cao Quản-đốc việc cai-trị bản-xứ (Directeur Supérieur de l'Administration indigène) và lập ra một ngạch Sĩ-quan cai-trị người Pháp, gọi là Quản-đốc các việc bản-xứ (Directeur des Affaires indiennes) ở dưới quyền kiêm-soát của quan

Tối-cao Quản-đốc, để thay các viên Phủ, Huyện cũ mà  
chăm-sóc nhân-dân, xử kiện, đánh dẹp trộm cướp và  
nghiên-cứu phong-tục, chế-độ bản xứ.

Thiếu tướng Bonard sắp đặt lại một cách khác, ông  
biết rõ đời sống người Việt-Nam, sức mạnh của những  
truyền-thống, sự vững chãi của xã-thôn ở xứ này, nên  
chủ-trương duy-trì những luật-pháp và phong-lục cũ,  
lợi dụng những kinh nghiệm của guồng máy cai-trị sẵn  
có và trong mọi phạm-vi, chỉ thay đổi rất ít. Vì vậy,  
ông đặt lại các chức Phủ, Huyện, giao họ trực tiếp  
chăm nom dân chúng, một số sĩ quan Pháp làm Thanh-  
tra (Inspecteur des affaires indigènes) kiêm-soát công  
việc của họ, người Pháp không xen vào những việc  
hành-chánh lặt-vặt. Ông còn muốn lập lại khoa-cử  
thời xưa nữa.

Giúp Thiếu-tướng Bonard thực-hành chánh-sách  
ấy, có một nhóm người có khả-năng đặc-biệt như các  
ông Luго, Philastre, Aubaret, giáo-sĩ Legrand de La  
Liraye. Các ông này đều hâm-mộ nền văn-hóa của Việt-  
Nam và muốn rằng người Pháp phải am-hiều tƣờng-tận  
xứ này mới thành-công trong việc cai-trị được. (1)

Nhưng bấy giờ, giới sĩ-phu không chịu hợp-tác với  
người Pháp, những người khá đều lẩn tránh, nên các  
Phủ, Huyện Bonard bồ-nhiệm là hạng người tầm thường,

---

(1) Để giúp cho mục-dich ấy, lớp người này đã thực hiện  
nhiều công-việc hữu-ich về văn-hóa : Ông Aubaret, với ông Phi-  
lastre đã dịch bộ Luật Gia-Long ra tiếng Pháp, ông Aubaret đã  
dịch bộ Gia-định thông-chí ra tiếng Pháp. Cha De la Liraye viết  
Notices sur la nation annamite, ông Luro viết Cour D'administra-  
tion annamite.

không có uy tín trong dân-chúng, khiến chánh-sách của Thiếu-tướng không có hiệu-quả tốt.

Thiếu-tướng Lagrandière sang thay Đô-đốc Bonard cũng gặp sự khó-khăn về nhân-sự ấy, nên buộc phải dùng cách cai-trị trực-tiếp ; cách ấy giữ mãi đến sau này. Sở Thanh-trá các việc bản-xứ (Inspecteur des affaires indigènes) được tăng thêm, lấy sĩ-quan ngạch Hải-quân mà bổ-nhiệm, để thay thế các Phủ, Huyện người Việt-Nam 1864, Thiếu-tướng lập ở Sài-gòn nha Nội-vụ để làm căn-bản cho các việc sắp-dặt cai-trị. Đồng thời, Ông lập trường dạy chữ quốc-ngữ và chữ Pháp ở những nơi đông dân cư, định các ngạch thuế và bắt đầu định ngân-sách cho Thuộc-địa.

Hải-cảng Sài-gòn đã mở thông-thương từ năm 1860. Phép tài-phán về hộ-vụ do sắc-lệnh ban-bổ năm 1864, những tòa-án Pháp lập lên. Năm 1866, cuộc đấu-xảo đầu tiên trưng-bầy sản-vật về canh-nông và kỹ-nghệ Năm 1869, đặt Hội đồng Tư-vấn.

Việc chinh-phục và quân-sĩ chiếm đóng đã tốn mất 10 năm. Đến khi đánh dẹp xong, sự cai-trị vẫn giữ tinh-cách nhà binh. Quan cai-trị nắm cả quyền cai-trị, tài-chính và binh-bị.

Chế-độ Thủy-sư Đô-đốc làm Toàn-quyền này bắt đầu từ năm 1863, viên Đô-đốc thực-thụ chức Toàn-quyền đầu tiên là ông De Lagrandière, — và kéo dài đến năm 1879.

Năm ấy, ở Pháp, Hải-quân Trung-tướng Jaurégui-berry lên làm Thượng-thư bộ Hải-quân và Thuộc-địa, bỏ cách cai-trị bằng quan võ, lấy quan văn thay vào. Vì

Thống-đốc quan văn đầu tiên của Nam-kỳ là ông Le Myre de Vilers.

Từ năm ấy, hình-luật Pháp sửa đổi sơ lại đem thi hành cho xứ này,

Năm 1880, Hội-đồng Thuộc-địa Conseil Colonial thành lập, gồm có 12 hội-viên Pháp và 6 hội-viên Việt. Năm 1886, con đường xe lửa đầu tiên Sài-gòn—Mỹ-tho làm xong.

Từ ban đầu, Nam-kỳ là một thuộc-địa riêng biệt đặt dưới quyền một vị Toàn-quyền trực-thuộc bộ Hải-quân và Thuộc-địa Pháp (còn Trung, Bắc-kỳ, đất bảo-hộ, thuộc bộ Ngoại-giao). Đến năm 1887, sắc-lệnh ngày 17 tháng 10 của Tổng-thống Pháp đặt Nam-kỳ, Trung-kỳ, Bắc-kỳ và Cao-môn dưới quyền binh của một vị Toàn-quyền, thuộc bộ Thuộc-địa, thay mặt nước Pháp mà định đoạt mọi việc. Viên Toàn-quyền đầu tiên là ông Constans.

## CHƯƠNG THỨ SÁU

---

### NGƯỜI PHÁP MƯỚI BÀNH - TRƯỞNG THẾ-LỰC RA Ở BẮC-KỲ

---

Jean Dupuis (sách ta gọi là Từ-phổ-nghĩa)  
gây việc ở Bắc-kỳ

Chiếm ba tỉnh phía đông Nam-kỳ rồi, người Pháp mưu lấy đất này làm đầu đường thủy-bộ qua Tàu. Năm Bính-dần (1866), Pháp-súy Lagrandière sai Hải-quân Trung-tá Doudart de Lagrée, Hải-quân Đại-uý Francis Garnier và mấy người nữa đi thám-hiểm sông Cửu-long (Mékông). Sau ngót hai năm, đoàn sai phái mới đến Vân-nam và thấy rằng sông ấy không thể nào làm đường qua Tàu được. Pháp-súy Dupré bèn đề ý đến sông Hồng-hà (Fleuve rouge) ở Bắc-kỳ, định dùng vào việc ấy.

Bấy giờ có một người Pháp tên gọi Jean Dupuis, nguyên năm 1860 theo quân Anh-Pháp sang đánh nước Tàu, rồi ở lại đấy buôn bán. Nhơn tỉnh Vân-nam có giặc Hồi-hồi, Jean Dupuis xin quan Tống - đốc cho đem khi-giới đến bán, rồi lấy kẽm Vân-nam, Jean Dupuis biết sông Hồng - hà là một đường đi

tiện lợi, muốn mưu mượn để qua Vân-nam. Y cũng biết việc ấy khó, vì trong Pháp-Nam hòa-ước Nhâm-tuất, người Pháp chỉ được buôn-bán ở ba cửa biển Đà-năng, Ba-lạt, Quảng-yên, còn sông Hồng-hà thì chưa khai-trương, nên đầu năm 1872, y ở Paris mua hàng, có đến xin Bộ-trưởng bộ Hải-quân là Pothau giúp sức, ông trả lời : « Hiện nay quân Đức chưa ra khỏi đất Pháp, chính-phủ không thể công-nhiên giúp ông được, nhưng chúng tôi giúp riêng ông được chừng nào hay chừng nấy, nếu ông đủ sức đi lướt qua thì tốt, nếu ông hoặc người của ông bị giết chúng tôi không can-dụ ». Trong một bức thư đề ngày 9-4-1872 gửi cho Toàn-quyền Nam-kỳ, ông cũng nói : Nếu cờ Pháp che-chở cho những cuộc kinh-doanh như thế sẽ có nhiều điều bất tiện ». Trở qua Viễn-đông, Jean Dupuis vào Nam-Kỳ cầu cạnh Pháp-Súy bấy giờ là Lục-quân Thiếu-tướng d'Arband, Thiếu-tướng có có hứa sẽ không bỏ y, và hàng tháng sẽ có tàu thủy liên-lạc với y.

Năm Nhâm-thân (1872), tháng 11, Jean Dupuis và một người Pháp tên Millot (buôn bán ở Thượng-hải), một người Tàu tên Lý-ngọc-Trì, tự xưng là Tri-phủ và đại-diện của Tống-dốc Vân-nam, từ Hương-Cảng đem ba chiếc tàu hơi là Hồng-giang, Lao-kay, Sơn-tây chở súng đạn (7.000 súng trường, 30 khẩu đại-bác, 15 tǎn đạn dược) đến Hải-phòng, rồi định do sông Hồng-hà lên Vân-nam, ông Lê-Tuấn làm Khâm-sai Thị-sư không cho đi. Bấy giờ Pháp-Súy có phái tàu Bonrayne đi tuần phòng bờ biển tàu này do Hải-quân Trung-tá Senez chỉ-

huy dương đậu ở biển Bắc-Kỳ, Trung-tá Senez mời ông Lê-Tuấn xuống tàu ăn cơm và nói giúp cho Jean Dupuis, khoe-khoang lợi ích của sự khai-thương : «...nhờ đó lùn bè Âu-châu lui tới, loạn lạc sẽ tắt mất, cướp bóc sẽ dẹp yên, được thế, công quĩ không tổn kém gì hết, mà chỉ tăng thêm thì có... » Lê-Tuấn trả lời xin đợi vài mươi hôm, có lệnh Triều-dinh sẽ hay, chứ ông không dám tự-tiện. Jean Dupuis nói ngay rằng, nếu trong 15 ngày mà Triều-dinh không trả lời ngay là không cho phép, y cũng đi.

Sau 15 ngày, không thấy tin tức Jaen Dupuis và Millot đem tàu đi. Tàu Jean Dupuis đến Hà-nội, quan Khâm-mạng Nguyễn-tri-Phương nhất định không cho đi. Jean Dupuis nói y có giấy của quan Tông-đốc Vân-nam thì nước Nam phải tuân theo, vì nước Nam thần-phục nước Tàu. Nguyễn-tri-Phương nói quan Tông-đốc Vân-nam không có quyền phép gì truyền-lệnh cho nước Nam được, còn việc thông-thương ở sông Hồng-hà thì chưa định trong hòa - ước. Nhưng Dupuis không nghe, sau quan ta phải nhờ Giám-mục Puginier ở Kẻ-sở lên bàn nói, Jean Dupuis và Millot phải để tàu ở Hà-nội và thuê thuyền chở hàng lên lênh Vân-nam, đi ngang qua các đồn của ta, của quân Cờ - đen, Cờ-vàng đều được vô sự.

Sau bốn tháng, hai người chở khoáng - vật trở về Hà-nội (30-4-1873), đem một mớ lính Cờ-vàng về theo và đưa lên quan ta một bức thư của quan Tông-đốc Vân-nam xin đừng ngăn trở việc của Dupuis. Dupuis đóng tại Phố-Mới ngày nay, cùng mấy người Tàu là

Bình - lợi - Ký, Quan - tá - Đinh mua gạo muối để chở lên Vân - nam. Jean Dupuis hành động như một người của thắng - quốc ở trong bại - quốc, (1) quan ta lấy làm khó chịu nhưng không dám phản - đối vì sợ sinh việc rắc - rối khác chăng. Thuở ấy nước ta có lệnh cấm chở muối sang Tàu, nên thấy Jean Dupuis định chở đi mà chở trên sông Hồng - hà, quan ta lấy lời dịu ngọt can y, sau nhờ Giám - mục Puginier lên can, y đã không nghe, lại hăm dọa bắt cả quan thuyền ta nếu tàu y không lên sông Hồng - hà được. Quan Khâm - mạng Nguyễn - tri - Phương làm tờ hiểu - thị nhân - dân không được bán muối cho Jean Dupuis là bọn Georges Vlaveanos lột tờ ấy che lọng đưa đi khắp phô, rồi nhóm lửa đốt cả tờ niêm - yết và lọng. Rồi quan ta có yết - thị gì thì bọn tùy - tùng của Jean Dupuis cũng kiém mà lột đi.

Triều - đình ta đã gửi thư cho Nguyễn - súy Nam - kỵ xin thu xếp việc Jean Dupuis và tư sang Tông - đốc Lưỡng - Quảng xin xử tri việc Bành - lợi - Ký, Quan - tá - Đinh nhưng chưa thấy trả lời, viện Cơ - mật tâu xin sai xiềng hai người khách này giao tỉnh Sơn - tây nghiêm cấm để Jean Dupuis không có võ - lực may bót việc chăng. Vua dạy giao Nguyễn - tri - Phương xét kỹ mà làm cho phải. Quan ta bèn bắt Bành - lợi - Ký, Quan - tá - Đinh và lôi chở muối lên Vân - nam, Jean Dupuis cũng bắt quan Phòng - thành Hà - nội đem xuống tàu giam lại. Quan ta

---

(1) (Jean Dupuis) se conduit au Tonkin comme en pays conquis. (Trích thư của Nguyễn - Súy Nam - Kỵ là Dupré gửi cho quan Lãnh - sự Pháp ở Viễn - Đông ngày 23-6-1873).

mời Jean Dupuis đến hội ở hội-quán Quảng-đông để trách những việc ngang trái của y, y ngắt lời nói rằng không cho được trách như thế, y đã được quan Tàu cho phép ở Bắc-kỳ cũng như Triều-dinh Huế được quan Tàu cho phép ấy vậy, rồi đứng dậy ra về. Một hôm, gặp một viên quan ta đi vắng, Jean Dupuis bắt đánh rồi đập phá cái vồng tan tành. Bọn tùy-tùng Jean Dupuis ra đường gặp người nào chúng tưởng là quan, lại, lính chúng cũng bắt đánh như thế hoặc giam lại. Một chiếc ghe chở gia-quyền bốn người bà con của Hoàng-tá-Viêm từ Sơn-tây đến, bị Jean Dupuis bắt lấy và giam hết người lại, Jean Dupuis tuyên-bố rằng quan Nam đã giữ dân chúng Bắc-kỳ trong vòng nô-lệ 71 năm rồi, mình mới đến ở một năm mà tự tưởng cũng có quyền bằng quan Nam, nếu không có nhiều hơn, và mình chỉ ra một dấu hiệu là toàn dân Bắc-kỳ nỗi dậy. Lính ta có bắt hai người ở tàu Mang hao lên đi trong thành-phố, Jean Dupuis viết thư cho quan Tông-đốc Hanoi rằng nếu con người nào tỏ ý xâm-phạm đến bọn tùy-tùng của y thì sẽ bị giết như giết chó và y (Jean Dupuis) ra lệnh bắt hết trong thành-phố những người có những hành-vi cầm quyền, những người mang dấu hiệu quan lại, y-phục nhà binh, mang khí-giới, để đem xuống giam lại. Rồi Jean Dupuis sai sao thư thành ấy nhiều lần đem niêm yết khắp nơi. Sau đó Jean Dupuis bắt và lấy mấy chiếc thuyền chở gạo của ta, bắt quan huyện Thọ-xương xuống tàu giam và phá-hủy huyện lỵ !.

Tuy cù-chỉ của Jean Dupuis ngang trái quá sức tưởng-tưởng, quan ta cũng lúng-tùng không biết xử trí thế nào vì ý Triều-dinh là phải dè-dặt, còn Jean

Dupuis thì cố tình khiêu-khích. Nguyễn-tri-Phương ủy Bố-chánh là Võ-Đường mời Jean Dupuis đến công-quán Quảng-đông hội-nghị Jean Dupuis nhất định làm theo ý mình, không cần phải tuân theo lệ nước Nam rồi cho 8 chiếc thuyền chở muối ngược lên sông Hồng-hà ; dọc đường bị quân ta nã súng hăm dọa thuyền ấy phải lui về Hà-nội. Trước đó mấy hôm Jean Dupuis đã sai Millot vào Sài-gòn kêu cầu-cứu với Pháp-súy.

Thấy việc lôi thôi mãi, vua sai Thượng-thư bộ Bình là Phan-dinh-Bình sung Khâm-phái ra Hà-nội hiệp đồng với Nguyễn-tri-Phương xử tri. Trong khi ấy, Jean Dupuis cho 12 chiếc ghe chở muối, có ba chiếc ghe và tàu Mang-hao hộ tống, lên Vân-Nam, được vô sự.

Nguyễn nước Pháp chiếm ba tỉnh phía tây Nam kỳ nhưng nước Nam chưa công nhận, Pháp-súy ở Gia-dịnh đưa thư xin ta lập điều-ước nhượng đất ấy, đình-thần bàn xin sai sứ qua Tây hỏi rõ sẽ hay, vua cho Lê-Tuấn Nguyễn-văn-Tường và Nguyễn-tăng-Doãn sung sứ-bộ như Tây, nhưng trước khi đi phải ghé Gia-dịnh cùng Nguyễn - súy Dupré thương-thuyết. Bấy giờ ở Bắc.kỳ Khâm-phái Phan-dinh-Bình không thu xếp được việc Jean Dupuis Triều đình ủy các Sứ-thần nhân dịp trực tiếp nhờ Súy phủ phân xử cho.

**Đại-úy Francis Garnier ra Hà-nội  
Thành Hà-nội thất-thủ lần thứ nhất**

Lúc ấy nước Pháp vừa thua trận Pháp-Đức chiến tranh năm 1870, Napoléon III bị bắt, Chánh-phủ Cộng-

hòa mới thành-lập cần phải giữ tín-mục để cho liệt-cường khỏi chê-trách, nên chưa muốn sinh sự ở Nam-kỳ.

Sau khi việc Jean Dupuis xảy ra, De Chappelaine Lãnh-sự Pháp ở Quảng-dông, (nghe lời Millot trình-bầy, gửi thư về quan Thượng-thư bộ Ngoại-giao khuyên nên đem ít chiếc tàu và một đại-đội quân qua lấy Bắc-kỳ, đã có 6.000 dân theo đạo trong nước giúp sức. Trả lời thư ấy, Công-tước De Broglie cũng đồng-ý về việc đến Bắc-kỳ, nhưng ông nói: « ...nhưng mà những sự xét nghĩ khẩn-thiết khác khuyên ta rằng, nếu không được lợi ích tức thời thì không nên đưa mình vào một việc mà kết-quả khó biết trước được. Đứng trước tình-cảnh ấy, chúng ta chỉ nên để ý xem xét những sự-tình có thể ảnh-hưởng đến sự quyết-định của ta và phải rất dè-dặt đừng để cho tự mình làm cho người ta để ý đến mình... » Tuy ý Chính phủ Pháp thì vậy, nhưng Nguyên-soái Dupré cho rằng Bắc-kỳ giáp tiếp với Tàu, muốn cho thuộc-địa Pháp ở Viễn-dông bền-vững thì phải chiếm lấy xứ ấy. Ông đã nhiều lần viết thư về bộ trình-bầy ý-kiến. Vả lại Chính- phủ Nam-kỳ đương đối Nam-riều lập một hòa-ước nhượng ba tỉnh phía tây đã chiếm. Dupré đến nhậm chức cũng tiếp-tục thúc-giục nhiều lần, nhưng vua quan ta dần-dà chưa chịu, Pháp-soái đã định chờ cơ-hội để hành-dộng mà ép-buộc làm cho rồi việc ấy.

Việc Jean Dupuis gây ra ở Bắc-kỳ, tuy Pháp-soái biết là trái với điều-ước hiện-hành nhưng thấy đó là một cơ-hội rất tốt, bèn nắm lấy ngay. Ngày 17-7-1873,

Công-tước Broglie, Bộ-trưởng bộ Ngoại-giao, điện sang  
rắng ; « Dẫu vì duyên cớ gì, đâu bởi lý-do nào cũng  
không được đưa nước Pháp vào việc Bắc-kỳ » Nhưng  
Dupré đã nhất định rồi, nên quyết làm theo ý mình.  
Trong thư và điện-tín gửi về bộ, ông nói đại-ý rằng :  
Jean Dupuis đã khai thông Bắc-kỳ rồi, việc ấy đã ảnh-  
hưởng lớn cho thương-mãi, vậy xin để cho ông lấy Bắc-  
kỳ vì là cần-thiết, và trước khi có xung-xâm-chiếm của  
người Âu-châu và người Tàu, nước Pháp phải giữ lấy  
con đường giao-thông độc-nhất ấy, không cần viễn-  
binh, việc chắc thành-công, nếu không ông chịu lỗi.

Mặc dầu Nguyên-súy Nam-kỳ hết lời khẩn-thiết, Bộ-  
trưởng bộ Hải-quân Pháp ra lệnh nhất định không cho  
hành-dộng. Dupré trả lời rằng ông sẽ tùy theo sứ-tình,  
co-hội mà tuân-lệnh bộ, và ông cũng hiểu biết trách-  
nhiệm của ông lắm, rồi tiếp-tục lo can-thiệp vào việc  
Bắc-kỳ.

Ông triệu Hải-quân Đại-úy Francis Garnier (ta gọi là  
An-nghiệp) đương nghỉ việc ở Thượng-hải sang để sai  
phái. Vừa gặp dịp tốt là Nam-trieu viết thư xin xử-trí  
việc Jean Dupuis. Ban đầu Pháp-súy trả lời rằng đã viết  
thư bảo Jean Dupuis phải lui ra, nếu y không tuân thi  
Nam-trieu được tùy ý dùng các phương-pháp để bắt  
buộc. Nhưng vua quan ta sợ gây việc lớn, nên tuy Jean  
Dupuis vẫn ngang-nhiên ở Hà-nội mà không dám động  
chạm đến y, chỉ sai Sứ xin Pháp-súy xử-trí.

Garnier là một sĩ-quan trẻ tuổi (lúc ấy 34 tuổi) thông  
minh, có nhiều tham-vọng, và can-đảm đến liều-lĩnh.  
Garnier đã dự vào đạo-quân của Đô-đốc Charner sang

danh Tàu và Nam-kỳ (1860-1861), rồi dưới thời Đô-đốc Lagrandière, làm Thanh-trai tập-sự ở Cholon, năm 1866 có dự phái đoàn thám-hiểm sông Mekông. Nguyên-súy sai Garnier đem hai chiếc tàu con, 30 thủy-quân bộ-binh do Thiếu-úy De Trentinian chỉ huy và 56 người tùy-tùng trong có 10 người Việt, ra Bắc-kỳ. Tiếp theo, còn hai chiếc tàu chở 60 thủy quân pháo-thủ do Hải-quân Trung-úy Bain de la Coquerie điều-khiển, hai sĩ-quan tập-dịch là Houtefeuille và Perrin, 25 người tùy tùng do Thủy-quân Trung-úy Bolny D'avricourt chỉ-huy và Kỹ-sư Bouillet, Bác-sĩ Harmand, đi sau.

Vì Chính-phủ Pháp không muốn dự đến Bắc-kỳ, mà Dupré thì nghĩ nên đem binh-lực can-thiệp để nếu không lấy Bắc-kỳ làm thuộc-địa, it ra cũng ép nhường được ít nhiều điều lợi-ích, cho nên ông dặn Đại-úy Francis-Garnier không được rạch-rời, thành sinh ra lầm việc rắc-rối về sau. Pháp súy dặn rằng : « Ông ra Hà-nội, vì Triều-đình An-nam nhờ tôi bảo Jean Dupuis dời khỏi thành phố ấy mà y đã đến ở từ 11 tháng và không chịu đi. Triều-đình An-nam và Jean Dupuis tố cáo lẫn-nhau. Ông điều-tra xem bên nào có lý. Dẫu kết-quả thế nào, ông cũng phải cõi nài cho Jean Dupuis gấp dời khỏi thành Hà-nội, vì y ở đó là trái với hòa-ước, trừ ra khi ông xét những điều kêu nài của y hợp-lẽ công bằng và cho là có giá-trị. Nhiệm-vụ của ông không chỉ chừng ấy là hết. Sự bất-lực của Triều-đình An-nam đã tõ bầy rõ ràng, việc giao-thông với Vân-nam dễ-dàng ai cũng trông thấy, vậy không dùng phương-pháp cho có hiệu-quả thì sự rắc-rối như thế sẽ xảy ra nữa, hoặc do Jean Dupuis, hoặc do một người mạo-hiềm khác. Vậy hay

hơn hết là phải sớm tạm mở sông Hồng-hà, từ biển đến  
biển-thùy Vân-nam cho tàu bè An-nam, Pháp và tàu qua  
lại, chịu một số thuế vừa phải. Phương-pháp ấy không  
được trì-hoãn. Ông nên hết sức làm cho người ta công-  
nhận ngay di ». François Garnier ghé Đà-năng, sai đưa thư  
của Pháp-súy lên Huế, thư ấy nói rằng việc sai phái này  
là để dàn xếp việc Jean Dupuis và khai-thương xứ Bắc-  
kỳ. Năm ngày sau, với hai vị quan của Nam-triều phái  
theo, Đại-úy ra Bắc.

Bấy giờ quan ta ai cũng tưởng François Garnier ra  
để thu xếp việc Jean Dupuis nên ông đến đâu cũng được  
tiếp đãi trọng hậu. Đến Hải-dương quan Án-sát ra bến  
tàu đón tiếp, Đại-úy sai người đưa thư cho Jean Dupuis  
biết trước và nói nhở y là người đã quen biết Bắc-kỳ  
chỉ bảo cho mọi việc, Jean Dupuis liền đem một chiếc  
tàu dịch thân đi đón Đại-úy. Ngày tháng 9 năm Quý-dậu  
(5-11-1873) Đại-úy đến Hà-nội, vừa lên bộ đã có một toán  
linh của Dupuis bồng súng chào, Đại-úy đi thẳng vào  
thành ra mắt ông Nguyễn-tri-Phương và đòi đem quân  
vào đóng trong thành. Hai bên bàn cãi mãi, sau Đại-úy  
chiếu đến đóng ở Trường-thi. Ông Nguyễn-tri-Phương ủy  
các quan tỉnh đến trú-quán đón-tiếp.

Trong khi François Garnier ở Hà-Nội, có một đảng  
xưng là con cháu nhà Lê đương quấy rối ở miền Quảng-  
an, Hải-dương đã giao-thiệp với Jean Dupuis và nhờ  
Jean Dupuis, xin đem 3.000 quân để giúp Đại-úy đánh  
Bắc-Kỳ. Trong các trận đánh với quân ta kể đấy,  
quân ấy có dự vào.

Các quan ta tưởng rằng Đại-úy François Garnier ra

duỗi Jean Dupuis rồi về, François Garnier nói rằng quan Nguyên-súy sai ông ra xét việc Bắc-Kỳ, điều đình việc Dupuis được chừng nào hay chừng ấy và để khai-thương sông Hồng-hà. Hai bên ý-khiến không hợp nhau.

Đại-úy làm tờ yết-thị (7-11-1873) cho dân rằng : Vì Nam-Triều thỉnh cầu, quan Pháp-Súy Nam - Kỳ sai ông ra xem xét việc Bắc - Kỳ : người Pháp có ý trừ diệt đảng cướp nó tàn phá các bờ biển cho dân được yên-đỗn làm ăn và làm cho xứ Bắc-Kỳ buôn bán dễ-dàng để tăng thêm sự giàu-có. Đại-úy giao tờ ấy cho quan ta niêm-yết, quan ta không vâng, nói là chưa có Triều-mệnh ; Đại-úy cứ tự mình niêm-yết !

Ba ngày sau (10-11-1873), thấy quan ta yết-thị cho nhân-dân rằng ông ra để đuổi Jean Dupuis, Đại-úy đến báo quan Tông-đốc hủy tờ yết-thị ấy đi, quan Tông-đốc không nghe theo, Đại-úy làm tờ hiếu-thị khá-cái rằng ông ra điều-dình việc Dupuis chứ không phải đuổi, và để khai-thương sông Hồng-hà.

Cách mấy ngày sau (16-11-1873) Đại-úy yết-thị tuyên-bố khai-thương sông Hồng-hà rằng : « Quan lớn François Garnier (Le Grand Mandarin Garnier), người mà quan Đô-đốc Toàn-quyền Nam-Kỳ thuộc Pháp phái ra Bắc-Kỳ để thảo-hiệp với nhà cầm quyền việc khai-thương xứ này, cho biết rằng đã định :

1·) Bắt đầu từ ngày nay, sông Hồng - hà mở cho người Pháp, người Ý, người Tàu đến buôn bán, từ biển đến Vân-nam.

2·) Những cửa biển mở cho việc buôn bán là Hải-phòng, Thái-bình v.v...

3') Quan-thuế tính 2% của giá hàng hóa, xuất-cảng cũng như nhập-cảng.

4') Kẻ buôn bán khai với nhân-viên quan-thuế Hà-nội, nạp thuế 2% giá hàng hóa mình rồi được cấp giấy phép cất hàng lên hoặc đem hàng xuống thuyền.

5') Hàng-hóa đi Vân-nam chỉ nạp 1% của giá nó.

6') Hàng-hóa từ Sài-gòn đi, hoặc chở đến Sài-gòn chỉ chịu trả nửa thuế.

7') Việc sửa đổi bản thuế-lệ này sẽ nói trước sáu tháng.

8') Những người buôn bán Tàu và nước khác sẽ được bảo-hộ dưới lá cờ nước Pháp chứ không tùy thuộc nhà chức-trách nước Nam điều gì cả.

9') Những người buôn bán các nước được mua đất, mua nhà ở Hà-nội để ở.

10') Những nha quan-thuế Nam hiện có sẽ bãi bỏ ».

Thấy tờ yết-thị ấy quan ta ngờ ngác không biết nghĩ thế nào, vì xứ Bắc-Kỳ thuộc về nước Nam, Đại-ý Francis Garnier không lấy tư cách gì mà công-nhiên yết-thị hiếu-dụ dân Nam được, còn việc buôn bán với người Pháp thì đã minh-dịnh trong hòa-ước Nhâm-tuất. Giám-mục Puginier mà Pháp-Súy đã viết thư mời đến Hà-nội và Garnier nhờ giúp ý-kiến, có dự cuộc thương-thuyết giữa Garnier và các quan Việt - Nam, lấy làm ngạc-nhiên về quyết-định quá táo-bạo của Đại-ý, cũng có bầy tỏ với y những hậu quả lớn lao của hành động ấy. Vả, sau khi Francis Garnier đến Hà-nội, năm

chiếc tàu Pháp chở lính tiếp ra, nên quan ta lại càng lo sợ và phải phòng bị.

Thấy không-khí nghi-ngờ và tình-trạng bất-hòa ấy Đại-ý Francis Garnier một mặt bàn với Jean Dupuis việc lấy thành Hà-nội, một mặt đưa tối hậu-thư cho ông Nguyễn-tri-Phương. Tối hậu-thư đại-ý nói rằng quan Tổng-dốc Hà-nội đã yết-thị cho dân-chúng rằng y (Francis Garnier) ra để đuổi Jean Dupuis, như thế là không đúng, y đã bảo lột tờ yết-thị ấy đi mà quan ta không làm quan ta lại sai phao vu y và cấm giáo-đồ, cấm kẻ buôn bán ~~đến~~ trực-tiếp với y ; quan Pháp-súy sai y ra đây làm cho việc thương-mãi có quy-cù hẫu-hồi để về sau khỏi xảy ra những việc như việc Jean Dupuis nữa, Triều-đình Huế đã bất-lực, không thể làm cho oai-quyền mình được ở Bắc-kỳ, đã để y ra đây thì y sẽ ở lại, y sẽ tự do xem xét công-việc và định-doạt phương-sách làm cho xứ này thịnh-vượng ; quan Nam hỏi Jean Dupuis đến ở Hà-nội là trái với hòa-ước, vậy sao không để cho Dupuis đi cho đến nơi, hoặc cấm chỉ ngay lúc đầu mà chỉ hẹn Triều-mệnh, Triều-mệnh ấy một năm vẫn chưa thấy tới ; những kẻ buôn-bán sẽ được nước Pháp che chở, nhân-dân sẽ được tự-do đưa đến y những điều kêu nài và nguyện-vọng, và y không thể chịu được những sự đe-dọa và những tin khủng-bố mà người ta tuyên-truyền về y.

Sáng ngày hôm sau tức là ngày mồng 1 tháng 10 năm Quý-dậu (20-11-1873), 6 giờ sáng, Đại-ý Francis Garnier đánh thành Hà-nội. Mấy chiếc pháo-hạm bắn đại-bác lên, trên bộ quân của Francis Garnier và Jean Dupuis chia nhau công-kích các cửa thành. Nguyễn-

tri-Phương vội-vàng lên thành điều-khiển, con là Phò-mã Nguyễn-Lâm (ra thăm bối) đến giữ cửa đông-nam. Quân địch trèo lên mái nhà chung quanh thành để thấy rõ quân ta mà bắn vào. Nguyễn-Lâm bị đạn chết, Nguyễn-tri-Phương bị trúng một mảnh đạn ở đùi bên phải. Quân địch trèo thành vào mở cửa, quân ta vỡ. François Garnier chiếm cửa nam và treo cờ Pháp. Bấy giờ là 7 giờ sáng ; Ông Nguyễn-tri-Phương đã bị thương, cưỡi ngựa chạy ra, bị một tên thông-ngôn tố-giác, bị bắt. Quân ta có đến 7.000, quân của François Garnier 90, hợp với 90 người của Jean Dupuis là chỉ dưới 200, mà hạ thành Hà-nội trong một giờ ! Bên địch chỉ một người chết và hai người bị thương.

Thành mất rồi, Tông-đốc Bùi-đức-Kiên, Án-sát Tôn-thất-Thiệp trốn thoát (đến ẩn ở nhà một người Thư-lại ở làng Nhơn-lục, huyện Thanh-trì, sau Bùi-đức-Kiên bị Chánh-Tông Đức bắt nạp quan Pháp lấy 100 quan tiền thưởng). Khâm-phái Phan-dinh-Binh, Bố-chánh Võ-Dương, Đề-đốc Đặng-Siêu, Lãnh-binh Nguyễn -đăng Nghiêm bị quân Pháp bắt đem xuống tàu rồi chở vào Gia Định. Nguyễn-tri-Phương cũng bị bắt xuống tàu canh giữ.

Hung-tín báo về, vua súc rắng : « Vừa rồi Pháp-súy phái người đến, ta tưởng là có hảo-ý, nên cho đến Hà-nội để tỏ lòng Khoản-dãi, chẳng dè sảo trá, gây ra việc, thiệt là quái gở, trong việc này tướng cũng không khỏi không lanh-ý của Pháp-súy. » Rồi một mặt khiến quan Thương-bạc làm thư gởi vào Pháp-súy và tư súc Sú-thần ở Gia-dịnh giảng-giải cho họ sớm súc François Garnier giao trả lại thành Hà-nội. một mặt sai chưởng-vệ Phan-Đề làm Đề-đốc (vừa rồi sau khi thấy năm sáu chiếc tàu

Pháp tiếp ra đậu ở Đồ-sơn, vua đã sai ông này làm Đề-dốc Hà-nội và Trần-dinh-Túc sung Khâm-phái Hải-dương đem binh ra Bắc trấn-áp nhưng chưa kịp đi), Thừa-thiên Phủ-doãn Nguyễn-trọng-Hợp (người thô trước ở Hà-nội) làm Tán-lý, Biện-lý bộ Hộ Nguyễn-Phiên, Sung-biện Nội-các Bùi-ân-Niên làm Khâm-phái, lấy ở Kinh và ở Nghệ mỗi nơi 500 lính đem ra Bắc-kỳ chiêu-tập binh dân, lo việc chống đánh ; và súc quan các tỉnh ở các nơi ách yếu trong các đường sông phải đóng cù, làm bờ ngăn lại để phòng bị.

Vừa quan các tỉnh Nam-dịnh, Ninh-bình tâu rằng Garnier đưa thư nói y không có ý lấy thành Hà-nội, chỉ ứng-tuân theo hòa-ước, nhưng các quan ta xử-trí không khéo nên sinh việc ấy, nay xin Triều-dinh đặt quan mời đến cai-trị, y sẽ trả lại thành-trì rồi định thương-ước. Vua súc rằng ; « Chúng nó giảo-trá, lời nói chưa có thể tin được, nhưng muốn tĩnh việc yên dân, thì nhân đó mà chước-ứng cũng không hại gì. » Bèn cho Trần-dinh-Túc làm Tổng-dốc Hà-Ninh, Nguyễn-trọng-Hợp làm Tuần-vũ, Đặng-văn-Huân làm Bố-chánh, Trương-gia-Hội làm Án-sát, Phan-Đè làm Đề-dốc ; lại khiến Trần-dinh-Túc, Trương-gia-Hội cùng Giám-mục Monseigneur Sohier Linh-mục Danzelger (hai ông ở nhà thờ Kim-long) ra Hà-nội trước để điều-dịnh mọi xiệc, còn các quan chức khác thì đem binh theo sau. Các quan tỉnh cũ và quan Khâm-phái, quan Khâm-mạng không kể còn mất đều bị cách chức, đợi tra.cứu.

Biết rằng Phủ-lý là nơi có quan-hệ về binh-cor và có lích-trữ nhiều lương-hương, Garnier sai đánh

chiếm (26-11-1873) và lấy được một số tiền trị giá ước bốn vạn phật-lăng và nhiều kho đụn chứa đầy lúa. Phủ Hoài-đức là nơi nhiều quan quân ta nhóm tụ, huyện Gia-lâm ở trước mặt Hà-nội, bên kia sông, làm chủ các con đường đi Hải-dương, đi Bắc-ninh cũng đều bị quân địch đánh lấy.

Thấy họ dùng cách tàn thực, Vua sai Lê-Thăng sung Đề-đốc quản-vụ, Châu-dinh-Kế sung Tham-tán đem 1.000 quân ra Ninh-bình phòng giữ, Hồ-Oai sung Tổng-thống. Nguyễn-Chánh sung Hiệp-thống đem đại-binhh đến đóng ở núi Tam-diệp để tùy cơ trù biến.

Ở những nơi đã chiếm lấy, Garnier ho thủ hạ làm quan Phủ, Huyện để quản-trị. Trong khi quan-quân ở Kinh phái ra còn ở dọc đường và dụ chỉ chưa tới nơi từ Ninh-bình trở ra lòng người tao động, bọn côn đồ thừa dịp nỗi dậy cướp bóc, cơ-hồ đã không phải là cảnh người nữa vậy.

Nguyễn-tri-Phương không chịu để buộc thuốc, nhịn ăn uống, người Pháp đổ cháo và thuốc ông phun ra cả. Sau một tháng buồn rầu cho vận nước hơn là đau-dớn vì bị thương, ông mất. Bấy giờ ông 67 tuổi, làm quan trải ba đời vua, trong mấy mươi năm trời hoặc đánh đồng dẹp bắc, hoặc làm kinh-lược Nam-kỳ, ông đã tỏ ra hết lòng vì nước và là vị thượng-tướng có chân-tài. Nhưng chẳng may phải đối địch với một sức mạnh cao hơn nhiều quá, cha con, anh em, ba người đều phải bỏ mình ở chốn lưỡi gươm, hòn đạn, để trả nợ nước, nợ nhà. Thật là một gia-dình trung-hiếu, tiết-liệt, vẻ vang, hiếm có trong lịch-sử Việt-Nam.

Khi người ta nghị-tội các quan can việc thất-thủ Hà-nội, Nguyễn-Iri-Phương đã chết, cũng bị cách chức. Nhưng tháng chạp năm ấy (Qui-dậu), việc nước yên, Vua Tự-Đức sai đưa quan tài cha con ông về làng an-láng. Lặng Tri-Phương, Nguyễn-duy hàm Tham-tri, Phò-mã Lâm hàm Thị-Lang, rồi năm Ất-hợi năm (1875) sai lập nhà thờ gọi là Trung-hiếu-tử ở làng Đàng-long (Thùa-thiên) để thờ 3 ông, tế-thời sai quan Huyện sở tại đến tế. Đến năm Bính-tuất (1886), Vua Đồng-khánh lại cho ông Phương được dự thờ trong miếu Hiền-lương. (1)

### Quân Pháp lấy các tỉnh Hải-Dương, Ninh-Bình, Nam-Định

Sau khi lấy Hà nội, Francis Garnier càng hách dịch, hoành hành, mưu việc tiến-thủ, súc ra các tỉnh bảo phải triệt cơ-quan phòng-thủ ở các cửa-ải, bến tàu, nhồ cù dưới sông và yết-thị các khoản thông-thương.

Ngày mồng 4 tháng 10, Đại-úy sai Balny đem 15 thủy quân bộ-binô do Thiếu-úy Trantinian chỉ-huy, cùng bác-sỹ Harmand đi một chiếc tàu con xuồng Hưng-yên, hỏi quan tỉnh có thuận theo ba điều ấy không, Tuần-vũ Nguyễn-đức-Đạt, Án - sát Tôn-thất-Phiên phải quyền nghi trả lời rằng ; « hai cửa ải Mê, Đằng, từ sau việc Hà-nội, bọn gian đồ phiến nhiễu nên các quan đã bỏ trốn đi rồi ; cù dưới sông thì trước kia tiếp quan Khâm-mệnh tư nói có thuyền quí-phái đến nên đã nhô

---

(1) Miếu thờ các quan trị nước có danh tiếng lập từ năm đầu đời Tự-Đức.

hơn 10 trượng, nay tàu bè có thể tới lui không ngại gì, các điều khoản thông-thương hiện đã niêm yết. »

Ngày 10 tháng 10, toàn quân ấy được lệnh đi Hải-dương và dọc đường phá hết cù-dóng trong sông. Đến Hải-dương, Trantinian lên bộ, vào thành mời quan Tông-đốc xuống tàu nói chuyện. Quan Tông-đốc tiếp đãi tử-tế và trả lời rằng : « chưa có Triều-mệnh, không dám thiện-hành ». Mặc dầu Trantinian cù-chỉ dữ-dội, quan Tông-đốc vẫn điềm-nhiên và nhã-nhận. Viên sĩ-quan Pháp hăm-dọa nếu trong hai giờ quan Tông-đốc không xuống tàu thì chúng tôi sẽ đánh thành. Đúng hẹn quân địch bắn vào thành, ngày hôm sau, tàu địch đến đậu gần các đồn của ta, quân ta bắn xuống, họ bắn trả lại, rồi đồ-bộ, chiếm đồn, đến đánh thành, quân ta chống-cự không nổi phải bỏ chạy.

Đồng-suất quân-vụ lá Lê-hữu-Thương, Tông-đốc Đặng-xuân-Bảng, Bố-chánh Nguyễn-hữu-Chánh, Án-sát Nguyễn-Đại chạy ra đóng ở các huyện Gia-lộc, Cẩm-giàng.

Quân Pháp lấy của kho được 12 vạn phật-lăng bằng tiền đồng, bốn vạn phật-lăng bằng bạc thoi, đem xuống tàu, rồi phá hủy hết trong thành, đốt các trại lính, xong để Thiếu-úy Trantinian và 15 thủy-bộ binh ở lại giữ thành. Trantinian tổ chức lại việc cai-trị, mở lính phòng giữ, và sai đi đánh những nơi không chịu tùng-phục.

Này 12 tháng 10, Francis Garnier sai Thủy-quân Thiếu-úy Haute Feuille đem một chiếc sa-lúp và 7 người

linh-thủy đi Ninh-bình phá những cứ ở dưới sông và dời quan-tỉnh trả lời về mầy-khoản Francis Garnier đã thông-sức. Ngày 15, Thiếu-úy đến nơi, vừa tối, bắn-lên thành-mầy phát súng rồi đợi. Ngày mai, Thiếu-úy và 7 người-tùy-tùng-lên-bộ, Tuần-vũ là Nguyễn-Thú mở cửa thành, di-bốn-lọng ra đón, dắt tay vào thành, Haute Feuille trói các-quan-lính-lại, sai-quan-Chánh-Lãnh-binh đưa-di xem xét-bờ-thành, quân-linh ta đều phái bỏ-khí-giới và quỳ-xuống hai-bên đường; rồi y kiêm-diêm kho-tàng được 79.400-quan-tiền, nhiều-bạc-thoi, kẽm, thau v.v... 6.080-thước-khối-lúa, 46-khầu-súng-dai-bác và nhiều-khí-giới, vật-hạng-khác. Quan-Án-sát bị-cột, nhưng-trốn-thoát, quan-Tuần-vũ và các-quan-khác-cứ-bi-cột và đưa-ra giam-ở-một-dònngoài-thành. Haute Feuille mō-thêm-quân-linh, có-một-số-dân-dạo-dền-giúp-việc. Y-thu-án-kiêm-của-các-quan và thay-án-kiêm-khác. Quan-Tuần-vũ đã-dầu-phục, nhưng-bị-dau, không-làm-việc-dược. Chức-Án-sát và-mầy-chân-Phủ, Huyện, khuyết-thì Haute Feuille tự-mình-bồ-người-sung-vào.

Chiếm-xong Hải-dương rồi thì Balny và bác-sĩ Harmand được-lệnh-di-dánh-Nam-dịnh, Hộ-đốc Nguyễn-Hiển phái Lãnh-binh Nguyễn-văn-Lợi. Thượng-biện Phạm-văn-Nghị nghênh-chiến-ở-dòn-Câu-bộ, bị-thua. Ngày 21 tháng 10, Đại-úy Francis Garnier đem-một-chiếc-tàu Le Senpion và-năm-mươi-sáu-thủy-thủ, bốn-chục/người-tùy-tùng và-một-ít-thủy-quân-bộ-binh đến-Nam-dịnh, bắn-phá-các-dòn-lũy-trên-sông-Vị-hoàng, quân-ta-bắn-xuống-tàu-địch, chúng-lên-bộ, chia-làm-ba-toán, một-toán-đến-dánh-cửa-Nam, một-toán-vào-dánh-đuôi

trong thành-phố một toán đánh cửa đông. Sau một giờ, quân Pháp trèo thành vào, quân ta chạy cả, nhưng cũng đã làm cho một sĩ-quan và nhiều lính của họ bị thương.

Chỉ trong hai mươi ngày, bốn tỉnh Bắc-kỳ kế nhau thất-thủ, François Garnier đê Harmand và hai mươi lăm thủy binh tại giữ thành Nam-dịnh và một võ-tướng là Lê-văn-Bá đê chỉ huy đội quân người Nam.

Bọn thàn-hào nỗi dậy khắp nơi, Harmand và Lê-văn-Bá phải đi đánh dẹp không nghỉ, đốt phá nhiều làng, mãi cho đến ngày phải triệt về Hà-nội.

Trong khi quân Pháp đi đánh chiếm các tỉnh thì quân ta ở Sơn-tây và Bắc-ninh về đánh lấy lại phủ Hoài-đức, huyện Gia-lâm, quân Pháp ở Hà-nội đến đánh cứu giải vây được cho Gia-lâm còn Hoài-đức thì quân ta giữ vững.

Hung-tín bốn tỉnh thất-thủ tiếp-lục đưa về, vua lòng nóng như đốt, súc các quan Cơ-mật và Thương-bạc rắng ; « Người Pháp đương mưu cho thỏa-chí, ta đã dạy các ngươi phải hết lòng hết mưu thế mà chỉ cầu-thả, hứ ứng đến nỗi như thế này, tuy là tội của các quan phòng giữ, nhưng các quan Viện, Bạc tham-dự việc cơ-yếu cũng không tránh khỏi trách-nhiệm, nay giáng mỗi người bốn trật cho tớ rắng pháp nước thi-hành từ người gần, đê khích lệ người khác.

Ninh-bình là yết-hầu của hai cõi Nam, Bắc, bọn Thú cam lòng bưng dâng cho người, Nam-dịnh vì phòng bị sơ-sài, nên một thành lớn bị mất trong khoảnh-khắc, tinh-quan hai nơi ấy đều phải cách chức liền, tinh-quan Hải-dương không đến sơ-suất, lôi-lầm

nhus Ninh-Bình, chỉ cho cách lưu, đợi sẽ cứu nghị. Từ nay các quan văn võ, lớn nhỏ đồng tâm đồng lực, làm hết chức trách, để lo báo hiệu. Và thông-sức các tỉnh-thần Bắc-kỳ phải đánh, giữ vững chờ đập theo tội cũ, các nơi đã mất phải ra sức để chuộc tội, không thể thì hai quan Tông-Thống Hiệp-thống xét rõ, ai là suất-liệt sẽ tâu về xin chánh-pháp » Rồi vua mật sai Tam-Tuyên Tông-thống Hoàng-lá-Viêm Tham-tán Tôn-thất-Thuyết trích lấy một ngàn quân cho đưa đến phủ Từ-sơn (Bắc-ninh) để hiệp với quân của Võ-huy-Thụy, Tân-Tương Trương-quang-Đản nghiêm lo phòng-ngự.

Liền đó, Tông-Thống Hoàng-tá-Viêm được lệnh kiêm sung chức Tiết-chefs Bắc-kỳ quân-vụ để thương dốc việc phòng giữ các tỉnh và chờ kết-quả cuộc thương-thuyết của Trần-dinh-Túc với người Pháp, nếu bất đắc dĩ phải dùng binh thì được điều-khiển các đạo quân-binhh hiệp-liệu.

Quân phái thêm ra đến Thanh-hóa thì không tiến được nữa. Ở các hạt trong tỉnh Ninh-bình đã thuộc quân Pháp, họ chia đóng ở các yếu-lộ, nam, bắc không thông, văn-thư ở kinh đệ ra đến Thanh, quan tỉnh phải sai người theo gián-dạo phát-dệ, nhiều lần bị bọn côn-đồ cướp lấy.

Sau khi thành Hà-nội bị hãm, Triều-dinh liền sai đưa thư kêu với Pháp-súy và khiến Sứ-thần ở Gia-dinh đến giảng-giải, đã lâu chưa được tin-tức gì, vua kỵ làm trọng. Các quan tâu rằng: « Từ khi Sứ-thần vào Nam bàn việc ba tỉnh phía tây, Pháp-súy nhiều lần

xin ta cho Sứ-thần được toàn-quyền nghị-định mới chóng thành hòa-ước, nhưng ta không chịu (ta có xin giao lại cho một hai tỉnh), nên người Pháp ngoài thì dùng lời tử-tế dâng ta, nhưng trong thì gài việc để nhiễu ta, nay nếu muốn dẹp được sự bạo-dộng của François Garnier, yên được việc Bắc-kỳ, không chỉ bằng thuận theo ý ấy của họ ». Vua cho là phải, rồi sai phát sắc, ấn vào Gia-dịnh, phong Lê-Tuấn làm Toàn-quyền, Nguyễn-văn-Tường, phó Toàn-quyền để cùng người Pháp định-ước.

Pháp-súy được tin đến mừng. Sứ-thần ta thương nên xử-trí việc Bắc-kỳ cho xong rồi sẽ nói đến hòa-ước. Thiếu-tướng Dupré liền làm thư sức François-Garnier lui quân để quân ta nhận lại thành Hà-nội (bấy giờ François Garnier mới lấy Hà-nội thôi chứ chưa lấy các tỉnh khác) sai viên Thống-sát việc Hình-luật Nam-kỳ là Philastre đi với Nguyễn-văn-Tường ra kinh giao trả bốn viên quan tỉnh Hà-nội mà François Garnier đã bắt trước kia, rồi ra Bắc-kỳ điều đình mọi việc.

### **Đại-úy François Garnier bị giết Philastre trả lại bốn tỉnh Bắc-kỳ**

Sau khi bốn tỉnh trung-châu kế mất, Hoàng-tá-Viêm tư khiến Lưu-vĩnh-Phúc chúa đảng Cờ-den, đã được vua Tự-Đức phong hàm Đề-Đốc, phải sẵn sàng đợi phái. Vĩnh-Phúc tình-nguyễn giúp ta để chống với quân Pháp rồi đem quân đóng ở làng Hương-ngạnh, thuộc huyện Từ-liêm, sau lại tiến đến làng An-khoái

Hà-ninh, Tống-đốc Trần - đinh - Túc đương đau,

gắng gượng phó ly để hội-thương với François Garnier ngày mồng một tháng 11, đến Hà-nội. François Garnier cho mời vào thành ở, sai lính canh giữ, không để thông với người ngoài, rồi cùng bàn chuyện khai-thương, hai bên cung bình-tâm. (Bạn người Việt của người Pháp dùng, thấy các ông Trần-đình-Túc, Nguyễn-trọng-Hợp đều lo sợ, đêm ấy muối sinh biển, nhưng có người cản ngăn lại mới thôi).

Ngày mồng 2 tháng 11 (21-12-1873), Đại-úy François Garnier đương bàn chuyện với Trần-đình-Túc, nghe báo có quân Cờ-den đến đánh thành, François Garnier lên thành bắn mẩy phát, quân Cờ-den bỏ chạy về phủ Hoài-đức. Đại-úy và mẩy người thuộc hạ ra thành chia ra nhiều ngả đuổi theo. Hơn 1.000 thước tây, François Garnier vấp một cái lỗ hổng, ngã, quân Cờ-den nấp bên đường chạy ra đâm chết, chặt lấy đầu. Trong khi ấy, Trung-úy Balny d'Avericourt đuổi theo một ngả khác, cũng bị quân Cờ-den nấp trong bụi tre đỗ ra giết chết cùng ba người lính và đều bị chặt mất đầu. (Sau người ta chỉ nhặt được thi-thể của François Garnier và hai người lính mà thôi. Năm cái đầu lâu được lần-lượt đưa các đi thành phố Bắc-kỳ trong gần một tháng cho công chúng xem).

Được tin François Garnier bị giết, người Pháp ở Hà-nội giận lắm, muốn giết Trần-đình-Túc để trả thù nhưng ông cứ bình-tĩnh, lấy lời khéo mà giảng, họ mới nguôi, họ đem Sứ-thần ta xuống tàu giam lại. Thiếu-úy Bain lên tạm thay Đại-úy François Garnier, nói đợi nghị định việc khai-thương xong sẽ nói đến chuyện giao trả các

tỉnh. Thiếu-tá Testard du Cosquer, thuyền trưởng tàu Decrès ở Sài-gòn vừa đến, thống-lãnh thủy-lục quân Pháp ở Bắc-kỳ.

Việc Francis Garnier bị giết tàu lén, vua nghĩ rằng việc đương thương-thuyết, và xử-trí toàn cuộc không phải nhờ quân Lưu-vĩnh-Phúc mà xong được, nên sứ đoàn ấy lui về đóng ở Thượng-du. Các ông Hoàng-tá Viêm, Tôn-thất-Thuyết muốn thừa thắng đem quân về đánh Hà-nội, nhưng Trần-dinh-Túc xin không được động-binh, dễ tiện việc định hòa-ước. Tá-Viêm trả lời rằng làm tướng ở ngoài chỉ biết đánh giặc mà thôi. Đinh-Túc phải ủy Nguyễn-trọng-Hợp, Trương-gia-Hội đem quân-thư diện thương, Tá-Viêm mới chịu đóng binh không đánh.

Bấy giờ trong các điều-khoản Thiếu-úy Bain đề-nghị, có khoản xin ngưng lưu các quan viên của Francis Garnier đã bồ-dụng, và từ Át-giang đến biển không được tăng-thiết co-quan quân-bị, hai khoản ấy ông Trần-dinh-Túc không chịu nên việc thương-nghị không thành.

Trong khi ấy, theo lời xin của Đại-úy Francis Garnier trước kia, Pháp-súy đã sai chiếc tàu Decrès đem hơn 100 quân và nhiều lương-thực, súng đạn ra tiếp-tế cho quân Pháp ở Bắc-kỳ. Tàu Decrès đến Hải-phòng gần một lúc với tàu chở Nguyễn-văn-Tường và Philastre.

Thống-sát Philastre và các quan ta xuống tàu rồi mời nghe tin ba tỉnh Hải-dương, Ninh-bình, Nam-định thất-thủ. Các quan ta thương xin Thống-sát sẽ súc

Françis Garnier giao lại cả bốn tỉnh, Thống-sát nhận lời.

Bấy giờ Triều-dinh ta thấy những hành-vi của người Pháp, lấy làm tức giận và nghi-ngờ lắm. Đến Huế Philastre phải hết sức giảng-giải để nguôi bót lòng ta. Quan ta muốn mau xong việc Bắc-kỳ mà lúc ấy, Ninh-binh trở ra thì bị nghẹn, nên bàn với Thống-sát đi đường thủy cho tiện.

Nhơn có chiếc tàu d'Estrées ở Hương-cảng qua, ghé Đà-nẵng, Thống-sát và quan ta nhò đưa mình ra Bắc. Vua cho Nguyễn-văn-Tường làm Khâm-sai Đại-thần để cùng Philastre đến ngày mồng ba tháng 11 đáp tàu đi Hà-nội liệu-lý các việc.

Ngày 5 tháng 11, tàu d'Estrées chở các quan sai phái đến cửa Cẩm gặp tàu Decrès đậu ở đây, mới hay Francis-Garniere đã bị giết. Philastre và người Pháp dưới tàu, tức giận, đập bàn, bảo Văn-Tường : « Việc không xong rồi, phải phi báo Súy-phủ, không nên ở lâu ». Văn-Tường thấy Thống-soái đương giận quá, sợ hỏng việc lớn, thong thả nói rằng : « Việc lấy Hà-nội, Quý-súy nói không phải bẩn-ý, mà binh lực bốn tỉnh Bắc-kỳ, nước tôi cũng không đem dùng mà tranh hoành như vậy hai bên thiệt không có điều gì trái nhau. Việc Francis-Garnier chết, hoặc do kẻ trộm cướp làm ra, hoặc vì sĩ-dân phản khích gây nên, thật hư chưa rõ ràng, theo đâu mà báo với Quý-Súy ? Huống chi trả lại thành để sớm định hòa-ước là lệnh của Quý-Súy, thu thành rồi mới nghị-hòa, ấy là lệnh của nước tôi, chúng ta chỉ nên tuân theo lệnh ấy, còn việc Hà-nội giết Francis

Garnier cũng như Francis Garnier giết Nguyễn-tri-  
Phương đều xuất từ ý ngoại, mà cũng không phải chúng  
ta làm ra. Nay chúng ta chưa trông thấy việc gì, chỉ  
mới nghe qua mà đã bỏ về thì không những Quý-Súy ở  
xa không thể hiểu rõ, mà ta đi chuyến này cũng uồng  
công phụ trách lắm. Chi bằng ta đưa thư ra Hà-nội  
bảo đem tàu nhỏ xuống rước, ta đến nơi, hoặc theo  
lệnh trước mà làm thì càng hay hoặc xét rõ vì sao Đại-  
ý Francis-Garnier chết rồi sẽ báo về. như thế chẳng  
đồn hơn sao ? » Philastre nghe theo, và nhơn chiếc Dec-  
rès còn đậu ở đấy, ông muốn sang đi tàu ấy để cho  
chiếc d'Estrées trở về Gia-dịnh báo tin với Súy-phủ  
Nguyễn-văn-Tường ngăn lại : « Tàu quí quốc đã vào  
cửa lại trở ra, sĩ dân hay được, e lại bắt chước Hà-  
nội làm càn thì làm thế nào mà ngăn cản được, lỡ  
sau có tồn hại ta lấy lẽ gì thưa lại với Quý-  
súy ? Nay nên khiến tàu Philastre ra cửa đón dẹp  
giặc biển, còn chiếc d'Estrées cứ đưa luôn ta đến Hải-  
phòng, ta qua Hải-duong trả lại thành-trì để tỏ lòng tín-  
mục với sĩ dân, sau sẽ đến Hà-nội giao trả mấy thành  
kia, hỏi việc Francis-Garnier rồi báo về một thề, như  
thế mới là hoàn toàn » Nghe ông Tường nói có lý, Phi-  
lastre thuận theo.

Ngày mồng tám, các ông đi Hải-phòng, rồi lên tỉnh  
thành Hải-duong (ngụy Tông-dốc Trương được Đại-  
ý Francis Garnier bỏ làm chức ấy) mưu giết Văn-  
Tường, ông biết được, thương với Philastre bắt xuống  
tàu giam lại). Văn-Tường từ các tỉnh Bắc-ninh, Hưng-  
yên lấy hơn 1.000 lính, ngày 12 nhận tỉnh thành rồi  
quyền đặt lại quan quản-trị.

Ngày 15, các quan sai-phái đến Hà-nội. Người Pháp ở đây nhao-nhao phản-dối việc giao trả các tỉnh, nhưng Philastre nhất định làm theo ý mình và cho Francis-Garnier là một đứa kẻ cướp ! Trần-đình-Túc, quyền lãnh Tông-đốc Nam-định, Nguyễn-trọng-Hợp quyền lãnh tỉnh-vụ Ninh-bình để cùng quan Pháp giao nhận hai tỉnh thành ấy.

Về việc giao Hà-nội Philastre và Nguyễn-văn-Tường phải hội-thương với bộ-thuộc của Francis-Garnier ba ngày mới xong ; ngày 25, giao tinh thành cho Bố-chánh Trương-gia-Hội quản-trị.

Philastre và Nguyễn-văn-Tường lập tờ Hiệp-định (6-2-1874) đại-lược rằng : tàu quân Pháp lui xuống ở Hải-phòng, tàu thuyền và bọn tùy tùng của Jean-Dupuis cũng buộc phải xuống ở đây đợi đến ngày Bắc-kỳ khai-thương sẽ hay ; nếu y muốn đi đường lên Vân-nam thì cũng cho những tàu thuyền, súng ống đem theo phải đúng như số định trong hiệp-định này, y gặp giặc cướp thì tự mình xoay-xở lấy, và không được trở lại Bắc-kỳ trước khi sông Hồng-hà khai-thương, còn nếu y đến ở một nơi nào khác trong nước Nam thì quan Pháp phải đuổi đi.

Thấy công việc mình thất bại Jean Dupuis vào Sàigòn kêu với Pháp-súy và đòi Nam-triều bồi phí tốn tính hơn một triệu phật-lăng.

Sau khi bốn tỉnh giao lại rồi, sĩ-dân giết hại hàng nghìn người, đốt phá hàng trăm làng đã giúp đỡ và theo phe với Đại-ý Francis Garnier, Hai người Pháp thay mặt nước Pháp ở Bắc-kỳ lúc ấy là Philastre và

Balézeau cũng phải nhận rằng đó là những điều báo trả công bằng lại việc những người bị nạn đã làm trước kia.

Rheinart Thủy-quân Đại-ý, đến Hà-nội giữ chức Trú-sứ. Tháng giêng năm sau (Giáp-tuất, 1874, Tự-Đức 27) Philastre và Nguyễn-văn-Tường về đến Kinh, vua khiến các quan đến cám ơn quan Thống-sát và ban một đạo sắc dụ biếu-dương công khó đối với nước ta. Nguyễn-văn-Tường được thăng Thượng-thư bộ Hình và phong Kỳ-vĩ-Bá.

### Hòa-ước Giáp-tuất (1874)

#### Thương-ước Giáp-tuất.

Vì Pháp-súy Dupré gấp về Pháp, Nguyễn-văn-Tường lại phải liền vào Gia-định, định hòa-ước cho cho kịp đẻ Thiếu-tướng đem về trình bệ bộ.

Ngày 27 tháng giêng năm Giáp-tuất (15-3-1874, Tự-Đức 27), ở Gia-định, các ông Lê-Tuấn, Nguyễn-văn-Tường, Thiếu-tướng Dupré ký hòa-ước 22 khoản như sau :

1) Giữa nước Pháp và nước Nam, có sự hòa-bình tinh bắng-hữu và liên-minh vĩnh-viễn.

2) Đức Giám-quốc nước Pháp nhận quyền Độc-lập của vua nước Nam không phải thàn-phục nước nào, và hứa khi nào vua nước Nam cần, sẽ giúp đỡ cho đẻ đánh dẹp mà giữ cuộc trị-an trong nước, chống với nước ngoài đến xâm-lăng và phá tan bọn cướp bóc dương khuấy nhiễu ở một phần bờ biển nước Nam.

3) Đề báo đáp sự bảo-hộ ấy vua nước Nam chịu y theo chính-sách ngoại-giao hiện-hành. Sự hứa chịu này không thi-hành đến các thương-ước. Nhưng, dầu trường-hợp nào, vua nước Nam cũng không được lập với một nước nào một thương-ước trái với thương-ước lập với nước Pháp hoặc không báo-cáo trước Chính-phủ Pháp.

Đức Giám-quốc nước Pháp tặng đức vua nước Nam :

1.— Năm chiếc tàu hơi, sức mạnh cộng được 500 mã-lực, còn toàn-hảo và có đủ máy móc, súng ống.

2.— Một trăm khẩu súng đại-bác từ 7 đến 16 ly trực kinh, mỗi khẩu có 200 viên đạn.

3.— Một nghìn khẩu súng tay và 5.000 viên đạn.

Tàu, súng này sẽ giao ở Nam-kỳ trong hạn lâu nhất là một năm, kể từ ngày hõi-giao hòa-ước.

4) Đức Giám - quốc nước Pháp hứa cho quan binh đủ số sang giúp đức vua nước Nam để tổ-chức lại thủy-quân, lục-quân, cho kỹ-sư, chủ xưởng thợ sang quản-dốc công-tác mà nước Nam muốn làm, những người giỏi về tài-chính sang sửa sang việc thuế má và việc quan thuế, những giáo-sư sang để lập một trường Cao-đẳng tiều-học ở Huế. Lại hứa sẽ cấp đức vua những tàu binh, súng ống, đạn dược mà vua cần dùng. Sự đền bù một cách công-bình công lao ấy sẽ do hai bên thỏa-thuận mà định.

5) Vua nước Nam nhận chủ-quyền đầy đủ và

trọn vẹn của nước Pháp trên các đất đai nước ấy hiện chiếm, ở trong biên-giới sau này :

Phia đông, biển Tàu và nước Đại-Nam (tỉnh Bình-thuận).

Phia tây, vịnh Xiêm-la ;

Phia nam, biển Tàu :

Phia bắc, nước Cao-mên và nước Đại-Nam.

Mười một ngôi mộ của họ Phạm, ở làng Tân-niên đông và Tân-quan đông tỉnh Gia-dịnh và ba ngôi mộ của họ Hồ ở làng Linh-chung, làng Tân-mỹ, tỉnh Biên-hòa sẽ không được xâm phạm đến, đào lên, phá hủy. Sẽ cấp một khoảng đất 100 mẫu cho các ngôi mộ họ Phạm và một khoảng rộng chừng ấy cho các ngôi mộ họ Hồ. Hoa-lợi đất ấy sẽ dùng tu bổ phần mộ và nuôi những gia-dình lo việc gìn giữ. Đất ấy sẽ miễn thuế và người các gia-dình ấy sẽ khỏi đóng thuế thân, khỏi đì lính và xâu bơi.

6 ) Nước Pháp miễn cho nước Nam hết số tiền binh-phí còn thiếu lại trước kia.

7) Đức Vua nước Nam chịu một cách rõ ràng trả cho nước I-pha-nho, nhờ Chính-phủ Pháp chuyển giao số tiền còn thiếu là một triệu đồng lô-la (mỗi đô-la là 0,62 của lượng), và đem một nửa số thuế thu được ở các cửa biển mở cho Âu, Mỹ buôn bán, bất kỳ thứ thuế gì, để dùng trả số ấy.

Số tiền trả hàng năm sẽ giao cho công-khổ Sài-gòn để đưa lại cho Chính-phủ I-pha-nho, lấy biên-nhận giao cho Chính-phủ nước Nam.

8.) Đức Giám-quốc nước Pháp và đức Vua nước Nam ban hành đại-xá và giao trả tất cả của-cái đã tịch-thu cho hết thảy nhân dân nước mình, trước kia và cho đến ngày lập hòa-ước, đã giúp việc cho nước đồng lập hòa-ước này.

9.) Đức vua nước Nam nhận răng dao Gia-tô dạy người làm điều lành nên hủy bỏ hết các chỉ-dụ cấm-dạo, cho dân trong nước được tự-do theo đạo và hành đạo.

Dân theo đạo của nước Nam sẽ được tu-hợp trong các giáo-dường để hành lễ, số người không hạn-chế. Dẫu vì một nguyên-do gì, chúng sẽ không bao giờ bị bắt buộc phải làm những hành-vi trái với tôn-giáo và bị kiểm-soát riêng tư nữa. Chúng sẽ được ứng-thí các kỳ thi và bồ làm việc công mà để được thế, không cần phải làm một điều gì tôn-giáo đã ngăn cấm.

Đức vua chịu hủy hết những sổ sách phân-tháp giáo-dàn làm từ 15 năm nay, và nói về sự duyệt-tuyễn, thuế má, cũng đãi chúng y như nhơn dân khác. Ngài chịu nhắc lại một điều cấm mà ngài đã khôn ngoan ra lệnh là cấm dùng trong ngôn-ngữ, văn-tự những danh-từ nạm mạ tôn-giáo và bảo sửa đổi những danh-từ ấy trong các khoản của Thập-diều.

Các Giám-mục, Linh-mục được tự-do vào trong nước và hẽ xin giấy thông hành Chính-phủ Nam-kỳ có quan Thượng-thơ bộ Lê hoặc quan Tỉnh-trưởng ký chiếu rồi thì được qua lại trong các khu vực giảng dạy. Họ được giảng đạo Gia-tô ở moi nơi và khi đến ở, di không cần phải khai báo với các quan Nam.

Linh-mục người Nam cũng được tự-do truyền-giảng như các Giáo-sĩ Âu-châu. Nếu họ có lầm lỗi và vi phạm pháp-luật, tội đáng phạt truợng, phạt xuy thì tội ấy sẽ đổi sang một hình-phạt tương-dương khác.

Các Giám-mục, Linh-mục người Nam được quyền mua và thuê đất, nhà, dựng giáo-dường, bênh-viện, trường học, nhà nuôi trẻ mồ-côi và mọi kiến-trúc khác dùng về tôn-giáo.

Của cải của dân theo đạo vì việc tôn-giáo mà bị tịch-thu thì sẽ giao trả lại.

Các điều nói trên sẽ thi-hành cho Giáo-sĩ I-pha-nho cũng như Giáo-sĩ người Pháp.

Sau khi hòa-ước hổ-giao, đức Vua sẽ xuống dụ ban bố sự tự-do cho dân đạo khắp nơi trong nước.

Chính-phủ nước Nam có thể lập ở Sài-gòn một trường Cao-đẳng tiều học đặt dưới quyền coi sóc của quan Quản-đốc nha Nội-vụ, và trong trường ấy không được dậy gì trái với luân-lý và sự thi-hành uy-quyền của nước Pháp. Sự thờ-phụng về tôn-giáo được hoàn-toàn tự-do. Nếu vi-phạm các điều-lệ ấy viên giáo-sư vi phạm sẽ bị đuổi về xứ và gấp trường-hợp nặng, trường có thể bị bόng cửa.

11.) Chính-phủ nước Nam chịu mở cửa biển Thi-nại trong tỉnh Bình-định, cửa biển Ninh-hải trong tỉnh Hải-dương, thành phố Hà-nội và sông Hồng-hà từ biển đến Vân-nam cho việc buôn-bán.

Một bản hiệp-định phụ thêm cho hòa-ước cũng có

hiệu-lực như hòa-ước sẽ định điều-kiện cho việc buôn-bán ấy.

Cửa Ninh-hải, cửa Hà-nội và sông (Hồng-hà) sẽ mở liền sau khi hòa-ước phê-chuẩn và hổ-giao, cửa Thi-nại thì một năm sau nữa.

Các cửa biển và con sông khác cũng có thể sẽ khai thông cho việc buôn-bán, nếu sự giao-dịch nhiều và hệ-trọng tỏ rằng khai-thông là có ích.

12') Người Pháp, người Nam dân Pháp và người ngoại-quốc được ở, có cửa-cải và tự-do buôn-bán, làm kỹ-nghệ ở các nơi nói trên, miễn là họ kinh-nề luật-pháp bản-quốc. Chính-phủ An-nam để đất dai cho họ cần để làm nhà ở. Họ trả các thuế-lệ thì được cho thuyền đi và buôn-bán trên sông Hồng-hà, từ biển đến Vân-nam, miễn là không được buôn-bán trên duyên-ngạn sông ấy từ biển đến Hà-nội và từ Hà-nội qua biên-thùy nước Tàu.

Họ được tự-do chọn, thuê những mại-bản, thông ngõn, người biên viết, thơ, phu thuyền và đầy tớ để giúp việc cho họ.

13') Ở mỗi cửa biển đã khai-thương, nước Pháp sẽ đặt một Lãnh-sự hoặc một Uý-viên có một số lính hộ-vệ không quá hai trăm người để lo sự an-ninh cho quan-viên ấy, làm cho oai-quyền ông được kính-nề, và tuẫn-phòng cho người ngoại-quốc, mãi đến khi vì thi-hành đúng hòa-ước, sự giao-thiệp tốt làm cho không còn lo sợ về mặt ấy nữa.

14') Dân nước Nam cũng được tự-do di du-lịch, cư-trú, có cửa-cải và buôn-bán ở nước Pháp và các

thuộc-dịa Pháp, miễn là tuân theo pháp-luật. Để bảo-hộ họ, đức Vua được đặt những Ủy-viên ở các thành-thị và cửa biển Ngài chọn.

15.) Người dân Pháp, người Âu-châu, người Nam-kỳ hoặc người ngoại-quốc khác muốn ở một nơi kề trên này thì đến xin quan Trú-sứ Pháp ghi tên, quan Trú-sứ sẽ báo-cáo với nhà cầm quyền nơi ấy.

Người dân An-nam muốn ở đất Pháp cũng tuân theo các điều như thế.

Người Pháp và người ngoại-quốc muốn đi du-lịch trong nước thì phải xin giấy thông-hành của quan Pháp có nhà cầm quyền An-nam bằng lòng và phê-chiếu. Cấm các người du-lịch ấy mọi việc buôn bán, nếu không tuân, hàng hóa sẽ bị tịch-thu.

Theo hiện-tình trong nước, sự du-lịch ấy có điều nguy-hiểm. Sau khi Chính-phủ nước Nam hiệp ý với quan đại-diện nước Pháp ở Huế xét rằng đã yên-tịnh thì người ngoại-quốc mới hưởng quyền lợi ấy.

Những người Pháp đi du-lịch trong nước về việc khoa-học cũng phải khai-trinh, họ sẽ được Chính-phủ che-chở, cấp giấy thông-hành, giúp đỡ cho dễ làm việc sai phái, và làm cho việc tra cứu của mình được dễ-dàng.

16.) Những sự tranh-giành giữa người Pháp với nhau, hoặc người Pháp với người ngoại-quốc thì do quan Trú-sứ Pháp xử.

Khi người Pháp hoặc người ngoại-quốc có điều tranh giành với người An-nam, có phàn-nàn hoặc kêu

nài việc gì thì trước phải trình quan Trú-sú, quan Trú-sú gắng mà thỏa xử cho yên. Nếu không yên thì ông tư xin quan Thẩm-phán An-nam đặt làm việc ấy giúp sức hai người xét việc ấy; rồi cùng đoán định theo phép công bằng.

Có việc tranh giành giữa người An-nam với người Pháp hoặc người ngoại-quốc cũng làm như thế ; người An-nam ấy trình với quan Thẩm-phán, nếu không thỏa xử được thì tư xin quan Trú-sú giúp sức rồi hai người cùng xử định,

Nhưng hết thảy những việc tranh giành giữa người Pháp hoặc người Pháp hoặc người ngoại-quốc sẽ xử ở những tòa-án có quyền ấy ở Sài-gòn. Quan Trú-sú Pháp có xin thì nhà cầm quyền bản-xứ phải gắng sức bắt và giao người phạm tội.

Khi có tội đại-hình hoặc trùng trị phạm ở đất Pháp bởi một người dân của đức Vua, quan Lãnh-sự hoặc Uỷ-viên của Ngài sẽ được báo cho biết những sự truy-tố kẻ bị cáo và sẽ được làm cho biết chắc rằng người ta tuần-thủ mọi phương-pháp đúng theo pháp-luật.

18.) Nếu có kẻ gian-nhàn phạm tội làm rối loạn hoặc cướp bóc ở trong đất Pháp trốn vào đất An-nam khi được tin báo, nhà cầm quyền bản-xứ sẽ gắng bắt và giao trả cho nhà cầm quyền Pháp.

Những kẻ trộm cướp, phạm tội đại-hình, dân của đức Vua trốn trong đất Pháp cũng sẽ bị xử theo cách ấy.

19.) Khi có một người dân Pháp hoặc ngoại-quốc

chết trong đất An-nam, hoặc một người dân An-nam chết trong đất Pháp, tài-sản của người mệnh-một sẽ giao cho kẻ thừa-kế ; nếu kẻ thừa-kế vắng mặt hoặc không có, thì giao cho quan Trú-sứ để chuyen-giao cho kẻ ưng-đắc.

20') Để thi-hành các điều-khoản trong hòa-ước, sau ngày ký một năm, đức Giám-quốc Chính-phủ Cộng-hòa Pháp sẽ bồ một quan Trú-sứ ngang hàng với chức Thượng-thư đến ở gần đức Vua nước Nam. Quan Trú-sứ sẽ giữ-gìn sự giao-hảo giữa hai nước và chăm-nom cho các điều-khoản của hòa-ước được thi hành tận-tâm.

Thứ vị của quan Trú-sứ ấy, cách tôn-trọng và đặc-quyền ông được hưởng, về sau hai nước sẽ hiệp-ý ấn định, sao cho hai bên cân bằng nhau.

Đức Vua nước Nam sẽ được đặt quan Trú-sứ ở Paris và Sài-gòn.

Những khoản chi phí cho quan Trú-sứ cư trú trong nước kia đều do Chính-phủ của Trú-sứ ấy chịu.

21') Hòa-ước này thế cho hòa-ước 1862, và Chính-phủ Pháp nhận làm cho nước I-pha-nho thuận-ưng. Nếu nước I-pha-nho không thuận-ưng những điều sửa đổi hòa-ước 1862, thì hòa-ước này chỉ có công-hiệu giữa nước Pháp và nước Nam mà thôi, còn những khoản về nước I-pha-nho trong hòa-ước cũ vẫn còn công-hiệu. Nếu vậy, nước Pháp sẽ nhận trả số tiền cho I-pha-nho và thay nước này làm trái chủ của nước Nam để được trả y theo khoản thứ bảy của hòa-ước này.

22') Hòa-ước này sẽ vĩnh-viễn. Nó sẽ được phê-

chuẩn rồi hõ-giao ở Huế trong hạn một năm hoặc mau hơn, nếu có thể ; hõ-giao rồi thì sẽ công-bố và thi-hành.

Hòa-ước ký xong, Thiếu-tướng Dupré về Pháp, Thiếu-tướng Krantz đến quyền-chức Nguyên-súy Nam-kỳ.

Trước khi dứt chuyện hòa-ước Giáp-tuất, chúng ta nên xem qua hành-vị của một nhân-vật Pháp, Thiếu-tướng Dupré, kẻ đã gây ra các việc cho nước ta trong thời-gian này. Như ta đã thấy, vua quan ta mất ba tỉnh phía tây Nam-kỳ nhưng chưa chịu lập hòa-ước để chính thức nhường cho người Pháp. Dần dà mãi mấy năm, Dupré đáo nhậm, cũng tiếp tục thương-thuyết việc lập hòa-ước nhưng không xong ; bức mìnhi, ông đã nói rằng chỉ chờ cơ-hội là hành-động để ép buộc. Dupré còn muốn chiếm nốt Bắc-kỳ để cho thuộc-địa Nam-kỳ được vững-chãi. Các ý ấy, Triều-dinh cũng rõ biết được.

Khi xảy ra việc Francis Garnier chiếm Hà-nội đặt quan cai-trị, trong sớ (1) của Tôn-nhơn và Đinh-thần dâng vua có nói : « ... chúng tôi nghĩ người Pháp vẫn muốn ta lập điều-ước nhượng ba tỉnh Vĩnh-long An-giang, Hà-liên để khoe-khoang với các nước, nhưng ta không chịu, họ đã nói đến nhiều lần, ta vẫn chưa theo, vì thế càng ngày họ càng dùng thêm giáo-kế, truật ta, vu ta, không được kết-quả gì họ lại dùng binh-lực... cho nên việc Francis Garnier ở hay đi không khỏi tùy hòa-ước có lập hay không, vậy xin theo thư Pháp-súy, cân-nhắc sự thế, làm toại điều họ yêu-cầu, may có thể thơ được nguy-cấp của Bắc-kỳ... »

---

(1) Đề ngày mồng 2 tháng 9 năm Tự-Đức thứ 26.

Năm Tự-Đức thứ 20, nghĩa là bảy năm trước việc Hà-nội thất-thủ, trong một lá sớ (1) tâu về việc thủ bị nước nhà, Phạm-phú-Thúr đã nói : «... Nam-định, Hải-yên là cái cửa lớn của 13 tỉnh Bắc-kỳ, của cải nhiều, kẻ buôn bán đều đến nhóm hợp ; người Pháp đã dắc-chí ở Nam-kỳ,ắt sẽ dòm đến đất Bắc, rồi việc mở cửa biển, việc thông-thương, khó mà ngăn trở được... » Xem thế thì trong Triều-thần ta cũng có người sáng-suốt, nhưng vì không đủ sức lực để đối phó với tình thế nên cũng chỉ phải nhượng mà thôi.

Việc Jean Dupuis xảy ra, Dupré biết là làm lỗi, nên theo lời kêu nài của ta, có sức tên ấy đi đi. Kịp đến khi nghe lời trình bày của Millot, biết rằng Bắc-kỳ dễ lấy và sợ quan Tàu đã sai phái Jean Dupuis có can-thiệp đến đất ấy chăng, nên Thiếu-tướng quyết nắm lấy cơ-hội mà hành-dộng. Nhưng vì Chính-phủ Pháp đã ra lệnh nhất định cấm chỉ, nên Thiếu-tướng phải thi thoé một cách nửa úp nửa mở. Tiếp các ông Lê-Tuấn, Nguyễn-văn-Tường kêu nài, Dupré khêu gợi cho Sứ-thần ta tự mình xin người Pháp đưa binh ra Bắc để đuổi Jean Dupuis. Thiếu-tướng nói ông không thể tự làm giảm oai-quyền mà viết thư sức Jean Dupuis một lần nữa để cho y không tuân như lần trước, vậy chỉ còn cách là sai một võ-quan đem mấy người lính ra bảo, nếu y không nghe thì bắt-buộc y phải nghe, Ông Lê-Tuấn bằng lòng ! Dupré đã đem binh-lực đến Bắc-kỳ một cách khéo-léo !

Françis Garnier ra đi Thiếu-tướng bảo ghé Đà-

---

(1) Đè ngày mồng 2 tháng 7 năm Tự-Đức thứ 20.

nâng dâng thư lên nói cho Triều-dình biết mục-dich của sự sai-phái ; trong thư ấy, cái ý khai-thương Bắc-kỳ mới bắt đầu tỏ lộ. Thiếu-tướng một mặt thì viết thư cho Tống-đốc Lưỡng-Quảng, Tống-đốc Vân-nam xin đừng phiền các tỉnh ấy đem binh giúp Jean Dupuis một mặt thì hăm dọa Nam-triều đã sai phái-bộ sang Hương-cảng cầu-cứu với người Anh, người Đức, người I-pha-nho. Rồi trong khi Francis Garnier làm mưa làm gió ở Bắc-kỳ thì ở Gia-định, Dupré mặc sức mà yêu-sách trong việc thương-thuết hòa-ước.

Tuy vậy sợ Francis Garnier làm quá thì Nam-triều kêu ca lôi thôi và Chính-phủ quở trách, Thiếu-tướng phải tìm cách hòa-hoãn bớt tình thế lại. Trong các người Pháp ở Saigon lúc ấy có một viên Thanh-trạ các việc bản-xứ kiêm Thống-sát Hình-luật tên là Philastre vốn có cảm-tình thân - thiện với người Việt-Nam theo lời người Pháp ở đây lúc bấy giờ thì vì có những cảm - tình ấy nên Philastre bị Pháp-súy rất khinh rẻ đến nỗi không thèm tiếp trong phòng khách của Súy - phủ. Nhưng gặp lúc phải ngon - ngọt với Nam - triều để cho họ khỏi sôi - nỗi về cử - động của Francis Garnier, Dupré thấy không còn biết ai hơn là Philastre, vì một người khác có khéo đến đâu, đứng trước tình cảnh này, cũng không thể làm cho vua quan ta tin lòng hòa-hảo của Pháp-Súy, chỉ có Philastre mà người Việt-Nam sẵn có mỹ - cảm, may ra có thể nói cho họ nghe được mà thôi, Dupré bèn đưa các huấn-lệnh của Chính-phủ Philastre xem rồi sai ông ra điều-định việc Bắc-Kỳ. Đặt lên sân-khấu hai nhân-vật trái ngược nhau, một người thì mang gươm

xách súng, hăm-hăm sinh-sự, một người thì nhã-nhặn, ôn-tồn săn-sàng thân-thiện, nghĩa là vừa dấm-dá, vừa dỗ-dành, Thiếu-tướng Dupré đã bài-trí lợp tuồng một cách khéo-léo, cốt là dọa Nam-trieu đê yêu-sách đói điều ích lợi mà Nam-trieu không giận - dữ, kêu ca gì hết !

François Garnier bị giết, Dupré thấy mình nguy, vì sai Đại-úy ra Bắc là trái với lệnh của Chính-phủ. Vậy tuy những việc Đại-úy làm đều đã hiệp-ý của Thiếu-tướng, nay đê khỏi bị tội, Thiếu-tướng chỉ còn cách dỗ lối cho François Garnier đã « vượt qua quyền hạn ». rồi đê cho Philastre tùy ý giao trả các tỉnh. Philastre mà trước kia Dupré khinh rẻ, không thèm tiếp ở phòng khách thì bây giờ Thiếu-tướng rất tin cậy và làm gì Thiếu-tướng cũng cho là phải cả !

François Garnier bị giết là một việc chẳng hay cho Thiếu-tướng nhưng ông đã đạt được mục - đích ; trong khoản thứ ba của hòa-ước Giáp-tuất, nước Nam chịu y theo chính sách ngoại-giao của nước Pháp, khoản thứ 11, khai-thương cửa Ninh-hải (Hải-phòng) Thi-nại (Qui-nhơn) Hà-nội và sông Hồng-hà, khoản thứ 13 cho đặt Lãnh-sự, tóm lại cuộc bảo-hộ Pháp đã khai mào vậy. Thiếu-tướng sở-dắc chừng ấy cũng đã nhiều rồi vì nước Pháp hiện thời chưa có thể nên chưa muốn xâm-lược đất dai !

Bên ta, có người khen các ông Nguyễn-văn-Tường, Trần-dinh-Túc khéo thương-thuyết nên thu lại được bốn tỉnh Bắc-Kỳ, nhưng ta đã thấy, Chính-phủ Pháp chưa muốn lấy Bắc-Kỳ, Garnier bị giết đã làm cho Dupré

hoảng hồn, còn đâu dám lo đến việc xâm chiếm. Tuy vậy, cũng như phần đông định thần lúc ấy, hai ông đã dùng hết mưu cơ, đồ hết tâm-trí để lo việc nước ; và gấp lúc khó-khăn mà bình-tĩnh, nhẫn-nhục được như ông Tường thì cũng là hạng người có tài vậy.

Trong hòa-ước Giáp-tuất, hai khoản thứ ba, thứ tư biếu ta một số tàu, súng, và cấp ta người huấn-luyện quân-sự, kỹ-sư để giúp việc và bầy dậy cho, nếu vua quan ta biết khéo lợi dụng cơ-hội ấy thì có lẽ nước ta cũng đã tiến được một bước trên đường văn minh mới, ngặt vì tinh-thần bài Pháp quá hăng, chưa thấy rõ giá-trị của văn-minh mới, nhất định không chịu bắt chước gì của kẻ địch bầy dạy, nên hòa-ước ký rồi thi Triều-dinh bỏ vào tủ, rồi trong mọi việc, đường lối nghìn xưa thế nào thì nay cứ tiếp theo thế mà làm, không chịu tự-tu, tự-chỉnh, tự-tân, tự-cường, cho nên chẳng bao lâu, mảnh đất Trung, Bắc-Kỳ còn lại cũng sa nốt vào lao-lung ngoại-quốc.

Sau hòa-ước Giáp-tuất, ngày 20 tháng 7 năm ấy (31-8-1874) các ông Nguyễn - văn - Tường, Nguyễn-tăng-Doãn cùng Thiếu-tướng Krantz ký ở Gia-dịnh thương-ước 29 Khoản như sau :

1.) Vua nước Nam mở cửa biển Ninh-hải (Hải-dương) thành phố Hà-nội, sông Hồng-hà từ biển đến Vân-nam, cửa biển Thi-nại (Bình-dịnh) cho tàu buôn bất kỳ nước nào, tới lui buôn bán ;

2.) Ở các cửa khai-thương nói trên, hàng-hóa chở vào chịu quan thuế 5% giá hàng rồi được tự-tiện đem bán ; chỉ muộn phải chịu thuế 10% của giá.

Súng đạn, các đồ quân-khí thì không được chở vào hoặc chở ra. Nha-phiến sẽ do nước Nam định lệ-riêng. Gạo nhập-cảng chịu thuế 5%. gạo xuất-cảng phải có giấy của Nam - triều và chịu thuế 10%. Tơ, gỗ, lụm được nhập cảng và khi xuất cảng phải chịu sản-thuế ở xã thôn sở-tại rồi để Triều-dinh nước Nam mua đủ dùng mới được đem ra, thuế cũng 5%. Hai thứ hàng hóa vừa nói, khi nào nước Nam cho chở ra hoặc không cho chở ra phải tư quan Trú-sứ Pháp biết trước một tháng. Súng, đạn, quân-khí không cho Triều-dinh nước Nam cho phép thì không được chở ra. Hàng-hóa ngoại-quốc chở từ Vân-nam xuống biển, hoặc từ biển lên Vân-nam chịu quan-thuế một lần thôi, đi ngang qua thì không can thiệp gì, nhưng nước Nam có thể tùy liệu nghị-dịnh quy-lệ để phòng có kẻ đem hàng cấm vào đất mình. Hàng-hóa đã chịu thuế thì được di tinh này qua tinh khác, không cần nạp thuế gì khác nữa. Hàng hóa của thuyền Tầu, về hàng cấm và quan thuế, cũng theo nhất luật như của thuyền Tây và các nước khác. Thuế thuyền Tầu và thuyền Nam nạp do quan coi thuế người Nam thu riêng để cho quan Nam tiêu riêng mà thôi. Về hàng cấm, thuyền Nam cũng phải theo thê - lệ như các nước.

3') Thuyền buôn ra vào cửa biển hai lần đều có chở hàng-hóa thì cứ theo trọng tải nạp mỗi tôn (tonne) ba tiễn thuế vọng-dăng (1) và định-dịnh (2), chỉ một lần

---

(1) tháp đèn

(2) cấm neo

có hàng-hóa thì nạp một tiền rưỡi mỗi tòn, ra vào đều không có hàng thì khỏi nạp.

4.) Hàng-hóa từ Gia-dịnh chở đến các cửa biển đã khai-trương để bán, hoặc do sông Hồng-hà lên Vân-Nam, và từ một cửa biển khai-thương, hoặc từ Vân-Nam đi sông Hồng-hà chở về Gia-dịnh đều chỉ thu nửa thuế đã định thời. Vậy muốn phòng gian trá thì thuyền ở Gia-dịnh khi đi phải có viên quan Pháp coi giữ hải-cảng và quan Lãnh-sự An-nam cấp giấy chứng-nhận. còn thuyền từ cảnh-giới Vân-nam hoặc từ một cửa biển cho khai-thương nói trên mà đi Gia-dịnh, quan thu-thuế có thể tùy tiện sai người bảo lãnh thì thuyền ấy được hưởng lệ chước giảm. Nếu không có người bảo lãnh hoặc có bảo lãnh mà không đáng tin thì phải nạp đủ thuế, nửa phần được giảm ấy đợi có bằng cớ xác-thật sẽ giao trả lại.

5.) Hàng-hóa qua lại bằng đường bộ hai tỉnh Bình-thuận, Biên-hòa, trước kia hoặc có chịu, hoặc không chịu món thuế gì nay cứ để y như cũ, không tăng giảm hạn một năm sau khi hố-giao thương-ước này sẽ định điều-lệ. Tuy nhiên những kẻ buôn ngựa ở đất Đại-Nam đem đến bán ở Biên-hòa sẽ chịu lệ thuế hiện-hành, không được nặng thêm.

6.) Vì muốn chiếu liêu thu quan-thuế và muốn cho khách buôn ngoại - quốc và quan An-nam không có điều gì trở ngại, chính-phủ Pháp lựa quan viên để giúp việc quan-thế, quan-viên này phải theo chỉ-thị của bộ Hộ. Chính-phủ Pháp cũng vì nước Nam, lo việc tuần-phòng ngoài biển cho nghiêm-mật để bảo-hộ thương-dân.

Trước khi trả số tiền mắc I-pha-Nho thì nước Nam không được thuê một nước Tây nào không thuộc nước Pháp mà Trú-sứ hoặc Lãnh-sự không hợp ý, để giúp việc quan thuế ; đợi ngày nào trả món nợ ấy xong và quan An-nam am-thục việc thuế, không phiền nước Pháp nữa, sẽ hội-nghị thay đổi.

7.) Viên-chức coi quan-thuế ở các cửa biển đã khai-thương nói trên đều thống-thuộc quan Quản-lý An-nam trú ở cửa Ninh-hải. Lại có một quan Pháp giúp quan An-nam xem xét quan thuế Tây cũng trú ở đấy. Phàm luật-lệ về thuế cửa ải, cửa biển đều do hai quan ấy hợp nhau mà làm. Các viên-chức Pháp ở các cửa ải, cửa biển khác đều do quan Pháp ở Ninh-hải thống-nhiếp ; viên quan này có thể gửi thư cho quan Lãnh-sự và quan Trú-sứ Pháp để dạo-dạt các việc quan-thuế, thông-thương. Hai quan Quản-lý này nếu gặp việc phải trình với bộ Hộ thầm thì hội nhau đứng giấy tư-biện, nếu có khoản nào ý-kiến không hợp thì do bộ Hộ thầm đoán.

8.) Các sổ sách thu thuế đều làm hai bản, một bản do viên coi thuế người Tây giữ, một bản do viên giữ kho thuế người Nam giữ, các đơn nạp thuế và biên-bảng chi-xuất tiền trong kho ấy hoặc đem để kho khác phải có quan Nam và quan Pháp xem ký, cuối tháng hai bên đem sổ sách đổi chiếu.

10.) Phàm việc chi phí trong năm phải lấy thuế vọng-dăng và thuế định-dịnh mà dùng, nếu không đủ sẽ lấy quan thuế, nhưng không được lấy quá nửa. Các việc

được chỉ là : Trả lương người Tây, người Nam và người nước khác giúp việc thu thuế, làm nha môn, sảnh thư về quan thuế, đào sông, do nước và hết thảy công việc có ích cho sự thương mãi.

11.) Thương-ước này phải tuân thủ trong mươi năm kể từ ngày hai bên giao hoán làm đầu. Trong hạn ấy, nếu có một nước xướng nghị thay đổi khoản nào thì sau khi xướng một năm, hai nước nghị định mới được cải.

12.) Kẻ buôn bán và quan thu thuế nhơn việc thuế mà mà kiện tụng thì do quan sở tại An-nam và quan Lãnh-sự Pháp hội đồng cứu xử.

13.) Thuyền Pháp và thuyền các nước đến các bến, được thuê người dẫn thủy-dẫn vào bến ; khi nạp thuế xong mà ra cũng thế. Muốn làm dẫn thủy phải có ba tầu buôn cho chứng chỉ làm nghề ấy, được rồi do quan An-nam và quan Lãnh-sự Pháp cấp bằng. Giá tiền thuê người dẫn thủy do quan giữ cửa biển và quan Lãnh-sự chước định.

14.) Người dẫn-thủy ấy đem tầu thuyền ngoại-quốc vào bến rồi, quan thu thuế liền phái một, hai người theo trọng giữ cho khỏi trái điều-lệ thương-thuế : người khán-thủ do quan thu thuế trả tiền công không được đòi nơi thuyền buôn.

15.) Thuyền-buôn ngoại-quốc đến bến, trừ khi có thuyền-cớ trờ ngại, hạn một ngày đêm, chủ-thuyền, chủ hàng-hóa, hoặc người đại-diện phải đem đơn hàng, thuyền-bài trình quan Lãnh-sự Pháp. Hạn trong một ngày, quan Lãnh-sự chuyền tư quan thu thuế. Thuyền

khai trê nải thì quá một ngày đêm phạt bạc 50\$ đến 200\$ thì thôi, quan thu-thuế nhận lời tư của quan Lãnh-sự rồi liền cấp giấy phép cho thuyền cất hàng. Nếu chưa được giấy phép mà đã cất hàng thì có thể phạt bạc đến 50\$, hàng hóa đã cất khỏi thuyền có thể tịch một. Nếu thuyền có chở súng đạn để tự vệ cũng phải khai ra; nếu quan An-Nam cho rằng không tiện để trong thuyền thì phải đem gửi quan giữ cửa biển hoặc quan Lãnh-sự, khi đi sẽ lấy lại v.v...

16.) Thuyền ngoại-quốc và người buôn-bán được tùy ý thuê ghe nhỏ chở hàng-hóa và hành-khách, hai bên thỏa-thuận là được, quan An-Nam không phải chiếu-cố, nếu ghe ấy có trộm cắp tài vật của người buôn, quan An-Nam không phải bảo hiễm, bồi-thường v.v...

17.) Người buôn-bán ngoại-quốc mỗi khi cất hàng lên, đem hàng xuống tàu, phải khai rõ, trình quan thu thuế cấp giấy phép, nhưng phải tra kiêm cho đúng trong tờ khai. Khi kiêm hàng, định thuế mà người chủ hàng dư thì sau không được kêu ca điều gì. Khi quan và người buôn trả giá hàng mà không hợp ý thì mỗi bên được nhò hai, ba người trả giá, giá nào cao hơn thì theo đó mà đánh thuế v.v...

18.) Thuyền buôn nào vào bến chưa lãnh giấy cất hàng, hạn trong hai ngày đêm có thể ra bến di nơi khác, các thứ thuế sẽ nạp ở bến cất hàng.

19.) Thuyền buôn và người buôn nạp thuế xong, quan thu thuế cấp biên-bằng để trình quan Lãnh-sự

Pháp, quan Lãnh-sự đem thuyền bài nạp trước kia và các biên-băng trả lại cho ra cửa.

Nếu quan thu thuế và thuyền chủ hợp-ý và muốn dễ-dàng cho việc thương mãi thì cũng có thể cứ theo thuyền bài, đơn hàng mà thu thuế không cần phải cất hàng lên để khám-nghiệm.

20.) Thuyền buôn vào cửa, nếu ở quá hai ngày đêm và chưa cất hàng thì phải chịu thuế vọng-đăng định-định y như khoản thứ ba ; khi nạp thuế ấy được nhận giấy chấp chiếu để sau đến cửa khác đưa trình thì khỏi nạp thuế ấy nữa. Thuyền buôn ngoại-quốc đến các bến đã khai-thương của nước Nam nạp thuế ấy mà thôi.

21.) Thuyền buôn đến bến chỉ phải chịu thuế các hàng-hóa mình cất lên bến ấy mà thôi, hàng-hóa chưa cất lên sẽ chịu thuế ở bến sẽ cất v.v...

22.) Thuyền buôn đến bến không được tự-tiện thuyền hàng-hóa qua thuyền khác, nếu gặp trường-hợp bắt buộc thì phải báo quan Lãnh-sự cho giấy quan thu thuế sai nha thuộc đến khám xét rồi mới được làm. Không có điều nguy-hiểm và không có giấy phép mà thuyền hàng đi thì hàng ấy sẽ tịch-một,

23.) Các nha thụ thu quan - thuế sẽ được bộ Hộ cấp cho cân và thước. Cân, thước ấy sẽ gửi quan Lãnh-sự mỗi thứ một cái. Việc đo, cân hàng-hóa để đánh thuế phải dùng cân, thước ấy v.v...

24.) Thuyền-chủ và thương-nhân ra vào các bến có trộm chở hàng-hóa gì, hoặc chở hàng cấm, bất câu

nhiều ít, thì hàng hóa tịch mịch, thuyền-chủ, thương-nhân ấy phải lập tức ra khỏi bến, không được trở lại buôn-bán ở các biển nước Nam nữa.

Quan Pháp tùy nghi thiết pháp cấm thời điêu gian của các thuyền nước này giả treo cờ nước khác.

Tiền phạt, tiền phát-mại hàng-hóa thu vào kho quan-thuế v.v...

25.) Nước Pháp có thể tùy tiện phái binh thuyền đến các cửa biển nói trên, đậu để đòn áp thủy-thủ các thương - thuyền, để giúp uy-quyền cho quan Lãnh-sự...

26.) Bình-thuyền Pháp qua lại tuần hộ thương-thuyền đều được đối-dãi bằng tình bè-bạn và để cho được mua các vật ăn uống, nếu có hư-hỏng cũng được sửa chữa không trả ngại. Tàu ngoại-quốc hư-hỏng hoặc bị phong-nạn đến tránh không luận cửa nào, cũng được đối-dãi như thế v.v...

27.) Thuyền buôn nước Nam tới lui buôn ở các bến nước Pháp hoặc sáu tỉnh Nam-Kỳ được theo thuế-lệ của tối-hậu-quốc.

28.) Nước Pháp nguyễn theo y hòe - ước ký ngày 15 tháng ba năm này (khoản thứ 2) hết sức tiêu-trừ cướp biển, cướp bộ nó làm ngăn trở thương lô, mà ở các bến khai thương nói trên này lại gắng sức hơn để thương-nhân được thông-hành làm ăn.

29.) Thương-ước này phụ với hòa-ước mà tham chiếu nhất thề... làm xong sẽ hô-giao với hòa-ước mợt

lần, nếu có chậm cũng không được quá ngày 15 tháng ba năm sau thì phải đem thi-hành v.v...

Năm sau, Ất-hợi ngày tháng ba (13-4-1875), Thiếu-tá Brossard de Corbigny, Regnault de Premesnil đến Huế, cùng các ông Nguyễn-văn-Tường, Phạm-Ý hô-giao hòa-ước Giáp-tuất trước cửa Ngọ-môn. Chẳng bao lâu, ngày tháng bảy (29-8-1875) Nguyễn-văn-Tường cùng Đặc-phái viên Rheinart cũng hô-giao thương - ước ở sở Thương-bạc.



## CHƯƠNG THỨ BẤY

---

### CÁCH TRIỀU - ĐÌNH TA CHỐNG - CHẾ VỚI SỰ BÀNH-TRƯỞNG CỦA PHÁP

---

#### Cầu viện nước Tàu

Từ trước đến bấy giờ nước ta vua nào lên ngôi cũng sai sứ sang Tàu cầu phong và giữ lệ ba năm cống một lần. Cống-phẩm thì đưa giao quan Tông-đốc Lưỡng-Quảng đệ về, chử sứ ta cũng không phải đem đến Bắc-kinh. Còn mỗi lần phong-vương cho vua ta thì sứ Tàu qua Hà-nội tuyên-phong, đời vua Tự-Đức sứ Tàu đến Huế làm lễ ấy. Tuy phải thần-phục như thế nhưng nước ta vẫn tự-chủ việc mình, và vẫn hoàn-toàn độc-lập.

Theo khoản thứ hai của hòa-ước, Giáp-tuất, nước Pháp nhận nước ta không phải thần-phục nước nào nữa, ấy là có ý nói nước ta phải đoạn-tuyệt với nước Tàu. Nhưng trong khoản thứ ba có nói « không được thay đổi việc ngoại-giao hiện giờ » (ne rien changer à ses relations diplomatiques actuelles), ý câu ấy không được rõ-ràng, vua Tự-Đức còn muốn nhờ vả nước Tàu để chống với người Pháp nên vịn theo đó mà cống Tàu như trước.

Năm Quý-dậu (1873) các ông Phan-sĩ-Thuộc, Hà-văn-Quang, Nguyễn-Tú di sứ Tàu dâng-cống và biếu-văn nói việc quân Tàu sang Bắc-kỳ không chịu hết sức giúp đỡ để dẹp giặc giã. Năm Bính-tí (1876), các ông Bùi-ân-Niệm, Lâm-Hoằng, Lê-Cát sung sứ-bộ qua dâng cống - phảm. Năm Canh-thìn (1880), các ông Nguyễn-Thuật, Trần-khánh-Tiến, Nguyễn-Hoa sang tận Bắc-kinh dâng đỡ cống và biếu-văn xưng-thần.

Có lẽ ngoài việc dâng cống-phảm, các sứ-bộ này, nhất là sứ-bộ Canh-thìn qua đến đế-đô nhà Thanh, còn có nhiệm-vụ tâu bầy việc xâm-lăng của nước Pháp và bí-mật cầu Thiên-quốc cứu-viện. Vì vậy năm Tân-tị (1881), Thanh-dinh sai một vị quan tên Đường-dinh-Canh, đánh tiếng là người của một hội buôn gọi Chiêu-thương-cuộc, đến Huế xin lanh việc vận tải, kỳ thật là để dò thăm việc bên ta. Năm sau, Đường-dinh-Canh cũng mượn cớ ấy trở qua với mấy người Tàu nữa, nhân nói cho ta biết rằng Tăng-kỹ-Trạch, Khâm-sai Tàu ở Âu-châu bảo rằng nước Pháp định đánh Đông-kinh nước ta, nhưng thắc từ là để đuổi Lưu-vĩnh-Phúc, nghị-viện đã chuẩn-y ta phải không lo giữ. Khi Đường-dinh-Canh về Triều-dinh sai các ông Nguyễn-Thuật, Nguyễn-Tá đi theo.

Bấy giờ ở miền thượng-du Bắc-kỳ giặc-cướp Tàu và ta quấy nhiễu không lúc nào yên, quan quân đánh dẹp không được, phải nhờ quân Tàu sang giúp. Năm Mậu-dần (1878), có người Tàu tên Lý-dương-Tài, nguyên làm Hiệp-trấn châu Tâm (Quảng-tây) bị cách, đem quân sang đánh cướp thành Lạng-sơn, quân ta

báo cho Tàu biết, Đề-đốc Quảng-tây là Phùng-tử-Tàl đem hai mươi sáu doanh-quân sang để cùng ta đánh dẹp. Ủy-viên Pháp ở Tàu là Patenôtre và Sứ-thần Pháp ở Bắc-kinh là Bourrée thấy Sứ ta sang Tàu và thấy Thanh-triều sai quan quân sang Bắc-kỳ thì bầm về Chính-phủ xin tìm phương đối phó để làm cho nước Tàu không can dự được đến việc Việt-Nam mới tiện cho nước Pháp.

Nhiều người trách vua Tự-Đức cầu viện nhà Thanh, nhưng muôn biết vì sao Triều-dinh ta hành-động như thế, ta phải hiểu cái tâm-lý các Ngài. Tâm-lý ấy, Rhenar là Đặc-phái viên của nước Pháp ở Huế đã thấu-triết và tả rõ trong một bức thư gửi cho Thomson Thống đốc Nam-kỳ : « Triều-dinh Huế chắc cũng hối-hận bị nội-thuộc nước Tàu, nhưng tôi chắc rằng họ muôn trở thành một tỉnh của nước Tàu còn hơn là nhận ta bảo-hộ, mặc dầu ta cho họ nhiều điều lợi-ích và để họ tự-chủ trong việc cai-trị. Người Tàu là chủ hoặc anh, chúng ta là mọi rợ. Chế-độ Tàu sẽ thay đổi rất ít đến tập-tục của các quan, còn phục-thuộc là một điều nhục-nhã còn khó chịu hơn là tự-tử ».

Dầu thế nào, nước Pháp thấy ta giao-thiệp với nước Tàu cũng lấy làm ngại, cho là trái với hòa-ước nên đem mà trách ta và lấy cớ để dùng binh.

### Dùng quân Cờ-Đen

Giặc Thái-bình bên Tàu bị phá tan rồi thì dữ-đảng là bọn Ngô-Côn chạy sang nước ta, trước nói xin hàng nhưng rồi sau di cư-ởp bóc các nơi, quan quân đánh dẹp

không được. Năm Mậu-thìn (1868) Ngô-Còn đánh lấy tỉnh Cao-bằng, bắt Bố-chánh Nguyễn-văn-Vĩ, ta đưa thư sang Tàu xin đem quan hội-liệu. Năm ấy, quan quân ta bị thua, Tham-tá Nguyễn-Mại, Phó Đè-đốc Nguyễn-viết-thành tử-tiết, Thống-đốc Phạm-chi-Hương bị giặc bắt. Mãi đến năm Canh- ngọ (1870) Tiêu-phủ Ông-ich-Khiêm mới bắn chết được Ngô-Còn, nhưng đảng nó là Lưu-vĩnh-Phúc, hiệu Cờ-den, Hoàng-sùng-Anh, hiệu Cờ vàng Bàn-văn-Nhị, Lương-văn-Lợi, hiệu Cờ-trắng cứ cướp phá ở miền Thượng-du Bắc-kỳ thu cả thuế mả mạn ấy, dân-gian rất khổ-sở.

Sau, đảng Cờ-den và Cờ-vàng thù-hiem nhau, nước ta nhân đó thu dụng Lưu-vĩnh-Phúc, cho ở đất Lao-kay để chống đánh đảng Cờ-vàng. Đến năm Ất-hợi Tân-tương Tôn-thất-Thuyết đánh bắt được Hoàng-sùng-Anh Còn Lưu-vĩnh-Phúc tuy hàng phục ta, nhưng kỳ thiệt ta không kèm chẽ nỗi, cho nên đã có lần quan Tân-lý quan-thú Tuyên-quang là Trần-dinh-Túc xin đuổi Phúc về Tàu.

Quân Cờ-den đóng-dồn trại trên thượng lưu sông Hồng-hà, thu thuế các thuyền bè qua lại, những nhiều kẻ lữ-hành, muốn làm gì thì làm. Người Pháp rất lấy làm bất bình, nhiều lần phàn-nàn với quan ta, nhưng Triều đình có ý mong nhờ đảng ấy để mưu việc về sau, nên bỏ qua đi. Năm Ất-hợi (1875), vua khiến quan Thương-bạc làm thư đưa Pháp-súy Nam-kỳ nói Lưu-vĩnh-Phúc cũng là tội con trong nước, xin dừng nghi-ngại.

Nhưng quân Cờ-den sach nhiều các thuyền buôn và khách qua lại càng ngày càng quá. Ghe thuyền của

thương - nhân và kẻ du - lịch ngoại - quốc đi trên sông Hồng-hà thường gặp điều trở ngại. Ông Fuchs, kỹ-sư mỏ và ông Satadin đi tìm mỏ Antimoine, đi thuyền máy đến chợ Moncay thì quân Cờ-den đóng ở đây không cho lên bộ. Quan Pháp đưa thư kêu với Triều-dinh, vua phải sai Thị-lang Trần-thú-Nhẫn vào Gia-dịnh giảng-giải với Pháp-súy.

Năm Tân-tị (1881) có hai người Pháp là Courtin và Villeroi có giấy thông hành của quan Pháp, Nam cấp, đi thuyền lên Vân-Nam khảo-cứu về vạn-vật-học, khi đến gần Lao-kay thì gặp quân Cờ-den cản lại, một tên đầy tớ người Mã-Lai đi theo hai ông bị bắn ở đùi. Hai ông phải trở xuống tỉnh-ly Hưng-hóa lại bị một đoàn Cờ-den mấy trăm người đến truật, phu thuyền phải bỏ trốn.

Người Pháp cho đó là trái với khoản thứ mười lăm của hòa-uớc Giáp-tuất nên lấy cớ mà dùng binh.

### Bất hòa trong việc giao-thiệp với Pháp.

#### Cầu thân với các nước Âu-châu khác

Rheinart đến thay Philastre ở Hà-Nội được một toán quân 40 người hộ vệ. Vì nghĩ số ấy không đủ đối phó với việc bắt trắc, nên ông cho phép bọn tùy-tùng và tàu của Dupuis bị giữ lại ở Hải-phòng lên Hà - Nội để giữ gìn việc an-toàn cho mình. Thấy Rheinart làm trái với tờ hiệp-dịnh, Philastre sợ sinh rắc - rối, nên Súy-phủ Nam-Kỳ súc ông phải rút quân Dupuis đi, và nếu có e-nại thì được xuống ở Hải - phòng. Rheinart

xuống ở Hải-phòng thấy không có công việc gì, giao quyền cho Lục-quân Thiếu-tá Dujardin mà vào Sài-gòn.

Sau khi hòa-ước Giáp-tuất ký rồi, sĩ-phu vẫn không phục, nhân dân không tin rằng hai nước đã hòa-hảo. Ở Hải-dương, Quảng-yên đảng xưng là con cháu nhà Lê trước đã theo Francis Garnier để đánh quân ta, vẫn còn khuấy phá mãi. Ở các bờ biển và các sông ngòi, ghe thuyền bọn cướp biển tự-do tới lui, hành - động. Sơn - tây và một phần lớn Thanh-hóa bị giặc Cờ-vàng nhũng-nhiều. Trên miền thượng-du Bắc-Kỳ, cướp bóc vẫn hoành-hành. Giặc ấy, cướp ấy, quan quân ta tiêu-trù không được, quân Tàu sang giúp đánh cũng không xong.

Tháng tám năm ấy (Giáp-tuất) vua sai Nguyễn-tăng-Doãn ra Hải-dương, Hà-Nội lựa chõ làm đồn trại cho quân Pháp đóng và thương với Dujardin nhờ giúp ta để đánh dẹp. Thiếu-tá có giúp ta đánh đuổi giặc cướp ở mấy nơi và phá tan một toán giặc gồm những kẻ tự xưng là con cháu nhà Lê, hợp với bọn thủ - hạ của Garnier trước kia và bọn lính Tàu bị sa thải chiếm đóng Đông-triều và đến vây thành Hải-dương.

Lại nghĩ ở Bắc-Kỳ sự buôn bán mới mở, người các nước đến nhóm họp, phải có đại-diện thông hiểu để giao-thiệp với họ, nên ngày tháng mười vua sai Hộ-bộ Thương - thư Phạm-phú-Thú ra sung Tông-lý Thương-chánh Đại-thần.

Năm sau, Ất-hợi (1876, Tự-Đức thứ 28), sau khi hòa ước đã Hô - giao, Chính - phủ pháp sai Rheinart

(nguyên Đại-úy ngạch Thủy-quân bộ binh, Thanh - tra việc bản xứ ở Nam-Kỳ) đến làm Ngoại-giao đặc-phái-viên Chargé d'affaires) ở Huế, Kergaraadec làm lãnh-sự (Consul) ở Hà-Nội, Truc làm Lãnh-sự ở Hải - phòng, còn bên ta thì cho Nguyễn-thành-Ý làm Lãnh - sự ở Sài-gòn.

Đến Huế, Đặc-phái-viên Rheinart trú nhà Sứ-quán ở sau Tòa khâm cũ, về bang giao quan Đại-diện nước Pháp giữ vị thứ của quan Công - sứ lưu - trú hạng nhì (Ministre Président de 2è classe), vì thế Nam triều liệt vào hạng Tham-tri của ta.

Năm sau, Bính-tí (1876), người Pháp làm Tòa-Sứ ở kinh túc là tòa Khâm-cũ, tốn gần một triệu phật-lăng.

Thi hành hòa-ước, năm Bính-tí (1876), Chánh-phủ Pháp tặng Triều-dinh ta năm chiếc tàu hơi là Scorpion, d'Estaing, Mayenne, d'Entrecasteaux, Biên-hòa, và giao Triều-dinh xử dụng năm sĩ-quan Hải-quân là Dutreuil de Rhins, Dufoureg, Lelièvre, Hamelin v.v... để điều khiển các tàu ấy và huấn-luyện Hải-quân cho ta. Bị dõi dài lạt lěo và không cho phuong - ti'en làm việc, sau một thời gian các sĩ-quan ấy đều cáo lui.

Năm Ất-hợi (1875), có chiếc tàu Pháp lén miền thượng-du Bắc-kỳ vẽ địa đồ rồi tìm được mỏ vàng ở núi Kim-bôi (Bến-thị), vua dù quan tỉnh như sau họ có đến nữa, phải nói cho khéo đừng đề cho họ đi.

Năm ấy có người Ý - đại-Lợi đưa thư bàn việc thông-thương ở Địa-trung-hải, quan Thương-bạc đem hỏi Đặc-

phái-viên Pháp, viên ấy trả lời . « Người ấy là bọn làm thuê, không biết lai-lịch thế nào ». Vua than rằng : Nước ta giao - thiệp, mà thấy và nghe chưa rộng, nên phải bị người ta ngăn chẽ ; ta vốn không muốn người ngoài đến cũng như người các nước 'muốn đến mà lại bị kẻ khác ngăn trở đó thôi ! »

Năm Bính-tí (1876) Philastre đến Huế thay Rheinart. Ông đã ở Nam-kỳ lâu năm, biết rõ tình hình người Việt, lại rất thông chữ Hán, chủ-trương dùng chánh-sách ôn-hòa mà đối đãi với vua, quan ta, vì ông, vốn phản-dối việc bảo-hộ nước Nam : « Nước Nam không cần ta giúp. nếu muốn bóp nghẹt một văn-minh cũ-kỹ và đáng kính-trọng như thế là phạm một tội đại nghịch nhàn-loại (1) » Nam-triều biết thế nên trong thời-gian ấy thường tìm cách khéo-léo tránh những điều-khoản phải chịu với nước Pháp theo như hòa-ước Giáp-tuất, và hăng-hái hơn hồi Rheinart, nài xin bỏ nhiều khoản trong hòa-ước. Quan ta nói rằng những đội thủy quân ở cửa biển khai-thương làm cho nhơn-dân lo sợ, nên xin nước Pháp giao việc Thương-chánh và việc tuần-phòng bờ biển cho ta, như thế, nước ta chịu trả, từng năm, món nợ mắc I-pha-nho và Pháp. Các ông cũng phản-nàn rằng các quan Lãnh-sự Pháp ở Bắc-kỳ khuyến-khích dân đạo phản-dối tại Chính-pbū nước Nam và muốn khôi-phục nhà Lê.

---

(1) *L'Annam, dit-il (Philastre) n'a aucun besoin de nos bons services et c'est un crime de lèse humanité que de vouloir étouffer une civilisation si antique et si vénérable (Trích ở bài La légation de France à Hué của A. Delvaux).*

Năm Đinh-sửu (1877, Tự-Đức 30), ở Pháp-đô có cuộc đấu-xảo, vua sai Nguyễn-thành-Ý đem thồ-sản qua dự-dấu ; lại sai các ông Nguyễn-tăng-Doãn, Tôn-thất-Phan, Hoàng-văn-Vận sung sứ bộ sang Pháp đáp tạ việc tặng tà tàu súng.

Đến năm Kỷ-mão (1879, Tự-Đức thứ 32), Rheinart đến thay Philastre và được lệnh hành-động trái lại chính-sách quá thuận hảo với người Việt-nam của ông này để chăm lo cho hòa-ước Giáp-tuất thi-hành được chu-đáo.

Bấy giờ Đặc Phái-viên Pháp không được vào chầu vua nước Nam, ông ấy có muốn nói điều gì thì do quan Thương-bạc chuyen.-đạt lên thôi. Rheinart phản-dối việc ấy. Ông cũng phản-nàn nhiều việc khác, nhưng Nam-trieu không đếm xỉa đến các lời kêu nài ấy, vì theo lời người Pháp bấy giờ, thì vì không thu-phục lại được Nam-kỳ, quan lại của vua Tự-Đức thường làm ngăn trở, để cho người Pháp chán nản, ngã lòng.

Sau khi ông Grévy lên làm Tổng-thống (1879), Nam-trieu tin cho Thống-đốc Nam-kỳ, bấy giờ là ông Le Myre Villers biết sẽ sai Sứ-bộ mừng vị Quốc-trưởng mới của nước Pháp. Quan Thống-đốc xin bộ Thuộc-địa nhân dịp này nài Nam-trieu định cho xong việc quan Đại-diện nước Pháp được trực-tiếp chầu riêng vua nước Nam để bàn-bạc các việc hệ-trọng giữa hai nước cũng như ở Âu-châu, Sứ-thần ngoại-quốc trực-tiếp giao-thiệp với Quốc-trưởng các nước vậy.

Cuối năm Kỷ mão thì việc giao-thiệp giữa Nam-trieu và Đặc Phái - viên Rheinart lần lần càng tệ.

Rheinart đi thuyền với viên thày thuốc từ Kim-long về, gặp Vua ngự lương-tạ, linh canh không cho qua, ông phải lên bộ mà về lầu Sứ.

Việc xin cho Đặc Phái-viên được diện-yết vua Tự-Đức kéo dài không có kết-quả, năm Canh-thìn (1880), Thống-dốc Nam-kỳ tin cho Nam-triều biết người đại-diện nước Pháp chưa được trực-tiếp với vua nước Nam thì ông không dễ cho sứ-bộ nước Nam đã nói trên kia sang Pháp.

Mấy tháng sau, trong một đạo dụ về việc làm tiền giả, có khoản nói rằng những người ấy đều là người Âu-châu, cũng phải bị tội truỵt. Rheinart cho là trái với khoản 17 của Hoà-ước nên hết sức phản-dối. Bộ Thủy-quân và Thuộc-địa cũng hăm rằng nếu dụ ấy đem thi-hành cho một người Âu-châu thì tàu Pháp sẽ phong-tỏa các cửa biển nước Nam.

Palasme de Champeaux, nguyên Hải-quân Hại-úy, Thanh-tra các việc bản xứ ở Nam-kỳ, đến quyền thay Rheinart, cũng tiếp-lục phản-dối việc không được trực-tiếp yết nhà vua. Quan ta trả lời rằng trong hòa-ước không nói quan sứ Pháp được yết riêng vua nước Nam nên không thể thay đổi tục lệ di. Sau mấy tháng, vào khoảng tháng sáu năm Tân-ty (1881, Tự-Đức thứ 34), Champeaux ra làm Lãnh-sự ở Ninh-hải, trở lại giữ chức Đặc Phái-viên Ngoại-giao ở Kinh.

Tóm lại mà xem thì bấy giờ vua quan ta, vì không đủ sức mạnh mà đối phó với người Pháp, đã dùng một chính-sách gần như bất hợp-tác. Tuy biết rằng chính-sách ấy không kết-quả gì càng ngày ta càng mất thêm

đất đai, quyền lợi, nhưng có một điều đáng chú ý là những vị mưu-quốc, những nhà cầm-quyền lúc ấy đã cư-xử xứng-đáng với nhiệm-vụ mình, không hề có những cù-chỉ dê-hèn đối với thằng-quốc. Trong thời-gian Philastre làm Đặc Phái-viên, việc giao-thiệp được dễ-dàng, ngoài ra, hai bên không hòa-hảo với nhau lắm. Tuy bì ngoài, vua quan ta cũng gượng đối đài tử-tế (như vua khiến các quan chánh-khanh thường qua lại thăm viếng quan Pháp, khiến đem tráp, khay cần cù làm quà biếu, nhưng kỳ thật, vì quyền-lợi tương-phản, tính không hợp, nên không tin - cậy nhau và thường gặp nhiều điều xích-mích. Xem mấy lời này trích trong một bức thư của tướng Lafont Nguyên-súy Nam-kỳ gửi cho Pothuau. Thượng-thư bộ Thủy - quân và Thuộc-địa, dè ngày 21-3-1878 thì ta có thể hiểu được đại-cương của cảm tình hai bên với nhau ; « Trước hết, tôi phải nói rằng, việc giao-thiệp của ta với triều-dinh Huế không được thân-mật, gặp việc gì họ cũng tỏ ra ác ý rất rõ-rệt. Một việc rất nhỏ-nhen cũng sinh ra cãi-cọ không thôi và một lời nói ra hôm nay, ngày mai đã trái đi rồi. Triều-dinh Huế đối với ta rất ghét bỏ, họ không biếu-lộ ra là vì nhớ lại những tai hại đã mắc phải từ năm 1858 đến năm 1863 đó thôi. Vậy chính-sách ta ở nước Nam không nên có một chút tình rỗng-rãî nào cả, vì Nam-triều chờ co-hội làm hại ta được là làm ngay. Mọi sự nhường nhịn của ta sẽ là một cù-chỉ yếu đuối »...

Sau khi mất đất Nam-kỳ, và biết rằng sức mình không thể mưu-dồ việc khôi phục được, Triều-dinh, ta có ý giao-thiệp với các lân-bang, cường-quốc để tìm bè bạn mà hỏi han hoặc cầu-viện. Ngoài việc đối với

nước Tàu đã nói riêng trên, ta đã giao-thiệp nhiều với quan Toàn-quyền Hương-cảng thuộc Anh Lãnh-sự I-pha-Nho, Lãnh-sự Đức ở Hương-cảng. Phạm-phú-Thứ có bàn rằng ta nên đặt Lãnh-sự ở Hương-cảng để tiện việc ấy, nhưng rồi không đặt được. Nguyễn-tư-Giảng xin cho ông sang Đức làm như Thành-bao-Tự khóc ở sân Tần xưa kia, để cầu xin nước ấy cho bình sang giúp, nhưng có kẻ bắc đì. Ngày nay ta không biết rõ các tiền-bối ta có thu được kết-quả gì trong việc cầu thân các nước Âu-châu ấy không, nhưng ta có thể chắc rằng họ đã hành động nhiều.

Năm Mậu-thìn (1868, Tự-Đức 21), Trần-dinh-Túc sang thông - sứ với người Anh ở Hương-cảng, nói là để tạ-ân nước ấy.

Năm nhâm-thâm (1872, Tự-Đức 25), nhơn Lãnh-sự Đức ở Hương-cảng đưa thư muôn thông hảo với nước ta, vua sai Thị-lang Nguyễn-Chánh sang thương-thuyết.

Năm Mậu-dần (1878, Tự-Đức 31), Nguyễn-Hiệp sang sứ nước Xiêm - la, có ý nối lại cuộc bang - giao với nước ấy.

Năm Tân-ty (1881, Tự-Đức 34), Phạm-Bình, Thị-lang bộ Lê sang Hương-cảng bán tàu, đặt tàu, và đem mười hai học trò sang gửi học trường người Anh.

Các việc ấy nước ta không cho quan Pháp biết họ cho là trái với hòa-ước, nên đem mà trách ta.

Vả lại, bấy giờ nhiều nước Âu-châu đã sang buôn bán và định thương-ước với nước ta.

Năm Kỷ-mão (1879, Tự-Đức 32), nước Ý sai sứ là Dòn-man-cô ra-nô-nê đến kinh cùng ta bàn lập thương-ước.

Cũng năm ấy, nước I-pha-Nho sai sứ là Marino Fernandez de Henestrosa đến xin bảo-hộ Giáo-sĩ và lập thương-ước. Sứ bộ này ở lại Huế ba tháng) lập xong thương ước mười hai khoản. (Khi họ về, Triều-dình ta có gửi theo hai mươi thanh-niên sang Âu-châu học-tập kỹ-nghệ, vô-bị, nhưng vào đến Sài-gòn vì nước Pháp can-thiệp, việc du-học ấy phải đình bãي. Để giữ thề-diện người ta đặt ở trường Chasseloup Laubat một lớp học riêng gọi là lớp Huế (Cours de Huế) cho học sinh ấy ở lại học tập chữ Pháp).

Năm Canh-thìn (1880, Tự-Đức 33), sứ nước I-pha-Nho lại đến, cùng ta hõi-giao thương-ước.

Cuối năm Tân-tị (1881, Tự-Đức 34), nước ãy tặng khánh vàng Vua ta và các quan Đại thần Trần-tiễn Thành, Nguyễn-văn-Tường, Phạm-phú-Thú, Hoàng-Diệu.

Nước Anh cũng thường cho thương thuyền tới lui. Bấy giờ người Anh ở Hương-cảng gần Bắc-kỳ và đương có cái thế lấn-át cả các nước Âu-châu ở phương-Đông này.

Thấy vậy, người Pháp muốn lập hẳn cuộc bảo-hộ cho địa-vị mình được vững vàng.

Trong khi ấy, họ tìm cách ngăn cản Triều-dình ta giao-thiệp trực-tiếp với các nước Âu-châu khác khi ta có dịp giao-thiệp.

Như đã thấy trên, việc các nước tính đặt Lãnh-sự ở nước ta hoặc ký thương-ước với ta đều không thành là vì người Pháp không muốn (1).



---

(1) Xin kể lại mấy việc lặt-vặt để rõ ý ấy của họ :

Năm 1882, có một người Trung-hoa tên là Ang-chi-Lock, mắc bệnh điên, đến bắn súng làm huyên náo ở tỉnh-lỵ Hải-dương nhiều lần, bị quan tỉnh ấy ra lệnh giết chết (1882). Ang-chi-Lock sinh ở Singapore, có quốc-tịch Anh nên Lãnh-sự Anh ở Saigon khiếu nại đòi bồi thường. Triều-dinh Huế bèn trực-tiếp thương-thuyết với nhà chức-trách Anh ở Hương-cảng và với Bộ Ngoại-giao Anh. Thấy thế, Thống-dốc Le Myre de Villers với vàng trích trong quỹ của sở quan thuế 20.000\$ trao cho Lãnh-sự Anh để dẹp tắt việc ấy. Một thương-nhân người Đức tên là Schriever cứ trú ở Hải-phòng, năm 1881 xuất-cảng 20.000 bao gạo, ghe thuyền chuyen-chở bị quan tỉnh Nam-dịnh khám xét trên nải nên gạo phải hư, Schriever yêu cầu Chánh-phủ Việt-nam đền bồi thiệt hại. Sở Lãnh-sự Đức ở Hương-cảng nhân đó can-thiệp với Triều-dinh Huế, Thống-dốc Nam-Kỳ liền trích 5.000\$ trong quỹ quan thuế để trả cho thương-nhân Đức.

## CHƯƠNG THỨ TÁM

### NGƯỜI PHÁP LẬP CUỘC BẢO-HỘ Ở TRUNG-KỲ VÀ BẮC-KỲ

Chủ-trương xâm-lược hòa-bình của  
Le Myre de Villers

Ở nước Pháp, sau một hồi tê-liệt vì cuộc thất-bại 1870, quốc-lực khôi-phục lần lần người ta lại nghĩ đến việc mở mang thuộc-địa. Hải-quân Thiếu-tướng Jauréguiberry lên làm Bộ-trưởng bộ Hải-quân và Thuộc-địa (1879), lấy quan văn thay quan võ làm Thống-đốc Nam-kỳ và bảo chú-ý đến xứ Bắc-kỳ, ở đây vua quan ta cứ làm ngăn trở việc khuếch - trương thế-lực của họ. Jauréguiberry bàn với Bộ-trưởng bộ Ngoại-giao (1) Freycinet nên đem 3.000 thủy-bộ-binh hoặc pháo-binh, 3.000 lính An-nam và 12 chiếc tàu ra chống đánh với quân Tàu và quân ta mà chiếm lấy Bắc-kỳ. Mấy tháng sau, kè lại việc thuyền của Đặc Phái-viên Rheinart đi Kim-long về bị trỏ-riệt (đã nói ở trên), Jauréguiberry viết thư cho Bộ-trưởng bộ Ngoại-giao (2) rằng : «...Chúng

---

(1) Trong thư đề ngày 1er-10-1879.

(2) Trong thư đề ngày 3-1-1880.

ta không thể chịu được, dẫu trong một lát, sự nhũng-nhiều người đại-diện nước Pháp như thế, nước Pháp theo điều-ước đã ký với Triều-dinh Huế, phải có địa-vị riêng và quyền-lợi đặc-biệt ở xứ này... Vậy tôi nghĩ rằng đối với Bắc-kỳ và Triều-dinh An-nam, Chính-phủ Pháp cần phải quyết-định một bồ cho xong... Theo ý tôi, điều-kiện thừa-nhận cuộc bảo-hộ phải nói ra cho rõ-ràng ».

Thấy việc khai-truong Bắc-kỳ gấp nhiều trớ ngại, Hội-đồng Bộ-trưởng Pháp (Conseil des Ministres) nghĩ đến việc tổ-chức sự tuần-lắp trên sông Hồng-hà. Nhưng Bộ-trưởng bộ Ngoại-giao Freycinet trình với Bộ-trưởng Hải-quân và Thuộc-địa rằng cách ấy đã tốn phí mà không có hiệu-quả, vậy tốt hơn là nên đánh chiếm thượng-lưu sông ấy, cuộc chinh-phạt này cần độ 3.000 quân, nhờ ông thảo một luật-án để trình lên Hội-đồng Bộ-trưởng và Nghị-viện. Vì mưu việc viễn-chinh này không hợp ý với đồng-liêu nên Freycinet, rồi kể đến Jauréguiberry phải từ-chức. Bộ-trưởng mới bộ Hải-quân và Thuộc-địa, Hải-quân Trung-tướng Cloué phải theo nghị-định của Hội-đồng Bộ-trưởng.

Là quan văn đầu tiên thay mặt nước Pháp ở đây, Thống-đốc Le Myre de Villers không muốn dùng binh-cách để gây ánh-huởng ở Bắc-kỳ như Bộ-trưởng Jauréguiberry chủ-trương, mà chỉ định dùng cách hòa-bình khiến Chánh-phủ nước Nam nhượng bộ lần-lần, sau mấy năm sẽ gây đủ quyền thế cho nước Pháp. Vì Ông nghĩ có hòa-bình mới lo việc kiến-thiết, mở mang về kinh-tế được. Phải giải quyết vừa vắn-dè Cao-mên,

vừa vấn-de Bắc-kỳ, ông đã dùng chánh sách xâm-lược hòa-bình ở nước kia và đã thành-công, nên muốn đem thi hành ở xứ này : mở các thương-cảng, đặt đường giây thép, đường sắt, khai mỏ, quản-trị quan-thuế, chiếm các công sở, làm sao cho người bỗn xứ thấy sự can-dự của người Pháp là cần-thiết, cho uy-quyền của nước Pháp được tăng thêm, nhưng tránh một cuộc bảo-hộ nó khiến Chánh-phủ Pháp phải chịu thêm trách nhiệm mà không có lợi gì. Nghĩa là thực tế thì là một cuộc bảo hộ, nhưng trên danh nghĩa và văn-tự thì không động đến danh từ bảo-hộ, như trong hòa-ước Bardo mà Pháp đã ký với vua xứ Tunis ngày 12.5.1881.

Tháng 9 năm 1881, Bộ-trưởng Hải-quân là Đô-đốc Cloué và Thống-dốc Le Myre de Villers đương nghỉ ở Pháp, đồng ưng một chương-trình hành động như sau : « Không dấn mình vào những phiêu-lưu của một cuộc chinh phục, mà chỉ nâng cao uy quyền nước Pháp bằng một sự biếu thị sức mạnh nó không có tính cách quân sự chút nào, nhưng đủ làm cho người ta biết nước Pháp có phương-tiện để khiến người ta phải kính nể ý muốn mình. »

Áy là đường lối mà Le Myre de Villers quyết noi theo ở Bắc-kỳ. Nhưng như chúng ta sẽ thấy, người thuộc hạ mà ông phái ra Hà-nội là Đại-tá Rivière bất chấp ý muốn của chủ-tướng, đã hành-động táo bạo, chiếm Hà-nội và mấy tỉnh Bắc-kỳ, khiến Chánh-phủ Trung-hoa công nhiên can-thiệp, gây ra cuộc chiến-tranh Trung Pháp kéo dài mấy năm trời, và làm cho cuộc bang-giao Việt-Pháp khó khăn, sự kháng-cự của dân-tộc bị lăng-mạ tiếp tục trong nhiều năm về sau nữa.

## Đại-tá Henri Rivière ra Hà-nội.

### Hà-nội thất-thủ lần thứ hai

Cuối năm Tân-tị, Thống-đốc Nam-kỳ là Le Myre de Villers ủy Đặc Phái-viên Rheinart cho Nam-triều biết trước rằng ông sai 450 quân ra Hà-nội để bảo-hộ quyền-lợi và sự an-ninh cho người Âu-châu ở Bắc-kỳ,... mục-đích của sự sai-phái này còn để nâng thề-diện nước Pháp đã bị khuynh-tồn và nhắc Nam-triều hòa-ước Giáp-tuất.

Đầu năm Nhâm- ngọ (Tự-Đức thứ 35). Le Myre de Villers gửi vua Tự-Đức bức thư, dịch sau này : (đề ngày 13-3-1882).

Tâu,

*Hoàng-thượng đã biết bụng tôi đối với Ngài, Ngài cũng biết rằng tôi là người chủ-hòa và từ hai năm nay tôi gắng sức để giữ-gìn tình giao-hảo giữa hai nước Pháp, Nam ; tình giao-hảo ấy tôi tưởng là cần-thiết cho lợi-ích của cả hai bên. Vì thế tôi xin Hoàng-thượng đừng bỏ qua những lời mà lương-tâm tôi bảo tôi tâu bấy trong thư này :*

*Tâu Hoàng-thượng, người ta đưa Hoàng-triều đến nơi thất-bại, luật-lệ không được tuân-hành nữa, chỗ nào sự cướp bóc và rối loạn cũng hiển-nhiên như ban ngày ; nhân-dân bị những người có nghĩa-vụ bênh-vực nó, bác túrot nó, của cải trong nước mất cả, sự nghèo khó lan ra khắp nơi, ở Bắc-kỳ những người du-lịch Pháp có giấy thông-hành dung lệ bị bọn Tàu ở lính thuê công-kích, lính thuê ấy là*

đồ ăn cướp, nó làm cho một người đi theo các ông bị thương, thế mà quan sở-tại không đủ sức bảo-hộ người đồng-bang tôi. Chính ở Huế, người đại-diện nước Pháp bị nhục-mạ nặng-nề, phải mất 12 ngày và có Hoàng-thượng can-thiệp, việc mới xử-trí gần được ôn-thỏa. Tướng giặc khách là Lưu-vĩnh-Phúc ngăn-cản không cho ông Champeaux, Lanh-sự ở Hải-phòng và ông Fuchs, chánh Ký-sư mò đi, và còn hăm dọa nữa. Chính-phủ Cộng-hòa Pháp không thể chịu được tình cảnh ấy và tôi, bắt..đắc-dĩ, phải dùng những phương-pháp để giữ gìn sự yên ổn cho người nước tôi. Nhưng tôi xin tâu nhắc lại Hoàng-thượng biết rằng nước Pháp không muốn chiến-tranh và chúng tôi có dùng binh-lực cũng là vì bắt buộc đó thôi. Tóm lại, chúng tôi sẽ tùy theo cách hành-động của quan An-Nam ở Bắc-kỳ mà hành-động ».

Sau khi gửi bức thư này được mười mấy ngày, Le Myre Le Villers sai Hải-quân Đại-tá Henri-Rivière đem quân ra Bắc, huấn-lệnh giao cho có thể tóm - tắt là « Khuếch-trương và làm cho vững vàng thế-lực của nước Pháp ở Bắc-kỳ và Trung-kỳ một cách hòa bình, khéo-léo, không cần đến súng đạn ».

Tháng hai năm Nhâm- ngọ, Đại-tá với hai chiếc chiến hạm và 300 quân đến Hải-phòng (1er 4-1882), rồi đi sa-lúp lên Hà-Nội (2-4-1882), đóng quân ở Đồn-thủy, nói rằng để đối phó với quân Cờ-den và bảo-hộ người đồng-bang. Ở Hà.Nội, bấy giờ đã có hai đội Thủy-

quân bộ-binhh do Đại-úy Berthe de Villers chỉ-huy đóng  
giữ.

Nguyễn-Lập mật tâu về, Vua cho là người Pháp  
định mưu Bắc-Kỳ, nên sắc khiếu các tỉnh từ Ninh-bình  
ra Bắc phải dự phòng, nhưng phải kín đáo, không  
được để lộ hình-tích, nếu đến nước cuối cùng thì ai  
nấy phải hết bỗn phận giữ-gìn đất nước ; rồi sai Thị-  
Lang bộ Hộ là Nguyễn-thành-Ý vào Gia-định đem việc  
Lưu - vĩnh - Phúc và việc Bắc - Kỳ bàn giải với quan  
Thống-đốc.

Thấy binh thuyền Pháp vô cớ đến Hà-Nội, nhân-  
dân kinh-náo quan-quân nghi sợ, Thống-đốc Hoàng-  
tá-Viêm tâu xin cho một đại-diện Triều-định ra làm  
Kinh-lược đem lính Kinh ra đóng ở Sơn-tây, lấy tiếng  
đốc sức việc đánh dẹp giặc cướp ở biên thùy, để trấn-  
định lòng người. Vua liền sai Thượng-thư bộ Lại là  
Nguyễn-Chánh làm Bắc-Kỳ Kinh-lược, Tham-tri bộ Hộ  
là Bùi-ân-Niên sung Phó-sứ và Linh-mục Thơ ra Bắc  
để cùng Hoàng-tá-Viêm lo liệu việc phòng giữ, và khiển  
đoàn quân Lưu-vĩnh-Phúc phải dời đóng xa ra.

Các quan tỉnh Hà-nội, Sơn - tây là Hoàng-Diệu,  
Nguyễn-định-Nhuận, Hoàng-hữu-Xứng mật tấu phuong-  
sách dự-phòng, đại-ý : nói « Hình thế đất Bắc-Kỳ bên  
tả, bên hữu đều có núi non hiểm-yếu có thể nương  
lụa được, nếu ta mạnh, vững ở thượng-du để giữ-gìn  
trung-châu, quân Pháp vốn giỏi về thủy-chiến, không  
liền đóng ở núi non, có lẽ thấy khó mà thôi chăng ».

Thấy binh thuyền Pháp cứ đem thêm ra Hà-Nội và  
thường đi đến tỉnh Nam-định, Ninh-bình ai nấy lo sợ

vua khiến quan tỉnh Hanoi, Ninh-Binh mỗi nơi sal  
đại-viên đem binh đóng ở ngoài thành tuần phòng và  
để đêm hôm có việc có thể thông ứng với quân trong  
thành.

Thấy quan ta có ý nghi ngờ, Đặc-phái-viên Pháp ở  
Kinh trả lời với quan Thương-bạc đến trách rằng ta  
phải giải binh và bỏ hết những cử-chỉ đe-dọa mới khỏi  
sinh hấn.

Vua than rằng : « Tiển, thối đều khó, không dự  
phòng thì trúng kế họ, dự phòng mà không nhầm cũng  
không ích gì, chỉ có kẻ hào-kiet biết dự-bị mà không đề  
hình-tich, khi động có thể ứng được mới là thượng  
sách ».

Thống-đốc Hoàng-tá-Viêm xin đem quân thứ mình  
về Hà-Nội để đối phó với tình thế, vua e biếu-lộ hình-  
tich không cho.

Khi Đại-tá Rivière đến Hà - Nội, quan Tông - đốc  
Hoàng-Diệu có ủy quan Tuần, quan Án đến tiếp đãi.  
Đại-tá có đến thăm quan Tông-đốc, hai bên giao-thiệp  
cũng tử-tế. Nhưng thấy nhiều binh-thuyền Pháp tiếp  
đến, quân Pháp hàng ngày khiêu-khích, qua lại ngoài  
thành và thành-ngôn sẽ vào thành ở, quan Tông-đốc  
phải lo phòng - bị xây những công - tác phòng-thủ và  
tăng thêm binh lính. Đại-tá nhờ quan Tuần và quan  
Án thưa lại với quan Tông-đốc phải triệt binh và dừng  
dọn sửa thành-lũy nữa, nhưng quan Tông-đốc không  
nghe. Có mấy sĩ-quan Pháp đi dạo, lính giữ thành thấy,  
đóng cửa không cho vào.

Ngày mồng tám tháng ba năm Nhâm- ngọ (25-4-1882) tức 23 ngày sau khi Đại-tá đến Hà-nội, năm giờ sáng, Đại-tá gửi tối hậu-thư cho quan Tống-đốc Hoàng-Diệu bảo phải triệt hết quân lính và hạn đến tám giờ sáng hôm ấy, các quan Tống-đốc, Tuần-Vũ, Bố-Chánh, Án-sát, Đề-đốc, Chánh, phó Lãnh-binh phải đến nạp mình ở dinh Đại-tá, Đại-tá sẽ sắp đặt lại thành-trì rồi sẽ giao kho tàng dinh-thư và một phần lớn nội-thành cho mà quản-trị. Được tối hậu-thư, quan Tống-đốc ủy quan Án Tôn-thất-Bá ra thương thuyết, Bá dùng thang trèo xuống thành, vừa khỏi xuống khỏi thang thì địch quân đã bắt đầu công-kích, lúc ấy là tám giờ mười lăm phút, Hoàng-Diệu và Tuần-Vũ Hoàng-hữu-Xứng đốc quản chống-cự. (Fanfare, Massue, Carabine).

Quân Pháp cho ba chiếc pháo-hạm từ sông bắn lên cửa đông, cửa bắc, đốt cháy nhiều nơi. Bên ta, trên các bờ thành, mẩy trăm khẩu thắn-công nhất tề bắn ra. Nhưng súng Pháp bắn dữ-dội quá, trong thành kho thuốc súng phát hỏa. Quân ta ra mẩy cửa thành khác chạy trốn. Vào khoảng mười giờ rưỡi thì người Pháp đã làm chủ khắp thành lũy. Hoàng-Diệu lén voi len-lỏi trong đám loạn quân, đến hành-cung lạy vọng về triều rồi ra trước Võ-miếu, dùng khăn bit đầu treo mình trên một cây đại-thụ mà tự-ải. Đề-đốc Lê-văn-Trinh, Bố-chánh Phan-văn-Tuyền, Lãnh-binh Lê-Trực, Phó Lãnh-binh Hồ-văn-Lê, Nguyễn-dình-Đường đều chạy thoát. Trận này bên ta có độ bốn chục người chết, hai chục người bị thương, bên địch có bốn người bị trúng đạn, trong đó có Đại-úy Berthe de Villers. Người

Pháp thu được trong kho 17.000 đồng bạc và một số tiền đồng, thoi đồng, thau, đáng giá 75.000 phật-lăng hoặc hơn nữa.

Hoàng-hữu-Xứng đi tìm Hoàng-Diệu, vào hành cung, bị quân Pháp bắt giữ lại, ông nhịn ăn, lâm bệnh. Tôn-thất-Bá chạy qua làng Nhâm-mục, người Pháp cho mời về để giao lại tinh thành. Bá đến thương việc ấy với Hoàng-hữu-Xứng. Hoàng-Xứng khóc đi, Bá khóc, trình-bầy lợi hại, Hữu-Xứng đe một mình Bá nhận, rồi từ các ông Hoàng-tá-Viêm, Nguyễn-Chánh và các tinh gần nói rằng nếu có thể thùa thế được thì cứ làm, chứ đừng lấy việc nhận thành làm ngại.

Chiếm-thành rồi, từ ngày mồng tám đến ngày mười ba, người Pháp tiếp-tục phá-hủy bờ thành, cửa thành và vứt hết súng đại-bác của ta xuống rãnh. Ngày mười hai, Đại-tá Rivière viết thư giao lại thành-trì, chỉ giữ cửa đông và cửa bắc, bãi hết binh ta, chỉ đe 200 lính hầu quan Án, quan quân Pháp đóng ở Hành-cung.

Được tin Hà-nội thất-thủ, nước Tàu can-thiệp với nước Pháp. Thống-đốc Nam-kỳ cũng bảo Đại-tá Rivière phải giữ hiện tình, không được tiến binh.

Ở Kinh, vua quan rất lo sợ, nhiều người theo Tôn-thất-Thuyết xin đánh, nhưng vua và phần đông Hội-dồng Cơ-mật biết không thể đánh được. Tuy vậy vua cũng xuống chiếu truyền Kinh-lược, Phó-sứ Nguyễn-Chánh và Bùi-Án-Niêm đem binh lui về mặt Mỹ-Đức, đe cùng Hoàng - tá - Viêm tìm cách chống giữ

Nguyễn-văn-Tường được sai vào Gia-dịnh thương-thuyết với quan Thống-dốc. Đặc Phái viên Rheinart nói với Triều đình rằng : Việc chiếm thành Hà-nội không phải là ý của nước Pháp, vậy muốn mau xong hòa-hảo xin ta sai hai vị quan ra thương-thảo với Đại-tá Rivière để nhận lại thành và cấm-chỉ những thái-dộ phản-dối của quân dân đối với người Pháp. Vua sai Trần-dinh-Túc làm Khâm-sai, Nguyễn-hữu-Độ làm phó Khâm-sai đáp tầu Parseval do Rheinart mòi, ra Hà-nội tùy nghi chiếu nhận và lo liệu các việc.

Đại-tá Rivière trả lại thành trì cho ta quản-trị, nhưng quân Pháp vẫn ở Hành-cung đóng giữ. Các ông Hoàng-tá-Viêm, Nguyễn-Chánh, Bùi-ân-Niên dâng sớ xin đánh, đại lược rằng : « Việc Hà-nội là trái với hòa-ước, hỏi thì họ nói để đuổi quân Lưu-vĩnh-Phúc, kẻ giữ thành có phòng bị thì họ đánh chiến, rồi trả lại, ai phải ai trái, nên công bố ra cho các nước biết, thế mà họ đồ lôi cho cỗ Đốc-thần, lại còn tuyên-ngôn rằng chõ nào phòng bị thì sẽ đến khai hấn ; khinh rẻ, dồn cợt như thế ai chẳng đau lòng ! Từ khi họ vì lợi mà đến nước ta, cứ mười năm lại dùng binh truật ta để cải điều-ước, xem ý họ ngày nay là ưng lập thêm thương-cuộc ở sông Vị ở Bạch-hạc, để ta không thể triền bối được, các tỉnh khiếp thuận, thì họ sẽ giơ tay mà tóm lấy cho dễ-dàng, nếu có phòng bị thì họ hết sức đánh, thu được toàn-quyền ở Bắc-kỳ mới chịu. Nếu chúng ta nấn-ná thì cũng tương-an được, nhưng e lần lần trúng sâu vào kế họ, ngày sau không khỏi lo phiền. Chúng tôi xét kỹ tình thế, nghĩ nên đánh một phen rồi sau mới hòa được. Xin sai quan Thương-bạc cùng họ chiết phải trái trong

việc họ đánh Hà-nội, nếu quả họ ưng hòa thì binh-thuyễn ở nha Thương-chánh Hà-nội không được tăng thêm, đường đi buôn-bán có nơi nào ngại thì có quan ta chước-biện cho, bồi phí cho thành Hà-nội và không yêu-sách điều gì cả. Nếu họ thuận theo như thế càng tốt, không cũng phải theo một, hai khoản mới hòa-hảo được, còn nếu điều gì cũng đòi chiếm nước trên thì chúng tôi xin cỗ-suất quân dân, quyết lòng chống đánh để rửa lối trước ». Vua dạy : « Như vậy sao trước kia không vây Hà-nội mà đánh, nay họ đã trả thành mà ta còn đánh thì cái sai về ta, lại lâu yên- ổn được, huống đánh thì phải dùng đoàn quân Vĩnh-phúc, làm cho họ càng thêm giận. Họ vốn dùng oai truật ta để yêu sách, nếu ta bức họ, e họ gây việc ở nơi khác, ta không thể phòng được. Vậy nên chỉnh súc thanh-thế, nếu họ không bồi thường chi lăm thì thôi, họ đòi lăm thì ta dùng binh chě lại, như thế họ không trách ta được ».

Các quan Nội-các xin toàn-quốc ra sức chống đánh, đình-thần xin y theo lời vua ; các ông Trần-dinh-Túc, Nguyễn-hữu-Độ xin y theo như thế, hoặc phái người qua Pháp hoặc vào Pháp-súy tò lối đánh thành, giết người ở Hà-nội nhờ xử trí thế nào và lập điều-ước rõ ràng, như thế hai nước mới hòa-hảo lâu dài được. Vua sắc quở rằng : « Qua Pháp thì xa, kêu với Pháp-súy e cũng không gấp trả lời, đã có quan Pháp ở gần đó, sao không trách-biện ? Nay phải do Tống-thống súc quân Vĩnh-Phúc dời lên tỉnh Thái để cho người Pháp khỏi ngại, còn các người hoãn việc nhận thành, ra các phủ huyện hiều thị cho an dân-tâm và phải nói với quan Pháp rằng nhân-tâm, sĩ-khí đương giận lăm, đợi khi

người dồn mới dám nhận lại, còn nếu họ yêu - sách  
nhiều quá thì phải trả - nghĩ thế nào là cho tỏa - chiết đi ».

Sau khi Hà-Nội bị hãm, Triều-dinh ta lo đề-phòng Kinh-đô. Ở cửa Thuận-an, Bộ-binh sai đắp thêm đồn-lũy, phái thêm binh đến, lại cho hai chiếc thuyền cũ dựng đầy đá lấp bến vào. Đặc-phái-viên Rheinart đưa thư phản-đối, lời lẽ rất ngang trái, khinh - nhòn. Vua than rằng : « Sở-ngôn, sở-hành của họ như vậy, làm thế nào mà tin được. Phòng bị là một việc thường của một nước lẽ nào lại bắt người ta phải bó tay đừng làm gì cả, mới bằng lòng sao ? Hèn chi các lính có phòng bị thì họ đều muốn triệt di, để trước sau lấy một chữ « hòa » mà phỉnh gạt ta cho được ! » Nhưng rồi quan Thương - bạc là Trần-tiễn-Thành tâu rằng : « Việc phòng bị mặt biển của nước ta chưa vững chắc, nay có đắp thêm chừng ấy cũng không đủ được mà chỉ bày rõ hình-tích ra cho người ta thấy và thêm nghi- ngờ mà thôi, vậy xin định việc đắp thêm lũy ở cửa Thuận, triệt hết binh về đề lo luyện-tập, như thế người ngoài mới không lường được ». Vua cho là phải.

Đại-tá Rivière đề - nghị với Trần-dinh-Túc thương-thuyết bốn khoản :

- 1.) Nước Nam nhận nước Pháp bảo-hộ.
- 2.) Nhượng thành phố Hà-Nội cho nước Pháp.
- 3.) Đặt Thương-chánh ở Bạch-hạc.
- 4.) Sửa lại việc Thương-chánh, chỉ để cho người Pháp quản-trị.

Ông Trần-dinh-Túc bàn cãi mãi, Rivière không

chịu nhượng bộ chút nào, sau đê các lời đê xướng ấy về Kinh, Triều-dinh cũng không chịu. Rivière chỉ giao lại cho Trần-dinh-Túc kho lúa.

Bấy giờ ở tỉnh Sơn-Tây, Nam-định, Bắc-Ninh quanh nghĩa - dông nhóm-hợp, tiến dần quân Cờ-den, ngăn lấp các đường sông, truyền-hịch dân chúng, hoặc rướm quân Tàu về, chỉ mưu việc chống đánh. Các quan Đốc-Vũ các tỉnh ấy cũng có ý nương theo Hoàng-tá-Viêm đê kháng cự.

Trần - đình - Túc sợ việc thương - thuyết không có hiệu-quả nên tâu xin từ-chức, Khâm-sai đại - thần, Vua không cho, bảo phải nói thế nào cho quân Pháp rút ra khỏi thành mới được. Đại-tá Rivière thì nói phải đuổi quân Lưu-vĩnh-Phúc, khai thông đường buôn-bán, mới chịu triệt binh. Vua đã nhiều lần sai Hoàng-tá-Viêm đốc biện việc ấy, nay lại khiến Nguyễn-hữu-Độ đến trú thủ của Hoàng và các tỉnh Sơn, Nam, Bắc bảo phải dời quân Cờ-den đi nơi khác. Tá - Viêm không tuân, tâu lại rằng : « Việc giao nhận tỉnh thành Hà-Nội chưa xong mà viên Khâm-sai cũng chưa thương-thuyết được điều gì. Tôi xét tình-trạng họ giao trả tỉnh thành, không phải là thiệt ý ; nay họ nắm được các viên Khâm-sai trong tay rồi thì tùy ý yêu-sách, nếu ta nghe theo họ, đuổi quân Lưu-vĩnh-Phúc, lợi việc phòng-bị ở các tỉnh thì họ thừa thế mà mưu ta, nếu ta dùng quân Cờ-den, lo phòng-bị, họ không mưu được, thì lại đòn cho được nhiều khoản. Nay xin sắc quan Thương-bạc thương với Đặc-phái-viên Pháp rằng nếu họ lui hết binh thuyền, tôi mới giải binh, nếu họ nói cần đê bảo hộ sở

buôn thì viên Khâm-sai sẽ cam kết coi ngó cho, không  
dễ có việc gì ; họ lấy cớ xin khai thông đường buôn  
bán, thì xin cùng họ nghị-định chương-trình rõ-ràng,  
tư cho quan Tàu ở nội-địa đều biết như thế mới hợp  
sự-thể. Toàn hạt Bắc-kỳ chỉ có miền thượng-du tỉnh  
Sơn-Tây, sông cạn, người thuần là nơi có thể nương  
dễ chống cự được, nay nếu tuân theo lời Dụ, tôi  
về Thuộc-luyện, quân Lưu-vĩnh-Phúc về tỉnh Thái,  
như thế làm sự sợ khó hưởng-ứng ; thành Sơn-tây  
có việc gì lại càng khó giữ... » Vua ban quở, bảo  
phải theo Dụ mà làm. Tuy vậy, Tá-Viêm cũng chưa  
chịu tuân. Vua lại sai Kinh-lược Nguyễn-Chánh đem  
binh đến đóng gần ông để cùng thương xác, bảo  
phải dời gấp quân Cờ-den mới rồi cuộc giảng-hòa.  
Tá-Viêm phải về đóng ở Thục-luyện, Lưu-vĩnh-Phúc  
về đóng ở Tuyên-quang và sông Đà (thượng-du tỉnh  
Sơn-tây).

Sau việc Hà-nội, ông Hoàng-Diệu được vua ban  
cho mẹ già một ngàn quan tiền, sai quan lĩnh Quảng-  
nam tể một lẽ, rồi cho được liệt-tể ở nhà thờ Trung-  
nghĩa ; Tuần-vũ Hoàng-hữu-Xứng, Án-sát Tôn-thất-Bá  
đều bị cách chức hiệu-lực, Bố-chánh Phan-văn-Tuyễn  
bị cách về làm dân, và từ Hoàng-hữu-Xứng trở xuống,  
hết thảy văn võ tinh quan đều bị giải về kinh đợi án.

Ông Hoàng-Diệu tự-tử, thiệt là một điều thuận-  
lợi cho Đại-tá Rivière. Trong nhật-ký, Đại-lá nhận  
rằng quan Tổng-đốc là người diêm-tĩnh, cương-quyết,  
can-dám và thế-lực của Ngài có thể làm cho quân  
Pháp bối rối, nhất là nếu Ngài biết hiệp-lực với ông  
Hoàng-tá-Viêm.

Hà-nội thất-thủ lần trước làm cho nước Nam mất một thượng-tướng có tài, Hà-nội thất-thủ lần sau làm cho nước Nam mất một đại-viên lối-lạc. Hai vị thượng-quan văn, võ mà phảm-cách và tài-năng đã làm cho kẻ dối-dịch khen phục (1), đã thí-xả thàn-mệnh để giữ toàn tiết-nghĩa với nước, với vua. Thảm-thương thay! vẻ-vang thay!

### Nước Tàu đem quân vào Bắc-kỳ can-thiệp Tàu và Pháp tính chia đôi xứ Bắc-kỳ

Sau khi Rivière lấy thành Hà-nội, nước ta có đưa thư báo với quan Tổng-đốc Lưỡng-Quảng. Được tin, vua Thanh xuống Dụ các quan-cơ, nha-môn phải tính việc phòng giữu biên-giói.

Tổng-đốc tỉnh Trực-lệ là Trương-thụ-Thành, trước kia có làm Tổng-đốc Lưỡng-Quảng, tâu rằng: « Nước Pháp đã chiếm Nam-kỳ, nay lại định thôn-tỉnh Bắc-kỳ theo cách ấy. Bắc-kỳ là rào-dậu của các tỉnh Đèn, Việt, vậy ta nên mưu gấp. Nay xin lấy cớ dẹp thò-phỉ cho nước Nam, đem quân các tỉnh này sang, rồi cho tiến tới, các đất ta chiếm đóng chắc quân Pháp không đến ăn lấn được v.v... chứ nước Việt-nam đã không thể tự-do liệu được, mà Trung-quốc cũng không nên tự-lầm lạc ».

Vua Thanh xuống dụ khiến Tổng-đốc Quảng-đông là Dũ-Khoan, Tuần-vũ Quảng-tây là Nghê-văn-Úy, Tổng-đốc Vân-quí là Lưu-trường-Hữu đều lựa quân

---

(1) *François Garnier khen ông Nguyễn-tri-Phương : vieillard plein d'énergie et de patriotisme.*

thủy, quân bộ, chia đóng các nơi ách yếu để làm thanh viễn cho quân Bảo-thắng.

Vua lại sai Lý-Đồng đem việc Hà-nội trách Công-sứ Pháp ở Bắc-Kinh là Bourrée, nói rằng nước Việt-nam là thuộc quốc của Tàu, nay quân Pháp đánh lấy thành-trì, như thế có hại đến tình giao-nghị của Trung-Pháp, vậy xin cho rút quân về để giữ bền hòa-hảo. Bourrée trả lời đại-khai rằng nước Tàu nói nước Nam là thuộc quốc mình, sao khi nước ấy chinh-chiến với Pháp, nước Tàu không đem một người lính, một khẩu súng đến giúp, khi nước ấy lập các hòa-ước với Pháp, nước Tàu không dự vào việc bàn-bạc, nay người Pháp đã lãnh trách nhiệm mở sông Hồng-hà cho việc thương-mãi thì không muốn chịu các nước kêu đòi đền bù vì họ đến buôn bán mà sự loạn lạc làm khó-khăn ngăn trở mãi.

Ở Paris, Công-sứ Tàu là Tăng-kỷ-Trạch cũng hết sức phản đối với Chính-phủ Pháp.

Tháng 7 năm ấy (Nhâm-ngọ), Tổng-đốc Vân-nam sai Tạ-kỉnh-Buru đem ba doanh quân đến Quán-ti (thuộc huyện Trần-an, tỉnh Hưng-hóa); đại binh các tỉnh Lưỡng-Quảng, Vân-nam cũng đến đóng dọc theo biên-thùy, giáp hai phủ Lâm-an, Quan-hoa, tỉnh Hưng-hóa, giáp Long-châu tỉnh Lạng-sơn, giáp châu Liêm, châu Lượng tỉnh Quảng-yên.

Vua Tự-Đức cử tướng quân Tàu sang là thiệt ý giúp ta, nên nghe tin nhân-dân tuyên-truyền rằng quân Tàu sang giành Bắc-kỳ với người Pháp, vua súc rằng : « Ấy là bọn tiều-nhơn lấy lòng mình mà đạt bụng kẻ quân-tử,

chứ người Tàu có đâu làm việc bất-nghĩa như thế ! » Rồi lại đưa thư của Tống-đốc Quảng-dông cho các tỉnh xem, khiến hiếu-thị cho sĩ-dân đừng tin lời vô lý và khoán dãi quân Tàu cho thề tất.

Đại-tá Rivière thấy quân Tàu sang nhiều, cho đến thêm tàu binh đến Sơn-tây, Hưng-hóa và Bạch-hạc. Hoàng-tá-Viêm thấy vậy cũng liền đòi Lưu-vĩnh-Phúc về Thục-luyện và khiến quan các tỉnh Hưng-hóa, Thái-nghuyên về đóng ở Sơn-tây.

Tháng 9, Thanh-triều lại sai Hoàng-quế-Lan đem 12 doanh quân chia đóng ở các tỉnh Lạng-sơn, Bắc-ninh, Cao-bằng, Thái-nghuyên, và Triệu-Ốc đem năm-doanh quân qua chia đóng trong cửa ải và các tỉnh Tuyên-quang, Thái-nghuyên. Người Pháp nói số quân Tàu sang ta năm ấy (1882, Nhâm-ngo) có đến hai vạn.

Theo Công-sứ Bourrée thì quân Tàu sang Bắc-kỳ, ban đầu không đáng lo ngại, nhưng sau đồng lần, có nhiều quân tinh-nhuệ, có súng ống tốt ; lại còn 4.000 của đội quân của Lý-Hồng-Chương tập-luyện theo lối mới, đã từng dùng đánh ở Cao-ly, binh-khí đã tốt, chiến thuyền lại nhiều và sĩ-quan đều sành nghề. Bourrée chắc rằng nước Tàu sẽ tuyên chiến và sẽ làm tai-hại cho nước Pháp nên đã tự đứng ra điều-dịnh với Lý-hồng-Chương, cùng lập một hiệp-ước đại-lược là Bắc-kỳ đứng trung-lập dưới sự bảo-đảm chung của nước Tàu và nước Pháp, phần đất từ sông Hồng-hà đến biên-giới Tàu chia làm hai khu, khu bắc thuộc quyền kiềm-soát của nước Tàu, khu nam thuộc quyền kiềm-soát của nhà cầm quyền Pháp, Lao-kay sẽ xem như là một thương-

cảng Tàu và ở đây người Pháp được dễ-dàng buôn bán với Vân-nam.

Được tin báo Hà-nội thất-thủ, vua Thanh đã sai Chủ-sứ Đường-cảnh-Tùng đến Quảng-dông cùng quan tỉnh, tỉnh ấy là Mã-phục-Bôn, Châu-bình-Lân sang ta. Đường-cảnh-Tùng đến Kinh rồi ra Hải-phòng, qua các tỉnh Bắc-kỳ xem-xét tình-hình. Nước ta phái Nguyễn-Thuật làm Khâm-sai cùng bọn Mã-phục-Bôn qua Quảng-dông trình bày mọi việc với Tông-đốc là Tăng-quốc-Phiên, nhờ chuyền-đạt lên. Sau khi thương với Công-sứ Bourrée và đợi Chính-phủ Pháp trả lời, Lý-bá-Đồng tư xin nước ta phái người sang Thiên-tân để họ hỏi han và cùng thương-nghị. Tháng chạp vua Tự-Đức sai Thượng-thư bộ Hình là Phạm-thận-Duật làm Khâm-sai, Thị-lang Nguyễn-Thuật làm Phó, qua dâng quốc-thư. Hai quan Khâm-sai chưa đến nơi, quan Thự-lý Thông-thương Đại-thần của triều Thanh là Lý-hồng-Chương cũng có đưa thư đại ý nói nước ta là phiên-thuộc của Trung-quốc, rất là cung-thuận, nay chẳng may gặp việc, Trung-quốc xin lo khu-xử, vậy xin phái người qua để ông mật hỏi sự tình rồi cùng Công-sứ Pháp tìm cách điều-dịnh. Tháng 2 năm sau thì bọn ông Phạm-thận-Duật đến Thiên-tân, Chính-phủ Pháp đã trả lời rằng theo Pháp-Việt hòa-ước ký năm Giáp-tuất thì nước Việt-nam nhận là tự-chủ, không phải thän-phục nước nào cả.

Vì việc ký hiệp-ước với nước Tàu, Bourrée bị triệu về nước, Tricou được sai sang làm Bất-thường Phái-viên để thương-thuyết với Thanh-đình. Ở Paris, Tăng-

kỳ-Thạch hết sức biện chiết, thất lý « Thiên-triều », « Thuộc quốc » không đủ vững để cho mình dự vào việc Bắc-kỳ, Tăng đỗi chủ đề, cho là vì người Tàu có nhiều quyền-lợi về thương mãi ở đất ấy. Hai bên bàn cãi mãi, sau Bộ-trưởng Ngoại-giao Pháp phải nhận nguyên-tắc một khu-vực trung-lập (như ý của Bourrée trước kia) và định biên-giới cho Bắc-kỳ, biên-giới ấy Tăng lấn mãi xuống đến tỉnh Quảng-bình. Trong khi ấy thì Lý-hồng-Chương và Pricou dẵng-co mãi mà không kết-quả gì.

Thấy có một số đông nghị-viên Pháp phản-dối chương-trình xâm-chiémm Bắc-kỳ của Thủ-tướng Jules Ferry, nước Tàu càng phản-kháng thêm lên, tưởng có thể làm cho người Pháp thấy khó-khăn mà làm đỗ Nội-các và bỏ việc Bắc-kỳ đi chăng. Lý-hồng-Chương được lệnh đến đóng ở Quảng-dông để điều-khiển quân Tàu ở Bắc-kỳ cho tiện.

Năm sau, Bố-chánh Quảng-tây là Từ-diên-Húc đem quân sang đóng giữ cửa ải rồi đến đóng ở Bắc-ninh.

### Rivière Lãy Hòn-gai và Nam-định

Việc điều-dịnh kéo dài mãi không xong. Tháng 10 năm Nhâm-ngo, Triều-dịnh cho Trần-dinh-Túc v.v hữu, Nguyễn-hữu-Độ ở lại làm Hà-ninh Tống-đốc.

Thấy quân Tàu sang đóng đông ở các tỉnh, Jauré-guiberry, đã trở lại ghế Bộ-trưởng Hải-quân và Thuộc-địa, tiếp viện cho Đại-tá Rivière 700 quân, do tàu Corrèze đưa đến.

Nghe biết hiệp-ước chia đôi Bắc-kỳ của Bourrée

và Lý-hồng-Chương, mà theo đó khu bắc là khu có nhiều mỏ sẽ về nước Tàu, nên Rivière hành động trước để phá tan ý định ấy: ngày tháng 2 năm Quý-Mùi, Đại-tá đánh chiếm các mỏ than Hòn-gay (12-3-1883) và đặt một đồn binh ở vùng bắc để án ngữ. Ý của Rivière là phải chiếm khu bắc là có nhiều mỏ (Tonkin mines), rồi chiếm luôn khu nam là miền có nhiều lúa (Tonkin riz) để nước Pháp có một thuộc-địa vững vàng ở đây; để đạt mục-đích ấy chỉ cần 3.000 lính, mà lực lượng thủy quân hiện tại đã đủ số ấy, và số quan-thuế (thuế thương-chánh) hiện thu cũng đủ các chi phí.

Các tỉnh Nam-dịnh, Hưng-yên, Ninh-bình thấy binh, Tàu Pháp cứ lần lần thêm đến cũng mở thêm lính, lắp các đường sông nhỏ đến tỉnh thành và sắp đặt sự phòng giữ. Đại-tá Rivière sợ không có đường thông xuồng biển và đường vận tải lương thực, nên cũng tháng ấy (tháng 2), để lại Hanoi 400 quân, 100 ở hành-cung, 300 ở Đồn-thủy giao cho Trung-tá Berthe de Villers ở giữ, còn bao nhiêu thì đem đi đánh Nam-dịnh.

Ngày 16 tháng 2 (25-3) Rivière gửi tối hậu thư cho quan Tông-đốc Võ-trọng-Bình, bảo giao thành trì. Mấy giờ sau quan Tông-đốc trả lời không thể giao và phải đợi lệnh Triều-dinh. Ngày 17 (26 - 3), Đại-tá tấn công, quan tỉnh chia binh chống cự. Quân Pháp bắn trọn một ngày, không lấy được thành. Hôm sau ngày 18 (27-3), tàu Pháp từ sông Vị-hoàng bắn lên, còn bộ binh thì xông vào cửa đông. Các quan Tông-đốc Võ-trọng-Bình, Bố-chánh Đồng-sĩ-Vịnh ở trong chống giữ, còn các quan Đề - đốc Lê.văn-Điếm, Án-sát Hồ-bá-Ôn ra

ngoài thành giao chiến. Hai bên đánh nhau từ sáng đến trưa, Lê-văn-Điếm chết, Hồ-bá-Ôn bị thương, thành hổm; bên Pháp, Trung-tá Carreau bị tử thương, đưa về Hà-Nội rồi chết. Kinh-lược Nguyễn-Chánh đóng binh ở làng Đặng-xá không đem đến cứu viện. Trận này có Bát-phầm Nguyễn-Bồn, người bản tỉnh (con nguyên Án-sát Nguyễn-mậu-Kiến), tự mộ binh đem đến theo quan tỉnh chống đánh, cũng bị đạn chết.

Người Pháp thu trong kho một số tiền trị giá 180.000 đồng bạc.

Đuỗi hết quân Nam, quân Tàu ra khỏi thành rồi, Đại-tá Rivière dè Trung-tá Badens ở lại đóng giữ còn mình thì về Hà-Nội. Trong khi Rivière đi đánh Nam-định, quân ta và quân Cờ-den có về đánh Hà - Nội (đêm 26-7 tháng 3-1883) nhưng không kết-quả gì.

Ở Nam-Định, Rivière phải đương đầu với các toán quân ấy trong nhiều cuộc đụng độ ở các làng Gia-quất, Gia-thụy, nhiều binh-sĩ Pháp bị thương.

Biết rằng mình chiếm Nam-định sẽ làm cho Nam-riều tức-giận và Rheinart, Đặc-phái-viên Ngoại-giao Pháp ở Huế, lâm vào tình thế hiềm-nghèo, nên trước đó, Rivière đã sai chiếc tàu Parseval vào Thuận-an để nếu cần, Rheinart và nhân-viên xuống trú ở đó cho mình dễ hành động ở Bắc-Kỳ.

Nguyên từ đầu năm 1882, trong Chánh-phủ Pháp, người ta thấy trên các ghế Bộ-trưởng bộ Hải-quân, bộ Ngoại-giao, hai người về phe ưng chiếm Bắc - Kỳ là Jauréguiberry và Freycinet. Tuy vậy, được tin Rivière

dánh chiếm Hà-Nội, Hội đồng Bộ-trưởng cũng không đồng ý với nhau về việc đưa viện binh sang. Bộ-trưởng bộ Hải-quân bảo quan Thống đốc Nam-Kỳ, hãy đứng ra chịu trách-nhiệm việc chinh-phạt Bắc-Kỳ. Nhưng Le Myre de Villers không chịu, vì ông cho rằng có thể lập cuộc bảo-hộ một cách hòa-bình, không cần phải hy sinh nhiều nhân-mạng và phí-lòn nhiều tiền bạc. Trong một buổi nhóm của Hội đồng Bộ - trưởng vào khoảng cuối tháng mười, năm 1882, do Tổng-thống Grévy chủ tọa, vấn-dề Bắc-Kỳ được đem ra bàn-bạc rất náo nhiệt. Jauréguiberry trình lên một bản chương - trình chinh-phạt xứ ấy nhưng không được các bạn đồng-liêu tán thành, vì bấy giờ Thượng, Hạ Nghị - viện không muốn đá động đến vấn-dề Bắc-Kỳ, ba Nội-các kẽ nhau bị đỗ trong vòng mây tháng vì việc ấy. Cho nên ở Hải-quân và Thuộc-địa, những vị tướng Hải - quân phải nhường chức Bộ-trưởng cho những quan văn như De Mahy và Charles Brun. Thẩy quân Pháp chiếm Nam-dịnh sau khi lấy Hà-Nội chưa đầy một năm, Charles Brun. Thẩy quân Pháp chiếm Nam - định sau khi lấy Hà-nội chưa đầy một năm Charles Brun điện cho Thống đốc Nam-kỳ Tomson (thay Le Myre de Villers vào khoảng cuối năm 1882) : « Ông hãy ra lệnh cho Rivière phải giữ hiện-tình, chỉ miền Nam-dịnh và không được hành động gì nữa, trừ khi sự an-toàn bắt buộc một cách cần thiết ». Mấy ngày sau, một bức thư nữa gửi sang trách Đại-tá nặng lời ; « Hết thẩy Hội đồng Bộ-trưởng đều bị kích-thích dữ-dội... Những phương-pháp Đại-tá Rivière đã dùng, chúng tôi vẫn còn không hiểu gì cả, vì là trái với các thư trát gửi sang từ tháng tư năm 1882. Những

mệnh - lệnh rất rạch - ròi cấm ông ấy mưu đồ bất kỳ việc gì trước khi vấn - đề này được Thượng, Hạ Nghị-viện bàn-bạc và giải-quyết. Rivière đã hành động theo những lý do chính-trị chứ không phải vì lý do an-toàn... Hãy nhắc lại ông ta những mệnh-lệnh của Chính-phủ ».

Ở Huế được tin Nam định thất-thủ, lòng người sờn Vua, quan rất túc-giận, các ông Nguyễn-văn-Tường Tôn-thất-Thuyết cỗ-động đảng Văn-thân sắp đặt việc chống đánh dân đạo và người Pháp, các co-quan phòng thủ Thuận-an và quân-bị ở Kinh đều tăng thêm. Đứng trước tình-thế ấy và thấy mình bị người Việt - Nam nghi-ky. Đặc Phái Rheinart hạ cờ, đem theo hết nhân-viên và giấy má của Tòa-sứ mà vào Nam-kỳ (30-3-1883) (1). Trước khi đi, Rheinart cho kêu một nhân-viên sở Thương-bạc đến và giao chìa khóa tòa sứ ; người này không nhận, Rheinart ném chìa khóa xuống đất rồi xuống tàu. Sau Triều-dình ta bàn với Giám-mục Monseigneur Gaspar và định rằng cứ mười ngày một lần, Linh-mục đến hội với quan Việt-Nam, khám các niêm phong của Tòa - sứ và đóng dấu Giáo - hội trên thùng đựng chìa khóa.

Về sau, xét, lại việc Nam-định thất thủ, Vua giáng các ông Nguyễn-Chánh xuống hàm Quan-lộc tự-khanh, Hoàng-tá-Viêm xuống hàm Tassel-đốc, Võ - trọng - Bình, Đồng-sĩ-Vinh và các Quản, Lãnh, suất đội có chức-trách đều bị cách chức, phát sung Lê-văn-Ôn được tặng hàm Đô-thống, dự thờ ở miếu Trung-nghĩa, Nguyễn-Bôn

---

(1) đi chiếc tàu Parseval của Rivière gửi vào.

truy thọ hàm Tu-soạn thờ ở Hương-tử, cho Hồ-bá-Ôn ba mươi lạng bạc đẽ điều-trị, nhưng rồi Ôn chết, được tặng hàm Quan-lộc tự-khanh.

Từ khi lấy Hà-nội, Rivière đã chiếm luôn sở quan-thuế, đồng thời sai tịch thu 102.982 đồng bạc ở sở quan-thuế Hai-phòng. Tháng 4 năm Quý-Vị (1883), Đại-tá sai bán hết gạo hiện trữ ở cuộc Chiêu-thương tỉnh Hải-dương, và thu các thứ thuế nha phiến, thuế gạo xuất cảng, nhập — Quản trị sở quan-thuế (1) bấy giờ Pháp thu hàng tháng được ước 10.000\$00.

### Đại-tá Rivière tử-trận

### Thủ-tướng Jules Ferry quyết chiếm Bắc-kỳ

Tháng giêng Năm Quý-mùi, quan Tông-đốc Bắc-ninh là Trương-quang-Đản tâu xin sắp đặt việc quân như vầy ; Hoàng-tá-Viêm khiển quân Lưu-vĩnh-Phúc cùng về đóng ở Sơn-tây cho mạnh thanh thế, Lương-dình-Tú sung Sơn-thái Tiệu vũ-sứ, chiêu mộ 1.000 lính, đem đóng ở giáp giới 2 tỉnh Bắc-ninh, Thái-nguyên ; nếu quân Pháp mưu các tỉnh Nam-định, Ninh-bình thì Kinh-lược Nguyễn-Chánh thương đốc quan tỉnh chống giữ. Phó Kinh Bùi-ân-Niên cùng quan quân tỉnh Hải-dương phá ở mặt biển, hai đạo quân Sơn-tây, Bắc-ninh giáp lại đánh ; tỉnh nào có việc cũng theo như thế mà đối phó.

Tháng hai, các ông Bùi-ân-Niên, Trương-quang-

(1) Theo hòa-ước Giáp-Tuất (1874) các sở quan-thuế (douanes) ở các cửa biển đều do quan Nam trông coi, thu tiền, và bên cạnh có những nhân-viên Pháp giúp đỡ. Nay Rivière giành quyền trông coi và thu tiền cho người Pháp.

Đảng đem binh đến đóng ở Gia-lâm và trên các bờ sông Văn-giang, mưu lấy lại Hà-nội, Ngày 19. quân Pháp qua sông, đến quân-thúy Gia-lâm khiêu-chiến. Các ông Bùi-ân-Niên, Trương-quang-Đảng đốc quân bắn đánh quân Pháp phải lui. Hôm sau họ đem thêm quân đến, quân ta nấp bắn, họ phải vừa đánh vừa lui; chiều ngày ấy, giao chiến một trận, hai bên chết, thương bằng nhau, các ông Tân-tương Lương - qui - Chánh, Thương-biện Nguyễn-Cao, Lãnh-binh Hồ-văn-Phấn đem binh tiếp ứng, quân Pháp chống không nổi phải thu binh về Hà-nội.

Sau khi Nam-dịnh thất-thủ, và thấy quân Tàu sang giúp càng ngày càng đông, Triều-định ta trước còn nắn-na sau mới quyết ý chống đánh. Hoàng-tá-Viêm đem quân Sơn-tây và quân Lưu-vĩnh-Phúc về đóng ở Hoài-đức. Bấy giờ quân Cờ-den và quân ta bao vây thành Hà-nội ngoài một nghìn thước tây rồi dần dần thắt vòng vây lại, ban đêm thì luôn luôn bắn đại bác vào. Rivière từ trước đến nay vẫn lạc quan, nay mới thấy nguy, phải xin viện binh ở Saigon, Hải-phòng và Nam-dịnh nữa. Từ tháng 4, Bộ-trưởng Hải-quân đã phái Đô-đốc Mayer, chỉ huy Hải-quân Pháp trong biển Trung-quốc đem binh thuyền đến vịnh Hạ-long giúp Rivière. Ban đầu Rivière không cần, nay xin Đô-đốc giúp cho lính, súng. Hai chiếc pháo hạm Pháp là Léopard và Carabine di tuần tiễu ở Sơn-tây về đến làng Hà-tri (Hoai-đức) gần Hanoi, bị tấn công dữ-dội. Tòa Lãnh-sự bị bắn, nhiều quả đạn rơi vào vườn, nhà thờ bị tấn công, trong các đội quân ta có nhiều người Âu-châu (?).

Đại-tá Rivière định đến đánh một trận ở Hoài-đức

là nơi Lưu-vĩnh-Phúc đóng quân. Vả, trước đó, Lưu đã gửi thư đỗ thách Rivière để sức với mình, sự xác-xược ấy không thể bỏ qua.

Rạng ngày 13 tháng 4 (19.5.1883) Trung-tá đem 500 quân đi trước, Rivière đi xe ngựa theo sau, thẳng đường tiến về ngã Cầu-giấy. Bông quân ta và quân Cờ-den, từng đoàn, núp trong lùm tre bắn ra, rồi đồ ra chặn quân Pháp. Hai bên giao chiến, quân ta và quân Cờ-den bạ mặt bắn, đạn rơi như mưa. Hải-quân Đại-ý Sentis chỉ huy tiền-đội và Berthe de Villers bị thương nặng (rồi chết), Rivière phải xuống xe chỉ huy quân lính, liền bị trúng đạn nhiều nơi, chết tại trận, nhiều sĩ quan và lính chết hoặc bị thương, quân Pháp rút lui. Bấy giờ là 7 giờ, cuộc chiến đấu kéo dài một giờ, bên Pháp 5 sĩ-quan và 28 lính chết, 6 sĩ-quan và 45 lính bị thương. (1)

Bên ta, quân Cờ-den đi tiên phong, Dương-trước-Ân chết, Ngô-phụng-Điền bị thương, hai tướng có công là Lưu-vĩnh-Phúc và Hoàng-thủ-Trung. Quân Cờ-den chặt đầu Rivière và 29 người Pháp tử trận, đem ướp muối treo lên nhiều ngày cho công chúng xem ; rồi mới chôn. (2).

---

(1) Người Pháp nói Rivière thua trận này là vì trước khi hành binh, Đại-tá đã bắt cẩn-nó ý định mình với nhiều người trong một bữa ăn, mấy người bồi An-nam nghe được, tin cho quân Cờ-den biết,

(2) Nhờ Giám-mục Puginier dò hỏi, biết được chỗ quân Cờ-den chôn các đầu này. Ngày 18-9-1883, nhà chức trách Pháp đến Kiều-mai, làng Phúc-diên, phủ Hoài-đức là nơi Vĩnh-Phúc đóng quân trước kia, đào lên được đầu Rivière (bỏ trong một cái rương sơn đen) và 29 người Pháp.

Tin thắng trận tàu về, Triệu-dinh mở tiệc ăn mừng, Vua Tự-Đức thăng Lưu-vĩnh-Phúc lên hàm Đề-dốc, ban cho mao quan Chánh nhì phẩm và một cái kim-bài có hai chữ « trung dũng », khai-phục nguyên-hàm cho Hoàng-tá-Viêm, các quan quân còn, mất, bị thương đều được thăng hàm và thưởng tiền bạc rất hậu.

Tháng ấy, đạo quân Hoàng-tá-Viêm lại tính đến đánh Hà-nội ; các ông Bùi-ân-Niên, Trương-quan-Đảng đem binh sang hội tiệu và cho đặt đại-hắc trên bờ sông Hồng-hà bắn qua, thuyền Pháp cũng bị thương tồn, nhưng vừa gặp lúc nước sông tràn lên, quan quân phải rút lui.

Lúc ấy, Chính-phủ Pháp thấy các Thượng-quan mình ở Viễn-đông đã nhiều lần trình bầy cần phải tính cho xong việc Bắc-kỳ để thế-lực nước Pháp bên này được vững chãi, nên cũng muốn chờ cơ-hội mà hành động Jules Ferry lên làm Thủ-tướng, việc clam thứ nhất là triệu Bourrée ở Tàu về. Ngày 13 tháng 3 năm 1883, Bộ-trưởng Ngoại-giao Challemel Lacour tuyên bố trước Thượng Nghị-viện ý muốn của Chánh-phủ dứt bỏ chính sách « không quyết định » đối với Bắc-kỳ từ 20 năm nay, lời tuyên bố ấy được hoan nghênh. Ngày 27-4-1883, ông trình lên Nghị-viện một bản dự án xin trích thêm 5 triệu rưỡi phật-lăng để chi phí cho một đoàn quân chiếm đóng gồm 3.000 lính Pháp, 1.000 lính An-nam mà chiếm hẳn Bắc kỲ ; khi bỏ phiếu bản dự-án ấy được 358 phiếu thuận, 50 phiếu nghịch. Tin Rivière bị giết làm cho mọi người cảm-động, thủ-tướng Ferry xướng lên nghĩa phục-thù, nên dự-án về Bắc-kỲ được ai nấy đồng

thanh ưng-thuận. Rồi 1.600 thủy-quân bộ-binhh, ước 350 thủy-quân pháo-binhh được đưa sang Bắc-kỳ, xứ Nouvelle Calédonie (1) thêm vào số ấy hai đội Thủy-quân bộ-binhh và xứ Nam-kỳ hai đội binh ấy với một đại đội pháo binh người Nam. Chính-phủ lại phái Hải-quân Thiếu-tướng Courbet sang coi việc thủy-chiến, chỉ-huy một hạm-đội gần bầy chiếc tàu chiến, còn lục-chiến thì giao cho Lục-quân Thiếu-tướng Bouet ở Nam-Kỳ ra. Hai tướng này ở dưới quyền một vị quan văn, Bác-sĩ Harmand, (2) đương làm Sứ-thần ở Xiêm-la được bổ sang ta làm Tổng Ủy-viên để sắp đặt cuộc bảo-hộ.

Theo mệnh-lệnh của Chính-phủ, nhiệm-vụ của Tổng Ủy-viên là sửa lại hòa-ước Giáp-tuất (1874), trong có nhiều chữ không được rõ nghĩa, không dễ cho nước Tàu can-thiệp vào việc Bắc-Kỳ, lập cuộc bảo-hộ, đặt ở Bắc-Kỳ bầy quan Trú-sú để kiểm-soát công việc của các Tỉnh-trưởng, đổi những quan Việt-Nam phản - đổi Pháp, chỉnh đốn lại việc Thương-chính, Biên-chinh và Công-tác. Từ trước đến nay trong mọi việc giao-thiệp với Nam triều, quan Nguyên-Súy hoặc Thống-dốc Nam-Kỳ thay mặt nước Pháp, nay quyền ấy giao cho chức Tổng Ủy-viên.

Tháng 5 năm Qui-mùi (tháng 6 năm 1883), Thiếu-tướng Bouet đến Hải-phòng. Bấy giờ các nơi quân Pháp chiếm cứ đều bị quân ta và quân Cờ-den đánh phá gắt-

---

(1) Đảo ở Úc-châu, thuộc địa của Pháp.

(2) Chính Bác-sĩ năm 1873 đã theo Francis Garnier đánh chiếm Hà-Nội và mấy tỉnh Bắc-Kỳ.

gao. Thành Nam-định, giao cho Trung-tá Baden, đóng giữ cũng bị vây đánh nhiều lần. Thiếu-tướng Bouet trước hết sắp đặt lại mọi việc phòng thủ ở các thành phố Hà-nội, Hải-phòng, Nam-định rồi đưa quân thêm ra các nơi để công-kích.

Một người theo Jean Dupuis trước kia là Georges-Vlavéanos cũng môt độ 6.700 quân Cờ-vàng theo đánh giúp Thiếu-tướng.

Tháng sáu, Thống - đốc Nam - kỵ bảo Lãnh - sự Nguyễn-thành-Ý phải rời khỏi đất này. Nguyễn-thành-Ý cùng Trần-doãn-Khanh, Phó Lãnh-sự, liền về Kinh.

Khi số-phận Trung, Bắc-Kỳ sắp bị định-đoạt một cách khác thì vua Tự-Đức thăng-hà, ôm theo những mối đau lòng vì đã không khéo chủ-trương việc nước để cho mất một phần giang-sơn tan mất mà còn trông thấy trước những triệu bão lầm sự khó khăn dành lại cho kẻ nỗi dõi sau này.

### Cửa Thuận-An thất thủ — Hòa-ước Quý-mùi (1883)

Tháng sáu năm Quý-mùi Tồng Ủy-viên Harmand, Thiếu-tướng Bouet và Thiếu-tướng Courbet hội nhau ở Hải-phòng để bàn việc tiến binh. Tin vua Tự-Đức thăng-hà và những việc rắc-rối trong triều vừa ra đến Hải-phòng, ba vị thượng-quan Pháp muốn thừa lúc bối-rối ấy của Triều-dinh để vào hành động tận Huế. Vả, sau khi Rivière bị giết, Tomson, Thống-dốc Nam-Kỳ đã điện về Bộ Ngoại-giao nói rằng vua Tự-Đức chưa nghe tiếng súng đại-bác thì chưa ký hòa-ước, nên phải đánh ngay ở Kinh-dô Huế, mà muốn được thế thì chỉ cần

thu mẩy đồn dài ở Thuận-an là đủ. Đặc - phái - viên Rheinart ở Huế cũng đề-nghị nên đánh Thuận-an trước đe dọa Huế. Vậy nên ba ông định rằng, Thiếu-tướng Bouet thì đánh dẹp ở Bắc-Kỳ, còn Thiếu-tướng Courbet và Bác-sĩ Harmand thì mang binh vào Huế.

Ngày 13 tháng 7 năm Quý-mùi (15.8.1883), các ông Courbet, Harmande và sáu chiếc tàu chiến (hai thiết-giáp hạm, một vận-tải hạm, hai tuần-dương hạm, hai pháo thuyền) đến cửa Hàn, ngày 14 đến đậu trước cửa Thuận-an, đưa tối-hậu thư cho quan Trấn-thủ thành Trấn-hải là Hậu-quân Đô-thống Lê-Sĩ. Bấy giờ đức Tự-Đức đã thắng-hà vừa một tháng, linh-cữu còn đe ở điện Càn-thành, Đức-hiệp-Hòa hoảng-hốt, sai các ông Nguyễn-thành-Ý, Phạm-như-Xương, Trần-thúc-Nhẫn đi xin định-chiến, nhưng ghe các ông ấy không cặp tàu được, phải trở vô bờ (sách Pháp nói Thiếu-tướng Courbet không để cho quan An-nam lên tàu). Cửa Thuận-an bấy giờ có bầy pháo-đài nhiều đồn nhỏ, đều sắp đặt kỹ càng để phòng giữ. Chiều ngày 16, lúc 4 giờ rưỡi, hạn phúc-thư của Nam-triều đã hết, hạm đội Pháp bắn lên, quân ta dỗng được bắn trả lại, nhưng phần nhiều không trúng đích, hết tuy vậy chiếc thiết-giáp hạm Bayard và chiếc pháo-hạm La Vipère của Pháp cũng bị trúng đạn nhiều lần, đại-bác Pháp thì lần lượt phá lở nhiều bức thành lũy. Tối đến, hai bên thôi bắn.

Sáng hôm sau, quân ta khêu-chiến, hai bên bắn nhau độ một giờ, nhưng vì sóng to, gió lớn nên mọi việc hành-binh đều không tiện.

Ngày 18 (20-8-1883), sáng sớm, quân Pháp bắn lênh  
bơi thuyền vào, đồ bộ, hầm thành Trấn-hải, quân ta  
chống đánh rất can-dảm, bắn trả hắn-hồi quăng những  
trái nổ lên quân Pháp và đốt làm thành một hàng rào  
lửa để ngăn không cho họ tiến vào. Nhưng rồi vì quân  
Pháp và pháo-hạm họ bắn lại dữ-dội quá, quân ta bị  
thương và chết ngã nghiêng, ngã ngữa. Thống-chế Lê-  
Chuân bị đạn chết, Hậu-quân Lê-Sĩ, tuy bị thương nặng  
vẫn hết sức kháng-chiến. Nhưng rồi cũng chết, Chưởng-  
vệ Nguyễn-Trung chết trong trận, thành bị chiếm. Vào  
khoảng chín giờ mai thì thành hoàn toàn mất và cờ  
tam-tài đã treo lên rồi. Tham-tri Lâm-Hoảng, Trần-  
thúc-Nhân ôm nhau nhảy xuống sông tự-tử.

Quân Pháp lại đánh lên mấy đồn phụ cận. Ở Thái-  
dương dài, quân của Trương-văn-Đề thua chạy, bị chết  
hai nhiều ; ở đồn Hải-nhuận thì quân của Ông-ích-  
Khiêm đã rút lui rồi.

Triều-dình thấy nguy-cấp, liền tối hôm mười tám  
sai quan Thương-bạc Nguyễn-trọng-Hợp di xin hòa và  
nhờ Giám-mục Monseigneur Gaspar theo can-thiệp giúp  
Harmand nói ông chỉ bàn hòa ở Huế và chịu định-chiến  
48 giờ với các điều-kiện sau này : triệt binh và phá-hủy  
hết đạn dược, lương-thực trong mươi đồn (bảy đồn  
chính, năm đồn phụ) từ Thuận-an đến Huế, triệt bỏ  
những chông cǎm ở cửa sông giao lại hai chiếc tàu Scorp-  
ion và l' Entrecastreaux của nước Pháp đã cho nước  
Nam trong hòa-ước Giáp-tuất, nhất là chiếc Scorpion  
của Đại-ý Francis Garnier mà nay Ông muốn còn treo  
lá cờ tam sắc.

Các điều kiện ấy được quan ta thuận-y và thi-hành một phần, ngày 20 (22-8-1883) Harmand, De Champeaux và mấy sĩ-quan đi chiếc tàu nhỏ lên Huế, đem theo 90 lính hộ-vệ, đến ở nhà Sứ-quán.

Tổng Uỷ-viên Harmand đưa ra tờ hòa-ước hai mươi bảy khoản và một bức thư dài gửi cho quan Thương-bạc và các quan Thượng-Nam-triều. Trong thư, ông trách Triều-dinh ta đã gây ra những cuộc rối-loạn ở Nam-kỳ, không chịu định giới-hạn cho xứ này, không khai-thông sông Hồng-hà, nuôi dùng quân Cờ-Đen, làm sỉ-nhục nhiều quan Lãnh-sự Pháp và nhiều người Pháp, mưu-mô với Chánh-phủ Xiêm-la và nhất là Chánh-phủ Tàu một cách có thiệt hại cho nước Pháp v.v..., rồi ông nói : « ... Các ngài có hai đường đi, chiến-tranh và hòa bình, chiến-tranh làm cho các ngài tan - nát cả ; hòa-bình chúng tôi dâng các ngài một cách rộng - rãi với các điều kiện này. Chúng tôi không muốn lấy nước các ngài, nhưng các ngài phải nhận chúng tôi bảo-hộ, ấy là một sự bảo-dảm cho cuộc yên-đỗn, hòa-bình và giàu-có của dân quý-quốc, ấy cũng là sự may-mắn duy-nhất còn lại cho sự sinh-tồn của Chính-phủ và quý Triều-dinh. Các điều-kiện hệ-trọng là ; nhường tỉnh Bình-thuận cho xứ Nam-Kỳ để trả những món nợ cũ, (1) ở Bắc-Kỳ để cho chúng tôi đặt quan Trú-sứ ở các tỉnh-ly nào cần đặt, nước Pháp được kiểm - soát thuế Thương-chính và các món thuế ».

Harmand hạn cho Nam-triều 24 giờ phải trả lời có

---

(1) Khoản binh-phí còn mắc nước I-pha-nho (nước Pháp đã trả cho một phần) là 515.538đ.76.

thuận hay không. Đức-hiệp-Hòa sai Trần -đình-Túc  
Hiệp-tá Trí-sự, làm Toàn-quyền, Nguyễn-trọng-Hợp làm  
Phó Toàn-quyền, sang lầu Sứ cùng quan Pháp hội-nghị.  
Ngày 22 hai bên thương-thuyết, ngày 23 (25-8-1883), các  
ông Harmand, Champeaux, Trần-đình-Túc, Nguyễn-  
trọng-Hợp cùng ký tờ hòa-ước 27 khoản như sau :

1.) Nước Nam nhận và chịu sự bảo - hộ của nước  
Pháp với cái kết-quả của sự đổi-dãi theo pháp - luật  
ngoại-giao Âu-châu, nghĩa là nước Pháp chủ - trương  
hết thảy những việc giao-thiệp của nước Nam với các  
nước khác, gồm cả nước Tàu, và nước Nam có giao-  
thiệp về ngoại-giao với nước nào thì chỉ do một mình  
nước Pháp làm môi-giới mà thôi.

2.) Tỉnh Bình - thuận sát-nhập vào xứ Nam - Kỳ  
của Pháp.

3.) Một đội binh Pháp đóng thường ở dãy núi  
Đèo-Ngang, dãy núi này ra đến mũi đất Vũng chúa ;  
binh Pháp cũng đóng thường ở các đồn Thuận-an các  
đồn ở cửa sông Huế, đồn ấy sẽ kiến-trúc tùy theo ý  
muốn của nhà cầm quyền Pháp.

4.) Chính-phủ nước Nam gọi ngay quân lính đã  
đưa ra Bắc-Kỳ về và để vào tình-trạng hòa-bình.

5.) Chính-phủ nước Nam ra lệnh cho quan lại Bắc-  
Kỳ trở lại ly-sở, bồ quan lại mới để diễn vào chỗ khuyết,  
và làm thời, công nhận những sự bồ - nhiệm của nhà  
cầm quyền Pháp, sau khi hai bên đã thỏa-hiệp.

6.) Những quan tỉnh từ biên-thùy giáp tỉnh Bình-

thuận đến biên-thùy Bắc-Kỳ lấy Đèo-Ngang làm giới-hạn, — sẽ cai trị như xưa, không có nước Pháp kiềm-soát, trừ những việc thuộc về Thương-chinh, Công-tác và đại-dề những việc cần một sự chủ-trương hợp-nhứt và tư-năng của những người chuyên-môn Âu-châu.

7.) Trong giới-hạn trên này, Chính-phủ Việt-Nam sẽ mở cho các nước đến buôn-bán, ngoài cửa Qui-nhon, các cửa bắc Đà-nắng, Xuân-dài. Sau này, sẽ bàn tính có nên mở thêm cửa nào nữa để có lợi cho cả hai nước ; và cũng sẽ định giới-hạn cho những đất đai nhường người Pháp ở những cửa đã mở.

8.) Nước Pháp có thể dựng một hải-đảng ở mũi, đất Varella hoặc ở mũi đất Padaran hay Poulo-Cécir, tùy theo lời phúc-bẩm của các sĩ-quan và kỹ-sư Pháp.

9.) Sau khi hai bên thỏa-hiệp, và phí-tồn chịu chungi Chính-phủ An-nam chịu sửa lại con đường đại-lộ từ Hà-nội đến Sài-gòn, gìn-giữ tử-tế thế nào cho xe cộ đi lại được. Nước Pháp sẽ cấp những kỹ-sư để làm những công-tác như cầu, cống, hầm.

10.) Một đường giây điện-báo sẽ đặt trên đại-lộ này rồi do nhân-viên của nước Pháp khai-trương. Một phần thuế sẽ giao cho Chính-phủ nước Nam, Chính-phủ nước nhượng đất để làm những trạm xá.

11.) Ở Huế sẽ có một quan Trú-sứ là một vị quan đẳng cấp cao lắm. Quan Trú-sứ không xen vào những việc nội-trị của tỉnh Huế, nhưng là người đại-diện Chính-phủ Bảo-hộ, dưới quyền kiềm-cố của quan Tồng

Uỷ-viên của Chính-phủ Cộng-hòa Pháp. Quan Tổng Uỷ-viên chủ-trương những việc ngoại-giao của nước Nam, nhưng có thể ủy-giao oai-quyền và hết hoặc một phần quyền bính cho quan Trú-sứ ở Huế.

Quan Trú-sứ Pháp được quyền diện-yết riêng đức Vua nước Nam, nếu không có duyên-cớ có giá-trị thì đức Vua không thể không tiếp-kiến được.

12.) Ở Bắc-kỳ sẽ có một quan, Trú-sứ, ở Hà-nội, một quan ở Hải-phòng, một quan ở mỗi thành phố gần biển sẽ lập ngày sau và một quan ở mỗi tỉnh-ly tỉnh lớn. Ngay sau khi biết có cần dùng, ở những tỉnh nhỏ cũng sẽ đặt những viên quan Pháp thuộc dưới quyền quan Trú-sứ tỉnh lớn mà tỉnh nhỏ ấy phụ thuộc, theo khu vực hành-chánh trong xứ.

13.) Các quan Trú-sứ hoặc Phó Trú-sứ sẽ có những người giúp việc và những người đồng-sự cần thiết cho họ. Một toán lính Pháp hoặc bản-xứ đủ dùng thường-trực để bảo-hộ cho mọi người ấy được an-toàn.

14.) Các quan Trú-sứ tránh không dự vào điều chi tiết của việc nội-lị các tỉnh. Các hạng quan Nam tiếp-cai-trị và hành-chánh dưới quyền kiểm-soát của họ, nhưng khi nhà cầm-quyền Pháp có xin thì những quan đã tỏ điều không tốt với quan Pháp, có thể đồi.

15.) Các hạng quan lại, viên chức Pháp-thuộc các sở như Büro-diện, Công-khổ, Thương-chánh, Công-tác Học-đường Pháp có tư trình gì với nhà cầm quyền Việt-Nam thì chỉ do các quan Trú-sứ chuyen dặt mà thôi.

16.) Các quan Trú-sứ thầm phán các án-kiện về dân-sự, trùng-trị và thương-mãi của người Âu-châu tương-tranh với người Á-châu ngoại-quốc muốn hưởng sự bảo-hộ của người Pháp. Không phục-tình những án-xử của các quan Trú-sứ thì khiếu nại ở Sài-gòn.

17.) Ở các nơi nhóm-hợp thành-phố, các quan Trú-sứ kiềm-soát sự tuần-phòng của quan An-nam, thành-phố ấy mỏ-mang đến đâu thì quyền kiềm-soát ấy cũng nới ra đến đấy.

18.) Các quan Trú-sứ, có quan Bố giúp, thông qui thuế-khoa rồi xem sóc sự thu và sự dùng.

19.) Việc Thương-chính sắp đặt lại, sẽ giao hết cho các quan cai-trị Pháp. Chỉ có thuế về hải-cảng và về biên-thùy, thuế ấy sẽ đặt khắp nơi cần đặt. Về thương-chánh do những phương-pháp của quan binh ở Bắc-kỳ đặt ra thì không được kêu nài gì cả.

20.) Dân Pháp, dân thuộc quốc-tịch Pháp được hưởng tự-do hoàn-toàn về thân-thể và sản-nghiệp mình trong toàn xứ Bắc-kỳ và trong các cửa bể khai thông ở Trung-kỳ. Ở Bắc-kỳ, họ được tự-do di lại, cư-trú và có của cải. Những người ngoại-quốc xin hưởng sự bảo-hộ miên-viễn hoặc tạm-thời của người Pháp cũng được dài như thế.

21.) Những người, vì có thuộc khoa-học, hoặc có khác, muốn du-lịch trong nước Nam, chỉ được phép do quan Trú-sứ Pháp ở Huế, quan Pháp-sứy Nam-kỳ hay là quan Tổng Ủy-viên của Chính-phủ Pháp ở Bắc-kỳ, làm môi-giới xin cho mà thôi. Các vị quan này phát cho

họ những giấy thông-hành rồi họ trình chính-phủ An-nam phê-chiếu.

22.) Nước Pháp đóng những đồn binh dọc theo sông Hồng-hà trong cả thời-gian mà xét rằng sự đề-phòng ấy là cần thiết để bảo-dảm cho sự giao-thông tự-do trên sông ấy Nước Pháp cũng sẽ có thể lập những đồn lũy vĩnh-viễn ở những nơi xét là cần dùng.

23.) Từ nay về sau, nước Pháp chịu đảm-bảo sự vẹn toàn của quốc-gia của vua nước Nam, chống chỏi cho Ngài với hết thảy các ngoại-xâm, nội-loạn và bênh-vực những diền kêu đòi chính-đáng của Ngài với ngoại-quốc.

Nước Pháp tự nhận, một mình mình, đuổi quân Cờ-đen ra khỏi Bắc-kỳ và lấy sức mình làm cho sông Hồng-hà được yên-tịnh.

Vua nước Nam tiếp-tục cai-trị nước mình như xưa, trừ những điều hạn-chế do hiệp-ước này mà ra.

24.) Nước Pháp cũng chịu cung cấp vua nước Nam những người huấn-luyện, kỹ-sư, bác-học, sĩ-quan v.v... mà Ngài sẽ cần dùng.

25.) Nước Pháp sẽ coi người Nam, — mọi nơi ở trong cũng như ở ngoài — như là những kẻ bị bảo-hộ chân-chính của mình.

26.) Món nợ An-nam mắc Pháp coi như là trả rồi, bởi việc nhường tỉnh Bình-Thuận.

27.) Sẽ có những cuộc bàn-bạc để trình số tiền giao cho chính-phủ nước Nam trong số quan-thuế điện-tin v.v... trong nước, quan thuế ở Bắc-kỳ và thuế về những

cuộc chuyên-mại độc-quyền, cuộc kỹ-nghệ sẽ cho phép ở Bắc-kỳ. Món tiền trích giao ở số thuế thu được ấy không được dưới hai triệu phật-lăng.

Đồng bạc hoa-xòe (piastre mexicaine) và tiền-tệ bằng-bạc của xứ Nam-kỳ sẽ cùng tiền-tệ của nước Nam đồng-thời cưỡng-bách lưu-hành khắp nước.

Bản hiệp-ước này sẽ dâng đức Giám-quốc nước Pháp Cộng-hòa và đức Hoàng-đế nước Nam chuẩn-y rồi sẽ chánh-thức xác nhận và hổ-giao sớm chứng nào tốt chứng nấy. Nước Pháp và nước Nam sẽ bồ-nhiệm những vị ngoại-giao hợp ở Huế để xét và định mọi chi-tiết. Các vị ngoại-giao ấy sẽ nghiên-cứu chế-dộ thương-mãi có lợi cho hai nước, chế-dộ quan-thuế lấy khoản 19 trên này làm căn-bản, và hết thảy những vấn-dề thuộc về độc-quyền việc khai-thác các mỏ, rừng, kỹ-nghệ.

### Sự bất phục hòa-ước bảo-hộ của Triều-đình và quan-chức. Các việc phê-lập

Thể là Bắc-kỳ, Trung-kỳ đã rõ-ràng dưới quyền bảo-hộ của người Pháp. Champeaux vào Gia-định gửi tờ hòa-ước về Pháp xin phê-chuẩn rồi trở ra Huế làm Đặc Phái-viên. Harmand ra Bắc xếp đặt mọi việc cai-trị.

Hòa-ước lập rồi nhưng việc thi-hành không dễ. Trong Triều-đình, nhiều người chưa chịu nhận cuộc bảo-hộ. Ở Bắc-kỳ thì quan quân ta cứ theo quân Tàu chống cự với người Pháp. Tổng-thống quân-vụ Hoàng-tá-Viêm có 7, 8 nghìn quân đóng ở Sơn-tây, mặc dầu triều-

mệnh không chịu triệt lui, vẫn tiếp-tục đánh phá quân Pháp và nhiễu hại những người thân Pháp. Thấy lệnh mình không được tuân theo, vua Hiệp-hòa chỉ có thề than rằng : « Hoàng-tá-Viêm làm không khéo, e lại sinh ra sự khó-khăn ».

Ở Paris, Công-sứ Tàu là Tăng-kỷ-Trạch ra sức phản-đối hòa-ước Quý-mùi và yêu-cầu nước Pháp cắt đất Bắc-kỳ chia cho Tàu với.

Quân Tàu ở nước ta bấy giờ có đến 2 vạn, trong ấy có độ 6 ngàn có súng ống theo lối mới đóng ở các tỉnh Sơn-tây do Đường-cảnh-Tùng chỉ-huy, ở tỉnh Bắc-ninh, thuộc quyền Từ-diên-Húc và tỉnh Hưng-hóa. Đó là chưa kể một số lớn còn đóng dọc biên-giới Bắc-kỳ—Tàu ; Tăng-kỷ-Trạch công-nhận quân ấy liên-hiệp với quân Cờ-den và quân của Hoàng-tá-Viêm.

Nhiều kẻ nghĩa-dũng nổi lên, chiêu mộ mỗi người 5, 3 trăm dân, do Nguyễn-thiện-Thuật, Tân-Tương quản vụ Sơn-tây, lãnh bằng cấp quan Tàu rồi cũng mang gươm, vác giáo đi đánh. Bọn côn-đồ thừa dịp cướp-bóc nhân-dân không phân-biệt ai là cướp, ai là quân. Đất Bắc-kỳ đại-loạn !

Khi Harmand ra Bắc, Nam-triều có sai hai viên quan ra để sức bãi quan-thứ, quản nghĩa-dũng các nơi và hiểu-thị cho nhân-dân. Hai viên này không làm được việc gì, Harmand cho là vì chức quan nhỏ, người ta không nghe, nên xin phái hai vị quan lớn hơn.

Vua Hiệp-hòa sai Thượng-thư bộ Lại là Nguyễn-trọng-Hợp làm Khâm-sai, Thượng-thư bộ Công là Trần-

văn-Chân, Phan-trị bộ Lại là Hương-Phì đều làm Phó Khâm-sai ra Bắc-kỳ xử-trí các việc.

Các Trú-sứ Pháp mới đặt ở các tỉnh, hành-động ngang trái làm cho lòng người oán-giận. Như ở tỉnh Ninh-bình, Quǎng-yēn, Hưng - yēn, các quan Tuần-vũ hoặc bị bắt giết, hoặc bị giam, một quan Phủ bị đánh đòn ; Trú-sứ tỉnh Ninh-bình triệt-thu súng đạn, tiền lúa và sổ sách phủ An-khánh, đem di hết, lại canh giữ kho tinh, không cho chi phát, sức nhân dân khai sổ đinh điền, thu thuế, làm cho các quan tỉnh không chịu nổi, phải lén dời ra đóng nơi khác.

Ngoài Hoàng-tá-Viêm ra, các quan quân-thú như Tân-tương Nguyễn-thiện.Thuật, Đề-đốc Tạ-Hiển, Tôn-thất-Hòa, Tồng-đốc Trương-quan-Đản Đề - đốc Ngô-tất-Ninh, Lê-văn-Hồ, Nguyễn-văn-Chư, Tân-Lý Lương-qui-Chi, tuy đã nhiều lần có Chỉ dòi về cũng không chịu tuân theo.

Tháng 11 năm Quý-mùi, Triều - đình cử Tồng-đốc Lạng-Bằng là Lử-xuân-Oai làm Chánh - sứ, Án - sát Hoàng-xuân-Phong làm Phó - sứ, đệ biếu qua Tàu, nhưng quan Pháp hết sức phản-đối, nên việc ấy lại thôi.

Hòa-ước thi-hành khó-khăn, việc chống-chọi với người Pháp cứ dày-dưa mãi một phần là do hai quan Phụ-chánh Nguyễn-văn-Tường, Tôn-thất-Thuyết, người nắm cả quốc-quyền lúc ấy đã quyết ý không nhận cuộc bảo-hộ. Đề được việc này, hai ông đã gây ra cho nước nhà lầm việc hẽ trọng làm cho kẻ đoc sứ, về sau, gấp

đoạn phải hờn-hở reo cười, cũng gấp lúc phải cau mày tức giận.

Nguyên Tự - Đức lâm chung, để di-chiếu lập con nuôi trưởng là Thụy-quốc-Công Ưng-Châu tức là Đức Dục-Đức (con Hoàng-dệ Thoại-thái-Vương) nối ngôi, và đặt ba ông Trần-tiễn-Thành, Nguyên-văn-Tường, Tôn-thất-Thuyết làm Phụ-chánh. Trong di-chiếu có một đoạn đại ý nói rằng Thụy-quốc-Công mất có tật, tính ham chơi, e không đương được việc lớn, nhưng nước có vua lớn tuổi là hạnh phúc cho xã tắc, (Đức Dục - Đức 31 tuổi) nên phải lập con trưởng. (1) Trước hôm tấn tôn, vua Dục-Đức mời ba quan Phụ-chánh vào điện riêng xin rằng khi tuyên-doc di chiếu sẽ bỏ qua đoạn ấy đi. Đến ngày cử hành lễ, Nguyên-văn-Tường giả đau, không lập ban, Trần-tiễn-Thành tuyên đọc di chiếu, đến đoạn ấy thì không biết vì không đọc hay đọc ú-ớ trong cỗ, nên không ai nghe, Nguyên-văn-Tường và Tôn-thất-Thuyết đàm hạch và cử Tham-tri Nguyên-trọng-Hợp đọc lại. Nên đoạn ấy Nguyên-văn-Tường, Tôn-thất-Thuyết truyền bối chầu để định đoạt lại. Ba hôm sau lại thiết triều, Nguyên-văn-Tường tuyên bố phế vua Dục-Đức. Triều-thần ngo-ngác, không ai dám nói gì, chỉ có quan Ngự-sử Phan-dinh-Phùng đứng lên phản đối liền bị bắt giam rồi cách chức duỗi về. Từ đó, oai quyền hai quan Phụ-chính lừng lẫy, các đại-thần, các

---

(1)... Đản vi hữu mục tật, bí nhì bắt tuyêc, cữu khủng bắt minh, tinh phả háo dâm, diệc đại bất thiện, vị tất nǎng đương đại sự, quốc hữu trưởng quān, xã-tắc chi phuớc, xã-thủ tương hà dĩ tai... (dịch âm nguyên-văn chữ Hán).

hoàng-thân ai trái ý hai ông thì bị giam-cầm, hoặc giết chết, vì thế mọi việc quốc-chính đều tự hai ông quyết định.

Thế vua Dục-Đức rồi, hai ông lập Văng-lảng Quốc-công Hồng-Dật, em út vua Tự-Đức lên ngôi tức là vua Hiệp-Hòa. Ban đầu vua Hiệp-Hòa đối với hai quan Phụ-chánh cũng tử-tế, nhưng lần lần thấy họ chuyên-chế quá, đã lấy làm khó chịu, nên đổi Tôn-thất-Thuyết, Thượng-thư bộ Binl qua Thượng-thư bộ Lại để giảm bớt oai-thể.

Và, trong vấn-dề ngoại-giao là vấn-dề trọng-đại nhất lúc bấy giờ, ý-kiến của hai bên trái nhau hẳn ; Tường, Thuyết đứng đầu phe chủ chiến, vua Hiệp-Hòa và các thân-vương, hoàng-thân thì muốn nhậm cuộc Bảo hộ cho yên việc nước. Vua lại ủy Hoàng-thúc là Tuy-lý-Vương, thay vua để trực-tiếp giao-thiệp với Đặc Phái-viên Pháp ở Kinh, nên Tường, Thuyết lấy làm bất bình. Thấy hai vị quyền thần khinh-thị nhà vua, lạm-dụng quyền thế, hai hoàng-thân là Hồng-Phì, Tham-tri bộ Lại (con Tùng-thiện-Vương) và Hồng-Sâm, Sung-biện Các-vụ (con Tuy-lý-Vương) cùng nhau làm một tờ mật sớ dâng vua xin giết đi. Chẳng may, vì một sự bất cẩn Tường hay được. Vừa tiếp đến việc vua cho Champeaux yết-kiến ở điện Văn-minh, do Tuy-lý-Vương hướng dẫn, ngày 29 tháng 10. Việc điện yết nhà Vua là điều Phái-viên Pháp xin từ lâu, nhưng Triều-dình nhất định không cho, nay Vua và Tuy - lý - vương tự - do làm trái đi nên Tường, Thuyết lấy làm giận lắm. Liền hôm sau, ngày 30 tháng 10, hai ông hội-đồng các quan, làm giấy phế vua Hiệp - hòa rồi sai võ-

tướng Ông Ích-Khiêm đem trao tam ban triều điền. Quan Phụ-Chánh Trần-tiên-Thành đã xin từ-chức và không chịu ký vào giấy này cũng bị Tường, Thuyết sai quân đến giết. Tuy-lý-Vương và gia-quyến trốn xuống Thuận-an nương với viên thuyền-trưởng tàu là Vipère cũng bị bắt giao lại và dày vào miền Nam Trung-kỳ.

Nội đêm hôm 30, người ta sắp đặt việc kế-vị vua Hiệp-hòa, đức Dưỡng-thiện (con Kiến-thái-Vương) con nuôi thứ ba vua Tự-Đức, được đưa vào nội, và hôm sau lên ngôi vua, niên hiệu Kiến-phước.

Nam-trieu không báo-cáo việc phế lập này cho Phái-viên Champeaux biết, ông cho là trái với hòa-ước Quý-mùi nên hết sức phản-dối, không chịu nhận vua mới. Các ông Tường, Thuyết thì cho là hòa-ước ấy không có giá-trị nữa vì người đứng đầu lập ra nó là vua Hiệp-hòa đã không còn.

Vua Kiến-phước còn nhỏ (15 tuổi), mọi việc cũng lự tay Tường, Thuyết chủ-trương. Sau khi hòa-ước Quý-mùi thành-lập, hai quan Phụ-chánh và hội-dồng Cơ-mật đã bàn sẽ định ngày rồi mật sức cho văn-thân các tỉnh giết hết giáo-dân trong nước, người Pháp không còn kẻ giúp-dỗ nữa, sẽ như con cua gãy càng. Rồi Triều đình chống đánh, nếu gặp bẽ gì thì sẽ dời đến một nơi vững-chãi đã sắp đặt sẵn để lo việc khôi-phục, nơi ấy là Tân-sở ở Cam-lộ. Nguyễn-văn-Tường, Tôn-thất-Thuyết sai Hầu-Chuyên (con của Trần-mang quận vương, cháu đức Minh-mệnh) và Phò-mã Đặng-huy-Cát dạo các làng trong tỉnh Thừa-thiên mò dân lập những đội quân gọi là Đoàn-kiệt để phòng các việc sai phái.

Ngày thi vua Hiệp-Hòa (30 tháng 10), Tôn-thất-Thuyết phát cho quân Đoàn-kiệt mỗi người mấy quan tiền, ít binh khí và hẹn đến sớm ngày mai nghe một tiếng súng đại-bác ở Kinh-thành nô làm hiệu thì bắt đầu khởi chiến. Đến giờ hẹn, tiếng súng ấy không nghe : mặc dầu Tôn-thất-Thuyết nhiều lần ra lệnh. Nguyễn-văn-Tường hết sức ngăn cản vì cho là chưa sắp đặt đủ để đối-phó với việc chiến-tranh sẽ gây ra vì việc ấy. Tuy vậy, một phần quân Đoàn-kiệt do Hầu - Chuyên dẫn đi phá các nơi ở miền Nam Thùa-thiên, không nhận được hiệu-lệnh và tưởng rằng ở xa nên không nghe tiếng súng, cứ việc hành-động. Từ ngày mồng 6 đến ngày 13 tháng 11 các nhà thờ Truôi, Cầu-hai, Nước - ngọt, Châu - mới, Buồng - tắm bị phá hủy tan - tành, hơn 300 người bị giết. Miền Thanh - hóa giáp Lào, hơn 200 người bị giết, các nhà thờ đều bị phá. Đặc phái-viên Champeaux thấy nguy-hiểm, nhờ đạo quân Pháp đóng ở Thuận - an đưa lên thêm lính để bảo-vệ sứ-quán rồi mời các Giáo-sĩ Pháp về ở đây cho được an-toàn. Thống-đốc ở Nam-kỳ và Thiếu-tướng Courbet cũng đưa đến tàu, lính cho Champeaux phòng-bị.

Vừa ở Bắc-kỳ, Sơn-tây mất, đạo-quân của Tổng-thống Hoàng-tá-Viêm bị thua. Tin ấy có ảnh-hưởng lớn đến tinh-thần chống cự của các Triều-thần. Các ngài phải gượng-tỏ vẻ hòa-hảo và mặt súc hoãn mọi việc bạo-dộng, kết án tử hình Hầu-Chuyên để tỏ rằng mình không đồng-mưu với bọn Hầu-Chuyên.

Champeaux thấy mình ở vào tình-thế khó-khăn,

không được Nam-triều trọng đãi, lại thường bị họ làm ngăn trở công việc, bèn xin từ-chức. Sự từ-chức ấy không được chuẩn-y, nhưng lúc ấy nhân Tricou Công-sứ Pháp ở Tàu đi ngang qua Sài-gòn, Chính-phủ Pháp sai ông ra Huế để trang-trải các việc. Tháng chạp năm Quý-mùi, Tricou cùng Nam-triều hối-giao hòa-ước Harmand (1er-1-1884) rồi được triều yết vua Kiến-phuớc ở điện Thái-hòa (5-1-1884). Triều-dình nhân đó đem những khoản nặng-nề của hòa-ước và những hành-vi ngang trái của các Trú-sứ-quan mà Harmand mới đặt nhò Tricou nghị xử sao cho hợp công-pháp để sĩ-dân bớt phẫn-khích và hai nước được hòa-bảo lâu dài. Về hòa-ước Tricou xin bẩm về nước do Chính-phủ nghị định, còn các quan Trú-sứ thì khi ông ra Bắc sẽ thương-sức không được can-dự đến việc quan, việc dân của các tỉnh. Nam-triều cũng công-nhiên sức giải-táu các toán người sát tả ở Thanh-hóa, trừng trị những kẻ cầm đầu và làm tội các quan đã dự vào việc ấy. Nhưng các vị Triều-dình phái ra thi-hành nên nhiều quan liên-can nặng cũng khỏi trừng phạt gì cả !

Champeaux phật ý mà thấy Tricou choán việc mình nên lại xin từ-chức. Lejard chỉ-huy đội quân ở Thuận-an lên tạm thế Chapeaux rồi Parreau Đại-ý Hải-quân bộ-binh, nguyên thứ-ký của Harmand, đến thay làm Đặc Phái-viên Huế. Parreau giữ chức cho đến ngày Hòa-ước Giáp-thân thành-lập.

Các quan Khâm-sai Nguyễn-trọng-Hợp, Trần-văn Chuẩn làm không được việc gì, xin về kinh chịu tội, nhưng hai ông về rồi, các quan ta đứng trước một tình-

thế mới lạ, không vui vẻ làm việc lòng người nghi ngại, trộm cướp hoành hành, quan Pháp xin Triệu định phái người ra khu xử cho mau yên tĩnh. Thượng thư bộ Công là Đoàn văn Hội được cử làm Khâm sai, Tham tri Huỳnh Hữu Thường làm phó Khâm sai ra Bắc kỵ hiểu tráp và liệu lý các việc. Quân Pháp lấy các tỉnh Sơn-tây, Bắc-ninh, Hưng-hóa rồi, trong các quan quân-thú lần lần mới có người về Triều ; còn Đế-đốc Tạ-Hiền theo quan Tàu lãnh chức ấy ; Tân-Tương Nguyễn-thiện-Thuật lãnh bằng cấp quan Tàu, đem quân về đóng ở Hải-dương chiêu mộ quân nghĩa-dồng để chống đánh người Pháp ; Án-sát Nam định là Phạm-vũ-Mân, Tri-phủ Kiến-xương là Phạm-văn-Hòe, tinh-thần Hưng-hóa là Nguyễn-quang-Bính nạp ấn từ quan ; sung quân-thú Sơn-tây là Nguyễn-đức-Nhuận, Nguyễn-văn-Giáp cũng hoặc qua Tàu, hoặc bỏ quan.

### Quân Pháp đánh dẹp ở Bắc-Kỳ

1) *Quân Pháp thấy sức mạnh quân Cờ-den.* — Trong khi Harmand và Thiếu-tướng Courbet vào đánh Thuận-an thì Thiếu-tướng Bouet đem toàn binh-lực lên đánh quân Cờ-den đóng trên bờ sông Nhuệ-giang, cách tám chín nghìn thước ở phía tây Hà-Nội. Quân Pháp chia làm 3 đạo cùng quân Cờ-den đánh nhau hai ngày, một đạo binh bị đánh lui, còn hai đạo kia cũng không thu được kết quả gì khả quan lắm ; vì lụt to nên việc hành binh không tiến hành được, hai bên đều bị thiệt hại. Sau trận này, Thiếu-tướng Bouet mới biết rằng quân Cờ-den đã đóng lại có khí-giới tốt, tập luyện và sắp đặt hẳn hoi, đường phòng-tuyến dài đến mấy nghìn

thuởc, vì vậy Thiếu-tướng phải điện về Pháp xin thêm viện-binhh mới tiếp-tục việc đánh dẹp được. Quân Cờ-den dời lần lần lên đóng ở đồn Phùng.

Vào khoảng này, Trung-tá Brionval đánh chiếm tỉnh thành Hải-dương (16-8-1883) lấy được 150 đại-bác, nhiều lương-thực và một số tiền đồng trị giá ước 40 vạn phật-lăng.

Harmand ở Huế ra Bắc-Kỳ cho rằng lính Cờ-vàng của Georges Vlavéanos hay cướp bóc nhân-dân, nên bãi di, đặt ra ngạch lính khổ xanh thay vào.

Tháng 8, Thiếu-tướng Bouet lại lên đánh quân Cờ-den ở đồn Phùng, quân ấy tuy lui nhưng cũng chưa thua.

Bấy giờ ý Harmand thì muốn lên đánh Sơn-tây là nơi căn-cứ của quân Hoàng-tá-Viêm và quân Cờ-den, nhưng Thiếu-tướng Bouet nghĩ rằng không đủ quân lính. Vì đó, hai người bất hòa nhau, Thiếu-tướng Bouet xin về Pháp và giao binh quyền lại cho Đại-tá Bichot. Chẳng bao lâu Hải-quân Thiếu-tướng Courbet được bổ làm Thống-đốc Quân-vụ, coi cả Lục-quân và Thủy-quân (25-10-1883).

Vào khoảng tháng 10, quân Tàu và quân ta đóng ở Bắc-ninh tiến đánh thành Hải-dương (12-11-1883) và khi rút lui đốt hết một phần phố-xá. Người Pháp nghĩ quan tỉnh có tư thông với quân ấy nên bắt đầy vào Côn-lôn ; quan Bổ-chánh Võ-Túc tức giận mà chết, quan Tống-đốc Hà-văn-Quảng bị Pháp kết án tử-hình, đồi làm khổ sai cũng đầy vào Côn đảo (mãi đến khi Tống

Trú-sứ Paul Bert đáo nhậm, Triều-dinh xin, ông Quảng mơi được tha.

Trước đó quân Pháp vào huyện An - dương (tỉnh Hải-dương) bắt Tri-huyện là Trần-Đôn xuổng tàu, Trần-Đôn nhảy xuổng sông lụ tử.

Quân Tàu và quân ta còn trở lại đánh Hải-dương một lần nữa, cách lần trước mấy hôm (17-11-1883), rồi đánh Hải-phòng, nhưng đều không có hiệu-quả.

Tổng Ủy-viên Harmand xin về Pháp, để toàn quyền hành-động cho Thiếu-tướng Courbet (1er - 12 - 1883). Silvestre bỗng đến trong nom các việc cai-trị nhưng ở dưới quyền quan Thống-đốc quân-vụ.

2) *Quân Pháp đánh lấy Sơn-tây.* — Ở Pháp, Thủ-tướng Jules Ferry nhất quyết chủ-trương việc đánh lấy Bắc-kỳ. Việc viễn-chinh này gặp nhiều Nghị-viên trong Hạ-nghị-viện phản-dối vì thấy nước Tàu can-thiệp lời thôi quá; và lại bấy giờ ba nước Đức, Áo, Hung, Ý-dai-lợi vừa ký hiệp-ước liên-minh (6-1883) nên những người lo xa phải nghĩ đến sự an-toàn nước-nhà trước những việc mưu-tính khó-khăn và xa-xôi khác. Ở Thượng-nghị-viện, công-tước De Broglie tuyên-ngôn rằng những cuộc viễn-chinh như thế làm yếu nước nhà, quyền lợi trọng yếu của Pháp là ở Âu châú mà ở đấy cương-giới Pháp có thể bị công-kích lầm. Thủ-tướng Jules Ferry bênh vực việc mình: « Một nước không lớn thêm được nếu cứ do-đự trước sự khó-khăn, nếu chưa nghe sự cắp-báo đã sợ, nếu dã cho các nhà báo đánh lừa được, nếu không tự tin

lấy mình, mà lòng tin ấy cần phải có vì nó là chính-  
đáng và cần-thiết. » Kết-cục, Chính-phủ cũng xin thêm  
được quân lính và binh-phí cho việc Bắc-kỳ.

Liền sau khi tiếp được 3.600 viện binh ở Pháp  
đưa sang, bấy giờ số quân cả thảy lên đến 9.000,  
Thiếu-tướng Courbet định lên đánh Sơn-tây. Ngày  
tháng mười (10.12.1883), Thiếu-tướng đem 5.500 quân  
chia làm hai đạo, một đạo do Đại-tá Bichot đem đi  
đường sông Hồng-hà cùng mười lăm chiếc tàu lớn nhỏ  
một đạo do Đại-tá Blin đi đường bộ, tiến lên. Bấy  
giờ thành Sơn-tây phòng bị rất cẩn-mật, có ba lớp  
đồn lũy bảo-vệ và ước hơn hai vạn quân Cờ-den,  
quân Tàu, quân ta đóng giữ. Quân Pháp đánh dãy đồn  
Phù-sa Phú-nhi cách thành Sơn-tây hai nghìn thước  
rất vất-vả, bị chết hại nhiều, mới chiếm được. Họ tiến  
đánh thành Sơn-tây, Lưu-vĩnh-Phúc ra thành đốc quân  
chống cự, nhưng bên Pháp súng đại-bác ở trên bộ và  
dưới sông đều bắn lên dữ-dội quá, quân Tàu và quân  
Cờ-den bị thương và chết nhiều ; chiều ngày ấy (16.  
12.1883) thì Thiếu-tướng Courbet sai bắn phá cửa tây  
để hâm thành hai bên đánh nhau đến tối. Đêm hôm  
ấy, quân Cờ-den, quân Tàu và quân ta rút lui khỏi  
thành Sơn-tây, bỏ lại năm chục khẩu đại-bác bằng  
đồng ba mươi chín đại-bác bằng gang, đạn, cốt mìn  
và thư-tín của Lưu-vĩnh-Phúc. Trận này quân Pháp  
bị chết ước tám chục người, bị thương ước hơn ba  
trăm người, quân Tàu quân Cờ-den và quân ta chết  
và bị thương có đến số nghìn.

Quân Tàu và quân Cờ-den lên đóng ở Hưng-hóa  
Hoàng-tá-Viêm đem quân về Thuộc-huyện.

Hoàng-tá-Viêm thương với Đường-cảnh-Tùng xin đem bốn doanh quân đến đóng ở Bắc-ninh để tiện việc vận lương, phái Vĩnh-Thanh đem ba đoàn phụ giữ Hưng-hóa. Vĩnh-Phúc đem quân Cờ-den về đóng ở phủ Lâm-Triệu, Vĩnh-Tường, vạch giới-hạn mà giữ. Còn các quan tỉnh Sơn-tây thì lo việc đốc thu binh lương.

Thiếu-tướng Courbet lấy Sơn-tây rồi thấy quan tỉnh không ai trở về, bèn thương với quan Tông-đốc Hà-nội là Nguyễn-hữu-Độ xin đặt quan khác. Nguyễn-hữu-Độ cử Trực-học-sĩ Nguyễn-Khuyến quyền Tông-đốc, Thị-độc Thành-ngọc-Uân quyền Bố-chánh, nhưng hai ông ấy không đến, bèn cho Tú-tài Nguyễn-Văn và nguyên Quản-lý sở Thương-chánh là Nguyễn-Hậu quyền sung; viện cõ-mật tâu xin vua và thương với Phái-sự Champeaux định bãi việc ấy.

Thiếu-tướng sửa-sang lại các đồn lũy thành Sơn-tây rồi để lại đó 1.800 canh giữ. Ông lại sai dò xét trận thế để sắp đánh Bắc-ninh. Nhưng bấy giờ nước Pháp và nước Tàu đương thương-thuyết về việc Bắc-kỳ nên Chính-phủ sai hoãn việc ấy lại.

Việc lấy được Sơn-tây khuyến - khích Quốc - hội Pháp. Nội-các Jules Ferry xin được thêm binh-phí và gần 7.000 quân tiếp sang Bắc-kỳ. Lục-quân Trung-tướng Millot được bổ làm Thống-đốc quân-vụ Bắc-kỳ thay cho Hải-quân Thiếu-tướng Courbet thăng Trung-tướng chuyên coi Hải-quân để phòng giữ mặt bắc. Tháng giêng năm Giáp-thân thì ông này giao quyền binh cho Millot (12-2-1884); lúc bấy giờ có ước 16.000 quân, 470 sĩ-quan

và 6.000 ngàn phu vận-tải, Trung-tướng Millot chia làm hai lữ-doàn, một lữ-doàn, giao cho Thiếu-tướng Brière de Lisle đóng ở Hà-nội, một lữ-doàn thuộc quyền Thiếu tướng de Négrier đóng ở Hải-dương.

3) *Quân Pháp đánh lấy Bắc-ninh, Thái-nguyên.*  
— Nhậm chức được một tháng, Trung-tướng Millot bắt đầu tiếp-tục việc đánh dẹp mà vì sự thuyên-chuyển tướng Courbet đã phải bỏ dở. Trung-tướng giao việc phòng giữ các tỉnh thành thượng-du cho quan Khâm-sai ta lo liệu rồi rút binh, thuyên các nơi về Hà-nội và Hải-dương để mưu đánh Bắc-ninh là nơi có đại-binhh Tàu đồn trú.

Tháng hai năm Giáp-thân, Trung-tướng chia quân làm 2 đạo, một đạo giao Thiếu-tướng Négrier chỉ huy đi đường thủy, do các sông Nghĩa-trụ, Lục-đầu, Thiên-đức, Nguyệt-Đức một đạo do Thiếu-tướng Brière de Lisle đốc-suất di đường bộ do các hạt Siêu-loại, Quế-dương, Gia-lâm, Thuận-thàn, cùng tiến đến thành Bắc. Ở đây, quân Thanh mười doanh chia đóng bốn mặt phòng giữ, Thống-lĩnh Triệu-Ốc ở ngoài thành, Huỳnh-quế-Lan ở trong, dinh Tồng-đốc và kỳ đài treo cờ Đại-Thanh, khóa các cửa thành qua Tàu đã thu giữ hết.

Quan Tồng-đốc Trương-quang-Đản tuân theo dụ trước khiến đứng trung-lập, hiện đóng quân ở huyện Tiên-du. Hai đạo quân Pháp hợp lại (11-3-1884) rồi cùng quân Thanh giao tranh.

Lưu-vĩnh-Phúc cũng đem quân từ Hưng-hóa đến. Quân Pháp công-kính gắt-gao quá; quân Thanh phải tan vỡ (13-3-1884) chạy về Thái-nguyên, Lạng-sơn, bỏ lại

nhiều súng ống và đạn dược ướt trãm khâu đại-bác. Bố chánh Nguyễn-Tu, Án-sát Nguyễn-ngọc-Chẩn và tinh thuộc chạy ra ở ngoài thành. Tông-đốc Trương-quang-Đản được tin báo, đem binh trở về thì thấy quân Pháp đã vào chiếm thành rồi, bèn đến đóng ở huyện An-phong.

Bấy giờ trong hạt Bắc-ninh nơi nào cũng có người nồi lên bạo-dộng, các phủ huyện không cầm chế được, quan Tông-đốc phải đem quân đi tuần-trấp,

Vua sai Bố-chánh Nguyễn-Tú quyền Tông-đốc và đòi Trương-quang-Đản và các quan thứ thần về kinh.

Lấy thành Bắc-ninh rồi, Thiếu-tướng Négrier và Brière de Lisle chia quân đuổi theo quân địch. Brière Le Lisle phá các đồn trại ở Nhã-nam lấy 21 đại-bác rồi tiến đánh tinh thành Thái-nguyên. Quan Thanh là Trần-đức-Triều với năm doanh quân, chống đánh, nhưng cũng phải thua, bỏ chạy về Hưng-hóa, Thủ-ý Nguyễn-quang-Khoan bị trúng đạn chết; các quan lính lui ra ở dân-gian, quân Pháp vào thành (19-3-1884) đốt ba cửa thành và văn-thư, vật-hạng rồi thu các đồ bằng vàng, bạc, đồng, thiếc đem hết về tỉnh Bắc, lại chiếm được 37 đại-bác, nhiều súng và đạn dược. Quân Tàu tan ra tàn phá các nơi, nhân dân rất cực khổ. Đến tháng năm, người Pháp mới cho binh đến đóng giữ.

Vua sai ụnguyên Án-sát Hà-tĩnh tại quán là Dương-như-Lập quyền Tuần-vũ Thái-nguyên và đòi Tuần-vũ Trương-quang-Huấn đã tránh vào Thanh-hóa về Kinh đợi chỉ.

Sau khi lấy Bắc-ninh, Thiếu-tướng Négrier định lên

dánh Lạng-sơn, nhưng Chính-phủ Pháp muốn tránh sự rắc-rối trong việc thương-thuyết với nước Tàu nên chỉ cho phép đánh Hưng-hóa.

4) *Quân Pháp đánh lấy Hưng-hóa.* — Tháng ba năm Giáp-thân, quân Pháp đánh Hưng-hóa là nơi căn-cứ của quân Cờ-den từ khi Sơn-tây thất-thủ. Thiếu-tướng Brière Le Lisle đem binh thuyền đến Sơn-tây rồi lên Hưng-hóa. Thiếu-tướng Négrier cũng đem một đạo quân đến hợp với quân của Brière le Lisle (11-4-1884) cùng đánh. Quân Cờ-den chống với quân Pháp không nổi, đốt cả phô xá rồi theo đường thượng đạo phủ Lâm-trieu rút lên miền thượng-dụ. Quân Pháp vào thành (12-4-1884). Trong trận này và trận đánh Bắc-ninh tháng trước, quân Pháp có thả khinh khí cầu để dò quân địch làm cho quân Tàu và quân ta lấy làm lạ.

Hoàng-lá-Viêm bỏ đồn Thục-luyện lên mạn ngược rồi cũng do đường núi về Kinh. Quân Pháp đến phá hủy hết đồn trại ở Thục-luyện.

Tuần-vũ Hưng-hóa là Nguyễn-quang-Bích nạp ấn bồ qua Tàu (rồi mất ở miền rừng núi), Vua sai quyền Tuần-vũ Ninh-bình là Nguyễn-văn-Thi cải quyền Tuần-vũ Hưng-hóa.

5) *Quân Pháp đánh lấy Tuyên-quang.* — Tháng năm (giáp thân) Trung-tướng Millot sai Trung-tá Duchesne và 5 chiếc tàu binh lên chiếm Tuyên-quang.

Sau một giờ bắn đánh, quân Pháp đuổi được quân Cờ-den và chiếm lấy thành.

Nguyên sau khi thua ở Hưng-hóa, Lãnh-binh đoàn

quân Lưu-vĩnh-Phúc là Huỳnh-thủ-Trung đem 2.000 lính chạy về thành Tuyên-quang, bắt Tuần-vũ Hoàng-tướng-Hiép an-trí, cướp hết kho tàng, số sách đem đi và bắn chết Thông-phán Nguyên-Trung. Án-sát là Nghiêm-Niệm phải giả bệnh, Bố-chánh là Lê-văn-Duyên lén về Hà-nội.

Quân Pháp lấy Tuyên-quang rồi cho mời Văn-Duyên, Nghiêm-Niệm phục chức. Quân Cờ-den mấy nghìn tan ra thường đến cướp phá các nơi, đường giao-thông thủy, bộ đều trở ngại, quân Pháp kiêng-thủ chờ viễn-binh.

Tuần-vũ Hoàng-tướng-Hiép bị Hoàng-thủ-Trung đem qua Long-châu rồi chết ở đấy.

6) *Trung-Pháp Hiếp-uróc Fournier*.— Quân Pháp đã làm chủ cả miền trung-châu Bắc-Kỳ nhưng quân Tàu còn đóng ở Lạng-sơn, Cao-bằng và Lao-kay. Bấy giờ việc giao-thiệp giữa hai nước Tàu, Pháp đã định trệ. Ở Pháp, người ta đối-dãi với Công-sứ Tăng-kỷ-Trạch, một cách lạt-lẽo, ở Tàu Tricou cũng bị xử như thế.

Tình cờ, có hai người Âu-châu ở Tàu, Hải quân Trung-tá Pháp Fournier thuyền trưởng tàu Le Volta của hạm-đội Trung-quốc-hải và Détring người Đức, làm Ủy-viên quan-thuế ở Quảng-đông, đều là người quen của Lý-hồng-Chương, gặp nhau ở Hương-cảng và nói chuyện về Bắc-Kỳ. Détring nói có thể điều-dịnh với Lý - hồng - Chương, để hai nước hòa nhau Trung-tá Fournier cũng nghĩ như thế. Rồi Détring nhờ quan Tống-đốc Quảng-đông trình cho Lý-hồng-Chương biết ý ấy. Chẳng bao lâu Lý-hồng-Chương điện cho Thiếu-tướng Lespès, chỉ-huy hạm-đội Pháp ở Trung-quốc-

hải xin cho Fournier đến Thiên-tân cùng mình thương-thuyết. Được Chính-phủ giao toàn quyền, Thiếu-tướng Lespès ủy quyền cho Trung-tá Fournier đi hội-nghi.

Sau hai ngày thương-thuyết, ngày 18 tháng 4 năm Giáp-thân (11-5-1884), Trung-tá Fournier, Frandiu, Lãnh-sự Pháp ở Thiên-tân và Lý-hồng-Chương, ký hiệp-ước 4 khoản như sau :

1.) Nước Pháp chịu kính-nể và bảo - hộ biên-thùy phía Nam nước Tàu giáp Bắc-Kỳ, chống với mọi sự xâm-lăng của bất kỳ lúc nào.

2.) Vì nước Pháp bảo-kiết chắc-chắn sự hòa-hảo giàn bang, sự vẹn-toàn và yên-đồn cho bờ cõi nước Tàu, nên Thiên-quốc chịu : I) Rút ngay quân ở Bắc-Kỳ ra biên-giới. II) Kính nể, bây giờ và về sau, các nước Pháp và Triều-dinh Huế trực-liếp ký-kết hoặc sẽ ký-kết.

3.) Để dập lại thái - độ hòa - thuận của Chính-phủ Thiên-triều và tấm lòng khôn ngoan ái-quốc của ông Lý-hồng-Chương, nước Pháp không đòi binh-phí. Bù lại, nước Tàu chịu để cho nước Nam và nước Pháp trao đổi hàng-hóa cùng nước Tàu trên khắp biên-thùy giáp Bắc-Kỳ, sự trao đổi ấy sẽ có thương - ước qui - định theo tinh-thần rất thỏa-thuận của các quan thương-nghị Tàu và trong những điều kiện có thể có ích cho sự thương-gmail Pháp được nhiều chừng nào tốt chừng ấy.

4.) Trong hòa-ước nước Tàu sẽ ký với nước Nam,— Hòa-ước này sẽ hủy bỏ cả các hòa-ước trước về việc Bắc-Kỳ,—Nước Pháp chịu sẽ không dùng một danh-từ gì có thể tồn đến thế-diện Thiên-triều.

5.) Khi hiệp-ước này ký xong, hai nước sẽ bồi những nhà ngoại giao để ba tháng sau, sẽ họp lại mà lập một hòa-ước nhất-định, lấy những điều-khoản trên này làm căn bản.

Đây là tờ hiệp-ước Tàu-Pháp đầu tiên về việc Bắc-Kỳ. Từ trước đến nay, nước Tàu tuyên-ngôn rằng nước Nam là thuộc-quốc của mình và lấy danh nghĩa ấy để đem quân qua Bắc-Kỳ. Nước Pháp muốn dứt mọi giấy quan-hệ giữa hai nước để mình được tự-do hành động, cũng chối cãi điều ấy mà bác khước nước Tàu, không cho can-dụ vào việc nước ta. Khoản thứ hai hiệp-ước này nói nước Tàu chịu « Kính nề những hòa-ước hai nước Pháp-Nam trực-tiếp ký-kết với nhau » như thế là tuy không nói rõ, nhưng giấy quan-hệ giữa hai nước Tàu-Nam đã bị đoạn-tuyệt một cách khéo léo vậy. Nhà ngoại-giao tình cờ Fournier đã bước được một bước thắng lợi.

### Hòa-ước Giáp-thân (1884).

Được tin hòa-ước Fournier thành-lập, Thủ-tướng Ferry một mặt thương-thuyết với Công-sứ Tàu cho quân nước ấy ở Bắc-kỳ rút về, một mặt lo sửa lại tờ hòa-ước Harmand mà Nam-triều đã kêu nài là nặng-nề. Khi Tricou vào Huế hô-giao hòa-ước ấy, Triều-dinh ta có làm thư nhờ đê sang Giám-quốc Pháp xin trả lại các tỉnh Bình-thuận, Thanh-hóa, Nghệ-an, Hà-tĩnh mà hòa-ước Harmand đã cắt giao cho Nam-kỳ và Bắc-kỳ. Tricou cũng có hứa sẽ trình lên Chính-phủ việc ấy. Bấy giờ, hòa-ước này chưa trình lên hai viện

duyệt-y và nhơn có Patenôtre Công-sứ Pháp ở Tàu phó-ly, ghé Sài-gòn, Thủ-tướng Ferry sai ra Huế sửa lại hòa-ước để y theo lời yêu-cầu của Triều-dinh Huế. Trong tờ trình đưa lên hai viện về lý-do sự đổi ấy, Thủ-tướng Ferry có nói đại-ý rằng : « . . . sự sát-nhập Bình-thuận vào Nam-kỳ chỉ có những ích-lợi bấp-bênh cho thuộc địa này thôi... mà cũng không cần thiết gì cho kinh-tế và binh-bị, cho nên khôn-ngoan hơn là chỉ nghĩ đến lợi-ich của một cuộc bảo-hộ... muốn giúp cho công cuộc kinh-doanh của nước Pháp ở Đông-dương có kết-quả thì nước Nam không phải là một cái hure-không được; phần đất nước Nam còn lại đó phải trở thành một nước riêng, có đủ của cải để sống cho khỏi phiền lụy đến người Pháp và lo cai trị lấy mình dưới sự chỉ huy của người Pháp, vì thế ba tỉnh Thanh, Nghệ, Tĩnh nên giao lại cho nước Nam ; ba tỉnh này về địa-lý và lịch-sử, liên-lạc với Huế chứ không liên-lạc với Hà-nội, mỗi tỉnh lại là nơi phát tích của giòng vua trị-vì, đoạn-tuyệt các dây ràng buộc cõi-truyền ấy sẽ làm khó khăn thêm sự thừa-nhận các việc đã xảy ra... ».

Tháng năm, năm Giáp-thân (Kiến-Phúc năm đầu 1884) các ông Patenôtre, Rheinart (1) đến Huế Triều-dinh cử Thượng-thư bộ Hộ Phạm-thận-Duật làm Toàn-quyền, Tham-tri bộ Công-Tôn-thất-Phan làm phó Toàn-quyền để thương-thuyết với quan Pháp. Hai chữ « bảo-hộ » mà quan Pháp đem dùng được quan ta bàn cãi

---

(1) *Đương nghỉ ở Pháp, được Thủ-tướng Jules Ferry phái theo giúp Patenôtre, vì Rheinart am hiểu các nhân-vật ở Huế.*

với họ nhiều lầm. Nguyễn-văn-Tường xin đổi « bảo-hộ » làm « bảo-trợ » (Theo lời ông Rheinart thì ông Tường nói thà chịu nhường tinh Bình-thuận chứ không chịu ký hòa-ước trong dùng hai chữ bảo-hộ) Patenôtre phải điện về Ba-lê xin, Chính-phủ thuận dùng hai chữ (bảo trợ). Khoản xin cho Tổng Trú-sứ và lính hầu đóng ở Mang-cá cũng bị đem ra nói qua nói lại lâu dài, Ngày 13 (6.6.1884), hòa-ước 19 khoản lập xong, có các ông Nguyễn-văn-Tường, Phạm-thận-Duật, Tôn-thất-Phan, Patenôtre, cùng ký :

1) Nước Nam nhận và chịu nước Pháp bảo-trợ, nước Pháp thay mặt nước Nam trong các việc giao-thiệp với ngoại-quốc và bảo-trợ người nước Nam ở các nước ngoài.

2) Bình Pháp thường xuyên chiếm đóng ở Thuận-an. Triệt bãi hết các đồn lũy phòng-thủ hai bên bờ sông từ đấy lên đến Kinh.

3) Trong các tỉnh của nước Nam, từ đất giáp tỉnh Biên-hòa của Nam-kỳ cho đến đất giáp tỉnh Ninh-bình của Bắc-kỳ, các quan-viên cai-trị nhân dân như cũ, trừ việc thương-chánh và việc tạo-tác và các việc thường mà cần sự chủ-trương duy-nhất, hoặc cần kỹ-sư hay người Âu-châu.

4) Ở các tỉnh trong giới-hạn nói trên, trừ các cửa biển Thi-nại đã khai thương rồi, các cửa Đà-nẵng thuộc Quảng-Nam, Xuân-dài, Vũng lấm thuộc Phú-yên nay cũng khai thương và về sau xét có cửa biển nào có lợi ích thì hai nước sẽ đồng ý mở thêm. Nước Pháp sẽ đặt

quan-viên ở đây, quan.viên ấy thuộc quyền quan Tổng-Thống Trú-sứ ở Kinh.

5) Quan Tổng-thống Trú-sứ Kinh thay mặt Chính-phủ Pháp chủ-trương việc ngoại-giao của nước Nam, lo cho việc bảo-trợ được thi-hành đúng-dắn mà không dự đến chánh-sự của các tỉnh trong giới-hạn nói ở khoản thứ ba. Quan Tổng-thống Trú-sứ ở trong kinh thành có một toán lính hộ-vệ. Ông được vào điện tấu riêng đức Vua nước Nam.

6) Ở Bắc-kỳ, Chính-phủ Cộng-hòa sẽ đặt những quan Trú-sứ hoặc Phó Trú-sứ ở các tỉnh-ly mà xét là cần đặt chức ấy. Các quan này thuộc quyền quan Tổng-thống Trú-sứ ở Kinh. Họ ở trong thành, gần chỗ ở của quan tỉnh và có thể có một toán lính Pháp hoặc Nam bảo-vệ.

7) Các quan Trú-sứ Pháp đặt ở các tỉnh Bắc-kỳ không được dự vào các chi-tiết của việc dân-chánh. Quan Nam các hạng tiếp-tục cai-trị dàn trong hạt, dưới quyền kiểm-soát của các quan Trú-sứ, nhưng khi quan Pháp có xin cách chức viễn nào thì phải cách chức.

8) Các hạng quan-viên Pháp có tư báo về việc gì với nhà cầm quyền Nam đều phải do quan Trú-sứ đê-dặt.

9) Nước Pháp lập dây điện-báo trên đường Sài-gòn — Hanoi do nhân-viên Pháp khai-trưng. Một phần tiền thuế sẽ trích giao nước Nam, để bù lại, nước Nam nhượng đất để làm trạm xá cho sở ấy.

10) Người nước ngoài ngụ ở nước Nam và xứ Bắc-kỳ đều do người Pháp xử-doán; người nước Nam và

người ngoại-quốc có kiện-cáo việc gì cũng gì cũng do người Pháp phân xử.

11) Trong các tỉnh nước Nam, Bố-chánh coi việc thu thuế cho Triều-dinh như trước, không có quan Pháp kiêm cỗ. Trong địa-hạt Bắc-kỳ, quan Trú-sứ hiệp với quan Bố-chánh tổng hợp từng hạng thuế và trông nom việc thu, việc dùng. Quan Pháp và quan Nam sẽ lập một hội-đồng định sổ tiền dành cho các sở nhà nước và việc Công-tác, còn bao nhiêu thì nộp cho Triều-dinh Huế.

12) Trong khắp nước Nam, việc quan thuế tồ-chức lại sẽ toàn giao cho quan cai-trị Pháp trông coi, quan thuế sẽ đặt nơi cần đặt trên bờ biển và ở trong biên-giới mà thôi, còn về phương-pháp mà các võ-quan Pháp thi hành trong viện quan-thuế trước kia thì nay nước Nam không kêu nài gì nữa.

Trong các sở quan-thuế ở nước Nam và ở Bắc-Kỳ, các điều-lệ và thuế chinh-ngạch, thuế ngoại-ngạch, điều lệ cấm thuyền vào bến khi có dịch khí, đều y theo như ở các sở quan-thuế Nam-Kỳ.

13) Trong các cửa biển đã khai thương ở nước Nam và trong toàn địa hạt Bắc-Kỳ, dân Pháp và dân thuộc quốc-lịch Pháp được tự-do đi lại, buôn-bán mua động-sản, bất-dộng-sản và sử dụng.

Vua nước Nam sác nhận chắc - chắn những điều bảo-dảm cho Giáo-sĩ, giáo-đồ nói trong hòa-ước 15 tháng 3 năm 1874.

Người ngoại-quốc muốn đi trong nước Nam phải

do quan Trú-sứ ở Kinh hoặc quan Thống-đốc Nam-Kỳ  
xin giấy thông hành rồi trình quan Nam phê chiếu.

15.) Nước Pháp tự nguyện bảo-dảm sự toàn-vẹn  
đất đai của nước Nam, trong thi dẹp yên loạn lạc, ngoài  
thì chống đánh giặc-giã. Vì vậy, nước Pháp xét trong  
đất nước Nam và hạt Bắc-Kỳ nơi nào cần đóng binh  
thì được đem binh đến đóng để thi hành việc bảo-trợ.

16.) Ngoài các sự hạn-chẽ do hòa-ước này mà ra,  
vua nước Nam tiếp-tục quản-trị nước mình như trước.

17.) Về món nợ nước Nam còn mắc nước Pháp,  
sẽ nghị-định cách-thức trả lại. Về sau, nếu không có  
Chính-phủ Pháp cho phép thì vua nước Nam không  
được vay nước ngoài.

18.) Quan hai nước sẽ hội-đồng định giới-hạn các  
cửa biển khai thương và đất đai nhường cho Pháp ở  
mỗi nơi ấy, nghị lập vọng đăng trên bờ bắc nước Nam  
và xứ Bắc-Kỳ, định chế-độ khai mỏ, chế-độ tiền-tệ,  
số tiền trích giao cho Nam-triều trong số quan - thuế,  
thuế điện-báo và các món thu khác không kể trong  
khoản thứ 11 của hòa-ước này.

Hòa-ước này sẽ dâng Chính-phủ Cộng-hòa Pháp và  
đức vua nước Nam chuẩn-y rồi hô-giao liền.

19.) Hòa-ước này thay cho các điều-ước lập ngày  
15 tháng 3 và ngày 31 tháng 8 năm 1874.

Khi có bên nào dị-nghị về nghĩa-lý trong ấy thì lấy  
bản chữ Pháp làm gốc.

Patenôtre thương với quan ta rằng nay nước ta đã nhận nước Pháp bảo-trợ, không phải là phiên-thuộc nước Tàu nữa, thì cái ấn của nhà Thanh phong cho vua nước ta nên giao cho nước Pháp. (1) Nguyễn-văn-Tường xin đem nấu phá đi.

Trước khi ký tờ hòa-ước ở lầu-sứ, trước mặt quan Nam, Pháp, người ta đem ấn đóng mấy bản để cất lại, rồi thuột bệ nấu chảy ra thành một cục bạc.

Nhân-dịp, chính-phủ Pháp và vua ta đưa tặng phẩm-vật cho nhau (Pháp tặng vua quan ta hàng thêu, lụa, dạ, kính đeo mắt, máy hát, rượu vang v.v...) Vua ta tặng lụa, bội tinh vàng và bạc, ngà voi, đồ cẩn cừ, gươm và thêm vào để cho quân lính mấy thoi bạc trị giá 2.000 phật-lăng và bò, heo, dê, gà, vịt).

Rheinart ở lại kinh quyền chức Tổng Trú-sứ (Résident général).

Đây là hòa-ước bảo-hộ thi-hành cho đến năm 1945. Xem lại, chúng ta thấy rằng chúng ta chỉ mất quyền ngoại-giao mà thôi, còn quyền nội-trị, quyền binh-bị vẫn còn nguyên vẹn. Thế mà sau đó một thời-gian, đặt một chức Lý-trưởng cũng phải do quan Sứ ưng-thuận và cấp bằng, binh lính thì để kéo xe hay hauled hạ các quan

---

(1) *Ấn này bằng bạc mạ vàng, vuông, mỗi bề độ 11 cm, tay cầm hình con kỳ lân, trong khắc sáu chữ « Việt-Nam Quốc-vương chi-ấn » nước Tàu phong cho vua Gia-Long năm 1803. Ông Devéria, Thông-ngôn ở bộ ngoại-giao Pháp xem trang sử Tàu biết có ấn này, gọi ý nên thu đi để người Nam không còn dấu hiệu thòn-thuộc nước Tàu, mới nhận cuộc bảo-hộ của người Pháp (xem Sigillographie sino-annamite Pierre Daudin)*

và nhiều kẻ chưa cầm đến cái súng lần nào. Xem thế thì « người » hệ trọng hơn hòa-ước. Và đó là một bài học rất quý báu cho chúng ta ngày nay vậy.

Hiệp-ước Fournier tách nước Tàu ra ngoài vòng quan-hệ với nước Nam, hòa-ước Giáp-thân công-nhận rõ-ràng nước Pháp là chủ-nhân-ông ở nước này, không còn chối cãi gì được nữa. Nước Pháp tưởng rằng thời-kỳ đánh dẹp vất-vả đã qua, từ nay có thể triển bở trong cảnh thái-bình, nhưng nào đã được. Như ta sẽ thấy, Triều-định nhà Thanh đâu chịu để một miếng mồi ngon ở kè sát bên miệng mình cho một nước xa lạ khác chính-phục, mà nước Nam cũng quyết một phen trống mái mới chịu mất chủ-quyền. Vả, việc phá hỏng cái ấn phong-vương của nhà Thanh làm cho nhà Thanh, làm cho người Tàu cảm thấy họ bị xúc phạm danh-dụ : khi tin ấy đến Bắc-kinh (do một nhân-viên hãng Havas có dự kiến cuộc nấu ấn), Tồng-lý Nha-môn giận lắm, cho là nước Pháp hành động trái với hiệp-ước Thiên-tàn, liền đánh điện tố cáo Pháp với các đại-diện ngoại-giao ở Bắc-Kinh, và ra lệnh cho các tướng lãnh Tàu ở Bắc-Kỳ tiếp tục đánh quân Pháp.

## CHƯƠNG THỨ CHÍNH

### NƯỚC PHÁP VÀ NƯỚC TÀU CHIẾN-TRANH VÌ VIỆC BẮC-KỲ

#### Quân Tàu đánh bại quân Pháp ở Bắc-lệ

Hình như hiệp-ước 18 tháng tư năm Giáp-thân do Lý-hồng-Chương ký kết với Fournier không được Thanh-dinh đồng ý, phe chủ chiến ngăn trở việc thi-hành cho nên ta thấy quân Tàu tiếp-tục việc kháng-cự. Ở Pháp, hiệp-ước ấy làm cho người ta vui-vẻ, Thủ-tướng Ferry thông-cáo nghị-viện biết, ai nấy đều tưởng rằng mọi việc trắc-trở với nước Tàu đã dẹp xong và việc chinh-phục Bắc-kỳ đã hoàn thành. Thinh-linh việc Bắc-lệ như một tiếng sét, phá tan cái ảo-mộng ấy và làm cho nước Tàu, nước Pháp, vì Bắc-kỳ, đánh nhau hơn một năm trời nữa.

Nguyên quân Thanh thua ở Bắc-ninh (tháng hai năm Giáp-thân) rồi thì kéo về đóng ở Lạng-sơn, Thanh-dinh trị tội các viên thủ-lãnh và sai Phan-dĩnh-Tân làm Tuần-vũ Quảng-tây để đốc biện việc quân chống đánh với quân Pháp. Tháng tư năm Giáp-thân, Tân đem quân ra cửa quan, cùng Tống-đốc Vân-quí là Sầm-dục-Anh trù nghị, sai Vương-đức-Bảng (Bố-chánh), Phương-

hữu-Thăng, Huỳnh-nguyễn-Xuân đem 17 doanh quân chia đóng ở Nam-quan, Lạng-quan và Quan-àm. Quân ta như nguyên Tuần-vũ Lạng-sơn Lã-xuân-Oai, nguyên Tán-tương Nguyên-thiện-Thuật, Đề-dốc Tạ-Hiện, Nguyên-sự Phạm-huy-Quang và mấy người nghĩa-dồng ở Hải-dương đến ở Lạng-sơn từ trước nay đều xin lệ thuộc quan Phanh điều-khiển. Vừa được Thanh-triều xuống dụ rằng người Pháp đương nghị hòa, quân Tàu phải yên-tịnh, không được khai chiến trước.

Hiệp-ước ngày 18 tháng tư ký xong, Trung-tá Fournier có gửi giấy cho Lý-Hồng-Chương định rằng đến rằm tháng 5 (6-6-1884) thì quân Pháp lên chiếm Lạng-sơn, Cao-bằng, Thắt-khé, các nơi biên-thùy giáp Quảng-dông, Quảng-tây và được đậu tàu khắp duyên-hải Bắc-kỳ, rồi đến mồng 5 tháng 6 (26-6-1884) thì quân Pháp được chiếm Lao-kay và các nơi ở biên-thùy giáp Vân-nam v.v...

Trung-tướng Millot đã được Fournier điện cho biết mấy điều ấy, tướng rằng quân Tàu đóng ở Lạng-sơn, Cao-bằng, Thắt-khé đã rút về trong trung-luần tháng 5, nên cuối tháng ấy, ông sai Đại-tá Dugenne đem một đạo quân 800 người lên thu chiếm các nơi ấy. Khi quân Pháp sang sông Thương (cách cầu Quan-àm 8, 9 dặm) thì bị bắn, làm bị thương ba người (23-6-1884) quân Tàu sai đưa thư sang nói ấy là dân miền núi lân-cận bắn chứ không phải quân Tàu, họ có nghe tin hòa-ước nhưng chưa được lệnh rút về, xin hoãn cho 6 ngày để chờ lệnh. Mấy giờ sau, một viên quan Tàu đến cũng xin hẹn 6 ngày để triệt binh. Đại-tá Dugenne không chịu, quá trưa

hôm ấy, đưa tin sang nói trong một giờ nữa quân Tàu không rút lui thì quân Pháp cứ việc tiến binh. Quá hẹn, quân Pháp tiến lên, đi được một chặng thì bị quân Tàu nấp hai bên đường bắn ra. Hai bên giao-chiến trọn ngày, quân Pháp thua.

Hôm sau, thấy quân Tàu sắp vây ba mặt quân Pháp phải trở qua sông Thương rút về Bắc-lệ.

Trận này, quân Pháp có 28 sĩ-quan và lính tử trận, 46 người bị thương, còn phu tùy tùng chết hoặc bị chìm trên sông Thương không biết bao nhiêu mà kể, ngựa lừa bị mất cũng nhiều.

Ở Bắc-kỳ, quân Pháp bị Tân-Tương Huỳnh-dinh-Kinh (người Nam lãnh bằng cấp quan Tàu) đem quân nghĩa-dồng đến đánh, giết hai sĩ-quan và nhiều lính, họ phải rút lui về Bắc-kạn để đợi viện-binhh.

Tin bại trận này làm cho Paris rất tức giận. Thủ-tướng Ferry truyền cho Công-sứ Patenôtre ở Bắc-kinh đòi nước Tàu phải trả 250 triệu tiền binh-phí và phải lập-tức rút quân ra khỏi Bắc-kỳ.

### Quân Pháp đánh Phúc-Châu và phong-tỏa Đài-loan.

Trong khi ở Thượng-hải, Công-sứ Patenôtre đại-diện nước Pháp và Tổng-đốc Lưỡng-Quảng, đại-diện nước Tàu đương thương-thuyết thì chính-phủ Pháp ra lệnh cho Trung-tướng Courbet đem hạm đội đến đậu ở Phúc-châu và Cơ-long.

Thật ra, Thủ-tướng Ferry chỉ cần điều-định cho xong việc, nên tỏ cho biết về khoản đòi bồi thường binh-

phi không yêu-sách lắm, nhưng Thanh-dinh không chịu, nhờ liệt-cường can-thiệp, việc thương-thuyết kéo dài hai tháng mà không có kết quả gì.

Từ hạ tuần tháng sáu, Trung-tướng Courbet đã đem mười một chiếc tàu vào sông Mân, đậu ở trước xưởng binh-kí Phúc-châu.

Hạ tuần tháng bảy, Thủ-tướng Ferry sai De Semallé Đặc phái-viên Pháp ở Bắc-kinh đưa tối-hậu thư cho Tông-lý nha-môn triều Thanh đòi 80 triệu phật lăng binh phi, trả trong mười năm. Quá ngày hẹn, Thanh-triều không trả lời, Trung-tướng Courbet được lệnh khởi công (23-8-1884), nội trong ngày này, 22 chiếc tàu trong 25 chiếc của hạm-đội Phúc-châu bị đánh chìm, hôm sau quân Pháp phá xưởng binh-kí thành ấy rồi xuôi xuống sông Mân, hủy diệt hết các cơ-quan phòng-thủ.

Nhưng mà Phúc-châu ở xa Kinh-dô, cuộc thắng trận ấy không đủ ép buộc được Chính-phủ nhà Thanh. Trung-tướng Courbet muốn quay lên phía bắc đánh chiếm Lữ-thuận (Port Arthur) để có thể uy-bách Tông-lý nha-môn. Tàu một cách có hiệu-quả hơn, nhưng Thủ-tướng Ferry sợ mếch lòng nước Anh và sợ quốc-hội và dư-luận không tán thành nên không thuận, chỉ cho phép đánh chiếm Cơ-long (thuộc đảo Đài-loan) và phong tỏa Đài-loan thôi,

Cuộc chiến-tranh này cũng dài ngày và vất-vả lắm. Quân Pháp phần thì bị bệnh lỵ, bệnh thời khí làm chết hại mất nhiều, phần thì bị quân Tàu chống cự riết quá

nên không tiến thêm được ; Thiếu-tướng Lespès bị thua ở Tam-sai (một hải-cảng ở đảo Đài-loan).

Tàu Pháp đánh đuổi tàu bè ngoài biển nên tháng 2 năm Ất-dậu thì Chính-phủ Anh coi nước Pháp là một nước giao-chiến, không cho đến tải than-dá ở Hương-cảng và Tân-gia-Ba nữa, tàu Pháp phải lấy than đá tận ở Mahé, Obock, Pondichéry. Để trả thù, Trung-tướng Courbet sai khám các tàu thuyền nghi là chở khí-giới lương thực cho quân Tàu và ra lệnh cấm tải gạo vào đảo.

Tháng ba, quân Pháp chiếm quần-đảo Bành-hồ (Pescadores) và phong-tỏa cửa bắc Pakhoi thuộc tỉnh Quảng-đông.

Tháng sáu, Trung-tướng Courbet đau chết ở Đài-loan.

### Quân Pháp lấy thành Lạng-sơn

Trong khi Trung-tướng Courbet đánh ở Tàu thì quân Tàu ở Quảng-đông, Quảng-tây kéo sang Bắc-kỳ lần-lần càng nhiều. Vì thất trận ở Bắc-lệ và đội quân tiếp-viện không thấy sang, tháng 7 (năm Giáp-thân) Trung-tướng Millot xin về Pháp, Thiếu-tướng Brière de Lisle lên cầm binh quyền.

Cách ít lâu, tiếp được 6.000 quân ở Pháp sang, bấy giờ quân cả thảy độ 20.000, Thiếu-tướng chia làm mấy đạo cho đi đánh. Tháng 8, đạo quân của Đại-lá Donnier đến đánh ở mạn thương-lưu Lục-nam, giết quân địch có đến số nghìn, Thiếu-tướng Négrier đem quân lên chặn đường lui của chúng, gặp nhau ở Kéo giao chiến

rất hăng, quân Tàu phải bỏ chạy. Rồi Đại-tá Dominé đánh chiếm đồn Chủ, quân Tàu có phản-công nhưng vô hiệu. Trong mấy trận này, quân Tàu chết có đến 2.000 người, bên quân Pháp tướng Négrier bị thương ở chân, 27 người chết, 109 bị thương.

Tướng Brière de Lisle sai Đại-tá Duchesne lên đánh quân Tàu và quân Cờ-den ở mạn Tuyên-quang và Trung tá Berger lên giữ Thái-nguyên.

Tháng 11 tướng Négrier đem quân theo tả ngạn sông Lục-Nam lên đánh quân Tàu ở núi Bóp. Vào khoảng này, Thiếu-tướng Brière de Lisle thăng Trung-tướng và nhận được hơn 1.000 quân ở Pháp gửi sang. Tháng chạp, Trung-tướng mộ 7.000 phu đài tải, đem 7.500 quân, chia làm hai đạo, sai đi đánh Lạng-sơn. Đến Lạng-sơn được rất vất-vả vì con đường từ Kép lên đây là đường hẻm trong núi mà chỗ nào cũng có quân Tàu đóng, vì vậy quân pháp phải lèn đồn Kép rồi phải lèn về đồn Chủ, qua đèo Vân, lấy đồn Đông-sơn, đồn Thành-muội (ải Chi-lăng ngày trước) rồi đánh tràn đến Lạng-sơn. Ở đây, hai bên đánh nhau từ ngày 25 đến ngày 29 (12-2-1885) thì quân Pháp lấy được thành. Quân Pháp chết 40 người, bị thương 222 người.

Sau mấy ngày, quân Pháp lại lên đánh Đồng-đăng, quân Tàu thua chạy. Thiếu-tướng Négrier tiến phá cửa ải Nam-quan (ngày 8 tháng giêng Ất-dậu) rồi trở về giữ Lạng-sơn.

**Quân Tàu vây thành Tuyên-quang  
Quân Pháp giải vây.**

Khi quân Pháp đánh Lạng-sơn thì quân Tàu và

quân Cờ-den ở mạn sông Hồng-hà và Lô-giang kéo về đánh Tuyên-quang, Thành này bấy giờ do Thiếu-tá Dominé và hơn 600 quân giữ. Quân Cờ-den và quân Tàu đã kéo về đóng ở miền lân-cận và giữ những nơi hiểm yếu để chặn đường tiếp ứng của quân Pháp. Lưu-vịnh-Phúc cầm quân đánh, ngày 15 tháng chạp thì vây được thành. Quân của Lưu dùng hết sức để phá thành, quân Pháp cũng hết sức chống giữ.

Trung-tướng Brière de Lisle ở Lạng-sơn về rồi lập tức lên cứu Tuyên-quang. Quân Pháp và quân Tàu giao-chiến rất dữ-dội từ ngày 13 cho đến ngày 17 tháng giêng thì thành được giải vây, quân Tàu phải rút lên mạn ngược. Trận này, hai bên đều thiệt hại nhiều.

### Quân Tàu lấy lại thành Lạng-Sơn

Quân Tàu tuy thua mất Lạng-sơn, nhưng Đề-đốc Quang-tây là Phùng-tử-Tài, đóng quân ở Long-châu, chực sang lấy lại. Tháng hai (năm Ất-dậu) quân ấy đến đánh Đồng-dăng, Thiếu-tướng Négrier lên cứu. Quân Pháp bị chết hại gần 200 người, Thiếu-tướng phải rút về Lạng-sơn. Quân Tàu lại đến đánh Kỳ-lừa, Thiếu-tướng bị thương nặng, phải giao binh quyền cho Trung tá Herbinger. Nhưng Trung-tá thấy quân địch đông quá, cũng bỏ thành Lạng-sơn (28-3-1885), bỏ cả súng ống, đồ-đạc, đốt kho lương và quăng xuống sông 120.000 đồng bạc, vì không có người dài-tải, mà chạy về đồn Chủ và đồn Kép.

Được tin bại trận, Trung-tướng Brière de Lisle điện về Pháp xin cứu-viện rồi lên đồn Chủ để lo việc chống giữ.

Các quan cựu thần ta lại cùng quân Cờ-den đi đánh Pháp ở mạn gần Hưng-hóa và Lâm-thao.

### Nội-Các Jules Ferry đỗ vì việc Bắc-Kỳ

Sau hiệp-ước Fournier. Ở Pháp, Thủ-tướng Jules Ferry phải đương đầu với phe phản-dối lấy thuộc-dịu mà người phản-dối hăng-hái nhất là ông Clémenceau.

Tuy vậy, phe tán thành vẫn đông hơn và trong một cuộc hội-nghị tháng 11 năm 1884, sau năm ngày tranh luận (22-26 Novembre), Chính-phủ cũng cấp thêm quân-phí và Hạ-nghị-viện tuyên-cáo « quyết làm cho Hiệp-ước Fournier được thi hành triệt-dễ ».

Trong phe sau này, có Paul Bert tuy không hoàn-toàn đồng ý với Ferry nhưng vẫn bênh-vực việc lấy thuộc-dịa, ông diễn-thuyết hô-hào đại ý nói : « Nước Pháp đã tỏ ra có thiên-tài lấy đất thực-dân và tuy dân số không đông đúc lắm, nhưng cần phải có thuộc-dịa, trước là để cho dân Pháp có thêm nơi sinh con đẻ-cháu, sau để tìm thị trường cho công nghệ đương phát - đạt. Hải-quân Pháp đứng vào bức thứ nhì trong liệt-cường, nước Pháp có bờ bắc và thuộc-dịa cần phải che chở, như thế lẽ nào cứ để mình các nước khác chinh-phục thế-giới sao ?... Trong bốn năm vừa qua, chúng ta đã lấy Sénégal, thôn - tinh Tunisie, đương tinh việc buôn bán với Madagascar, mà gắng sức nhiều nhất là ở Đông-duong là xứ đất đai giàu, tốt và có gần ba mươi triệu dân, ở đây xứ Nam-kỳ đã phụ-thuộc, cuộc bảo-hộ Cao-Mên đã vững chãi, vậy phải nghĩ đến việc lấy Bắc-Kỳ và cả Đài-loan, một đảo nhiều mỏ than nữa. Đó là nói về phương-diện chính-trị thì chúng ta sẽ khôi-phục

dược địa vị trên hàng các liệt cường, khi có chiến-tranh với nước nào thì ở Madagascar, chúng ta sẽ cầm chìa khóa của Ấn-dô-dương, sau khi chúng ta xoi eo đất Panama để nối Thái-bình-dương với Đại-tây-dương và đào kinh Suez để thông Địa-trung-hải với Ấn-dô-dương, tàu bè đi vòng thế-giới, đi ngả nào cũng gặp Đông-dương ở giữa đường... Như thế sẽ an-ủi ta việc mất Ấn-dô... Vậy ta phải lấy Madagascar và Đông-dương, cuộc sống còn của thuộc-địa Pháp là ở đấy...». Máy lời ấy rất có ảnh-hưởng, các báo đua nhau bàn bạc hoặc cho phải, hoặc cho trái.

Trong khi dư-luận phàn-vân như thế thì ngày 25 tháng 3 năm 1885, điện tín cho hay rằng quân Pháp chống với bốn vạn quân Tàu ở Lạng-sơn bị đại bại. Thủ-tướng Ferry đương an-ủi Nghị-viện lại tiếp được điện-tín khác của Brière de Lisle báo rằng Thiếu-tướng Négrier bị thương đã giao quyền chỉ huy cho Đại-tá Herbinger và Đại-tá thấy sức lực quân địch mạnh hơn nhiều nên đã phải bỏ Lạng-sơn. Hung-tín này làm náo-động dư-luận, việc chinh-phục Bắc-Kỳ trở lại thành một vấn-de. Biết bao nhiêu sự hy-sinh đã chịu đựng, biết bao nhiêu máu đã đổ chảy, mà có lẽ không ích gì hết ! Buổi hội-nghị ở Hạ-nghị-viện ngày 30 tháng ba còn truyền tụng, hôm ấy công chúng rất xôn-xao, một nhóm đông người tụ trước điện Bourbon và trước Bộ Ngoại-giao la lên những lời đe dọa, ở phòng Hội-dồng người ta nghe : « Giết chết Ferry ! Giết chết anh Bắc-kỳ ! Giết chết anh Ferry ! » Đến bờ phiếu tín-nhiệm, có 109 phiếu thuận, 306 phiếu nghịch, Nội-các Ferry đồ !

Hôm sau ông Nghị Floquet xin Hạ-nghị-Viện bỏ phiếu cho thêm 500 triệu để chi về việc Bắc-kỳ. Ngày 6 tháng 4 (1885). Nội-các Brisson thành-lập.

### Trung-Pháp hòa-ước Thiên-tân

Sau khi quân Pháp chiếm Cố-long rồi, Tăng-kỷ Trạch vẫn còn trông mong rằng Chính-phủ Pháp bị phe phản-dối trong nước ngăn trở, dư-luận liệt-cường bức-bách, có nhượng-bộ chăng, nên tiếp-tục xin Pháp hủy hiệp-ước Fournier bỏ cuộc bảo-hộ nước Nam và chia cho một phần đất Bắc-kỳ.

Nhưng cuộc chiến tranh kéo dài, thấy không có lợi mà mình thì còn bận về việc Cao-ly, việc Tây-tạng. tài chánh đương thiếu hụt, nước Tàu phải nghĩ đến việc hòa.

Vừa gặp việc Tống Thanh-trai quan thuế Tàu là Robert Hart người Anh, vì có một chiếc tàu của sở quan thuế bị tàu Pháp tịch thu trong khi Đài-loan bị phong tỏa đương đòn bồi thường. Tống-lý nha-môn triều Thanh nhân dịp ủy-quyền Robert Hart để thương-thuyết việc giảng hòa với Pháp. Ông này sai một nhân-viên sở quan thuế Tàu là James Duncan Campbell đến Paris trực-tiếp với Thủ-tướng Ferry.

Sau hai tháng bàn bạc, ngày tháng 4 năm Ất-dậu (4-4-1885) Campbell thay mặt nước Tàu và Billot Thanh tra các việc chính-trị ở bộ Ngoại-giao Pháp thay mặt nước Pháp, lập biên-bản đồng ưng rằng :

1.) nước Tàu chịu chuẩn-y hiệp-ước Fournier và

nước Pháp cũng không deo duỗi mục-dịch gì khác hơn là việc thi-hành chu đáo hiệp-ước ấy.

2.) vì vậy, hai nước chịu bối ngay các cuộc xung đột ở các nơi ; nước Pháp thuận giải vây Đài-loan lập tức.

3.) nước Pháp thuận phái một thượng quan đến Thiên-tân hoặc Bắc-kinh để lập hòa-ước rồi hai nước sẽ định ngày triệt binh.

Sau, đó quân Tàu ở Bắc-kỳ đình-chiến, việc thương thuyết giữa quan Tàu và quan Pháp tiến hành dễ dàng tháng 5 thì quân Tàu ở Bắc-kỳ rút về.

Các ông Patenôtre Đại-sứ Pháp ở Tàu, Lý-hồng-Chương, Tống-dốc Trực-lệ, Tích-Trầm, Đô-thống, Đặng thừa-Tu, Hồng-lô, Tự-khanh, họp ở Thiên-Tân ngày tháng 6 năm Ất-dậu (9-6-1885 Quang-tụ năm 11), ký hòa-ước 10 khoản như sau :

1.) Nước Pháp nhận sắp đặt và giữ gìn cuộc trị-an trong những tỉnh nước Nam giáp Tàu. Muốn được vậy, nước Pháp dùng những phương-pháp cần-thiết để giải tán, trực xuất những đoàn cướp bóc, du-thủ du-thực nó làm rỗi cuộc công-an và ngăn ngừa không cho đoàn ấy họp lại. Tuy vậy, dẫu trong trường-hợp nào, các toán quân Pháp cũng không được qua khỏi biên-giới Bắc-kỳ — Tàu, biên giới ấy nước Pháp hứa sẽ trọng nề và bảo đảm chống với mọi cuộc xâm lấn.

Phần mình, nước Tàu chịu giải-tán và trực-xuất những đoàn ấy khi nó đến ẩn-núp trong những tỉnh giáp Bắc-kỳ và giải-tán những đoàn tìm cách nhóm họp trên đất Tàu để đi nhiễu loạn nhân-dân thuộc quyền bảo hộ nước Pháp.

Để đáp thù sự bảo-đảm cuộc an-ninh cho biên-giới mình, nước Tàu cũng tự cầm đưa quân sang xứ Bắc-kỳ.

Hai nước lập hòa-ước này sẽ định trong một tờ hiệp-dịnh riêng, cách giao trả những gian-nhân giữa nước Tàu và nước Nam.

Các người Tàu đến khai thác đất đai hoặc trước kia làm lính nếu sống hòa-bình ở nước Nam để chuyên nghề nông phô, thương mãi, kỹ-nghệ mà tánh hạnh không có gì đáng trách thì thân-mệnh và tài-sản sẽ sẽ được hưởng sự yên ổn như là người thuộc nước Pháp bảo-hộ.

2') Nước Tàu quyết không làm gì có thể thiệt công cuộc bình-định của nước Pháp, chịu trọng nề — bây giờ và về sau — các hòa-ước, hiệp-dịnh, sự điều-định giữa nước Nam và nước Pháp. Trong việc giao-thiệp giữa hai nước này, cố nhiên là không có gì có thể thiệt-hại đến thể-diện nước Tàu và vi-bội tờ hòa-ước này.

3') Trong hạn sáu tháng sau khi ký hòa-ước này, hai nước sẽ phái người đến nơi để khám nhận biên-giới Bắc-kỳ và Tàu ; chỗ nào cần, họ sẽ trồng những mốc giới cho dễ trông thấy. Gặp trường hợp mà hai bên không thể đồng ý về chỗ lập mốc giới hoặc về sự thay đổi lặt-vặt cho biên-giới Bắc-kỳ để được lợi chung, thì mỗi bên phúc bẩm lên Chính-phủ mình định liệu.

4') Sau khi biên-giới đã nhận rồi, người Pháp, người bị Pháp bảo-hộ, người ngoại-quốc ở Bắc-kỳ muốn vượt biên-giới ấy để sang Tàu thì phải có giấy thông-hành do nhà cầm quyền Pháp xin nhà cầm quyền

Tàu ở biên-thùy cấp cho. Còn người Tàu thì chỉ cần giấy phép của quan Tàu ở biên-thùy cho mà thôi.

Người Tàu muốn đi đường bộ từ Tàu sang Bắc-kỳ phải có giấy thông-hành do nhà cầm quyền Tàu xin nhà cầm quyền Pháp cấp cho.

5') Cho người Pháp, người bị bảo-hộ của Pháp, người Tàu được tần khầu, xuất khầu hàng-hóa qua Biên-giới Bắc-kỳ — Tàu. Tuy vậy, việc buôn bán ấy chỉ cho phép ở những nơi sẽ chỉ định mà thôi. Dầu sao, hai nơi này ở trên biên-giới Tàu cũng sẽ chỉ định : một nơi ở trên Lao-kay, một nơi ở phía bắc Lạng-sơn. Các thương-nhân Pháp có thể ở đây theo điều-kiện và quyền lợi y như ở các cửa bể mở cho ngoại quốc buôn bán. Chính-phủ Tàu sẽ đặt cuộc thu quan-thuế, chính-phủ Pháp có thể đặt những viên Lãnh-sự. Hoàng-dế Tàu cũng có thể đặt Lãnh-sự ở những thành-phố lớn của xứ Bắc-kỳ.

6') Phụ thêm vào hòa-ước này, sẽ có những điều-lệ định những điều-kiện cho việc thương-mãi trên bộ giữa xứ Bắc-kỳ với các tỉnh Vân-nam, Quảng-tây, Quảng-đông do các nhân-viên phái làm ba tháng sau khi hòa-ước này ký xong. Hàng hóa trao đổi giữa Bắc-kỳ với các tỉnh Quảng-tây, Vân-nam sẽ chịu những món thuế hạ hơn thuế hiện hành. Ngạch thuế giảm nhẹ này không thi-hành cho hàng-hóa chở đường bộ giữa xứ Bắc-kỳ và tỉnh Quảng-đông, cũng không thi-hành ở các cửa biển đã khai thương.

Việc buôn bán binh-khí súng-ống, đạn-dược ở trên đất nước nào, phải tuân theo luật-lệ đã định của nước ấy.

Việc xuất-khẩu và nhập-khẩu thuốc phiện sẽ nói riêng ở điều-lệ thương-mãi nói trên này. Việc buôn bán bằng đường bắc giữa nước Tàu và nước Nam cũng sẽ có điều-lệ riêng.

7.) Để mở mang sự giao-thông về thương-mãi và lân bang giữa nước Tàu và nước Pháp do hòa-ước này gây nên, theo những tình-trạng cho có lợi, Chính-phủ Pháp sẽ làm đường sá ở Bắc-kỳ và khuyến-kích việc làm đường sắt.

Về phần mình, nước Tàu khi có định làm đường sắt thì cố nhiên là cậy đến kỹ-nghệ Pháp, Chính-phủ Pháp sẽ làm cho, tìm kiếm dễ-dàng những người giúp việc mà nước Tàu cần dùng. Điều này cũng cố-nhiên không thể coi như là một đặc ân-riêng cho nước Pháp.

8.) Những khoản nói về việc thương-mãi của hòa-ước này và những điều-lệ sẽ lập có thể xét lại để sửa đổi sau một hạn mười năm, kể từ ngày hòa-ước này được chính-thức xác-nhận. Nhưng nếu sáu tháng trước khi mãn hạn hòa-ước mà trong hai nước ký-ước không nước nào tỏ ý muốn xét lại thì những khoản về thương-mãi sẽ có hiệu-lực trong một thời-gian mười năm nữa, rồi cứ tiếp-tục như thế.

9.) Khi hòa-ước này ký rồi thì quân Pháp được lệnh rút ra khỏi Cơ-long và đình-chỉ việc đi tuần ngoài biển khơi. Một tháng sau, quân Pháp ở đảo Đài-loan, Bành-hồ cũng sẽ triệt di rồi.

10.) Các điều-khoản của các hòa-ước cũ của các tờ hiệp-định, đồng ưng giữa nước Tàu và nước Pháp mà hòa-ước này không sửa đổi thì vẫn còn hiệu-lực.

## CHƯƠNG THỨ MƯỜI

### PHẦN-ĐỘNG-LỰC CỦA VUA, QUAN, SĨ- PHU VIỆT-NAM SAU KHI CUỘC BẢO-HỘ THÀNH-LẬP

Đại-tá Guerrier tấn-phong  
cho vua Hàm-nghi

Vua Kiến-phúc ở ngôi được 8 tháng, ngày 10 tháng 6 năm Giáp-thân, vua băng (1) (31-7-1884). Nguyễn-văn-Tường, Tôn-thất-Thuyết lập em vua là Đức Ưng-Lịch lên thay, lấy niên-hiệu là Hàm-nghi.

Nam-triều không cho quan Tồng Trú-sứ biết việc lập Đức Ưng-Lịch nên Rheinart hết sức phản-dối. Ông nghĩ rằng việc ấy có quan-hệ đến hai chữ Bảo - trợ,

---

(1) Việc vua Kiến-phúc chết vẫn còn bí-mật. Có người nói Nguyễn - văn - Tường bỏ thuốc độc giết vua để làm mất vị Quốc-trưởng đã lập hòa-ước Giáp-thân với nước Pháp : có người nói bà Học-phi Nguyễn-thị (vợ vua Tự-Đức) là mẹ nuôi của vua Kiến-Phúc có tư tình với Nguyễn-văn-Tường, một hôm nhân vua đau Tường vào thăm và cò trò chuyện với bà, vua nghe và có hăm-dọa, Tường thấy nguy, xuống Thái-y-viện bốc một thang thuốc để dâng vua uống, ngày hôm sau thì vua băng. Nhưng phần đông đều cho là vua chết vì bệnh.

nếu để người Nam được tự-do trong việc nội-trị thì hòa-ước đã ký chỉ có tính - cách thuộc về binh-bị mà thôi chứ về phuong-diện chính-trị không ảnh-hưởng gì, còn nếu triệt được những hành-vi thế này thì càng buộc được Chính-phủ nước Nam trong sự tùy-thuộc người Pháp. Nguyễn-văn-Tường trả lời rằng trong hòa-ước không có khoản nói khi nước Nam lập vua cần phải nước Pháp ưng thuận, mà ngôi vua không được để trống lâu ngày, nên trong khi hấp-tấp không kịp báo cho quan Trú-sứ biết.

Rheinart xin lập Gia-Hưng quận-vương (em vua Tự-Đức), quan ta trả lời di-chỉ tiên-quản đã định Đức Ưng-lịch. Rheinart nói di-chỉ ấy không có giá-trị vì Đức Kiến-Phúc là vị thành-nhân.

Mặc dầu người đại-diện nước Pháp phản-đối, Triều đình cứ làm lễ tấn tôn Ưng-Lịch. Rheinart liền điện về Ba-lê hỏi mệnh-lệnh, Thủ-tướng Ferry truyền cho Trung-tướng Millot sai một liên-dội vào chiếm Kinh-thành và làm lễ phong-vương cho vua mới. Đại-tá Guerrier được phái đem 600 quân và một đội pháo-thủ đi chiếc tàu Tarn vào Huế.

Đến nơi, Đại-tá đưa tối-hậu-thư sang Nam-riều. Nguyễn-văn-Tường đến lầu Sứ xin lỗi rồi quan ta phải làm tờ xin phép lập ông Ưng-Lịch. Tờ xin phép viết bằng chữ nôm Rheinart, không chịu, bắt phải viết bằng chữ Hán.

Ngày 27 tháng 6 (17-8-1885) Đại-tá Trú-sứ Rheinart, thuyền-trưởng tàu Tarn là Wallarmé, đem 25 sĩ-quan và 160 lính vào điện Thái-hòa tấn phong cho vua Hàm-

nghi. Ba ông trên vào Ngọ-môn, cửa giữa, không đeo gươm, 60 lính và 16 sĩ-quan vào cửa bên, còn bao nhiêu đều ở ngoài. Đại-tá tiên đến trước ngai rồng đọc một chúc-lùc của Chánh-phủ Pháp công nhận vua Hàm-nghi (1) Đáp lại, vua sai một viên quan hỏi Đại-tá Guerrier tin tức Tổng-thống Grévy và các quan Pháp.

Ngày ấy Đại-tá đã đến treo cờ tam tài ở Trấn-bình dài (Mang-cá) (17-8), ở đây quân Pháp đến chiếm đóng từ hai ngày trước.

### Việt-Pháp giao-thiệp sau hòa-ước Giáp-thân

Khoản thứ năm của hòa-ước Giáp-thân cho quan Tổng-thống Trú-sứ được ở trong Kinh-thành với một số lính. Một khu đất, nay ta gọi Mang-cá, nhường cho người Pháp để dùng về việc này. Tổng Trú-sứ Rheinart liền lo sắp đặt chỗ ấy và làm doanh trại cho lính. Một đội hải-quân bộ binh đến đóng để làm quân hộ-vệ quan Trú-sứ. Các quan ta hết sức làm ngăn trở việc quân đóng ở Mang-cá. Nguyễn-văn-Tường nói rằng hòa-ước chưa được phê chuẩn (2) và hối-giao, và quân Pháp đóng ở trong thành sẽ làm tốn oai-nghi Hoàng đế và kinh-khổng dân-tâm.

---

(1) Chúc-lùc này đựng trong một cái hộp gỗ, Đại-tá Guerrier phải bung nó đến trước ngai rồng rồi mới lấy ra đọc. Cách bung cái hộp (bung cao lên ngang mặt), cùng các cử-dộng tiến, thối, đã được quan bộ Lê bày cho Đại-tá trước khi hành lễ, nhưng hình như Đại-tá không làm cho đúng lắm !

(2) Hòa-ước này đến tháng 6 (Juin) năm 1885 mới được hạ-nghị-viện phê-chuẩn.

Theo lệnh của Thủ-tướng Ferry thì bấy giờ quan Tông Trú-sứ ở Huế là như quan Thượng-thư Ngoại-giao của nước Nam ; về chính sách cai-trị và các việc ngoại-giao của hai xứ Trung Bắc-kỳ, quan Thống-tướng Bắc-kỳ phải tùy thuộc ông. Rheinart là một Thiếu-tá (Lieutenant Colonel) không thể truyền lệnh cho một Thiếu-tướng nên đến tháng 11 (10-1884) thì một quan văn, ông Lemaire Tông Lãnh-sự Pháp ở Thượng-hải đến Huế thay Rheinart làm Tông Trú-sứ.

Ông Lemaire việc gì cũng ưng dùng cách khéo léo mà trang-trải chứ không ưng dùng binh lực, nên đối với các võ quan như Thiếu-lá Pernot chỉ-huy đội quân đóng ở Mang-cá và Trung tướng Brière de Lisle thường có việc bất hòa.

Nam-riều biết sự chia rẽ giữa quan văn và quan võ ấy và thấy Lemaire có vẻ tử tế với mình nên làm thư kêu nài mấy điều như :

1') Hòa-ước chưa phê-chuẩn mà 2.300 lính Pháp đến đóng ở Mang-cá ; xin sửa lại khoản thứ năm đề quan Tông-thống Trú-sứ ở ngoài Kinh-thành cho khỏi phạm đến oai-nghi Hoàng-riều và kinh-khung nhân-tâm.

2') Nhiều quan Trú-sứ ở Bắc-kỳ đã làm án quan Nam hoặc tội chết, hoặc tội đánh đòn.

3') Các tàu Pháp kiểm-soát tàu thuyền vua nước Nam gắt gao quá.

4') Nam-riều bị bắt buộc phá hủy cái ấn Tàu phong, đáng lẽ nên gửi trả lại nước Tàu hơn là để

các sĩ-quan dự phá chia nhau cục bộ chỉ đáng giá  
lỗi 240 đồng ;

5') Xin thu các thuế thuốc phiện, thuế mỏ. v.v...

Tôn-thất-Thuyết lại gửi thư cho Lemaire nói quân  
Pháp không thể dẹp yên ở Bắc-kỳ được thì nên triệt hết  
quân về, ông với bốn, năm quan Trú-sứ Pháp cũng có  
thể làm được việc ấy.

Bây giờ mới bắt đầu cuộc bảo-hộ mà người Pháp  
bạn đãi quan ta, nhất là ở Bắc-kỳ, đã khinh mạn lắm.

Rheinart. Tông-Trú-sứ, đã phải nói rằng : « Nhân  
viên ta ở Bắc-kỳ muốn bạn đãi xứ này, như là biệt-lập  
đối với Trung-kỳ, họ giày-vò lòng tự-ái của quan lại  
mà không dè-dặt chút nào làm cho chúng oán-ghét  
chúng ta. Như thế là họ đã xô đẩy chúng vào tay kẻ thù  
ta, đối với kẻ thù ấy chúng đã tự nhiên khuynh-hướng  
nhiều rồi ». (1)

Tuy bè ngoài hãi quan Phụ - chính Nguyễn-văn-  
Tường, Tôn-thất-Thuyết đối với quan Pháp giả tỏ vẻ  
hòa, nhưng kỳ thực đương bí-mật sắp đặt các việc  
chống đánh theo chương-trình đã vạch sẵn. Tôn-thất-  
Thuyết sai đặt súng đại-bác trên kinh-thành chia sang  
lầu Sứ, quan Pháp thương-thuyết lại phải triệt đi hoặc  
đóng đinh lấp miệng, nhưng trong lúc ấy Tôn-thất-

---

(1) *Nos agents du Tonkin ont voulu traiter le pays comme s'il était indépendant de l'Annam, ils nous ont aliéné les fonctionnaires, en froissant leur amour-propre sans aucun ménagement. Ils les ont, en quelque sorte, poussés dans les bras de nos ennemis, vers lesquels, ils n'étaient déjà naturellement que trop portés ».*

Thuyết tiếp-tục cho đưa súng đại-bác, lương-thực, đạn dược ra Tân-sở.

Tàu Pháp bắt được ở một chiếc tàu treo cờ Đức 6.000 thước dây xích sắt hạng lớn từ Hương-cảng chở sang cho Nam-triều người ta nói sắt ấy sẽ đặt ở sông, ở cửa bắc để chặn đường tàu Pháp.

Ở Cao-mên có loạn, quan Thống-đốc Nam-Kỳ điều tra biết rằng những kẻ xui-dục là tay sai của Nguyễn-văn-Tường và Tôn-thất-Thuyết.

Vào khoảng tháng 5 năm Ất-dậu, Trung-tướng Brière de Lisle ở Bắc-Kỳ, cho mò thêm 2 đại đội lính pháo thủ người Nam, Nam-triều đưa thư ấy cũng trách việc hai, ba vạn dân phu mỗ cho quan Pháp rồi không thấy tung-tích, và quan Pháp đã đổi nhiều thượng-quan Nam mà không cho Triều-đình biết.

Các quan Đốc, Vũ-Bắc-Kỳ cũng nhận được bản sao thư này và lệnh đừng tuân quan Trung-tướng.

Đức Gia-Hưng-Vương được Rheinart muốn cử làm vua, liền bị Nguyễn-văn-Tường, Tôn-thất-Thuyết tìm cớ vu cáo, bắt giam, ông Lemaire can-thiệp, ngài được tha, nhưng Tường, Thuyết lại bắt đầy ra Mai-lĩnh. Những kẻ có ý thân Pháp hoặc phản-đổi việc chống Pháp đều bị giam cầm hoặc bị giết hại. Nguyễn-hữu-Độ được lệnh phải tự sát.

Khắp nước, việc trừ gian một loạt đã được sắp đặt kỹ-càng, đảng Văn-thân chỉ đợi lệnh là ra tay.

Bên Pháp, Chính-phủ cũng nghe biết hành-vi của hai quan Phụ-chánh và nhất là đối với Thuyết đã giận,

nên tháng 5 năm Ất-dậu (21-5-1885), Freycinet, Bộ Trưởng Ngoại-giao, điện cho quan Trú-sứ ở Huế rằng: « Không thể không trừng phạt hành-vi của viên Thượng-thư Bộ binh nước Nam... ông cho Triều - đình nước ấy biết rằng chúng ta không thể chịu được rằng Thuyết, còn giữ chức Phụ-chánh lâu nǔa, và ông phải đòi cho người ta bãi chức viên ấy và đưa đi xa ».

**Trung-tướng Roussel de Courcy được bổ làm  
Thống - đốc Quân - vụ kiêm Tổng - thống  
tổn - quyền, Kinh - thành thất - thủ**

Sau khi cuộc giảng - hòa với nước Tàu đã xong, nước Pháp nghỉ rằng ở Bắc-Kỳ không còn ai khuấy rối nǔa, miền đồng bằng đã yên- ổn, nên sắp đặt ngay việc cai - trị. Nhưng để làm một công việc hòa - bình Chính-phủ Pháp đã bổ nhiệm một vị tướng để khen - khích, tướng ấy chỉ khích-thích lòng tự- ái và lòng ái - quốc của quan dân ta, làm cho cuộc phản-kháng họ sắp đặt ngầm- ngầm từ lâu bộc phát ra ngay và nước Pháp còn phải lao-lực thêm một thời-gian nǔa.

Trung-tướng Roussel de Courcy được bổ làm Tổng - thống Trung Bắc-kỳ quân-vụ, kiêm Trung Bắc-kỳ toàn - quyền, rời hải-cảng Toulon ngày 30-4-1885, với Tham - mưu-trưởng là Trung-tướng Warnet cùng hai Thiếu - tướng Jamont, Prudhomme, và một đội lạp-bộ-binhl đến Bắc-kỳ vào khoảng tháng 4 năm Ất-dậu (31-5-1885). Xem chức-chưởng ấy thì ông được quyền hành rộng-rãi để hành-động, ngoài việc nắm binh quyền của Trung Bắc-kỳ, ông chủ-trương cả mọi việc chính-trị của hai xứ và truyền lệnh cho quan Tổng Trú-sứ.

Đến ly rồi, Trung-tướng cho một chiếc tàu vào mời Le Maire ra để hỏi-han mọi việc ở Huế. Trình-bầy xong, ông này không chịu trả lại chức vì chức Tổng-thống Trú-sứ chỉ còn như là chức Ủy-viên của Trung-tướng. Ông De Champeaux được bổ vào kinh thay ông Le Maire.

Biết chuyện hai quan Phụ-chánh Tường, Thuyết, Trung-tướng Roussel de Courcy đã lấy làm bất.bình nên định vào Huế một cách oai-vệ. Vả khi mới đến, Trung-tướng đã nói : « Đoạn chót việc này là ở Huế ».

Ngày 19 tháng 5 năm Ất-dậu (1-7-1885), Trung-tướng và 800 lính A-rập đáp tàu, hôm sau đến nơi. Triều-dinh ta phái hai vị Đại-thần đi cùng Phái-viên Champeaux ra cửa Thuận-an đón tiếp, kinh-thành treo cờ, và bắn 19 phát súng mừng, nhưng Triều-đình ta thấy Trung-tướng đem nhiều lính, đã có lòng ngại. Đến lầu Sứ, Trung-tướng cho mời hai quan Phụ-chánh Nguyễn.văn-Tường, Tôn-thất-Thuyết sang hội-thương về việc ông xin triều yết và dâng quốc-thư. Nguyễn.văn-Tường và Phạm-thận-Duật sang hội, còn Tôn-thất-Thuyết thì thác bệnh không đến (1) Trung-tướng nhất định không chịu. Các quan ta thấy Trung-tướng nổi gắt, nhiều người đến khuyên Thuyết nên sang thăm, nhưng ông không nghe, mà chỉ lo nghiêm sức q·àn đội, sắp đặt súng ống và khí giới, người ta cũng tưởng ông phòng bị thanh thoái thôii. Sau khi sai mấy linh bách vẫn không thấy

---

(1) Có người nói rằng tướng Roussel de Courcy định rằng nhân dịp hội-kiến này để bắt ông Thuyết, ý ông bị một sĩ-quan tùy tùng tiết lộ ra nên ông Thuyết biết được

Thuyết sang, Roussel de Courcy bèn phái một viên thày thuốc, Bác-sĩ Mangin đến xin chữa bệnh cho quan Phụ-chánh để dò xét hư-thực, nhưng Thuyết không tiếp chỉ cho người ra từ chối nói mình không quen dùng thuốc tây.

Ngày 21, 22 (3, 4-7) Champeaux thương thuyết với Triều-dinh ta về nghi-lễ triều-yết. Trung-tướng Roussel de Courcy buộc rằng vua Hàm-nghi phải xuống ngai, ra đón ông, để ông trao tờ hòa-ước Giáp-thần mới phê-chuẩn. Quan ta xin quan Pháp vào chầu không deo gươm, khi tới cột thứ nhì bên phải thì quan Tông-thống phải dừng lại, trao quốc-thư cho một vị đại-thần dâng lên, nhưng quan Pháp không chịu. Sau quan ta xin rằng quan Tông-thống vào Ngọ-môn đi cửa giữa còn các quan hầu đi cửa bên, Champeaux bằng lòng, nhưng ông Roussel de Courcy nói : « Tôi muốn không chỉ các quan theo tôi vào cửa giữa, mà quân lính theo tôi cũng vào cửa giữa ! » Triều-dinh luống-cuống, không biết xử trí thế nào, trưa hôm 22, còn ủy mẩy vị đại-thần sang lầu Sứ thương-thuyết lại việc cửa giữa, cửa bên, nhưng Tông-thống không tiếp, nói đợi quan Phụ-chánh lành sẽ bàn định. Đức Từ-du Thái-hậu và đình-thần sai đem phảm-vật sang tặng. Trung-tướng cũng cự tuyệt không nhận. Các cử-chỉ của Courcy hình như xô đẩy kẻ đối-phương phải quyết thắng, phụ một phen cho rồi.

Tối ngày 22 tháng 5 (4-7), Trung-tướng Courcy đãi tiệc các quan văn, võ Pháp ở lầu Sứ. Hầu hết đều không ngờ có việc hệ trọng sắp xảy ra nên ai nấy ăn uống, chuyện trò rất vui vẻ. Trung-tướng Courcy bàn tính

tỉ-mỉ với các quan về chi-tiết của cuộc diễn-binh lớn lao sẽ tồ-chức hôm ông vào Triều yết vua nước Nam. Độ hết canh một thì xung quanh lầu Sứ có vẻ huyên náo, khác thường, nhiều ghe thuyền qua lại trên sông không ngớt. Trung-úy Bouché, người giữ phiên canh hôm ấy, thấy vậy vào báo với Trung-tướng. Bị khuấy rầy trong lúc đương vui-vẻ, Trung-tướng hăm phạt lù Trung-úy vì tội man báo ! Vào khoảng 11 đêm giờ thì các sĩ-quan ở Mang-cá tiếp nhau ra về.

Sau khi trăug mọc, lối một giờ sáng, bỗng nghe một tiếng súng đại bác nổ, rồi kế đó súng nổ vang lừng lửa cháy sáng rực ở Mang-cá và ở phía lầu Sứ.

Ở Mang-cá, mấy toán người đốt cháy các trại tranh của lính Pháp, khi lửa cháy thì mấy toán khác đem súng phá cửa tây xông vào đồn. Lính, sĩ-quan thức-dậy, nghe tiếng súng vang rền, lửa nóng, hoảng hốt, rối loạn, Đại-úy Bruneau bị một viên đạn xuyên qua ngực, chết ngay, Đại-úy Drouin bị gãy hai ống chân. Nhưng chẳng bao lâu người Pháp trấn tĩnh được và lo việc phòng giữ : một tốp thì lấy những bao bột, những thùng không đồ đất vào rồi lắp cửa đồn lại, một tốp đi tắt và dẹp các đám cháy, kéo đồ đặc ra, một tốp thì canh giữ các tường, kho thuốc súng v.v...

Khi ở Mang-cá đã bắt đầu công-kích thì đồng thời ở bên phía lầu Sứ, quân của Tôn-thất-Liệt cũng hành động. Quân Pháp ở bên này trú trong những trại lính ấy và các nhà phụ thuộc của Sứ-quán. Những súng đại bác từ bên thành chở sang khi người Pháp đương ăn tiệc bắn ra tua tủa, quân Pháp đương ngủ nghe tiếng súng.

nô, thức dậy, thấy khói tỏa nghi-ngút mọi nơi thì hoảng hốt bỏ chạy, nhiều kẻ không mang theo được súng, lăm kẽ còn bận áo ngũ, đi chân không, rồi một tốp vẹt được đám đông người đứng ngăn họ, tìm lối thoát ra, một tốp chạy vào lầu Sứ với Trung-tướng. Mái nhà và gầm lầu Sứ bị trúng đạn, sụp đổ nhiều nơi. Từ các cửa sổ nhà này quân Pháp bắn vào các đám cháy và các nhóm người họ trong thấy, nên quân của Tôn-thất-Liệt không xông vào được. Từ gà gáy trở đi, đại-bác trên thành bắn qua càng trúng đích nhiều, lầu Sứ bị hư hại càng nhiều. Tôn-thất-Thuyết lại cho đặt thêm đại-bác trên bờ thành, gần cửa Thượng-tử để bắn sang nữa.

Ở Mang-cá, sau những phút kinh-hoảng đã qua, Thiếu-tá Pernot sai sắp đặt dây rào mới bắt đầu phản công. Thiếu-tá thấy lửa cháy nhiều nơi, e khó dập tắt hết, nên định chiếm hoàng-thành, chia quân ra làm ba đội kéo đi. Dọc đường quân Pháp bắn, đốt các bộ viện, doanh, trại nhà cửa, gặp người Nam nào, bất kỳ già, trẻ, trai, gái, đều giết chết, tiếng than khóc, kêu la với tiếng tre nô, đạn rền làm náo động cả một góc trời. Quân Nam, trong tiếng thúc-đục, la hét, tiếng trống, tiếng thanh-la, chống đánh ráo-riết, bắn lại rất hăng hái, lại nhiều khi ở một nơi ùa ra xông vào đâm chém quân Pháp. Tuy vậy, quân Pháp cũng vẫn tiến đến ngả hoàng-thành. Trung-úy Constant bị thương nặng Trung-úy La Croix bị một viên đạn xuyên qua bụng, một cái lều tranh trong đựng thuốc súng nổ làm Trung-úy Heitschel và một tên lính bị thương La Croix và Heitschel chẳng bao lâu cũng chết). Trong khi ấy, một chiếc pháo hạm Pháp đậu ở sông Bao-vinh cũng

bắn đại-bác lên những nơi mà nhờ có lửa đỏ, họ trông thấy,

Gần sáng thì đại-bác ta, vì gần hết đạn, bắn thưa lầu, rồi mờ mờ sáng, người ta trông thấy một toán quân Á-rập từ lầu Sứ kéo sang, vào cửa An-hòa, gặp ai giết nấy, vào từng nhà, lục kiếng. Quân ta ở trong thành, cũng như bên lầu Sứ, đã bắt đầu thối lui. Quân Pháp xông đến cửa Hiền-nhơn, lay động, những tấm cửa kiên cố, không vào được họ phải tìm ngả khác. Tám giờ 10 thì cờ tam sắc đã phấp-phới trên kỳ-dài, chín giờ thì quân Pháp vào hoàng-thành. Quan dân trông thấy cờ Tây, biết quân mình thua, đua nhau tìm đường thoát thân.

Trong trận này, bên quân Pháp, trong số 1.387 quân và 31 sĩ-quan có 4 sĩ-quan và 19 người lính tử trận, mười bốn người bị thương nặng, 50 người bị thương nhẹ, áo quần bị cháy mất nhiều (có kẻ suốt ngày ấy còn phải bận quần lót); bên ta bỏ lại ước 1.200 tử-thi, số quân dự-chiến có ước 12.000.

Nguyên đêm hôm ấy, Tôn-thất-Thuyết sắp đặt như sau : quân chia làm hai, một đạo thi tự mình và Đè-dốc Trần-xuân-Soạn chỉ huy để đánh Mang-cá, một đạo thi giao cho em là Tôn-thất-Liéet để hiệp-dồng với quan Thủy-sư Đè-dốc, Thủy sư Hiệp-lý mà đánh vào lầu Sứ, đạo này qua sông rồi thi đến chực ở trại Thủy-sư (trường Khải-dịnh ngày nay). Ngoài ra, một số đồng tù phạm lao Thừa-thiên, lao Trần-phủ cũng được thả ra để giúp sức với quân lính, chính tù phạm ấy đã bắt đầu đốt các trại tranh và xông vào đồn Mang-cá.

## Vua Hàm-Nghi xuất-bôn

1) *Vua Hàm-Nghi ra Quảng-trị.* — Trong việc đánh người Pháp này, vua Hàm-Nghi không biết gì hết. Sắp đặt việc phòng thủ hoàng-thành, Thuyết lâu rằng dễ dàng phòng người Pháp công-kích bất ngờ. Nửa đêm 22, nghe súng nổ vang, vua sai hỏi và mới biết rằng quân ta đương đánh Pháp. Gần sáng vua sai hỏi tình-hình, Thuyết lâu rằng quân Pháp thua. Sáng ra, vua mới hay rằng quân Pháp đương đánh chiếm kinh-lành.

Tường, Thuyết, vào lâu xin rước vua và tam-cung (bà Hoàng-Thái-hậu Từ-dũ là mẹ Đức Tự-Đức, bà Hoàng-thái - Hậu Thuận-Hiếu (Trang - ý) là vợ Đức Tự-Đức và mẹ nuôi Đức Dục-Đức, bà Học - phi vợ thứ của Đức Tự-Đức và mẹ nuôi Đức Kiến-Phúc) lên tạm trú ở Khiêm-cung cho khỏi tay người Pháp phạm đến. Trong khi gấp rút, chỉ soạn đem theo được một cái ấn ngự-tiền chi-bửu và hai cái kiếng. Vào lối bầy giờ rưỡi, xa giá vua và tam cung ra cửa Chương-đức rồi lên ngả Thiên-mụ. Đạo-ngự gồm ước nghìn người, phần đông là các ông Hoàng, bà Chúa, các quan Đại-thần, Đô-thống Hồ-văn-Hiển và phỏng 100 lính có súng. Trần-Soạn đi trước mở đường, Nguyễn-văn-Tường di đoạn. Đến Kim-long, Nguyễn-văn-Tường vào nhà thờ Kim-long để nói chuyện với Giám-mục Gaspar (1). Tôn-thất-Thuyết theo kịp đưa xa giá ra ngả Trường-thi (làng La-chữ),

(1) Thường thường người ta nói rằng Tường lên vào nhà thờ Kim-Long, nhưng theo Đại-Nam Thiệt-lục thì Tường được lệnh Tam-Cung bảo ở lại. Đó là một điểm khuyết nghi cần phải tra cứu lại cho chắc chắn.

đến đây, dừng lại nghỉ mấy giờ rồi Thuyết lại giục lên đường bấy giờ đã có các Ông Phạm-thận-Duật, Thượng-thư bộ Hộ, Trương-quang-Đề, Tham-tri bộ Bin, Tôn-thất-Liệt v.v... cùng theo hộ giá. Vừa tối xa giá đến làng Văn-xá nghỉ lại, Tôn-thất-Thuyết làm hịch cần-vương gửi ra khắp nước. Gà gáy sáng thì xa giá lên đường ra Quảng-Trị.

Khi Vua và Tam-cung ra khỏi kinh-thành và cờ tam-tài treo trên kỳ-dài rồi thì cả buổi mai ngày 23, quan lại, quân, dân, trai, gái, già, trẻ dắt-dìu, bồng bế tranh nhau tìm cửa chạy ra, đạp xéo lên nhau, tiếng kêu khóc vang dậy, nhiều kẻ bị thương chết. Quân Pháp đốt cháy bộ Binh và bộ Lại là nơi ở của Thuyết, Tường và các doanh-trại, khí-giới thuốc súng cháy nồ, khói lên mù trời (hai ngày sau chưa tắt hết). Vào hoàng-thành, lính canh chạy trốn cả, trong cung bà Từ-dũ, thấy một cái mâm bằng vàng (độ 5, 6 tấc dày trực kính) đựng đồ ăn còn lại của bữa ăn sáng, ở Duyệt-thị đường thấy ướt trãm hòm bạc nén dây buộc đã cũ. Quân Pháp thu cả vàng bạc và đồ bửu vật trong cung điện, của cải ấy giá trị lớn lao không biết bao nhiêu mà tính (1). Trừ các cung điện này ra, các nơi khác đều để cho binh lính tự-do cướp giật

---

(1) Phái-viên của hãng thông-tin Havas dự xem việc tịch-thu ấy, kề lại rằng : « ... trong 5 ngày, tôi thấy 50 người chuyên việc sắp chồng những thoi vàng lại. Vàng bạc ấy sẽ gửi về Pháp. Còn kho đồ vật bảo-làng, giá-trị không thể tưởng-tượng được, nó cũng sẽ gửi về Pháp. Tôi không thể nói rõ giá-trị các của cải ấy vì tôi sẽ không đến sự thật được... » (Trích dịch bài tường thuật của Phái-viên hãng Havas đăng trong *Le Tonkin de 1872 và 1880* của Jean Dupuis).

trong 48 giờ nữa, chúng nó đưa náo cũng lấy được bạc thoí, bạc nén đầy túi cả (1). Rồi quân Pháp chia nhau đóng giữ kinh-thành và hoàng-thành, phát lúa kho ra thuê dân sửa sang chỗ để ở và nhặt chôn, đốt các tử-thị, lại thu hết súng ống được cả thảy 812 khẩu đại bác và rất nhiều súng tay, dọn dược gươm giáo.

Trưa ngày 24 (6-7-1885), vua và Tam-cung đến Quảng-trị Quan Tuần-vũ là Trương-quang - Đản rước vào hành-cung và đặt quân lính phòng vệ. Các quan Hậu-quân Nguyễn-Hanh, Đô-thống Tôn-thất-Ninh, Tả-quân Đinh-tử-Lượng, Tham-tri Tôn-thất-Phan, Biện-lý Trần-khánh-Tôn, Thủ-sư hiệp-lý Cao-hữu-Sung, Thủ-doàn Nguyễn-dình-Đường, Toản-tu Thạm-phú-Lâm cũng lục tục theo đến Chiều ngày ấy thì người ta hay rằng Nguyễn-văn-Tường đã đầu thú người Pháp. Trước mặt vua Hàm-nghi, Tôn-thất-Thuyết sai một gia-nhân về Huế để đốt nhà riêng của Tường (2). Quan Thị-lang Phạm-hữu-Dụng mà Nguyễn-văn-Tường sai ra xin rước xa-giá về kinh, bị Tôn-thất-Thuyết ngăn trở, không tâu gì được với vua cả. Nhiều người có ý xin rước xa-giá lên Tân-sở để mưu sự khôi phục, nhưng Đức Từ-dũ đòi trả về Huế, nhất định không chịu đi. Ngày 27, Tôn-thất-Thuyết xin đưa vua đi, vua lạy Tam-cung rồi lên đường, một số đông quan chức thác cớ là để phò Tam-cung, ở lại, không theo.

---

(1) Cũng trích dịch ở bài tường-thuật trên.

(2) Nhà này ở trong kinh-thành gần cửa Đông-ba, bị đốt ngày 24-7-1885

*II) Vua Hàm-nghi đến Tân-sở và mưu ra Bắc,* —  
Ta hãy nói qua Tân-sở, nơi mà Nguyễn-văn-Tường, Tôn-thất-Thuyết lập lên để phòng việc thiên-đô, tị nạn. Nó ở trên đường đi Lao-bảo — Mai-lãnh, cách huyện-ly huyện Cam-Lộ 9, 10 cây số về phía nam, xung quanh có ba lớp thành đất, đều trồng tre làm rào, mỗi bên để những khoảng trống làm cửa, gọi là cửa tiền, cửa hậu, cửa cửa tả, cửa hữu, và cửa Ngõ-môn, Tân-sở choán 23 mẫu tây, hình chữ nhật, bề dài 548 thước tây và bề ngang 418 thước tây, trong có kho lương, trại lính. Trong thành nội dài 165 thước tây, ngang 100 thước tây có mấy ngôi nhà lợp tranh làm hành cung. Đấy thuộc huyện Cam-lộ ở sơn-phản tỉnh Quảng-trị, có núi non chằng chịt, địa thế hiểm trở. Từ hai năm trước, có hàng nghìn dân phu đào hầm, đắp lũy ở Tân-sở, rồi các vật-liệu chở tới để làm hành-cung, kho lúa, trại lính v.v... Chính Nguyễn-văn-Tường đốc công việc xây thành. Xem cách sắp đặt ở đây thì thấy hai ông Tường, Thuyết cũng biết ít nhiều binh-pháp : có nhiều đường lối đi đến Tân-sở, nhưng có khi con đường cứ kéo dài một ngả khác, còn vào Tân-sở lại phải đi một đường nhỏ khác không trông thấy được ; Tân-sở lại còn nhiều đường thông với các tỉnh Bắc-kỳ, rai-rác trên đường này đã có những kho chứa lúa kín đáo, giao cho những người chắc-chắn canh giữ. Lúa này từ các tỉnh Bắc-kỳ, nhất là tỉnh Nam-dịnh chở vào Cửa Việt, đem đến Cam-lộ, rồi đưa đến Tân-sở, mà phân phát đi các nơi. Từ mấy tháng trước việc Kinh-thành thất-thủ, ở Huế chở súng đại-bác, đạn dược ra Cam-lộ, 3 tháng mới

xong, rồi đến bạc, tiền (1). Nghe đâu bấy giờ Lemaire làm Trú-sứ được tin sự chuyên-chở bí mật này, có hỏi Tường, Tường giả vờ ngạc nhiên, hết sức biện hộ cho lòng thành-thật của Nam-triều và lại xin đưa quan Trú-sứ ra Tân-sở và Cam-lộ để xem xét !

Tôn-thất-Thuyết đưa vua Hàm-nghi đi đến Tân-sở rồi liền đưa ngài đến ở Bảng-sơn, cách đấy 2 cây số, về phía Bắc. Ông liền tăng thêm việc phòng-thủ, xuống hịch mộ thêm quân lính để đưa đến Tân-sở và kêu gọi mọi người phải giúp của giúp công để lo việc khôi-phục nước nhà.

Hưởng-ứng hịch cần-vương, Tôn-thất-Nam, Án-sát Quảng-trị đem đến 200 quân. Võ-trọng-Bình, Tông-đốc hưu trí ở Quảng-bình, cũng sai đưa đến độ chừng ấy quân lính.

Ở Bảng-sơn hơn mười ngày, xa-giá lại đến Cam-lộ, Bửu-dài (giáp Quảng-bình) để ra Bắc, số quân lính và dân phu bấy giờ có độ 700 người. Đến Bửu-dài thì hay tin có tàu Pháp đậu ở cửa Nhựt-lệ và tỉnh thành Quảng-bình đã bị quân Pháp chiếm cứ (từ ngày 19-7-1885). Thị ra, Thống-soái De Courcy đã phái Thiếu-tá Beaumont đem lữ-đoàn bộ-binh và năm chiến-hạm dồn bộ lên Đông-hải (Đông-hới) để chặn đường ra Bắc của nhà vua.

---

(1) Theo lời Nguyễn-văn-Tường nói với De Champeaux thì từ đầu tháng 6 năm 1885, Triều-dinh đã mật đưa ra Tân-sở một số bạc nén và vàng lá trị giá hơn 300.000 lượng ; trước việc Kinh-đô thất-thủ mấy ngày, Tôn-thất-Thuyết muốn đưa một số còn lại trong kho nội-vụ ước 700.000 lượng ra Kinh-đô mới, nhưng Tường không thuận.

Việc ra Bắc không tiện, xa giá phải trở lại Cam-lộ, vào trú ẩn ở Tân-sở. Nhận dịp này, một số quan lính và dân phu bỏ trốn. Trong các quan hộ-giá thì Trương-văn - Đỗ, Hồ-văn-Hiền theo lời khuyên của Trương-quang-Đản (anh ruột ông Đỗ) đã không tán-thành ý Thuyết nữa và chỉ muốn đưa vua về Huế ; Phạm-thận-Duật cũng đã bí-mật thông với Nguyễn-văn-Tường và xin đầu thú. Chẳng bao lâu Trương-văn-Đỗ cũng trở về Quảng-trị.

Sau 4, 5 ngày ở Tân-sở, Tôn-thất-Thuyết lại phò xa giá do thượng đạo Mai-lãnh — Lao-bảo — Hương-hóa để ra Bắc. Khi định ra Bắc lần trước, Tôn-thất-Thuyết sai đem 140 thùng vàng, bạc, tiền gửi cho Võ-trọng-Bình ở Quảng - Bình, số này bị quan Phó Lãnh - binh` Quảng-trị đi đuổi Tôn-thất-Thuyết gấp đoạt được một phần, phần đến tay ông Bình thì ông đem nạp quan tỉnh sở-tại rồi giao cho nhà cầm quyền Pháp.

Khi lìa Tân-sở, các ông Phạm-thận-Duật, Ngô-tất-Ninh, Biện-lý Thê tách riêng đường khác, sau bị tri-phủ Triệu-Phong bắt và đưa về Huế.

Trung tuần tháng 6, ở Huế phái ra 300 lính, quan Tuần-vũ Quảng-trị chia làm hai đội để đuổi theo Tôn-thất-Thuyết. Rồi quan Tuần cũng phái một toán quân khác 300 người do quan Tả-quân Lượng chỉ huy để cho theo giúp sức với quân trước kia. Toán quân này và một đội quân trước đã họp nhau và theo kịp xa-giá ở làng Bạng-cầu (làng mọi, cách Ai-lao 30 cây số) quan Tả-quân xông thẳng đến Thuyết và truyền bắn, nhưng lạnh-lẹ, Thuyết nhảy xuống ngựa và chạy đứng trước

võng vua. Trong khi ấy, đội quân hộ giá sắp đặt hàng ngũ và ra sức công-kích quân địch đã mệt nhọc, giết và làm bị thương được mấy người ; quan Tả-quân phải thối lui, họ lại phò giá đi. Quân Tuần-vũ Quảng-trị đến nơi rồi sai em là ông Trương-dăng-Đề đi đường tắt lên ngả Cửu-chân để chặn đường Tôn-thất. Thuyết nhưng vì đường sá khó và bệnh sốt rét nên quân của Đề cũng phải trở lại.

*III) Việc Triều-chánh sau khi vua Hàm-nghi xuất-bon.* — Nguyễn-văn-Tường ghé vào nhà thờ Kim-long nhờ Giám-mục xin với Trung-tướng De Courcy cho mình ra đầu thú. Giám-mục viết thư cho Trung-tướng, chiều hôm ấy (23) thì có thư trả lời, Giám-mục bèn đưa Tường đến lầu Sú, Trung-tướng thuận cho nhưng hạn trong hai tháng phải rước được vua Hàm-nghi về và xếp đặt cho yên trong nước.

Tường được đưa ra ở viện Phương-bạc, giao cho một viên quan Pháp, Đại-tá Schmitz, rồi Phó Trú-sú Hamelin, và một toán lính Pháp canh giữ.

Trung-tướng Courcy tuy lấy được thành-trì nhưng rất bối rối, không biết xử - trí thế nào, vì ông qua để bảo-hộ nước Nam mà vua đã chạy rồi thì biết bảo-hộ ai ? Ông điện về Ba-lê hỏi ý-kiến, Chánh-phủ Pháp trả lời rằng : « làm cho khá hơn » (faire pour le mieux). Ông nghĩ rằng đổi bảo-hộ ra thuộc-địa thì sợ nước Tàu can-thiệp vì trong hòa-ước Thiên-tân nước Pháp chỉ nhận bảo-hộ nước Nam, còn lập vua khác thì sợ vua cũ ở ngoài phản đối, vì vậy phải nhất định rước vua Hàm-Nghi về.

Ngày 24, Trung-tướng Courcy và Nguyễn-văn-Tường hội-đồng làm tờ hiếu thị cho nhân-dân toàn quốc rằng hai nước vẫn hòa-hảo như cũ. Một tờ thông sứ khác hạn cho các quan quân theo phe Tôn-thất-Thuyết 12 ngày phải đầu thú và một tờ thứ ba sứ bấy hết binh-linh Nam, chúng phải nạp khí giới cho quan tỉnh để dẹ về Huế. Nguyễn-văn-Tường sai Thị-lang Phạm-hữu-Dụng ra Quảng-trị để tâu vua việc giảng hòa và xin rước xa-giá về Kinh.

Ngày 28, Nguyễn-văn-Tường lại dâng sớ xin mời xa-giá hồi loan cho yên lòng người, bà Từ-Dũ cho người di rước vua trở lại để cùng về Huế, nhưng tìm mãi không được Ngài. Ngày 2 tháng 6, Nguyễn-văn-Tường lại dâng sớ nhắc giục Tam-cung và ủy các quan Biện-lý Trương-như-Cương, Tôn-thất-Thiép di rước giá. Tường và Trung-tướng Courcy cũng đều có dâng sớ, gửi thư vua Hàm-Nghi xin rước Ngài về Kinh-dô cho yên đại cuộc.

Ngày mồng bốn, Trung-tướng nhóm các Hoàng-thân tại lầu Sú rồi đặt Thọ-xuân-Vương Miên-Định, 75 tuổi, chú vua Tự-Đức, làm Giám-quốc, nhiếp-lý việc nước và giao quyền Thượng-thư bộ Binh cho De Champeaux.

Ngày mồng năm, ba bà Thái-hậu về đến Khiêm-cung tạm trú lại đây. Ba ngày sau, Nguyễn-văn-Tường có Rauchot đi theo, lên thỉnh an và tâu bầy mọi việc. Tam cung xuống chỉ-dụ truyền thanh hào, lương dân và giáo dân đều nên yên-tâm. Trước đó Nguyễn-văn-Tường cho dò xét tình-hình các tỉnh và mời các

Hoàng-thân, quan lại lánh các nơi trở về Huế để làm việc như cũ.

Courcy đề-nghị với Chánh-phủ Pháp xin hoãn công việc sắp-đặt ở Bắc-kỳ để chăm lo cho Trung-kỳ trước đã; rồi thấy việc mình làm không có hiệu-quả, ông triệu Silvestre Quán-đốc các việc hành-chánh và dân-sự ở Bắc-kỳ và Nguyễn-hữu-Độ Tông-đốc Hà-nội về Huế để giúp bầy ý-kiến. Sau khi bàn-bạc, quan Pháp và viện Cơ-mật đồng ý bỏ vào Hòa-ước Giáp-thân một bản hiệp-dịnh phụ-thuộc để đem thi hành cho mau yên thời cuộc. Nhưng bấy giờ, ở bên Pháp, cuộc bầu cử Nghị-viện sắp đến vào tháng 10 dương lịch, Nội-các lo giữ việc Á.-đông cho yên-tịnh, không muốn đá-động đến việc Bắc-kỳ, vì vậy bộ Bình truyền sang bỏ hết bản hiệp-dịnh ấy và không cho Trung-tướng Courcy hành-dộng gì về quân-sư trong xứ cả.

Nguyễn-hữu-Độ vì ý-kiến bất đồng với Nguyễn-văn-Tường lại trở ra Bắc.

Bấy giờ quân Pháp vì khí-hậu không hợp, vì dịch-lệ, nên chết hết nhiều, trong một tháng tám dương lịch, ở Huế chết hơn 700, cuối tháng ấy tính ra cả ở Bắc-kỳ và Trung-kỳ lính Pháp đã chết mất 4.000.

Thế mà khắp trong nước chỗ nào cũng loạn-lạc, Chính-phủ Huế có tổ-chức lại cũng không thể phòng trarp nổi, Tướng Courcy thấy đã hết hạn hai tháng mà Nguyễn-văn-Tường không làm được như lời hứa, lại có nhiều người không ưa Tường xui giục, nên ngày 28-tháng 7 (6-9-1885) bắt ông cùng Phạm-thận-Duật, Tôn-thất-Đinh (cha Tôn-thất-Thuyết) đầy ra Côn-lon, Cham-

peaux hết sức xin lưu Tường lại, nhưng Trung-tướng không nghe. Phạm-thận-Duật chết dọc đường phải ném thây xuống bể; Nguyễn-văn-Tường lại bị đưa sang ở Cù-lao Tahiti, cách mấy tháng sau thì ông chết ở đấy (30-7-1886).

Trung-tướng Courcy triệu Nguyễn-hữu-Đô, Hà-ninh Tông-đốc về thay Nguyễn-văn-Tường, chủ-tọa viện Cơ-mật và Phan-dinh-Bình Tông-đốc Nam-dịnh sung chức Thượng-thư bộ Hộ cùng coi việc Triều-chánh.

Nguyễn-hữu-Đô thương với Courcy xin lập Kiến-giang quận-công tức là Đức Chánh-mông Ưng-Ký, anh vua Kiến-Phúc và vua Hàm-nghi lên ngôi.

Ngày 29 tháng 7, ba bà Thái-hậu về tạm trú ở Thương-bạc để đợi vua mới vào hoàng-thành trước đã.

### Văn-thân khởi - nghĩa — Phong-trào cần - vương

Từ khi nước nhà mất ba tỉnh phía đông rồi ba tỉnh phía tây Nam-kỳ, sĩ-phu ở Trung, Bắc, đối với người Pháp, vẫn có mối căm hờn. Và như đã thấy trước kia, vì không hiểu rõ giáo-lý đạo Gia-tô vì thấy phong-tục của giáo-dồ có chỗ trái hẳn với của người thường, vì hành động cá-nhơn của một số Giáo-sĩ, giáo-dồ trong việc chánh-trị, các bậc khoa-mục và nho-học đối với tôn-giáo này cũng nuốt nhiều ác-cảm. Mà Gia-tô giáo là do người Pháp đưa vào, được người Pháp bênh-vực sự truyền-bá cho đến nỗi sinh chiến-tranh, cho nên phần đông người đương thời cho rằng « Tây là đạo », « đạo là Tây », và « thù Tây » thì « ghét đạo ». Vì quan niệm ấy, cuộc kháng Pháp của văn-thân sẽ kèm theo

một cuộc cốt-nhục tương tàn, phảng-phất tính cách tôn-giáo, rất thảm-khổc và đáng tiếc.

Tháng giêng năm Giáp-tuất (1874), ở tỉnh Nghệ-an có hai người Tú-tài là Trần-Tấn và Đặng-như-Mai hôi các văn-thân trong hạt, truyền hịch « bình tây, sát tả » rồi kéo nhau đi đốt phá những làng có đạo. Bị quân Pháp đánh dẹp, đảng ấy bèn hiệp với bọn giặc Trần-quang-Cán, Trương-quang-Thủ, Nguyễn-huy-Điển đánh lấy thành Hà-tĩnh rồi vây phủ Diên-châu. Triều-dinh phải sai Nguyễn-văn-Tường làm Khâm-sai và Lê-bá-Thận làm Tổng-thống đem quân ra đánh dẹp, đến tháng sáu năm ấy mới yên.

Tuy vậy, khắp nước, văn-thân ngầm ngầm kết đảng nuôi cái chí « giết đạo, đuổi Tây » : và sau khi Thuận-an thất-thủ, họ đã sẵn-sàng, chỉ chờ lệnh Triều-dinh là hành-dộng.

Hịch Cần-vương của Vua Hàm-Nghi là một mồi lửa ném vào đống rơm ấy. Các thân-hào cỗ-động, hô hào, khắp nước, lòng người cảm-xúc, ai cũng nô-nức muốn liều mình vì vua, vì nước. Phong trào công phẫn như lửa cháy, như dầu sôi, Trừ tỉnh Thừa-thiên có Nguyễn-văn-Tường nói việc giảng hòa và còn ra lệnh phòng trarp được nên còn hoài yên, còn các tỉnh từ Bình-thuận trở ra, đâu đâu cũng có loạn, sôi-nổi, xao-xuyến, bình dân và giáo-dân giết hại nhau rất tàn-nhẫn, những kẽ nghĩa khi đi từng làng chiêu mộ dân-dông để chống đánh người Pháp, tựu-trung bọn a-tùng gian xảo thừa cơ làm việc cướp bóc, quan lại thì hoặc bị bắt, bị đuổi, hoặc tự mình theo nghĩa quân, tình cảnh trong nước thật như một đống tơ vò.

Ở Quảng-nam, thân-hào lập ra Nghĩa-hội, quan Chánh-sứ Sơn-phòng là Trần-văn-Dư làm chủ. Ông Dư đem người đến bức tinh-thành, Tuần-vũ Nguyễn-Ngoạn, Bố-chánh Bùi-tấn-Quang, Án-sát Hà-thúc-Quán đều bỏ tránh, thành bị chiếm. Nhưng rồi quân Pháp kéo đến đánh đuổi, Nghĩa-hội tan ra các phủ huyện.

Ở Hà-tĩnh, Âm-sanh Lê-Ninh (con quan Bố-chánh Lê-Kiên) nhóm dân chúng, chiếm giữ tinh thành, Bố-chánh Lê-Đại bị giết, Án-sát Trịnh-văn-Bưu bị bắt (rồi phát bệnh mất), các quan Phủ, Huyện phải bỏ trốn, cả tỉnh đều khởi binh ứng tiếp nhau.

Ở Phú-yên, thân-hào đem người chiếm cứ tinh thành, bắt giam Bố-chánh Phạm-như-Xương, còn Án-sát Huỳnh-Côn, Lãnh-binh Nguyễn-văn-Hanh đều bỏ trốn. Nhưng quân Pháp đem binh thuyền đến lấy lại thành trì. Triều-dình phái Tá-lý bộ Hô là Lương-xuân. Huyên vào lãnh chức Bố-chánh và Thị-độc Nội-các là Cao-Đệ lãnh chức Án-sát.

Ở Nghệ-an, thân-hào các Phủ, Huyện đều khởi nghĩa, Đốc-học Nguyễn-xuân-Ôn và Chánh-sứ Sơn-phòng Lê-doãn-Nhã làm chủ.

Ở Quảng-trị, thân-hào nổi dậy, có các ông Trương-đình-Hội, Nguyễn-tự-Như làm đầu. Lại còn Huỳnh.văn Phúc tự xưng là Đề-đốc, có 8 đội quân cũng đem đi đánh phá.

Ở Quảng-bình, thân-hào phủ Quảng-trạch, huyện Tuyên-hóa, huyện Bố-trạch đều khởi nghĩa, cử Tri-phủ Nguyễn-phạm-Tuân làm chủ, kéo cờ « Càn-vương » và

cờ « Cử-nghĩa ». Bố-chánh tinh ấy là Nguyễn-đình-Dương bị hại.

Ở Quảng-nghĩa, Nguyễn-Loan (con quan Tông-đốc Nguyễn-bá-Nghi) hợp với Bùi-Điền, Đặng-Đề ở Bình-định tụ đảng chia làm ba đạo kéo tới khuấy phá tinh thành.

Ở Bình-định đương khoa thi, học trò nghe tin Kinh-thành thất thủ, vua Hàm-nghi chạy trốn, tức giận phá trường thi mà ra, rồi thân hào khởi nghĩa, Cử-nhân Mai-xuân-Thường lự xưng là Nguyên-soái.

Ở Bình-thuận, thân-hào đem chúng phá phủ Ninh-thuận, vây tinh-thành, các quan Tuần-vũ, Bố-chánh, Án-sát đều bỏ trốn, thành bị chiếm.

Ở Thanh-hóa, nguyên Án-sát Phạm-Bành cùng Hoàng-bật-Đạt, Đinh-công-Tráng, mộ quân chống đánh quân Pháp, lập đồn ở Ba-định, thuộc phủ Nga-sơn. Đây là võ-công đệ nhất của đảng cầu-vương thuở ấy. Đồn rộng hơn 100 mẫu, khá hiềm-yếu, bốn phía đều ruộng sâu, bùn lầy hơn vài nghìn mẫu, bọn Phạm-Bành làm đồn sách, chứa lương thực để mưu việc kiên thủ, các vị thủ-lãnh đảng Càn-vương thường tới lui đó.

Ở Bắc-kỳ, nguyên Đề-đốc Tạ-Hiền, nguyên Tán-tương Nguyễn-thiện-Thuật tụ họp đồ đảng ở Bãi-sậy, rồi đi đánh phá quân Pháp các nơi. Ở miền trung-châu, các phủ, huyện phần nhiều bị quân nghĩa dồng đến bức, hoặc chiếm lấy, hoặc bắt quan.

Trong các nhóm hoạt động cho chủ-trương trên này, sẽ có hai nhân-vật lõi lạc là Phan-đình-Phùng, Hoàng-hoa-Thám mà chúng ta sẽ thấy ở chương sau, sẽ nêu ngọn cờ Càn-vương lên cao và lâu hơn cả.



THIỀN THÚ' TU'

# HOÀ - HẢO

CHƯƠNG THỨ NHẤT  
**ĐỒNG-KHÁNH — PAUL-BERT**

**Vua Đồng-Khánh lên ngôi — Ông Paul-Bert  
bổ làm Tổng-thống Trú sứ**

Ngày mồng 6 tháng 8, đức Chánh-Mông di thuyền  
đến bến Phu-văn-Lầu, Trung-tướng De Courcy và Cham-  
peaux đón ở đầu đường đưa Ngài vào nội.

Hai ngày sau, Tam-cung cũng về cung.

Ngày 11 (19-9-1885), làm lễ tấn tôn tại điện Thái-  
hòa, đặt niên hiệu là Đồng-Khánh.

Vua liền sai làm quốc thư đưa sang Chánh-phủ Pháp  
tỏ tình giao hảo và tặng Courcy trước Bảo-hộ Quận-  
vương Champeaux trước Bảo-hộ công.

Quan Pháp trích giao lại hai vạn lượng bạc và hai  
vạn quan tiền để dâng vào nội chi dụng, còn kho tàng  
thì họ vẫn canh giữ, mỗi tháng lương bỗng quan lại  
hết bao nhiêu giao quan ta nhận phát. Họ cũng trả lại hai

điện Long-an, Hiếu-ân và Quốc-sử quán là nơi họ đã lấy ở.

Vua xuống dụ hiếu thị thần-hào, sĩ-dân đã hưởng ứng hịch Cần-vương của Tôn-thất-Thuyết phải quay về với Triều-đình và dụ cho sĩ-dân Bắc kỵ việc chuyên quyền, giả danh nghĩa của Tôn-thất-Thuyết.

Ngày 12 (20.9.1885), Trung tướng Courcy ra Bắc kỵ, giao quyền chính-trị lại cho Champeaux và binh quyền cho Thiếu-tướng Prudhomme.

Champeaux vì bất đồng ý kiến với Courcy xin từ chức. Hector quan cai trị ở Nam-kỵ ra thay (3-10-1885), nhưng mọi việc giao-thiệp với Nam triều đều giao cho Thiếu-tướng Prudhomme (được vua Đồng-Khánh tặng tước Bảo-quốc-Công).

Ở Pháp, tuy hòa ước Thiên-tân đã ký, nhưng trong Nghị-viện vẫn còn một phe phản-vân chưa quyết nên lấy Bắc kỵ hay bỏ, vì thấy đường sá xa xui, ở nước ta loạn lạc, phản đối mãi không dẹp yên được, mà ở Âu châu, nước Pháp đương cần lo giữ sự an-toàn cho mình.

Tháng 10 năm 1885, Chính phủ hỏi ý kiến các ông nghị Hộ-nghị-viện mới bàn về việc Bắc-kỵ. Tháng 11, bộ-trưởng bộ Tài-chánh là Sadi Carnot trình một thảo án xin trong ngàn sách năm sau một số tiền 79.360.448 phật-lăng để chi-nhu về việc Bắc kỵ và Madagascar một hội đồng gồm có 33 ủy-viên đặt ra để xét việc ấy. Trừ sáu, bảy ông ưng giữ, còn bao nhiêu đều ưng hoặc lập tức, hoặc lần lượt, triệt-binh ở Bắc kỵ về.

Trong phe ứng chiếm thuộc địa có Paul Bert hô hào trên báo chí và trong nghị trường nên giữ Bắc-Kỳ Ông nói rằng : « Danh dự và quyền lợi về thương mãi buộc nước Pháp ở lại đất này ; lại còn quyền lợi về chính-trị nữa, vì chỉ ở Đông - dương mới có một căn-cứ hải-quân vững mạnh làm cho người Anh kinh-nể và lâm-sự có thể giữ-gìn các đảo Réunion và Tahiti; bỏ Bắc-Kỳ ấy là làm cho Nam-Kỳ, Cao-Mên khởi loạn, Trung-Kỳ nổi dậy, sẽ phải chiến-tranh vất-vả, tổn kém mà chẳng được gì ; nhưng ảnh hưởng không chỉ ở trong các xứ trực tiếp thấy sự hỗ-thẹn của ta mà thôi, khắp hoàn-cầu người ta sẽ được phép nói rằng chỉ chống cự với người Pháp là đủ làm cho họ thối lui và lời của vua Tự-Đức sánh họ với «chó sửa rồi trốn» là đúng sự thật. Như vậy chúng ta sẽ bị đe dọa mọi nơi mà chúng ta phải tiếp - xúc với một dân - tộc đông - đúc, bạo-dạn. Calédonie sẽ bạo-động, Tunisie sẽ khởi loạn và cả Algérie cũng rục-rịch vì bọn Arabes và bọn Kabyles biết trước hết rằng người ta trừ dẹp chúng ta dễ biết chúng nào ».

Paul-Bert lại bàn nêu giao các thuộc địa, trước kia thuộc quyền bộ Hải-quân, cho bộ Thương-mãi trông nom và lập tức giao xứ Đông-dương cho quan văn chủ-trương, sự chủ-trương ấy phải khuynh-hướng về hòa-bình và tiết-kiệm, chỉ dùng đến binh-cách khi rất cần-thiết để giữ gìn cuộc an-ninh trong xứ mà thôi.

Ngày 21 tháng 12 năm 1885, đầu phiếu về việc Bắc-Kỳ có 274 phiếu tán thành, 270 phiếu phản đối, nghĩa là chỉ hơn có 4 ông nghị ứng giữ Bắc-Kỳ. Thủ - tướng

Brisson thấy trong Nghị-viện có nhiều người không đồng ý với mình, xin từ chức, Freycinet lên thay.

Tướng Courcy ra Bắc-Kỳ rồi vì không hợp-ý với Silvestre (Silvestre, được vua Đồng - Khánh tặng tước Vệ-quốc-công) và Trung-tướng Warnet (Warnet, được vua Đồng-Khánh tặng tước Dực-quốc-công) nên xin đổi cả hai ông ấy. Đại-tướng tính khắc và đa nghi nên chỉ làm cho thêm rồi việc. Thủ-tướng Freycinet thấy vậy, bèn triệt ông về (28-1-1886). Trung-tướng Warnet đã lên đường về Pháp, được lệnh ở lại quyền chức Tổng-Trú-sứ.

Thủ-tướng muốn dùng văn-thần thay võ-tướng để mong dẹp yên Trung-Bắc-Kỳ, nên bồ Paul Bert sang thay Courey. Trước đó, ngày 27 tháng giêng năm 1886, Chính-phủ Pháp đã ra sắc lệnh tổ chức việc bảo hộ ở Đông-dương, đặt quan Tổng-tư-lệnh Hải - quân và Lục-quân dưới quyền quan Tổng-trú-sứ, như thế để tránh những sự phân tranh thường xảy ra giữa quan văn và quan võ.

Ngày tháng 3 năm Bính-tuất (8-4-1886) đến Hà-Nội. Cùng đến với ông, có Paulin Vial bồ làm Trú-sứ ở Hà-Nội Dillon bồ làm Trú-sứ ở Huế. Số binh giảm xuống còn một sư - đoàn gồm ba lữ-đoàn (một lữ-đoàn cho Trung-kỳ và hai lữ-đoàn cho Bắc-kỳ) giao cho Trung-tướng Jamont cầm quyền. Chẳng bao lâu, Dillon được phái đi dự hội-dồng lập giới hạn Bắc-Kỳ – Tàu. Hector trở lại Huế lãnh chức Trú-sứ tháng 5 năm 1886).

Ông Paul Bert là một nhà bác - học, muốn dùng cách êm-ái để xếp-đặt cho yên, và cũng muốn khai-

hóa, mở-mang cho Bắc-ky thịnh-vượng hơn lên. Ông lập ra trường dạy học chữ Pháp, chữ quốc-ngữ, làm thêm đê-diều, đặt lề dồn-diền, lập Thương-nghiệp-viện, hội nghiên-cứu văn-chương Việt-Nam và bảo-tồn những đền-dài cổ. Ông lại thi-hành những chánh sách rộng-rãi để cho nhân dân tin phục nước Pháp, lập ra bệnh-viện cho người trong xứ, Hội-đồng thành phố và thương mãi cho Hà-nội, Hải-phòng, Hội-đồng hào-mục để hỏi han về thuế-má, đê-diều, xã-thôn v.v...

Khi mới đáo nhậm ông Paul.Bert liền vào Huế yết vua Đồng-Khánh và bàn bạc các việc.

Sau sáu tháng sốt-sắng làm việc, ngày 15 tháng 10 năm Bính-tuất (11.11.1886) Paul.Bert mất. Chánh-phủ Pháp đưa linh-cữu ông về Pháp mai táng và bổ ông Bihourd sang thay.

### **Việt-Pháp giao-thiệp dưới triều Đồng-Khánh**

Vua Đồng-Khánh và các vị Đại-thần lúc ấy cũng thuận theo chánh sách bảo-hộ nên gấp việc gì trang-trải cũng không đến nỗi khó khăn như trước.

Đầu năm Bính-tuất, ngày nguyên-dán, Thiếu-tướng Prudhomme đem quan Pháp vào làm lê triều hạ ở điện Thái-hòa, đến ngày vua ngự du-xuân, có một đội quân Pháp theo hộ-giá, nhân dân đều cảm-khai cho cái cảnh tượng mới mẻ ấy.

Ngày tháng giêng năm Bính-tuất, Nguyễn-hữu-Đô; Nguyễn-Thuật cùng Trú-sứ Hector hô-giao hòa-ước Giáp-thân ở lầu Sứ, hai bên đều có tặng nhau bội tinh và phầm-vật.

Thiếu-tướng Prudhomme, bấy giờ nắm cả binh quyền và đại-diện Pháp ở Trung-kỳ, thường đến dự các phiên hội đồng của viện Cơ-mật, lo sửa sang các đường sá, nhất là con đường Huế Đà-nắng.

Lúc ấy, Triều-dinh định nhờ người Pháp tổ-chức cho nước Nam một đạo quân riêng, có súng ống theo lối mới (gồm 6 đại-đội bộ binh, 2 đại-đội kỵ-bin, 2 pháo-đội, 1 đại-đội binh-nhu); một trường vũ-bị cũng trù-lập ở Huế và một phái-bộ vũ-quan Pháp do Đại-tá Brissaud cầm đầu đã đến để lo sắp đặt việc ấy, và huấn-luyện quân lính. Nhưng rồi họ nghĩ rằng đạo binh và trường vũ-bị ấy tốn kém cho ngân-sách nhiều mà lại nguy-hiểm, nên chỉ tổ-chức cho bốn đại-đội lính tập để theo giúp lính Pháp mà thôi !

Tháng 5 năm Bính-tuất, quan Pháp đem vàng bạc họ đã lấy, trả lại cho Triều-dinh ta một nửa, còn một nửa họ nói đưa về Pháp để đúc thành bạc đồng, chi lương lính tập trong 2 năm và dùng vào các công-tác. Họ cũng giao trả lại các kho đụn trong Kinh-thành, trại lính trong Hoàng-thành, các sở vũ-khổ, sở đốc-công.

Tháng tám, Tổng-thống Trú-sứ Paul-Bert vào Kinh-yết vua Đồng-Khánh và xin Triều-dinh nhượng-thêm đất ở Mang-cá để quan Pháp làm doanh-trại cho quân đồng, và xin đem những súng đại-bác bằng đồng để trên thành đúc tiền để chi nhu việc công-tác ấy, khi doanh-trại xong, quan quân họ có chỗ ở, họ sẽ giao-lại các sở họ hiện chiếm đóng trong thành cho ta. Vì việc phá súng để đúc tiền, sau mấy tháng thương-

thuyết, hai bên định rằng : trừ chín vị đại-bác hiệu « Hùng-dũng vô-dịch Đại-tướng quân », xin để ta giữ lại riêng, còn 60 vị nặng 70 vạn cân tây (120 vạn cân ta) trị giá 120.500\$, xin giao cho Triều-định ta, ta trả số tiền ấy cho quan Pháp làm doanh-trại (sau việc Kinh-thành thất-thủ, số súng đại-bác bằng đồng ở Kinh và các tỉnh, người Pháp thu giữ hết, súng ở Kinh và các đồn dem về cộng 1.440 khẩu, ở các tỉnh cộng 1.440 khẩu số hơn 60 đấy là số ta còn nhận giữ lại).

Dưới triều Đồng-khánh, ngoài việc phải mua lại súng đồng này, ta thấy những việc sau đây đã làm cho Triều-định ta phải khổ tâm hoặc tổn nhiều thì giờ để bàn cãi với người bảo-hộ : việc Thống-dốc Nam-Kỳ sai quân ra chiếm tỉnh Bình-thuận, món tiền nạp cho Nam-triều trong số thuế của Bắc-kỳ, các Giáo-sĩ hay bệnh-vi giáo-dân, quan Pháp tự-tiện bắt giam và nghị xử nhiều quan Nam, việc bồ-nhiệm quan lại ở Bắc-kỳ, việc giao lại kinh thành, việc bắt bốn tỉnh phía nam bồi quân phí cho Trần-bá-Lộc. Đề bình-định các tỉnh Phú-yên, Khánh-hòa, Bình-thuận, Chánh-phủ Pháp ủy Thống-dốc Nam-Kỳ sai quân ra chiếm tỉnh Bình-thuận (tháng 7 năm 1886), binh thuyền do De Lorme chỉ huy, Trần-bá-Lộc cầm đầu các toán lính tập, rồi lại bồ Lộc làm Tông-dốc Bình-thuận. Triều-định lấy làm ngạc nhiên mà thấy những toán thủy-quân lục chiến và thám binh Pháp đến chiếm lãnh thổ mình, đặt quan cai trị, e họ sẽ chiếm luôn chăng, nên đưa thư phản đối. Ngày 12-9, ông Paul Bert phải vào Huế để giảng giải với Triều-định, cho đó chỉ là một biện-pháp tạm thời.

Theo khoản 11 của hòa-ước Giáp-thân thì ở Bắc-kỳ

thuế dinh điền do quan Nam và quan Pháp thu rồi trừ số để công nhu, số này hai bên hội đồng chuẩn định, còn bao nhiêu gửi về nộp Triều đình Huế. Năm Bính-tuất, Tổng-thống Trú-sứ Paul Bert định-lệ mỗi năm đưa về Kinh 38 vạn quan tiền, 38 vạn phường lúa, mỗi phường định giá năm quan, như vậy cộng cả thảy 228 vạn quan. Nam triều cho là không đủ tiêu, xin định lại rõ ràng, trong số thuế ấy để mấy phần lại cho nhà nước bảo hộ, mấy phần nộp cho Nam-trieu. Số 228 vạn quan ấy chưa đưa về Kinh, Tổng-thống Trú-sứ Bihourd lại định chỉ đưa một phần năm số thuế năm ấy ( $\frac{7.500.000}{5}$ ) là 150 vạn quan tiền tây, tức 187 vạn 5 nghìn quan tiền ta mà thôi, nhưng rồi số này gửi vào cũng không được sòng phẳng. Sau nhiều lần kêu hỏi với Trú-sứ Bihourd, Toàn-quyền Constans tháng 2 năm Mậu-tí (Đồng-khánh thứ 3, 1888), vua sai làm thư đưa sang Giám-quốc nước Pháp xin làm theo cho y hòa-ước.

Bấy giờ, ở các tỉnh, bình-dân và giáo-dân đương cùu thi nhau, thế mà các Giám-mục, Linh-mục bênh vị con chiên mình, gấp việc thì hoặc đòi bồi thường, hoặc chiếm chia đất ruộng, hoặc đòi chuẩn cấp tiền lúa, rồi viện thế quan Pháp, quan ta không thể không theo. Triều đình ta đếm các việc này thương với quan Pháp rằng phàm có việc gì xảy ra giữa giáo-dân và bình-dân thì phải do quan Nam xử trí, Giám-mục, Linh-mục không được can-thiệp.

Theo hòa-ước thì quan lại ta có lỗi dâng cách, bồi, phải do Triều đình định đoạt, thế mà Tuần-vũ Ninh-bình là Đồng-sĩ-Vịnh, Tri-phủ Trần-bạch-Lân, Tri-huyện Nguyễn-như-Xước v.v... không thấy phạm lỗi gì mà

quan Pháp bắt giam rồi xử tội trảm, tội lưu. Triều-dinh ta phải đem phàn-nàn với quan Pháp, và nói rằng đương lúc việc nước chưa yên, lòng người chưa định, mà xử trí với sĩ-phu như thế e không hợp thê.

Từ khi đặt nha Kinh-lược Bắc - kỵ và theo ý quan Pháp thì quan lại xứ này đều do quan Kinh-lược và quan Pháp tuyển bổ rỗi mới tâu về, Triều-dinh ta xin rằng văn-võ ấn-quan phải do Triều-dinh lựa người ở Bắc - kỵ hoặc người ở Triều-dinh bổ nhiệm, còn phủ, huyện trở xuống thì giao nha Kinh-lược lẵn cử rỗi tư bộ xét lại. Nhưng Tống-Thống Trú-sứ cho là đường xá xa xôi, đợi lệnh Triều-dinh e chậm trễ, xin cứ để cho quan Kinh-lược được tự-tiện dùng người.

Theo hòa-ước thì ở đất Trung-kỳ chỉ ở những cửa biển khai-thương, người Pháp mới đặt Trú-sứ-quán để xem xét việc thương-chánh, nhưng vì trong nước giặc già nỗi dậy nên đã phải đặt Trú-sứ-quán và đồn-linh ở nhiều nơi khác để đánh dẹp, bây giờ tình-hình đã hơi yên, Triều-dinh xin giảm các Trú-sứ ở những nơi không phải là thương-cảng và triệt các đồn-linh đi. Nhưng quan Pháp cũng tìm lời lẽ nói cho qua chuyện.

Sau khi Kinh-thành có việc, hành-cung các tỉnh đều bị quan Pháp chiếm để đóng binh, bây giờ tình thế đã hơi yên, Triều-dinh ta xin giao lại.

Bốn tỉnh Bình-thuận, Khánh-hòa, Phú-yên, Bình-dinh, nghĩa quân nỗi dậy, nước Pháp khiến Nguyên-soái Nam-kỳ phái quân ra đánh dẹp xong, rồi trách

phạt dân tỉnh Khánh-hòa 15.000 đồng, tỉnh Bình-định 75.690 đồng, tỉnh Phúc-yên 60.520 đồng, tỉnh Bình-thuận cũng một số lớn để bù quân phí. Trần-bá-Lộc chia thán-hào đã khởi sự ở hai tỉnh Phú-yêa, Bình-định làm năm hạng, tùy theo giàu nghèo mà phạt. Một phần lớn của số tiền nói trên đã đem nộp. Triều-đinh ta xin định thu số còn thiếu vì theo khoản 15 của hòa-ước thì nước Pháp tự nhận trách nhiệm giúp ta diệt trừ giặc-giã ở trong và ở ngoài mà không đòi bồi phí. Việc này là một khoản vua kêu nài trong thư gửi cho đức Giám-quốc Pháp ngày tháng hai năm Mậu-lí.

Tháng chạp năm Đinh-hợi, quan Pháp giao lại miếu công thần và các trại lính trong Kinh-thành từ cửa tây-nam tới cửa chánh-tây. Triều-đinh ta kêu nài, đến tháng 8 năm sau (Mậu-tí) họ mới giao trả cả Kinh-thành cho nhân-dân vào ở.

## CHƯƠNG THỨ HAI

### CÔNG VIỆC BÌNH - ĐỊNH

**Việc đánh dẹp các nơi và đuổi theo  
vua Hàm-nghi.**

Vua Đồng-khánh lên ngôi rồi, nhưng đảng Càn-vương ở khắp Trung-kỳ, Bắc-kỳ, vẫn hăng hái chống đánh với quân Pháp và phá hại giáo-dân. Triều-dình và Chánh-phủ Bảo-hộ phải lo việc hiều-trắp và đánh dẹp.

Ở Trung-kỳ thì tháng 6 năm Ất-dậu, quân Pháp đã chiếm-dòng ở Đồng-hới, tháng 7 chiếm thành Vinh, tháng tám chiếm thành Quảng-trị, thành Bình-dịnh. Rồi một đại đội lính quần rộng (Zouaves) vào tuần trảo ở Quảng-nam, Quảng-nghĩa. Trong hai tỉnh này, quân Pháp đóng đồn các nơi, tháng 11 năm Ất-dậu, đánh lấy nha Sơn-phòng Quảng-nam, quan Chánh-sứ Trần-văn-Dư vừa đến tỉnh để về Kinh đầu thú thì quân Pháp bắt được đem giết. Nguyễn-Hiệu lên thay làm chủ đảng Văn-thàn tỉnh ấy, lập tân-tỉnh ở Trung-lộc, huyện Quế-son (đã làm nha thư, trại xá, nhà văn-miếu) và đặt quan lại để hoạt-động cho chủ-nghĩa Càn-vương.

Tháng 2 năm Bính-tuất (1886) vua Đồng-khánh sai ông Phan-thanhs-Liêm (con ông Phan-thanhs-Giản) làm Khâm-sai đại thần mang dù vào Quảng-nam, Quảng-

nghĩa hiều-thị cho thàn-hào phải mau về thú. Tháng 5 năm ấy lại cho Chánh-sứ Sơn-phòng Nghĩa-Định là Nguyễn-Thân sung chức Nghĩa-Định chiêu-thảo xứ trí-sứ để coi việc đánh dẹp ở Quảng-nghĩa, Bình-định.

Đảng thàn-hào tỉnh Bình-định chia ra hoạt động ở tỉnh Quảng-nghĩa, tháng 7 (Bính-tuất) ông Nguyễn-Thân đánh dẹp tan được.

Tháng 10, quân Pháp ở Quảng-nam phá được đồn Trung-lộc, bọn Nguyễn-Hiệu chạy tản ra nơi khác.

Tháng 3 năm Đinh-hợi, quân Pháp đưa thêm vào hai đội lính Tây và một đội lính tập, mỗi đội 200 người để đánh dẹp dưới quyền quan Khâm-sai và quan Nghĩa-Định chiêu-thảo sứ.

Tháng 4, theo lời thương xin của quan Trú-sứ, vua sai Nguyễn-Thân đem binh ra Quảng-nam, để cùng quan Khâm-sai hiệp-tiêu.

Tháng 5, thì Phan-thanh-Liêm được bồ làm Thuận-Khánh Tông-đốc, việc đánh dẹp ở tỉnh Quảng-nam giao cho mình Nguyễn-Thân.

Tháng 6, Nguyễn-Thân đánh được quân của Nguyễn-Hiệu một trận ở núi An-làm, chém được nhiều cù-mục và lấy nhiều lương tiền, khí giới, tháng 7, Nguyễn-Thân tìm ra bọn Nguyễn-Hiệu ở miền thượng-nghuyên Phước-sơn, bắt được nhiều người. Liền đó, Nguyễn-Hiệu cũng bị bắt và bỏ vào cũi giải về Kinh. Các thàn-hào lục-tục ra thú, tỉnh Quảng-nam yên lặng.

Ở các tỉnh Bình-thuận, Khánh-hòa, Phú-yên

thì quan Thống-dốc Nam-kỳ sai Trần-bá-Lộc đem quân ra tiêu biện. Ông này hiệp với Thiếu-tá De Lorme, Trú-súr Aymonier đi đánh dẹp các nơi. Trần-bá-Lộc dùng cách dữ-dội, chém giết nhiều người, vào khoảng tháng 8 năm Bính-tuất thì thu-phục được tỉnh-thành, hai tỉnh Bình-thuận, Khánh-hòa.

Các ông đem quân ra Phú-yên, Bình-dịnh, tháng tư nhuận năm Đinh-hợi, bắt được Mai-xuân-Thưởng, Bùi-Điền (tự xưng Thống-trấn) và Phó-tướng. Thống binh sắp xuống 11 người, đem chém cả.

Từ đó, 4 tỉnh này được yên lặng, Trần-bá-Lộc trách phạt thàn-hào một số bạc ước 18 vạn đồng làm quân-phí.

Tháng tư nhuận năm Đinh-hợi, mới đặt quan lại cho tỉnh Phú-yên : bồ Tá-lý Tôn-thất-Bá lãnh Bố-chánh, nguyên Án-sát Đinh-duy-Tân nhận lại chức cũ, còn Phủ, Huyện và tỉnh thuộc thì cho quan tỉnh sát cử.

Tháng 7, quan Pháp giao lại tỉnh thành Bình-thuận, Khánh-hòa, ta bồ Phan-thanh-Liêm làm Tổng-dốc Thuận-Khánh, Án-sát Bình-dịnh là Nguyễn-dinh-Văn làm Bố-chánh Bình-thuận, nguyên Tuần-vũ Bình-thuận là Võ-doãn. Tuần làm Bố-chánh Khánh-hòa, Ngự-sử Nguyễn-văn-Chất làm Án-sát Khánh-hòa v.v... còn Phủ, Huyện và tỉnh thuộc cũng giao cho quan tỉnh lẵn cử.

Từ tháng 7 năm Đinh-hợi, việc đánh dẹp ở các tỉnh từ Quảng-nam trở vào Bình-thuận đã yên, muốn cho nhân tâm trấn tĩnh, tháng 9 năm ấy, vua sai Nguyễn-

Thuật làm Tả-trực-kỳ (1) Tuyên-Ủy xứ-trí đại-thần vào  
hiệu thị ở các tỉnh miền Nam.

Việc đánh dẹp từ Quảng-bình trở ra và ở Bắc-kỳ thì  
khó khăn hơn nhiều, vì Vua Hàm-nghi ở thượng du  
Quảng-bình, Hà-lĩnh, tiện giao thông với các nơi ấy nên  
ở đấy, đảng Cần-vương hoạt động nhiều hơn. Vì vậy, cái  
dịch của nhà cầm quyền Pháp — Nam lúc bấy giờ là bắt  
cho được vua Hàm-nghi, vua còn ở ngoài, còn hò-hào  
thì còn có kẻ hưởng ứng.

Sau khi vua Hàm-nghi xuất bôn, tướng Courcy đã  
sai quân ra chiếm đóng ở Đồng-hới (19.7.1885) rồi lại sai  
một đạo quân nữa ra chiếm đóng ở Vinh (19.8.1885) để  
chặn đường giao thông với Bắc-kỳ của nhà Vua.

Tháng 9 (Ất-dậu), Đại-Ủy Petit từ Quảng-trị lên Tân-  
sở, đốt nhà cửa, doanh trại. Vào khoảng này, quan quân  
đánh đảng thân-hào ở miền rừng phủ Cam-lộ và huyện  
Gio-linh, đầu mục là các ông Trương-dịnh-Hội, Nguyễn-  
tự-Như bỏ trốn cả.

Tránh khỏi nạn ở Bắc-cạn như ta thấy ở trước kia  
rồi, Tôn-thất-Thuyết đưa vua Hàm-Nghi đến Cửu-chân  
thuộc tỉnh Savannakhét. Bấy giờ là tháng 6, nhưng ở Lào  
là mùa mưa lụt, sông ngòi đầy dẫy, đồng diền tràn ngập,  
vua yếu mệt nằm lả trong kiệu, tùy giá có độ 5, 7 cái cát,  
mươi con ngựa, mấy con voi, mấy chục phu tải đồ và  
vài trăm quân lính. Gặp những nhà cửa người Mường,  
vào nghỉ-ngơi thì chỉ vua và những quan lớn có chỗ

(1) Tả-trực là tỉnh Quảng-nam, Quảng-nghĩa. Tả-kỳ là các  
tỉnh Phú-yên, Bình-dịnh, Khánh-hòa, Bình-thuận.

ăn nấm, còn phu theo thì chồng chắt lén nhau ở dưới sàn, món ăn thì chỉ có bắp và cơm gạo đỗ. Nếu khi phải phải dừng lại ở những nơi không làng xóm thì phải dồn cát, chặt lá tự làm lều cái lều để ẩn nấp trong chốc lát. Đi qua sông suối rất sâu trong xứ ấy, phải cho voi đi trước dò đường. Đã vất-vả như thế mà bệnh sốt rét, bệnh lỵ lại thường giết hại nhiều người; đọc theo đường xa giá đi qua, nhiều nơi đã vùi lấp thi hài của quan lính.

Qua đèo Qui-hợp tháng 7 (Ất-dậu) vua Hàm-Nghi về đến Hàm-thảo, cách (sơn-phòng Hà-tĩnh 7 ngày đường). sắc quan sơn-phòng Hà-tĩnh sắp-đặt rước ngài về đấy. Người ta có ý lấy chỗ này làm nơi căn-cứ để lo việc khôi phục. Quan Sơn-phòng-Sứ Nguyễn-Chánh đã sai một đội quân đi đón. Quan tỉnh tâu về Huế, Tam cung mừng lắm, sai Tôn-thất-Phan làm Khâm-sai ra đem 350 quân tỉnh Hà-tĩnh và một quan Lãnh-binh đến rước.

Tháng 8, vua về đến nha Sơn-phòng Hà-tĩnh (1), thân-hào nhiều người đến chầu ở hành tại, các quan sứ mỏ thêm dân-dồng, lập tạm xá, đặt quan lại (đặt nguyên Viên-ngoại Phan-quang-Cự làm Bố-chánh Hà-tĩnh, nguyên Án-sát Huỳnh-xuân-Phong làm Sơn-phòng sứ, nguyên Tri-phủ Phan-khắc-Hòa làm Án-sát Hà-tịnh nguyên Tri-phủ Ngụy-khắc-Kiều làm Sơn-phòng Phó-sứ, Phan-đình-Phùng làm Tân-lý, Phan-trọng-Mưu làm Sơn phòng Tham-biên) và lập đồn phòng giữ nơi hiểm yếu,

---

(1) Theo Quốc-trieu Chánh-biên thì Vua có về đến Sơn-phòng Hà-tĩnh, trong các sách Pháp không thấy nói Vua có về đến đó; phần đông đều nói rằng chỗ ẩn trú của Vua bây giờ là Hàm-thảo.

toan ở lâu ngày. Nhưng mới vừa tới Sơn-phòng Hà-tĩnh thì lại nghe quân Pháp đuổi theo sắp đến, Thuyết phải đem vua chạy đi chỗ khác. Trong thời gian ở Hà-tĩnh này, Tôn-thất-Thuyết thảo tờ chiếu Cần-vương, lấy chữ vua Hàm-Nghi phê và gửi đi các nơi. Chiếu đề ngày 11 tháng 8, Hàm-Nghi nguyên-niên, nói rằng : « nước Nam ta ký hiệp ước với nước Pháp kề dã có tới mấy chục năm. Thoạt tiên, ta nhường cho Pháp ba tỉnh Nam-kỳ Hai năm sau, còn ba tỉnh nữa, họ lại lấy nốt. Nhưng họ vẫn chưa được thỏa mãn, họ cho miếng đất ấy là nhỏ mọn, không thăm vào đâu. Dùng mưu meo, họ lập Lãnh-sự ở Huế và Bắc-kỳ, bắt buộc ta phải ký ước mới rồi thêm, bớt, xóa bỏ không biết bao nhiêu lần. Họ quả quyết xâm lược xứ Bắc-kỳ để thu lấy những mối lợi mà ông cha ta để lại. Nhàn lúc nước ta có tang Đức Dực-Tôn anh Hoàng-Đế (Tự-Đức), quân Pháp kéo vào cướp cửa Thuận-an và đốt cháy ấn-tin của nước Tàu phong cho vua ta. Họ ép uồng ta phải cho họ đóng quân trong hoàng thành và nhường chỗ cho họ dàn bầy súng ống. Sự hiếp bức đó, dù kiên nhẫn đến thế nào ta cũng không thể chịu được.

Tháng 5 năm nay, quan Pháp ước hơn vạn người bắt ép ta phải nhường lại hoàng-thành. Họ bắt vua tri dân theo như luật-pháp riêng của họ. Vì những cớ ấy Hội đồng Cơ-mật quyết khởi một trận tấn công ở Huế. Nếu quân ta thắng thì Nguyễn-văn-Tường đón trām rai ngự tạm tại Nghệ-an, Hà-tĩnh, để Tôn-thất-Thuyết ở lại Huế lập thế trận. Trước hết, bài trừ bọn giáo-dân đã thắng quân Pháp sau này vì chính những dân theo đạo đã hiệp nhất với người Pháp mà phản lại Triều-

định. Bằng thua thì Trẫm cùng với triều-thần lánh ra  
miền Bắc mưu đồ khôi phục.

Cuộc tấn công ngày 23 tháng 5 khởi từ nửa đêm,  
giữ mãi được nửa buổi sáng. Quân Pháp chết vô hạn.  
Bá tánh đông quá, không sao cứu kịp cũng chết rất  
nhiều. Nhưng đây là mệnh trời, ta tránh sao được.

Ngay lúc ấy, Nguyễn-văn-Tường theo trẫm ra khỏi  
hoàng-thành. Tôn-thất-Thuyết tập hậu để phòng quân  
Pháp đuổi đánh. Không ngờ Nguyễn-văn-Tường đồi  
bung, lén trốn vào nhà giáo Kim-long, còn Tôn-thất-  
Thuyết thì vẫn theo Trẫm, chổng nhau với quân Pháp.

Tới Quảng-trị, có tin quân Pháp sai Tường triệu  
Trẫm về và trả lại hoàng-thành. Nhưng đây là mưu của  
họ để lừa ta. Nguyễn-văn-Tường bỏ vua theo hàng  
người Pháp để đổi dân. Tường lại còn chực bắt Trẫm  
nạp cho người Pháp để giữ toàn phú-quí, tội ấy nặng  
biết chừng nào... Ngoài ra Tường lại mạo chữ Thái-hậu  
viết thư dụ Trẫm về. Nhưng Thái-hậu đã ở trong tay  
người Pháp thì Tường bắt viết gì chẳng được. Vả trong  
di-chiếu của Tiên-đế có nói việc trị nước chẳng nên  
trao cho đàn bà. Nếu ai bắt được dụ ấy nên dốt đi và  
đừng nói đến nữa...

Hiện nay Trẫm cùng với Tôn-thất-Thuyết đã tới  
Ấu-sơn, thuộc huyện Hương-khé, các quan trong ngoài  
đều tề tựu cả ở miền này.

Văn-thân, dân-chúng và binh sĩ cũng lần lượt ra  
dự việc Càn-vương. Thế nước gấp lúc loạn ly, ta khoanh  
tay mà nhìn sao được (1).....

---

(1) Trích ở sách Vua Hàm-Nghi của Phan-trần-Chúc.

Trung-tướng Courcy ra Bắc rồi, Thiếu-tướng Prudhomme cầm binh-quyền ở Trung-kỳ cũng hết sức trù-tinh việc bắt cho được vua Hàm-nghi. Sau khi Đại-úy Dallier đến giải vây cho trường đạo An-ninh (cửa Tùng) trong đó một số giáo-dồ bị vây gần một tháng, đến Bai-sơn, ở đây nhiều giáo-dồ vừa bị giết, Thiếu-tướng sai Thiếu-tá Bertrand từ Đồng-hới đem quân ra Vinh để hiệp với quân của Trung-tá Mignot ở Bắc-kỳ đưa vào để chia ra đi tìm nã vua Hàm-nghi, Thiếu-tá Cardot được bổ chỉ - huy đội quân ở miền hạ-lưu sông Gianh, Trung-tá Metzinger thì bổ chỉ-huy quân đội cả tỉnh Quảng-bình. Nhưng vì các đạo quân này không cùng đến một lúc, nên hành-động rời-rạc, không liên-lạc với nhau. Trong khi ấy thì Phan-đinh.Phùng và Phó-bảng Đinh-nho.Hanh môt thêm quân lính, Tôn-thất-Thuyết cỗ-xúy cho Vău-thân miền-Bắc Trung-kỳ và Bắc-kỳ nổi dậy. Lãnh-binh Phạm-văn-Mỹ chiếm giữ tỉnh thành Hà-tĩnh trong 5 tháng.

Vào khoảng tháng 10 (Ất-dậu), ở tỉnh Nghệ-an, giáo-dồ lại bị giết hại nhiều. Thiếu-tá Grégoire đuổi đánh quân của quan nguyên Ngự-sử, phá nhiều nhân dân rất thảm-thiết. Vì bị quân của Pelletier đuổi đến gần, vua Hàm-nghi phải từ Hà-tĩnh dời lên cửa Vé.

Quân Pháp chia ra đuổi theo, cùng quân nhà vua đánh nhau nhiều lần. Từ lúc ấy đến cuối năm Ất-dậu, bên quân Pháp Đại-úy Hugot bị trúng tên độc chết trong trận ở Lập-cáp, Trung-úy Camus bị trúng tên, đau, chết trong trận ở phía trên Rào-nagy (gần-Vé) với hai người lính, và trận đánh ở Trại-na là hệ trọng hơn

cả, trận này làm cho quân Pháp bị thương 17 người, trong có 5 người Pháp và quân nhà vua chạy bỏ lại mấy người chết, cái cảng của vua, mấy con ngựa v.v.., một tên mường công vua trốn thoát, bấy giờ là cuối tháng chạp năm Ất-dậu.

Sau khi vua Hàm-nghi đã từ Hà-lĩnh về ẩn ở miền thượng-du tỉnh Quảng-bình, Đốc-dâng Văn-thân chia ra đánh phá các nơi, nhiều quan Phủ, Huyện sợ phải trốn tránh, Thiếu-tướng Prudhomme thương xin Triều-dinh phái một vị Đại-thần ra tỉnh ấy xử-trí, vua Đồng-Khánh sai quan Thượng-thư bộ Lại Phan-dinh-Bính ra Kinh-lược Quảng-Bình.

Hình như sau khi thất bại ở Trại-na, Tôn-thất-Thuyết và Trần-xuân-Soạn mới từ biệt vua Hàm-Nghi để ra Thanh-hóa rồi qua Tàu. Quân Pháp tiếp tục đuổi theo tìm vua, nhưng không kết-quả gì. Bấy giờ Thiếu-tướng Prudhomme có ý định đuổi vua Hàm-nghi và bọn tùy-tùng sang nước Lào (Laos) cho yên việc, tháng 2 năm 1886, Trung-tá Metzinger phái làm việc ấy đã đem một đạo quân tiến công.

Suốt năm Bính-tuất, Đinh-hợi, cho đến lúc bị bắt, Vua Hàm-Nghi ẩn vúp ở miền thượng-lưu sông Gianh, thuộc huyện ~~Thanh~~-hóa (Quảng-bình), có hai con Tôn-thất-Thuyết là Tôn-thất-Đạm, Tôn-thất-Thiệp, quan Đề-dốc Lê-Trực, (1) quan nguyên Tri-phủ Nguyễn-phạm-Tuân gìn giữ. Tôn-thất-Đạm đóng ở Phác-dài để thu

---

(1) Nguyễn Lãnh-binh lĩnh Hà-nội bị cách chức sau khi thành này thất thủ lần thứ hai.

nhận thư trát và phân phái đồ đảng do Đề-Soạn mờ ở Thanh-hóa, Hà-tĩnh đưa vào.

Về sau, ông xuống đóng ở ngàn Hà-tĩnh (phía tây Kỳ-anh) để lo việc vận tải lương hường. Nguyễn-phạm-Tuân đóng ở vùng thượng lưu sông Gianh. Lê-Trực đóng ở Thanh-thủy, vùng trung lưu sông Gianh ; vào Hầm Bình-tuất, Tuân có độ 1.000 quân, Trực có độ 2.000 quân, một phần có súng. Ngoài ra, còn có nguyên Lãnh binh Phạm-văn-Mỹ, nguyên Lãnh-binhs Khiêm, Lãnh-binhs Dương-Môn đánh dẹp đây đó để giúp cho việc bảo-vệ nhà Vua.

Hầu gần bên Vua thì có Tôn-thất-Thiệp và Trương-quang-Ngọc. Tên này là người bản-thổ, rất can-dám, có nhiều bộ-hạ Mường, có súng và tên độc, ở vùng ấy ai cũng sợ nó : từ khi vua Hàm-Nghi đến đây thì nó được vào hầu cận và phong chức Lãnh-binhs. Người có tài-năng và hăng-hái hơn cả trong các quan tùng vong lúc ấy là Lê-Trực, quan Pháp có cho đưa thử dù ông ra hàng, ông trả lời : « Tôi vì vua vì nước, chết sống cũng một lòng, chứ không dám tham sống mà quên nghĩa » Vì vậy họ rất trọng ông.

Tháng giêng năm Bính-tuất (1886) thì quân Pháp tụ lại cả trong tỉnh Quảng-bình, đóng ở Quảng-khé và ở Đồng-hới.

Đến tháng 3, Paul-Bert đáo-ly, thay đổi chánh-sách muốn dùng cách dịu-dàng để làm cho yên đại-cuộc, nên giảm bớt số quân lính. Ở Quảng-bình, quân Pháp chỉ còn đóng ở Quảng-khé, Roon và Chợ Đồn, đảng Văn-thân lại đánh phá hăng lên.

Thấy trong nước loạn-lạc mãi và sau khi phái Khâm-sai vào hiều-thị miền Nam, tháng năm, năm Bính-tuất, vua Đồng-Khánh định ra miền Bắc để phủ-dụ vua Hàm-Nghi và các cựu-thần. Ngày 16 (tháng 5) đao ngự khởi-hành, các quan Cần-chánh Nguyễn-hữu-Độ, Tham-tá Cơ-mật Nguyễn-Hoằng, Chưởng-vệ Nguyễn-hữu-Văn, Phủ-thùa Tôn-thất-Bá, v.v... theo hộ giá, quan Pháp cho Đại-úy Billet đem một toán quân Pháp theo hầu. Vua ghé Quảng-trị, hạ tuần tháng bảy mới đến Quảng-bình. Ở tỉnh này, các nơi xa giá đi qua, đảng cựu thần thường đem quân chống-cự, cho nên cuộc tuần du của nhà Vua không có hiệu quả gì cả. Ở Đồng-hời hơn hai tuần, ngày mồng bảy tháng tám, vua đáp tàu thủy về Kinh.

Tháng tám, ông Paul-Bert vào Kinh thương với vua Đồng-Khánh xin phong vua Hàm-Nghi làm Tông-trấn ba tỉnh Thanh-hóa, Nghệ-an, Hà-tĩnh, để thanh-thể của vua có thể làm cho ba tỉnh yên được chăng

Thấy ông có ý muốn chuộc những người phản đối người Pháp, nên Triều-định khôi-phục nguyên hàm cho Hoàng-tá-Viêm và phong làm Hữu-trực-kỳ (1) yên-phủ Kinh-lược-sứ để ra Quảng-bình dù vua Hàm-Nghi và đảng Văn-thân rời ra Hà-tĩnh, Nghệ-an, Thanh-hóa tùy nghi xử trí cho yên ổn. Vua Đồng-Khánh xuống dù giao cho Hoàng-tá-Viêm đại lược rằng : nếu vua Hàm-Nghi về thì phong làm Tông-trấn Thanh — Nghệ — Tĩnh, các cựu thần như Trương-văn-Ban, Nguyễn-Trực,

---

(1) Hữu-trực là Quảng-trị, Quảng-bình. Hữu-kỳ là Hà-tĩnh, Nghệ-an, Thanh-hóa.

Nguyễn-Chư, Lê-mộ-Giai, Nguyễn-nghuyên-Thành, Phan trọng-Mưu, Nguyễn-xuân-Ôn, Lê-doãn-Nhã, Ngô-xuân-Quỳnh, nếu ra đầu thú thì sẽ chiếu theo nguyên hàm bồ làm quan từ Quảng-bình, Quảng-trị trở vào mấy tỉnh phía Nam. Trần-xuân-Soạn, Nguyễn-phạm-Tuân, Phan-dinh-Phùng nếu về đầu thú, quả có thiệt trạng cũng được khoan giảm tội cũ và thường phầm hàm, trừ Lê-Thuyết (1) không thể dùng lại, nhưng nếu trở về cũng cho lui về ngạch nhờn tán.

Tháng mười năm Bính-tuất, Hoàng-tá-Viêm đem 300 lính tập ra Quảng-bình, ông cho người đi dụ bọn ông Lê-Trực về, nhưng ông ấy nhất định không nghe, chỉ thỉnh thoảng có một số ít cù-mục ra đầu thú mà thôi. Tháng 5 năm sau, quan Trú-sứ ở Kinh lại tư xin triệt ông về, nói vì sở hành không hợp với quan Pháp.

Cũng vào lúc Hoàng-tá-Viêm ra Quảng-bình, người Pháp đưa đến mấy sĩ-quan khác. Bốn viên Đại-úy mới đến là Montreuil, Boulangier, Berveiller, Troupel cầm đầu bốn đội lạp-bộ-binhh đã tập luyện khá.

Cuối năm Bính-tuất, Đại-úy Troupel bắt được Đề-đốc Thang-thế-Giáp. Thiếu-tá Bertrand lập dọc theo đường núi bầy cái đồn để tiện việc hành binh.

Ngày tháng hai năm Đinh-hợi, đội quân của Trupel giao chiến với quân của Tôn-thất-Đạm và Lê-

---

(1) *Tôn-thất-Thuyết, cha, các anh em và các con đều bị bỏ tên trong sổ Tôn-phò, lấy họ mẹ là Lê từ năm Ất-dậu đời Đồng-Khánh : đến năm Khải-Định thứ hai, hậu duệ ông Thuyết mới được khai phục trong sổ Tôn-thất.*

Trực ở Thác-dài, thắng được và giết chết Lãnh-binh Kiêm với một số lính. Lê-Trực chạy về Bộc-thọ lại bị thiệt-hại thêm nữa.

Ngày tháng 3 (Đinh-hợi) nhờ có người do thám, biết chỗ Nguyễn-phạm-Tuân đóng, quân Pháp đến vây, ông bị Thiếu-úy Lambert bắn trúng bên cạnh sườn, còn dồ-dảng bị bắt cả. Người ta đưa ông về Bộc-thọ, mấy ngày sau ông mất.

Tháng giêng năm Đinh-hợi, quân Pháp hạ được đồn Ba-dình. Trận này cũng khá vất-vả, quân Pháp ở Thanh-hóa nhiều lần đến đánh không có hiệu quả, phải lấy thêm quân ở Bắc-kỳ vào, cả thảy trên 3.500 người, 76 viên bộ-tướng, do Đại-tá Brissaud thống-lĩnh (1), và 4 chiến-hạm, rồi ra sức bao vây, đánh phá mấy ngày mới hạ được đồn (20-1-1887). Bọn Phạm-Bành chạy thoát. Sau Bành thấy con là Phạm-Tiêu bị bắt, đến tỉnh Thanh-hóa đầu thú rồi tự-tử. Huỳnh-bậc-Đạt bị dân bắt đem nạp, quan Pháp giết chết. Đinh-công-Tráng chạy lên Mã-cao, quân Pháp thừa thắng đánh lên Mã-cao, Tráng chạy vào Nghệ-an, cũng bị quân quân bắn chết.

Tháng tư năm Đinh-hợi, Tri-phủ Diên-châu (Nghệ-an) là Nghuyên-dinh-Lộc đưa quân Pháp đến làng Qui-lai, bắt được nguyên Đốc-học Nguyễn-xuân-Ôn ẩn núp ở đấy, Ôn bị đưa về Huế, ít lâu, bị bệnh chết.

Sau trận Ba-dình, Tống-duy-Tân và Cao-Đạt chạy ra Bắc, đến năm 1889 lại trở về Phanh-hóa hoạt động ở

---

(1) Trận này có cố Thống-ché Joffre, bây giờ là Đại-úy, dù, phải bị thương.

vùng Nông-cống, được hơn một năm, thế cùng lực kiệt, bị bắt và xử chém.

Ở Bắc-kỳ, quân Pháp chia nhau đi đóng đồn, đánh dẹp, quan quyền Kinh-lược Nguyễn-trọng-Hợp cũng phái quan đi hiểu-trắp các nơi.

Đầu năm Đinh-hợi, quân Bãi-sậy tràn qua phia đông bắc, Nguyễn-trọng-Hợp tâu xin cho Hoàng-cao-Khai, Tuần-vũ Hưng-yên kiêm chức Tiêu-vũ Sứ để đem quân đi đánh. Về sau, Nguyễn-thiện-Thuật sang Tàu, Tạ-Hiền bỏ trốn, dư đảng yếu lẩn.

Ở Bắc-ninh có Nguyễn-Cao làm Bố-chánh triều Tự-Đức, khi Bắc-kỳ có việc, bỏ về, cử họp dân dỗng để chống cự với quân Pháp, Sau khi hai nước nghị hòa, ông mới giải binh, Tháng tư năm Đinh-hợi, quân Pháp bắt được ông, ông lấy móng tay móc bụng lòi ruột, quan Pháp đem đến nhà thương buộc thuốc, ông cắn lưỡi và không ăn uống, họ đem giao ông cho nhà Kinh-lược kết án trảm quyết, ông ta đã chết nhưng vẫn phải đưa ra pháp-trường trảm quyết.

### Vua Hàm-nghi bị bắt

Từ mùa xuân năm Đinh-hợi, sau khi bắt được Nguyễn-phạm-Tuân, đến đầu năm Mậu-tí, mấy toán quân Pháp tìm kiếm vua Hàm-nghi không thu được kết quả gì.

Bấy giờ, chung quanh miền vua ẩn, bọn Lê-Trực và Tôn-thất-Đạm, nay lùng chô này, mai tuần chô khác gần bên vua thì có Tôn-thất-Thiệp phòng giữ rất nghiêm

mật, thề sống chết không để cho quân Pháp bắt được ngoài,

Bỗng có mấy người ra đầu, mách với quân Pháp rằng muôn bắt được vua Hàm-nghi thì phải mưu với tên Trương-quang-Ngọc, nó là dứa tiểu nhân, có thể mua lòng được. Quan Pháp bèn viết thư cho nó nhưng không được thư trả lời. Vừa có những kỳ dịch các làng ở thượng-du về thú, quan Pháp gửi đưa cho nó mấy hộp thuốc phiện và mấy bao gạo trắng và nhờ nó dỗ vua Hàm-nghi về. Ngọc trả lời xin sẵn lòng giúp, nhưng phải để thong-thả.

Vào khoảng mùa xuân năm Mậu-tí, có một lần vua Hàm-nghi suýt bị Đại-úy Boulanger bắt được ở Cha-ne (1) mấy tên mọi công vua trốn thoát, vua phải dời đi ẩn nấp khác.

Bấy giờ có người nghĩ đến việc ra đầu thú, một viên quan nhận đứng ra chịu đì điều-dịnh với quan Pháp, bị Tôn-thất-Thiệp bắt chém ngay.

Sau đó, còn mấy người trong đội quân vệ giá bị bắt. Lại có tên Suất-đội Nguyễn-định-Tình hầu cận vua Hàm-nghi ra thú ở đồn Đồng-ca, quan Pháp sai nó đem thư lên dụ tên Ngọc về. Cách mấy hôm, tên Ngọc và tên Tình về tình-nguyện đi bắt vua Hàm-nghi.

Ngày 26 tháng 9 năm Mậu-tí, hai tên này đem vài mươi thủ-hạ đến Ta-bao (1) là chỗ vua đóng. Nửa đêm

---

(1) Tên này và các tên khác nói trong mấy chương về vua Hàm-nghi đều lấy trong sách Pháp nên có viết không được đúng, đây là những tên làng, tên đường mạn thượng-du huyện Tuyên-hóa, tỉnh Quảng-bình.

chúng nó xông vào phòng vua ngủ. Tôn-thất-Thiép nằm kè bên cạnh thấy động, cầm gươm vùng dậy, liền bị một lát dao vào ngực, ngã gục xuống. Một đứa trong bọn ấy ra sau lưng vua, ôm choàng lấy ngài rồi một đứa khác qui trước ngài đọc lá thư của Đại-ý Boulangier xin rước ngài về Kinh.

Sáng hôm sau (3-11-1888), chúng vỗng ngài về đến Cha-mạc, Đại-ý Boulangier cũng đến đấy, đội lính Pháp bồng súng và thổi kèn chào, Ngài không nhìn, không đáp, nước mắt tuôn ra tầm-lã. Rồi người ta đưa ngài về đồn Thành-lạng, đồn Đồng-ca. Đến đây phải nghỉ lại hơn tuần lễ để đợi lệnh bên Pháp. Từ Đồng-ca, ngài đi thuyền xuống Quảng-khê rồi đi luôn đường bộ về đến trạm Thùa-hóa (Cầu-hai, Thùa-thiên).

Được tin vua Hàm-nghi bị bắt, vua Đồng-Khánh sắc tịnh sở tại phái quan đưa ngài về Kinh chiêm cẩn, lại truyền bộ Binh sai quan ra địa-dầu Thùa-thiên nghênh-tiếp, sửa dọn Tiềm-dề, để ngài về ở. Nhưng quan Trú-sứ Rheinart đến thương với viện Cơ-mật rằng quan Pháp đồn ở Quảng-bình điện vào nói tịnh vua xuất-dế không thường, nếu để ngài về Kinh thì ngại lắm, nên để ngài ở chỗ khác một vài năm, đợi trong nước yên lặng cả rồi sẽ rước về. Kỳ thật, bên bộ đã điện qua, định an-tri ngài ở Alger nói để ngài được « nghỉ ngơi cho bù lại những sự thiếu thốn và nhọc-nhăn của đoạn đời phiêu-lưu trong rừng núi » !

Trú-sứ Rheinart vào Thùa-nông thăm ngài, rồi một chiếc ghe đưa ngài từ Cầu-hai đến cửa Tư-hiền. Vua Đồng-khánh cũng sai các quan Cơ-mật Đoàn-

văn-Bình, Lê-Trinh và Pham-tri bộ Công Phạm-Bình là những người biết mặt xuất-đế đến Thuận-an hầu thăm. Từ đấy, người ta đưa ngài xuống tàu La Comète vào Sài-gòn rồi sang tàu Biên-hòa đưa sang Algérie ngày 13 tháng giêng năm 1889. Về khoản chi-phí cho vua Hàm-nghi, lúc ấy nước ta phải chịu mỗi năm 2 vạn quan tiền tây tính là 4.981 đồng và trả lương người bồi hầu mỗi năm 1.200 quan tiền tây, tính là 299 đồng.

Việc vua Hàm-nghi bị bắt cáo chung mọi sự hành động của các quan tòng vong và có ảnh-hưởng lớn đến tinh-thần phản-kháng của các quan cựu-thần.

Tôn-thất-Đạm ở ngàn Hà-tĩnh truyền cho tướng sĩ ra thú rồi viết hai bức thư lời lẽ rất khì-khai, một bức để dâng vua Hàm-nghi xin tha lôi cho mình đã không cứu được vua, một bức để gửi cho quan Pháp đồn ở Thuận-bài xin cho tướng-sĩ mình ra thú. Xong ông nói : « Nếu người Pháp muốn biết ta ở đâu thì vào trong rừng mà tìm mả ta » (1) bấy giờ là ngày tháng 10 năm Mậu-tí (15-11-1888). Hai ngày sau, thuộc-hạ của ông ra đầu thú với Đại-ý Bonlangier ở Đá-cờ. Trong tháng ấy, Lê-Trực cũng đưa đồ-dảng ra thú ở Thanh-lang. Ai nấy đều không chịu lãnh quan chức gì của Chính-phủ bảo-hộ cả, và người Pháp cũng phải nhận rằng trong quần áo tǎ-tơi chúng tỏ cuộc chiến đấu vất-vả trong 3 năm trời, họ vẫn giữ cái vẻ cao-thượng trước kia (2) Các quan Cờ-

(1) Theo ông Gosselin trong sách *le Laos et le Protectorat frs*, thì ông Tôn-thất-Đạm thắt cổ, theo ông Baillé trong sách *Souvenir d'Annam* thì ông uống thuốc độc.

(2) *Le Laos* của Gosselin.

mặt thấy trong lời khâm-cung của ông Lê-Trực có nhiều câu không được khiêm-tốn, có ý muốn bắt tội, nhưng quan Toàn-quyền xin tha cho về yên nghiệp làm ăn.

Còn tên Trương-quang-Ngọc thì được thưởng một số tiền và hàm Lãnh-binh của Triều-dình, tên Nguyễn-dịnh-Tình và thủ hạ cũng được thưởng phẩm hàm và tiền bạc. Chẳng bao lâu, Ngọc bị Phan-dình-Phùng sai người vào giết tại nhà nó.

Tôn-thất-Thuyết là vua Hàm-nghi sau khi thất trận ở Trại-na, nghĩa là 7, 8 tháng sau việc Kinh-thành thất thủ, rồi do đường núi ra Thanh-hóa, ngược sông Mã, lên Lai-châu, qua Vân-nam, yết kiến quan Tồng-đốc tỉnh ấy để cầu nước Tàu cứu-viện. Ông này sai đưa Thuyết đến Quảng-dông, các ông Trần-xuân-Soạn, Ngụy khắc-Kiều cũng theo đến. Tồng-đốc Lưỡng-Quảng có sai cấp cho bọn ông Thuyết mỗi tháng 57 lượng bạc. Năm 1895, Thuyết có dâng thư kêu cầu với vua Quang-tự, kết-cục cũng chỉ được trợ-cấp một số tiền hàng tháng là 60 lượng; số này mãi đến sau khi Dân-quốc thành lập, vẫn trả cho Thuyết được sòng phẳng. Năm 1913, Tôn-thất-Thuyết chết già ở Long-châu. Trần-xuân-Soạn Ngụy-khắc-Kiều đã lia chủ-tướng từ hơn mươi năm về trước.

Tôn-thất-Thuyết cầm quyền chánh, trong chỉ một mục chuyên-chế và tàn-bạo, ngoài không biết phép ngoại-giao, làm đại-tướng thì không biết sức ta sức người, ấy thiệt đã quá phụ chức-trách trong lúc nước nhà gấp bước khó-khăn. Tôn-thất-Thuyết tự đưa vua, đưa nước vào một việc lớn rồi nửa đường bỏ vua, bỏ

cuộc, chỉ cầu yên-ôn một thân lại thiệt không phải là kẻ trượng-phu chút nào cả !

**Những hoạt-động sau cùng của  
đảng Cần-vương  
Phan-dinh-Phùng — Hoàng-hoa-Thám**

Sau khi vua Hàm-Nghi bị bắt rồi, các quan cựu thần người thì ra thú, người thì ẩn núp ở sơn lâm, chỉ có Phan-dinh-Phùng còn kéo dài phong trào Cần-vương ra một thời gian nữa.

Phan về lập đại-đồn ở núi Vũ-quang (tục gọi Ngàn Trươi, Hà-tĩnh) hô hào thân-hào miền bắc Trung-kỳ góp sức vào công-cuộc Cần-vương, nhiều người hưởng ứng.

Vũ-quang là nơi hiểm-hóc, địa thế tiện lợi cho việc dùng binh, mặt trước ngó ra tỉnh thành Hà-tĩnh, mặt sau là rừng núi, có đường qua Lào, Xiêm, lại còn có đường thông với núi Đại-hàm cũng là một dãy núi hiểm-hóc. Ở miền sơn-cước của bốn tỉnh Thanh-hóa Nghệ-an, Hà-tĩnh, Quảng-bình đều có đồn trú của nghĩa binh để tiện việc chống giữ và chuyên chở lương-thực, các đồn trú ấy đều thống thuộc Vũ-quang, nơi Đại Nguyên-suý Phan-dinh-Phùng đóng.Cầm-bá-Thước, một tù-trưởng Mán-rất có thế lực ở miền thượng-du, Thanh-hóa cũng đem quân vào chịu ông sai khiển.

Trong quân đội họ Phan, có một người giỏi võ-nghệ, lăm cơ mưu mà lại có tri-xảo : Cao-Thắng. Sự nghiệp chống Pháp trong mười mấy năm trời của Phan, một phần lớn là nhờ Cao-Thắng. Chính Cao đã bắt chước súng tây mà rèn được 300 khẩu súng

y như vậy. Những súng này đã làm cho một vị võ-quan Pháp, Đại-úy Gosselin người đã dự vào việc đánh dẹp ở Nghệ, Tĩnh lúc ấy, khen phục không tiếc lời. Gosselin có đem máy khẩu về Pháp, các sĩ-quan pháo thủ bên ấy cũng lấy làm lạ rằng không có máy móc mà người An-nam đã chế ra được những súng không khác gì súng kiều 1874 của người Pháp, chỉ vì ruột gà không được mạnh và lòng súng không có rãnh nên đạn bắn ra không xa, không mạnh mà thôi.

Phong trào chống Pháp của Phan càng ngày càng bành trướng, Chánh-phủ bảo-hộ sai đi đánh dẹp trải qua biết bao nhọc-nhăn, hao tổn nhưng không sao trừ diệt được.

Ở Quảng-bình, quân bảo-hộ đóng ở đồn Minh-cẩm, một đồn lập lên hồi vua Hàm-Nghi còn ở đấy, ngăn đường sông Gianh không cho phong-trào họ Phan tràn vào Nam ; ở Hà-tĩnh, quân bảo-hộ đóng trọng-binh ở Lĩnh-thành để tuyệt đường giao thông của nghĩa-quân với đất Bắc. Ở gần làng Đông-thái, họ đóng ở đồn Linh-cẩm để chặn đầu con đường lên Vũ-quang, Đại-hàm là nơi căn bản của Phan.

Trong các đạo quân của Phan-đinh-Phùng, có đạo quân của anh em Cao-Thắng, Cao-Nữu chống đánh dũng-mạnh, hăng-hái hơn cả, đã đánh được quân bảo-hộ nhiều trận kỳ-diệu, làm cho họ mỗi khi nghe nói đến quân Cao-Thắng là phải dè-dặt. Năm Ty (1893) thấy quân thế mình càng ngày càng khá, Cao-Thắng xin Phan cho đi đánh lấy Nghệ-an để làm nơi căn bản. Đánh đến đồn Nỏ thì rủi thay, Thắng bị bắn chết trong trận.

Bấy giờ phong-trào Văn-thân ở các tỉnh đã dẹp yên rồi, người Pháp chỉ còn đối phó với đảng Phan-dinh-Phùng mà thôi, nên chỉ chú mục vào đó. Quan Toàn-quyền De Lanessan sai Hoàng-cao-Khai, người cùng làng với ông Phan, viết thư dụ ông ra hàng, nhưng ông nhất định chống cự cho đến cùng.

Sau quân Pháp vây núi Vũ-quang, Phan giữ thế thủ để kéo dài cuộc kháng chiến, vì vậy cuối năm Ngọ (1894) ông dời về đóng ở núi Đại-hàm.

Tuy từ khi Cao-Thắng từ trần, nội-tinh nghĩa quân suy kém lẩn lẩn, nhưng bề ngoài thì còn chống cự hắn-hoi với quân bảo-hộ cho đi truy tầm. Chính-phủ Bảo-hộ tưởng là thế-lực Phan-dinh-Phùng còn mạnh mà thấy lính tập đánh dẹp lâu ngày không yên được, nên năm Mùi (1895, Thành-Thai thứ 7) thương với Nam-tribu phái Nguyễn-Thân làm Khâm-sai tiết-chế quân-vụ đem 3.000 lính ra tiêu trừ.

Tháng 5 năm ấy, Nguyễn-Thân ra đến nơi. Bấy giờ nghĩa quân đương bị quân bảo-hộ bao vây, công-kích ngắt lăm. Nguyễn-Thân không dùng binh lực để đánh, chỉ dùng cách chặt vây cánh, tuyệt lương thực của nghĩa-quân. Ông chia binh đóng khắp nơi trong hai tỉnh Nghiêng, Tịnh, hễ gặp ai giúp ngầm hoặc tình nghi giúp nghĩa quân thì bị chém ngay. Cách ấy, làm cho Phan-dinh-Phùng lẩn-lút trong rừng núi ở đất Mường phải cõi-dộc, tuyệt lương. Đã vậy, lính bảo-hộ lại theo lùng nã ráo-riết, không dễ cho ông và quân-sĩ nghỉ-nơi được một ngày nào.

Tháng 11 năm Mùi (1895), Phan-dinh-Phùng chết

trong núi Quạt vì bệnh lý. Các tỳ-tướng ra đầu thú, bị giải về Huế rồi chém cả.

Ở Bắc-kỳ, sau khi Tạ-Hiền (Đè Hiền) Nguyễn-thiện-Thuật (Tán-Thuật) bỏ đi rồi, dư-dảng Cần-vương vẫn tiếp-tục hoạt-động.

Các tỉnh Hưng-hóa, Sơn-tây thì có Hoàng-thụy-Kiều (Đè Kiều), Bắc-ninh, Thái-nguyên, Bắc-giang thì ở trong tay Thân.văn-Phúc (Ba Phúc), Thân-đức-Luận (Thống-Luận), Hoàng-hoa-Thám (Đè.Thám).

Lại còn Đốc-ngữ ở Thái-nguyên, Hưng-hóa, Đô-Văn ở Yên-thể, Đốc-Tich ở Hải-dương cũng đã làm cho người Pháp nhiều phen mệt nhọc.

Kiệt-hiệt nhất trong đám quân cầm lá cờ Cần-vương ở Bắc-kỳ lúc ấy là Hoàng-hoa-Thám. Thám là người nhiều mưu trí, cương quyết chống chơi cho đến cùng.

Ông đóng quân ở vùng Yên-thể (Bắc-ninh nay thuộc Bắc-giang), có nhiều tỳ-tướng dũng-cảm, hoạt-động trong các tỉnh Bắc-ninh, Sơn-tây, Vĩnh-yên, làm thiệt hại cho quân Pháp nhiều, mà quân Pháp đánh dẹp mãi cũng không trừ diệt được, Thám quyên tiền, mua quân ở mấy tỉnh này, có khi bắt cóc người Pháp để đòi tiền chuộc, cho nên người ta cho ông cái tên « con hùm Yên-thể ».

Hai bên thương trì đến năm 1894 thì Thám thấy rằng lực-lượng của mình sánh với đối phương sút kém nhiều quá, mà người Pháp thấy dùng binh lực không có kết quả, nên thuận cho ông đầu hàng và để ông cai-trị sáu tổng từ biên-giới Lạng-sơn đến tỉnh-ly Bắc-ninh, gồm 22 làng, được thu thuế các nơi ấy trong hạn ba năm.

Thám về lập đồn ở Phồn-xương, cho bộ-hạ khai đất làm ruộng.

Nhưng Thám chỉ trả hàng, kỳ thật ông lo dưỡng uy súc nhuệ để đợi thời cơ.

Chẳng bao lâu, ông lại cho bộ-hạ sống lại cuộc đời tung-bừng thuở trước. Nhiều người Pháp bị thiệt mạng.

Lần này, nhà cầm quyền Pháp dụng tâm tìm cách trừ cho được con hùm Yên-thế. Người ta vây khít lấy sáu lồng của ông. Tí-tướng ông cực-lực chống-chọi, nhưng thế quân Pháp mạnh quá, ông phải lẩn-lút trong rừng núi các tỉnh Bắc-giang, Thái-nguyên, Bắc-ninh.

Năm 1897, Thám lại xin ra hàng và hứa sẽ yên ổn làm ăn, nếu chính-phủ cho mình một khu đất để khai khẩn, quan Toàn-quyền Doumer thấy quân Pháp phải len-lỏi luôn trong rừng núi, thủy thồ không phục, mà bắt được Thám cũng không phải dễ, nên y cho Thám hàng để định cuộc chiến tranh. Thám về lập ấp ở gần Nhã-nam.

Nhưng cái khí-phách hiên ngang không để cho vị anh-hùng họ Hoàng sống một cuộc đời im lặng. Thám thu nạp thêm đỗ-dảng rồi mấy năm sau, lại hoạt động.

Từ năm 1903, 1904 trở đi, có nhiều đám cướp mà người bị bắt đều khai là quân của Đề-Thám hoặc của tí-tướng ông. Quân Thám có lần vây một toán lính tập của Chính-phủ để cướp lấy khí-giới, vây bắn đồn Chủ v.v... Người Pháp phải luôn luôn mang quân đi đối phó với các cuộc biến động ấy, nhưng không tuyên bố là đi đánh quân Thám và bề ngoài vẫn giao thiệp với ông một cách thân thiện. Như thế là vì bấy giờ

Chính-phủ bảo-hộ còn bận nhiều việc, như vụ đầu độc ở Hà-nội, đảng cách-mạng ở Quảng-tây (hai vụ này có Thám nhúng tay vào).

Năm 1909, Chính-phủ bảo-hộ mới lo đến việc quyết diệt trừ Đề-Thám. Người ta phải phái nhiều đoàn quân chia nhau nhiều ngả để đồng thời công-kích các nơi đóng quân của ông và tì-tướng ông. Phải rất vất-vả mới hạ được các đồn lũy mà ông xây đắp rất kiên cố trong 12 năm trá hàng này. Kết cuộc, Thám phải thua chạy vào rừng. Lần lần, các tì-tướng người thì bị tử trận, kẻ thì ra hàng.

Thám có một người bạn tên Lương-tam-Kỳ, người Tàu, tàn quân của đảng Thái-bình, ở miền Thái-nguyên, Tuyên-quang. Chính-phủ bảo-hộ xuất ra một số tiền lớn nhờ Lương treo giải thưởng cho người nào bắt hoặc chém được Thám. Lương cho mấy người giả vào đảng rồi chờ khi Thám ngủ chặt dầu Thám đem nạp ở đồn Nhã-nam (1913).

Ở Bắc-kỳ, Hoàng-hoa-Thám là lãnh tụ Cần-vương hạ cờ sau hết, các đồng-chí khác như Hoàng-thúy-Kiều, Thân-văn-Phúc, Thân-đức-Luận đã ra hàng từ trước.



## CHƯƠNG THỨ BA

---

### NGƯỜI PHÁP TÔ-CHỨC TRUNG, BẮC-KỲ

---

Các hòa-ước 1883, 1884 đều theo một nguyên-tắc là chia lia Trung-kỳ và Bắc-kỳ. Theo hòa-ước 1884, ở Trung, quan ta được tự-do cai trị, người Pháp chỉ được đi lại, mua bán, tạo mãi động-sản và bắt động-sản ở các cửa bể đã khai thương, còn muốn đi đến các nơi khác thì phải xin phép.

Ở Bắc, quan ta tiếp tục cai trị, nhưng dưới quyền kiểm-soát của những viên Trú-sứ Pháp. Quan viên Việt-Nam nào mà nhà cầm quyền Pháp xin cách chức thi phải bị cách chức. Việc thu thuế khóa, sử dụng thuế khóa cũng phải do các Trú-sứ Pháp giám thị. Trong khắp địa-hạt Bắc-kỳ, người công-dân, thuộc dân Pháp được tự-do đi lại, buôn bán, tạo mãi động-sản và bắt động-sản.

Như vậy, ở Bắc-kỳ người Pháp được tự-do, tự-tiện chẳng khác nào trên đất Pháp vậy. Họ còn cầm đầu tài-chánh (khoản 11, 12), chỉ huy về mặt chánh-trị (khoản 15), và giám đốc bộ máy hành-chánh (khoản 6 và 7), nhà cầm quyền Việt-nam chỉ còn quyền chỉ định nhân viên, và tuân theo họ mà thôi.

Tuy nhiên trong sự thi-hành hòa-ước, hai bên không khỏi gặp nhiều điều đê-ngô. Bởi vì, một bên; Triều-

dinh Huế bổ nhiệm các viên-chức, lại phải bãi cách cách những viên-chức mà nhà cầm quyền Pháp yêu cầu bãi cách ; một bên, viên-chức ấy do các Trú-sứ Pháp điều khiển và kiểm-soát, các Trú-sứ ấy chỉ tường trình công việc lên vị Tông Trú-sứ (Résident général) ở Huế, và như vậy, mọi quyền bính đều tập-trung ở Huế, và các Trú-sứ ở Bắc-kỳ việc gì cũng phải đợi viên Tông Trú-sứ định đoạt, nên không khỏi thấy bất tiện.

Vì thế, sắc lệnh ngày 27 tháng giêng năm 1886 của Tống-thống Pháp đặt cho Bắc-kỳ, Trung-kỳ mỗi xứ một chức Đại Trú-sứ (Résident supérieur), hai thượng quan này đều phải giúp đỡ viên Tông Trú-sứ.

Còn vấn đề quan lại Việt-nam thì Paul-Bert sẽ giải quyết với triều-dinh Huế. Viện những lý do y như những lý do đã khiến phải đặt một chức Đại Trú-sứ ở Bắc-kỳ, Paul Bert vào yết vua Đồng-khánh để xin trao-chút quyền bổ nhặt quan lại còn lại ấy cho một thượng-quan Việt-nam đóng ở Bắc-kỳ.

Dụ ra ngày 2 tháng 5 năm Đồng-khánh nguyên niên (3-6-1886) thiết lập chức Kinh-lược Bắc-kỳ, cho chức này được thay mặt vua mà tư tiện làm việc, rồi mỗi năm một vài lần tàu về cho vua biết (1)

---

(1) Vị Kinh-lược đầu tiên là ông Nguyễn-hữu-Độ được quyền hạn rộng-rãi, thay Triều-dinh, nắm cả quyền hành chánh. Sau khi ông mất, tháng 3 năm Thành-Thái nguyên-niên, Phụ-chánh phủ định lại quyền hạn cho nha Kinh-lược chỉ làm việc giao-thiệp hình án, lễ nhạc, và đại khái là làm trung gian để tư các việc hành-chánh của các tỉnh về Kinh và quan Đại Trú-sứ, ban bố hiệu lệnh Triều-dinh ra các tỉnh và quan Đại Trú-sứ, còn muốn làm việc gì khác thì phải bẩm mệnh Triều-dinh đã.

Từ đó Bắc-kỳ đứng riêng biệt hẳn và không còn dính dáng gì với Triều-dinh bao nhiêu nữa.

Ở Trung-kỳ, từ năm Bính-luất, người Pháp đặt Trú-sứ ở Bình-thuận, Qui-nhơn, Thanh-hóa ; — Xuân-dài (Phú-yên) có Phó Trú-sứ phụ thuộc Qui-nhơn ; Vinh, Đồng-hới có Phó Trú-sứ phụ thuộc Thanh-hóa ; Đà-năng thuộc Huế.

Năm sau, Đinh-hợi, sắc-lệnh ngày 17 tháng 10 năm 1887 của Tổng-thống Pháp đặt Toàn-quyền phủ (Gouvernement général) để thống-trị cả Nam-kỳ, Bắc-kỳ, Trung-kỳ và Cao-mèn. Liên-hiệp Đông-dương ấy thuộc quyền bộ Thuộc địa. Chức Tổng Trú-sứ ở Huế bãi bỏ. Chức Đại Trú-sứ Trung-kỳ phải tuân mệnh lệnh của Vị Toàn quyền là đại-diện tối cao của nước Pháp ở đây.

Vị Toàn-quyền tiên là ông Constans đến nhậm chức ở Sài-gòn ngày tháng 10 năm Đinh-hợi (15-11-1887).



# THIÊN THÚ NĂM

## CHƯƠNG THỨ NHẤT

---

### CHÍNH-SÁCH VÀ NHỮNG THỰC-HIỆN CỦA PHÁP TRẢI QUA CÁC TOÀN-QUYỀN

---

Ban đầu, Nam-kỳ là một Thuộc-địa riêng biệt, đặt dưới quyền một viên Toàn-quyền trực-thuộc bộ Hải-quân và Thuộc-địa của Chánh-phủ Pháp, còn Trung, Bắc-kỳ đất bảo-hộ, thuộc-bộ Ngoại-giao.

Đến năm 1887, sắc-lệnh ngày 17 tháng 10 của Tông thống Pháp đặt Nam-kỳ, Trung-kỳ, Bắc-kỳ, và Cao-mên dưới quyền bính-một viên Toàn-quyền (năm 1900 thêm Ai-lao và Quảng-châu-loan) thuộc bộ Thuộc-địa, thay mặt Chánh-phủ Pháp mà định đoạt mọi việc. Toàn-quyền đầu tiên là ông Constans.

Liền sau khi hòa-ước bảo-hộ Trung, Bắc-kỳ ký-kết; người Pháp nêu lên vấn-đề cai-trị xứ này. Cai-trị cách nào? Người thì bàn nên dùng chính-sách hợp-tác (association), kẻ thì muốn dùng chính-sách đồng-hòa (assimilation). Duy trì, phục hồi những chế-dộ của Việt-Nam

dễ cho nước này giữ được cá-tính, ấy là ý muốn của hạng người trên ; ban hành những chế-dộ lần lần giống với chế-dộ của Pháp, ấy là ý muốn của hạng người dưới. Hàng trăm quyền sách, hàng trăm bài diễn văn, bài báo đã đem hai ý kiến ấy ra bàn cãi sôi nổi trong một thời-gian. Tổng Trú-sứ đầu tiên, ông Paul Bert (1886) và Toàn-quyền Lanessan (1891-1894) có ý khuynh về chính sách trên. Paul Bert trọng dãi hạng trí-thức nho sĩ, lập Hội-dồng Hào-mục gồm 40 thán-sĩ để giúp ý-kiến về các vấn-dề nội-trị. Mặc dầu thế, người Pháp chưa gày được thiện-cảm với quan lại Việt-Nam, họ chưa vui vẻ hợp-tác với người Pháp nên việc cai-trị không đem lại kết quả tốt. Năm 1891 quyền Toàn-quyền Bideau đã viết : « Tình-hình chính-trị ở Bắc-kỳ như thế (có nhiều khuyết điểm) là do thái độ thụ-dộng của các nhà chức trách Việt-Nam, họ đã bị các Trú-sứ của ta không đếm xỉa đến, họ chán nản, bất bình vì những phương pháp vụng-về ấy. » Toàn-quyền Lanessan bèn tìm cách gây cảm-tình với người Việt-nam và trao-lại cho quan lại ta uy-quyền để họ làm việc, đổi dãi với họ theo lẽ phép và phong-tục của xứ sở, nhiều khi làm lễ khánh-thành long trọng các đền chùa. Chính sách ấy làm cho đa số các viên cai-trị Pháp và các giáo-đoàn e sợ, nên họ vận-động cho ông phải bị triệu hồi (1).

Bấy giờ đảng Cần-vương còn hoạt-động, nhà cầm-quyền phải dùng chế-dộ quyền-uy. Công cuộc bình-định tốk kém nhiều quá, nhiều hơn cuộc chinh-phục nữa. Chỉ năm 1888, người Pháp phải tiêu 33 triệu phật-lăng cho quân-đội, 10 triệu cho thủy-quân. Ở Bắc-kỳ, chánh-

---

(1) Theo Chesneau trong *Contribution à l'histoire du Viêt-nam*

quyền phải tăng thuế. Thuế định từ 14 xu lên 4 hào, thuế điền-thổ tăng gấp đôi. Tổng cộng số thuế trực thu năm 1896 bằng hai số thu năm 1888 (năm 1888 là 1.235.000\$, năm 1896 là 2.995.000\$). Năm 1887, Paul Bert đã phải cho lãnh trưng sòng bạc công khai, mặc dầu giới thân hào Việt-Nam phản đối. Đồng thời, thuế thương-chánh (quan thuế) cũng tăng lên rất cao.

Ở Nam-kỳ, chánh-quyền thuộc-địa đã sửa đổi chế-độ tiền-tệ, lấy bạc làm bản-vị, lấy đồng bạc làm tiền chính. Từ năm 1875, Đông-dương ngân-hàng được độc-quyền phát hành giấy bạc. Tuy Trung, Bắc-kỳ là xứ bảo-hộ, chưa mất quyền phát hành tiền tệ, nhưng cũng buộc phải theo chế-độ mới ấy, các thứ tiền đồng tiền kẽm, thoi bạc, thoi vàng cũ vẫn còn lưu hành trong dân-gian, nhưng không được công-nhận. Từ trước, ở Việt-chỉ lưu hành đồng bạc Mẽ-tây-cơ (piastre Mexicaine) nặng 27 g 073, thành-sắc 0, 902. Năm 1895, Chính-phủ Pháp bắt đầu chở vào đồng bạc Đông-dương đúc ở Paris, nặng 27 g, thành-sắc 0, 900. Chế-độ tiền tệ ngân bản-vị ấy làm cho đồng bạc đổi với đồng phật-lăng giá thay đổi, lên xuống luôn, gây khó-khăn, phức tạp trong việc giao dịch thương-mãi với nước Pháp và ảnh hưởng không tốt đến đời sống người Việt-nam. Nhà Đông-dương ngân hàng vì hưởng được nhiều điều-kiện thuận lợi nên thịnh vượng rất mau, lần-lần trở nên cân não của kinh-tế Đông-dương, giúp đỡ cho sự sinh hoạt của các xí-nghiệp Pháp rất nhiều.

Năm 1888, Toàn-quyền Richaud viện khoản 18 của Hòa-ước 1884, đòi Nam-triều nhượng đất-dai ở các hải

cảng. Dụ ngày tháng 8 năm Mậu-Tí (3-10-1888) đặt ba thành phố Hà-nội, Hải-phòng Đà-nẵng làm nhượng-dịa, cho người Pháp được tự tiện kinh-lý và cai-lị.

Năm 1894, Hội-đồng Bảo-hộ ở Trung, Bắc - kỳ thiết-lập.

Dưới đời Toàn-quyền Rousseau (1895-1896), chức Đại Trú-sứ Bắc kỳ bãi bỏ, vị Toàn-quyền kiêm cả chức này. Một chức Phó Toàn-quyền (Secrétaire général au Gouvernement général) được đặt ra.

Từ năm 1895, ở Bắc-kỳ, công-cuộc bình-dịnh có kết quả, an-ninh lần lần phục hồi ; năm sau, Chánh-phủ Pháp cho Trung, Bắc-kỳ vay 80 triệu để giải quyết tình hình kinh-tế và thực-hiện một chương-trình công-tắc.

Đầu năm 1897, ông Paul Doumer bổ làm Toàn-quyền Đông-duong (1897-1902). Với Paul Doumer, lịch-sử thuộc-quốc Việt-Nam sẽ bước sang một giai-doạn mới. Chính Toàn-quyền này đã đặt ra cơ-sở cho guồng máy thống-trị và tề-chức khai thác Đông-Dương, cơ-sở ấy được giữ cho đến năm 1945.

Chương-trình của Paul Doumer là tập trung quyền các xứ vào tay Toàn-quyền, cấp cho các xứ cơ-khí cần thiết để khai thác các nguồn lợi, biến Đông-duong thành thị-trường của kỹ-nghệ và thương-mãi Pháp, tăng cường bộ đội và hải quân ở đây, để Đông-duong trở thành một căn-cứ vững chãi về chính-trị và kinh-tế của Pháp ở Viễn-dông.

Từ khi đặt chức Toàn-quyền (1887), chức này, thật sự, chỉ lo nhiệm-vụ của chức Đại Trú-sứ Bắc - kỳ,

còn đối với các xứ khác (Trung-kỳ, Cao-mên) và Nam-kỳ, chỉ có hư quyền mà thôi. Paul Doumer đặt lại chức Đại Trú.sứ Bắc-kỳ để lo việc Bắc-kỳ, còn chức Toàn-quyền, đại diện nước Pháp, nắm quyền bính thật sự trên toàn cõi Đông-dương.

Ông đặt ra ngành quan-quản thuốc-phieu, rượu, muối, và lập bên cạnh phủ Toàn-quyền những nhà môn chung cho cả Đông-dương, như nha Tông Giám-đốc quan-thuế và quan-quản-thuế, nha Tông Giám-đốc Bưu-diện và Điện-thoại, nha Tông Giám-đốc Nông-lâm-chính và Thương-mãi (nha này sẽ bãi bỏ mấy năm về sau). Năm 1898, ngân sách chung cho Đông-dương được thiết lập, Liên-hiệp Đông-dương (Union Indochinoise) từ đó có phương-tiện để hoạt-động vậy.

Rượu, thuốc phiện đều do nhà nước độc quyền chế ra và bán. Nhưng độc quyền về rượu giao cho một công-ty Pháp lãnh trống. (Société Française des Distilleries d'Indochine), ta thường gọi công-ty Fontaine, lãnh trưng rượu, cổ-phần gồm có nhà Đông-dương ngân-hàng, ông Maurice Long, Toàn-quyền tương-lai của Đông-dương và nhiều nhân-vật cao cấp trong chính-quyền năm 1904 ký với Chánh-phủ một giao kèo nhờ đó mỗi năm thu được một số tiền lời là 2.300.000 phật lăng, trong khi vốn của công-ty chỉ là 3.500.000 phật lăng) Muối thì vẫn để cho các diêm-hộ làm ra, nhà nước được độc quyền mua lại và bán ra. Ba món thuế quan-quản ấy đã đem lại cho công quỹ những món thu vào quan trọng, và cùng quan-thuế, hợp làm ngân sách chung, còn những thuế-trực thu cung cấp cho ngân-sách của mỗi

xứ. Thống-dốc Nam-kỳ và Hội đồng thuộc-địa từ trước vẫn như đứng riêng rẽ, nay vì sự thành-lập các nhai-môn chung, nên quyền hành bị giảm bớt. Tài-chính đã có cơ - sở vững-vàng rồi, Paul Doumer lo thực-hiện chương-trình cung-cấp dụng-cụ và phương-liện để khai-thác các nguồn-lợi. Với thêm 200 triệu Chánh - phủ Pháp cho vay, ông làm đường bộ, đường xe lửa Hà-nội — Lạng-sơn — Hải-phòng — Vân-nam, trang bị các hải-cảng Sài-gòn, Tourane, khởi công con đường xe lửa xuyên Đông - dương, xây cầu Paul Doumer, một công-trình khá đẹp mắt.

Tư-bản của các công-ty Pháp đã đưa sang Bắc-kỳ để khai-thác các mỏ và lập những kỹ-nghệ tân-thức, như công-ty khai mỏ Hồng-gai, Đông-triều (1888), nhà máy sợi ở Nam-dịnh, Hanoi (1894), nhà máy làm xi-măng ở Hải-phòng (1899) từ đó phát-triển thuận-liện nên lôi kéo thêm nhiều nhà kinh-doanh khác sang.

Từ khi Doumer mở đường cho sự khai-thác thực-dân địa, tư-bản Pháp tiếp-tục đưa sang kinh-doanh. Chánh-sách của Pháp là nâng đỡ tư-bản ấy bằng đủ cách. Các nhà kinh-doanh, thương-mãi, kỹ-nghệ, khai mỏ, trồng trọt được hưởng mọi sự dẽ-dai về thuế-lệ, về thuế khóa, Việt-nam bị coi như là lãnh-thổ Pháp, nên từ năm 1892, ngạch quan-thuế ở Pháp đem áp-dụng ở đây, sản-phẩm kỹ-nghệ Pháp nhờ thế được gần như độc quyền trên thị-trường Việt-Nam, hàng-hóa các nước khác phải chịu quan-thuế nặng quá, không cạnh tranh nổi.

Trong thời-kỳ đầu tiên, từ năm 1888 đến năm

1920, phỏng 500 triệu phật-lăng của các công-ty Pháp đã phóng túc ở đây. Các công-ty ấy chỉ nhắm mục đích thu được nhiều lời và thu mau chóng để chia cho cổ-phần, nên chỉ tiêu-thụ sản-phẩm kỹ-nghệ của họ, hoặc khai-thác những sản-vật có thể xuất-cảng ngay được như than đá, quặng mỏ, cao-su, vì vậy họ không nghĩ đến việc kỹ-nghệ-hóa xứ này là việc không chắc hoặc lâu có lời mà lại gây ra một kẻ cạnh-tranh với kỹ-nghệ họ nữa.

Một số tư-bản ít hơn dành cho ngành canh nông. Chánh-phủ Bảo-hộ đã ban hành một chế-độ điền-địa dễ-dàng cho các thực-dân Pháp chiếm hữu đất dai để lập đồn-diền. Năm 1888 một nghị-định cho phép người Pháp được chiếm lảnh đất hoang để khai-khẩn, 3 năm sau sẽ chịu thuế. Jean Dupuis, tên đã cùng Francis Garnier gây rỗi với ông Nguyễn-Tri-Phương trước kia, được lảnh 25.000 mẫu tây ở vùng Kế-bào, Bourgoin và Meiffre được 2.300 mẫu (nhưng thực-tế đã choán 8.000 mẫu). Từ năm 1890 đến năm 1896, 32.202 mẫu tây đất ruộng đã cấp theo những điều-kiện ấy ; từ năm 1897 đến năm 1901 thêm 155.449 mẫu nữa. Các đất dai ấy hoặc là thuộc công-thỗ quốc-gia, hoặc của các làng bán lại với một giá rẻ, hoặc của người dân quê vì chiến-tranh phải bỏ làng di lánh nạn, đến khi trở về thì thấy đất mình đã bị chiếm mất rồi, không biết kêu ca vào đâu, dành phải chịu bỏ đi nơi khác nếu không muốn ở lại làm tá điền cho chủ mới.

Sau khi đặt lại chức Đại Trú-sứ ở Bắc-kỳ, Paul Doumer yêu cầu vua Thành-Thái ra dụ (ngày 26-7-1897,

Thành-Thái năm thứ 9) giao quyền hành của quan Kinh-lược cho Đại Trú.sứ ấy. Như vậy, người Pháp nắm nốt tất cả phần quyền hành-chánh ở Bắc-kỳ còn lại trong tay Triều-dinh Huế theo hòa-ước 1884, nhà vua chỉ còn quyền ban phầm-hàm và phong sắc-thần mà thôi.

Đối với Trung-kỳ, để kiểm soát chặt-chẽ hơn, cũng trong năm ấy, Paul Doumer yêu cầu vua Thành-Thái ra dụ (27-9-1897) bãi-bỏ Hội-đồng Phụ-chánh, và nhận rằng trong các phiên-hợp của viện Cơ-mật (Hội-đồng Thượng-thư) mà không có Hoàng đế dự thì viên Khâm-sứ (1) ở Huế chủ tọa. Hơn nữa, các dự thảo Dự phải được vị đại-diện của Chánh-phủ Bảo-hộ hợp ý rồi mới dâng lên châu-phê. Năm sau, cũng theo lời yêu cầu của Toàn-quyền, một đạo Dự khác (15-8-1898) giao cho Chánh-phủ Bảo-hộ quyền quản-trị tài-chánh của Trung-Kỳ, Chánh-phủ ấy sẽ trao lại hằng năm một số tiền bằng số Nam-triều đã thu được trước kia. Rồi bên cạnh mỗi Bộ của Nam-triều, lại đặt một viên quan Pháp gọi là Hội-lý, mọi quyết-định của Bộ phải được Hội-lý thỏa-thuận rồi mới tư sang tòa Khâm.

Như vậy, không khác chi ở Bắc-kỳ mấy, ở Trung-kỳ việc chánh-trị, hành-chánh, tài-chánh đều thuộc quyền người Pháp, hòa-ước 1884 đã bị bỏ rất xa vậy.

---

(1) Theo *tổ-chức hành-chánh* của Pháp thì *Đại-diện* của Chánh-phủ Pháp ở Bắc-kỳ, ở Trung-kỳ đều gọi là *Résident Supérieur*, Thủ-hiến Nam-kỳ gọi là *Gouverneur de la Cochinchine*. Về sau ta thường nghe gọi *Résident Supérieur* ở Bắc là *Thống-sứ*; ở Trung là *Khâm-sứ*, Thủ-hiến Nam-kỳ là *Thống-đốc*, không biết các danh-từ ấy ra đời từ thời nào, có lẽ từ thời Doumer phân cách 3 xứ một cách rõ ràng chăng?

Paul Doumer đã đánh một đòn trí mạng vào chủ quyền và nền thống-nhất của Việt-nam, làm cho ba kỳ phân cách rõ rệt. Từ đó, Triều-định Huế không thực quyền, không tài chánh, không thể còn chấn tác gì được. Vua Thành-Thái uất-ức, thường tỏ thái-độ của một người bất đắc-chi, nên mấy năm sau bị Toàn-quyền Beau buộc phải thoái vị.

Giành quyền quản trị tài-chánh Trung-kỳ rồi, cũng trong năm ấy, Chánh-phủ Bảo-hộ yêu cầu vua Thành-thái xuống Dụ các làng phải đạc lại diền-thổ, bắt ép phải gia thặng diện-tích, đồng thời thi hành các thứ thuế mới, và đổi cách nộp thuế định bằng bạc.

Tóm lại, thời Toàn-quyền Paul Doumer là thời kiến-thiết được nhiều mà cũng là thời thuế khóa rất nặng-nề cho người Việt-nam. Trong ba kỳ, các thứ thuế đều tăng giá rất nhiều, ở Trung, Bắc-kỳ, ngoài các thuế về ngành quan-quản, còn các thứ thuế mới như thuế chợ, thuế dò, thuế kiểm-lâm, thuế con tem v.v... Các ngân sách cao vọt lên, ngân sách chung năm 1899 là 20 triệu đồng, năm 1903 lên 32 triệu ; số thu nhập của Trung kỳ hàng năm trước khi Doumer can thiệp là 83.000 đồng, năm 1899 lên 2 triệu đồng. Ở Bắc-kỳ thuế định-diền, từ năm 1896 đến năm 1907 đã tăng gấp đôi với số thu 4.909.000 đồng.

Nam-kỳ từ năm 1862 đã tách khỏi Việt-Nam và sống riêng biệt.

Trong 20 năm đầu, thuộc-dịa do các Đô-đốc làm Toàn-quyền. Việc cai-trị nhân-dân giao cho các sĩ-quan thủy-quản biệt phái, đến năm 1873, mới giao cho các

viên chức cai-trị chuyên môn. Ông Le Myre de Villers, vị quan văn đầu tiên làm Thống-đốc năm 1879, bắt đầu thi-hành chánh sách đồng-hóa. Hai hòa ước 1862 và 1874 ký rồi, nhân-dân Nam-Kỳ vẫn tiếp tục kháng-chiéng, công cuộc bình-định tốn kém nhiều, nên các Đô-đốc đã phải tăng thuế, thuế ruộng mỗi mẫu tây 6 phật-lăng tăng lên 11 phật lăng, và Đô-đốc Charner phải mở sòng bạc công khai, Đô-đốc Bonnard đặt ra thuế rượu, thuốc phiện. Khi người Pháp mới đến, Nam-kỳ chỉ trả 2 triệu phật lăng thuế, năm 1867 trả 5.375.000 đồng, năm 1879 gần 20 triệu và đến năm 1887 lên 35 triệu.

Nam-kỳ thuộc Pháp trước Trung, Bắc-kỳ 20 năm, và theo chân các đoàn quân viễn chinh đã có những nhà thương-gia Pháp đem vốn sang. Ban đầu, họ liên hợp với người Hoa-kiều để kinh-doanh và đã thu được lợi lớn trong các ngành xuất cảng gạo, tậu ruộng đất chung quanh Sài-gòn. Lần lần các xưởng kỹ-nghệ tân thức xuất hiện ở Sài-gòn, Chợ-lớn, hải cảng Sài-gòn mở mang, ngoại thương phát triển.

Thực-hiện quan-trọng nhất của người Pháp ở Nam-kỳ là sự khai thác các đất đai hoang-vu, nhất là ở miền tây, làm cho diện-ích càc cấy, trồng trọt mở rộng, nhờ đó Nam-kỳ được thịnh vượng. Muốn khai thác đất đai ấy, trước hết phải có đường giao-thông. Ở đây, người Pháp đã mở thủy đạo, tức là vét rạch, đào kênh, Từ năm 1866, họ đã bắt đầu cho tầu vét sông vét lại nhiều rạch, sông, để tiện tiến về miền tây. Từ năm 1893, công việc ấy mới thu được kết quả quan trọng, đào được nhiều con kênh lớn ở miền hậu-giang, hoặc kênh xuôi tháo nước ra vịnh Xiêm-la để tránh nạn ngập nước,

hoặc kênh ngang để nối các kênh xuôi ấy lại. Từ năm 1866 đến 1938, đã đào được 250 triệu thước khối. Các đường giao-thông ấy mở đến đâu là dân-chúng liền đồ xô tới khai-khǎn, canh-tác, xây cất nhà cửa, trồng vườn tược, lập ra làng xóm. Diện-tích ruộng của Nam-kỳ năm 1938 cao lên gần tám lần diện-tích năm 1868. Sự sản-xuất, gạo xuất-cảng, theo sự mở rộng diện-tích khai thác mà tăng gia. Gạo xuất-cảng ấy vừa nâng cao mức sống của người dân quê Nam-kỳ, vừa trở thành một món hàng trao đổi quí báu cho ngành nhập cảng của Đông-duong.

Nhờ chế-độ thô.-địa của Chánh-quyền thuộc-dia, người Pháp được tư-hữu nhiều ruộng ở miền tây và những vùng đất đỏ, đất xám để lập thành những đồn-diền cao-su, cà-phê rộng lớn.

Mấy Toàn-quyền sau Paul Doumer như ông Paul Beau (1902.1908), ông Klobukowski (1908.1911) cũng có ý sắp đặt lại cách cai-trị, Phong-trào Đông-du phát sinh, nhiều thanh-niên Việt trốn sang Nhật cầu học, Toàn-quyền Beau lập trường Đại-học để kìm hãm cuộc xuất ngoại. Ở Bắc-kỳ, ông lập các Hội-đồng Tư-vấn Bắc-kỳ, ông lập các Hội-đồng tinh-hạt, Hội-đồng Tư-vấn Bắc-kỳ, lựa hội viên bằng cách đầu phiếu hạn-chế. Nhưng nhiều sinh-viên trường Đại-học tỏ ra là những kẻ tuyên-truyền cách mạng, còn các Hội-đồng kia, trong cuộc chống thuế của dân chúng năm 1908, cũng phụ họa một cách rụt-rè. Toàn-quyền Klobukowski đóng cửa Trường Đại-học và bãi-bỏ các Hội-đồng.

Những cuộc biến động năm 1908 khiến dư-luận Pháp để ý đến tình-trạng ở Việt-Nam. Năm 1911, Chánh

phủ Pháp đề ra một chương-trình cải-cách, và bồ Ông Albert Sarraut, một nghị-sĩ trẻ tuổi, sang làm Toàn-quyền để thi-hành Ông Sarraut tuyên bố một chính-sách hợp-tác và thực tâm làm đúng hai chữ bảo-hộ.

Từ thời Toàn-quyền Doumer, quyền bính tập trung cả ở trung-ương, trong tay vị Toàn-quyền, cách tổ chức ấy bị công kích nên sắc-lệnh 20.10.1911 của Tổng-thống Pháp quyết định một sự phân quyền cho các địa-phương, để các chức Thống-đốc Nam-kỳ, Khâm-sứ Trung-kỳ, Thống-sứ Bắc-kỳ được tự ý xử đoán về những vấn-dề hành-chính, kinh-tế, trị-an.

Trường Đại-học lập lại, việc hành chánh được cải hướng, các cấp giáo-dục đều mở mang thêm, sự đại-diện của người Việt-Nam trong các Hội-đồng nói rộng. Chính sách ấy bị người Pháp ở đây phản đối dữ dội, nhưng đã làm cho người Việt tin tưởng và hy-vọng. Nhờ đó, trong cuộc Âu-chiến 1914-18, có đến 100.000 người Việt-Nam tình-nguyễn sang Pháp làm lính, làm thợ, và những cuộc lạc-quyên quốc-trái, bán phiếu quốc-phòng (bons de défense) của Pháp thu được kết-quả tốt ở khắp các tỉnh : từ năm 1915 đến năm 1920, quốc trái thu được 367 triệu phật-lăng, và phiếu quốc-phòng mấy trăm triệu nữa. Hơn thế nữa, Chánh-phủ Pháp có thè triệu hồi quân đội ở đây về dự chiến, chỉ để lại Đông dương 2.500 lính mà Việt Nam vẫn được yên ổn.

Năm 1917, Sarraut lại trở qua làm Toàn-quyền lần nữa. Ông vẫn tiếp tục dùng những bài diễn-văn, những lời hứa hẹn ngọt ngào để nuôi hy vọng của người Việt-Nam. Ông long trọng tuyên-bố rằng chính sách của

nước Pháp ở đây là chánh sách của bản tuyên-ngôn Nhân-quyền, rằng hai nước Pháp, Nam thực-hành một sự trao đổi ích lợi cho cả hai bên, trao đổi về kinh tế về ánh-hưởng tinh-thần và chính-trị : nước Pháp đem cho nước Nam văn minh mới, bù lại nước Nam sẽ là căn cứ để nước Pháp đem lại ánh sáng và gây ảnh hưởng ở Đông-Á.

Cuộc thắng trận của Pháp đã tăng thêm uy-thể và gây ảnh-hưởng tốt cho họ ở đây. Nhiều người Việt-Nam tin rằng Chánh phủ Pháp sẽ thay đổi chế-độ cai-trị cho hợp với nguyện-vọng của nhân-dân hơn.

Tưởng nước Pháp nghĩ đến công ơn của Việt-Nam đã giúp mình trong cuộc đại-chiến, và nhân bấy giờ Ông Sarraut đã thắng làm Bộ-trưởng bộ Thuộc-địa (từ năm 1919), năm 1922, vua Khải-Định và Thượng-lư Nguyễn-hữu-Bài sang Pháp yêu cầu giao lại quyền hành ở Bắc-kỳ cho đúng với tinh-thần hòa-ước 1884, nhưng không thu được kết quả gì. Và lần lần nhân-dân Việt-Nam cũng thấy rằng những lời hứa hẹn của ông Sarraut cũng chỉ là hão-huyền mà thôi !

Thay ông Sarraut trên ghế Toàn quyền Đông-dương là ông Maurice Long (1919-1923). Ông này cũng có ý tiếp tục một chính sách cởi mở như lập ra mấy ngạch tương đương trong các công sở để thu dụng người bản xứ, đặt Hội-đồng Tư-vấn ở Trung-kỳ, tăng thêm số Nghị-viên người Việt từ lên 10 người trong Hội đồng Thuộc địa Nam kỳ, nhưng bị người Pháp ở đây, trong giới công-chức cũng như trong giới kinh-doanh, phản đối.

Trong khi ấy thì thanh-niên tân-học ra trường càng ngày càng đông và đòi hỏi những chức-vụ trong các công-sở từ trước chỉ dành cho người Pháp. Thế mà ông Martial Merlin, kế vị ông Maurice Long (từ 1923 đến 1925) chủ-trương một chính-sách hép hòi. Năm 1924 ông bị một thanh-niên Cách-mạng Việt-Nam là Phạm-hồng-Thái ám sát hụt ở đất Trung-quốc ; rồi sự tăng-gia thuế điền-thổ làm cho nhân-dân Trung, Bắc kỵ càng thêm bất mãn.

Năm 1924, ở Pháp, Liên-minh tả phái đắc thắng trong cuộc bầu-cử. Năm sau, một Nghị-sĩ xã-hội, ông Alexandre Varenne, được bổ làm Toàn quyền Đông-dương (1925-1928). Vị Toàn-quyền này ý-thức việc nước Pháp phải làm trên phương-diện chính-trị và xã-hội. Ông ân-xá ông Phan-bội-Châu vừa bị Hội-dồng Đề-hình kết án tử-hình, lập viện Dân-biểu Bắc-kỳ, viện Dân-biểu Trung-kỳ, mở rộng các ngạch tương-đương (cadres latérant) trong các công-sở, để cho người Việt và người Pháp có bằng cấp ngang nhau giữ những chức-vụ ngang nhau, ban hành nhiều biện-pháp để bênh vực giới lao-động, lập ra Bình-dân Nông-phố ngàn-quí để giúp đỡ nông-dân. Chính sách ấy làm cho phe thực-dân bất mãn, chúng gây ra một cuộc phản-đối kịch-liệt trên báo chí, khiến ông phải bị triệu hồi.

Năm 1925, Vua Khải-Định mất. Con là Đông-cung Vĩnh-Thụy đương du học ở Pháp được đưa về lèn ngôi, rồi lại trở qua Pháp. Chính quyền Bảo-hộ ép Nam-triều ký hiệp-định giao cho Khâm-sứ Trung-kỳ đảm-nhiệm tất cả quyền hành của vua mới, cử ông Tôn-thất-Hân

làm Phụ-chánh thân-thần thay vua coi giữ việc cúng tế và ban cấp phẩm hàm mà thôi. Ông Nguyễn-hữu-Bài hết sức phản-đối, nhưng vô hiệu. Từ khi vua Thành-Thái, vua Duy-Tân bị tước quyền hành, bị đầy ải, nhân dân tuy cảm kích, nhưng không còn tin tưởng Chính-quyền Việt-nam nữa. Trải qua các triều, trong các đại-thần thì chỉ trừ ông Nguyễn-trọng-Hợp, Nguyễn-dinh-Phác triều Thành-Thái, ông Nguyễn-hữu-Bài triều Khải-Định, Bảo-dại, là còn biết bênh vực quyền lợi của xứ sở, của nhân-dân, và duy-trì thể thống của Triều-dinh, ngoài ra hầu hết chỉ biết mua chuộc cảm tình của nhà cầm quyền Pháp hoặc giữ thái-dộ thụ-động, nên uy tín Nam-triều lần lần suy giảm, nhất là trước mắt giới thanh-niên tân học.

Những cuộc dân-chung nổi dậy ở các tỉnh Nghệ-an, Hà-tĩnh, Quảng-ngãi (Trung-kỳ) và những cuộc đình-công ở Nam-kỳ, Bắc-kỳ trong năm 1930 làm cho dư-luận Pháp đặc-biệt chú-ý đến Việt-nam. Tại Nghị-viên Pháp, các ông Daladier, Varenne, Moutet đọc diễn-văn trình-bày sự nghiêm-trọng của tình-hình chính-trị ở đây và dự đoán những nguy-hiểm sẽ đến. Sau đó, chánh-quyền thuộc-địa cũng có sửa-chữa một dời hà-lạm, cải-tồ và mở rộng các ngạch công-chức, và cùng các công-ty, xí-nghiệp, bắt đầu một chính-sách kinh-tế, xã-hội mới, chú-trọng đến quyền-lợi của các giới.

Năm 1932, vua Bảo-Đại về nước, bỏ hiệp-ước 25.11.1925, chủ-trương canh-cải nước nhà. Một Hội-đồng cải cách được thành-lập. Ngày 10.9.1932, vua ra dụ tuyên-bố thân chính và ý-định cải cách ngạch quan

lại, Tư-pháp, Giáo-dục, Thầy nhân-dân đương hy-vọng, muốn đề-phòng mọi hành-động quá trớn của nhà vua trẻ tuổi, Toàn-quyền Pasquier đặt bên cạnh vua một người tin cậy. Nhà văn-hào Phạm-Quỳnh mà những ý-kiến cải-cách chính-trị không làm cho chính-quyền Pháp e ngại, được trác-dụng làm Đồng-lý Ngự-tiền Văn-phòng, cấp bậc Thượng-thư. Năm 1933, vua thay đổi Hội-dồng Thượng-thư, 5 ông Thượng cao tuổi (các ông Nguyễn-hữu-Bài, Tôn-thất-Đàn, Võ-Liêm, Phạm-Liệu...) phải về hưu, và 5 vị quan trẻ hơn thay thế. Trong các vị sau, ông Ngô-dinh-Diệm, người Công-giáo, bấy giờ là Tuần-vũ Bình-thuận, có tiếng thanh-liêm, giữ Bộ-Lại và Chủ-tịch Hội-dồng cải-cách, Đồng-thời, bãi bỏ bộ Binh, sửa đổi tên gọi các Bộ, như Bộ-Hình đổi là Bộ-Tư-pháp, Bộ Học đổi là Bộ Giáo-dục ; Tư-pháp và Hành-chánh tách riêng, các tòa-án thành-lập ; một số thanh-niên tân-học, tuyển-lựa trong những kỳ thi, bỗ làm Tri-huyện, Tri-phủ, thay thế lớp Huyện, Phủ cựu học. Sau mấy tháng, thấy mình không làm gì hữu-ích được, ông Ngô-dinh-Diệm lại xin từ chức.

Năm 1938, vua Bảo-Đại và Thượng-thư Phạm-Quỳnh sang Pháp bầy tỏ với Bộ-trưởng Thuộc-địa, bấy giờ là ông Mandel, về tình-hình Việt-nam và yêu cầu Chánh-phủ Pháp hợp nhất Trung, Bắc.kỳ cho đúng với hòa-ước 1884. Nhưng rồi vua trở về tay không, không thu được kết-quả gì.

Trong cuộc Đại-chiến thứ nhất, sự giao-thông với Pháp bị cắt đứt, hàng-hóa Pháp không qua được, nên ở Việt-nam các xí-nghiệp đều phát-triển, và nhờ đó

đồng-bạc Đông-dương giữ vững giá, trong khi đồng-phật-lặng sụt giá. Chiến-tranh kết-liêu, thế-lực của nước Pháp thắng trận thêm vững ở đây, nên các nhà tư-bản Pháp đưa vốn sang thêm nhiều. Từ năm 1924 đến năm 1929, số vốn đầu tư ấy lên đến 3 hoặc 4 tỷ đồng-lặng. Các ngành trồng-trọt, khai mỏ, kỹ-nghệ, thương-mại đều tăng-gia hoạt động và thịnh-vượng. Riêng ngành trồng-trọt đồn-diền cao-su, cà-phê mỏ mang rất nhiều. Diện-tích trồng cao-su, từ 30.000 mẫu tây lên đến 126.000 mẫu tây. Từ năm 1927, ở Cao-nghuyên Trung-kỳ nhiều đồn-diền rộng lớn trồng cà-phê, chè, cao-su ra đời. Trong thời-gian này, chính-quyền thuộc-địa thi-hành chính-sách bảo-hộ mậu-dịch thuế-quan đánh vào hàng hóa của các nước khác, nhất là Nhật, tăng cao thêm, nên Việt-nam mua bán với Pháp nhiều hơn các nước láng giềng ở Đông-Á ; Trung-hoa trước kia là kẻ cung cấp chánh của Việt-nam, năm 1929 chỉ đưa đến 7% tổng số nhập-cảng của nước này.

Xảy ra cuộc khủng-hoảng kinh-tế thế-giới, các nhà đồn-diền cao-su, cà-phê, các nhà kỹ-nghệ Pháp đều gặp khó khăn, nhưng rồi họ được chính-quyền thuộc-địa giúp đỡ bằng cách cho vay vốn, cấp những món tiền thường, nên họ vẫn đứng vững và không giảm số xuất cảng. Đồng-thời, những thuế lệ được ban hành để sản-vật Đông-dương bán sang Pháp nhiều hơn, gạo Việt-nam nhân đó tiêu thụ được một số, làm thoái phần các nhà nông Nam-kỳ đương điêu đứng vì nạn khủng-hoảng. Trong thời-gian ấy, chế-dộ tiền-tệ được canh-cải : một sắc lệnh của Tổng-thống Pháp qui định đồng-bạc Đông-dương là 655 milligam vàng, theo thành-sắc

0,900, tức là theo giá 10 phật-lăng. Đông-dương bỏ ngân-bản-vị mà theo hư-kim-bản-vị. Cũng năm ấy một sắc-lệnh khác cho đúc đồng bạc Đông-dương mới, nặng 20gr, thành-sắc 0,900, nhưng đồng bạc này chỉ có tính-cách tin dụng mà thôi. Dân chúng phải đem đồng bạc cũ 27gr đổi lấy đồng bạc mới này, và Chánh-phủ. Đứng trước tình-hình khó khăn, các xí-nghiệp Pháp trong ngành mỏ và ngành trồng-trọt tìm cách hợp nhiều xí-nghiệp lại làm một : năm 1933 người ta thấy ra đời « Société des Plantations Indochinoises de Thé » vốn 26 triệu phật-lăng ; năm 1935 « Société Indochinoises des Plantations d'Hévéas » vốn 61 triệu phật-lăng ; « Charbonnages du Tonkin » ; « Charbonnages du Đồng-triều » hai công-ty này vốn 87 triệu phật-lăng, cung cấp 92% than đá tốt trong tổng số sản-xuất.

Tình-trạng trầm-trệ kéo dài đến năm 1936 kinh-tế mới phục hồi sanh sắc, nhưng cũng chỉ ngành kỹ-nghệ biến-chế, ngành công-tác, điện khí là hoạt-dộng nhiều hơn.

Trước khi Đại-chiến thứ hai xảy ra, tình-hình tài-chính Đông - dương như sau : Năm 1937, ngân - sách chung, các ngân-sách địa-phương, ngân-sách hàng tỉnh ngân sách thị-xã thu vào tổng cộng 130 triệu đồng bạc. Số thu vào của quan-thuế và quan-quản thuế, bán thuốc phiện, bán muối, thuế tiêu-phí, thuế lưu-thông v...v... chiếm 56 triệu 3, nghĩa là 43% tổng số. Thuế trực thu trong 3 kỳ ở Việt-Nam là 34 triệu, tức 26%. Thuế trực thu ấy gồm có thuế định và thuế diền thồ mà 98% do người Việt-Nam trả.

Cuộc đại-chiến phát khởi. Vì không giao thông được với nước Pháp, Đông-dương phải tìm những thị trường mới, và những nơi dễ cung cấp dụng-phẩm cho mình. Năm 1940, bị Nhật ép buộc, chánh-quyền thuộc địa thiết-lập chế-độ quan-thuế tự-trị ở Đông - dương (15-10-1940), bãi bỏ thuế suất ưu-dãi đã dành riêng cho hàng hóa Pháp từ trước, và đặt một thuế suất duy-nhất cho hàng hóa bất kỳ của nước nào. Người Nhật can-thiệp vào chính trị và kinh-tế Việt-Nam. buộc mọi hoạt-động kinh-tế phải phục-vụ cuộc chiến-dấu của họ, rút tài-nguyên xứ này bằng sự trưng-thu sản-vật, lạm-phát tiền tệ. Ngân sách Đông-dương phải dài thọ số tiền chi phí của quân-đội Nhật đóng trên lãnh-thổ mình, nên phủ Toàn-quyền phải phát-hành thêm loại giấy bạc 200\$, 500\$, sự lạm phát ấy làm cho mực sống tăng cao.

Trước luận-điệu tuyên-truyền và sự bành-trướng của thế-lực chính-íri Nhật, Toàn-quyền Decoux đã thực-hành một đôi cải-cách để mua lòng người Việt-Nam. Ông thay danh-từ Đông-dương thuộc Pháp (Indochine Française) bằng Liên-bang Đông-dương (Fédération Indochinoise). Trong Liên-bang, nước Pháp chỉ giữ vai trò điều-hòa quyền lợi của các xứ chứ không dự vào nội-trị, và trừ Nam-kỳ trực thuộc Pháp, ba nước Việt, Môn, Lào do ba Quốc-vương bản-xứ cầm-quyền cai-trị. Ông tăng lương bỗng cho quan-lại, sửa lại qui-chế công-chúc, bỏ ngạch tương đương (cadres latéral) lập ra ngạch Đông-dương (Cadres Indochinois), và theo nguyên tắc lương bỗng đồng nhau giữa người Âu và người Việt có bằng-cấp ngang nhau giữ chức-vụ như nhau. Trường Đại-học, Khoa-học, trường Kỹ-nghệ thực hành

được thành lập. Nhiều công trình kiến thiết như mở mang đường sá, đào sông, dẫn thủy nhập-diền, trang bị các hải-cảng v...v... được thực-hiện. Để thanh-niên có việc bận-biụ cho khỏi băn-khoǎn, bị lung lạc tinh-thần trước thời-cuộc, ông lập ra sở Thanh-niên và Thể-thao, hướng sinh-lực của họ về ngả ấy. Phong-trào thể-thao sôi-nỗi trong một thời-gian. Trong các dịp hội-hợp tình thân-hữu và giây liên-hệ giữa hai dân-tộc Việt-Pháp được nhắc-nhở, đề cao, thắt chặt.

Nhưng những tu bổ lặt-vặt ấy nào có ích gì cho tòa lâu-dài Thuộc-địa trước cơn gió lốc Nhật-bản đương ủn-ủn thời đển đề xô đồ tận nền móng.

## CHƯƠNG THỨ HAI

---

### SINH-HOẠT KINH-TẾ

---

Mục-dịch thứ nhất công-cuộc đi chiếm đất thực-dân của các-cường quốc là mục-dịch vật-chất : tìm thị trường tiêu-thụ hàng-hóa mình sản-xuất, tìm nơi cung-cấp nguyên-liệu cần-thiết cho kỹ-nghệ của mình.

Liền sau khi các hòa-ước ký-kết, ở Nam-kỳ cũng như ở Bắc-kỳ, nhiều nhà thương-mãi, kỹ-nghệ, thực-dân Pháp đã đến kinh-doanh. Ở Nam-kỳ họ bắt đầu khai-thác đất đai miền tây, ở Bắc-kỳ họ khai-thác mỏ than Hồng-gai, Đông-triều. Lợi dụng các nguyên-liệu thiên-nhiên tại chỗ và nhân công bản-xứ lương hả, nhiều xí-nghiệp kỹ-nghệ tân-thức thành-lập để cung ứng cho nhu-cầu bản-xứ, như những nhà máy gạo, nhà máy nấu rượu ở Chợ-lớn, Sài-gòn, những nhà máy sợi ở Nam-định, Hải-phòng, nhà máy làm giấy ở Bắc-ninh, Đáp-cầu, nhà máy làm xi-măng ở Hải-phòng, rồi các nhà máy làm diêm (hộp quẹt), chế thuốc hút, làm gach, ngói, sở cưa, lò đúc, nhà máy điện thắp đèn, nhà máy làm đường. v.v. lục tục xuất hiện.

Công-ty khai thác mỏ than Hồng-gai Đông-triều rất phát-dạt nên số người đi tìm mỏ mỗi năm mỗi nhiều

thêm, rồi nhiều mỏ kim khí ở thượng-du Bắc-việt như mỏ kẽm, mỏ thiếc, mỏ chì, mỏ sắt, mỏ Wolfram tiếp nhau khai thác.

Ở Nam-kỳ, cây cao-su qua một thời-gian thí-nghiệm, sau 1905 được đem trồng nhiều ở các đồn điền lớn lao, tổ chức theo kiều mới, ở miền đất 'đỏ, đất xám. Cà-phê, chè cũng choán nhiều đồn điền quan trọng như thế.

Sau trận đại-chiến thứ nhất, tư-bản Pháp đưa sang thêm nhiều, nhất là để kinh doanh trong ngành khai mỏ và đồn điền cao-su. Vì vậy người ta thấy lượng than đá sản-xuất (73% do Société des Charbonnages du Tonkin) năm 1928 tăng gấp 4 lần năm 1913, năm 1913 khai thác được 501.000 tấn, năm 1929 lên 1.972.000 tấn, và giá-trị của sản-xuất về tất cả ngành mỏ năm 1929 tăng lên chín lần giá trị năm 1900. Chỉ ở những vùng đất đỏ, đất xám ở miền bắc và đông bắc Sài-gòn, đã có 110.000 mẫu tây trồng cao-su, lượng sản-xuất năm 1915 là 298 tấn, năm 1929 tăng lên 10.309 tấn. Ngành khai mỏ than đá và trồng cao-su tiếp-tục phát-triển mãi, nên đến năm 1940 khai thác được 2.500.000 tấn than, còn cao-su thì trong mấy năm trước đại chiến thứ hai, hàng năm xuất-cảng được 60.000 tấn, giá bằng 18% của tổng số xuất-cảng của Đông - dương ; năm 1943 diện-tích trồng cao-su là 138.000 mẫu tây, và lượng sản-xuất 75.000 tấn,

Cà-phê, năm 1921, choán 5.900 mẫu tây ở Nam-kỳ và 4.150 mẫu ở Bắc-kỳ ; chè trồng 3.510 mẫu ở Nam-kỳ.

Trong khi ấy thì thi nội-thương ngoại-thương phát triển rất mau. Nhờ miền tây Nam-kỳ khai thác gạo sản-xuất thêm nhiều. Gạo, cùng than đá, cao-su là ba món xuất-cảng chính, ngoài ra còn bắp, sơn, quế, cá khô, trâu, bò, da, tơ, chì, kẽm, và xi-măng v.v... Việt-Nam nhập-cảng vải, lụa đồ sắt, máy móc, xe ô-tô, xe đạp, giấy, và rượu vang v.v...

Tình hình ngoại thương trước cuộc khủng-hoảng kinh-tế thế-giới như sau :

NĂM	NHẬP-CẢNG	XUẤT-CẢNG
1899—1903	78.000.000\$00	62.000.000\$00
1920	138.000.000\$00	180.000.000\$00
1929	227.000.000\$00	228.000.000\$00

Các hải-cảng Sài-gòn, Hải-phòng, Tourane được trang bị, tàu bè lui tới tấp nập. Việc giao-thông trên bộ, con đường Thuộc-địa bắt đầu kiến-thiết trước Đại-chiến thứ nhất, đến khoảng các năm 1920 — 1930, sự vận-tải bằng ô-tô thông dụng, nên được mở mang thêm nhiều ; năm 1936 có 27.500 cây số đường. Đường xe lửa thì ngoài con đường xuyên Đông-Dương, ở Bắc còn đường Hà-nội — Lạng-sơn Hải-phòng — Vân-nam, ở Nam có đường Sài-gòn — Mỹ-tho, Sài-gòn — Lộc-ninh, ở Trung có đường Phan-rang — Đà-lạt, v.v...

Các thành phố lớn như Sài-gòn, Hà-nội, Hải-phòng, Huế, Nam-định, Tourane, dân cư đông đúc, buôn bán phồn-thịnh, bầy ra một cảnh tượng sầm uất, mới mẻ, giàu sang, khác hẳn xưa kia.

Mới trông qua sự hoạt-dộng kỹ-nghệ, thương-mãi,

các đồn-diền, các thành-thị, đường giao-thông, vậy, người ta có thể tưởng rằng Kinh-tế Việt-Nam đương tiến triển trên đường tư-bản-hóa. Nhưng sự thật không phải như thế. Vì các kỹ-nghệ ấy, các việc thương-mãi các đồn-diền ấy hầu hết là công cuộc của các nhà kinh-doanh người Pháp, một số ít người Trung-hoa, và bành-trướng trong một phạm-vi nhỏ hẹp, các đường xe lửa dùng cho mục-đích quân-sự và cho nhà nước nhiều hơn là để mở mang kinh-tế. Các thành phố thì chỉ dung nạp một số ít nhân-dân, phỏng 6 phần trăm của toàn thể mà thôi, còn 49 phần trăm dàn-chung sống ở các làng mạc, (1) vẫn buôn thúng bán mèt, hoặc mở những cửa hàng nho nhỏ, tiều-công-nghệ tồn-tại, và việc cày cấy vẫn tiếp-tục dùng những dụng-cụ và phương-pháp xưa kia, không có gì thay đổi.

Ở thành-thị vẫn có một số người Việt mở xưởng kỹ-nghệ, nhà buôn khá lớn, hoặc làm việc xuất - nhập-cảng, việc vận-tải, nhưng số ấy ít ỏi lắm. Trường-hợp các ông Bạch-thái-Bưởi, Nguyễn-hữu-Thu trong nghành chuyên chở bằng tàu thủy, ông Trương-văn-Bền trong ngành Kỹ-nghệ, nhờ thông-minh và tài kinh-doanh mà thành-công trong một thời-gian là những trường-hợp hạn-hữu.

Người Pháp đến Nam-kỳ đã liền nghĩ đến việc khai thác miền Tây xứ này. Nhờ các công cuộc vét lạch, đào kênh tiếp-tục của các Kỹ-sư Pháp, diện-tích trồng trọt và số sản-xuất cứ mỗi năm mỗi tăng thêm. Năm 1868, Nam-kỳ có 380.000 mẫu tay

---

(1) Theo cuộc điều-tra của ông Gourou năm 1957.

truộng, năm 1938 có đến 2.650.000 mâu tây. Số gạo dù dùng đem xuất cảng là nguồn lợi lớn nhất của xứ này. Bảng kê sau đây cho ta thấy rõ những tiến-bộ ấy :

NĂM	DIỆN-TÍCH	SẢN-XUẤT	XUẤT CẢNG
1880	520.000 mâu tây	650.000 tấn	300.000 tấn
1900	1.175.000 —	1.500.000 —	800.000 —
1928	2.235.000 —	2.750.000 —	1.900.000 —

Năm 1912, nhà cầm quyền có lập Cảnh-nông nghiệp-đoàn (Syndicat Agricole) cho nhà nông vay tiền để khai khẩn những miền đất mới.

Ở Bắc-kỳ, trong khi ở thượng-du, trung-du, các công-ty hoặc tư nhân ngoại-quốc có vốn và phương-tiện cơ-giới khai thác những đồn điền lớn lao thì Chánh quyền bảo hộ, đứng trước cảnh nghèo nàn của dân quê, cũng nhiều lần tỏ ra cố gắng trong những công cuộc tăng gia diện-tích trồng trọt để giúp họ có chút ruộng đất. Trong các năm 1925, 1936, qui định những biện-pháp qui dân lập ấp, cho mỗi người dân đi khai khẩn được quyền tư hữu 15 mâu tây, nhưng kết quả thu được sau các công cuộc ấy không được bao nhiêu. Chính-sách của chính-quyền Bảo-hộ là bảo-vệ và tăng-gia tiêu tư sản, nhưng trở lực của tư-bản Pháp liên-kết với tư-bản bản-xứ mới chóm nở làm biến tính những dự định tốt đẹp ấy.

Ngoài ra, ở Bắc-kỳ, Trung-kỳ, chính quyền bảo-hộ cũng đã mở mang những công cuộc dân-thủy, trị-thủy và lập những nông-phố ngân-hàng để giúp nông-dân khỏi bị nạn cho vay nặng lãi làm khổ. Ở Bắc-kỳ, mặc

dầu có sở chuyên môn Pháp đảm đương việc giữ đê mà đê vẫn cứ vỡ mãi, nên sau trận lụt năm 1926, chính-phủ phải theo phương pháp trị thủy ở sông Pô (Ý) và sông Missisipi (Hoa-Kỳ) mà đắp đê cho vững-vàng, cao, rộng hơn. Công cuộc dẫn thủy ở Bắc-kỳ đã chi phối được 209.500 mâu ruộng, ở Trung-kỳ chi-phối 124.000 mâu, nghĩa là 17% diện-tích trồng-trọt. Năm 1927, Nông-phố ngân quỹ (Crédit Populaire Agricole) được thành, lập ở các tỉnh, vốn do các xã-thôn, các đoàn-thề, tư-nhân góp vào, để cho tiểu-nông và tá-diền vay. Nhưng Nông-phố Ngân-quỹ ở Trung, Bắc-kỳ cũng như Canh-nông nghiệp-doàn ở Nam-kỳ, không thu được kết quả mong-muốn, vì chỉ những nhà đại-nông, những người có thế-lực mới vay được, mà vay rồi họ đem làm việc khác chứ không đem dùng vào nghè-nông.

Ruộng đất phân-phối cho nhàn-dân đại-khai như sau:

Ở Nam-kỳ ; trong số 2.300.000 mâu ruộng thì :

Tiểu-diền-chủ có dưới 5 mâu là 71,8% số diền-chủ, chiếm 15% ruộng, Trung-diền chủ từ 5 mâu đến 50 mâu, là 25% số diền-chủ, chiếm 37% ruộng, Đại-diền-chủ trên 50 mâu là 2,5% số diền-chủ, chiếm 45% ruộng. Sự chênh-lệch quá rõ-ràng : 97% số diền-chủ nắm trong tay 52% ruộng, chỉ 2,5% số diền-chủ chiếm gần phân nửa kia. Và theo bản thống-kê năm 1930, có 257 diền-sản trên 500 mâu, trong đó có nhiều diền-chủ có trên 18.000 mâu ruộng ; 71% nhàn-dân không có ruộng. (1)

---

(1) Một vài ý-kiến về việc cải-cách diền-dịa ở Bắc-việt Tri-tân số 3 (1951).

### Ở Bắc-kỳ :

Tiêu điền - chủ : 586.000 người có dưới 1 mẫu, 283.000 người có từ 1 đến 5 mẫu. Chiếm 36% ruộng đất.

Trung địa-chủ : 60.000 người có từ 5 đến 10 mẫu 20.000 người có từ 10 đến 50 mẫu. Chiếm 26,6% ruộng đất.

Đại địa-chủ : 800 người có từ 50 đến 100 mẫu, 250 người có trên 100 mẫu. Chiếm 16,6% ruộng đất.

Như thế, 77% nhân dân không có ruộng (1).

Thấy ruộng đất tập trung vào tay một số ít đại địa-chủ, nhất là ở Nam-Kỳ. Hiện tượng ấy phát sinh từ thời Pháp thuộc, vì chế-độ điền-dịa quá rộng rãi nên hạng người giàu có và có thế lực có thể mua, chiếm được nhiều đất ruộng, làm cho số nông-dân vô sản ngày càng tăng thêm. Ấy là trái với tình-trạng xưa kia : các triều-đại và tục-lệ không dung túng những điền-sản rộng lớn.

Những ruộng đất ấy, phương-pháp canh tác chưa canh-tân, nên tuy người nông-dân Việt-Nam làm lụng rất cần mẫn mà hoa lợi thu được cũng kém xa ở các nước khác : một mẫu ruộng ở Xiêm sản xuất 18 quintaux, ở Nhật 34 quintaux, ở Việt-Nam chỉ 12 quintaux.

Trước kia, song song với nông-nghiệp, tiêu công nghệ là một nghề thứ hai, tuy phụ thuộc nghề nông nhưng giúp cho người dân quê, nhất là ở Bắc-Kỳ, Trung-Kỳ, kiếm thêm một số lợi tức. Tiêu công-nghệ ấy có tính-cách gia-đình, và ít có thử chuyênn-nghiệp.

---

(1) *Theo Economie Agricole Indochinoise năm 1932.*

Sự Pháp-thuộc đã làm thay đổi tình-trạng xưa nhiều phần. Vì sản-phẩm kỹ-nghệ ngoại quốc nhập cảng giá rẻ mà tinh xảo, nên một đỗi tiều công-nghệ như nghề dệt vải, nghề dệt lụa, nghề kéo sợi v.v... không cạnh tranh nổi, phải suy vong. Nhưng đồng thời, nhờ đường sá giao thông mở-mang, sự chuyên chở sản-phẩm dễ-dàng, thị trường tiêu - thụ mở rộng, ở các thành thị cách sinh hoạt đổi theo lối mới, nên một số tiều công nghệ bắt đầu phồn thịnh, trở thành chuyên nghiệp. Ở Bắc-Kỳ, nghề dán mày (Hà - Đông), nghề dệt chiếu (Phát-Diệm), ở Trung-Kỳ, nghề dệt lụa, dệt tussor (Quảng - Nam) đã có sản - phẩm gửi ra ngoại - quốc, và biến các vùng sản-xuất ấy thành những khu - vực khá trù-mật. Ảnh - hưởng của văn - minh Tây-phương cũng làm phát sinh nhiều nghề mới, và canh tân nhiều nghề sẵn có. Và người ta cũng thấy nhiều xưởng thợ tiều-công-nghệ thành lập với một hình-thức giống như công-xưởng ở các nước tân-tiến. Phong-trào chấn-hưng tiều công nghệ thỉnh thoảng được đề xướng, nhất là lúc Đại-chiến thứ hai, trong thời gian này đỗ ngoại hóa không vào được nên tiều công-nghệ Việt-Nam đã phát-triển khá mạnh.

Tóm lại, sau non một thế-kỷ Pháp thuộc, chỉ ở các đô-thị là có những kỹ-nghệ tân-thức, ngoại-thương nội-thương phát-triển, một hệ-thống kinh-tế tư-bản xuất-hiện, nhưng đó là công cuộc của người Pháp và một số người Hoa-kiều, còn phần của người Việt Nam thì rất ít oi, và tuy có một số tiều tư-bản Việt-Nam mới chớm nở, nhưng phải lệ-thuộc tư-bản Pháp và không có triển-vọng vượt lên cao được. Thế mà ở thôn quê là

nơi sinh hoạt của 94% nhân dân, kinh tế xưa không thay đổi gì mấy : nhà canh nông vẫn tiếp tục cày cấy, gieo vãi bằng dụng cụ và phương pháp cũ, người thương mãi chưa đổi mới lề lối, mở rộng phạm vi buôn bán, tiêu công-nghệ cổ-truyền vẫn tồn tại. Thành-thị và thôn quê bầy ra hai cảnh tượng trái ngược nhau trên lãnh vực kinh-tế.

Sở dĩ như thế là vì tư-bản đưa đến kinh-doanh ở đây là tư bản của người ngoại-quốc, nhất là người Pháp, họ chỉ lo sao thu lợi được nhiều và mau chóng, nên không nghĩ đến việc mở những kỹ-nghệ mới, hợp lý hóa nghề-nông v.v... nó đều là những việc lâu dài, chưa chắc có lợi mà lại có thể gây cạnh tranh với kỹ-nghệ nước họ nữa.

## CHƯƠNG THỨ BA

---

### GIÁO-DỤC — VĂN-HÓA

---

Ở Nam kỲ, sau khi Thành đất Thuộc-địa, Đô-đốc Lagrandière liền bỏ Hán-học và lập trường dạy chữ quốc-ngữ, chữ Pháp.

Ở Trung-kỳ, Bắc-kỳ, cuộc bảo-hộ thành-lập rồi, giới sĩ-phu, trí-thức và quan lại chưa vui vẻ cho con em theo học mới. Một số rất ít người học tiếng Pháp là để kiểm một việc làm với người Pháp. Thi cử chưa bỏ, mà trong các khoa thi cuối cùng có môn luận bằng quốc.ngữ và một bài dịch Pháp văn tình-nghyện, nên thí sinh phải học quốc ngữ.

Năm 1908, Chánh phủ Bảo-hộ lập Hội-đồng cải cách học vụ, và Hội đồng ấy đã ấn định một chương-trình học gồm 3 bậc : Ấu.học, Tiểu.học và Trung.học. Ấu.học ở các trường làng, dạy chữ Hán và chữ quốc ngữ, tốt nghiệp thi bằng tuyển sinh ; Tiểu học là các trường Giáo-thợ, Huấn-đạo ở các Phủ lỵ, Huyện lỵ, dạy các tuyển sinh chữ Hán và chữ quốc ngữ, chương trình Hán học gồm tú-thư, ngũ-kinh, Bắc-sử, Nam-sử, bỏ lối văn bát cỗ, câu đối và thơ phú, Pháp-văn là môn tình-nghyện, tốt nghiệp thi bằng Khóa-sinh ; Trung học là các trường, Đốc-học ở các tỉnh lỵ dậy các Khóa-sinh

chữ Hán, chữ quốc ngữ, chữ Pháp, cứ 3 năm, trước kỳ thi Hương, mở một kỳ hạch người đậu, gọi là Thí sinh được đi thi Hương. Đồng thời, chương-trình thi Hương cũng được cải cách. Ở các tỉnh lỵ có trường Pháp-Việt để dạy học sinh không muốn học theo chương trình trên đây, nghĩa là muốn học chữ Pháp nhiều hơn và không có chữ Hán. Tốt nghiệp các trường Pháp-Việt ấy, học-sinh ở Trung-Kỳ được vào học trường Quốc-học ở Huế, học-sinh ở Bắc-Kỳ vào học trường Bảo-hộ ở Hà Nội.

Ở Bắc-Kỳ năm 1915, ở Trung-Kỳ năm 1918, bỏ khoa cử-Hán-học cáo chung.

Năm 1917, nhà Tông Giám-Đốc Học-chánh Đông-Dương bãi bỏ chương-trình năm 1908, và ban bố học-qui mới áp dụng trên toàn cõi Đông-Dương, theo đó bậc Tiểu-học gồm 5 lớp, lấy tiếng Pháp làm chuyên-ngữ.

Sau trận đại-chiến thứ nhất, người Việt-Nam đã thấy giá-trị của văn-hóa Pháp, và khoa-cử đã bỏ, chỉ những bằng cấp tân học mới cho phép thanh-niên vào làm việc ở các công-sở của Chánh-phủ Bảo-hộ cũng như của Nam-triều, cho nên từ đó họ mới hàng hái theo học mới. Toàn quyền Sarraut mở rộng giáo-dục, trường học lập thêm nhiều nơi, việc học Pháp - Việt bắt đầu phát-triển.

Toàn-quyền Merlin không muốn số thanh-niên Việt có bằng cấp cao đong quá, sợ cạnh tranh với người Pháp các chức-vụ trong các công sở, nên chủ-trương mở mang giáo-dục theo chiều ngang (plan horizontal)

ấn định một chương - trình theo đó Tiêu-học gồm 2 bậc : sơ-học học 3 năm, dạy bằng tiếng Việt, cuối lớp ba phải thi bằng Sơ-học Yếu-lược ; Tiêu-học 3 năm, dạy bằng tiếng Pháp như cũ ; Học - sinh đậu bằng Tiêu-học vào trường Cao - đẳng Tiêu - học học bốn năm ; trên đó là bậc Trung - học bản xứ, dạy theo chương - trình Trung - học Pháp bổ ngoại - ngữ và cổ - điển - học La - Hy mà thêm vào Việt - ngữ và triết-học Trung-quốc. Ở Hà-nội, Huế, Sài-gòn, có mỗi nơi một trường Kỹ-nghệ thực-hành (Ecole Pratique d'Industrie) để đào tạo thợ chuyên-môn ra giúp việc các xưởng công-nghệ cơ-khí công hoặc tư. Ở các đô-thị lớn có những trường Trung-học Pháp (lycée) dạy theo chương-trình Pháp, nhận học-sinh Pháp và một số ít học sinh Việt.

Trường Đại-học ra đời thời Toàn-quyền Beau, bị Toàn-quyền Klobukowski bãi bỏ, được Toàn - quyền Sarraut tổ chức lại năm 1918, thật ra chỉ gồm những trường chuyên-môn đào tạo một hạng công-chức phụ-tá người Pháp trong các công sở. Trường Cao-dâng Y-Dược mở trước hết, sau thêm trường Cao-dâng Sư-phạm, Công-chánh, Canh-nông, Thủ-y, Thương-mãi, Cao-dâng Mỹ-thuật. Về sau hai trường Y-Dược đổi thành Y-khoa và Dược-khoa Đại-học, Trường Cao-dâng Luật-học và Hành-chánh (Ecole supérieure de Droit et d'Administration) đổi thành Đông-dương Cao - dâng Học-hiệu (Ecole des Hauts Etudes Indochinoises), rồi đổi làm trường Luật-khoa Đại-học, còn các trường Cao dâng sư-phạm, Thương-mãi, Canh-nông, Công-chánh đều bãi bỏ.

Năm 1938, lập thêm 2 trường Đại-học Nông-lâm và Công-chánh. Thời Toàn-quyền Decoux, trường Đại-học Khoa-học ra đời.

Một số thanh-niên con nhà giàu có sang du-học ở các trường Trung-học, Đại-học ở Pháp.

Trường tư-thục bậc Tiểu-học, bậc Trung-học cũng có nhiều ở ba thủ phủ ba xứ và các thành thị lớn.

Tuy vậy số trường không đủ để thu nhận học sinh. Như năm 1924, có 600.000 trẻ em đến tuổi đi học (1) nhưng chỉ có 72.000 đứa, trai và gái, được ngồi trên ghế nhà trường.

Trong niên-khoa 1937-1938, số học-sinh các trường Pháp-Việt trên toàn cõi Việt-Nam là : Trung-học : 400, Cao-dâng tiểu-học : 4.552, Tiểu học : 57.412, Sơ-học : 352.365 tổng cộng là 414.729, và 597 học sinh theo học ở các trường Tiểu-học, Trung-học Pháp. Các trường chuyên nghiệp tính được 2.051 học sinh. Đại-học Hanoi có 547 sinh-viên Việt-Nam Trường Luật 338, Trường thuốc 176 trường Mỹ-thuật 33)...

Năm 1944, Tiểu-học có 900.000 học-sinh, Trung-học có 4.000 học-sinh, Trường Đại-học Hà-nội có 1.500 sinh-viên của 77% là người bản xứ (1).

Xem các con số trên, ta thấy nạn thắt học còn nặng-nề, số người mù chữ chiếm 80% nhân-dân.

Chính-quyền Pháp có lập Viện Viễn-đông Bác-cô (Ecole Française d' Extrême Orient) để tìm tòi, nghiên

---

(1) Các con số này lấy trong *Contrilention à l'histoire du Viêt-Nam* của Chesneau.

cứu các văn-minh cổ kính ở Việt-Nam và các nước Đông-Á, sở Địa-dư (Service Géographique), viện Quang-học (Institut du Radium) viện Hải-dương-học (Institut Océnographique), sở Khi-tượng (Service météorologique) đều để nghiên cứu và ứng-dụng khoa-học, rồi năm 1928 đặt Hội-đồng nghiên-cứu khoa-học (Conseil de recherches Scientifiques de l'Indochine) để sưu tập và chỉnh-lý những kết quả của các công cuộc nghiên cứu khoa-học.

Chương-trình giáo-đục áp-dụng ở Việt-Nam vốn dựa theo chương - trình giáo - dục ở Pháp đã vạch ra, không hợp lý và có nhiều khuyết-điểm. Mới vở lòng hoặc vừa học khỏi bậc sơ-học, trẻ con 6 tuổi, 9 tuổi đã phải bắt đầu học toàn tiếng Pháp, nên sau này không thông hiểu tiếng mẹ đẻ. Ở các lớp trên thì những điều bày dậy không dính-dáng gì với đời sống thực-tế, với hoàn cảnh, với dĩ-vãng. hiện-tại và nhu cầu của xứ sở. Vì đó, chàng thanh-niên ở trường - Trung, Đại-học ra, hình như bị cắt đứt với những cỗ-truyền và những tinh thần của dân-tộc, xa lạ với thực-trạng của đồng-bào. Rồi trong khi hăng-hái đi tìm những giá-trị mới lạ họ khinh rẻ, không muốn quay nhìn lại cái văn-hóa thất bại, gần chết, do tình-lhể chính-trị gây ra, của Việt-Nam, mà chỉ thu thập được những cái gì dễ-dàng, hào nháng về hình-thức của văn-hóa mới. Do đó, đã phát sinh một hạng người tàn-học mất gốc, học hiểu chưa thấu đáo cái học Tây-phương mà lại chiếm giữ những địa-vị trong xã-hội. Và giữ một thế hệ cảm nghĩ theo Á-đông, học viết hoàn toàn bằng chữ Hán, và một thế-hệ học đòi cảm-nghĩ theo Tây-phương, học viết hoàn toàn bằng chữ Pháp, không có một sự chuyền-

tiếp, và hậu-quả của lỗ trống này cùng những khuyết điểm kia là tất cả những bi-kịch mà xã-hội và quốc-gia Việt-nam phải mục-kịch, chịu đựng trong nhiều năm về sau nữa.

Nhưng ngoài phương-diện ấy ra, sự tiếp-xúc với văn-hóa Pháp đã gây những ảnh-hưởng quan trọng và bồ ích cho văn-hóa Việt-nam ở những điểm khác.

Chính sự tiếp-xúc ấy đã giúp người Việt-nam biết trọng quốc-văn rồi thành lập một nền quốc-văn mới, lấy văn xuôi làm thể-văn chánh. Quốc-văn ấy bắt đầu luyện tập trong sự phiên-dịch các Tiểu-thuyết Tàu, trong các báo chí ra đầu tiên, các sách của các nhà văn ở Nam-kỳ như vậy Trương-vĩnh-Ký, ông Paulus Của, ở Bắc-kỳ như ông Đào-nguyễn-Phồ, ông Phan-kế-Binh, ông Phạm-Quỳnh và nhóm Nam-phong, ông Nguyễn-văn-Vĩnh và Đông-dương tạp-chí v.v... để lần lần có qui cù và hoàn bị như ngày nay.

Nhờ ảnh-hưởng Pháp-văn, văn-chương ta đã phát-triển phong-phú về hình-thức cũng như về nội-dung. Khác với hồi Hán-học, nhà văn Việt-nam ngày nay trọng thực-tế, ưa sáng-sủa, rõ-ràng và trật-tự, tránh những cái gì sáo cũ. Không còn bị gò-bó trong khuôn-khổ của luân lý, đạo-đức, được cởi mở về tình-cảm, về tự-do trí-thức, văn-chương có những rung động mới, băn-khoăn mới, con người và mọi sự vật được dò xét và phô-diễn ra một cách đầy đủ, lý thú hơn. Các nhà thơ muốn thoát khỏi những qui-cù cứng rắn ràng buộc họ để tự-do diễn tả những phóng-khoáng của tâm-hồn : thơ mới ra đời.

Các thể văn mới như kịch, phê bình, phỏng theo Pháp-văn, càng ngày càng phổ-thông trên văn-dàn.

Ngành mỹ-thuật, như Hội-chùa, Kiến-trúc, và ngành Âm-nhạc đã biến theo Tây-phương và sản-xuất nhiều nghệ-sĩ có tài, nhiều tác-phẩm đem trình-bày ở các hội Triển-lãm quốc-tế. Nhiều người cũng biết cỗ gắng dung-hợp hai bên Đông, Tây để tạo nên một nền mỹ-thuật mới cho thích hợp với Việt-nam.

Nhưng ảnh-hưởng quan-trọng hơn-cả của văn-hóa Âu-tây là khoa-học. Khoa-học không chỉ tác-động trong địa-hạt khoa-học thực-nghiệm mà còn tác-động ở các lãnh-vực khác của văn-hóa nữa. Tinh-thần khoa-học đem lại cho học-giả sự trật-tự, sáng suốt, và bắt buộc họ, trong sự khảo-cứu, phải có óc hoài nghi, phải suy luận, kiềm diễm, phê-bình, nhờ đó học-thuật phát-triển trên những nền móng mới. Mỹ-thuật nhờ tinh-thần khoa-học mà dễ được phong-phú, và tinh-thần ấy áp-dụng trong phương-pháp giáo-dục đã làm cho mỹ-thuật phô biến dễ dàng, mở đường cho các tài-năng.

Người Việt-nam biết được văn-hóa Âu, Mỹ, qua sách Pháp. Những tư-tưởng ấy đã mở cho trí não thanh-niên Việt-nam những chân trời xa lạ, những ý-thức mới-mẽ, gây lên trong xã-hội Việt-nam những rung-động sâu xa.

Ấy là những kết-quả lâu bền. Chỉ tiếc rằng văn-hóa Việt-nam xưa kia trọng « thiện » hơn « chân », « mỹ », thì nay với ảnh-hưởng của văn-hóa Tây-phương, người Việt-nam thiên trọng « mỹ » « chân », mà xao lảng « thiện », khiến thế quan-bình vẫn chưa sao lập lại được.

## CHƯƠNG THỨ TƯ

---

### TÌNH-TRẠNG XÃ-HỘI

---

Chiếm Nam-kỳ làm Thuộc-địa, ly cách Bắc-kỳ, biện-pháp chính-trị ấy của người Pháp đã đưa lại những hậu-quả quan-trọng cho Việt-Nam. Nam-kỳ vốn là đất mới khai-thác, nhân-dân không bị những tư-tưởng, lập-tục cỗ-truyền ràng-buộc một cách vững chãi như ở Bắc-Trung, nên khi tiếp-xúc với những tu-trào mới mẻ của Tày-phương thì họ thu nạp dễ-dàng hơn. Trung-kỳ vì còn Triều-dinh, vì không bị tác-động của tu-bản tân-thức va chạm đến, nên vẫn giữ nguyên được tính-chất xưa cũ của Việt-Nam hơn Nam-kỳ và Bắc-kỳ. Vì vậy, sau một thời-gian dài ba mươi năm Pháp thuộc, người ta đã phải nhận thấy những điểm tiêu-dị trong phong-tục, tư-tưởng, cách sinh-hoạt của nhân-dân mỗi kỵ sánh với đồng-bào hai nơi kia.

Ở Nam-kỳ, khai-thác miền tây rồi, chính-quyền thuộc-địa đem hàng triệu mẫu-tây đất ấy chia ra từng lô rồi bán đấu giá với giá căn-bản là 10 phật-lăng một mẫu. Nhờ vậy, hạng người có tiền có thể choán được những khu thật rộng lớn. Nhưng họ thường ở thành-thị, nên chỉ kêu gọi một số dân nghèo ở các nơi khác đến, cho « tá » để cầy cấy rồi đến mùa trả cho họ một

số hoa lợi. Do đó phát sinh hạng « điền chủ » và hạng « tá điền ». Rồi nhờ những công-cuộc đào-kênh, tháo nước của Chánh-phủ, các đất đai mới-mẻ ấy trở thành ruộng, vườn phì nhiêu, làm giàu cho những điền chủ.

Trong khi ấy thì ở Sài-gòn, Chợ-lớn, Hà-nội, Hải-phòng v.v... một số người nhờ hợp-tác với người Pháp trong chánh-quyền, hoặc làm trung - gian cho người Pháp, người Hoa-kiều trong các ngành thương-mãi, kỹ-nghệ, lần lăn trở nên giàu có. Các điền-chủ trên kia và các người này cho con cái họ vào học các trường trung học, cao-dâng, hoặc xuất dương du học. Thành tài hạng này làm công-chức cao-cấp, hoặc Luật-sư, Kỹ-sư, Dược-sĩ, Bác-sĩ, hoặc là nhà thương-mãi, Kinh-doanh, Điền-chủ, tạo thành một giai-cấp mới, chưa từng thấy trong xã-hội Việt-Nam xưa kia, hơi giống với giai-cấp bourgeois ở Pháp hồi thế-kỷ XVIII, mà ta tạm gọi là tôn tư sản trung-lưu. Giai-cấp tân tư-sản trung-lưu có đặc-tính : vì nghề-nghiệp họ phải định-cư ở thành-thị, xa hẳn làng mạc, vốn hàm-mộ văn-minh mới, họ sinh-hoạt theo Âu-tây, thường tiếp xúc với người ngoại-quốc họ không cần tuân theo lê-giáo và phong-tục cũ nữa, nên ngôn-ngữ, cử-chỉ, bộ-điệu, có khi tư-tưởng và nhân sinh-quan nữa, hơi khác với người Việt-Nam xưa.

Từ khi các xưởng kỹ-nghệ tân-thúc thiết-lập ở các thành-thị lớn ở Nam-kỳ, Bắc-kỳ thì số người nhà quê đến vào làm công càng ngày càng đông. Trước cuộc khủng-hoảng kinh-tế, năm 1929, số thợ và lao-công ấy là 86.000 người, đến năm 1938, tăng lên gần 100.000.

Các đồn-diền cao-su, cà-phê, chè, dùng nhân-công tuyển-mộ từ Bắc-kỳ, Trung-kỳ. Vì ở hai xứ này, dân-quê nghèo cực, nên ứng mῷ càng đông, như năm 1925 có 3.684 người, năm 1927 có đến 18.000 người ứng-mῷ vào làm ở các đồn-diền trong Nam. Các sở mỏ ở Bắc-kỳ thì cũng-phỏng 50.000 lao-công kẽ cả thợ, nhân-công các nhà máy, lao-công ở các đồn-diền, phu bến tàu, cả thảy chỉ phỏng 200.000 người. Thợ thuyền và lao công các nhà máy tiền công ít ỏi, chen chúc trong những gian nhà chật hẹp, phải sống thiếu thốn với những điều kiện đã hại vệ-sinh còn hại về phương - diện đạo đức nữa. Còn hạng Lao - động các sở tròng trọt ở Nam-kỳ, các sở mỏ ở Bắc-kỳ, tuy không phải ở thành thị nhưng tụ tập đông đúc. Ở những miền nước độc, làm việc nhiều giờ, ăn uống kham khổ, hay đau ốm, bị bọn cai hành hạ, nên phải sống cuộc sống vật chất và tinh thần kham khổ hạng lao-dộng công-nghiệp nữa.

Thế mà thợ thuyền, nhân-công ở thành-thị, cũng như lao động ở các đồn-diền, hầm mỏ, chưa có một tổ-chức nghiệp-đoàn bênh vực họ. Từ khi tình-cảnh bọn Lao-động ở các đồn diền Nam-kỳ được dư luận biết đến, nhiều ký-giả, báo chí Pháp sang điều-trá, đem phanh-phui ra, rồi công-kích kịch-liệt các công-ty chủ đồn-diền đã lợi dụng Lao-động. Vấn - đề thợ thuyền và Lao-động được nêu lên, và trong khoảng các năm 1920—1930, đã được đưa ra bàn cãi nhiều lần.

Năm 1927, Toàn-quyền Varenne hạ số giờ làm việc, ăn định sự săn sóc thuốc men, số tiền để dành, thể-

thức tờ giao kèo, tuổi tối-thiểu của người lao-công v.v..., và đặt sở Thanh-trá Lao-động để kiềm soát sự thi hành các qui-lệ ấy. Năm 1936, ở Pháp Mặt-trận bình-dân lên cầm quyền, Luật Lao - động được đem ra áp dụng ở Việt-Nam, nhưng Toàn-quyền Đông-Pháp, trong sự thi hành, được quyền sửa đổi chi tiết. Đến năm 1940, vì chiến tranh, luật Lao-động tạm ngưng thi hành.

Giai cấp thợ thuyền, lao động cực khổ như thế, còn giai-cấp tân tư-sản trung-lưu ở thành thị (bourgeois) tuy sinh hoạt phú túc hơn, nhưng không có triển vọng gì cao xa được, hạng người kinh doanh không cạnh tranh nổi với các nhà kinh-doanh Pháp, phải lệ thuộc tư bản ngoại quốc, nên có dư tiền, chỉ quay về mua ruộng đất mà thôi.

Giai-cấp thợ thuyền, lao-động và giai cấp tư-sản trung-lưu là hai sản-phẩm của chế-độ thuộc-địa, đời sống giàu, nghèo, sang hèn, trái ngược hẳn nhau, khác với tình-trạng xã-hội Việt-Nam xưa kia, tuy chia làm bốn giới sĩ, nông, công, thương, nhưng trong sự sinh hoạt, không cách biệt nhau quá.

Trong khi ấy thì nông dân ở thôn quê, chiếm 94 phần trăm dân số (1) vẫn sống đời sống vật - chất cực khổ, thiếu thốn. Ở Nam-kỳ, nhờ diện-tích trồng trọt tăng gia, gạo xuất-cảng được nhiều, nên sự sống dễ dàng hơn, mức sống cao hơn, còn ở Bắc-kỳ, Trung-kỳ thì những cuộc khai thác đất dai, dẵn thủy nhập điền thực hiện trong thời-kỳ bảo-hộ chỉ sản xuất thêm

---

(1) Riêng ở Nam-kỳ 14, 17. là thị-dân, 85, 97. là thôn-dân.

một số hoa-lợi đủ để cung cấp cho một số người sinh  
để thêm, trong thời kỳ ấy mà thôi. (Dân số tăng thêm  
mỗi năm độ 12,9%).

Thế mà thuế má nặng-nề, nhiều thức, hoặc trực  
thu, hoặc gián thu, không một ngành hoạt-dộng nào là  
không phải chịu thuế, và trong những món đồ thiết  
dụng hàng ngày như muối, rượu, người dân cũng đã  
phải trả cho Chánh-phủ một món tiền thuế. Ngoài thuế  
định, thuế diễn ra, người dân quê phải nạp những thứ  
thuế mà họ chưa từng thấy ở thời trước: Người đi  
chợ phải nạp thuế chợ, kẻ đưa đò phải nạp thuế đò,  
kẻ buôn bán phải nạp thuế môn bài, kẻ vào rừng làm  
sản, đốn củi phải chịu thuế kiêm lâm, kẻ mua ruộng  
đất phải đóng thuế trước-bạ, v.v... Hai thuế lưu thông  
về thuốc lá, và sự trùng phạt rượu lậu là hai tai nạn  
của thôn quê làm thắt dân tâm hơn hết: nhiều người  
chỉ vì nấu rượu, có khi bị kẻ thù oán đem để rượu  
trong đất mình, vì chuyên chở thuốc lá, mà phải bị  
bắt, bị giải, bị tù tội, hoặc phải chịu những món tiền  
phạt nặng-nề đến hết gia-sản. Thuế định, ở Trung-kỳ,  
trước năm 1939, mỗi người phải nạp 2đ.50, chưa kể  
số phụ-thu; từ năm 1939, người không có tài-sản nạp  
0đ.60, người có tài-sản nạp 1đ.50 và một món thuế tỷ-  
lệ tài-sản. Ở Bắc-kỳ, trước năm 1938, mỗi người nạp  
2đ.50, chưa kể số phụ-thu, từ năm 1938, người không  
có tài-sản hoặc lương bỗng dưới 120đ một năm nạp  
1\$00 người có tài sản nạp 50\$00. Sau lại chia ra nhiều  
hạng, tùy theo tài-sản hoặc lương bỗng, hoặc thuế  
mon bài mà nạp từ 1\$00 đến 200\$00 cả thảy 13 hạng.  
Ở Nam-kỳ thì người vô sản nạp 4\$50, người hữu sản

nạp 5\$50 ; từ năm 1938 trở đi, người giàu có phải nạp thêm thứ lợi tức. Thuế điện thoả thì tùy theo từng xứ và chia ruộng đất ra nhiều hạng khác nhau mà đánh thuế.

Người nông dân ở Bắc, Trung cũng như ở Nam kỳ bị cai nạn cho vay nặng lãi làm khổ không ít. Ở Bắc-kỳ, Trung-kỳ chỉ hạng trung địa chủ trả lên là đủ ăn tiêu, còn bọn tiểu địa chủ thì tuy sống thiếu thốn, tằn-tiện mà gấp năm mất mùa, gấp đau ốm cũng phải vay nhà giàu, lãi có khi đến 100% mỗi năm. Đó là một duyên cớ làm cho đất dai càng ngày càng tập trung vào tay nhà giàu. Ở Nam-kỳ thì tá điền vay nợ bọn chà Chelly, điền chủ muôn mở mang thêm, phải vay Đồng dương Ngân hàng. Các biện pháp của Chánh-phủ để giúp nông-dân về phuong diện này như thiết lập Canh-nông nghiệp-doàn ở Nam-kỳ Nông phố, ngân-hàng ở Bắc, Trung-kỳ không thu được hiệu quả gì lăm.

Dư đủ nhớ gạo, Nam-kỳ cũng bị cuộc khủng hoảng kinh tế năm 1930 làm diêu đứng trong mấy năm trời vì gạo. Năm 1930, giá gạo tốt mỗi 100kg là 13\$10, năm 1931 sụt xuống 7\$10, năm 1932 xuống 5\$62 rồi năm 1933 xuống 3\$20 lượng gạo xuất-cảng năm 1928 là 1.900.000 tấn, năm 1931 sụt xuống 960.000 tấn Tá điền bị lỗ lã, nhiều chủ điền không tiền nạp thuế phải phá sản. Đồng thời trong toàn quốc, các xí-nghiệp bớt thợ, các đồn điền bớt lao công, số người thất nghiệp nhanh nhản, tiểu công chức và nhàn viên bàn giấy các sở tư cũng bị sụt lương.

• Người dân quê Việt-Nam, đã không được hưởng

gì nhiều của văn minh mới. Các thứ hàng hóa nhập-cảng mà chúng ta thấy trên kia chỉ dễ bán cho người ngoại-quốc người Việt-Nam thuộc hạng tư-sản trung-lưu và dân thành-thị, còn trong các làng mạc thì bất quá một đôi thứ hàng hóa tầm thường như vải bô, xà-bông, hộp-quẹt (diêm), đèn bin, xe đạp, dầu hỏa v.v... là thông dụng.

Có một lợi ích mà người dân quê nhận thấy dưới chế độ mới là nhờ khỉ giới của người Pháp, sự an-ninh ở các làng mạc được bảo-dảm hơn, dân gian được yên ổn cày cấy làm ăn trong lũy tre xanh, ít sợ cướp bóc, giặc giã, là tai nạn thường xảy ra thời xưa, nhất là ở miền trung du, thượng du Bắc-kỳ.

Nghề nông không đủ nuôi sống, kỹ-nghệ, thương-mãi không mở mang, thanh niên Việt-Nam chỉ thấy một con đường để đem dùng năng lực vào kiểm kế sinh nhai già làm công chức. Vào làm được ở một công sở của Chánh-phủ Bảo-hộ hoặc của Nam-triều là một may mắn, một vinh dự nữa. Vì vậy hầu hết thanh-niên đã có một bằng cấp đều xô nhau vào cái nghè cao giấy, giúp việc ấy. Nhưng công-chức cũng bị dãi ngộ khác nhau. Quan lại của Nam triều lương bổng rất ít ỏi, công-chức của chính-phủ bảo hộ được trả khá hơn, nhưng cũng chỉ đủ sống, còn sánh với sự dãi ngộ các công-chức người Pháp, sự sai biệt thật là mai-mỉa. Toàn quyền Varenne đã nói trước Nghị-viện Pháp, ngày tháng 6 năm 1930 rằng một quan Tỉnh đốc (Tỉnh trưởng một tỉnh lớn ở Trung, Bắc-kỳ) ăn lương mỗi tháng 300\$ trong khi một Cảnh sát viên người Âu sơ bộ lãnh lương tối thiểu là 350\$, chưa kể các khoản phụ-cấp. Vì lương

ít ỏi quá nêng sau cuộc cải cách quan lại ở Bắc-kỳ, Trung-kỳ, một số thanh niên tân học bồ làm Tri-huyện, Tri-phủ, muốn ăn mặc, đi lại cho đàng hoàng để giữ thể diện với các quan Pháp, đã phải ăn hối lộ của dân, và nạn hối lộ lại thịnh hành hơn các năm trước là thời mà quan chức là người cựu học, họ ít chú trọng đến bè ngoài và còn sợ thanh nghị hơn.

Năm 1931, ông Paul Bernard đã tính số tiền thu nhập đồng niêm của các hạng người ở Việt Nam như sau :

HẠNG NGƯỜI	SỐ NGƯỜI	SỐ TIỀN THU VÀO
Người Âu	13.400	5000\$00
Người Việt giàu	9.000	6000\$00
Người Việt bậc trung	920.000	168\$00
Người Việt nghèo	9.600.000	49\$00

Một người làm việc lao-động ở Bắc kỲ đồng-niêm thu được 44\$, ở Trung kỲ 47\$ và ở Nam kỲ 55\$.

Số người Pháp sang làm công-chức và kinh-doanh ở đất Việt-Nam, trong các năm trước Đại-chiến thứ hai phỏng độ 10.000 đến 11.000 người (không kể số quân-nhân) trong đó mấy trăm công-chức cao-cấp nắm hết các cơ quan điều khiển trong các sở hành chánh và chuyên môn, mấy trăm nhà kinh-doanh giữ hết những yếu điểm của kinh-tế trong kỹ-nghệ, thương-mãi và ngàn hàng. Phần nhiều họ sống cách biệt với người bản xứ và mặc cảm tự tôn về chủng-tộc.

Về y-tế, ở những tỉnh lỵ có bệnh-viện, nhà-hô-

sinh một số huyệns-ly, phủ-ly có bệnh-xá, nên dân quê không hưởng được nhiều những lợi ích của y học Tây-phương, trừ những cuộc tiêm thuốc ngừa bệnh dịch, các bệnh thời khỉ, bệnh đậu mùa, mà thỉnh thoảng nhân-viên Y-tế đến tận các làng xóm tiêm cho dân ; các cách phòng ngừa này làm cho số người chết về các bệnh ấy giảm ít hơn trước. Đến năm 1936, toàn cõi Đông-dương chỉ có 364 Bác-sĩ và Y-sĩ. Về nghành này, công-trình quan trọng hơn cả của người Pháp là viện Pasteur thành lập từ năm 1905, và sau có trụ-sở ở Sài-gòn, Hà-nội, Nha-trang, Đà-lạt. Mấy nhà bác-học danh tiếng như các ông Yersin, Calmette, Roux đã có làm việc ở đây. Viện này khảo-cứu về những bệnh tật ở Việt-nam và chế ra thuốc để chữa và phòng ngừa các bệnh tật ấy.

Ở đây chúng ta không thể không nhắc lại một tai-ương ghê gớm mà đồng bào-Bắc Việt vừa phải trải qua : trận đói năm 1945, một trận đói không tiền khoáng-hậu trong lịch-sử của dân-tộc. Theo nhà chức-trách đương thời, có đến 2 triệu người chết đói, mà nguyên do rất phức-tạp : trong khi đường xe lửa đứt, gạo Nam-kỳ không ra được, nhà cầm quyền Pháp bị quân đội Nhật chiếm đóng bắt buộc phải thu một số thóc cho họ, và tự ý tích trữ một số thóc khá lớn (500.000 tấn) để chờ một cuộc đồ-bộ của quân đội Đồng-minh ; vì lạm phát, đồng bạc Việt-Nam sụt giá, các con buôn có tiền đua nhau mua gạo tích trữ ; bọn gian thương Hoa-Kiều vơ vét mua thóc ở thôn quê để chở lén sang bán ở Tàu dương bị nạn đói ; một số gạo phải dùng nấu rượu thay làm ét-xăng không nhập-cảng được.

Tóm lại, sau non một thế-kỷ Pháp-thuộc, văn-minh mới chỉ ảnh-hưởng đến thành thị, còn ở thôn quê thì những điều-kiện sinh-hoạt vật-chất và tinh-thần vẫn không thay đổi. Vì không bị những tác-dộng của kỹ-nghệ và thương-mãi tàn-thức va chạm đến, vì chạm Âu-hoa, người dân quê còn giữ được những tập-tục của tổ-tiên, biết qui chuộng những giá-trị luân-lý, đạo đức của dân-tộc, không như ở thành-thị, giới tư-sản trung-lưu và giới thanh-niên, nếp sống đã khác, lại nhiễm những tư-tưởng, quan-niệm mới-mẻ có vẻ cởi mở hơn, nhất là cá-nhan chủ-nghĩa, khiến đời sống ở thành-thị và đời sống ở thôn quê là hai cảnh-tượng trái ngược.

Tư-sản trung-lưu, tri-thức, và lao-dộng là hai hạng người do nền Pháp-thuộc làm phát sanh ở xã-hội Việt-Nam, tuy chưa phải là hai giai-cấp mạnh vững như ở các nước kỹ-nghệ Tây-phương, nhưng họ đã bắt đầu ý thức vai trò và thân-phận của họ, nhất là hạng người tri-thức, và có thể trở nên những lực-lượng chánh-trị. Trong khi hệ-thống chính-trị cũ của Việt-Nam đã sụp đổ, chưa có cái thay vào, nếu nhà cầm quyền biết nhìn xa và ý-thức rõ-ràng sự tiến triển,ắt phải để họ dự vào sự điều-khiển guồng máy chung, đợi đến khi cần, họ có thể đảm đương lấy một cách hòa-bình. Nhà cầm quyền Pháp đã không làm được như thế, thật là điều đáng trách !

## CHƯƠNG THỨ NĂM

---

### TRANH-ĐẦU GIẢI-PHÓNG

---

#### Phan-bội-Châu và Đồng-chí phong-trào Đông-Du

Sau khi đảng Càn-vương ở Trung kỳ tan rã, ở tỉnh Nghệ-an có một nhà nho tên là Phan-bội-Châu, đỗ Cử-nhân, học giỏi, văn hay, có khí-phách nhiệt-tâm thương nước thương-nòi, lại đứng ra vận-dộng cho cuộc giải-phóng quốc-gia, dân-lộc.

Năm 1902, ông bắt đầu kết-nạp các nghĩa-sĩ của đảng Càn-vương còn sót lại rồi vào Trung, ra Bắc, vào Nam tìm thêm đồng-chí. Ông Nguyễn-Thành, một kiện-tướng Càn-vương trước kia, ở phủ Thăng-bình, tỉnh Quảng-nam bàn với ông nên tìm một người trong Hoàng-tộc để tôn làm chủ cho tiện thu phục nhân-tâm và đề-nghị người cháu đích-tự vua Gia-Long là Kỳ-Ngoại-Hầu Cường-Đế, Đức Cường-Đế nhận làm Hội-chủ.

Muốn âm-kết dám quan trường, ông Phan viết quyển « Lưu-cầu huyết-lệ tân-thư » tả cái nhục nhã của người mất nước, ám chỉ vào tình cảnh nước nhà đê khích động nhân-tâm. Nhờ sách ấy, nhiều vị đại-thần

lúc bấy giờ có cảm tình với việc ông làm và tên ông cũng truyền ra trong dám nhân-sĩ khắp nước.

Những đồng-chí hệ-trọng lúc ấy là các ông Trịnh-Hiên, Lê-Võ, Đặng-thái-Thân, Thái-nam-Xương, Trịnh-công-Kiều, Chu-thư-Đồng, Tôn-thất-Toại, Ngữ-Hải v.v.. Các ông Đặng-nghuyên-Cần, Ngô-đức-Kế, Phan-chu-Trinh, Huỳnh-thúc-Khang, Trần-quý-Cáp, Nguyễn-thượng-Hiền, Lương-ngọc-Can v.v... cũng cùng ông kết-thúc đồng-tâm, nguyện đem thân ra làm việc cho nòi cho nước.

Các yếu-nhan trong hội định rắng muốn hành động cần phải có quân-giới và có cứu-viện của một nước ngoài. Cuộc Nga-Nhật chiến tranh (1904) kết-liễu. Nhật thắng một nước hùng-cường da trắng một cách vẻ-vang, vậy muốn nhờ một nước ngoài thì không nước nào hơn Nhật-bản.

Năm 1905, Phan cùng ông Tăng-bạt-Hồ, một chiến-tướng Cần-vương trước kia xuất-dương nhiều nước mới về, và ông Đặng-tử-Kính cũng là một tay đắc-lực trong đảng Cần-vương cũ, khởi hành đi Hương-cảng, Thượng-hải rồi sang Nhật.

Đến Nhật, Phan tìm gặp Lương-khai-Siêu một thanh niên học-giả Trung-quốc mà ông đã đọc nhiều tác-phẩm và vốn có lòng hâm-mộ. Ông viết để đưa Lương quyền « Việt-Nam vong quốc-sử » cho người ngoài hiểu rõ tình-trạng nước ta. Lương khuyên ông ba điều :

1.) Chú trọng đến thực-lực trong nước, lo cho quốc-dân có đủ tự-cách độc-lập, mở mang dân-trí, dân-khi, gây dựng dân-tài.

2·) Nhờ sức viện-trợ của Lưỡng-Quảng ;

3·) Nhờ Nhật-bản viện-trợ bằng thanh-thể, ngoại-giao ; nhưng nếu điều thứ nhất không có thì hai điều sau cũng không phải là hạnh-phúc. Lương lại dem Phan giới-thiệu với các nhà chánh-trị Nhật trong đảng tiến-bộ là một đảng có thế lực trong Nghị-viện lúc bấy giờ như Khuyên-dưỡng-Nghị làm Văn-bộ đại-thần, Bá-tước Đại-Ôi, một công-thần duy-tân, đã hai lần làm Thủ-tướng. Phan tỏ ý cầu-viện, Khuyên chỉ khuyên nên dem Hội-chủ Cường-Đề ra khỏi nước, còn việc Nhật giúp Việt-Nam thì chưa tiện.

Mấy tháng sau, Phan cùng Đặng-tử-Kinh về nước để lo đưa Kỳ-ngoại-Hầu xuất-dương. Nhưng chỉ ở trong nước hơn một tháng, Phan trở qua Nhật. Còn Kỳ-Ngoại-Hầu và Đặng-tử-Kinh thì năm 1906 mới qua Hương-cảng.

Lúc ấy, chương-trình hội Duy-Tân của các ông mới in xong, đại-cương có ba điều là :

1·) Bài Pháp.

2·) Khôi-phục Việt-Nam.

3·) Kiến-thiết quốc-gia Việt-Nam dưới chánh-thể quân-chủ lập-hiến.

Theo lời bàn của Lương-khai-Siêu, Phan tính đến việc đưa thanh-niên trong nước xuất-dương du-học để bồi thực nhân-tài, làm căn-bản cho nước nhà sau này. Ông bèn viết bài « khuyên thanh-niên du-học », in ra mấy nghìn bản, giao Tăng-bạt-Hồ đem về nước cõi.động

Ông Nguyễn-hải-Thần mới qua đến Nhật lúc này, tình nguyện gánh vác khoản tồn-phí cỗ-động ấy,

Ông Phan-chu-Trinh cũng đến Hương-cảng năm 1906 và cùng Kỳ-ngoại-Hầu, Phan-bội-Châu sang Nhật. Trong sự đàm-luận về chương-trình cứu-quốc, chủ trương của hai ông Phan khác nhau. Phan-bội-Châu thì muốn bài Pháp, dành lại quyền độc-lập, khi nước nhà đã độc-lập rồi mới nói đến chuyện khác, còn Phan-chu-Trinh thì muốn đánh đổ quân-chủ, vun trồng nền tảng dân-quyền, dựa vào Pháp để nâng cao trình độ quốc-dân. Sau Phan-chu-Trinh về nước, cỗ-xúy cho ý-kiến ấy, làm cho lòng người, đối với Duy-tân-hội, hoang mang, Nguyễn-Thành sợ rằng nếu Kỳ-Ngoại-Hầu mất uy-tín, nhất là ở Nam-kỳ là nơi đồng bào tôn kính và ủng-hộ ông nhiều lắm, thì sẽ sinh ra cái họa đáng tranh, nên phái người qua Nhật nhờ Hầu dàn xếp. Trong bức thư Hầu gửi về cho Phan-chu-Trinh, có câu « Dân chi bất tồn, chủ ư hà hữu ? » (Dân đã không còn thì vua sao có được ?).

Sách « Hải-ngoại huyết thư » Phan-bội-Châu viết và gửi Phan-chu-Trinh đem về đề cảnh tỉnh đồng-bào lời lẽ thông thiết, gây nhiều ảnh-hưởng trong nước.

Ở Nhật, ông lập ra Bình-ngoại-hiên làm cơ quan cho đảng cách-mệnh Việt-Nam, rồi đưa học sinh vào các trường học. Nguyễn-thúc-Canh, tức Trần-hữu-Công (sau du học ở Đức), Lương-lập-Nham tức Lương-ngọc-Quyến, Nguyễn-Điền và Chấn-võ học-hiệu, Lương-nghi-Khanh vào Đồng-văn thư viện, đều được Nhật-bản cấp học-phí. Đó là bốn học-sinh Việt-Nam vào trường học Nhật trước hết.

Nhờ Khuyền-dưỡng-Nghị giới thiệu, Phan được gặp Tôn-dật-Tiên ở Mỹ về Nhật. Sau này đảng cách mệnh Việt-Nam gặp lúc khuân-bách, có người Trung hoa giúp đỡ cũng là vì cuộc gặp gỡ ấy.

Phan qua Hương-cảng cùng Việt-kiều ở đó lập ra hội buôn lăt tên là Việt-nam thương-doàn công-hội để làm cơ-quan tuyên-truyền và liên-lạc cho đảng cách-mệnh. Nhưng chưa được một năm thì hội bị giải-tán.

Phan lại về nước, mưu lo việc đảng và cùng Hoàng-hoa-Thám ước hẹn : hội Duy-tân và Hoàng sẽ hưởng ứng, giúp-đỗ lẫn nhau. Hoàng cũng chọn một trái núi nhỏ sau đồn Phồn-xương để Phan lập nơi căn-cứ cho người Trung-kỳ. Phan cùng các đồng chí trọng yếu định phương-châm cho chương-trình hoạt-động : phái hòa-bình lo việc diễn-thuyết, cõi-động : phái kịch-liệt chuyên việc vận-động quân-dội, chuẩn-bị vũ-trang. Trường-Đông-kinh nghĩa-thục thành lập, thương-hội, học-hội ra đời ở Quảng-nam, Quảng-nghĩa, Nghệ-an. rồi đến vụ đầu độc ở Hà-nội, đều có chịu ảnh-hưởng của Phan về nước chuyến này.

Phan lại sang Nhật. Học-sinh trong nước tiếp-tục xuất dương càng ngày càng đông. Phan lập ra Việt-nam Công-hiến hội để định qui-tắc cho việc cấp dưỡng và giáo-đục của họ. Số này sang Nhật trước sau có đến hơn vài trăm người, trong đó Nam-kỳ có ướt trăm người.

Năm 1910, Pháp vin vào tờ thương-ước mới ký với Nhật yêu-cầu Chánh-phủ Nhật giải-tán đoàn học-sinh Việt-nam và trực-xuất hai ông Cường-Đề, Phan-bội-

Châu. Học-sinh người phải qua Tàu, kẻ qua Xiêm, kẻ về nước, cũng có người ở lại làm ăn để cầu học. Hai ông và đồng-chí dời căn-cứ hoạt-động sang Tàu, và biết không nhờ cậy Nhật được nữa, bèn chú mục vào đảng Cách-mệnh Trung-hoa.

Nhân trong nước, Hoàng-hoa-Thám đương đánh với Pháp và thu được thắng lợi, lại có một số tiền lớn ở nước mới gửi sang, Phan sai Đặng-tử-Mẫn sang Nhật mua 500 khẩu súng trường định gửi về giúp Hoàng. Nhưng việc chuyên chở về nước rất khó-khăn, Phan phải qua Xiêm, qua Nam - dương vận - động, chưa xong thì lại được tin Hoa-Thám khó bèle chống chọi, Phan chán nản vô cùng, đem khí-giới ấy tặng đảng cách-mệnh Trung-hoa để mong họ giúp đỡ ngày sau.

Rồi Phan sang Xiêm, ở đấy đã có nhiều đồng chí tụ tập và Phan có quen nhiều nhân vật trong hoàng-gia. Nhờ vị Hoàng-thúc và vị Hoàng-dế, một Thiếu-lướng Lục-quân, giúp đỡ tiền nong và nòng-cụ, Phan và các đồng-chí vở đất làm ruộng ở núi Bàng-thầm để chờ cơ hội.

Hay tin đảng cách-mệnh Trung-hoa thành công, Phan lại sang Tàu vận-động.

Lúc này, sau một cuộc hội-nghị giữa các đồng chí ở Nhật sang, ở trong nước đến, ở Tàu và Phan, hội Duy-tân thủ-tiêu, hội Việt-nam Quang-phục thành-lập (1912) Việt-nam Quang-phục chủ trương Dân-chủ Cộng-hòa, nhưng toàn thể đồng-chí Nam-kỳ phản-dối.

Phan có lên Nam-kinh gặp Tôn-dật-Tiên, nhưng

Trung-hoa dân-quốc mới thành-lập, Tôn không thể giúp đỡ gì được.

Việt-nam Quang-phục hội có cơ phát-triển, có kẻ nghĩ đến sự bạo-động, phái nhiều người mang tạc đạn về hoạt-động ở ba kỳ trong nước, nhưng kết quả không được gì, chỉ gây ra vụ ném bom giết chết Tuần-vũ Thái-bình là Nguyễn-duy-Hàn và hai người vô-quan Pháp ở khách-sạn Hanoi — Sau vụ này, Công-sứ Pháp ở Trung-hoa can-thiệp với chánh-phủ ấy, nhờ bắt thủ-phạm là Phan-bội-Châu, ông Cường-Đề phải lên Bắc-bình gặp Tông-Thống Viên-thế-Khai, việc mới bỏ qua được.

Năm 1913, Toàn-quyền Đông-dương là Sarraut qua Quảng-dông, trực tiếp giao-thiệp với Đô-đốc Long-tế-Quang, yêu-cầu bắt các đảng-viên cách-mệnh Việt-Nam như Phan-bội-Châu, Mai-lão-Ban đương kiều ngụ ở đó. Long-tế-Quang liền bắt Phan và Mai giam giữ. Lúc ấy Long dương thương-thuyết với Pháp mượn đường thiết-lộ Xuyên-Việt đem quân đánh quân Cách-mệnh Vân-Nam, và hẹn nếu Pháp thuân cho mượn sẽ giao Phan cho.

Cũng trong năm 1913, nhà đương cuộc Pháp ở Đông-Dương lập Hội-dồng đề-hình ở Hanoi để xử những đảng viên cách-mệnh Việt-Nam trong số đó có 14 người bị án xử-tử mà Phan-bội-Châu, Cường-Đề là hai người bị tử hình vắng mặt.

Phan-bội-Châu bị Long-tế-Quang giam giữ ở Quảng-dông bốn năm, đến 1917, Long bị quân Cách-mệnh đánh, thua chạy, mới tha cho Phan.

Trong thời-gian Âu-chiến, năm 1915, Công-sứ Đức ở Xiêm có nhờ vị Thân-vương Hoàng-thúc Xiêm là người quen biết với Phan-bội-Châu và Kỳ-Ngoại-Hầu mời người đảng Cách-mệnh Việt-Nam sang Xiêm để cùng họ bàn việc. Bấy giờ Kỳ-Ngoại-Hầu thì sang Âu-châu, Phan ở ngục, nên ông Nguyễn - thượng - Hiền, Đặng-tử-Kính đi thay. Công-sứ Đức tặng đảng Cách-mệnh Việt-Nam 10.000 đồng, mong có gây được ánh-hưởng gì (chống Pháp) trong nước thì sau sẽ giúp thêm Nhưng kết-quả của việc này, chỉ có ông Nguyễn-hải-Thần và Võ-đình-Mẫn đem một số lính về đánh đồn Tà-lung của Pháp ở biên-giới Lạng-sơn, nhưng phải thất bại.

Sau khi được Long-tế-Quang thả ra, Phan-bội-Châu qua lại Vân-Nam, Bắc-bình, Thượng-hải, Hàng-châu, Quảng-dông, Nhật-bản, hoặc thăm viếng các đồng-chí, hoặc viết báo sinh nhai, ấy là thời gian tiêu điều của ông vậy. Đây cũng nên nhắc lại việc người Pháp mưu bắt tay ông : vào khoảng năm 1918 Phan-bá-Ngọc có bàn với ông về chánh sách rộng rãi của Toàn-quyền Sarraut, cho là có thể hợp tác được và bàn với ông thảo ra quyền Pháp-Việt đề-huề chánh-kien thư. Năm sau, cũng do Ngọc làm môi-giới, một người Pháp là Néron đại-diện cho Toàn-quyền Sarraut, đến Hàng-châu gặp Phan đề nghị việc thỏa hiệp. Néron đưa ra mấy điều kiện, Phan đều từ chối.

Tháng 6 năm 1925, Phan-bội-Châu bị người Pháp bắt ở Thượng-hải, đưa về nước, Hội-dồng đề hình kết án chung-thân cấm-cõi. Vừa quan Toàn-quyền Varenne

sang nhậm chức, thấy phong-trào vận-động ân-xá nhà chí-sĩ ái-quốc sôi nổi khắp nơi, bèn tha ông, và cho về ở Huế. Năm 1940, ông mất.

Phan-bội-Châu là một nhà Cách-mệnh làm trụ cột cho tất cả công cuộc vận động độc-lập của người Việt-Nam từ sau khi đảng cầm-vương tan rã cho đến hết kỳ thế-giới chiến-tranh thứ nhất.

Những tập-tự, hy-sinh, nghĩa-kí, của ông và các đồng-chí ông còn rõ rệt trong trí nhớ của mọi người Việt-Nam và làm són-sở được một dải phần những trang sử rất tiêu-diều của nước nhà trong thời kỳ ấy.

Phan-bội-Châu và các đồng-chí cùng các sĩ-phu khác đã thi xả thân mệnh trong việc cứu-quốc Cần-vương trước kia là cái kết tinh của 2.000 năm nho-học để đối phó với một tình cảnh quốc-tán-gia vong của giống-nòi vậy.

## **PHONG-TRÀO DUY-TÂN — PHAN-CHÂU-TRINH ĐÔNG-KINH NGHĨA-THỤC**

Sau cuộc Trung-Nhật chiến-tranh, (Giáp-ngọ 1894), sĩ-phu Trung-quốc tự-nhiên giác-ngộ về các phương-pháp phú-quốc, cường-dân, và những tư-tưởng, học-thuật của văn-minh-mới. Phong-trào duy-tân sôi-nổi khắp các đô-thị, đứng đầu là hai nhà học-giả Khương-hữu-Vi, Lương-khai-Siêu hết sức cỗ-xúy việc biến-pháp,革新, làm cho sĩ-khí thêm phấn khích, các học-hội, các tổ-chức mới mọc lên như măng tre sau lúc mưa xuân vậy. Vua Quang-lự theo lời họ Khương

cũng trước sau xuống chiếu bǎi bǒ lối học báć cồ, lập học-hiệu, mở cuộc dịch sách Âu-Tàу, chấn hưng thực-nghiệp, lập hội buôn, luyện tập quân-sĩ theo lối mới, sa thải quan lại tham nhũng, mở thêm đường sá, đặt ra những đặc-khoa về kinh-tế v.v... Tiếp đến trận Nga — Nhật chiến-tranh (Giáp-thìn, 1904), Nhật-Bản thắng Nga một cách vẻ vang, lại càng thúc giục người Trung-Hoa mau lo bước lên đường văn-minh tiến-bộ.

Các trào lưu ấy bay động đến nước Việt-Nam ta. Các sĩ-phu ta đọc biết các sự tình ấy do những tân thư của Tàu, Nhật đưa sang, hoảng-nhiên thấy rằng nếu ta không lo cải-cách, duy-tân thì nước nhà không bao giờ có thể trong mong thoát khỏi vòng nô-lệ.

Rồi đi đến đâu cũng nghe nói đến hai chữ duy-tân ; và hai cái tên Khuong-hữu-Vi, Lương-khai-Siêu, các sách Âm-bǎng, Vạn-pháp tinh-lý, Xã-hội khẽ-ước luận v.v... được các nhà nho ta nhắc nhở, đem ra bàn luận chẳng khác nào Khồng, Mạnh và tứ thư, ngũ kinh trước kia vậy.

Những chí-sĩ hăng hái với việc duy-tân lúc này là các ông Phan-chu-Trinh, Đặng-tử-Kinh, Trần-quí-Cáp, Huỳnh-thúc-Khang, Ngô-đức-Kế, v.v... Ông Phan-chu-Trinh người tỉnh Quảng-nam, đỗ Cử-nhan, được bổ chức Hành-tẩu, nhưng thấy nhân dân khổ sở dưới ách Bảo-hộ và quan trường, bèn bỏ quan về lo việc cứu dân, giúp nước. Năm 1906, ông có sang Tàu, sang Nhật gặp ông Phan-bội-Châu, rồi về gửi cho Toàn-quyền Đông-dương một bức thư kể rõ những sai lầm của chính-sách bảo-hộ và những nhũng nhũng lạm của quan Trường.

Ông cùng các đồng-chí đi hô-hào, cỗ-dộng duy-tân khắp nơi. Các ông này chủ-trương cải-lương việc học, mở trường tân-học, lập hội buôn, cải-trang, khuyến-khích công-i ghệ, đòi chính-phủ phải mở mang khai-hóa cho nhân-dân. Một số nhỏ hội buôn, trường học được lập ra các nơi. Các vận-động ấy đưa đến cuộc dân chúng biểu tình xin xâu năm 1908, ở các tỉnh Quảng-nam, Quảng-ngãi, Hà-Lĩnh, Nghệ-an, Bình-định : hàng nghìn người đều mặc áo cộc, tóc cúp, kéo đến huyện, phủ-ly, tỉnh-ly yêu cầu giảm nhẹưu thuế ; đi giữa đường gặp ai mặc áo dài thì họ xé ngắn, để tóc dài thì họ cúp đi cho, rồi bắt nhập vào đoàn biểu tình. Sau người ta gọi cuộc biến động ấy là vụ xin xâu hay vụ cúp tóc. Kết-quả, một số nhân-sĩ ở Trung, Bắc-kỳ bị bắt, bị tù.

Kiện-tướng trong đám nhà nho vận-động duy-tân lúc ấy là Phan-chu-Trinh. Trong công cuộc vận động giải-phóng dân-tộc, ông chú trọng đến văn-hóa và kinh-tế hơn. Ông hô hào cho việc mở mang dân trí, bãi bỏ những điều hủ bại. Nhất là ông đem cái tư-tưởng dân qui, nước trọng, vua là nhẹ di cỗ động khắp nơi, đánh thức quốc-dân về chủ nghĩa dân quyền để làm nền tảng cho công cuộc cách-mệnh quốc-gia. Tư-tưởng dân quyền được truyền-bá nhiều nơi trong nước bắt đầu từ đó và là do ông vậy. Sau cuộc xin xâu năm 1908, ông bị bắt giam, rồi đưa ra Côn-lon an tri. Năm 1911, nhờ hội Nhân-quyền can thiệp, ông được tha, ông liền xin qua ở Pháp, làm nghề chụp bóng để sinh nhai. Năm 1922, vua Khải-Định sang Pháp, ông có gửi nhà vua một bức thư, chỉ trích mấy điều. Năm 1925, ông về nước, năm

sau, mất ở Sài-gòn, được đồng-bào lo tống táng rất trọng hậu.

Một tổ-chức có ảnh-hưởng nhiều cho công-cuộc duy-tân thuở ấy là trường Đông-kinh Nghĩa-thục. Vì thấy Chánh-phủ chậm mở-mang tân-học cho ta, nên mấy nhà nho duy-tân đứng ra mưu lo việc ấy. Trường này lập lên năm 1907 ở Hanoi, do các ông Nguyễn-Quyền, Ngô-đức-Kế, Lương-ngọc-Can, Dương-bá-Trạc, Đào-nghuyên-Phỗ, Phan - huy - Thịnh, Hoàng-tăng-Bí v.v... Trường dạy không tiền cho thanh-niên nam-nữ cả ba thứ chữ Việt, Hán, Pháp nhưng chuyên trọng Việt-văn, khoa-học và công-nghệ thường-thức, thỉnh thoảng lại tổ-chức những buổi diễn-thuyết về các vấn-dề văn-hóa, khoa-học v.v... Trường còn soạn những sách giáo-khoa, những bài ca cho học-trò dùng và in phát không cho dân chúng nữa. Những bài ca ấy cõi-động tinh-thần quốc-gia, lời văn giản-dị mà ý tứ nồng-nàn, được truyền-bá nhiều trong nước.

Nhà đương cuộc Pháp biết đây là một tổ-chức cách-mệnh, nên Đông-kinh Nghĩa-thục hoạt-động được chín tháng thì bị đóng cửa, các người cầm đầu bị bắt, bị tù.

### MẤY CUỘC MƯU-TOAN BẰNG BINH - CÁCH

#### Cuộc âm-mưu khởi-nghĩa của vua Duy-tân

Vua Đồng-Khánh thăng-hà ngày tháng chạp năm Mậu-tý (1888).

Đức Bửu-Lân, con vua Dục-Đức, lên nối ngôi, niên hiệu Thành-Thái.

Vua Thành-Thái thông minh, cũng có nǎo duy-tân. Nhưng từ bấy giờ, trong hàng quan lớn đã có kẻ muốn mua cảm tình người Pháp, quyền bính của chánh-phủ và của nhà vua phải thu hẹp lǎn lǎn và ở triều-dinh cũng không còn được kỷ-cương như trước nữa, Vua Thành-Thái lấy thế làm khó chịu (1) Vua có nhiều hành động không thường, để nhà cầm-quyền Pháp lấy cớ là vua không được khỏe mạnh nên đến năm 1907 (định-vị) bị buộc phải thoái-vị, đưa an-trí ở Cap Saint Jacques rồi đảo Réunion.

Con thứ Ngài là đức Vĩnh-San, mới 8 tuổi, lên kế vị, lấy niên hiệu Duy-tân.

Vua Duy-Tân là một bậc thông-minh lối-lạc, và tuy còn ít tuổi mà tinh-thần vì nước vì dân rất nồng-nàn. Trong thời Ngài ở ngôi, trái với hòa-ước 1884, quyền định-doạt mọi việc đều ở trong tay chinh-phủ bảo-hộ, Ngài nhiều lần bày tỏ sự bất-bình với Triều-đình và quan Pháp.

Âu-châu đại-chiến thứ nhất phát-sinh. Nước Pháp lâm vào tình thế khó khăn. Lính Pháp ở Đông-dương một phần lớn phải dưa về nước dự chiến. Một nhóm chí sĩ hầu hết là người đã dự vào phong-trào xin sưu năm 1908 muốn nhơn cơ-hội để lật đổ nền thống-trị Pháp, bèn tổ-chức một cuộc âm-mưu để đạt mục-dich này. Những người cầm đầu là Lê-Ngung, Trần-cao-Vân, Thái

---

(1) Võ vō, văn văn ý cảm bào, trâm vi Thiên-tử độc gian-lao...

Phiên, Phan-thành-Tài, Lê-Dương (y-sĩ). Võ-văn-Trú (Thư-ký tòa Sứ). Họ biết vua Duy-Tân là người có chí lớn, nên mời vua vào cuộc. Trần-cao-Tân và Thái-Phiên thường giả đi câu cá, theo đường thủy đạo vào nội, tâu dối với Ngài. Họ lấy việc Phụ-hoàng bị an-trí, việc Đại Trú-sứ Mahé đào mả vua Tự-Đức (1913) để khích-thích thêm lòng bất mãn của nhà vua trẻ tuổi. (1)

Chương-trình của họ là dùng lực-lượng của độ vài nghìn lính mìn đương luyện lập ở Huế (để đưa sang Pháp) và các hạng lính khố đỏ, khố xanh ở Huế và các tỉnh để chiếm lấy kinh-dô và ba tỉnh Thừa-Thiên, Quảng-nam, Quảng-nghĩa làm căn-cứ, lật đổ Chính-phủ Nam-triều, đặt Chính-phủ khác và tôn đức Duy-Tân lên làm vua lại.

Trong công cuộc này, Trần-cao-Vân được cử làm Quản-sư, Thái-Phiên có nhiệm-vụ kết nạp đảng-viên Võ, văn-Trú cỗ động lính mìn, Phan-thành-Tài làm Nam-nghĩa Kinh-lược, Lê-Ngung làm Nam-nghĩa dĩ-nam chư tỉnh Kinh-lý, Lê-Dương làm Quảng-nam Tông-irǎn.

Sắp đặt xong xuôi, người ta định rằng đúng một giờ sáng mồng 2 tháng tư năm Bình-thìn (1916) tức là ngày mồng 3 tháng 5 năm 1916 thì khởi sự và trong đêm ấy vua Duy-Tân sẽ xuất cung để tránh ngôi vua rồi sau khi thành công sẽ phục-vị.

Chẳng dè chiều ngày mồng 2 Dương-lịch ở Quảng-nghĩa, một tên lính giảng tên là Võ-Huệ, vì có em là Võ-An, lính tập, là người dự vào cuộc âm-mưu nói cho

---

(1) Phụ-hoàng, Hoàng-dế hà tội kiến thiên? Đức-lôn tôn lăng hà cỗ kiến quật?

biết sắp có sự biến-động, nên Huệ xin phép về nhà nghỉ. Quan tinh cật vẫn Huệ, và do đó người ta biết việc sắp xảy ra. Viên Trú-sứ De Tastes lập tức điện về Huế. Nhà chức trách Pháp ở kinh liền cho thu hết súng đạn, và giữ hết binh lính trong các đồn trại, không cho ra ngoài. Biết việc bại lộ, Võ-văn-Trú sang thú với viên Đại Trú-sứ. Nhờ thế, nhà chức trách càng rõ thêm mưu mô.

Tối hôm ấy, lúc 8 giờ, vua Duy-Tân rời bỏ cung điện, định vào Quảng-nam. Trong mấy ngày sau, các tỉnh Huế, Quảng-ngãi đều được yên lặng, chỉ ở Quảng-nam, phủ Tam-kỳ bị đánh phá, viên tri-phủ bỏ trốn. Ba ngày sau, ngày vua xuất cung, người ta tìm được vua ở một ngôi chùa gần Nam-Giao. Các người dự vào cuộc âm-mưu đều bị chém hoặc bị đầy. Vua bị giữ ở Mang-cá rồi đưa sang au-trí ở đảo Réunion.

### Cuộc khởi - nghĩa Thái - Nguyên

Trong lúc Pháp bận chiến-tranh với Đức, người Việt-Nam mưu thừa cơ-hội để lật Pháp, ngoài vụ vua Duy-Tân và vụ đánh đồn Tà-lung đã nói trên kia, còn vụ khởi nghĩa ở Thái-nguyên năm 1917 là quan trọng.

Nguyên bảy giờ có nhà cách-mệnh Lương-ngọc-Quyến, con ông Lương-văn-Can xuất thân trường võ-bị Chân-võ Nhật-bản, bị người Anh bắt ở Hương-cảng rồi giao cho người Pháp, kết án về tội bạo-động ở biên giới và giam ở nhà lao Thái-nguyên. Ở đây, Quyến tìm cách cỗ-dộng anh em binh-sĩ về nghĩa ái-quốc và được nhiều người nghe theo. Họ nghĩ rằng hễ họ đánh Thái-nguyên thì tất nhiên các nhà cách-mệnh

hai ngoại sẽ mang quân về giúp. Quyết cùng một viên đội khổ xanh ở dồn Thái-nghuyên là Trịnh-văn-Cẩn sắp đặt việc khởi nghĩa.

Đêm hôm 13 tháng 7 năm Đinh-ty (31-8-1917) viên đội Trịnh-văn-Cẩn cầm đầu 200 lính nổi dậy, lấy danh nghĩa Quang-phục-quân.

Họ bắt đầu hạ sát viên giám-binh Pháp, rồi chiếm các công - sở, phá nhà lao, giết viên đề lao người Pháp, giải phóng hết tù-nhân và đánh trại lính Lê - dương Trịnh-văn-Cẩn được tôn làm Thái-nghuyên Quang-phục-quân Đại Đô-đốc.

Nghĩa-quân làm chủ Thái-nghuyên được ba ngày. Nhưng vì trại lính Lê-dương không phá được mà lại có viện-binh Pháp từ Hà-Nội kéo lên, nên họ phải rút vào rừng. Lương-ngọc-Quyết vì bệnh, đi theo không được, kháng khai tự tử. Trịnh.văn.Cẩn ẩn hiện quanh miền Tam - đảo, Yên-thế, 300 quân tử trận mòn-mỏi lần lần. Cách mấy tháng sau, thấy thế-lực mình đã hết, Cẩn dùng súng tự tử trong một hang núi (tỉnh Phú-thọ).

### Cuộc khởi nghĩa Yên-Báy

Từ khi ông Phan-bội-Châu bị bắt, bị hội đồng đề hình kết án khóc sai chung thân rồi được ân-xá, ông Phan.chu.Trinh ở Pháp về, chết ở Sài-gòn, tinh thần ái-quốc lại nổi dậy, bồng bột, trong đầu óc người Việt-Nam, nhất là hạng thanh-niên trí-thức,

Năm 1927, một đảng cách mệnh ra đời, lấy việc tranh thủ độc-lập cho tộ-quốc làm mục-đích, Việt-Nam

Quốc dân đảng, lãnh đạo là Nguyễn-thái-Học, Nguyễn-khắc-Nhu. Đây là một đảng cách mệnh đầu tiên trong nước, có tổ chức hẳn hòi, Năm 1929, vì vụ ám sát người chủ mờ phu Bazin đảng bị vỡ lở, một số lớn đảng viên bị bắt, bị tù,

Đầu năm 1930, Việt-Nam Quốc-dân-đảng mưu một cuộc tổng bạo-động trên toàn hạt Bắc kỳ để cướp chính-quyền.

Đêm hôm mồng 9 rạng ngày mồng 10 tháng 2, chi bộ Yên-báy bắt đầu khởi nghĩa, Trong 600 lính khổ đỏ đồn binh Pháp ở Yên báy, có một số đã âm kết với các đồng chí Q.D.Đ Tối ấy, trong ứng ngoài hiệp, họ chia nhau đánh các trại lính và giết các sĩ quan Pháp. Kết quả, có 5 sĩ quan và 6 lính Pháp bị giết, 10 sĩ quan hạ sĩ quan, lính Pháp bị thương. Sáng hôm sau, quân Pháp phản công và đánh đuổi được nghĩa quân ngay.

Đồng thời, đêm hôm sau, Nguyễn-khắc-Nhu cũng điều động đồng chí đánh Hưng-hóa và Lâm-thao để mưu tiến đến tỉnh Phú-thọ. Nhưng vì đã nghe tin việc Yên-báy, nhà chức trách Pháp ở Hưng-hóa dễ phòng rồi nên quân cách - mệnh không thu được kết quả gì, Nguyễn-khắc-Nhu liền đánh phủ Lâm-thao, nhưng quân Pháp đến cứu ứng, quân cách mệnh thua chạy. Nhu bị thương, bị bắt rồi tự tử trong lao.

Đêm hôm mồng 10 ấy, ở Hà-nội Đoàn-trần-Nghiệp (tức Ký Con) cũng điều động nhiều người ném lựu đạn vào các sở Mật-thám, sở Cảnh-sát và cắt nhiều đường điện tín.

Thấy việc Yên-báy thất bại và ở các tỉnh đâu cũng canh phòng cẩn mật, quân cách-mệnh biết việc đánh các đồn binh khó thành công được, vì vậy họ nghĩ nên đi đánh các phủ, huyện để lập căn cứ.

Đoàn-văn-Thế và các đồng-chí cách-mệnh ở Thái-bình chiếm huyện Phụ-dực.

Đêm 15 rạng ngày 16 tháng ấy, Trần-quang-Diệu và các đồng-chí chiếm huyện Vĩnh-bảo (Hải-dương) giết viên Tri-huyện.

Hôm sau, nhà chức trách Pháp cho quân đến đánh đuổi quân cách-mệnh ở các nơi ấy, và cho phi-cơ dội bom triệt hạ làng Cồ-am là nơi quân cách-mệnh ẩn náu.

Toàn hạt Bắc-kỳ náo động và kinh-khổng. Ngày 20 tháng ấy, Nguyễn-thái-Học bị bắt ở ấp Cồ-vịt (Hải-dương).

Tháng sau, ông bị đem xử ở Hội-đồng đền-hình nhóm ở Yên-báy cùng các đồng chí đã dự vào cuộc khởi-nghĩa 10-2.

Ngày 17 tháng 6, cũng ở Yên-báy, Nguyễn-thái-Học và 12 đồng-chí lên đoạn đầu dài, hầu hết đều hõ :

**Việt-Nam vạn-tuế !**

### **Các Đảng cách-mạng, chính-trị khác.**

Sau khi hòa-ước bảo-hộ thành-lập công-cuộc bình định của người Pháp lần lần có hiệu quả, phong-trào Cần-vương tan rã, ở Trung-Kỳ chỉ còn ông Phan-dinh-Phùng, ở Bắc-Kỳ, ông Đề-Thám và mấy tay cù-mục

tiếp-tục chiến-dấu, nhưng chiến-dấu một cách khó-khăn hơn trước. Trong mươi mấy năm đầu của cuộc bảo-hộ, việc nội-chính như tuyển bồ quan lại, ấn định thuế khóa, và việc giáo-dục, khoa-cử v.v... đều thuộc quyền Triều - đình, tuy các tỉnh có chức Công - sứ, nhưng không can dự đến, nên trừ một số ít người hiểu biết và người trong đảng Cần-vương còn sót lại, còn đa số dân-gian không thấy quyền người Pháp, chỉ lo cày ruộng, nạp thuế, yên ổn làm ăn, không khác gì ở các triều trước.

Thấy tình hình đã hơi yên, Chánh-phủ bảo-hộ bắt đầu dự vào nội-trị Trung-ky và can thiệp chặt chẽ thêm ở Bắc Kỳ. Năm Thành-Thái thứ 10 (1898), theo lời yêu cầu của Toàn quyền Paul Doumer, vua xuống Dụ khen các làng phải đặc lại diền-thổ, buộc phải gia thăng diện-tích, đồng thời thi hành các thứ thuế mới như : thuế chợ, thuế kiểm-lâm, thuế muối v.v... và đổi cách nạp thuế định bằng bạc, mỗi suất-định và công-ích, tư ích là 2\$20. Ở Bắc kỳ thì trước đó thuế định, thuế diền đều đã gia tăng, và nay cũng thi hành các thứ thuế mới. Các biện pháp tài chánh ấy trái ngược với quan niệm cổ truyền của người dân quê, họ nghĩ rằng nhân chính là giảm xâu, nhẹ thuế, điều đã thường thấy ở các triều trước kia. Mà hỏi ra thì ấy là do lệnh của Chính-phủ bảo-hộ, chứ không phải ý muốn của Triều-đình, nên cái lòng thù Pháp hơi nguội một lúc, nay tự nhiên nung nấu lại.

Nhưng nhớ lại cuộc thất bại của phong-trào Cần-vương, hạng người có ý-thức biết rằng muốn mưu

dồ việc chống Pháp, người Việt-Nam cần phải có những khi giới khác, những sức mạnh khác nữa, chứ không phải chỉ nhờ gươm đao và một tấm lòng son mà thành công được. Trong khi ấy, các sách nói về cuộc Duy-tân Minh-trị, các tân-thư của Khương, Lương, các chính biến ở Tàu và cuộc chiến thắng của Nhật năm 1904 truyền sang, khích thích dân tâm, rồi gây ra phong trào Đông-du, việc cầu cứu nước Nhật, việc cúp tóc, Âu-trang, xin xâu, mở trường học, lập hội buôn. Tin vua Thành-Thái bị đầy (1907) quả là một tiếng sét đánh ngang tai một dân-tộc đương tôn sùng quân-chủ. Vừa thương vua (1), vừa phản khích, nhân dân biết rằng ngôi vua đã hết uy-quyền. Triều-đình vô dụng, không còn trông cậy gì được nữa.

Rồi sau cuộc cách-mạng Tân-hợi (1911) của Tàu, những tư-tưởng dân-chủ, dân quyền lần lần du nhập, lại nhàn văn-minh Tây-phương ảnh hưởng đến tình trạng xã-hội, kinh-tế của xứ sở, các nhà *Cách-mạng ái-quốc*, trong công cuộc tranh đấu giải phóng, đã tổ chức đoàn thể chặt-chẽ hơn, nêu lên những mục-phiêu phức-tạp hơn.

Sau cuộc thất bại của vua Duy-tân, của đội Cấn, tiếp đến cuộc thắng trận của Pháp trong Âu-chiến, nước Pháp mạnh thêm uy thế, các nhà cách-mạng trong nước tạm ngưng hoạt động, và những lời kêu gọi của các nhà Cách-mạng ở nước ngoài cũng ít người hưởng ứng. Bấy giờ một số người trí-thức quay ra dùng đường

---

(1) Ngày xe lửa đưa vua đi, dân gian ở Huế có nhiều người khóc, có người ra nằm trên đường xe lửa để cản trở.

lối ôn-hòa để tranh đấu, công khai lập chính-đảng, gây phong-trào để đòi hỏi những cải cách.

Ở Nam-kỳ, năm 1923, các ông Bùi-Quang-Chiêu, Nguyễn-phan-Long lập đảng Lập-hiến đòi Chính-phủ thuộc-địa thực hiện tự-do, dân-chủ, và cởi mở về chính trị, kinh-tế để cho người Việt lần lần theo kịp người các nước. Họ có vỗ dân-chúng giành lại các mối lợi kinh-tế, quyền tự-do kinh doanh. Đảng Lập-hiến hoạt động mạnh-mẽ, và đến năm 1925 trong cuộc bầu cử Hội-Đồng-Thuộc-Địa, các ứng cử viên đảng này đều trúng cử. Năm 1926, ông Bùi-quang-Chiêu sang Pháp để yêu cầu Chánh-phủ thực hiện những điều cải cách, ông được tiếp đãi trọng hậu, nhưng không thu được kết quả gì. Nhưng đảng Lập-hiến mà thành-phần là những người tân-tư-sản, lần lần khuynh về ôn-hòa và bảo thủ, nên mất ảnh hưởng trong dân chúng.

Ở Bắc-kỳ, năm 1930, nhà học giả Phạm-Quỳnh viết một loạt bài báo đòi hỏi chánh-quyền Pháp cải-cách chế-độ ở Trung, Bắc-kỳ: giao thực-quyền lại cho Triều đình Huế, dùng một lớp người mới ra làm việc, chánh-quyền Việt-Nam có một viện Dân-biểu trợ lực, chính phủ bảo-hộ chỉ giữ nhiệm-vụ cố vấn và kiểm-soát. Các đòi hỏi ấy cũng được người Pháp để ý đến phần nào, nhưng kết quả lớn hơn chỉ là ghế Thượng-thư trao cho ông liền sau đó.

Năm 1925, đảng Phục-Việt thành-lập ở bắc Trung-kỳ, do một nhà nho ái quốc bị đày Côn-lon về, ông Lê-văn-Huân, đề xướng. Sau đổi tên là Tân-Việt cách-

mạng-dảng, và kết tập được một số thanh-niên trí-thức tân-học cấp-tiến. Đảng Tân-Việt đã gây ra những cuộc bãi khói của học-sinh, biểu tình của dân chúng để xin ân-xá ông Phan-bội-Châu, hoặc để dự đám tang ông Phan-chu-Trinh, hoặc để phản đối chính quyền người Pháp. Nhưng rồi bị khủng bố, đảng Tân-Việt tan rã lần, một số đảng viên bị Đông-dương Cộng-sản đảng thu hút.

Từ khi đảng Cộng-sản Trung-hoa thành lập (1920), và các ông Nguyễn-ái-Quốc, Borodine hoạt động ở Tàu, một số thanh-niên cách-mạng Việt-Nam lanh minh & dũng đã bị hai lanh tụ ấy lôi kéo về chủ nghĩa Mác-xít. Ở trong nước, từ sau cuộc Âu-chiến 1914-1918, tư-bản Pháp đưa sang thêm nhiều, các đồn điền, các sở mỏ, các xí-nghiệp đều phát-triển, số nhàn-công và thợ thuyền cũng đông thêm. Số người nghèo khổ này rất dễ bị Cộng-sản tuyên-truyền. Ấy là những đảng-viên Cộng-sản Việt-Nam đầu tiên ở ngoài nước và trong nước.

Năm 1925, Thanh-niên Cách-mạng đồng-chí-hội thành lập ở Quảng-châu (Trung-quốc), do Nguyễn-ái-Quốc chỉ huy, đặt dưới quyền lãnh đạo tối-cao của Borodine. Hội này vốn là chi bộ Việt-nam của hội Á-lé-Á như tộc-tiều dân-tộc của Cộng-sản đê-lam. Năm 1929, Thanh-niên Cách-mạng đồng-chí-hội họp đại-hội ở Hương-cảng, có ba đại biểu thuộc các tổ-chức Cộng-sản trong nước sang dự. Tuy đều là đảng-viên Cộng-sản, các đại-biểu dự hội chia làm hai ý-kien : một số muốn đổi tên Thanh-niên Cách-mạng đồng-chí-hội thành Đông-dương

Cộng-sản-đảng, số kia muốn giữ tên cũ để trá hình thức giải-phóng dân-tộc mới tiện hoạt động. Các đại-biều trong nước trở về nước, đại-biều ở Bắc-kỳ thì lập ra Đông-dương Cộng-sản-đảng, đại-biều ở Trung-kỳ lập An-nam Cộng-sản-đảng.

Năm 1927, Việt-nam Quốc-dân-đảng ra đời ở Hà-nội, do Nguyễn-thái-Học, Nguyễn-khắc-Nhu lãnh đạo, tổ-chức theo-kiểu Quốc-dân-đảng của Trung-hoa, lấy Tam-dân chủ-nghĩa làm tôn-chỉ, nhắm mục-dich giải-phóng dân-tộc khỏi-ách Pháp, và lập Cộng-hòa Dân-quốc. Đảng hành trường rất mau và mạnh, thu hút được nhiều học sinh, binh-sĩ, phụ-nữ, có chi-bộ ở Bắc và bắt đầu lan vào Trung, Nam. Từ cuối năm 1929, Việt-nam Quốc-dân-đảng bị mật thám Pháp khám phá được nhiều chỗ chứa bom đạn mà đảng đã tự chế, và nhân xẩy ra vụ ám-sát tên thực-dân Bazin, đảng-viên bị theo dõi và đàn áp. Vì đó, đảng phải quyết định một cuộc bạo động, và cuộc khởi-nghĩa Yên-báy bùng nổ.

Năm 1927, ở Nam-kỳ, ông Nguyễn-an-Ninh thành lập một tổ-chức bí-mật ở Hóc-môn, có khuynh hướng Cộng-sản, chủ-trương chia ruộng đất cho nhân-dân. Sau hơn một năm hoạt động, tổ-chức bị người Pháp khám phá, ông Nguyễn-an-Ninh bị bắt, đầy ra Côn-lon.

Năm 1930, Nguyễn-ái-Quốc thống-nhất hai đảng Đông-dương Cộng-sản ở Bắc và An-nam Cộng-sản ở Trung dưới danh-hiệu Đông-dương Cộng-sản-đảng, Nguyễn-ái-Quốc giữ chức Bí-thư chi-bộ Đông-phương, phụ trách đảng Cộng-sản Đông-dương. Năm sau, Đông-dương Cộng-sản đảng được Đệ-tam quốc-tế thừa nhận.

Thừa cuộc kinh-tế khủng-hoảng, thợ thuyền, nông-dân ở Việt-nam đương đói rét, lầm than, đảng Cộng-sản Đông-dương hoạt động mạnh-mẽ, hô hào đấu tranh giai-cấp và đã gây được khắp nước những cuộc biểu-tình đình-công lớn lao trong giới công-nhân và giới-nông dân nữa. Từ tháng 5 năm 1930 đến tháng 9 năm 1931, ở các tỉnh Nghệ-an, Hà-tĩnh, Quảng-nghĩa (Trung-kỳ) hàng nghìn nông-dân kéo đến các huyện, phủ-ly, đòi giảm thuế, phá các trụ sở hành-chánh, các nhà hương-hội, đốt sổ-sách. Ngày 12.9.1930, 6000 nông-dân kéo đến Tịnh (tỉnh-ly Nghệ-an), Ủy-ban Xô-viết Nghệ-an thành-lập, lệnh chia đều ruộng đất ban bố.

Ở Nam-kỳ, năm 1930, nhân-công đồn-diền cao-su Phu-giêng treo cờ đỏ. Các đồn-diền Dầu-tiếng, Xa-cát làm theo. Tháng 5 năm 1930, nông-dân biểu-tình ở Sa-déc, 10 người bị chết. Tháng sáu, 2.500 người biểu-tình ở Vĩnh-long. Tháng 4 năm 1930, 3000 thợ nhà máy bông Nam-định đình-công, tháng 8, nhân công sở Trường-thị đình công. Năm 1932, cu-li xe ở Huế, Sài-gòn đình công. Cuộc đàn áp của nhà cầm quyền Pháp rất là tàn khốc. Hàng ngàn người bị bắt, bị đày, bị giết. Nhưng bài phóng-sự của Roubaud, của Viollis làm cho dư luận Pháp cảm động.

Năm 1932, phái Đệ-tứ Quốc-tế ra đời ở Sài-gòn, do Tạ-thu-Thâu, Trần-văn-Trạch lãnh đạo, hoạt động công-khai bằng báo chí. Phái Cộng-sản Đệ-tam (Nguyễn-văn-Tạo, Dương-bach-Mai) đương bị đàn áp, thay đổi đường lối tranh đấu, bèn kết liên với phái đệ-tứ, dùng tờ-báo La Lutte để cỗ động các tầng lớp vô sản; họ đều trúng cử

trong vụ bầu cử Hội đồng thành phố năm 1933. Nhưng đến năm 1936, vì sự thành lập Mặt trận Bình-dân bên Pháp, hai phái Đệ tam và Đệ tứ ở đây ly khai. Đến năm 1939, Mặt trận Bình-dân Pháp tan rã, nhà cầm quyền Pháp tự-do đàn áp cả hai phái. Phái Đệ tam lui vào bí mật, còn Đệ tứ thì từ đó trở đi không thấy hoạt động gì nữa.

Năm 1937, ở Nam-kỳ, ông Nguyễn-văn-Thinh xướng lên phong-trào dân-chủ, đòi chính-quyền Thuộc địa thực hiện chế-độ tự-trị (dominion) cho Đông-dương, mở rộng cho thế-chế bầu cử cho người Việt ở Nam-kỳ, cải cách về kinh-tế, xã-hội, nâng cao đời sống tá-diễn.

Đại chiến thứ hai xảy ra, nước Pháp đầu hàng, các nhà ái quốc cách-mạng Việt-Nam trong nước cũng như ngoài nước, đều tăng gia hoạt động. Nhưng từ đây họ bị bắt buộc tranh đua với một lực lượng chính-trị trái ngược lý-tưởng là đảng Cộng-sản.

Quân-đội Nhật-bản chiến-tranh ở Trung-hoa thừa dịp Pháp đã đầu hàng Đức, ngày 22-8-1940, tràn qua biên-thùy Việt-Nam, đột nhập Lạng-sơn, Một đoàn quân của Việt-Nam Phục-quốc-hội do hai ông Trần-trung-Lập Đoàn-kiêm-Điềm lãnh đạo, nhận cơ-hội ấy, nồi lén đánh Pháp ở Lạng-sơn và các nơi lân cận. Nhưng rồi Pháp — Nhật thỏa hiệp, Nhật bỏ rơi Phục-quốc-quân. Cô lập, bị Pháp tấn công, ông Trần-trung-Lập bị bắt, các binh sĩ chạy về tránh ở đất Trung-quốc.

Ở Hanoi, đảng Đại-Việt dân chánh thành lập, được Nhật che chở, thu hút được nhiều đảng-viên trong giới trí-thức và sinh viên. Nhưng sau khi được Pháp nhượng

bộ, Nhật bỏ rơi đảng này, đế Pháp đàn áp, một số đảng viên bị bắt, ông Nguyễn-tường-Tam trốn sang Tàu.

Đảng Đại-Việt quốc-dân do ông Trương-tử-Anh thành lập năm 1941, sau một thời gian hoạt động, bị Pháp đàn áp, suy yếu lần.

Đã từ lâu, các phần tử cách mạng Việt-Nam mõi khi thất bại hoặc bị truy lùng thường qua nương náu ở các tỉnh Hoa-nam giáp tiếp Việt-Nam, nhất là ở Vạn-nam, Quảng-châu, Nam-ninh v.v... Người ta nhận thấy ở đây người đảng Quang-phục còn lại, người các đảng Phục quốc, Việt-Nam Quốc-dân-đảng, Đại-Việt dân-chinh v.v... và các lãnh tụ có uy tín như các ông Nguyễn-hải-Thần, Trương-bội-Công, Lý-Đông-A. Ngoài ra, còn một số đảng-viên Đông-dương Cộng-sản đảng do Nguyễn-ái-Quốc lãnh đạo. Các nhà cách-mạng Việt-Nam ấy được nhà cầm quyền Trung-hoa dung túng, hoặc cho vào học các trường quân sự, hoặc dùng trong quân đội, có khi trợ cấp cho tiền bạc nữa. Ấy là vì người Tàu nghĩ rằng các phần-tử ấy có thể giúp ích họ khi cần đế đối phó với chính quyền Pháp về vấn đề Việt-Nam. Từ khi cuộc Âu-chiến thứ hai xảy ra và người Nhật can-thiệp vào Bắc-Việt, nhà cầm quyền Trung-hoa tăng-gia sự giúp đỡ, khiến họ về nước lấy tin tức và tổ-chức quân du-kích chống Nhật. Bấy giờ, các lãnh tụ Cộng-sản ở trên đất Tàu thấy cần phải trá hình dưới mặt nạ quốc gia mới được chánh phủ Tàu cho lưu trú và lôi kéo được các phần-tử quốc-gia chân-chính, nên năm 1941, lập mặt trận Việt-Nam Độc lập Đồng-minh-hội, gọi tắt là Việt-minh, với khẩu hiệu đoàn-kết các tầng lớp nhân-dân chống phát-xít Pháp và Nhật.

Tuy vậy, chán-tướng của Nguyễn-ái-Quốc cũng không thoát khỏi mắt người Tàu, đầu năm 1942, họ biết ông là một lãnh-tụ Cộng-sản quan trọng, nên bắt giam.

Năm ấy, nhà cầm quyền tỉnh Quảng-dông là tướng Trương-phát-Khuê và bộ tướng Tiêu Văn muốn tụ họp tất cả các nhóm Việt-Kiều cách-mạng lại trong một mặt trận duy nhất.

Tháng 10 năm 1942, họ họp đại hội ở Liễu-châu, Việt-minh có tham dự, còn Đông-dương Cộng-sản đảng thì không được mời, và thuận-ưng gia nhập một mặt trận gọi là Việt-Nam cách-mạng Đồng-minh-hội, cử ông Nguyễn-hải-Thần làm chủ-tịch. Nhưng về việc thành-lập một ban Quản-trị trung-ương thì các đảng không đồng-ý nhau được. Đề-tổ tinh-thần đoàn-kết, năm 1943, ông Nguyễn-hải-Thần can-thiệp với tướng Trương-phát-Khuê xin tha ông Nguyễn-ái-Quốc. Được tha ra, Nguyễn-ái-Quốc liền đổi tên là Hồ-chí-Minh.

Đại-hội ở Liễu-châu lần trước chưa thành-công hoàn-toàn, tháng 3 năm 1944, tướng, Tiêu-Văn lại đề-nghị triệu-tập một đại-hội thứ hai, cũng ở Liễu-châu. Lần này các đảng cách-mạng đều thỏa-thuận ở trong mặt trận Việt-Nam Cách-mạng Đồng-minh-hội, và tổ-chức một Chánh-phủ Cộng-hòa Việt-Nam lâm-thời, cử ông Trương-bội-Công làm Chủ-tịch, và các ông Nguyễn-hải-Thần, Hồ-chí-Minh, Vũ-hồng-Khanh, Tùng-Sơn, Bồ-xuân-Luật, Nghiêm-kế-Tồ làm hội-viên, để chống đánh phát-xít Nhật và Pháp mà thu hồi độc-lập cho nước nhà.

Mang chiêu-bài quốc-gia ấy, và nhờ tiền-bạc của Chánh-phủ Trung-hoa cung-cấp, Hồ-chí-Minh cho cán-bộ

về Bắc.việt xây-dựng cơ-sở, tổ-chức những đoàn-thề cứu-quốc, thu-thập tin-tức cho Đồng-minh, quấy rối quân Nhật bằng chiến thuật du-kích, và tuyên-truyền cho mặt trận Việt-minh.

Hồ.chí.Minh và Việt-minh biết rằng vận-mạng của Việt-Nam sẽ định-đoạt tại đất Việt-Nam, và ai có mặt trước sẽ ăn phần, nên đã lanh chân đi trước, chứ không chần-chờ, đợi thảo-luận, đợi đồng ý như các nhân-viên kia của Chính-phủ lâm-thời. Biến-cố ngày tháng 8 năm 1945 sẽ tỏ rõ ràng họ thấy rõ !

## CHƯƠNG THỨ SÁU

---

### NHẬT CAN-THIỆP VÀO ĐÔNG-DƯƠNG CUỘC ĐẢO-CHÁNH NGÀY 9-3-1945

---

Quân Nhật đã chiếm nhiều nơi ở Hoa-nam nhưng Chánh-phủ Tưởng-giới Thạch ở Trùng-Khánh vẫn tiếp-tục kháng-chiến, nhờ khí-giới của Đồng-minh gửi-giúp, do con đường Miền-diện và con đường Bắc-việt đưa tới. Con đường Bắc-việt tiện-lợi nhất; khí giới của Hoa-ky đưa đến hải-cảng Hải-phòng, rồi dùng đường xe lửa Hải-phòng — Vân-nam chở qua Trung-hoa. Chánh-phủ Nhật đã nhiều lần phản đối với Chánh-phủ Pháp, nhưng vì Nhật và Trung-hoa không chánh-thức tuyên chiến, nên Pháp vẫn để cho Chánh-phủ Trùng-Khánh dùng đường này.

Đầu năm 1940, tướng Tsushasi thuộc bộ Tham.mưu Nhật từ Tokyo đến Hà-nội viếng xã-giao Toàn-quyền Catroux, và tỏ ý muốn được đi xem tận chỗ các thứ vật-phẩm chuyên-chở, Catroux không chịu, Tsushasi bỏ ra về, có bộ tức giận và hăm-dọa.

Ngày 14.6.1940, Paris thất thủ. Toàn-quyền Catroux liền được cấp báo rằng Nhật-bản sắp sửa đem quân bằng hai ngả thủy-quân thì vào bờ-biển Trung-việt, lục

quân qua biên-giới Bắc-việt — để tấn-công Việt-Nam. Trong khi ấy, bộ Tham-mưu Nhật lên tiếng công-kích việc chuyên-chở vũ-kí xuyên qua Bắc-việt và đòi Pháp phải đóng cửa biên-giới

Thấy tình-thế hiêm-nghèo, ngày 16 tháng ấy, Catroux ra lệnh cấm chở él-xăng ngang qua đất Đông-dương. Nhưng chiều ngày 19, Đại-sứ và Tùy-viên quân-sự Pháp ở Nhật-bản chuyên cho Toàn-quyền Catroux lời yêu-cầu của Nhật : đóng cửa biên-giới, đình-chỉ việc chuyên-chở él-xăng, xe cam nhông và một vài thứ khí-cụ bằng đường xe lửa và đường bộ, Nhật được đặt nhân-viên kiềm-soát việc đóng cửa biên-giới ; và hạn chiều hôm sau là 20-6-1940, phải chấp thuận.

Bấy giờ ở Pháp, hiệp-ước đình-chiến chưa ký xong (25-6 mới ký), mọi cơ-quan tan rã, chính-phủ Pétain đương bận lo dời từ Bordeaux đến Vichy, nên Hanoi bị tạm đứt liên-lạc với chánh-quốc. Toàn quyền Catroux chấp thuận lời yêu-cầu của Nhật, rồi hôm sau mới báo về Bordeaux. Bộ-trưởng thuộc-dịa khiển trách Catroux đã tự ý hành-động, và ngày 25-6 ra lệnh triệu hồi Ông. Đô-đốc Decoux, Tư-lệnh hạm đội Pháp ở Thái-bình-dương, được bổ thay Catroux trên Toàn-quyền Đông-dương.

Ngày 29-6-1940, phái-doàn kiềm-soát Nhật, do tướng Nishihara cầm đầu, đến Hanoi. Ngày 2-7, nhàn-viên phái đoàn đến đóng ở Moncay, Lạng-sơn, Cao-bằng, Hà-giang, Lao-Kay và Hải-phòng.

Ngày 2-8, Đại-tá Sato, Tham-mưu-trưởng quân-dội Nhật ở Quảng-dông, đến Hanoi, đề nghị với Toàn-quyền

Decoux một sự hợp-tác quân-sự để chống chấm dứt chiến-tranh ở Tàu, và đòi được dùng các phi cảng ở Đông-dương, được chở binh-sĩ, khi giới, lương thực đi ngang qua Bắc Việt để sang Tàu, cho người Nhật ở Đông-dương được hưởng những quyền lợi về Kinh-tế y như người Pháp. Đồng thời, các điều yêu cầu ấy cũng được Chính-phủ Nhật đưa sang Chánh-phủ Pháp. Đại-diện hại Chính-phủ thương thuyết, rồi ngày 30 tháng 8 năm 1940, ở Tokyo, ký hiệp-ước gồm mấy khoản : Chánh-phủ Nhật nhìn nhận chủ-quyền của Pháp ở Đông-dương, và cam kết tôn trọng sự nguyên vẹn lãnh thổ của Đông-dương ; — nước Pháp nhìn nhận địa-vị ưu việt của Nhận-bản ở Viễn-dông, và thuận để quân đội Nhật ở Bắc-Việt hưởng một đôi điều dẽ-dai để chấm dứt cuộc xung đột ở Trung-hoa ; — một thỏa-ước quân sự sẽ do hai Bộ chỉ huy quân-đội Pháp, Nhật ký kết để ấn định thể thức thi hành hiệp-ước chính-trị.

Ngày 22-9 thỏa-ước quân-sự ký-kết, ấn định các khoản sau đây :

- 1º) Nhật được dùng 3 phi-trường ở Bắc Việt ;
- 2º) Nhật có quyền đồn trú dưới 6.000 lính ở phía bắc sông Hồng-hà ;
- 3º) Quân đội Nhật có thể đi ngang qua Bắc-Việt để đến chiến đấu ở Vân-nam, tuy nhiên tổng số binh-sĩ Nhật có mặt ở Đông-dương không khi nào được quá 25.000 người ;
- 4º) Nhật có thể chuyên-vận sư-doàn chiến-dấu ở Quảng-dông hiện đóng ở biên-giới Hoa-Việt đi ngang qua châu-thổ Bắc-Việt để xuống tàu về nước. Sự chuyên

vận quân đội này chỉ thực hiện sau khi hai bên đã thỏa thuận về chương-trình chuyen-chở.

Được báo cho diết tin thỏa-ước quân-sự đã ký, sư đoàn Nhật kia, đêm 22-9, vượt biên giới, vào đất Bắc Việt, tiến về Đồng-dăng, Na-sầm, không kể gì khoản 4 của thỏa-ước. Quân Pháp chống cự, hai bên đánh nhau trong hai ngày 23, 24. Ngày 25, tướng Mennerat chỉ huy quân đội Pháp ở Lạng-sơn treo cờ trăng đầu hàng. Cũng ngày ấy, Nhật Hoàng xuống lệnh cho Sư-đoàn Nhật định chỉ mọi sự xung đột; rồi sau khi hai bộ Tham-mưu Nhật, Pháp thỏa thuận, quân đội Nhật tiến xuống Hải-phòng đáp tàu. Ngày 5-10, Nhật trả Lạng-sơn và mấy nơi đã chiếm cứ như Thất-khé, Lộc-bình, Diêm-hệ lại cho Pháp (1) và thả các tù binh.

Lại một vụ rắc-rối khác xảy ra ở vùng Hải-phòng: theo thỏa-hiép 22-9, một toán 1.000 quân Nhật được đồ

---

(1) Cuộc thất bại của tướng Mennerat ở Lạng-sơn năm 1940 có nhiều chỗ giống với cuộc thất bại của Trung-tá Herbiner ở Lạng-sơn năm 1885, lại thêm một việc tình-cờ ngộ nghĩnh. Chúng ta còn nhớ năm 1885, tướng Négrier đánh với quân Tàu ở Đồng-dăng, thua, phải rút quân về Lạng-sơn, rồi bị thương, phải trao quyền chỉ huy cho Trung-tá Herbiner. Trung-tá vì suy nhược về thể chất lẩn tinh-thần, hoảng sợ trước những đoàn quân đông đảo của địch, đã ra lệnh quăng xuống sông tất cả hành trang và tiền bạc (120.000 đồng) của đoàn quân. Trong vụ Lạng-sơn thứ hai này, đêm 24-9, tướng Mennerat cũng ra lệnh quăng xuống sông ấy tất cả những cơ-bãm (culasse) súng. Sau khi chính quyền Pháp tái lập ở Lạng-sơn, liền sai người lặn xuống sông đi tìm các cơ-bãm thì tình cờ bắt gặp những thùng bạc của đoàn quân Négrier, đựng mấy nghìn đồng bạc Mẽ-lây-co, niên hiệu 1884, 1885. (Theo Decoux trong A la barre de l'Indochine, truong 121, 122).

bộ lên Hải-phòng ngày 23.9. Nhưng khi vụ Lạng-sơn xảy ra, Toàn-quyền Decoux tin cho tướng Nishihara hãy hoãn việc đồ bộ ấy, đợi vụ Lạng-sơn dàn xếp xong đã, Bất chấp lời của Decoux, ngày 25.9, người Nhật dùng quân-lực đồ bộ lên Đồ-sơn rồi tiến về Hải-phòng ; đêm trước tướng Nishihara đã âm thầm đòi xuồng ở một khu-trục-hạm Nhật để đề phòng mọi sự bất trắc.

Sự thất bại ở Lạng-sơn làm cho nhà cầm quyền Pháp thấy sự suy yếu của quân-dội họ sánh với quân-dội Phù-tang, và từ đó không còn nghĩ đến ý chống cự, ý ấy còn lảng-vảng trong trí một số người Pháp từ năm ngoái đến nay.

Nước Pháp thất trận, Chánh phủ Xiêm muốn thừa cơ hội gày hấn để đòi lại các đất dai ở Cao-miên và Lào mà Xiêm đã bị buộc phải nhường cho thế lực Pháp trước kia. Vả từ năm 1937, một cuộc đảo chính đã đưa ông Phibul Songram lên làm Thủ-tướng nước Xiêm, Phibul Songram đổi tên nước là Thái-lan, có ý muốn mở rộng lãnh-thổ, tập hợp các đất dai thuộc dân-tộc Thái dưới ảnh-hưởng nước mình. Để đạt mục-dích ấy, Chánh-phủ Bangkok đã kết thân với Nhật để nhờ giúp đỡ. Sau khi tỏ lời yêu cầu Pháp giao lại cho Thái-lan những đất dai trên hữu ngạn sông Mé-kong, nhưng Pháp không chịu, từ cuối tháng 9 năm 1940, Thái-lan nhờ Nhật giúp cho vỗ khí, đem quân đến khiêu khích, rồi công kích các vị trí Pháp dọc theo sông Mé-kông. Pháp đưa quân vào đối phó. Đến tháng 12 thì Thái-lan và Đông-duong chiến tranh thật sự. Ngày 16 tháng 1 năm 1941, quân Pháp đến tấn công quân Thái-lan ở Yang-Dang-Koum, bị thua to. Nhưng ngày

mai, 17.1, Hải-quân Pháp do Hải-quân Đại-tá Bérenger chỉ-huy, phá-hủy gần hết hạm-đội Thái-lan ở đảo Koh-Chang. Ba ngày sau, Chính-phủ Nhật huộc hai bên đình-chiến, và minh làm trung-gian hòa-giải. Đại-biểu Thái-lan và Pháp họp ở Tokyo, ngày 9 tháng 5 năm 1941 ký hòa-ước theo đó Đông-dương nhường cho Thái-lan ba tỉnh của Cao-mên là Battambang, Siemréap và Sisophon, một phần miền Bossac và Luang-Prabang của Lào.

Từ đầu tháng giêng năm 1941, một phái-doàn Pháp gồm các ông René Robin (cựu Toàn quyền Đông-dương) do Chính-phủ Vichy phái sang, và Jean Cousin, Giám đốc Tài-chính Đông-dương đã đến Tokyo và cùng Nhật thương-thuyết về những vấn-dề kinh-tế, tài-chính mà Nhật yêu-sách. Sau 4 tháng làm việc, ngày 6 tháng 5 năm 1941, hai bên ký một hiệp-ước rất tai hại cho nền kinh-tế Đông-dương, nó gồm hai phần như sau :

a) Thỏa-hiệp về việc kinh-doanh và hàng-hải : Người Nhật và các công-ty Nhật ở Đông-dương được làm mấy nghề, được cấp cho hầm mỏ để khai thác, đất dai để lập đồn-diền, kinh-doanh về thủy-diện các thương-thuyền Nhật đến các hải-cảng Đông-dương được hưởng quyền-lợi của tối-huệ-quốc v.v...

b) Thỏa-hiệp về chế-độ quan-thuế, về việc trao đổi thương-mãi và thề-thức thanh-toán : hàng hóa Nhật nhập-cảng được hưởng suất thuế dành cho hàng hóa của tối-huệ-quốc, một đôi thứ được giảm nhẹ hoặc miễn thuế ; loại hàng hóa và số-lượng hàng

hàng hóa trao đổi giữa Nhật và Đông-Dương mỗi năm sẽ do hai bên thương-thuyết đàm-định v.v...

Như vậy, không kể những lợi ích về quan-thuế, về hàng hải, người Nhật còn có quyền sở hữu bất động sản và hàng năm tùy theo nhu cầu của Nhật, Đông-Dương phải cung cấp các sản-vật họ cần dùng như gạo, cao-su, than đá, các loại kim-khí, nó là những nguồn lợi chính yếu của xứ này, mà đòi lấy những sản-phẩm kỹ-nghệ của họ. Ví dụ gạo, trong các năm ấy, Đông-Dương đã ký kết chịu gửi sang Nhật số lượng sau đây : năm 1941 : 700.000 tấn ; năm 1942 : 1.050.000 tấn ; năm 1943 : 950.000 tấn ; năm 1944 : 900.000 tấn. Vì Đông-Dương phải thỏa mãn những nhu-cầu về kinh-tế của Nhật, nghĩa là kinh-tế Đông-Dương phải phục-vụ cuộc chiến tranh của Nhật, nên người ta đã thấy nhiều khi ruộng phải bỏ trồng lúa để trồng những thức mà Nhật cần dùng.

Chánh-phủ Nhật - Bản trực tiếp giao-thiệp với Chánh-phủ Pháp và ngày 29-7-1941 hai bên ký hiệp-ước định rằng : quân đội Nhật-Bản từ đây được đưa đến mọi nơi trong các xứ Đông-Dương ; những căn-cứ mới sẽ giao cho Nhật ở miền nam Liên-Bang Đông-Dương, và số quân-lính đồn trú ở đây không hạn-chế ; nguyên-tắc phòng thủ chung được chấp-thuận.

Đêm 8 tháng 12, Toàn-quyền Decoux ký thỏa-ước thi-hành các khoản ấy.

Từ đó trở đi, ở Nam-kỳ cũng như Bắc, Trung-kỳ, tuy người Pháp vẫn còn giữ việc cai-trị, nhưng người Nhật mới là kẻ nắm quyền tối-cao, người Pháp trở

thành gần như kẻ trung-gian đề ra lệnh cho người Việt thỏa mãn những đòi hỏi về kinh-tế của người Nhật. Và với những nhiệm-vụ về kinh-tế, tài-chính do Hiệp-ước Tokyo 6-5-1941 ấn định với sự đài thọ số tiền chi-phí cho quân đội Nhật đồn trú ở đất mình, số ấy tính đến ngày 9-3-1945 là 730 triệu đồng bạc cho cả Đông-Dương — và sự tự-do di lại, sử dụng căn-cứ của quân-dội ấy. Việt-Nam đã biến thành một Mãn-Châu-quốc thứ hai của Nhật-Bản.

Từ ngày chiến tranh phát khởi và người Nhật can thiệp, đời sống của người Việt-Nam thật là khốn sở. Kinh-tế phải phục-vụ chiến-tranh của Nhật, gạo phải nuôi quân Nhật, xuất cảng sang Nhật, đòi món hàng ngoại hóa quen dùng như vải bô, dầu hỏa, ét-xăng, lốp xe không vào được, họ đã phải ăn thiếu thốn, mặc thiếu thốn, di lại không phương tiện, dân quê còn phải đóng góp sản-vật để cung cấp cho Nhật nữa. Thế mà vì ngân sách Đông-Dương phải đài thọ chi-phí của quân đội Nhật, tiền tệ lạm phát một cách kinh khủng, bạc giấy lưu hành tăng thêm 13 lần, từ năm 1937 đến năm 1945. Cuối năm 1937, 151.300.000\$ lưu hành, đến cuối năm 1942 có 494.300.000\$ lưu hành, và đến tháng 7 năm 1945, số bạc giấy lưu hành là 1.955.300.000\$, vật dụng đã khan hiếm càng tăng giá cao, sinh-hoạt đã khó khăn càng thêm đắt đỏ. Trong khi ấy thì những vụ oanh-tạc của phi-cơ Hoa-Kỳ thỉnh thoảng làm chết người, làm đứt đường, gây thêm sầu thảm trong lòng người và làm bẽ tắc thêm kinh-tế. Từ năm 1943, những vụ oanh-tạc của phi-cơ tăng gia, giết hại nhiều người,

nhất là ở Hà-nội, Sài-gòn, Hải-phòng, con đường xe lửa xuyên Đông-Dương dứt nhiều đoạn.

Từ tháng 10 năm 1941, viên Đặc-sứ cầm đầu phái đoàn ngoại giao Nhật, ông Yoshizawa, là một nhà ngoại giao tuổi tác, có kinh-nghiệm, nên đã làm hòa dịu bớt bọn quân nhân Nhật-bản. Nhưng sau khi quân đội Phù-tang tiếp tục thu hoạch nhiều chiến thắng lớn-lao ở Thái-bình-dương và bộ Đại Đông Á của Nhật thành lập, phe quân-nhân trẻ dắc thế, muốn chiếm ngay Đông-dương, thì những yêu sách của họ cứ tăng thêm mãi.

Sau khi quân Nhật đến, người Nhật đã đặt phòng Thông-tin ở các đô-thị lớn, lại xuất bản tạp-chí Tân-Á tuyên truyền cho chủ-trương Đại Đông-Á và thuyết « Á châu của người Á-châu », mở các lớp dạy tiếng Nhật, Hiển-binh Nhật ngầm ngầm giúp đỡ những người Việt-Nam thân Nhật, bài Pháp. Các hảng Mitsui, Mitsubishi của Nhật là những công-ty doanh nghiệp, đồng thời làm việc gián-diệp.

Tháng 7 năm 1943, tướng Matsui, nhân-viên đảng Hắc-long, Giám-đốc hội Đại Á-châu, đến Sài-gòn, và trong một cuộc hội họp báo chí, tuyên-bố ý định giải phóng các dân-tộc Á-châu khỏi ách người da trắng của Nhật-bản.

Ở Bắc, ở Nam, nhiều chính đảng, đoàn-thề tôn-giáo mưu nhò sự giúp đỡ của Nhật để chống Pháp. Ngoài hai đảng Đại-Việt dân-chính và Đại-Việt quốc-dân ở Bắc-kỳ đã nói trên kia, ở Nam-kỳ có Cao-dài, Hòa-hảo là hai giáo-phái đông tín đồ, có tổ-chức, có tinh-cách chính-trị, cũng khuynh hướng về Nhật-giáo

phái Cao-dài ra đời đã từ lâu, vốn chủ-trương suy tàn Kỳ ngoại-hầu Cường-Đề đương ở Nhật đến, có ý giúp đỡ Cao-dài nên Toàn-quyền Decoux bắt giam Hộ-pháp Phạm-công-Tắc, sau đưa đày sang Nossi-Lava (Comores) và nhiều chức sắc, đóng cửa Tòa Thánh Tây - Ninh. Giáo-phái Hòa-hảo, vì khuynh Nhật nên Chánh quyền Pháp bắt Giáo-chủ là Huỳnh-phú-Sở đem quản thúc ở Bắc - Liêu, rồi khi định đem ông đi an trí ở Lào thì lính Nhật đến giải phóng và đưa ông về Saigon. Nhờ sự giúp đỡ của Hiến-bình Nhật, hai giáo phái Cao-dài, Hòa-hảo càng thêm tín-dồ và trở thành hai lực lượng quan trọng ở Nam-kỳ.

Từ khi quân-đội Đồng-minh đồ bộ lên Bắc Phi (8-11-1942), người ta đã dự đoán sẽ đến lượt nước Pháp, và khi ấy Chánh-phủ Pétain sẽ không còn tồn tại. Theo đề-nghị của Toàn-quyền Decoux, Chánh-phủ Vichy ra đạo luật ngày 18 tháng 2 năm 1943 định rằng gấp trường-hợp Đồng-dương bị đứt liên lạc với chánh-quốc thì toàn quyền Đồng-dương sẽ được những quyền hành đặc cách để bảo tồn quyền lợi của nước Pháp ở xứ này. Ngày 6-6-1944, quân-đội Đồng-minh đồ bộ lên Normandie (Pháp), tiếp đó, ngày 15-8, lên Provence (Pháp), nên ngày 20 tháng 8, Toàn-quyền Decoux tuyên bố và thi hành đạo luật kia. Cũng ngày ấy, ở Pháp, Thống-chế Pétain bị đưa sang Đức.

Từ mùa hè năm 1943, sau những cuộc tổng phản công của quân đội Đồng-minh tại mặt trận Thái-bình dương, sự thất bại của Nhật càng ngày càng rõ rệt. Người ta đoán Hoa-kỳ sẽ cắt đứt liên-lạc giữa Nhật và miền Nam Thái-bình-dương, và sẽ chiếm lại Phi-luật.

Tân. Trong khi ấy, phe kháng chiến Pháp ở Đông-dương, trong có tướng Mordant, Tham mưu trưởng quân đội Pháp ở Đông dương vừa xin từ chức và tướng Aymé, tân tham mưu trưởng đã liên lạc được với Đại tá De Gaulle và tăng gia hoạt động để giúp Đồng minh giải phóng Đông-dương. Một toán quân của đại-tá De Gaulle đã sang đóng ở Calcutta (Ấn-Độ) để đưa người vào và thả dù vũ-kí xuống cho phe kháng chiến Pháp ở Đông-dương chống Nhật. Manille bị Hoa-kỳ tái chiếm ngày 5.2.1945. Quân đội Nhật ở Đông dương, từ mấy tháng trước, đã tập trung lại từng đoàn mạnh mẽ để phòng đối phó với những việc bất trắc.

Cuối tháng 11 năm 1944, ông Yoshizawa, viên đặc sứ ôn-hòa, bị triệu hồi, ông Matsumoto đến thay thế. Đầu 9 tháng 3 năm 1945, ở Sài-gòn, Matsumoto đến phủ Toàn quyền đưa tối hậu thư cho Toàn quyền Decoux yêu cầu đặt quân đội, cảnh sát, công-an, các cơ quan hành chánh, kinh-tế dưới quyền điều khiển của quân đội Nhật-bản, Decoux không chịu. Quân đội Nhật liền bao vây phủ Toàn-quyền. Trong đêm ấy, ở các nơi khác trên lãnh-thổ Việt-Nam, quân đội Nhật cũng đã bắt giữ các nhà chức trách văn, võ Pháp, và chiếm giữ các cơ-quan hành-chánh và quân-sự.

Sáng ngày 10 tháng 3, cờ Nhật phất-phói từ Nam-quan đến Cà-mau. Ngày ấy, Đại sứ Yokohama yết vua Bảo-Đại ở điện Kiến-trung, tuyên bố trao trả độc-lập cho nước Việt-Nam. Ngày hôm sau, vua Bảo-Đại tuyên bố hủy bỏ các hòa-ước nước Việt-Nam đã ký với nước Pháp, và nước Việt-Nam độc-lập gia-nhập khỏi Đại Đòng Á. Cuộc đỡ hộ của nước Pháp cáo chung.

## Sách, tạp-chí, văn thơ, báo, tham khảo

Đại Nam thiết-lục tiền biên  
Đại Nam thiết-lục chánh biên  
Đại Nam chánh biên liệt truyện  
Chá-viên toàn tập của Phạm-phú.Thứ  
Tây-phù nhât ký của Phạm-phú.Thứ  
Trung quốc lịch sử  
Tự phán của Phan-bội-Châu  
Histoire moderne du pays d'Annam par Maybon  
L'Empire d'Annam par Gosselin  
Histoire de la Cochinchine par P. Cultru  
Cours d'Histoire annamite par Trương-vĩnh Ký  
Le Tonkin de 1872 à 1886 par J. Dupuis  
Les origines du Tonkin par J. Dupuis  
Souvenirs d'Annam par Baille  
Souvenirs de l'Annam et du Tonkin par J. Masson  
Le Laos et le protectorat Français par Gosselin  
Histoire militaire et politique de l'Annam et du Tonkin  
Paul Bert par Dubreuil  
L'Indochine d'hier et d'aujourd'hui par B. Alberti  
Au pays d'Annam par Luro

- Nos premières années au Tonkin par P. Vial  
Lettres édifiantes de la Mission  
La geste française en Indochine par Taboulet  
Contribution à l'histoire de la nation Vietnamienne par  
Jean Chesneaux
- Histoire du Viêt-Nam de 1940 par Devillers  
à 1945
- Le Viêt-Nam . . . . . par Lê-thành-Khōi  
Quelques précisions sur une période troublée de  
l'histoire du pays d'Annam par Delvaux  
La conquête de l'Indochine par A. Thomazi  
Journal . . . . . Rheinart  
Correspondance de Henri Rivière  
Histoire ancienne et moderne de l'Annam par Launay  
L'Annam et le Tonkin par Paulin vial  
Les premières annés de la Cochinchine par Paulin vial  
Bulletin des amis du vieux Hué  
Revue indochinoise  
Việt-Nam sử-lược của Trần-trọng-Kim  
Nguyễn-trường-Tộ của Nguyễn-Lân  
Đông-kinh nghĩa-thục của Đào-trinh-Nhất  
Phan-dinh-Phùng của Đào-trinh-Nhất  
Hạnh Thục-ca của bà Nguyễn-Nhược-Thị  
Hà-thành thất-thủ ca  
Hà-thành Chính-khi ca  
Một bức thư đáng đọc của Thân-trọng-Huề  
Báo Tiếng-dân

# MỤC LỤC

## THIỀN THÚ' NHẤT

### PHÁP — VIỆT GẶP - GỞ

	Trang
<u>CHƯƠNG THỨ NHẤT.</u> — Người Âu-châu	
đến đất Việt-Nam . . . . .	9
Người Âu-châu đến đất Việt-Nam. . . . .	12
Đạo Thiên-chúa truyền vào đất Việt-Nam . . .	32
Việc giao-thiệp giữa người Việt và người Âu-châu lúc ban đầu. . . . .	46
<u>CHƯƠNG THỨ HAI.</u> — Nguyễn-phúc-Ánh —	
Bá-da-Lộc	
Đức Nguyễn-phúc-Ánh kết thân với Giám-mục	
Bá-da-Lộc — Hoàng-tử-Cảnh cầu-cứu nước	
Pháp-lan-tây . . . . .	53
Hiệp-ước Varsailles . . . . .	62
Những người Pháp giúp vua Gia-long — Việc	
giao-thiệp của vua Gia-long với nước Pháp	
và các nước Tây-dương . . . . .	73

## THIỀN THÚ' HAI

### NGUYÊN NHÂN XUNG-ĐỘT

<u>CHƯƠNG THỨ NHẤT.</u> — Vua Minh-mệnh	
đối với đạo Thiên-chúa và các nước	
Tây-dương . . . . .	83

<u>CHƯƠNG THỨ HAI.</u> — Vua Thiệu - Trị đổi với đạo Thiên-chúa và các nước Tây-dương . . . . .	94
<u>CHƯƠNG THỨ BA.</u> — Vua Tự-Đức đổi với đạo Thiên-chúa và các nước Tây-dương	103
<u>CHƯƠNG THỨ TƯ.</u> — Vì sao nước Pháp muốn chiếm nước Việt-Nam . . . . .	111

## THIỀN THÚ' BA

---

### CHIẾN, THỦ, HAY HÒA ?

<u>CHƯƠNG THỨ NHẤT.</u> — Năng-lực Việt-Nam lúc gặp cơn tai-biển.	
Dân trí nước ta dưới triều Tự-Đức . . . . .	117
Vô bị nước ta dưới triều Tự-Đức . . . . .	126
<u>CHƯƠNG THỨ HAI.</u> — Mất ba tỉnh phía đông Nam-kỳ.	
Quân Pháp và quân Y-pha-nho đánh Đà-nắng.	131
Quân Pháp và quân Y-pha-nho đánh Gia-dịnh.	136
Quân Pháp và quân Y-pha-nho đánh Đà-nắng lần thứ hai . . . . .	138
Quân ta chống đánh với quân Pháp và quân Y-pha-nho ở Gia-dịnh . . . . .	144
Quân Pháp và quân Y-pha-nho đánh lấy tỉnh Định-tường . . . . .	151
Quân Pháp và Y-pha-nho đánh lấy tỉnh Biên-hòa .	160

Quân Pháp và quân Y-Pha-Nho đánh lấy tỉnh Vĩnh-Long. . . . .	162
Hòa-Uớc Nhân-Tuất. . . . .	163
Mưu chuộc ba tỉnh phía đông Nam-Kỳ sứ-bộ Phan-Thanh-Giản. . . . .	173
<b>CHƯƠNG THỨ BA.— Mất ba tỉnh phía Tây Nam-Kỳ.</b>	
Quân Pháp lấy Vĩnh-Long, An-Giang, Hà- Tiên. . . . .	180
<b>CHƯƠNG THỨ TƯ.— Quân Nghĩa dông ở Nam-Kỳ. . . . .</b>	188
<b>CHƯƠNG THỨ NĂM.— Người Pháp tồ- chức cai-trị ở Nam-Kỳ. . . . .</b>	195
<b>CHƯƠNG THỨ SÁU.— Người Pháp mưu bành trướng thế-lực ra ở Bắc-Kỳ.</b>	
Jean Dupuis gây việc ở Bắc-Kỳ. . . . .	199
Đại-úy Francis Garnier ra Hanoi, Hanoi thất thủ lần thứ nhất . . . . .	204
Quân Pháp lấy các tỉnh Hải-Dương, Ninh-Bình, Nam-Định. . . . .	215
Đại-úy Francis Garnier bị giết, Philastre trả lại 4 tỉnh Bắc-Kỳ. . . . .	220
Hòa-Uớc Giáp-Tuất, Thương-Uớc Giáp-Tuất.	226
<b>CHƯƠNG THỨ BẢY.— Cách triều-dìn ta chống-chẽ với sự bành-trướng của người Pháp.</b>	
Cầu viện nước Tàu. . . . .	248
Dùng quân Cờ-Đen . . . . .	250

Bất - hòa trong việc giao - thiệp với Pháp, cầu thân với các nước Âu - Châu khác. . . . .	252
--	-----

## CHƯƠNG THỨ TÁM. — Người Pháp lập cuộc bảo-hộ ở Trung Bắc-Kỳ.

Chủ-trương xâm-lược hòa-bình của Le Myre de Villers . . . . .	262
Đại - Tá Henri Rivière ra Hà-nội, Hà-nội thất- thủ lần thứ hai. . . . .	265
Nước Tàu đem quân vào Bắc - Kỳ can - thiệp, Tàu và Pháp tính chia đôi xứ Bắc-Kỳ . . . . .	276
Henri Rivière lấy Hongay và Nam-Định . . . . .	280
Henri Rivière tử trận, Thủ-tướng Jules Ferry quyết chiếm Bắc-Kỳ. . . . .	285
Cửa Thuận - An thất-thủ, Hòa-Uớc Quý - Mùi.	290
Sự bắt phục Hòa-Uớc của Triều-dình và quan chức. Các việc phế lập . . . . .	299
Quân Pháp đánh dẹp ở Bắc-Kỳ . . . . .	307
Hòa-Uớc Giáp-Thân . . . . .	317

## CHƯƠNG THỨ CHÍN. — Nước Tàu và nước Pháp chiến-tranh vì việc Bắc- Kỳ.

Quân Tàu đánh bại quân Pháp ở Bắc-Lệ. . . . .	324
Quân Pháp đánh Phúc-Châu và phong tỏa Đài- Loan . . . . .	327
Quân Pháp lấy thành Lạng-Sơn . . . . .	329
Quân Tàu vây thành Tuyên-Quang, quân Pháp giải vây . . . . .	330
Quân Tàu lấy lại thành Lạng - Sơn. . . . .	331
Nội-các Jules Ferry đồ vì việc Bắc-Kỳ . . . . .	332
Trung-Pháp hòa-ước Thiên-Tân . . . . .	334

CHƯƠNG THỨ MƯỜI.— Phản-động-lực của  
Vua, quan, sĩ-phu Việt-Nam sau khi  
cuộc bảo-hộ thành-lập.

Đại-Tá Guerrier tấn-phong cho vua Hàm-Nghi..	339
Việt-Pháp giao-thiệp sau hòa-ước Giáp-Thân..	341
Tướng Roussel de Coucy bồ làm Thống - Đốc quân-vụ kiêm Tòng-Thống Toàn-quyền, kinh- thành thất-thủ. . . . .	345
Vua Hàm-Nghi xuất-bôn. . . . .	351
Văn thân khởi-nghĩa — Phong-trào Cần-Vương.	360

## THIÊN THÚ' TU'

---

### HÒA - HẢO

CHƯƠNG THỨ NHẤT.— Đồng-Khánh Paul-Bert.

Vua Đồng - Khánh lên ngôi. Ông Paul-Bert bồ làm Tòng-Thống Trú-Sứ. . . . .	365
Việt-Pháp giao-thiệp dưới triều Đồng-Khánh.	369

CHƯƠNG THỨ HAI.— Công việc bình-định.

Việc đánh dẹp các nơi và đuổi theo vua Hàm- Nghi. . . . .	375
Vua Hàm-Nghi bị bắt. . . . .	388
Những hoạt-động sau cùng của đảng Cần-Vương. Phan-định-Phùng, Hoàng-hoa-Thám . . . .	393

CHƯƠNG THỨ BA.— Người Pháp tổ chức  
cuộc bảo-hộ ở Trung, Bắc-Kỳ . . . .

# THIỀN THÚ' NĂM

## VIỆT-NAM TRONG THỜI PHÁP-THUỘC

Trang

<u>CHƯƠNG THỨ NHẤT.</u> — Chánh sách và những thực-hiện của Pháp trải qua các Toàn-quyền. . . . .	403
<u>CHƯƠNG THỨ NHÌ.</u> — Sinh hoạt Kinh-Tế. . . . .	423
<u>CHƯƠNG THỨ BA.</u> — Giáo-đức — Văn-Hóa. . . . .	432
<u>CHƯƠNG THỨ TƯ.</u> — Tình trạng Xã-Hội. . . . .	439
<u>CHƯƠNG THỨ NĂM.</u> — Tranh đấu giải- phóng . . . . .	449
— Phong trào Duy-Tân Phan-Chu-Trinh, Đông- Kinh Nghĩa-Thục. . . . .	457
— Mấy cuộc mưu toan bằng binh-cách. . . . .	460
— Cuộc khởi-nghĩa Thái-Nguyên. . . . .	463
— Cuộc khởi-nghĩa Yên-Báy. . . . .	464
— Các đảng Cách-Mạng, chính-trị khác. . . . .	466
<u>CHƯƠNG THỨ SÁU.</u> — Nhật can thiệp. Cuộc đảo chính 9.3.45. . . . .	477



---

**VIỆT-NAM PHÁP THUỘC SỬ**  
**CỦA PHAN-KHOANG BIÊN-SOẠN**  
**DO NHÀ KHAI-TRÍ XUẤT-BẢN, IN TẠI**  
**NHÀ IN RIÊNG CỦA NHÀ XUẤT - BẢN**  
**GIẤY PHÉP SỐ : 2411/XB. DO ỦY BAN**  
**KIỂM-DUYỆT CẤP NGÀY 26 - 11 - 1960**

---

# SÁCH SỬ - HỌC

BÁN TẠI NHÀ SÁCH KHAI - TRÍ 62, LÊ-LỢI SAIGON

## PHẠM - VĂN - SƠN

— VIỆT-SỬ TÂN - BIÊN I	Thượng và Trung Cồ thời-đại	120 \$
—	II Trần, Lê thời-đại	100 —
—	III Nam-Bắc phân tranh thời-đại	100 —
— VIỆT-SỬ TOÀN BIÊN (Từ Thượng Cồ đến hiện-đại)		150 —
— VIỆT-NAM TRANH ĐẤU SỬ		100 —

## PHẠM - KHOANG

— VIỆT-NAM PHÁP THUỘC SỬ		100 —
— TRUNG-QUỐC SỬ LƯỢC		120 —

## TRẦN - TRỌNG - KIM

— VIỆT-NAM SỬ LƯỢC		180 —
--------------------	--	-------

## ĐÀO - DUY - ANH

— VIỆT-NAM VĂN HÓA SỬ CƯƠNG		77 —
— TRUNG-HOA SỬ CƯƠNG		65 —

## NGUYỄN - HIẾN - LÊ

— ĐẠI-CƯƠNG VĂN-HỌC-SỬ TRUNG-QUỐC (3 quyển)		
— LỊCH-SỬ THẾ-GIỚI (4 quyển)		154 —

## NGUYỄN - ĐĂNG - THỰC

— LỊCH-SỬ TRIẾT-HỌC ĐÔNG-PHƯƠNG (3 quyển)		300 —
---	--	-------

## TRÁNG - LIỆT

— CUỘC ĐỜI CÁCH-MẠNG CƯỜNG-ĐỀ		20 —
-------------------------------	--	------

## NGUYỄN-DUY-HINH

NÃ - PHÁ - LUẬN		49 —
-----------------	--	------

HOÀNG-HOA-THÁM		50 —
----------------	--	------

## HOA-BẮNG

— QUANG-TRUNG		58 —
---------------	--	------

## CHASSIN

— LỊCH-SỬ THẾ-GIỚI ĐẠI-CHIẾN THỨ HAI		230 —
--------------------------------------	--	-------

GIÁ : 45